ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 97 /2026/QĐ-UBND	*Cần Thơ, ngày 14 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn thành phố Cần Thơ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi các Luật số 43/2024/QH15, số 47/2024/QH15, số 58/2024/QH15, số 71/2025/QH15, số 84/2025/QH15, số 93/2025/QH15, số 95/2025/QH15, số 146/2025/QH15 và số 147/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 41/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ quy định bảng giá đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ quy định mức tối đa, mức tối thiểu của hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường về giá đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số

254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan có chức năng quản lý đất đai; cơ quan có chức năng xây dựng, sửa đổi, bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất; cơ quan có chức năng thẩm định hệ số điều chỉnh giá đất.

2. Tổ chức tư vấn xác định giá đất, cá nhân hành nghề tư vấn xác định giá đất.

3. Người sử dụng đất, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Hệ số điều chỉnh giá đất

Hệ số điều chỉnh giá đất bao gồm hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường, hệ số điều chỉnh theo quy hoạch và hệ số điều chỉnh theo các yếu tố khác ảnh hưởng đến giá đất, được xác định theo công thức:

$K = K_1 \times K_2 \times K_3$.

Trong đó:

K là hệ số điều chỉnh giá đất;

K_1 là hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường;

K_2 là hệ số điều chỉnh theo quy hoạch;

K_3 là hệ số điều chỉnh theo yếu tố khác ảnh hưởng đến giá đất.

1. Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường xác định theo từng loại đất, vị trí đất được ban hành và quy định tại Nghị quyết số 41/2025/NQ-HĐND quy định bảng giá đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ, được quy định tại các Phụ lục I, II, III, IV, V và VI ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Hệ số điều chỉnh theo quy hoạch được xác định theo từng loại đất và theo hệ số sử dụng đất. Hệ số sử dụng đất được xác định theo quy định của pháp luật về xây dựng.

a) Trường hợp tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 5 của Nghị quyết số 254/2025/QH15, hệ số điều chỉnh theo quy hoạch: $K_2 = 1,00$.

b) Hệ số sử dụng đất $\leq 1,50$ hoặc chưa có quy hoạch được phê duyệt để xác định hệ số sử dụng đất, hệ số điều chỉnh theo quy hoạch: $K_2 = 1,00$.

c) Hệ số sử dụng đất từ trên 1,50 đến 3,00: $K_2 = 1,025$.

d) Hệ số sử dụng đất từ trên 3,00 đến 5,00: $K_2 = 1,050$.

đ) Hệ số sử dụng đất từ trên 5,00 đến 7,00: $K_2 = 1,075$.

e) Hệ số sử dụng đất từ trên 7,00: $K_2 = 1,100$.

3. Hệ số điều chỉnh theo yếu tố khác ảnh hưởng đến giá đất được xác định: $K_3 = 1,00$.

4. Hệ số điều chỉnh giá đất: K = 1,00, áp dụng các trường hợp sau:

a) Đối với đất rừng sản xuất, đất làm muối, đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đất trong khu công nghệ cao.

b) Trường hợp tính tiền sử dụng đất tại nơi tái định cư theo quy định tại khoản 6 Điều 3 của Nghị quyết số 254/2025/QH15.

c) Vị trí đất quy định tại khoản 4 Điều 4 và khoản 4 Điều 5 của Nghị quyết số 41/2025/NQ-HĐND.

d) Các trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản này thì không áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất K_1, K_2, K_3 được quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

5. Trường hợp sửa đổi, bổ sung bảng giá đất theo quy định tại điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 6 của Nghị định số 49/2026/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai sau ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì: $K_1 = 1,00$, $K_3 = 1,00$. Riêng đối với K_2 thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 4. Hệ số điều chỉnh giá đất các loại đất khác

Đối với các loại đất chưa ban hành hệ số điều chỉnh giá đất tại Quyết định này thì hệ số điều chỉnh giá đất bằng với hệ số điều chỉnh giá đất của loại đất được áp dụng để xác định giá đất đối với từng loại đất quy định tại Điều 7 của Nghị quyết số 41/2025/NQ-HĐND.

Điều 5. Quy định chuyển tiếp về hệ số điều chỉnh giá đất

1. Đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất đã được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành quyết định giá đất cụ thể hoặc thông báo nộp tiền thuê đất trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quyết định giá đất cụ thể đã ban hành.

2. Đối với trường hợp dự án đang thực hiện công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư mà cơ quan, người có thẩm quyền chưa ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

a) Đối với toàn bộ phần diện tích dự án đã ban hành quyết định phê duyệt giá đất cụ thể hoặc đã có văn bản thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể, thì cơ quan, người có thẩm quyền tiếp tục thực hiện theo quyết định đã phê duyệt hoặc văn bản thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể.

b) Đối với dự án còn một phần diện tích chưa ban hành quyết định phê duyệt giá đất cụ thể hoặc chưa có văn bản thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể, thì cơ quan, người có thẩm quyền quyết định lựa chọn một trong hai quy định sau:

Tiếp tục thực hiện xác định, phê duyệt giá đất cụ thể theo quy định của Luật Đất đai số 31/2024/QH15 và Nghị định số 71/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 151/2025/NĐ-CP, Nghị định số 226/2025/NĐ-CP).

Áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất theo quy định tại Quyết định này.

c) Đối với trường hợp chưa thực hiện xác định giá đất cụ thể thì thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

3. Trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã phê duyệt; trường hợp chưa có quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất theo quy định tại Quyết định này.

4. Trường hợp được Ủy ban nhân dân thành phố quyết định lựa chọn áp dụng một trong các quy định của pháp luật quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP để phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì thực hiện xác định giá đất theo quy định pháp luật tại thời điểm được lựa chọn.

5. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã tiếp nhận hồ sơ hợp lệ theo quy định của pháp luật của người sử dụng đất trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành, hệ số điều chỉnh giá đất để xác định nghĩa vụ tài chính, thuế và các khoản thu ngân sách từ đất đai được tiếp tục thực hiện theo quy định tại thời điểm nộp hồ sơ hợp lệ, trừ các trường hợp pháp luật về đất đai đã quy định cụ thể về thời điểm tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tại khoản 3 Điều 111 và khoản 3 Điều 155 Luật Đất đai số 31/2024/QH15.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày…24… tháng 10 năm 2026.

2. Quyết định số 62/2026/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn thành phố Cần Thơ hết hiệu lực từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản được viện dẫn để áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm phối hợp các sở, ngành và đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, phường để rà soát, tham mưu trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung Quyết định quy định hệ số điều chỉnh giá đất (nếu có) theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật, bảo đảm phù hợp tình hình thực tế về giá đất trên địa bàn thành phố; báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo, giải quyết các khó khăn, vướng mắc (nếu có) theo quy định.

3. Sở Xây dựng, Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ và Ủy ban nhân dân các xã, phường có trách nhiệm rà soát, cung cấp các quy hoạch đã được phê duyệt còn hiệu lực cho cơ quan quản lý đất đai các cấp, Văn phòng Đăng ký đất đai để thực hiện xác định giá đất theo Quyết định này. Định kỳ, thường xuyên rà soát, cập nhật và báo cáo khó khăn, vướng mắc để gửi cho cơ quan quản lý đất đai các cấp, Văn phòng Đăng ký đất đai theo quy định.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Tài chính; Trưởng Thuế thành phố; Thủ trưởng sở, cơ quan, ban, ngành; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- VP. Chính phủ (HN, TP.HCM);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Thuế;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB và TCTHPL);
- TT Thành ủy, TT HĐND TP;
- CT và các PCT UBND TP;
- UBMTTQVN và các Đoàn thể thành phố;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- Các Sở, cơ quan, ban ngành TP;
- Thuế thành phố;
- Trung tâm Phát triển quỹ đất TP;
- Văn phòng Đăng ký đất đai TP;
- UBND xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Cần Thơ;
- Công báo thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- VP UBND TP (3BD);
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Trần Chí Hùng

Phụ lục I

HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH MỨC BIẾN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG ĐỐI VỚI ĐẤT TRỒNG CÂY HẰNG NĂM GỒM ĐẤT TRỒNG LÚA VÀ ĐẤT TRỒNG CÂY HẰNG NĂM KHÁC; ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

Đơn vị tính: lần

Số TT	Nội dung	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (K_1)	
		VT1	VT2
1	Phường Ninh Kiều	2,60	1,60
2	Phường Cái Khế	2,60	1,60
3	Phường Tân An	2,60	1,60
4	Phường An Bình	2,60	1,60
5	Phường Bình Thủy	2,60	1,60
6	Phường Long Tuyền	2,60	1,60
7	Phường Thới An Đông	2,60	1,60
8	Phường Cái Răng	2,60	1,60
9	Phường Hưng Phú	2,60	1,60
10	Phường Ô Môn	2,60	1,60
11	Phường Phước Thới	2,60	1,60
12	Phường Thới Long	2,60	1,60
13	Phường Trung Nhứt	2,60	1,60
14	Phường Thuận Hưng	2,60	1,60
15	Phường Thốt Nốt	2,60	1,60
16	Phường Tân Lộc	2,60	1,60
17	Phường Phú Lợi	2,00	1,55
18	Phường Sóc Trăng	2,00	1,55
19	Phường Mỹ Xuyên	1,95	1,50
20	Phường Ngã Năm	1,95	1,50
21	Phường Mỹ Quới	1,95	1,50
22	Phường Khánh Hòa	1,95	1,50
23	Phường Vĩnh Châu	1,95	1,50
24	Phường Vĩnh Phước	1,95	1,50
25	Phường Vị Thanh	2,00	1,55
26	Phường Vị Tân	2,00	1,55
27	Phường Long Bình	1,80	1,50

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Đơn vị tính: lần

Số TT	Nội dung	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (K_1)	
		VT1	VT2
28	Phường Long Mỹ	1,80	1,50
29	Phường Long Phú 1	1,50	1,20
30	Phường Đại Thành	2,00	1,55
31	Phường Ngã Bảy	2,00	1,55
32	Xã Phong Điền	2,00	1,55
33	Xã Nhơn Ái	2,00	1,55
34	Xã Trường Long	2,00	1,55
35	Xã Thới Lai	1,83	1,50
36	Xã Đông Thuận	1,50	1,30
37	Xã Trường Xuân	1,50	1,30
38	Xã Trường Thành	1,83	1,50
39	Xã Cờ Đỏ	1,83	1,50
40	Xã Đông Hiệp	1,50	1,30
41	Xã Trung Hưng	1,50	1,30
42	Xã Thạnh Phú	1,50	1,30
43	Xã Thới Hưng	1,50	1,30
44	Xã Vĩnh Thạnh	1,50	1,30
45	Xã Vĩnh Trinh	1,50	1,30
46	Xã Thạnh An	1,50	1,30
47	Xã Thạnh Quới	1,50	1,30
48	Xã Hòa Tú	1,50	1,30
49	Xã Gia Hòa	1,50	1,30
50	Xã Nhu Gia	1,50	1,30
51	Xã Ngọc Tố	1,50	1,30
52	Xã Trường Khánh	1,50	1,30
53	Xã Đại Ngãi	1,50	1,30
54	Xã Tân Thạnh	1,50	1,30
55	Xã Long Phú	1,50	1,30
56	Xã Nhơn Mỹ	1,50	1,30
57	Xã An Lạc Thôn	1,50	1,30
58	Xã Kế Sách	1,50	1,30
59	Xã Thới An Hội	1,50	1,30
60	Xã Đại Hải	1,50	1,30

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Đơn vị tính: lần

Số TT	Nội dung	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (K_1)	
		VT1	VT2
61	Xã Phú Tâm	1,50	1,30
62	Xã An Ninh	1,50	1,30
63	Xã Thuận Hòa	1,50	1,30
64	Xã Hồ Đắc Kiện	1,50	1,30
65	Xã Mỹ Tú	1,50	1,30
66	Xã Long Hưng	1,50	1,30
67	Xã Mỹ Hương	1,50	1,30
68	Xã Tân Long	1,50	1,30
69	Xã Phú Lộc	1,50	1,30
70	Xã Vĩnh Lợi	1,50	1,30
71	Xã Lâm Tân	1,50	1,30
72	Xã Thạnh Thới An	1,50	1,30
73	Xã Tài Văn	1,50	1,30
74	Xã Liêu Tú	1,50	1,30
75	Xã Lịch Hội Thượng	1,50	1,30
76	Xã Trần Đề	1,50	1,30
77	Xã An Thạnh	1,50	1,30
78	Xã Cù Lao Dung	1,50	1,30
79	Xã Phong Nẫm	1,50	1,30
80	Xã Mỹ Phước	1,50	1,30
81	Xã Lai Hòa	1,50	1,30
82	Xã Vĩnh Hải	1,50	1,30
83	Xã Hỏa Lựu	1,50	1,30
84	Xã Vị Thủy	1,50	1,30
85	Xã Vĩnh Thuận Đông	1,50	1,30
86	Xã Vị Thanh 1	1,50	1,30
87	Xã Vĩnh Tường	1,50	1,30
88	Xã Vĩnh Viễn	1,50	1,30
89	Xã Xà Phiên	1,50	1,30
90	Xã Lương Tâm	1,50	1,30
91	Xã Thạnh Xuân	1,50	1,30
92	Xã Tân Hòa	1,50	1,30
93	Xã Trường Long Tây	1,50	1,30

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Đơn vị tính: lần

Số TT	Nội dung	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (K_1)	
		VT1	VT2
94	Xã Châu Thành	2,20	1,55
95	Xã Đông Phước	1,80	1,50
96	Xã Phú Hữu	1,80	1,50
97	Xã Tân Bình	1,50	1,30
98	Xã Hòa An	1,50	1,30
99	Xã Phương Bình	1,50	1,30
100	Xã Tân Phước Hưng	1,50	1,30
101	Xã Hiệp Hưng	1,50	1,30
102	Xã Phụng Hiệp	1,50	1,30
103	Xã Thạnh Hòa	1,50	1,30

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Phụ lục II

HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH MỨC BIẾN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG ĐỐI VỚI ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

Đơn vị tính: lần

Số TT	Nội dung	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (K_1)	
		VT1	VT2
1	Phường Ninh Kiều	2,60	1,60
2	Phường Cái Khế	2,60	1,60
3	Phường Tân An	2,60	1,60
4	Phường An Bình	2,60	1,60
5	Phường Bình Thủy	2,60	1,60
6	Phường Long Tuyền	2,60	1,60
7	Phường Thới An Đông	2,60	1,60
8	Phường Cái Răng	2,60	1,60
9	Phường Hưng Phú	2,60	1,60
10	Phường Ô Môn	2,60	1,60
11	Phường Phước Thới	2,60	1,60
12	Phường Thới Long	2,60	1,60
13	Phường Trung Nhứt	2,60	1,60
14	Phường Thuận Hưng	2,60	1,60
15	Phường Thốt Nốt	2,60	1,60
16	Phường Tân Lộc	2,60	1,60
17	Phường Phú Lợi	2,20	1,60
18	Phường Sóc Trăng	2,20	1,60
19	Phường Mỹ Xuyên	2,15	1,60
20	Phường Ngã Năm	2,15	1,60
21	Phường Mỹ Quới	2,15	1,60
22	Phường Khánh Hòa	2,15	1,60
23	Phường Vĩnh Châu	2,15	1,60
24	Phường Vĩnh Phước	2,15	1,60
25	Phường Vị Thanh	2,20	1,60
26	Phường Vị Tân	2,20	1,60
27	Phường Long Bình	1,98	1,60
28	Phường Long Mỹ	1,98	1,60
29	Phường Long Phú 1	1,65	1,32
30	Phường Đại Thành	2,20	1,60
31	Phường Ngã Bảy	2,20	1,60

Đơn vị tính: lần

Số TT	Nội dung	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (K_1)	
		VT1	VT2
32	Xã Phong Điền	2,20	1,60
33	Xã Nhơn Ái	2,20	1,60
34	Xã Trường Long	2,20	1,60
35	Xã Thới Lai	2,02	1,60
36	Xã Đông Thuận	1,65	1,43
37	Xã Trường Xuân	1,65	1,43
38	Xã Trường Thành	2,02	1,60
39	Xã Cờ Đỏ	2,02	1,60
40	Xã Đông Hiệp	1,65	1,43
41	Xã Trung Hưng	1,65	1,43
42	Xã Thạnh Phú	1,65	1,43
43	Xã Thới Hưng	1,65	1,43
44	Xã Vĩnh Thạnh	1,65	1,43
45	Xã Vĩnh Trinh	1,65	1,43
46	Xã Thạnh An	1,65	1,43
47	Xã Thạnh Quới	1,65	1,43
48	Xã Hòa Tú	1,65	1,43
49	Xã Gia Hòa	1,65	1,43
50	Xã Nhu Gia	1,65	1,43
51	Xã Ngọc Tố	1,65	1,43
52	Xã Trường Khánh	1,65	1,43
53	Xã Đại Ngãi	1,65	1,43
54	Xã Tân Thạnh	1,65	1,43
55	Xã Long Phú	1,65	1,43
56	Xã Nhơn Mỹ	1,65	1,43
57	Xã An Lạc Thôn	1,65	1,43
58	Xã Kế Sách	1,65	1,43
59	Xã Thới An Hội	1,65	1,43
60	Xã Đại Hải	1,65	1,43
61	Xã Phú Tâm	1,65	1,43
62	Xã An Ninh	1,65	1,43
63	Xã Thuận Hòa	1,65	1,43
64	Xã Hồ Đắc Kiện	1,65	1,43

Đơn vị tính: lần

Số TT	Nội dung	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (K_1)	
		VT1	VT2
65	Xã Mỹ Tú	1,65	1,43
66	Xã Long Hưng	1,65	1,43
67	Xã Mỹ Hương	1,65	1,43
68	Xã Tân Long	1,65	1,43
69	Xã Phú Lộc	1,65	1,43
70	Xã Vĩnh Lợi	1,65	1,43
71	Xã Lâm Tân	1,65	1,43
72	Xã Thạnh Thới An	1,65	1,43
73	Xã Tài Văn	1,65	1,43
74	Xã Liêu Tú	1,65	1,43
75	Xã Lịch Hội Thượng	1,65	1,43
76	Xã Trần Đề	1,65	1,43
77	Xã An Thạnh	1,65	1,43
78	Xã Cù Lao Dung	1,65	1,43
79	Xã Phong Nẫm	1,65	1,43
80	Xã Mỹ Phước	1,65	1,43
81	Xã Lai Hòa	1,65	1,43
82	Xã Vĩnh Hải	1,65	1,43
83	Xã Hỏa Lựu	1,65	1,43
84	Xã Vị Thủy	1,65	1,43
85	Xã Vĩnh Thuận Đông	1,65	1,43
86	Xã Vị Thanh 1	1,65	1,43
87	Xã Vĩnh Tường	1,65	1,43
88	Xã Vĩnh Viễn	1,65	1,43
89	Xã Xà Phiên	1,65	1,43
90	Xã Lương Tâm	1,65	1,43
91	Xã Thạnh Xuân	1,65	1,43
92	Xã Tân Hòa	1,65	1,43
93	Xã Trường Long Tây	1,65	1,43
94	Xã Châu Thành	2,42	1,60
95	Xã Đông Phước	1,98	1,60
96	Xã Phú Hữu	1,98	1,60
97	Xã Tân Bình	1,65	1,43

Đơn vị tính: lần

Số TT	Nội dung	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (K_1)	
		VT1	VT2
98	Xã Hòa An	1,65	1,43
99	Xã Phương Bình	1,65	1,43
100	Xã Tân Phước Hưng	1,65	1,43
101	Xã Hiệp Hưng	1,65	1,43
102	Xã Phụng Hiệp	1,65	1,43
103	Xã Thạnh Hòa	1,65	1,43

Phụ lục III

HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH MỨC BIẾN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG ĐỐI VỚI ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
1	**Xã Phong Điền**			
1.1	Các Trục hành chính Trung tâm huyện Phong Điền	Trục số 4, 5, 8, 10, 14 Khu dân cư Thương mại, dịch vụ thị trấn (cũ)		1,12
		Trục Đường số 12		1,12
1.2	Đường Chiêm Thành Tấn (Trục số 7, Khu Trung tâm Thương mại - Hành chính huyện - nay là xã Phong Điền)	Đường tỉnh 923 (mới)	Đường Trương Duy Toản	1,12
1.3	Đường Trương Duy Toản	Đường Chiêm Thành Tấn	Trục số 4 (Khu Trung tâm Thương mại - Hành chính huyện - nay là xã Phong Điền)	1,12
1.4	Đường vào Khu mộ cụ Phan Văn Trị	Lộ Vòng Cung	Cầu Cái Tắc	1,12
		Cầu Cái Tắc	Hết ranh đất Khu mộ cụ Phan Văn Trị	1,12
		Ranh đất Khu mộ cụ Phan Văn Trị	Rạch Tre	1,12
1.5	Khu Trung tâm Thương mại huyện Phong Điền (nay là xã Phong Điền)	Trục chính		1,10
		Trục phụ		1,10
1.6	Lộ Vòng Cung (Đường tỉnh 923 cũ)	Giáp ranh phường An Bình	Cầu Trà Niền	1,11
		Cầu Trà Niền	Cầu Tây Đô	1,10
		Cầu Tây Đô	Cống Rạch Bần	1,11
		Cống Rạch Bần	Cầu Rạch Miếu	1,11
		Cầu Rạch Miếu	Giáp ranh phường Phước Thới	1,11
1.7	Đường Nguyễn Thái Bình	Lộ Vòng Cung (Đường tỉnh 923 cũ)	Đường tỉnh 923 (mới)	1,08
1.8	Đường Nguyễn Văn Cừ nối dài	Giáp ranh phường An Bình	Cầu Trà Niền (Đường tỉnh 923 mới)	1,10
		Cầu Trà Niền	Đường tỉnh 923 (mới)	1,10
1.9	Đường Phan Văn Trị (Trục số 2, Khu Trung tâm Thương mại - Hành chính huyện Phong Điền - nay là xã Phong Điền)	Lộ Vòng Cung (Đường tỉnh 923 cũ)	Đường Chiêm Thành Tấn	1,10
		Đường Chiêm Thành Tấn	Hết ranh Trung tâm Y tế dự phòng huyện Phong Điền (cũ)	1,10
1.10	Trục Đường số 26 và khu vực Đình Thần Nhơn Ái và các hẻm	Trục Đường số 26 và khu vực Đình Thần Nhơn Ái		1,10
		Các hẻm		1,10

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
1.11	Tuyến Đường nối từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Cầu Tây Đô	Đường Nguyễn Văn Cừ	Cầu Tây Đô	1,10
1.12	Đường vào Trường THPT Phan Văn Trị	Đường Nguyễn Văn Cừ nối dài	Trường THPT Phan Văn Trị	1,12
1.13	Tuyến Đường dẫn Cầu Vàm Xáng	Đường Nguyễn Văn Cừ nối dài	Lộ Vòng Cung (Đường tỉnh 923 cũ)	1,13
1.14	Đường tỉnh 918 (Hương lộ 28)	Lộ Vòng Cung (Đường tỉnh 923 cũ)	Giáp ranh phường Long Tuyền	1,40
		Cầu Xẻo Tre	Đường tỉnh 918 nâng cấp	1,40
1.15	Khu dân cư xã Tân Thới (cũ)	Cả khu		1,12
1.16	Tuyến Đường Cầu Nhiếm - Trường Thành	Cầu Nhiếm	Giáp ranh xã Trường Thành	1,12
1.17	Tuyến Đường Đê KH9 (Đường cấp 5 đồng bằng)	Giáp ranh phường Phước Thới	Tuyến Đường Cầu Nhiếm - Trường Thành	1,12
		Tuyến Đường Cầu Nhiếm - Trường Thành	Giáp ranh xã Nhơn Ái	1,12
1.18	Đường đi quanh Nhà khách Thành ủy	Lộ Vòng Cung (Đường tỉnh 923 cũ)	Hết ranh Nhà khách Thành ủy	1,12
1.19	Đường vào Trung tâm dạy nghề	Lộ Vòng Cung (Đường tỉnh 923 cũ)	Hết ranh Trung tâm dạy nghề	1,12
1.20	Đường Điêu Huyền (Trục đường 13, Khu Trung tâm Thương mại - Hành chính huyện Phong Điền - nay là xã Phong Điền)	Đường số 12	Đường Nguyễn Thái Bình	1,21
2	**Xã Nhơn Ái**			
2.1	Quốc lộ 61C	Giáp ranh phường Cái Răng	Cầu So Đũa	1,08
		Cầu So Đũa	Giáp ranh xã Tân Hòa	1,08
2.2	Đường tỉnh 926	Cầu Tây Đô	Cầu Cây Cẩm - Nhơn Ái	1,19
		Cầu Cây Cẩm - Nhơn Ái	Giáp ranh xã Trường Long	1,19
2.3	Đường tỉnh 932	Trường Trung học Nhơn Nghĩa	Ngã ba Trung tâm xã Nhơn Nghĩa (cũ)	1,12
		Khu tái định cư xã Nhơn Nghĩa (cũ)	Giáp ranh xã Tân Hòa	1,12
		Đường tỉnh 932	Giáp Khu tái định cư xã Nhơn Nghĩa (cũ)	1,12
2.4	Tuyến Đường Đê bao bảo vệ vườn cây ăn trái xã Nhơn Ái	Suốt tuyến		1,19
2.5	Tuyến Đường Đê KH9 (Đường cấp 5 đồng bằng)	Giáp ranh xã Phong Điền	Đường đầu nối cầu Tây Đô	1,12
		Đường tỉnh 926	Giáp ranh xã Tân Hòa	1,19

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
2.6	Tuyến Đường Nhơn Ái - Trường Long	Cống KH9	Giáp ranh xã Trường Long	1,19
2.7	Tuyến Đường dẫn Cầu Vàm Xáng đến Quốc lộ 61C	Giáp ranh phường An Bình (Cầu Vàm Xáng)	Quốc lộ 61C	1,12
		Ngã ba Đường dẫn Cầu Vàm Xáng	Đường tỉnh 932	1,12
2.8	Đường dẫn Cầu Tây Đô xã Nhơn Ái	Suốt tuyến		1,12
2.9	Đường Vàm Xáng - Ba Láng	Suốt tuyến		1,12
2.10	Đường vào Khu di tích lịch sử Giàn Gừa	Suốt tuyến		1,19
2.11	Khu tái định cư 7,24 ha xã Nhơn Nghĩa (cũ)	Trục chính (Đường số 01), Đường tỉnh 932		1,09
		Trục phụ (Các Trục Đường số 2, 3, 4, 5 và 6)		1,09
2.12	Khu tái định cư xã Nhơn Ái	Cả khu		1,12
2.13	Khu vực chợ Vàm Xáng	UBND xã Nhơn Nghĩa (cũ)	Đường tỉnh 932	1,12
3	**Xã Trường Long**			
3.1	Đường tỉnh 926	Cầu Mương Cao	Cầu Kinh Tắc	1,19
		Cầu Kinh Tắc	Cầu Ba Chu	1,19
		Cầu Càng Đước	Kênh Một Ngàn	1,19
3.2	Khu dân cư vượt lũ xã Trường Long (Ấp Trường Thuận)	Cả khu		1,12
3.3	Khu dân cư vượt lũ xã Trường Long (Ấp Trường Hòa)	Cả khu		1,12
3.4	Khu dân cư thương mại xã Trường Long (Giáp Đường tỉnh 926, xã Trường Long cũ)	Cả khu		1,05
3.5	Tuyến Đường Án Khám - Ông Hào	Suốt tuyến		1,19
3.6	Tuyến Đường Càng Đước - Vàm Bi	Suốt tuyến		1,35
3.7	Tuyến Đường Nhơn Ái - Trường Long	Cống KH9	Vàm Ông Hào	1,19
3.8	Tuyến Đường Trường Long - Vàm Bi	Cầu Ba Chu	Vàm Bi	1,19
3.9	Tuyến Đường Vàm Bi - Trường Hòa - Bốn Tổng	Suốt tuyến		1,35

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
4	**Xã Thới Lai**			
4.1	Khu Chợ Thới Lai (cũ)	Phía bên chợ và hai bên nhà lồng chợ (Thị trấn phía bên chợ và hai bên nhà lồng chợ cũ)		1,10
		Bên kia sông xáng Ô Môn Chợ Thới Lai từ Vàm Kinh Đứng (Bên kia sông chợ thị trấn Thới Lai từ Vàm Kinh Đứng cũ)	Vàm Nhà Thờ	1,10
4.2	Đường Hồ Thị Thưởng	Ngã ba Thới Lai - xã Trường Thắng cũ về Trung tâm xã Trường Xuân	Hết ranh Trường Cao đẳng nghề	1,12
			Ngã ba vào nhà lồng chợ Thới Lai hiện hữu	1,12
4.3	Khu dân cư Huệ Phát	Trục chính		1,08
		Trục phụ		1,08
4.4	Khu hành chính xã Thới Lai (Trừ phần tiếp giáp Đường tỉnh 922)	Cả khu		1,08
4.5	Đường Nguyễn Thị Huỳnh (Đường tỉnh 922)	Cầu Sắt Lớn	Cầu Cồn Chen (Bên trái)	1,05
			Cầu Cồn Chen (Bên phải)	1,05
4.6	Tuyến Lộ giao thông 4 mét cặp sông Xáng Ô Môn, trừ Khu dân cư Huệ Phát (Thị trấn Thới Lai (Trừ Khu dân cư Huệ Phát cũ))	Cầu Sắt Lớn	Cầu Bà Đầm (Ranh xã Trường Thắng cũ)	1,19
4.7	Tuyến Đường thị trấn Thới Lai - xã Đông Thuận (Tuyến Đường thị trấn Thới Lai - xã Đông Bình cũ)	Đường tỉnh 922	Cầu Đông Pháp	1,12
		Cầu Đông Pháp	Giáp ranh xã Đông Thuận	1,12
4.8	Tuyến đường thị trấn Thới Lai - Trường Thành (Tuyến đường thị trấn Thới Lai - xã Tân Thạnh cũ)	Cầu Kênh Đứng	Cầu Rạch Đình (Giáp ranh xã Trường Thành)	1,12
4.9	Đường huyện 21	Đường Hồ Thị Thưởng	Giáp ranh xã Trường Thành	1,12
4.10	Đường Võ Thị Diệp (Đường tỉnh 922)	Cầu Tắc Cà Đi	Cầu Xẻo Xào (Bên trái)	1,10
			Cầu Xẻo Xào (Bên phải)	1,10
		Cầu Xẻo Xào	Cầu Sắt Lớn	1,10
4.11	Đường nội bộ thuộc dự án Mở rộng, phát triển đô thị mới và nâng cấp chợ Thới Lai hiện hữu, thị trấn Thới Lai (cũ) (Giai đoạn 01 và 02)	Đường số 01		1,10
		Đường số 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15 và 16		1,10
4.12	Khu đô thị mới huyện Thới Lai (cũ) (Các vị trí đã Hoàn thiện cơ sở hạ tầng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Đường số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13		1,08

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
4.13	Đường tỉnh 922 mới (Tuyến tránh Thới Lai)	Cầu Tắc Cà Đi	Cầu Cồn Chen	1,05
4.14	Đường tỉnh 922 mới	Ngã ba Tuyến tránh	Cầu Đường Xuồng (Giáp ranh xã Trường Thành)	1,05
4.15	Tuyến Đường Thới Lai - Trường Xuân (Tuyến Đường thị trấn Thới Lai - xã Trường Xuân A cũ)	Giáp ranh trường cao đẳng nghề	Cầu Búng lớn giáp ranh xã Trường Xuân (Bên trái)	1,12
			Cầu Búng lớn giáp ranh xã Trường Xuân (Bên phải)	1,12
5	**Xã Đông Thuận**			
5.1	Đường tỉnh 919	Giáp ranh xã Cờ Đỏ	Hết ranh xã Đông Thuận	1,09
5.2	Tuyến Đường thị trấn Thới Lai - xã Đông Thuận	Giáp ranh xã Thới Lai	Giáp ranh tỉnh An Giang (Bên phải)	1,12
		Giáp ranh xã Thới Lai	Giáp ranh tỉnh An Giang (Bên trái)	1,12
5.3	Khu dân cư vượt lũ xã Đông Bình (cũ)	Trục chính		1,19
		Trục phụ		1,19
5.4	Khu dân cư xã Đông Thuận	Trục chính		1,12
		Trục phụ		1,12
5.5	Đường dẫn hai bên Cầu Đông Thuận	Bên phải		1,12
		Bên trái		1,12
6	**Xã Trường Xuân**			
6.1	Đường tỉnh 919	Giáp ranh xã Đông Thuận	Kênh Xáng Ô Môn	1,09
		Kênh Xáng Ô Môn	Giáp ranh xã Trường Long Tây	1,09
6.2	Khu Thương mại Trường Xuân	Cả khu		1,08
6.3	Tuyến Đường Thới Lai - Trường Xuân A (từ ranh xã Thới Lai đến Kênh Ranh)	Giáp ranh xã Thới Lai	Khu dân cư vượt lũ Trường Xuân	1,12
		Khu dân cư vượt lũ Trường Xuân	Hết ranh Khu Thương mại Trường Xuân	1,12
		Ranh Khu Thương mại Trường Xuân	Cống Sáu Sung	1,12
		Cống Sáu Sung	Kênh Ranh (Giáp ranh tỉnh An Giang)	1,12
6.4	Khu dân cư vượt lũ Trường Xuân (Ấp Phú Thọ)	Trục chính		1,40
		Trục phụ		1,40
6.5	Khu dân cư vượt lũ Trường Xuân A (Ấp Trường Ninh 1)	Trục chính		1,19
		Trục phụ		1,19
7	**Xã Trường Thành**			
7.1	Đường tỉnh 922 (cũ)	Giáp ranh phường Ô Môn (Cầu Vàm Nhon)	Giáp ranh xã Thới Lai (Cầu Tắc Cà Đi, Bên trái)	1,10
			Giáp ranh xã Thới Lai (Cầu Tắc Cà Đi, Bên phải)	1,10

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
7.2	Đường tỉnh 922 (mới)	Giáp ranh phường Phước Thới (Cầu KH8)	Giáp ranh xã Thới Lai (Cầu Đường Xuồng)	1,05
		Ngã ba Đường tỉnh 922 cũ	Giáp ranh xã Thới Lai (Cầu Tắc Cà Đi)	1,05
7.3	Tuyến Định Môn - Trường Thành	Cầu Mương Huyện	Cầu Ba Đá	1,12
7.4	Tuyến Đường Ba Mít - Cây Dầu (Trừ đoạn Cụm dân cư vượt lũ Trường Thành)	Cầu Ba Đá	Giáp ranh xã Phong Điền (Rạch Cây Dầu)	1,12
7.5	Tuyến Chợ Ba Mít (Trừ đoạn Cụm dân cư vượt lũ Trường Thành)	Ngã ba Cầu Ba Đá	Ngã ba tuyến Rạch Rừa	1,35
7.6	Tuyến Thới Lai - Tân Thạnh	Giáp ranh xã Thới Lai (Rạch Đình)	Hết Khu Trung tâm xã Tân Thạnh (cũ)	1,12
7.7	Tuyến Thới Lai - Trường Thành	Giáp ranh xã Thới Lai (Kênh KH8)	Giáp ranh Cụm dân cư vượt lũ Trường Thành	1,12
7.8	Tuyến Rạch Rừa	Rạch Cầu Nhiếm	Tuyến Đường Ba Mít - Cây Dầu	1,35
7.9	Cụm dân cư vượt lũ Định Môn (Ấp Định Mỹ)	Trục chính		1,12
		Trục phụ		1,12
7.10	Cụm dân cư vượt lũ Trường Thành (Ấp Trường Trung)	Trục chính		1,18
		Trục phụ		1,18
8	**Xã Cờ Đỏ**			
8.1	Chợ Cờ Đỏ	Cầu Cờ Đỏ	Kênh Đứng (Trừ Khu Chỉnh trang đô thị và cải thiện môi trường sống tại thị trấn Cờ Đỏ cũ)	1,11
		Cầu Cờ Đỏ	Kênh số 1 (Trừ Khu Chỉnh trang đô thị và cải thiện môi trường sống tại thị trấn Cờ Đỏ cũ)	1,11
		Kênh số 1	Giáp ranh Khu dân cư vượt lũ xã Thới Đông (cũ)	1,11
8.2	Đường vào Trường Tiểu học thị trấn Cờ Đỏ	Đường Hà Huy Giáp (Đường tỉnh 919)	Đường thị trấn Cờ Đỏ - xã Thới Đông	1,14
8.3	Đường Hà Huy Giáp (Đường tỉnh 919)	Giáp ranh xã Thạnh Phú	Cầu Cờ Đỏ	1,09
8.4	Khu Chỉnh trang đô thị và cải thiện môi trường sống tại thị trấn Cờ Đỏ (cũ)	Các lô nền tiếp giáp trục Đường Lê Đức Thọ và Hà Huy Giáp		1,10
		Trục chính (Chiều rộng 25 mét) (Đường số 4)		1,10
		Trục phụ (Chiều rộng 15 mét) (Đường số 12 và 13)		1,10
		Các trục còn lại		1,10

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
8.5	Khu dân cư Khmer, xã Cờ Đỏ	Cả khu		1,35
8.6	Khu hành chính xã Cờ Đỏ (Trừ phần tiếp giáp đường Hà Huy Giáp)	Cả khu		1,08
8.7	Khu tái định ấp Thới Hòa B, thị trấn Cờ Đỏ (cũ)	Đường số 01, Đường số 03, Đường số 04, Đường số 09		1,05
		Đường số 07, Đường số 02		1,05
		Đường số 05, Đường số 06		1,05
		Đường số 08		1,05
8.8	Đường Lê Đức Thọ (Đường tỉnh 922) (Bên phải tiếp giáp trục đường giao thông; Bên trái tiếp giáp mương lộ hướng từ huyện Thới Lai cũ đến thị trấn Cờ Đỏ cũ)	Ngã ba giao Đường Lê Đức Thọ - Hà Huy Giáp	Cầu Kênh Ngang	1,05
		Cầu Kênh Ngang	Giáp ranh xã Đông Hiệp (Bên trái)	1,05
		Cầu Kênh Ngang	Giáp ranh xã Đông Hiệp (Bên phải)	1,05
8.9	Đường Nguyễn Văn Nhung (Đường tỉnh 921)	Đường Hà Huy Giáp	Cầu Kinh Bốn Tổng (Thâm hậu tới sông Xáng Thốt Nốt)	1,05
		Cầu Kênh Bốn Tổng	Cầu Năm Châu (Giáp ranh xã Thạnh Phú)	1,05
8.10	Đường ô tô đến Trung Tâm xã Thới Xuân (cũ)	Đường tỉnh 919	Cầu Kênh Lồng Ống (Hai bên)	1,35
		Cầu Kênh Lồng Ống	Cầu Kênh Lò Thiêu (Hai bên)	1,35
		Cầu Kênh Lò Thiêu	Cầu số 4 (Sông Xáng Thốt Nốt) (Bên trái)	1,35
		Cầu số 4	Cầu Nóc Băng	1,35
8.11	Cụm dân cư vượt lũ xã Thới Đông (cũ)	Các lô nền tiếp giáp Đường Cờ Đỏ - xã Thới Đông		1,12
		Trục chính (Hai bên nhà lồng chợ)		1,12
		Các trục còn lại		1,12
9	**Xã Đông Hiệp**			
9.1	Đường tỉnh 922 (Bên phải tiếp giáp trục đường giao thông, Bên trái tiếp giáp mương lộ Hướng từ ranh xã Thới Lai đến xã Đông Hiệp)	Giáp ranh xã Thới Lai (Cầu Cồn Chen)	Giáp ranh Khu dân cư vượt lũ xã Đông Hiệp (Bên trái)	1,05
		Giáp ranh xã Thới Lai (Cầu Cồn Chen)	Giáp ranh Khu dân cư vượt lũ xã Đông Hiệp (Bên phải)	1,05
		Ranh Khu dân cư vượt lũ xã Đông Hiệp (Trừ Khu dân cư vượt lũ)	Hết ranh đất Trường THCS Đông Hiệp (Bên trái)	1,05
		Ranh Khu dân cư vượt lũ xã Đông Hiệp (Trừ Khu dân cư vượt lũ)	Hết ranh đất Trường THCS Đông Hiệp (Bên phải)	1,05
		Ranh Trường THCS Đông Hiệp	Giáp ranh xã Cờ Đỏ (Bên trái)	1,05
		Giáp ranh đất Trường THCS Đông Hiệp	Giáp ranh xã Cờ Đỏ (Bên phải)	1,05

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
9.2	Đường tỉnh 922 (mới)	Giáp ranh xã Thới Lai	Ngã ba giao Đường tỉnh 922 (cũ)	1,05
9.3	Đường vào Trường Mẫu giáo, Tiểu học Đông Hiệp 1	Đường tỉnh 922	Hết ranh đất Trường Tiểu học Đông Hiệp	1,35
9.4	Đường vào Trường Tiểu học Đông Thắng	Đường tỉnh 922	Hết ranh đất Trường Tiểu học Đông Thắng	1,35
9.5	Đường ô tô đến Trung tâm xã Thới Hưng	Đường tỉnh 922	Giáp ranh xã Thới Hưng	1,18
9.6	Khu Chợ Đông Hiệp	Cả khu		1,12
9.7	Cụm dân cư vượt lũ xã Đông Hiệp	Các lô nền tiếp giáp Đường tỉnh 922		1,40
		Đường nội bộ có lộ giới (4 - 7 - 4) mét		1,40
		Đường nội bộ có lộ giới (3 - 5 - 3) mét		1,40
		Các trục còn lại		1,40
10	**Xã Trung Hưng**			
10.1	Đường tỉnh 921	Cầu Xẻo Xây lớn	Cầu Cái He	1,09
		Cầu Cái He	Cầu Ngã Tư (Chợ xã) (Trừ Cụm dân cư vượt lũ)	1,09
		Cầu Ngã Tư	Giáp ranh xã Thạnh Phú	1,09
10.2	Đường tỉnh 921B	Giáp ranh phường Trung Nhứt	Đường tỉnh 921	1,35
10.3	Đường ô tô đến Trung tâm xã Trung Thạnh (cũ)	Cầu Bắc Đuông (Trừ Khu dân cư xã Trung Thạnh (cũ), Điểm Bắc Đuông)	Giáp ranh Cụm dân cư vượt lũ xã Trung Thạnh (cũ) (Điểm Lấp Vò)	1,40
10.4	Đường số 12 vào Trường Mầm non Trung Hưng 1	Cụm dân cư vượt lũ xã Trung Hưng (Điểm chợ Trung Hưng)	Rạch Ngã Tư	1,25
10.5	Cụm dân cư vượt lũ xã Trung Hưng	Các lô nền xung quanh chợ Trung Hưng (Điểm chợ xã Trung Hưng)		1,09
		Các lô nền tiếp giáp Đường tỉnh 921 (Điểm chợ xã Trung Hưng)		1,09
		Các lô nền còn lại (Điểm chợ xã Trung Hưng)		1,09
		Toàn cụm dân cư vượt lũ xã Trung Hưng (Điểm chợ Ba Đá)		1,09
10.6	Cụm dân cư vượt lũ xã Trung Thạnh (cũ)	Các lô nền tiếp giáp trục chính cặp sông Thốt Nốt và trục Đường từ Cầu Lấp Vò đến trục Đường số 2 Cụm dân cư vượt lũ		1,12
		Các lô nền còn lại		1,12
10.7	Khu tái định cư Bắc Đuông (Xã Trung Thạnh cũ)	Cả khu		1,11

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
11	**Xã Thạnh Phú**			
11.1	Đường tỉnh 921	Ranh xã Trung Hưng	Cầu Huyện Chơn	1,09
		Cầu Huyện Chơn	Cầu Hội Đồng Khương (Trừ Cụm dân cư vượt lũ)	1,09
		Cầu Hội Đồng Khương	Giáp ranh xã Cờ Đỏ (Cầu Năm Châu)	1,09
11.2	Đường Nông trường Cờ Đỏ (Trục Đường vào Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Cờ Đỏ) (Hai bên)	Đường tỉnh 919	Kênh 1	1,25
		Kênh 1	Kênh 4	1,25
		Kênh 4	Kênh 8 (Giáp ranh xã Thạnh An)	1,25
11.3	Đường tỉnh 919	Giáp ranh xã Cờ Đỏ	Giáp ranh xã Vĩnh Thạnh	1,09
11.4	Cụm dân cư vượt lũ xã Thạnh Phú	Các lô nền tiếp giáp Đường tỉnh 921		1,18
		Các lô nền còn lại		1,18
12	**Xã Thới Hưng**			
12.1	Đường ô tô đến Trung tâm xã Thới Hưng	Đường tỉnh 922 (Giáp ranh xã Đông Hiệp)	Cầu Kinh Ấp 3	1,18
		Cầu Kinh Ấp 3 (cầu số 5)	Kinh 200 (Giáp ranh phường Thới Long)	1,18
13	**Xã Vĩnh Thạnh**			
13.1	Quốc lộ 80	Giáp ranh tỉnh An Giang	Cống số 7,5	1,50
		Cống số 7,5	Cống số 9,5	1,50
		Cống số 9,5	Cống Lý Chiêu	1,50
		Cống Lý Chiêu	Cống Thầy Pháp (Trung tâm xã)	1,50
		Cống Thầy Pháp (Trung tâm xã)	Giáp ranh xã Thạnh Quới (Cống Nhà Thờ)	1,50
13.2	Trung tâm hành chính huyện Vĩnh Thạnh (Nay là Trung tâm hành chính xã)	Toàn bộ các tuyến Đường số: 34, 41, 43, 47, 53, 8, 7		1,08
		Tuyến Đường số 11 (Từ Đường số 41 đến Đường số 55)		1,08
13.3	Khu tái định cư Trung tâm Thương mại và Dân cư Thương mại huyện Vĩnh Thạnh (Nay là xã Vĩnh Thạnh)	Toàn bộ các tuyến Đường số: 38, 40		1,11
		Đường số 6 (Từ Đường số 37 đến Đường số 40)		1,11
		Đường số 8 (Từ Đường số 37 đến Đường số 40)		1,11
		Đường số 37 (Từ Đường số 6 đến Đường số 8)		1,11

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
13.4	Khu tái định cư và dân cư hành chính huyện Vĩnh Thạnh (Nay là xã Vĩnh Thạnh)	Các lô nền tiếp giáp Đường nội bộ song song với Đường Phù Đổng Thiên Vương		1,11
		Các lô nền còn lại		1,11
		Các lô nền đã có Quyết định giá đất cụ thể gồm: B2 - 11, B2 - 12, B2 - 13, B2 - 14. B2 - 15, B2 - 16, B2 - 17, B2 - 18, B2 - 19, B2 - 20, B2 - 21, B2 - 22, B2 - 23, B2 - 24, B2 - 25, B2 - 35, B2 - 36, B2 - 37, B2 - 38, B2 - 39, B2 - 40, B2 - 41, B2 - 42, B2 - 43, B2 - 44, B2 - 45, B2 - 46, B2 - 47, B2 - 48, B2 - 49, B5 - 21, B5 - 23, B5 - 24, B5 - 45, B2 - 27, B2 - 28, B2 - 29, B2 - 30, B2 - 31, B2 - 32, B2 - 33, B5 - 26, B5 - 27, B5 - 28, B5 - 29, B5 - 30, B5 - 31, C2 - 12, C2 - 13, C2 - 14, C2 - 15, C2 - 16, C2 - 17, C2 - 18, C2 - 19, C2 - 20.		1,11
		B2 - 27, B2 - 28, B2 - 29, B2 - 30, B2 - 31, B2 - 32, B2 - 33, B5 - 26, B5 - 27, B5 - 28, B5 - 29, B5 - 30, B5 - 31, C2 - 12, C2 - 13, C2 - 14, C2 - 15, C2 - 16, C2 - 17, C2 - 18, C2 - 19, C2 - 20.		1,11
		B5 - 25, B5 - 32, C2 - 01, C3 - 01, C3 - 20, B2 - 1, B2 - 26, B2 - 34.		1,11
13.5	Cụm dân cư vượt lũ thị trấn Vĩnh Thạnh (cũ)	Vị trí lô nền có mặt tiền tiếp giáp Quốc lộ 80		1,35
		Vị trí lô nền tiếp giáp các đường nội bộ trong cụm dân cư vượt lũ		1,35
		Các tuyến đường chính trong cụm Khu dân cư vượt lũ		1,35
13.6	Trung tâm Thương mại và Dân cư thương mại huyện Vĩnh Thạnh (Nay là xã Vĩnh Thạnh)	Vị trí lô nền cặp đường nội bộ song song đường Phù Đổng Thiên Vương		1,08
13.7	Đường Bờ Tràm	Kênh Thắng Lợi 1	Kênh Bốn Tổng	1,15
13.8	Đường ô tô vào Trung tâm xã Thạnh Lộc (T7) (Nay là xã Vĩnh Thạnh)	Sau 50 mét Quốc lộ 80	Kênh Thắng Lợi 1 (Hết Đường T7)	1,15
13.9	Đường Thắng Lợi 1	Ngã ba giao Đường T7 với Kênh Thắng Lợi 1	Đường Bờ Tràm	1,25
13.10	Đường Sĩ Cuông	Kênh Bà Chiêu	Giáp ranh phường Trung Nhứt	1,15
13.11	Tuyến Lộ Tẻ - Rạch Sỏi	Giáp ranh xã Vĩnh Trinh	Kênh Bốn Tổng (Kênh số 10)	1,12
13.12	Tuyến Đường nối lên Cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Sỏi	Đường Phù Đổng Thiên Vương (Đường tỉnh 919)	Cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Sỏi	1,25
13.13	Cụm dân cư vượt lũ xã Thạnh Lộc (cũ)	Suốt tuyến		1,15
13.14	Cụm dân cư vượt lũ xã Thạnh Lộc (Sáu Bọng) (cũ)	Suốt tuyến		1,15

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
13.15	Đường Phù Đổng Thiên Vương (Đường tỉnh 919)	Sau Quốc lộ 80	Cầu vượt Cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Sỏi	1,21
		Cầu vượt Cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Sỏi	Giáp ranh xã Thạnh Quới	1,21
13.16	Khu dân cư chợ Số 8	Các lô nền tiếp giáp Quốc lộ 80		1,25
		Các lô nền tiếp giáp các đường nội bộ		1,25
13.17	Cụm dân cư vượt lũ xã Thạnh Mỹ (số 8) (cũ)	Vị trí lô nền có mặt tiền tiếp giáp Quốc lộ 80		1,25
		Vị trí lô nền tiếp giáp các Đường nội bộ trong Cụm dân cư vượt lũ		1,25
14	**Xã Vĩnh Trinh**			
14.1	Quốc lộ 80	Cầu Đường Xuồng (Giáp phường Thốt Nốt)	Giáp ranh tỉnh An Giang (Trừ Cụm dân cư vượt lũ)	1,08
14.2	Đường T3 Bờ Ớt	Giáp ranh Cụm dân cư vượt lũ xã Vĩnh Trinh	Kênh Thắng Lợi 1	1,15
14.3	Tuyến Lộ Tẻ - Rạch Sỏi	Giáp ranh phường Thốt Nốt	Tuyến tránh thành phố Long Xuyên	1,12
14.4	Cụm dân cư vượt lũ xã Vĩnh Trinh	Vị trí lô nền có mặt tiền tiếp giáp Quốc lộ 80		1,15
		Vị trí lô nền tiếp giáp các đường nội bộ trong Cụm dân cư vượt lũ		1,15
		Vị trí các lô nền tiếp giáp từ đoạn Quốc lộ 80 đến đường T3 Bờ Ớt (Trong Cụm dân cư vượt lũ xã Vĩnh Trinh)		1,15
14.5	Khu tái định cư phục vụ Khu Công nghiệp Vĩnh Thạnh (Giai đoạn 1)	Trục chính		1,14
		Trục phụ		1,14
14.6	Đường Thới Thuận - Thạnh Lộc	Giáp ranh phường Thốt Nốt	Đường T3 Bờ Ớt	1,35
14.7	Tuyến tránh thành phố Long Xuyên	Trên địa bàn xã Vĩnh Trinh		1,12
14.8	Tuyến Đường nối từ đường dẫn vào Cầu Vàm Cống vào Khu Công nghiệp Vĩnh Thạnh (VSIP Cần Thơ)	Tuyến tránh thành phố Long Xuyên	Khu Công nghiệp Vĩnh Thạnh (VSIP Cần Thơ)	1,35
14.9	Tuyến Đường nối từ Quốc lộ 80 đến Khu Công nghiệp Vĩnh Thạnh (VSIP Cần Thơ)	Quốc lộ 80	Khu Công nghiệp Vĩnh Thạnh (VSIP Cần Thơ)	1,35
14.10	Tuyến Đường Rạch Ngã Chùa	Quốc lộ 80	Cầu Đình Vĩnh Trinh	1,35
		Cầu Ba Mao	Giáp ranh phường Thốt Nốt	1,35
14.11	Tuyến Đường Kênh Thắng Lợi 1	Đường T3 Bờ Ớt	Giáp ranh xã Vĩnh Thạnh	1,35
14.12	Tuyến Đường Kênh Bà Chiêu	Kênh Ông Xếp (Giáp ranh phường Thốt Nốt)	Giáp ranh xã Vĩnh Thạnh	1,35
14.13	Tuyến Đường Kênh Thắng Lợi 2	Giáp ranh phường Thốt Nốt	Giáp ranh xã Vĩnh Thạnh	1,35
14.14	Tuyến Đường Kênh Lộ Mới	Kênh Bà Chiêu	Giáp ranh phường Thốt Nốt	1,35

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
15	**Xã Thạnh An**			
15.1	Quốc lộ 80	Giáp ranh xã Thạnh Quới	Cống Sao Mai	1,08
		Cống Sao Mai	Cầu Thầy Ký	1,08
		Cầu Thầy Ký	Kênh B (Giáp ranh tỉnh An Giang)	1,08
15.2	Đường Kênh Thầy Ký (Bờ phía Đông)	Quốc lộ 80	Cầu Bờ Bao	1,25
15.3	Đường Kênh E (Đường tỉnh 916)	Bờ Kênh Cái Sắn	Kênh 600 (Giáp ranh xã Thạnh Quới)	1,15
		Kênh Đòn Dông (Giáp ranh xã Thạnh Quới)	Giáp ranh tỉnh An Giang	1,15
15.4	Cụm dân cư vượt lũ thị trấn Thạnh An (nay là xã Thạnh An)	Vị trí lô nền tiếp giáp các Đường nội bộ trong Cụm dân cư vượt lũ		1,35
15.5	Cụm dân cư vượt lũ xã Thạnh Thắng (nay là xã Thạnh An)	Cả khu		1,25
15.6	Đường tỉnh 921C	Giáp ranh xã Thạnh Quới	Cầu Kênh C1	1,35
15.7	Đường huyện 54	Đường tỉnh 916 (Ngã ba xã Thạnh Lợi (cũ))	Kênh C2	1,25
16	**Xã Thạnh Quới**			
16.1	Quốc lộ 80	Cống Nhà Thờ	Đầu cầu Láng Sen	1,08
		Đầu cầu Láng Sen	Giáp ranh xã Thạnh An (Cống số 15,5)	1,08
16.2	Đường tỉnh 919 (Bốn Tổng - Một Ngàn)	Giáp ranh xã Vĩnh Thạnh (Cầu Láng Chim)	Giáp ranh xã Thạnh Phú	1,21
16.3	Đường Kênh E (Đường tỉnh 916)	Kênh 600 (Giáp ranh xã Thạnh An)	Giáp ranh xã Thạnh An	1,15
		Quốc lộ 80	Cầu Cái Sắn	1,15
16.4	Đường Nam Kênh Đòn Dông (Đoạn D - H)	Giáp ranh xã Thạnh An	Hết ranh xã Thạnh Quới (Giáp ranh tỉnh An Giang)	1,15
16.5	Đường số 12 (Trung tâm hành chính xã Thạnh Quới)	Kênh Cống 12	Kênh FM (Nhà thờ)	1,15
16.6	Chợ Láng Sen và Dân cư nông thôn xã Thạnh Quới	Đường số 03, 09 và các lô nền tiếp giáp Quốc lộ 80		1,12
		Toàn bộ các tuyến Đường số 01, 02, 04, 05, 06, 07, 08		1,12
16.7	Cụm dân cư vượt lũ xã Thạnh An (cũ)	Cả khu		1,15
16.8	Cụm dân cư vượt lũ Thạnh Mỹ (mở rộng) xã Thạnh Quới	Vị trí lô nền có mặt tiền tiếp giáp đường nội bộ cặp Quốc lộ 80		1,12
		Vị trí lô nền tiếp giáp các đường nội bộ trong Cụm dân cư vượt lũ		1,12

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
17	**Xã Hòa Tú**			
17.1	Đường tỉnh 936B	Giáp ranh tỉnh Cà Mau	Trường THCS Hòa Tú 2	1,35
		Trường THCS Hòa Tú 2	Đường tỉnh 940	1,35
		Đường tỉnh 940	Giáp ranh xã Ngọc Tố	1,35
17.2	Đường tỉnh 940	Giáp ranh xã Nhu Gia	Kênh Thạnh Mỹ (Cầu Hữu Cận 2)	1,35
		Kênh Thạnh Mỹ (Cầu Hữu Cận 2)	Giáp ranh phường Vĩnh Phước	1,35
17.3	Đường tỉnh 940 (cũ)	Đường tỉnh 940	Giáp ranh phường Vĩnh Phước	1,40
17.4	Đường huyện 15	Đường tỉnh 940 (Vòng xoay ấp Hòa Phuông)	Giáp ranh xã Ngọc Tố	1,25
17.5	Đường huyện 50	Đường tỉnh 936B	Giáp ranh xã Nhu Gia	1,15
17.6	Đường huyện 54	Đường huyện 15	Đường Trục phát triển Tôm - Lúa huyện Mỹ Xuyên (cũ)	1,12
		Đường Trục phát triển Tôm - Lúa huyện Mỹ Xuyên (cũ)	Đường huyện 51	1,12
17.7	Đường huyện 51	Đường tỉnh 940	Giáp ranh xã Ngọc Tố	1,15
17.8	Đường huyện 52 (Dự án Đầu tư Cơ sở hạ tầng vùng sản xuất Tôm - Lúa hữu cơ)	Giáp ranh xã Nhu Gia	Đường đal Hòa Đê - Hòa Đức	1,25
17.9	Đường tỉnh 937 (Đường Trục phát triển Tôm - Lúa huyện Mỹ Xuyên (cũ))	Giáp ranh xã Nhu Gia	Giáp Sông Đình	1,08
		Giáp Sông Đình	Giáp ranh xã Ngọc Tố	1,25
17.10	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây (Đường tỉnh 937B)	Đường tỉnh 940	Giáp ranh xã Ngọc Tố	1,15
17.11	Khu trung tâm xã			
17.11.1	Đường D2	Đường Trục phát triển Tôm - Lúa huyện Mỹ Xuyên (cũ) (Đường tỉnh 937)	Đường huyện 51	1,30
17.11.2	Đường D4; Đường D5	Đường tỉnh 940	Đường D1	1,30
17.12	Đường vào Trung tâm Văn hóa Thể thao Truyền thanh	Đường tỉnh 940	Trung tâm Văn hóa Thể thao Truyền thanh	1,15
17.13	Đường đal khu vực Chợ Dương Kiển	Đường tỉnh 936B	Đường tỉnh 940 cũ	1,35
17.14	Đường đal Dương Kiển (Cặp UBND xã)	Đường tỉnh 936B	Kênh Cô Hai	1,15
17.15	Đường đal (Hòa Nhờ A)	Đường tỉnh 940 (cũ)	Đường tỉnh 940	1,15

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
18	**Xã Gia Hòa**			
18.1	Quốc lộ 1	Cầu Xẻo Tra	Hết ranh đất Cửa hàng xăng dầu Vạn Xuân	1,05
		Giáp ranh đất Cửa hàng xăng dầu Vạn Xuân	Hết ranh đất Quán Cafe Thùy Trang	1,05
		Giáp ranh đất Quán Cafe Thùy Trang	Hết ranh đất Cơ sở sản xuất nước lọc Việt Thái	1,05
		Giáp ranh đất Cơ sở sản xuất nước lọc Việt Thái	Giáp ranh xã Nhu Gia	1,11
18.2	Đường huyện 53	Quốc lộ 1	Hết ranh đất Nhà máy nước đá Trường Hưng	1,25
		Giáp ranh đất Nhà máy nước đá Trường Hưng	Giáp ranh tỉnh Cà Mau (xã Vĩnh Lợi)	1,25
18.3	Đường huyện 52	Cầu Gia Hòa	Hết ranh đất Nhà ông Nguyễn Văn Trình	1,15
		Giáp ranh đất Nhà ông Nguyễn Văn Trình	Giáp ranh xã Nhu Gia	1,35
18.4	Đường huyện 50	Giáp ranh xã Nhu Gia	Giáp ranh tỉnh Cà Mau (xã Vĩnh Lợi)	1,15
18.5	Khu vực chợ Hòa Khanh	Quốc lộ 1	Chùa Trà Cuôn	1,19
		Chùa Trà Cuôn	Kênh Đê ngăn mặn	1,19
18.6	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	Giáp ranh xã Nhu Gia	Giáp ranh xã Phú Lộc	1,15
18.7	Đường đal Đào Viên	Quốc lộ 1	Hết đường	1,15
18.8	Đường đal Đất Đỏ	Quốc lộ 1	Cống Phú Lộc	1,15
18.9	Đường đal Trà É	Quốc lộ 1	Vào hết tuyến đường đal	1,15
18.10	Đường đal vào Đay sô	Quốc lộ 1	Giáp Đường đal Bưng Thum (Gần Nhà văn hóa)	1,15
18.11	Đường đal đi Bưng Thum	Quốc lộ 1	Trường Tiểu học Bưng Thum	1,15
		Trường Tiểu học Bưng Thum	Hết Đường đal giáp xã Lâm Tân	1,15
18.12	Đường đal ấp Nhơn Hòa - Thạnh Thới	Đường huyện 53	Giáp ranh xã Phú Lộc	1,15
18.13	Đường đal Thạnh Bình	Quốc lộ 1	Chùa Huệ Quang	1,15
18.14	Đường đal Lung Lá	Đường huyện 53	Đường huyện 50	1,15

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
19	**Xã Nhu Gia**			
19.1	Quốc lộ 1	Cầu Nhu Gia mới	Cầu Cần Đước	1,11
		Cầu Cần Đước	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	1,11
		Cầu Nhu Gia mới	Đường tỉnh 940	1,11
		Đường tỉnh 940	Hết ranh đất Trường Tiểu học Thạnh Phú 2	1,11
		Giáp ranh đất Trường Tiểu học Thạnh Phú 2	Giáp ranh xã Gia Hòa	1,11
19.2	Đường tỉnh 940	Quốc lộ 1	Cầu Kênh Nhất	1,35
		Cầu Kênh Nhất	Cầu Chàng Ré	1,35
		Cầu Chàng Ré	Giáp ranh xã Hòa Tú	1,35
		Quốc lộ 1	Giáp ranh xã Lâm Tân	1,35
19.3	Đường huyện 58	Quốc lộ 1	Đường huyện 57	1,15
19.4	Đường huyện 57	Đường huyện 58	Giáp ranh xã Ngọc Tố	1,15
19.5	Đường huyện 52	Giáp ranh xã Gia Hòa (Cống Tân Hòa)	Đường đal ấp Vĩnh A	1,35
		Đường đal ấp Vĩnh A	Ngã tư giao với Đường tỉnh 940	1,35
		Ngã tư giao với Đường tỉnh 940	Giáp ranh xã Hòa Tú	1,35
19.6	Đường huyện 50	Ngã tư Phước Hòa	Giáp ranh xã Hòa Tú	1,15
		Ngã tư Phước Hòa	Giáp ranh xã Gia Hòa	1,15
19.7	Đường huyện 56	Đường Trưng Nhị	Đường đal vào Trường Tiểu học Thạnh Phú 1	1,35
		Đường đal vào Trường Tiểu học Thạnh Phú 1	Hết ranh đất Nhà văn hóa ấp khu 2	1,35
		Giáp ranh đất Nhà văn hóa ấp khu 2	Giáp ranh xã Mỹ Tú	1,35
		Quốc lộ 1	Kênh Phú Thuận	1,35
		Kênh Phú Thuận	Ngã ba Đê ngăn mặn	1,35
		Ngã ba Đê ngăn mặn	Giáp ranh xã Ngọc Tố	1,35
19.8	Đường Trưng Nhị (Quốc lộ 1 (cũ))	Quốc lộ 1	Sông Nhu Gia	1,07
19.9	Đường Trưng Trắc (Quốc lộ 1 (cũ))	Sông Nhu Gia	Quốc lộ 1	1,50
19.10	Đường đal hẻm Chụng Ken	Đường Trưng Trắc	Kênh Chùa	1,25
19.11	Đường đal vào Chùa Nhu Gia	Đường Trưng Trắc	Giáp ranh xã Lâm Tân	1,12
19.12	Khu vực chợ Nhu Gia	Các tuyến đường nội bộ trong khu trung tâm chợ		1,10
19.13	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	Giáp ranh xã Hòa Tú	Cầu Long Hòa 1	1,15
		Cầu Long Hòa 1	Giáp ranh xã Gia Hòa	1,15
19.14	Đường đal vào Khu du lịch sinh thái Vườn Cò	Đường tỉnh 940	Hết đất Nhà ông Lê Minh Chính	1,15

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
19.15	Đường nhựa Vĩnh B - Phước Hòa	Đường huyện 52	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	1,15
		Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	Ngã tư Phước Hòa	1,15
19.16	Tuyến Cầu Cần Đước	Cầu Cần Đước	Kênh 19 Tháng 5	1,15
19.17	Đường đal vào Khu dân cư ấp Rạch Sên	Quốc lộ 1 (Đường loại 3)	Hết ranh đất Trường học Rạch Sên	1,15
19.18	Đường đal ấp Cần Đước	Quốc lộ 1	Cầu Chùa Cần Đước	1,15
		Cầu Chùa Cần Đước	Kênh 19 Tháng 5	1,15
19.19	Đường đal Trường Mẫu giáo Cần Đước (Hai bên)	Quốc lộ 1	Kênh Phú Thuận	1,15
		Kênh Phú Thuận	Đê ngăn mặn	1,15
19.20	Đường Đê ngăn mặn	Đường huyện 56	Giáp ranh xã Ngọc Tố	1,25
19.21	Đường nhựa Khu 4	Đường Trưng Trắc	Cống Tư Hơn	1,25
		Cống Tư Hơn	Ngã ba Cây xăng Đông Tú	1,25
		Ngã ba Cây xăng Đông Tú	Đường tỉnh 940	1,25
20	**Xã Ngọc Tố**			
20.1	Đường tỉnh 936	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	Ngã tư giao Đường huyện 56 với Đường tỉnh 937	1,35
		Ngã ba Đường tỉnh 937	Bến phà Dù Tho	1,35
		Bến phà Dù Tho	Ngã ba ấp Hòa Hinh (Tuyến nhánh nối với Đường tỉnh 936)	1,35
		Ngã ba ấp Hòa Hinh (Tuyến nhánh nối với Đường tỉnh 936)	Cống Đập Đá	1,35
20.2	Đường tỉnh 936B	Ngã ba ấp Hòa Hinh (Tuyến nhánh nối với Đường tỉnh 936)	Giáp ranh xã Hòa Tú	1,35
20.3	Đường huyện 51	Giáp ranh xã Hòa Tú	Đường tỉnh 936	1,15
20.4	Đường huyện 55 (Tuyến nhánh)	Đường huyện 51	Hết ranh đất Nhà ông Trần Văn Sang (Đoạn trải nhựa)	1,15
20.5	Đường huyện 15	Đường tỉnh 936	Hết ranh đất Trường Tiểu học Ngọc Đông 1	1,15
		Giáp ranh đất Trường Tiểu học Ngọc Đông 1	Hết ranh Trạm Y tế xã Ngọc Đông (cũ)	1,15
		Giáp ranh Trạm Y tế xã Ngọc Đông (cũ)	Giáp ranh xã Hòa Tú	1,25

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
20.6	Đường tỉnh 937 (Đường huyện 56 cũ)	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	Ngã tư giao Đường huyện 56 với Đường tỉnh 937	1,25
20.7	Đường huyện 56	Ngã tư giao Đường huyện 56 với Đường tỉnh 937	Ngã ba Đường huyện 56 (Cặp Khu Thể thao Đa năng Tham Đôn cũ)	1,35
		Ngã ba Đường huyện 56 (Cặp Khu Thể thao Đa năng Tham Đôn cũ)	Giáp ranh xã Nhu Gia	1,35
20.8	Đường huyện 56 (cũ)	Ngã ba Đường huyện 56 (Cặp Khu Thể thao Đa năng Tham Đôn cũ)	Ngã ba Đường huyện 56 (Hướng về xã Nhu Gia)	1,15
20.9	Đường huyện 57	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	Đường tỉnh 936	1,15
		Đường tỉnh 936	Giáp ranh xã Nhu Gia	1,15
20.10	Đường tỉnh 937 (Đường Trục phát triển Tôm - Lúa huyện Mỹ Xuyên (cũ))	Ngã tư giao Đường huyện 56 với Đường tỉnh 937	Cầu Dù Tho	1,25
		Cầu Dù Tho	Giáp ranh xã Hòa Tú	1,25
		Tuyến nhánh nối với Đường tỉnh 936		1,25
20.11	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	Giáp ranh phường Khánh Hòa (Sông Cổ Cò)	Giáp ranh xã Hòa Tú	1,15
20.12	Đường đal trước UBND xã Ngọc Tố (cũ)	Đường tỉnh 936	Hết ranh đất Trường THCS Ngọc Tố	1,40
20.13	Khu vực chợ Cổ Cò	Khu Trung tâm chợ (Giới hạn bởi: Cầu Hòa Lý, Sông Cổ Cò, Đường đal vào Cầu Miễu Lẩm, Đường tỉnh 936 và 936B)		1,08
20.14	Khu tái định cư Tham Đôn	Các tuyến đường trong Khu tái định cư		1,12
20.15	Đường nhựa Bưng Chụm - Trà Mẹt	Chùa Tắc Gồng	Cầu Trà Mẹt	1,15
		Cầu Trà Mẹt	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	1,15
21	**Xã Trường Khánh**			
21.1	Quốc lộ 60	Giáp ranh xã Đại Ngãi	Hết ranh đất Trường THCS Dương Kỳ Hiệp	1,18
		Giáp ranh đất Trường THCS Dương Kỳ Hiệp	Cầu Trường Khánh	1,05
		Cầu Trường Khánh	Giáp ranh phường Sóc Trăng	1,18
21.2	Đường tỉnh 932D	Quốc lộ 60	Cầu Thanh Niên Trường Thành B	1,25
		Cầu Thanh Niên Trường Thành B	Giáp ranh xã Phú Tâm	1,25
21.3	Đường tỉnh 935B	Giáp ranh xã Đại Ngãi	Giáp ranh xã Tân Thạnh	1,15

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
21.4	Đường huyện 21	Giáp ranh xã Nhơn Mỹ	Quốc lộ 60	1,35
		Quốc lộ 60	Cầu Kênh Cây Dương	1,15
		Cầu Kênh Cây Dương	Rạch Mây Hắt	1,15
21.5	Đường huyện 22 (Đê tả sông Saintard)	Giáp ranh xã Đại Ngãi	Giáp ranh xã Tân Thạnh	1,15
21.6	Đường huyện 23	Đường tỉnh 935B	Giáp ranh xã Đại Ngãi (Cầu Ngang)	1,15
21.7	Đường cặp hông Chợ	Quốc lộ 60	Kênh Cầu Đen	1,35
		Đầu ranh đất ông Ngoãn	Hết ranh đất ông Rết	1,35
		Đầu ranh đất Ký Tuôi	Hết ranh đất ông Nghĩa	1,35
21.8	Các Đường còn lại trong khu vực chợ Trường Khánh	Đầu ranh đất ông Bình	Hết ranh đất Năm Kha	1,25
		Quốc lộ 60	Cầu Bà Chín	1,25
		Quốc lộ 60	Cầu Ông Tích	1,25
		Cầu Trường Khánh	Cầu Năm Thắng	1,25
		Đầu ranh đất ông Kia	Hết ranh đất Trường Tiểu học Trường Khánh B	1,25
		Giáp ranh đất Trường Tiểu học Trường Khánh B	Suốt tuyến	1,25
		Cầu Bà Chín	Cầu Thanh Niên Trường Thành B	1,25
		Hẻm Bác Sĩ Năm	Hết ranh đất nhà ông Lót	1,25
		Hẻm Hai Tráng	Suốt hẻm	1,25
21.9	Đường đal ấp Trường Thọ	Suốt tuyến		1,25
21.10	Các Đường còn lại khu vực phía Nam sông Giăng Cơ	Lộ cặp Kênh Thầy Rùa: Quốc lộ 60	Cầu Chữ Y (ấp Trường An)	1,25
		Cầu Chữ Y (Ấp Trường An)	Cầu Rạch Cọt	1,25
21.11	Các Đường còn lại khu vực phía Bắc Sông Giăng Cơ	Hẻm nhà Út Bá (đối diện ông Thạch Ngọc Bình, thửa đất số 346, tờ bản đồ số 05)	Suốt hẻm	1,25
		Hẻm Đào Chức (đối diện ông Tăng Lang, thửa đất số 279, tờ bản đồ số 05)	Rạch Trường Bình	1,25
		Hẻm ông Trần Tốt (đối diện thửa 283,1128, tờ bản đồ số 05)	Rạch Trường Bình	1,25
		Đường cặp Kênh Ông Cả: Quốc lộ 60	Hết đất ông Diệu (đối diện đất bà Trần Thị Pho, thửa số 1103, tờ bản đồ số 01)	1,25
		Cầu Đen	Hết ranh đất ông Giỏi	1,25
		Cầu Đen	Hết ranh đất ông Són (đối diện thửa 407, 408, tờ bản đồ số 05)	1,25

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
21.12	Đường vào Trường Cấp 2 - 3	Quốc lộ 60	Hết đường	1,35
22	**Xã Đại Ngãi**			
22.1	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Giáp ranh xã Nhơn Mỹ	Cầu Đại Ngãi	1,40
		Cầu Đại Ngãi	Đường tỉnh 935B	1,40
		Đường tỉnh 935B	Giáp ranh xã Long Phú	1,40
22.2	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu) (cũ)	Giao Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu) và Đường tỉnh 935B	Hết ranh đất Trung tâm Điện lực Long Phú	1,35
		Giáp ranh đất Trung tâm Điện lực Long Phú	Hết ranh đất ông Đặng Văn Gỡ	1,35
22.3	Quốc lộ 60	Ngã tư Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Cầu Mương Điều	1,18
		Cầu Mương Điều	Giáp ranh xã Trường Khánh	1,18
22.4	Đường nối Quốc lộ 60 - Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Quốc lộ 60	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	1,25
22.5	Đường tỉnh 935B	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Giáp ranh xã Phú Hữu	1,35
22.6	Đường huyện 20	Cầu Mương Điều	Giáp ranh xã Nhơn Mỹ	1,25
22.7	Đường huyện 22 (Đê tả sông Saintard)	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Giáp ranh xã Trường Khánh	1,15
22.8	Đường huyện 23 (Đường đal cặp kinh mới cũ)	Kênh Bà Xẩm	Giáp Kênh Ông Chín Giàn Bầu	1,25
		Giáp Kênh Ông Chín Giàn Bầu	Đường đal liền 3 ấp	1,25
22.9	Đường huyện 27	Đường tỉnh 935B	Giáp ranh xã Tân Thạnh	1,25
22.10	Các tuyến đường nội bộ xã	Ngã ba Vĩnh Thuận	Hẻm Bưu điện	1,08
		Đường 2 bên nhà lồng chợ Đại Ngãi		1,08
		Ngã ba Vĩnh Thuận	Ngã tư ông Vui (Tên cũ Ngã tư ông Thép)	1,08
		Ngã tư ông Vui (Tên cũ Ngã tư ông Thép)	Hết ranh đất Trạm cấp nước	1,08
		Ngã ba Vĩnh Thuận	Ngã ba Năm Lân	1,08
		Ngã ba Năm Lân	Hết đất Bến phà cũ	1,08
		Đường cặp Nhà thờ Đại Ngãi	Suốt tuyến	1,08
		Đầu ranh đất Bến phà Đại Ngãi	Hết ranh đất UBND thị trấn cũ (Giáp lộ hai chiều)	1,08
		Các tuyến đường còn lại trong khu vực Nhà máy Lợi Dân (cũ)		1,08
		Sông Hậu	Hết ranh đất ông Sĩ	1,08
		Giáp ranh đất ông Sĩ	Ngã tư Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	1,08

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
22.11	Đường cặp sông Saintard	Đầu ranh đất Bến phà cũ	Hẻm Tây Nam	1,12
		Hẻm Tây Nam	Hết ranh đất Tư Son	1,12
		Giáp ranh đất Tư Son	Hẻm Bảy Công	1,12
		Hẻm Bảy Công	Cầu An Đức	1,12
22.12	Đường xuống Bến phà Đại Ngãi	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Giáp Bến phà Đại Ngãi	1,25
22.13	Đường nối vào Khu tái định cư Trung tâm Điện lực Long Phú	Đường huyện 27	Giáp ranh Khu tái định cư Trung tâm Điện lực Long Phú	1,18
22.14	Khu tái định cư Trung tâm Điện lực Long Phú	Đường N2		1,05
		Đường D1; Đường N1		1,05
22.15	Các tuyến hẻm nội bộ xã	Hẻm cặp Tiệm vàng Di Long	Suốt hẻm	1,35
		Hẻm ông Chà	Suốt hẻm	1,35
		Hẻm ông Tỷ	Suốt hẻm	1,35
		Hẻm Ba Ánh	Suốt hẻm	1,35
		Hẻm Bảy Mol	Suốt hẻm	1,35
		Hẻm Năm Thắng	Suốt hẻm	1,35
		Hẻm ông Nu	Suốt hẻm	1,35
		Hẻm ông Huỳnh	Suốt hẻm	1,35
		Hẻm Bưu điện	Suốt hẻm	1,35
		Hẻm Thầy Nghĩa	Suốt hẻm	1,35
		Hẻm Ba Chấm	Suốt hẻm	1,35
		Hẻm Ngân hàng	Suốt hẻm	1,35
		Hẻm Tây Nam	Suốt hẻm	1,35
		Hẻm Lò Bún	Suốt hẻm	1,35
		Hẻm Cây Gòn	Suốt hẻm	1,35
		Hẻm Lợi Dân	Suốt hẻm	1,35
		Hẻm Bảy Công	Suốt hẻm	1,35
		Hẻm Điện Thờ Phật Mẫu	Suốt hẻm	1,35
		Hẻm Tổ Điện Lực	Suốt hẻm	1,35
		Hẻm Thiên Hậu Cung	Suốt hẻm	1,35
		Hẻm Đội thuế	Suốt hẻm	1,35
		Hẻm ông Trạng	Suốt hẻm	1,35
		Hẻm Hai Mành	Suốt hẻm	1,35
		Hẻm ông Hợp	Suốt hẻm	1,35
		Hẻm nhà ông Bọ	Hết nhà ông Vũ	1,35
		Bến phà Đại Ngãi	Giáp ranh xã Nhơn Mỹ	1,35
		Hẻm Ba Ngọt	Suốt hẻm	1,35
		Hẻm Ba Ngọt	Đường vào Trường Mẫu giáo	1,35
		Đường vào Trường Mẫu giáo	Hết ranh đất Trường Tiểu học Đại Ngãi A (cũ)	1,35
		Giáp ranh Trường Tiểu học Đại Ngãi A (cũ)	Hết đất ông Võ Văn Hai	1,35

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
22.16	Các tuyến đường nông thôn ấp Thạnh Đức	Đầu ranh đất Bến phà Thạnh Đức (cũ)	Giáp ranh đất Nhà máy nhiệt điện	1,15
		Đầu Vàm Sông Hậu (Cặp sông Saintard)	Đầu Kênh Bà Xẩm	1,15
		Ngã ba Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Ngã ba Đường đal xuống Bến phà (cũ)	1,15
22.17	Đường ra Cống Bào Biển	Kênh Bà Xẩm	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	1,25
22.18	Đường đal	Tuyến đường vào Khu tái định cư và các tuyến đường trong Khu tái định cư (Trừ các tuyến N2, D1, N1)		1,15
23	**Xã Tân Thạnh**			
23.1	Đường tỉnh 933	Giáp ranh xã Long Phú	Cầu Saintard	1,08
23.2	Đường tỉnh 935B	Giáp ranh xã Trường Khánh	Cống Cái Xe (Cống số 1)	1,15
		Cống Cái Xe (Cống số 1)	Đường tỉnh 934B	1,15
23.3	Đường tỉnh 934B	Giáp ranh phường Phú Lợi	Giáp ranh xã Tài Văn	1,19
23.4	Đường huyện 22 (Đê tả sông Saintard)	Giáp ranh xã Trường Khánh	Giáp ranh phường Sóc Trăng	1,15
23.5	Đường huyện 24	Đường tỉnh 933	Đường tỉnh 935B	1,15
23.6	Đường huyện 25	Đường tỉnh 933	Cầu Xóm Rẫy	1,15
23.7	Đường huyện 26	Đầu cầu liên ấp Tân Qui A - Kokô	Giáp ranh xã Long Phú	1,15
23.8	Đường huyện 27	Sông Bào Biển	Giáp ranh xã Đại Ngãi	1,25
23.9	Đường huyện 28	Đường tỉnh 935B	Đường huyện 26	1,15
23.10	Khu vực chợ Tân Thạnh	Đường tỉnh 935B	Sông Saintard	1,25
23.11	Khu vực chợ Cái Quanh	Cầu Cái Quanh	Hết đất ông Út Tài	1,35
		Ngã ba chợ Cái Quanh	Cầu Nhà Thờ	1,35
23.12	Đường cặp sông Saintard	Cống Cái Quanh	Hết ranh đất Nhà quản lý Cống Cái Xe	1,15
23.13	Lộ Hàm Trinh	Sông Băng Long	Cống Bà Cầm	1,15
23.14	Đường đal còn lại	Đầu ranh đất ông Út Tài	Đập Hai Hải	1,15
		Cầu Sanitard	Hết ranh đất Nhà ông Đặng Văn Giữa	1,15
23.15	Đường đal ấp Nhất (Ấp Ba)	Giáp ranh phường Sóc Trăng	Cầu Thanh Niên Trường An	1,15
24	**Xã Long Phú**			
24.1	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Giáp ranh xã Đại Ngãi	Giáp ranh xã Trần Đề	1,40
24.2	Đường tỉnh 933	Giáp ranh xã Tân Thạnh	Cầu Khoan Tang	1,08
24.3	Đường tỉnh 933C	Đường nối Đường tỉnh 933 với Đường tỉnh 933C	Kênh Hai Bào	1,08
		Kênh Hai Bào	Giáp ranh xã Trần Đề	1,08
24.4	Đường tỉnh 934B (Mạc Đĩnh Chi - Trần Đề)	Giáp ranh xã Tài Văn	Giáp ranh xã Liêu Tú	1,19

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
24.5	Đường nối Đường tỉnh 933 với Đường tỉnh 933C	Đường Đặng Quang Minh	Ngã ba giao Đường Đoàn Thế Trung với Đường tỉnh 933C	1,08
24.6	Đường huyện 26	Giáp ranh xã Tân Thạnh	Giáp ranh xã Tài Văn	1,15
24.7	Đường huyện 27	Đường tỉnh 933	Cầu số 2	1,15
		Cầu số 2	Cầu qua sông Bào Biển	1,15
24.8	Đường huyện 29	Giáp ranh xã Trần Đề	Giáp ranh xã Tài Văn	1,15
24.9	Đường Đoàn Thế Trung	Cầu Khoan Tang	Ngã ba giao Đường tỉnh 933C và Đường nối Đường tỉnh 933 với Đường tỉnh 933C	1,14
24.10	Đường Đặng Quang Minh	Vòng xuyến Ngã ba giao Đường Đoàn Thế Trung	Ngã tư giao Đường Đặng Quang Minh nối dài với Đường Lương Định Của	1,14
		Ngã tư giao Đường Đặng Quang Minh nối dài với Đường Lương Định Của	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	1,14
24.11	Đường Đặng Quang Minh nối dài	Ngã tư giao Đường Đặng Quang Minh với Đường Lương Định Của	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	1,10
24.12	Các tuyến hẻm thuộc Đường Đặng Quang Minh	Đường Đặng Quang Minh	Giáp ranh Khu tái định cư Chợ Đập Ấp 2	1,15
		Đường nội ô khu chợ Đập còn lại		1,15
		Đường Đặng Quang Minh	Suốt tuyến (Đà Lạt 3 cũ)	1,15
		Hẻm cặp Trường Tiểu học Long Phú C	Suốt hẻm	1,15
24.13	Đường đal cặp Trường Trung học cơ sở thị trấn Long Phú	Đường Đặng Quang Minh	Suốt tuyến	1,25
24.14	Đường Lương Định Của	Ngã tư giao Đường Đặng Quang Minh với Đường Đặng Quang Minh nối dài	Ngã ba Đình Thần Năm Ông	1,05
		Ngã ba Đình Thần Năm Ông	Cầu Tân Lập	1,05
24.15	Các tuyến hẻm thuộc Đường Lương Định Của	Hẻm cặp nhà lồng chợ Long Phú (Ấp 3)	Đường Lương Định Của (Đối diện Đình Ông)	1,08
		Các tuyến đường Khu Chăn nuôi (cũ)		1,08
24.16	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Đặng Quang Minh	Cầu Ba Tre	1,18
		Cầu Ba Tre	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu) (Ấp 2)	1,18
24.17	Đường đal cặp Đình Nguyễn Trung Trực	Đường Đặng Quang Minh	Suốt tuyến	1,15

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
24.18	Các tuyến hẻm thuộc Đường Đoàn Thế Trung	Ngã ba giao Đường Đoàn Thế Trung	Khu tái định cư ấp Tân Lập	1,12
		Đường nội ô Chợ Tân Long (ấp 5)	Suốt hẻm	1,12
24.19	Các tuyến hẻm thuộc Đường Đoàn Thế Trung	Hẻm Trường Tiểu học Long Phú A	Suốt hẻm	1,12
		Hẻm Tiệm vàng Sơn	Suốt hẻm	1,12
24.20	Đường đal cặp Ban chỉ huy Quân sự huyện Long Phú (cũ)	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu) (Ngã tư)	Cổng vào Ban chỉ huy Quân sự huyện Long Phú (cũ)	1,15
		Cổng vào Ban chỉ huy Quân sự huyện Long Phú (cũ)	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu) (Ngã ba)	1,15
24.21	Đường xuống Bến phà (Ấp 1)	Đường cặp Ban chỉ huy quân sự huyện Long Phú (cũ)	Sông Hậu	1,35
24.22	Đường đal cặp sông Băng Long (Ấp 4)	Cầu Băng Long (Đường Đoàn Thế Trung)	Cầu Tân Lập	1,12
		Cầu Tân Lập	Cầu Khoan Tang	1,12
24.23	Đường đal cặp sông Băng Long (Ấp 5)	Cầu Băng Long (Đường nối Đường tỉnh 933 với Đường tỉnh 933C)	Cầu qua Chùa Hải Long Phước	1,12
24.24	Đường đal Ấp 5 (Đường vào Nhà máy Mậu Xương)	Đường nối Đường tỉnh 933 với Đường tỉnh 933C	Đường đal cặp sông Băng Long (Ấp 5)	1,15
24.25	Đường cặp Chùa Tứk - Pray	Đường nối Đường tỉnh 933 với Đường tỉnh 933C	Hết ranh đất Chùa Tứk - Pray	1,35
		Giáp ranh đất Chùa Tứk - Pray	Ngã ba Lò Rèn	1,35
24.26	Đường đal vào Ấp Khoan Tang	Cầu Khoan Tang	Hết ranh đất Nhà ông Thạch Cơm	1,15
24.27	Lộ Vành Đai Sóc Mới - Tân Lập	Cách cầu Tân Lập về hướng Tây 200 mét và hướng Bắc 200 mét		1,25
24.28	Khu tái định cư Chợ Đập Ấp 2	Các thửa đất có mặt tiếp giáp với đường rộng 5 mét		1,12
		Các thửa đất có mặt tiếp giáp với đường rộng 3,5 mét		1,12
24.29	Khu tái định cư Ấp Tân Lập	Các tuyến đường trong Khu tái định cư		1,12
24.30	Đường đal vào khu Tà Lời	Đường tỉnh 933	Đường huyện 27	1,15
24.31	Đường đal Xả Chỉ	Đường tỉnh 933C	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	1,15
24.32	Đường cặp UBND xã Long Phú (cũ)	Đường tỉnh 933C	Cầu qua Kênh Bà Xẩm	1,15
25	**Xã Nhơn Mỹ**			
25.1	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Giáp ranh xã Thới An Hội	Cầu Mương Khai 2	1,18
		Cầu Mương Khai 2	Cầu Rạch Mọp	1,40
		Cầu Rạch Mọp	Đập Lớn	1,40
		Đập Lớn	Giáp ranh xã Đại Ngãi	1,18

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
25.2	Đường huyện 5B	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Cầu Mỹ Hội (Giáp ranh xã Thới An Hội)	1,19
25.3	Đường huyện 6	Giáp ranh xã Kế Sách	Giáp ranh xã Trường Khánh	1,35
25.4	Đường huyện 6 (Tuyến tránh khắc phục sạt lỡ)	Cầu Ba Miễu	Bến phà Năm Liêm	1,35
25.5	Đường huyện 20 (Lộ Khu 4)	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Cầu Trường Tiền	1,25
		Cầu Trường Tiền	Giáp ranh xã Đại Ngãi	1,25
25.6	Đường xuống Bến phà	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Bến phà mới	1,19
25.7	Đường đal Cầu Trắng	Giáp ranh xã Thới An Hội	Cầu An Phú Đông	1,15
25.8	Đường đal	Cầu An Phú Đông	Cầu Kênh Tắc	1,15
		Cầu An Mỹ	Giáp đường đal Cầu Trắng	1,15
		Cầu An Phú Đông	Cầu Mương Khai 2 (Giáp Quốc lộ 91B (Đường Nam sông Hậu))	1,15
		Cầu số 4	Cống Năm Khù (Giáp Quốc lộ 91B (Đường Nam sông Hậu))	1,15
		Cầu số 6	Cầu Trâm Bầu (giáp Đường huyện 5B)	1,15
		Ngã tư Quốc lộ 91B (Ấp Mỹ Huề)	Cống Âu Rạch Mọp	1,15
		Giáp ranh xã Kế Sách (Bờ Sông Quán)	Cống Thầy Ba	1,15
		Giáp ranh xã Kế Sách	Cầu Hai Lép	1,15
25.9	Trục Đường giữa cồn Mỹ Phước	Cầu Khém	Đầu Cồn	1,15
25.10	Đường đal An Nghiệp	Giáp ranh xã Kế Sách	Cầu Sáu Hái	1,15
25.11	Đường đal Phụng An - An Nghiệp	Cầu Bảy Phuông	Đường huyện 6 (Cầu Ba Miễu)	1,15
25.12	Tuyến Đường khu vực Trung tâm xã	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Vàm Song Phụng	1,15
25.13	Đường đal Rạch Bần	Cầu Rạch Bần	Giáp ranh xã Đại Ngãi	1,15
25.14	Đường đal Năm Nhát	Đường huyện 20	Đường đal Rạch Bần	1,15
25.15	Đường đal Kênh Xáng	Giáp ranh Trụ sở Đảng ủy	Đập Lớn	1,25
25.16	Đường đal vào Cống Âu Rạch Mọp	Đường huyện 20 (Nhà bà Nguyễn Thị Nga)	Cống Âu Rạch Mọp	1,25
25.17	Đường khu vực Trung tâm xã An Mỹ (cũ)	Ranh đất Trụ sở Công an xã	Cầu Đình	1,15
25.18	Đường đal còn lại	Cầu Trường Tiền	Bến đò An Mỹ	1,15
25.19	Khu tái định cư	Quỹ đất tái định cư (04 tuyến đal khu vực chợ)		1,12

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
25.20	Đường đal Chợ Nhơn Mỹ	Ngã tư xuống Bến phà	Chợ Nhơn Mỹ	1,35
26	**Xã An Lạc Thôn**			
26.1	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Ngã tư Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Cầu Mương Khai	1,13
		Ngã tư Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Hết đất Trường cấp 2 - 3 (cũ)	1,13
		Ngã tư Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Hết ranh đất Mai Văn Dũng	1,13
		Cầu Mương Khai	Cầu Cái Cau	1,13
		Cầu Cái Cau	Cầu Cái Trâm	1,13
		Cầu Cái Trâm	Cầu Phèn Đen (Giáp ranh xã Thới An Hội)	1,18
26.2	Đường huyện 1	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Sông Hậu	1,08
26.3	Đường huyện 3	Cầu Lộ Đá	Cầu Lầu Bà	1,18
26.4	Đường huyện 3	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Kênh Lộ Đá	1,12
26.5	Đường huyện 4	Cầu Sóc Tổng (ranh xã Thới An Hội)	Giáp ranh xã Ba Trinh	1,35
26.6	Đường tỉnh 932	Giáp ranh xã Thới An Hội (Sông Rạch Vọp)	Giáp ranh Cầu Ấp Phèn Đen xã An Lạc Thôn	1,05
26.7	Đường tỉnh 932B	Ngã tư Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Cống Rạch Bối	1,08
		Cống Rạch Bối	Cầu Rạch Bần (Ranh xã Xuân Hòa cũ)	1,08
		Cầu Rạch Bần (Ranh thị trấn An Lạc Thôn cũ)	Cầu Bờ Dọc	1,08
		Cầu Bờ Dọc	Đập Chín La	1,08
		Đập Chín La	Giáp ranh xã Đại Hải	1,35
26.8	Tuyến tránh Đường tỉnh 932B	Rạch Bần	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	1,18
26.9	Đường chợ chính	Đầu ranh đất Hoàng Ba	Hết ranh đất ông Lê Trọng Lập	1,10
		Giáp ranh đất ông Lê Trọng Lập	Sông Hậu	1,10
		Đầu ranh đất ông Dư (Nước Đá)	Hết ranh đất Chùa Bà	1,10
		Đầu ranh đất ông Sành	Hết ranh đất ông Tư Minh	1,10
		Đầu ranh đất Tiệm vàng Hồng Nguyên	Cầu ông Lý Ớ	1,08
		Cầu ông Lý Ớ	Ngã tư Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	1,08
		Đầu ranh đất bà Bảy Lành (Giáp ranh Chùa Bà)	Cầu Kênh Đào	1,08

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
26.10	Đường Khu Hành Chính	Đường tỉnh 932B	Rạch Mương Khai	1,08
26.11	Đường bờ sông	Đầu ranh đất Nguyễn Văn Lượng	Ngã ba Tám Khải	1,25
		Đầu ranh đất bà Nguyễn Ngọc Thảo	Sông Cái Côn	1,25
26.12	Đường vô phân viện	Đầu ranh đất ông Quốc Lương	Hết ranh đất Mười Kết	1,08
26.13	Đường đal Trường Tiểu học	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Đường Khu Hành Chính	1,08
26.14	Đường đal Trường Trung học	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Đường Khu Hành Chính	1,25
26.15	Đường Dân Sinh Hàng Cau ấp An Ninh	Giáp ranh Xưởng tôn Hồng Cúc	Sông Hậu	1,40
26.16	Khu tái định cư An Lạc Thôn	Đường D4 (Đường trục chính)		1,09
		Đường D3; Đường N1; Đường N2 (Đường nội bộ)		1,09
26.17	Đường huyện 1 đến Nghĩa trang liệt sĩ	Suốt tuyến		1,15
26.18	Đường mới về UBND xã Trinh Phú (cũ)	Đường tỉnh 932	UBND xã Trinh Phú (cũ)	1,35
26.19	Đường đal mở rộng	Cầu Hai Nam	Cầu Thanh Niên Ấp 1	1,15
		Cầu Ba Chợ	Giáp ranh xã Đại Hải	1,15
26.20	Đường Thanh Tâm - Tha La (Ấp 1)	Cầu số 1	Cầu Tha La	1,15
26.21	Đường Cái Cau bờ Bắc	Giáp ranh thị trấn An Lạc Thôn (cũ)	Hết ranh Chùa Thiên Phước	1,15
26.22	Đường vào Khu căn cứ Huyện ủy (xã Xuân Hòa cũ)	Đường tỉnh 932B	Giáp ranh xã Đại Hải	1,15
26.23	Đường xã Nông Thôn Mới xã Xuân Hòa (cũ) nối Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Đường tỉnh 932B	Giáp ranh thị trấn An Lạc Thôn cũ	1,25
26.24	Đường Cầu Lộ Đất	Cầu Lộ Đất	Đường huyện 3	1,15
27	**Xã Kế Sách**			
27.1	Đường tỉnh 932	Đường Phan Văn Hùng	Hết ranh đất Nghĩa trang xã Kế Sách	1,12
		Giáp ranh đất Nghĩa trang xã Kế Sách	Cầu NaTưng	1,12
27.2	Đường tỉnh 932 (Đường Vòng cung cũ)	Trường Tiểu học Kế Sách 1	Cầu Trắng	1,05
27.3	Đường tỉnh 932C (Đường huyện 2 cũ)	Cầu Bưng Tiết	Cầu Kế Thành	1,35
27.4	Đường tỉnh 932C	Cầu Kế Thành	Cầu số 1	1,35
27.5	Đường huyện 7 (Ấp An Phú)	Đường tỉnh 932	Đường Vành Đai	1,12
27.6	Đường 30 Tháng 4	Đầu ranh đất Nhà Thầy Lén	Cầu sắt Kế Sách	1,10

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
27.7	Đường Ung Công Uẩn	Đầu cầu An Mỹ	Ngã tư Ung Công Uẩn	1,10
		Ngã Tư Ung Công Uẩn	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1,10
		Cầu An Mỹ	Ngã ba Bến đò	1,10
		Ngã ba Bến đò	Cống Mười Mót	1,10
		Cống Mười Mót	Sông Quán (Giáp ranh xã Nhơn Mỹ)	1,15
27.8	Đường Phan Văn Hùng	Đường tỉnh 932	Cầu sắt Kế Sách	1,07
		Cầu sắt Kế Sách	Hết ranh đất Trường Mẫu giáo	1,07
		Giáp ranh đất Trường Mẫu giáo	Cầu Trắng	1,07
27.9	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường tỉnh 932	Cầu Lò Gạch (Cầu kênh Nổi)	1,18
27.10	Đường 3 Tháng 2	Suốt tuyến		1,10
27.11	Đường Bạch Đằng	Suốt tuyến		1,08
27.12	Đường Nguyễn Văn Thơ	Suốt tuyến		1,14
27.13	Đường Lê Văn Lợi	Đường 30 Tháng 4	Đường Phan Văn Hùng	1,08
27.14	Đường Nguyễn Trung Tĩnh	Đường 30 Tháng 4	Đường Lê Văn Lợi	1,12
27.15	Đường Thiều Văn Chỏi	Đường Phan Văn Hùng	Cống 575	1,08
27.16	Đường Lê Lợi	Cầu Sắt	Đường Phan Văn Hùng	1,18
		Cầu Sắt	Kênh 8 mét	1,18
27.17	Đường Nguyễn Hoàng Huy	Cầu Suối Tiên	Bến đò cũ	1,08
27.18	Đường đal đi Kế Thành	Cầu Lò Gạch (Cầu kênh Nổi)	Cầu Bưng Tiết (Kế Thành)	1,18
27.19	Đường xuống Bến đò cũ	Bến đò	Đường huyện 6	1,08
27.20	Đường đal Khu tái định cư Phương Nam (Đường vô Trụ sở Công an cũ)	Đường Ung Công Uẩn	Đường Thiều Văn Chỏi	1,18
27.21	Đường Lê Văn Tám (Ấp An Thành)	Đường Phan Văn Hùng	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1,05
27.22	Đường đal An Ninh 2 (Dọc Sông số 1)	Bến đò	Cổng Trạm Xăng dầu	1,25
27.23	Đường Đấu Nối vào Trung tâm Thương mại	Đường Nguyễn Hoàng Huy	Giáp Trung tâm Thương mại	1,18
		Giáp Trung tâm Thương mại	Rạch An Nghiệp	1,18
27.24	Đường đal Khu tái định cư Trung tâm thương mại ấp An Ninh 2	Suốt tuyến		1,18
27.25	Hẻm 1 (Vũ Hùng - 6 Gấm)	Đường Bạch Đằng	Đường 30 Tháng 4	1,35
27.26	Hẻm 2 (Nhà Châu Văn Lâm)	Đường Bạch Đằng	Đường 30 Tháng 4	1,18
27.27	Hẻm 3 (Bà Giàu)	Giáp ranh nhà bà Giàu	Hết đất ông Hà Ngọc Em	1,18
27.28	Hẻm 4 (Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị)	Suốt tuyến		1,35

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
27.29	Đường trong Khu dân cư - Thương mại	Khu A, K1, K2, I1, I2, G1, G2, E1, F1, F2		1,11
		Khu H1, H2, E2		1,11
		Khu B, C, D		1,11
27.30	Đường N11 (ấp An Khương)	Đường tỉnh 932 (Đường vòng cung cũ)	Cầu Bưng Túc	1,19
28	**Xã Thới An Hội**			
28.1	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Cầu Trà Ếch (Giáp ranh xã Nhơn Mỹ)	Cống Hai Liềm	1,18
		Cống Hai Liềm	Cầu Rạch Vọp	1,18
		Cầu Rạch Vọp	Cầu Phèn Đen (Giáp ranh xã An Lạc Thôn)	1,18
28.2	Đường tỉnh 932	Trụ sở Đảng ủy xã	Cầu Ninh Thới	1,05
		Cầu Ninh Thới	Cầu Hai Vọng	1,05
		Cầu Hai Vọng	Cầu Chùa PôThiThLâng	1,05
		Cầu Chùa PôThiThLâng	Cầu Trắng	1,05
28.3	Đường Phan Văn Hùng	Cầu Trắng	Giáp ranh xã Kế Sách	1,07
28.4	Đường huyện 5B	Cầu Chùa PôThiThLâng	Cầu Mỹ Hội (Giáp ranh xã Nhơn Mỹ)	1,19
28.5	Đường huyện 4	Cầu Sóc Tổng (Giáp ranh xã An Lạc Thôn)	Cầu Xóm Đồng	1,35
		Cầu Xóm Đồng	Cống 8 Chanh	1,35
		Cống 8 Chanh	Hết ranh trụ sở Đảng ủy xã	1,35
		Cầu Ninh Thới	Cầu Thị Hồ	1,35
		Cầu Thị Hồ	Ngã tư Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	1,35
		Ngã tư Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Hết ranh Trụ sở UBND xã	1,35
28.6	Đường về cầu đi Trinh Phú (tuyến mới)	Đường huyện 4	Cầu Thới An Hội - Trinh Phú	1,12
28.7	Đường vòng cung Trường Mẫu giáo	Đường tỉnh 932	Đường huyện 4	1,08
28.8	Khu vực Chợ cũ	Cầu qua Chợ cũ	Nhà thờ Tin Lành	1,35
28.9	Đường đal Cầu Trắng	Cầu Trắng	Giáp ranh xã Nhơn Mỹ	1,15
28.10	Chợ Cầu Lộ	Các đường nội bộ trong Chợ		1,09
28.11	Chợ An Lạc Tây	Các đường nội bộ trong Chợ		1,25
29	**Xã Đại Hải**			
29.1	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Hồ Đắc Kiện	Giáp ranh phường Ngã Bảy	1,05
29.2	Đường tỉnh 932B (cũ)	Quốc lộ 1A	Cống Vũ Đảo	1,35
		Cống Vũ Đảo	Ngã ba đất bà Mạch Thị Quê	1,35
		Ngã ba đất bà Mạch Thị Quê	Cầu Mang Cá 1	1,35
		Cầu Mang Cá 1	Ngã ba giao Đường tỉnh 932B	1,35
		Ngã ba giao Đường tỉnh 932B	Giáp ranh xã An Lạc Thôn	1,35

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
29.3	Đường tỉnh 932B	Quốc lộ 1A	Kênh thủy lợi (Cống Vũ Đảo)	1,35
		Kênh thủy lợi (Cống Vũ Đảo)	Giáp Đường dẫn cầu Mang cá 1 và Mang cá 2	1,35
		Đường tỉnh 932B (cũ)	Đường tỉnh 932C	1,35
		Đường tỉnh 932C	Ngã ba giao Đường tỉnh 932B (cũ)	1,35
29.4	Đường tỉnh 932C	Giáp ranh Trụ sở UBND xã Đại Hải	Cầu Số 1 (Giáp ranh xã Kế Sách)	1,35
29.5	Đường huyện 3	Đường tỉnh 932B	Rạch Đường Độn (Giáp ranh xã An Lạc Thôn)	1,18
29.6	Đường huyện 4	Đường tỉnh 932B	Hết ranh Cửa hàng xăng dầu Tuấn Phát	1,35
		Cửa hàng xăng dầu Tuấn Phát	Hết ranh Trường Tiểu học Ba Trinh	1,35
		Giáp ranh Trường Tiểu học Ba Trinh	Giáp ranh xã An Lạc Thôn	1,35
29.7	Khu vực Chợ Mang Cá	Hết ranh Trụ sở UBND xã Đại Hải	Hết ranh Chùa Thánh Tịnh Phụng Thiên	1,12
		Khu vực nhà lồng Chợ Mang Cá		1,12
29.8	Đường Mang Cá - Đại Thành	Cầu Đen	Giáp ranh phường Ngã Bảy	1,19
29.9	Đường Kênh Lầu	Cầu Mang Cá 1	Hết ranh đất ông Đắc (Ấp Đông Hải)	1,35
		Ranh đất ông Đắc (Ấp Đông Hải)	Quốc lộ 1A	1,35
29.10	Đường cặp Kênh Nam Hải	Quốc lộ 1A	Hết lộ đal hiện hữu	1,15
		Quốc lộ 1A (Ranh Nhà thờ Đại Hải) hướng qua Nhà thờ Tân Hải	Hết lộ đal hiện hữu	1,15
29.11	Đường cặp Kênh 25 (Vnsat)	Trạm bơm Mang Cá	Quốc lộ 1A	1,15
29.12	Tuyến Đường Tập đoàn 2 ấp Đông Hải (Phía bên sông đối diện Quốc lộ1A)	Cống Tiếp Nhựt (Ấp Ba Rinh)	Giáp ranh xã Hồ Đắc Kiện	1,15
29.13	Khu Trung tâm Đảng ủy xã Đại Hải	Giáp ranh Trụ sở Đảng ủy xã Đại Hải	Cầu Mảnh Chi	1,15
		Cầu Mảnh Chi	Giáp ranh xã An Lạc Thôn	1,15
		Đường huyện 4	Hết ranh Đài tưởng niệm	1,15
29.14	Đường Đảng Ủy - Đường huyện 4 (Lầu Bà)	Hết đất Dương Phức Mãi	Cầu Lầu Bà 2 (Đường huyện 3)	1,15
29.15	Khu tái định cư Quốc lộ 1A, giai đoạn 1, 2	Suốt tuyến		1,11

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
30	**Xã Phú Tâm**			
30.1	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Hồ Đắc Kiện	Hết ranh đất Cây xăng Vạn Phúc Lộc (Hết thửa số 669, tờ bản đồ số 8)	1,05
		Giáp ranh đất Cây xăng Vạn Phúc Lộc (Giáp thửa số 669, tờ bản đồ số 8)	Hết ranh đất UBND thị trấn (cũ)	1,05
		Giáp ranh đất UBND thị trấn (cũ)	Giáp ranh xã Thuận Hòa	1,05
30.2	Đường tỉnh 932	Cầu Phú Tâm	Hết ranh đất Trạm Y tế	1,12
		Giáp ranh đất Trạm Y tế	Kênh Ống Bọng	1,12
		Kênh Ống Bọng	Giáp ranh xã Kế Sách	1,12
30.3	Đường tỉnh 932D	Đường tỉnh 939B	Giáp ranh xã Thuận Hòa	1,15
30.4	Đường tỉnh 939B	Giáp ranh xã Thuận Hòa	Hết ranh đất Cây xăng Quang Minh	1,19
		Giáp ranh đất Cây xăng Quang Minh	Cầu Chợ Thuận Hòa	1,19
30.5	Đường Trần Phú (Đường tỉnh 939B)	Quốc lộ 1A	Đường vào Khu tái định cư Xây Đá	1,50
		Đường vào Khu tái định cư Xây Đá	Đường Trần Hưng Đạo	1,50
30.6	Đường tỉnh 939B	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu 30 Tháng 4	1,25
		Cầu 30 Tháng 4	Cầu Bảy Quýt	1,25
30.7	Đường Hùng Vương	Quốc lộ 1A	Đường Phạm Ngũ Lão	1,10
		Đường Phạm Ngũ Lão	Đường Trần Hưng Đạo	1,10
30.8	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trần Phú (Đường tỉnh 939B)	Đường Hùng Vương	1,05
30.9	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Trần Phú (Đường tỉnh 939B)	Đường Hùng Vương	1,25
30.10	Đường Bạch Đằng	Đường Hùng Vương	Giáp ranh xã Thuận Hòa	1,25
30.11	Đường Ngô Quyền	Đường tỉnh 939B	Cống Ông Minh	1,15
		Cống Ông Minh	Giáp ranh xã Thuận Hòa	1,15
30.12	Đường huyện 93	Cống Thuận Hòa	Giáp ranh xã Hồ Đắc Kiện	1,15
30.13	Đường huyện 94	Đường tỉnh 932	Cầu Kênh 79	1,25
		Cầu Kênh 79	Cầu Bảy Quýt	1,25
30.14	Đường huyện 97	Đường huyện 94	Giáp ranh xã Thuận Hòa	1,35
30.15	Đường A4 (Đường vào UBND thị trấn)	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Trụ sở UBND thị trấn	1,25
30.16	Đường Miếu Quan Đế	Giáp ranh đất Miếu Quan Đế	Kênh Lương Sơn Bá	1,15
		Kênh Lương Sơn Bá	Đường Cầu Chùa đi xã Trường Khánh	1,15
30.17	Đường Giồng Cát đi Mỏ Neo	Cầu Giồng Cát	Mỏ Neo (Giáp ranh xã Đại Hải)	1,15

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
30.18	Đường Cầu Chùa đi xã Trường Khánh	Đường tỉnh 932	Kênh Lương Sơn Bá	1,25
		Kênh Lương Sơn Bá	Giáp ranh xã Trường Khánh	1,25
30.19	Chợ Thuận Hòa	Đường hai bên nhà lồng Chợ		1,10
		Các Đường nội bộ trong khu vực Chợ		1,10
30.20	Chợ Phú Tâm	Đường hai bên nhà lồng Chợ		1,05
		Các Đường nội bộ trong khu vực Chợ		1,05
30.21	Khu tái định cư Xây Đá	Khu tái định cư Xây Đá đã đầu tư cơ sở hạ tầng		1,12
		Vị trí tiếp giáp Khu tái định cư chưa đầu tư cơ sở hạ tầng		1,12
30.22	Khu tái định cư Quốc lộ 1A	Các đường khác trong Khu tái định cư		1,11
		Các vị trí tiếp giáp Khu tái định cư		1,11
31	**Xã An Ninh**			
31.1	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Thuận Hòa	Hết ranh đất Cây xăng Mỹ Trân	1,40
		Giáp ranh đất Cây xăng Mỹ Trân	Hết cống (Gần Nhà bà Lý Sà Nen)	1,40
		Giáp cống (Gần Nhà bà Lý Sà Nen)	Giáp ranh phường Sóc Trăng	1,40
31.2	Tuyến tránh Quốc lộ 60	Cầu Kênh 30 Tháng 4	Giáp ranh xã Thuận Hòa	1,13
31.3	Đường tỉnh 938	Giáp ranh phường Sóc Trăng	Đường tỉnh 932 nối dài (Đường đi Chông Nô cũ)	1,35
		Đường tỉnh 932 (Đường đi Chông Nô cũ)	Hết ranh đất Trường tiểu học An Ninh D	1,35
		Giáp ranh đất Trường Tiểu học An Ninh D	Đường tỉnh 939	1,35
31.4	Đường tỉnh 939	Đường tỉnh 938 (Cầu Trắng)	Hết ranh đất Nhà máy Ông Ba Chiến (Thửa số 1521, tờ bản đồ số 04)	1,19
		Giáp ranh đất Nhà máy ông Ba Chiến (Thửa số 1521, tờ bản đồ số 04)	Giáp ranh xã Mỹ Hương	1,19
31.5	Đường tỉnh 932 nối dài (Đường đi Chông Nô cũ)	Đường tỉnh 938	Cầu Kênh 76	1,12
		Cầu Kênh 76	Đường huyện 90	1,12
		Đường huyện 90	Cầu Bưng Tróp A	1,12
		Cầu Bưng Tróp A	Hết đất Chùa Peng Som Rath	1,12
		Chùa Peng Som Rath	Cầu An Trạch	1,12
		Cầu An Trạch	Quốc lộ 1A	1,12
31.6	Đường tỉnh 932	Quốc lộ 1A	Đường vào Trường Tiểu học An Hiệp A	1,19
		Đường vào Trường Tiểu học An Hiệp A	Giáp ranh xã Thuận Hòa	1,19
31.7	Đường huyện 90 (Đi Sóc Vồ)	Đường Sóc Vồ	Kênh 26 Tháng 3	1,15
		Kênh 26 Tháng 3	Kênh 77	1,15
		Kênh 77	Đường tỉnh 932 nối dài	1,15
31.8	Đường huyện 93	Đường Sóc Vồ	Đường tỉnh 932 nối dài	1,15
		Đường tỉnh 932 nối dài	Giáp ranh xã Thuận Hòa	1,15

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
31.9	Đường huyện 90 (Đi xã Hồ Đắc Kiện)	Đường tỉnh 932 nối dài	Cầu An Hiệp B	1,15
		Cầu An Hiệp B	Giáp ranh xã Hồ Đắc Kiện	1,15
31.10	Đường Sóc Vồ	Quốc lộ 1A	Cầu Sóc Vồ	1,15
		Cầu Sóc Vồ	Đường tỉnh 938	1,15
31.11	Hẻm Ấp Châu Thành	Các Hẻm xóm 1, 2, 3, 4 thuộc Ấp Châu Thành		1,15
31.12	Chợ An Trạch	Hai bên và dãy dưới nhà lồng chợ		1,08
31.13	Khu tái định cư	Cả khu		1,12
31.14	Đường vào Khu tái định cư	Suốt tuyến		1,35
31.15	Đường vào Trường Tiểu học An Hiệp qua Khu tái định cư	Suốt tuyến		1,35
31.16	Hẻm Chợ Bố Thảo	Đầu ranh đất bà Léng (Thửa đất số 1176, tờ bản đồ số 06)	Hết ranh đất bà Nguyên (Thửa đất số 1195, tờ bản đồ số 6)	1,40
		Đầu ranh đất bà Dân (Thửa đất số 1178, tờ bản đồ số 6)	Hết ranh đất ông Xe (Thửa đất số 1226, tờ bản đồ số 6)	1,40
31.17	Các hẻm trung tâm xã An Ninh cũ (ấp Châu Thành, xã An Ninh mới)	Các hẻm thuộc ấp Châu Thành		1,12
		Hai bên nhà lồng Chợ cũ (Chợ Bố Thảo)		1,12
		Đường vào Sân bóng cũ		1,12
32	**Xã Thuận Hòa**			
32.1	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã An Ninh	Giáp ranh xã Phú Tâm	1,40
32.2	Quốc lộ 60	Giáp ranh xã An Ninh	Giáp ranh phường Sóc Trăng	1,13
32.3	Đường tỉnh 939B (Đường tỉnh 14)	Giáp ranh xã Phú Tâm	Giáp ranh xã Hồ Đắc Kiện	1,12
32.4	Đường tỉnh 932	Giáp ranh xã An Ninh	Hết ranh đất Trường Tiểu học Phú Tân A	1,19
		Giáp ranh đất Trường Tiểu học Phú Tân A	Hết ranh đất Tịnh Xá Ngọc Tâm	1,19
		Giáp ranh đất Tịnh Xá Ngọc Tâm	Giáp ranh xã Phú Tâm	1,19
32.5	Đường huyện 90	Đường tỉnh 939B (Đường tỉnh 14)	Giáp ranh xã Hồ Đắc Kiện	1,15
32.6	Tuyến Đê Bao Thuận Hòa (Đường huyện 93)	Giáp ranh xã Phú Tâm	Hết ranh đất Chùa Trà Quýt (cũ)	1,15
		Giáp ranh đất Chùa Trà Quýt (cũ)	Giáp ranh xã An Ninh	1,15
32.7	Đường huyện 95	Cầu Ông Cường	Giáp ranh xã Phú Tâm	1,15
32.8	Đường huyện 96	Đường đal Kênh 30 Tháng 4	Giáp ranh xã Trường Khánh	1,15
32.9	Đường huyện 97	Quốc lộ 1A	Kênh Hai Sum	1,35
		Kênh Hai Sum	Giáp ranh xã Phú Tâm	1,35
32.10	Đường vào Trại Giống	Quốc lộ 1A	Trại thực nghiệm giống vật nuôi	1,15

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
32.11	Đường bao quanh Đảng ủy xã Thuận Hòa	Đường huyện 97	Hết đất Trường Tiểu học Thuận Hòa B	1,15
		Suốt tuyến		1,15
		Đường huyện 97	Hết đất Trạm Y tế xã Thuận Hòa	1,15
32.12	Đường vào UBND xã Thuận Hòa	Đường tỉnh 932	Hết ranh đất Trụ sở UBND xã Thuận Hòa	1,25
32.13	Đường vào Khu du lịch văn hoá Giếng Tiên	Đường tỉnh 932	Cổng vào Khu du lịch văn hóa Giếng Tiên	1,35
32.14	Đường đal Sa Bâu	Đường huyện 93	Đường đal Kênh Ông Ướng	1,15
32.15	Đường đal Kênh 6 A1	Quốc lộ 1A	Rạch Hàng Bần	1,15
32.16	Đường đal Kênh Ông Ướng	Đường huyện 93	Giáp ranh xã Hồ Đắc Kiện	1,15
32.17	Đường đal Tư Lung - Bảy Trang	Đường huyện 93	Giáp ranh xã An Ninh	1,15
32.18	Đường đal Kênh Cống 1	Đường tỉnh 939B (Đường tỉnh 14)	Đường đal Kênh Ông Ướng	1,15
32.19	Đường đal Rạch Trà Canh Ruộng	Đường đal Kênh 85, Ấp Trà Canh	Đường đal Tư Lung - Bảy Trang	1,15
32.20	Đường đal Kênh 30 Tháng 4	Hết ranh đất ông Hoàng	Cầu 30 Tháng 4	1,15
		Cầu 30 Tháng 4	Giáp ranh phường Sóc Trăng	1,15
32.21	Đường đal	Đường tỉnh 932	Chùa Bốn Mặt	1,15
		Đường tỉnh 932	Đường đal 135	1,15
		Đường tỉnh 932	Đường vào Đình Phước Hưng	1,15
		Giáp ranh đất ông Hoàng	Cổng Chùa ChamPa	1,15
		Cổng chùa ChamPa	Hết ranh đất bà Hạnh	1,15
33	**Xã Hồ Đắc Kiện**			
33.1	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Đại Hải	Giáp ranh xã Phú Tâm	1,05
33.2	Đường huyện 92	Đường huyện 93	Cầu Kênh Cũ	1,35
		Cầu Kênh Cũ	Đường bê tông Phân Trường Phú Lợi	1,35
33.3	Đường đal	Đường huyện 92	Cầu Kênh Gòn (Phía trước UBND xã Hồ Đắc Kiện)	1,12
33.4	Đường huyện 93	Giáp ranh xã Đại Hải	Giáp ranh xã Phú Tâm	1,15
33.5	Tuyến Đường vào Trường Mẫu giáo Hồ Đắc Kiện	Đường huyện 93	Hết ranh đất Trường Mẫu giáo Hồ Đắc Kiện	1,15
33.6	Đường Kênh 12	Cầu Hai Giỏi	Cầu Đắc Thắng (Cầu phía trước Trụ sở Đảng ủy xã)	1,15
33.7	Đường Kênh Sáu Lái	Đường huyện 93	Đường bờ Tây Kênh Ba Rinh mới	1,15
33.8	Đường bờ Tây Kênh Ba Rinh mới (Ba Rinh mới A)	Cầu Kênh Gòn (Từ tâm 54) đi xã Mỹ Hương	Hết đoạn bờ kè, ấp Đắc Thắng	1,15
		Giáp ranh đất Trạm Y tế xã Hồ Đắc Kiện	Giáp ranh xã Đại Hải	1,15
		Hết đoạn bờ kè, ấp Đắc Thắng	Giáp ranh xã Mỹ Hương	1,15

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
33.9	Đường bờ Đông Kênh Ba Rinh mới "Ba Rinh mới B"	Giáp ranh xã Đại Hải	Giáp ranh xã Mỹ Hương	1,15
33.10	Đường bờ Đông Kênh Ba Rinh cũ	Giáp ranh xã Đại Hải	Đường Kênh 12 (Cầu Đắc Thắng)	1,15
33.11	Đường bờ Tây Kênh Ba Rinh cũ	Giáp ranh xã Đại Hải	Kênh Tân Phước	1,15
33.12	Đường Bờ bao Phân Trường	Giáp ranh xã Đại Hải	Giáp ranh xã Long Hưng	1,15
33.13	Đường tỉnh 939B	Giáp ranh xã Thuận Hòa	Cầu An Tập	1,12
		Cầu An Tập	Hết ranh đất Trụ sở VNPT	1,12
		Giáp ranh đất Trụ sở VNPT	Giáp ranh xã Mỹ Hương	1,12
33.14	Khu vực nhà lồng Chợ (Thiện Mỹ cũ)	Đường hai bên nhà lồng chợ		1,09
		Đường phía sau nhà lồng chợ		1,09
33.15	Đường huyện 90	Đường tỉnh 939B	Giáp ranh xã An Ninh	1,15
33.16	Đường Mỹ Phú - Mỹ Tân	Cầu Năm Thơi	Giáp ranh xã Long Hưng	1,15
33.17	Đường Điện Huyện B	Đường huyện 90	Giáp ranh xã An Ninh	1,15
33.18	Đường Tân Phước	Vật liệu xây dựng Sáu Long	Giáp ranh xã Long Hưng	1,15
33.19	Đường Kênh Ông Ướng	Suốt tuyến		1,15
33.20	Đường Kênh Ranh Mỹ An - Mỹ Đức	Suốt tuyến		1,15
33.21	Đường đal Giao Thông A	Mương Khai A	Đường bờ Tây Kênh Ba Rinh mới (Ba Rinh mới A)	1,15
33.22	Đường Mương Khai A	Cầu Đường Láng	Cầu Sắt	1,15
33.23	Đường Mương Khai B	Cầu Sắt	Giáp ranh xã Mỹ Hương	1,15
34	**Xã Mỹ Tú**			
34.1	Đường tỉnh 940	Cầu số 1	Cầu số 2	1,35
		Cầu số 2	Cống Mỹ Phước	1,35
		Cống Mỹ Phước	Cầu Cái Trầu mới	1,35
		Cầu Cái Trầu mới	Giáp ranh xã Lâm Tân	1,35
34.2	Đường tỉnh 938	Giáp ranh xã Mỹ Hương	Đường đal Ô Quên	1,35
		Đường đal Ô Quên	Rạch Lộ Bể	1,35
		Rạch Lộ Bể	Giáp ranh xã Lâm Tân	1,35
34.3	Đường ô tô Trung tâm xã Hưng Phú cũ (Đường tỉnh 939)	Kênh Ba Hữu	Cầu Tư Thành	1,15
		Cầu Tư Thành	Giáp ranh xã Mỹ Phước	1,15
34.4	Đường A1 (Đường tỉnh 939)	Giáp ranh xã Mỹ Hương	Đường Quang Trung	1,19
		Đường Quang Trung	Cầu Kênh 1 Tháng 5	1,19
		Cầu Kênh 1 Tháng 5	Kênh Ba Hữu	1,19
34.5	Đường huyện 82	Đường tỉnh 940	Giáp ranh xã Mỹ Phước (Cầu Kinh số 3)	1,25
34.6	Đường huyện 84	Cầu 1 Tháng 5 (Huyện đội cũ)	Giáp ranh Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng	1,25
		Giáp ranh Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng	Cầu Béc Trang	1,25
		Cầu Béc Trang	Giáp ranh xã Mỹ Phước	1,25

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
34.7	Đường huyện 86	Giáp ranh xã Long Hưng	Cầu Trà Cú Cạn	1,15
		Cầu Trà Cú Cạn	Hết ranh đất Trường Tiểu học Mỹ Tú A	1,15
		Giáp ranh đất Trường Tiểu học Mỹ Tú A	Đường tỉnh 940	1,15
34.8	Đường huyện 87 (Đường Rạch Rê)	Đường tỉnh 938	Giáp ranh xã Nhu Gia	1,15
34.9	Đường huyện 89	Đường huyện 87 (Đường Rạch Rê)	Giáp ranh xã Mỹ Hương	1,15
34.10	Đường Trần Hưng Đạo	Giáp ranh xã Long Hưng	Kênh Ba Vợi	1,05
		Kênh Ba Vợi	Hết ranh đất Nhà ông Sáu Cao	1,05
		Giáp ranh đất Nhà ông Sáu Cao	Đập Chín Lời	1,05
		Đập Chín Lời	Cầu Ba Thắng	1,05
		Cầu Ba Thắng	Đập Sáu Giúp	1,05
		Đập Sáu Giúp	Kênh số 1 (Ấp Mỹ Hòa)	1,05
34.11	Đường Phạm Ngũ Lão	Suốt tuyến		1,14
34.12	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Suốt tuyến		1,14
34.13	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Nhà bà Bé	1,09
34.14	Đường Hùng Vương	Đường Điện Biên Phủ	Đường Trần Phú	1,10
		Đường Trần Phú	Đường Quang Trung	1,10
		Đường Quang Trung	Cầu 1 Tháng 5 (Huyện đội cũ)	1,10
34.15	Đường Lê Thánh Tông	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Quang Trung	1,14
34.16	Đường Ngô Quyền	Cầu Ba Thắng (Đường Trần Hưng Đạo)	Cầu Đê Mỹ Phước (Đường Quang Trung)	1,08
34.17	Đường Võ Thị Sáu	Cầu Bệnh Viện	Đê Bé Bùi	1,25
34.18	Đường Trần Phú	Giáp ranh xã Long Hưng	Đường Đồng Khởi	1,25
		Đường Đồng Khởi	Đường Võ Thị Sáu	1,25
		Đường Võ Thị Sáu	Kênh Út Biện	1,25
		Kênh Út Biện	Kênh số 1 (Ấp Mỹ Hòa)	1,25
34.19	Đường Đồng Khởi	Đường Trần Phú	Giáp ranh xã Mỹ Hương	1,19
34.20	Đường 3 Tháng 2	Đường Trần Phú	Đường Điện Biên Phủ	1,12
34.21	Đường 30 Tháng 4	Đường Trần Phú	Đường Điện Biên Phủ	1,08
34.22	Đường Huỳnh Văn Triệu	Đường Trần Phú	Đường Điện Biên Phủ	1,18
34.23	Đường Lý Tự Trọng	Đường 3 Tháng 2	Đường 30 Tháng 4	1,09
34.24	Đường Quang Trung (Đường tỉnh 940)	Giáp ranh xã Long Hưng	Cầu Sáu Xôi	1,10
		Cầu Sáu Xôi	Kênh Hậu Huyện Đội (cũ)	1,10
		Kênh Hậu Huyện Đội (cũ)	Cầu Đê Mỹ Phước	1,10
		Cầu Đê Mỹ Phước	Hết ranh đất bà Hân	1,10
		Giáp ranh đất bà Hân	Cầu số 1	1,10
34.25	Đường Điện Biên Phủ	Đường 30 Tháng 4	Đường 3 Tháng 2	1,08

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
34.26	Đường Trung tâm Thương mại thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa (cũ)	Dãy E		1,10
34.27	Đường F12	Cầu Ba Thắng	Nhà lồng Chợ mới	1,05
34.28	Đường D7 (Đường Trung tâm xã Long Hưng)	Đường Đồng Khởi	Giáp ranh xã Long Hưng	1,19
34.29	Đường đal (Kho lương thực cũ)	Đường tỉnh 940	Đường Trần Hưng Đạo	1,35
34.30	Đường đal (Chợ Cá)	Đường tỉnh 940	Giáp ranh đất ông Thơm	1,08
34.31	Đường nhựa D9	Đường Hùng Vương	Đường 3 Tháng 2	1,40
34.32	Đường cũ Cầu Đồn	Đường Hùng Vương	Đường 3 Tháng 2	1,25
34.33	Đường đấu nối Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng	Đường tỉnh 940	Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng	1,35
34.34	Khu tái định cư Đường A1	Cả khu		1,18
35	**Xã Long Hưng**			
35.1	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	Giáp ranh xã Tân Phước Hưng	Cầu Mỹ Khánh	1,35
		Cầu Mỹ Khánh	Cầu 1 Tháng 5	1,35
		Cầu 1 Tháng 5	Cầu Đập Đá	1,35
		Kênh Đập Đá	Kênh Bắc Bộ	1,35
		Kênh Bắc Bộ	Kênh Miễu	1,35
		Kênh Miễu	Kênh Chín Mùi	1,35
		Kênh Chín Mùi	Kênh Tư Lang	1,35
		Kênh Tư Lang	Kênh Út Cứng	1,35
		Kênh Út Cứng	Kênh Ka Rê	1,35
35.2	Đường tỉnh 940	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	Kênh Hai Bá	1,10
		Kênh Hai Bá	Cầu Nhà Thờ	1,10
		Cầu Nhà Thờ	Giáp ranh xã Mỹ Tú	1,10
35.3	Đường huyện 32 (Đường huyện 87C)	Cầu qua Nhà Văn hóa xã	Cầu vượt Tân Phước	1,25
		Cầu vượt Tân Phước	Giáp ranh xã Hồ Đắc Kiện	1,25
35.4	Đường huyện 85	Đường huyện 87B	Đường tỉnh 940	1,35
		Đường tỉnh 940	Kênh Đập Đá	1,35
35.5	Đường huyện 86	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	Giáp ranh xã Mỹ Tú	1,15
35.6	Đường huyện 87	Giáp ranh xã Mỹ Tú	Cầu vượt Mỹ Khánh	1,15
		Cầu vượt Mỹ Khánh	Cầu qua Nhà Văn hóa xã và nhánh đến Hết đất Trường Trung học cơ sở Long Hưng A	1,15

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
35.7	Đường huyện 87B	Giáp ranh xã Mỹ Tú	Kênh Hai Bá	1,15
		Kênh Hai Bá	Cầu Vượt Mỹ Khánh	1,15
		Cầu vượt Mỹ Khánh	Cầu qua UBND xã	1,15
		Cầu qua UBND xã	Hết ranh Trung tâm Thương mại	1,15
		Giáp ranh Trung tâm Thương mại	Hết ranh đất ông Lê Việt Hùng	1,15
		Giáp ranh đất ông Lê Việt Hùng	Kênh 1 Tháng 5	1,15
		Kênh 1 Tháng 5	Kênh Đập Đá	1,15
		Kênh Đập Đá	Kênh Bắc Bộ	1,15
		Kênh Bắc Bộ	Kênh Miễu	1,15
		Kênh Miễu	Kênh Chín Mùi	1,15
		Kênh Chín Mùi	Kênh Ka Rê	1,15
35.8	Đường huyện 80	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	Kênh Hai Cao	1,15
		Kênh Hai Cao	Giáp ranh xã Mỹ Tú	1,15
35.9	Trung tâm Thương mại Long Hưng	Dãy Khu phố 1		1,07
		Dãy Khu phố 2, 3, 4		1,07
		Dãy Khu phố 5, 6		1,07
35.10	Đường D3 - N6	Suốt tuyến		1,08
35.11	Đường D1 - N3	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	Hết đất Chợ Long Hưng	1,25
35.12	Đường Ô tô đến Trung tâm xã (Đường huyện 81)	Đầu ranh đất Trụ sở UBND xã	Cầu Kênh 1.000	1,15
		Cầu Kênh 1.000	Cầu Nguyễn Việt Hồng	1,15
		Cầu Nguyễn Việt Hồng	Giáp ranh xã Mỹ Phước	1,15
36	**Xã Mỹ Hương**			
36.1	Đường tỉnh 939	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	Cầu Phú Mỹ 2	1,19
		Cầu Phú Mỹ 2	Đường vào Chùa Bưng Cóc	1,19
		Đường vào Chùa Bưng Cóc	Cầu Trắng	1,19
		Cầu Trắng	Giáp ranh xã An Ninh (Trạm Bơm)	1,19
		Giáp ranh xã An Ninh (Trạm Bơm)	Đường vào Chợ Mỹ Hương	1,19
		Đường vào Chợ Mỹ Hương	Trường THPT Mỹ Hương	1,19
		Trường THPT Mỹ Hương	Cầu Bà Lui	1,19
		Cầu Bà Lui	Giáp ranh xã Mỹ Tú	1,19
36.2	Đường tỉnh 939B	Giáp ranh xã Mỹ Tú	Hết ranh đất Nghĩa trang liệt sĩ	1,12
		Giáp ranh đất Nghĩa trang liệt sĩ	Giáp ranh xã Hồ Đắc Kiện	1,12

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
36.3	Đường tỉnh 938	Đường tỉnh 939	Cầu Trà Lây 1	1,35
		Cầu Trà Lây 1	Cầu Thuận Hưng	1,35
		Cầu Thuận Hưng	Giáp ranh xã Mỹ Tú	1,35
36.4	Đường huyện 88	Đường tỉnh 938	Cầu Ngang	1,15
		Cầu Ngang	Giáp ranh xã Mỹ Tú	1,15
36.5	Đường huyện 88B	Đường huyện 88	Đường tỉnh 939	1,15
		Đường tỉnh 939	Giáp ranh xã Hồ Đắc Kiện	1,15
36.6	Đường huyện 89	Đường tỉnh 939	Kênh Phú Mỹ 1	1,15
		Kênh Phú Mỹ 1	Giáp ranh xã Mỹ Tú	1,15
36.7	Đường A1	Đường tỉnh 939B	Giáp ranh xã Mỹ Tú	1,19
36.8	Đường Chợ Cá	Đường Cầu Xẻo Gừa vào chợ và 2 dãy bên nhà lồng chợ		1,08
36.9	Đường vào sau Chợ mới	Đường tỉnh 939 (đường mới)	Đường cũ (vào chợ)	1,08
36.10	Đường đal	Cầu Xẻo Gừa	Hết ranh đất Trường Mẫu giáo (Xóm Lớn)	1,18
		Cầu Xẻo Gừa	Cầu Ông Tám Bầu	1,18
		Cầu Ông Tám Bầu	Giáp sông Xẻo Gừa	1,18
		Đường tỉnh 939	Hết ranh đất Kho phân Sáu Địa	1,18
		Giáp ranh Chợ Xẻo Gừa	Hết ranh đất ông Trịnh Ngọc Ba	1,18
		Cống ranh Chợ Xẻo Gừa	Hết ranh đất Trại cưa ông Trần Văn Vạng	1,18
36.11	Đường Chợ Thuận Hưng	Đường hai bên nhà lồng Chợ Thuận Hưng		1,35
36.12	Đường Chợ Cầu Trắng	Đường hai bên nhà lồng Chợ Cầu Trắng		1,35
36.13	Đường Chợ Phú Mỹ	Đường hai bên nhà lồng Chợ Phú Mỹ		1,35
		Đường tỉnh 939	Kênh 2	1,35
36.14	Đường đal Phú Tức	Giáp ranh phường Phú Lợi	Cống Thủy Lợi	1,25
		Cống Thủy Lợi	Hết đường đal	1,25
36.15	Khu dân cư Bà Lui	Cả khu		1,25
36.16	Khu tái định cư xã Mỹ Hương	Đường số 01		1,05
36.17	Khu tái định cư Thuận Hưng	Giáp ranh Cầu Ngang đến Đường tỉnh 938 (tiếp giáp Đường huyện 88)		1,12
		Đường số 01		1,12

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
37	**Xã Tân Long**			
37.1	Quốc lộ 61B (Đường tỉnh 937)	Giáp ranh xã Phú Lộc	Hết ranh đất Trường Mầm non Thạnh Tân	1,35
		Giáp ranh đất Trường Mầm non Thạnh Tân	Cầu 14 Tháng 9	1,35
		Cầu 14 Tháng 9	Cầu Ông Tàu	1,35
		Cầu Ông Tàu	Hết ranh đất Cây xăng Mười Biết	1,35
		Giáp ranh đất Cây xăng Mười Biết	Cầu Cái Trầu	1,35
		Cầu Cái Trầu	Hết ranh đất Trường Tiểu học Tân Long 1	1,35
		Giáp ranh đất Trường Tiểu học Tân Long 1	Cầu Ba Bọng	1,35
		Cầu Ba Bọng	Hết ranh đất Nhà văn hóa ấp Tân Bình	1,35
		Giáp ranh đất Nhà văn hóa ấp Tân Bình	Giáp ranh phường Ngã Năm	1,35
37.2	Đường tỉnh 938	Quốc lộ 61B	Kênh Cầu Xéo	1,25
		Kênh Cầu Xéo	Giáp ranh xã Lâm Tân	1,25
37.3	Đường huyện 61	Cầu treo Đường huyện 61	Giáp ranh xã Phú Lộc	1,15
		Quốc lộ 61B	Giáp ranh xã Lâm Tân	1,15
37.4	Đường huyện 71	Cầu Ba Bọng	Giáp ranh phường Ngã Năm	1,15
37.5	Đường huyện 75 (Đoạn Mỹ Hòa - Mỹ Hiệp)	Giáp ranh phường Ngã Năm	Giáp ranh phường Mỹ Quới	1,15
37.6	Đường huyện 64	Đường huyện 61	Giáp ranh xã Lâm Tân	1,15
37.7	Đường huyện 60	Quốc lộ 61B	Giáp ranh xã Lâm Tân	1,15
37.8	Đường Ấp Long Thạnh	Cầu Cái Trầu	Cầu Xéo	1,19
37.9	Đường vào phố	Đầu ranh đất Nhà ông Ty	Hết ranh đất Nhà ông Hiệp	1,15
38	**Xã Phú Lộc**			
38.1	Quốc lộ 1	Cầu Xẻo Tra	Hết ranh đất UBND xã Phú Lộc	1,14
		Giáp ranh đất UBND xã Phú Lộc	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	1,14
		Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	Giáp ranh tỉnh Cà Mau (Cầu Nàng Rền)	1,14
38.2	Quốc lộ 61B	Quốc lộ 1	Kênh Hai Tài	1,11
		Kênh Hai Tài	Cầu Sa Di	1,11
		Cầu Sa Di	Giáp ranh xã Tân Long	1,11

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
38.3	Đường tỉnh 937B (cũ)	Quốc lộ 1	Đường Nguyễn Huệ	1,25
		Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	Cầu Cống	1,25
		Cầu Cống	Đường đal vào Miếu Bang Ngọc Bang Ngà	1,25
		Đường đal vào Miếu Bang Ngọc Bang Ngà	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	1,25
38.4	Đường huyện 64	Đầu cầu Xẻo Tra	Cống Thái Văn Ba	1,15
		Cống Thái Văn Ba	Giáp ranh xã Lâm Tân	1,15
38.5	Đường huyện 61	Đường huyện 66	Đường huyện 65	1,15
38.6	Đường huyện 63	Giáp ranh xã Lâm Tân	Quốc lộ 61B	1,15
38.7	Đường huyện 65	Đường huyện 61	Giáp ranh xã Tân Long	1,35
38.8	Đường huyện 66	Quốc lộ 61B	Đường huyện 65	1,15
38.9	Đường huyện 68 (Lộ Kinh Ngay)	Vòng xuyến Đường tỉnh 937B	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	1,35
		Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	Giáp ranh xã Vĩnh Lợi	1,35
38.10	Đường Văn Ngọc Chính	Cầu Phú Lộc	Đường Nguyễn Trung Trực	1,12
		Đường Nguyễn Trung Trực	Hết ranh thửa đất số 31, tờ bản đồ số 16	1,12
		Cầu Phú Lộc	Đường Nguyễn Văn Trỗi	1,12
38.11	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Quốc lộ 1	Cầu Bào Lớn	1,35
		Cầu Bào Lớn	Giáp ranh tỉnh Cà Mau	1,35
38.12	Đường 1 Tháng 5	Đường Văn Ngọc Chính	Đường 30 Tháng 4	1,12
38.13	Đường Nguyễn Đức Mạnh	Đường Văn Ngọc Chính	Đường 30 Tháng 4	1,50
38.14	Đường Trần Hưng Đạo	Quốc lộ 1	Đường Nguyễn Trung Trực	1,14
38.15	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Văn Ngọc Chính	Đường 30 Tháng 4	1,07
38.16	Đường Điện Biên Phủ	Đường Văn Ngọc Chính	Đường 30 Tháng 4	1,05
38.17	Đường cặp công Viên	Quốc lộ 1	Đường Trần Phú	1,09
38.18	Đường 30 Tháng 4	Quốc lộ 1	Đường Nguyễn Trung Trực	1,12
		Đường Nguyễn Trung Trực	Cầu 30 Tháng 4	1,12
		Cầu 30 Tháng 4	Đầu Lộ Rẫy Mới	1,12
38.19	Đường Lý Tự Trọng	Quốc lộ 1	Bệnh viện Đa khoa (cũ)	1,09
38.20	Đường Ngô Quyền	Cầu Phú Lộc	Đường Nguyễn Trung Trực	1,09
		Đường Nguyễn Trung Trực	Miếu Bà	1,09
38.21	Đường Nguyễn Trung Trực	Quốc lộ 61B	Đường 30 Tháng 4	1,07

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
38.22	Đường Trần Văn Bảy	Quốc lộ 61B	Đường huyện 64	1,09
38.23	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Quốc lộ 1	Giáp ranh ấp Thạnh Điền (hết tuyến)	1,25
38.24	Đường Trần Phú	Cầu Công viên	Đường Nguyễn Văn Trỗi	1,05
38.25	Đường Nguyễn Huệ	Cầu 30 Tháng 4	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	1,12
38.26	Đường nhà lồng Chợ	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Văn Ngọc Chính	1,11
		Đường Văn Ngọc Chính	Giáp Bờ kè sông Phú Lộc	1,11
38.27	Đường số 1	Đường Văn Ngọc Chính	Đường Trần Hưng Đạo	1,05
38.28	Đường số 2	Đường Trần Hưng Đạo	Đường 30 Tháng 4	1,05
38.29	Đường Khu dân cư ấp 2	Suốt tuyến		1,25
38.30	Đường đal (Phía sau nhà ông Hai Minh)	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường cặp Công viên	1,08
38.31	Đường số 1	Đầu ranh đất ông Nguyên	Hết ranh đất bà Đỏ	1,50
38.32	Đường số 2	Đầu ranh đất Bác sĩ Dũng	Hết ranh đất Nhà ông Quách Hưng Đại	1,08
38.33	Đường số 3	Đầu ranh đất Lý Phước Bình	Hết ranh đất Nhà ông Trần Ngọc Minh Thành	1,14
38.34	Đường số 4	Cầu Trương Từ	Hết ranh đất Nhà ông Hùng	1,50
38.35	Đường đal ấp Phú Tân	Giáp ranh xã Gia Hòa	Giáp ranh xã Lâm Tân	1,25
38.36	Đường đal ấp Thạnh Điền	Cầu Bào Lớn	Giáp ranh xã Gia Hòa	1,15
38.37	Đường đal cặp Nhà Văn Hóa	Quốc lộ 1	Đường Trần Văn Bảy	1,35
38.38	Hẻm 1 (Cầu Xẻo Tra)	Quốc lộ 1	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1,35
38.39	Hẻm 4 (Cặp nhà bà Mai)	Quốc lộ 61B	Đường Ngô Quyền	1,35
38.40	Đường đal (Nhà ông Hòa)	Đường 30 Tháng 4	Hẻm 8	1,35
38.41	Đường đal (Nhà ông Kiểm)	Đường 30 Tháng 4	Hẻm 8	1,25
38.42	Đường đal (Cặp Chùa Xa Mau 2)	Quốc lộ 1	Đường Nguyễn Huệ	1,15
38.43	Đường đal (Cặp Nhà ông Tây)	Đường huyện 64	Đường Trần Văn Bảy	1,25
38.44	Hẻm 6 (Cặp Kênh Trạm Thủy Nông)	Suốt hẻm		1,25
38.45	Hẻm 7 (Cặp Huyện đội cũ)	Quốc lộ 1	Suốt hẻm	1,35
38.46	Hẻm 8 (Cặp UBND huyện cũ)	Quốc lộ 1	Đường Nguyễn Huệ	1,35
38.47	Hẻm 9 (Cặp Nhà ông Lai)	Suốt hẻm		1,35
38.48	Hẻm 10	Quốc lộ 1	Đường Nguyễn Huệ	1,35
38.49	Hẻm 11	Quốc lộ 1	Chùa Phật	1,35
38.50	Hẻm 12	Quốc lộ 1	Đường Nguyễn Huệ	1,25

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
38.51	Hẻm 13 (Cầu Đình)	Suốt hẻm		1,25
38.52	Đường cặp Trạm Y tế	Đường huyện 68	Suốt tuyến	1,09
38.53	Đường Chợ	Đường tỉnh 937B	Cầu Bà Kía	1,54
		Đầu ranh đất ông Hấu (Lý Đông)	Hết ranh đất Tiêu Thanh Đức	1,54
		Đầu ranh đất ông Lý Bạc Hó	Hết đất ông Ngô Ìa	1,54
		Đầu ranh đất Nhà ông Lý Hún	Cầu Trương Từ	1,12
		Đầu ranh đất Nhà ông Quách Hùng Thương	Hết ranh đất Nhà ông Trịnh Thành Công	1,12
38.54	Đường đal (Kênh Ba Huê)	Đầu ranh đất Nhà ông Tăng Dươl	Hết ranh đất Nhà ông Đinh Công Hùng	1,35
38.55	Đường cặp sông	Đường tỉnh 937B	Hết ranh đất Nhà ông Bành Thiệu Văn (ông Só)	1,35
		Đầu ranh đất Nhà bà Lâm Thị Thủy	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	1,35
		Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	Hết ranh đất Nhà bà Lệ ấp Kinh Ngay	1,35
38.56	Kênh Giồng Chùa	Đầu ranh đất Nhà ông Lý Chấn Thạnh	Hết ranh đất Chùa Lộc Hòa	1,35
		Giáp ranh đất Nhà ông Lý Chấn Thạnh	Hết ranh đất Nhà ông Lâm Ngọc Giàu	1,35
38.57	Lộ ấp Công Điền	Quốc lộ 1	Giáp ranh tỉnh Cà Mau	1,25
38.58	Đường đal cặp Trạm Thủy nông	Quốc lộ 61B	Đường đal ấp Trương Hiền	1,25
38.59	Đường đal ấp Xóm Tro 1	Đường tỉnh 937B (cũ)	Hết đất Nhà ông Dương Hoàng Đăng	1,35
		Giáp ranh Trạm cấp nước phía sau	Hết ranh đất Tô Nam Tin	1,35
38.60	Đường ấp số 8	Đầu ranh đất ông Tấn Cang	Hết ranh đất ông Trịnh Phol	1,35
		Đầu ranh đất ông Vũ Văn Hoàng	Hết ranh đất ông Tiền Buộl	1,35
		Đầu ranh đất ông Dương Phal	Hết ranh đất Ngô Văn Thắng	1,35
		Đường tỉnh 937B (cũ)	Hết ranh đất Nhà máy Lý Khoa	1,35
		Cầu Bà Kía	Hết ranh đất Nhà máy Lý Khoa	1,35
		Đầu ranh đất ông Ngô Sang	Hết ranh đất ông Danh Hiền	1,35
38.61	Đường ấp số 9	Đầu ranh đất ông Nguyễn Minh Luận	Hết ranh đất ông Húa Đen	1,19
		Giáp ranh đất ông Húa Đen	Hết đất Nhà máy Kim Hưng	1,19

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
38.62	Đường Bào Cát - Quang Vinh	Đường tỉnh 937B (cũ)	Giáp ranh xã Vĩnh Lợi	1,15
38.63	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	Giáp ranh xã Gia Hòa	Quốc lộ 1	1,35
		Quốc lộ 1	Đường tỉnh 937B (cũ)	1,35
		Đường tỉnh 937B (cũ)	Đường huyện 68	1,35
		Đường huyện 68	Đường tỉnh 937B (cũ) (Ngã ba Kênh thủy lợi)	1,35
		Đường tỉnh 937B (cũ) (Ngã ba Kênh thủy lợi)	Giáp ranh xã Vĩnh Lợi	1,35
39	**Xã Vĩnh Lợi**			
39.1	Đường tỉnh 937B	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	Cầu Chợ	1,35
		Cầu Chợ	Hết ranh đất ông Hà Văn Đường	1,35
		Giáp ranh đất ông Hà Văn Đường	Giáp ranh phường Mỹ Quới (Cầu Bờ Tây)	1,35
39.2	Đường huyện 61 (Đường huyện 5 cũ)	Đầu ranh đất ông Bì (Đường tỉnh 937B)	Hết ranh đất bà Muồi	1,35
		Giáp ranh đất Bà Muồi	Hết ranh đất bà Lê Thị Nhung	1,35
		Giáp ranh đất bà Lê Thị Nhung	Hết ranh đất Trường Tiểu học Vĩnh Thành cũ	1,35
		Giáp ranh đất Trường Tiểu học Vĩnh Thành cũ	Giáp ranh xã Phú Lộc	1,35
39.3	Đường huyện 65	Giáp ranh xã Tân Long	Giáp ranh xã Phú Lộc	1,35
39.4	Đường huyện 68	Giáp ranh phường Mỹ Quới (Đầu ranh đất ông Khẩn)	Cầu Bảy Âm	1,35
		Cầu Bảy Âm	Giáp ranh xã Phú Lộc	1,35
39.5	Đường huyện 67	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây (cầu ông Oanh)	Cầu số 8	1,35
		Cầu số 8	Cầu số 9 (Hết ranh đất ông Hòa)	1,35
		Cầu số 9 (Hết ranh đất ông Hòa)	Hết ranh đất ông Bành Phong (Ấp Quang Vinh)	1,35
39.6	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	Giáp ranh phường Mỹ Quới	Đường tỉnh 937B	1,35
		Đường tỉnh 937B	Ngã ba giao với Đường tỉnh 937B (Cây xăng Hai Dương)	1,35
		Ngã ba giao với Đường tỉnh 937B (Cây xăng Hai Dương)	Giáp ranh xã Phú Lộc	1,35
39.7	Đường giao thông nông thôn Vĩnh Thành - Vĩnh Lợi	Đường tỉnh 937B	Hết ranh đất Thánh Thất Hư Vô Cảnh	1,35
		Giáp ranh Thánh Thất Hư Vô Cảnh	Kênh 30 mét (Kênh Xáng Nàng Rền)	1,35

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
39.8	Khu Chợ trung tâm	Các tuyến đường bộ trong khu vực chợ		1,35
39.9	Đường đal ấp 15	Đầu ranh đất ông Trần Văn Đạt (Chân Cầu Chợ)	Kênh Nàng Rền	1,35
		Đầu ranh đất ông Sang	Cầu Tây Nhỏ	1,35
		Đường tỉnh 937B	Cầu Treo (Cầu Ông Xe)	1,35
39.10	Đường đal ấp 17	Cầu Bà Út Đồn	Đường huyện 65	1,25
40	**Xã Lâm Tân**			
40.1	Đường tỉnh 938	Giáp ranh xã Tân Long	Giáp ranh xã Mỹ Tú	1,35
40.2	Đường tỉnh 940 (mới)	Giáp ranh xã Nhu Gia	Cống Tuân Tức	1,35
		Cống Tuân Tức	Giáp ranh xã Mỹ Tú	1,35
40.3	Đường tỉnh 940 (cũ)	Cống Tuân Tức	Giáp ranh xã Nhu Gia (Chùa Thạnh Phú)	1,15
40.4	Đường huyện 69	Giáp ranh xã Tân Long (Cầu Rạch Chóc)	Kênh 85	1,25
40.5	Đường huyện 64 (Huyện 1 cũ)	Giáp ranh xã Phú Lộc	Hết ranh đất Nhà máy Lai Thành	1,15
		Giáp ranh đất Nhà máy Lai Thành	Giáp ranh xã Tân Long	1,15
40.6	Đường huyện 63 (Huyện 5 cũ)	Giáp ranh xã Phú Lộc	Cầu Tân Định	1,15
		Cầu Tân Định	Đường huyện 61	1,15
40.7	Đường huyện 61 (Huyện 2 cũ)	Giáp ranh xã Tân Long	Kênh Mương Điều Chắc Tức	1,15
		Kênh Mương Điều Chắc Tức	Kênh Rạch Trúc	1,15
		Kênh Rạch Trúc	Đường đal Kiết Thắng - Kiết Thống	1,15
		Đường đal Kiết Thắng - Kiết Thống	Đường huyện 63	1,15
		Đường huyện 63	Đường tỉnh 940	1,15
40.8	Đường huyện 62	Đường huyện 61	Giáp ranh xã Gia Hòa	1,15
40.9	Đường huyện 60 (Đường 14 Tháng 9 cũ)	Giáp ranh xã Tân Long	Kênh Rạch Trúc	1,15
40.10	Đường ấp Trung Hòa	Đường huyện 63	Cầu giáp ranh ấp Trung Bình	1,25
40.11	Đường Trung Thống - Tân Định	Đường huyện 63	Đường huyện 61	1,35
40.12	Khu vực Xóm Phố	Đầu đất Chùa Trà É (Chùa Muni Srãs Keo)	Đường huyện 61	1,35
40.13	Đường đal Kiết Lợi - Trà Do (Trung tâm xã)	Đường huyện 61	Đường tỉnh 940	1,25
40.14	Đường đal Kiết Thống - Kiết Thắng (Đường liên xã)	Đường huyện 61 (Ngã tư Kiết Thắng - Kiết Lợi)	Đường huyện 61 (Ngã ba Kiết Thống)	1,15

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
40.15	Đường đal ấp Kiết Hòa	Cống Mương Coi	Kênh Rạch Trúc	1,15
40.16	Đường đal ông Thái (Đoạn 1)	Kênh Mương Điều Chắc Tức	Kênh Hai Trường	1,15
40.17	Đường đal Kiết Lợi - Trà Do (Trung tâm xã)	Đường đal Kiết Lợi - Trà Do	Đường huyện 61	1,15
41	**Xã Thạnh Thới An**			
41.1	Đường tỉnh 935	Giáp ranh xã Tài Văn	Cầu An Nô	1,35
		Cầu An Nô	Cầu So Đũa	1,35
		Cầu So Đũa	Cầu Mỹ Thanh (Giáp ranh phường Khánh Hòa)	1,35
41.2	Đường tỉnh 936B	Giáp ranh xã Liêu Tú	Đường huyện 35	1,25
41.3	Đường huyện 35	Đường tỉnh 936B	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	1,25
41.4	Đường huyện 36	Đường tỉnh 935	Cầu Thạnh Thới An	1,15
		Cầu Thạnh Thới An	Giáp ranh xã Liêu Tú	1,15
42	**Xã Tài Văn**			
42.1	Đường tỉnh 934	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	Hết ranh đất Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp Hà Bô (cũ)	1,18
		Giáp ranh đất Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp Hà Bô (cũ)	Cầu Tài Văn	1,18
		Cầu Tài Văn	Hết ranh đất Trụ sở UBND xã Tài Văn	1,18
		Giáp ranh đất Trụ sở UBND xã Tài Văn	Cầu Trà Đức	1,18
		Cầu Trà Đức	Giáp ranh xã Liêu Tú	1,18
42.2	Đường tỉnh 935	Đường tỉnh 934 (Ngã ba Tài Văn)	Hết ranh đất Cây xăng Châu Khoa	1,35
		Giáp ranh đất Cây xăng Châu Khoa	Giáp ranh xã Thạnh Thới An	1,35
42.3	Đường tỉnh 934B	Giáp ranh xã Tân Thạnh	Cầu Bưng Chông	1,19
		Cầu Bưng Chông	Giáp ranh xã Long Phú	1,19
42.4	Đường huyện 32 (Đường vào chùa Lao Vên)	Đoạn trên địa bàn xã Tài Văn		1,35
42.5	Đường huyện 31	Đường tỉnh 934B	Cầu Trịnh Sương	1,35
		Cầu Trịnh Sương	Ranh Kênh Tiếp Nhựt	1,35
42.6	Khu vực chợ Tài Văn	Suốt tuyến		1,19
42.7	Đường đal	Kênh Tiếp Nhựt (cầu đối diện chùa Bâng Tone Sa)	Ngã ba (gần đường vào Chùa Chông Prek)	1,15
		Đường tỉnh 934	Cầu Bưng Sa Trong (cầu ông Lùng)	1,15
		Đường đal vào ấp Bưng Chông	Hết ranh đất ông Trần Văn Khải	1,15

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
42.7	Đường đal	Kênh Tiếp Nhựt	Hết ranh đất Trường Trung học cơ sở Tài Văn	1,15
		Salatel ấp Chắc Tưng (Xóm Giữa)	Đường đal vào ấp Bưng Chông	1,15
		Cầu Tài Công	Đường tỉnh 934B	1,15
		Kênh Tiếp Nhựt (Cầu Chợ cũ)	Cầu ông Sóc (Xóm Ngọn)	1,15
42.8	Đường đal cặp kênh 96 Long Hưng (phía đông)	Suốt tuyến		1,15
42.9	Đường đal phía Tây kênh 96 Long Hưng	Kênh Tiếp Nhựt	Đường tỉnh 934B	1,15
42.10	Đường đê bao Phú Hữu - Mỹ Thanh	Suốt tuyến		1,15
42.11	Đường đal (Cặp Kênh Tiếp Nhựt)	Kênh Ông Liếm	Cầu Tài Công	1,15
43	**Xã Liêu Tú**			
43.1	Đường tỉnh 934	Giáp ranh xã Lịch Hội Thượng	Đường đal Giồng Chát (Trạm Y tế xã Liêu Tú)	1,18
		Đường đal Giồng Chát (Trạm Y tế xã Liêu Tú)	Hết ranh Trường Trung học cơ sở Liêu Tú	1,18
		Giáp ranh Trường Trung học cơ sở Liêu Tú	Cầu Trà Mơn	1,18
		Cầu Trà Mơn	Hết ranh đất Cây xăng Thuận An	1,18
		Giáp ranh đất Cây xăng Thuận An	Giáp ranh xã Tài Văn	1,18
43.2	Đường tỉnh 936B	Giáp ranh xã Lịch Hội Thượng	Cống Tổng Cáng	1,25
		Cống Tổng Cáng	Giáp ranh xã Thạnh Thới An	1,25
43.3	Đường tỉnh 934B	Giáp ranh xã Trần Đề	Giáp ranh xã Long Phú	1,19
43.4	Khu vực chợ Viên Bình	Đường hai bên hông chợ Viên Bình		1,35
43.5	Đường huyện 32	Đường tỉnh 934	Chùa Lao Vên (Cầu Chùa Lao Vên)	1,19
		Trường Mẫu giáo (Cầu Chùa Lao Vên)	Đường tỉnh 936B	1,15
43.6	Đường huyện 36	Suốt tuyến		1,15
43.7	Đường Đại Nôn - Tổng Cáng	Đường tỉnh 934	Kênh Chệt Yệu	1,15
		Kênh Chệt Yệu	Cầu Tổng Cáng	1,15
		Cầu Tổng Cáng	Cống Tổng Cáng (Đường tỉnh 936B)	1,15

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
43.8	Đường đal	Đầu ranh đất ông Trịnh Hữu Bình (Thầy Đức)	Cầu Ông Đáo	1,15
		Bến đò cũ Tổng Cáng qua đất ông Hái	Hết ranh đất ông Tám Tạo	1,15
		Cầu sắt ông Thại	Hết ranh đất ông Lâm Phel	1,15
		Giáp ranh đất ông Tám Tạo	Đê ngăn mặn	1,15
		Giáp ranh đất ông Tô Văn Tĩnh	Hết ranh đất ông Trần Phước Tâm	1,15
		Đầu ranh đất ông Châu Ngọc Tân	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Cơ	1,15
		Đầu ranh đất Nhà ông Lưu Quốc Phong	Cống Tổng Cáng (Đường tỉnh 936B)	1,15
		Chùa Bâng Phniết	Giáp ranh xã Trần Đề	1,15
		Đường tỉnh 934	Hết ranh Trường Mầm non Liêu Tú	1,15
43.9	Đường đal chợ Viên Bình	Chợ Viên Bình	Trường Mẫu giáo	1,15
44	**Xã Lịch Hội Thượng**			
44.1	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Giáp ranh xã Trần Đề	Giáp ranh xã Vĩnh Hải (Cầu Mỹ Thanh 2)	1,25
44.2	Đường tỉnh 936B	Giáp ranh xã Liêu Tú	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	1,25
44.3	Đường tỉnh 934	Giáp ranh xã Trần Đề	Cầu Hội Trung	1,08
		Cầu Hội Trung	Cầu Huyện Đội	1,08
		Cầu Huyện Đội	Hết ranh đất Trần Huy làm bãi chứa vật liệu xây dựng	1,08
		Giáp ranh đất ông Trần Huy làm bãi chứa vật liệu xây dựng	Giáp ranh xã Liêu Tú	1,08
44.4	Đường tỉnh 933C	Giáp ranh xã Trần Đề	Kênh Ba Mới	1,19
		Kênh Ba Mới	Kênh Tư Mới	1,19
		Kênh Tư Mới	Cầu Nhà máy Khánh Hưng	1,19
		Đường tỉnh 934 (Lộ Sóc Giữa)	Ngã ba Chùa Pôthi Prứk	1,19
		Ngã tư Hòa Đức	Ngã tư cây Vông	1,19
		Ngã tư cây Vông	Ngã ba Chùa Hai Ông Cọp	1,19
		Ngã ba Chùa Hai Ông Cọp	Đường Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng	1,08
		Đường Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng	Hết ranh đất chùa Sóc Tia	1,08
		Giáp ranh đất chùa Sóc Tia	Giáp ranh xã Trần Đề (Kênh Sáu Quế 1)	1,08

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
44.5	Đường Hai Bà Trưng	Đường tỉnh 934	Hết ranh đất Trường Trung học cơ sở Lịch Hội Thượng A	1,10
		Giáp ranh đất Trường Trung học cơ sở Lịch Hội Thượng A	Hết ranh đất Chợ mới xã Lịch Hội Thượng	1,10
		Giáp ranh đất Chợ mới xã Lịch Hội Thượng	Ngã tư Phố Dưới	1,10
44.6	Khu tái định cư Lịch Hội Thượng	Đường trong Khu tái định cư		1,02
44.7	Đường nhựa	Đầu ranh Nhà ông Ngô Văn Nguyên	Hết ranh đất Nhà ông Trần Văn Cam	1,10
		Đầu ranh đất Nhà bà Trần Huyền Trang	Hết ranh đất Nhà ông La Văn Trung	1,10
		Ngã tư Ông Xưa	Ngã tư Hòa Đức	1,10
		Ngã tư Thanh Vân	Hết ranh đất Nhà ông Hấu	1,10
		Ngã tư ông Nía	Hết ranh quán cafe ông Ni	1,10
		Ngã tư Hòa Thành	Hết ranh đất Trường Tiểu học A	1,10
		Ngã tư Hòa Đức	Hết ranh đất nhà bà Yến Ông Dín	1,10
		Đầu quán Thanh Vân	Cống Ông Hiệp	1,10
		Sân trước Chùa Ông Bổn	Giáp nhà lồng Chợ	1,10
		Sân trước Chùa Ông Bổn	Cầu Hội Đồng	1,10
		Ngã tư Phố Dưới	Hết ranh đất Nhà ông Xía	1,10
		Giáp ranh đất Nhà ông Xía	Đường Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng	1,10
		Cống Ông Hiệp	Cầu Vĩnh Tường	1,10
		Đầu ranh đất Chùa Phước Đức Cổ Miếu	Cầu Vĩnh Tường	1,10
44.8	Các tuyến Hẻm	Hẻm cặp Nhà ông Liên Tấn	Trường Tiểu học B	1,25
		Hẻm cặp Trường Tiểu học B	Suốt hẻm	1,25
		Hẻm nhà ông Tám Điếc	Suốt hẻm	1,25
		Hẻm nhà ông Lâm Sướng	Suốt hẻm	1,25
		Hẻm Quán Thanh Vân (cặp nhà ông Hấu)	Giáp nhà lồng Chợ	1,25
		Hẻm Nhà ông Huỳnh Chứ	Suốt hẻm	1,25

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
44.9	Đường đal	Kênh Ông Thầy Pháp	Kênh Ông Vinh	1,25
		Đầu ranh đất Huyện Đội	Kênh Ông Vinh	1,25
		Đường Sóc Bìa Hội Trung từ Đường tỉnh 934	Đường tỉnh 933C (Ngã tư Cây Vông)	1,25
		Kênh Thầy Pháp	Kênh Giồng Chát	1,25
		Đường đal cặp Nhà ông Dên	Suốt tuyến	1,25
		Cầu Vĩnh Tường	Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng	1,12
		Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng	Ngã ba Bằng Lăng	1,12
		Ngã tư Chùa Hội Phước	Quốc lộ 936B	1,12
44.10	Đường gom Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng	Giáp ranh xã Trần Đề	Giáp ranh xã Liêu Tú	1,15
44.11	Đường tránh Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng	Ngã ba Đường tỉnh 933C (Chùa Hai Ông Cọp)	Ngã ba Đường tỉnh 933C (Ngã ba Bằng Lăng)	1,35
45	**Xã Trần Đề**			
45.1	Đường vào Khu tái định cư Nam Sông Hậu	Đường tỉnh 934	Đường Trục Đê bao An ninh Quốc phòng	1,54
45.2	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Cầu Ngan Rô (Ranh Đại Ân 2)	Kênh 1 (Ranh Khu Công nghiệp)	1,25
		Kênh 1 (Ranh Khu Công nghiệp)	Hết ranh đất Trạm biến áp 110 điện lực	1,25
		Giáp ranh đất Trạm biến áp 110 điện lực	Ngã ba đèn xanh, đèn đỏ (Đường tỉnh 934)	1,25
		Ngã ba đèn xanh, đèn đỏ (Đường tỉnh 934)	Cống Bãy Giá	1,25
		Cống Bãy Giá	Cống Tầm Vu	1,25
		Cống Tầm Vu	Hết ranh đất Trạm cấp nước Mỏ Ó	1,25
		Giáp ranh đất Trạm cấp nước Mỏ Ó	Cầu Sáu Quế 2	1,25
		Cầu Sáu Quế 2	Giáp ranh xã Lịch Hội Thượng	1,25
		Cầu Ngan Rô	Kênh Quốc Hội	1,25
		Kênh Quốc Hội	Kênh Xả Chỉ - Long Phú	1,25
45.3	Quốc lộ Nam Sông Hậu (Phía Tây không giáp kênh)	Cầu Ngan Rô (Ranh Đại Ân 2)	Đường đal (Giáp ranh đất ông Huỳnh Tấn Phát)	1,08

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
45.4	Quốc lộ Nam Sông Hậu (Phía Tây, giáp kênh thủy lợi cũ)	Đầu ranh đất ông Huỳnh Tấn Phát	Ngã ba Đường tỉnh 934B	1,08
		Ngã ba Đường tỉnh 934B	Kênh 2 Mới	1,08
		Kênh 2 Mới	Hết ranh đất ông Trương Văn Đắng	1,08
45.5	Đường tỉnh 933C	Giáp ranh xã Lịch Hội Thượng	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	1,08
		Giáp ranh xã Long Phú	Giáp ranh xã Lịch Hội Thượng (Kênh 1 mới)	1,08
45.6	Đường tỉnh 934	Cầu Bãy Giá	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu) (Ngã ba đèn xanh đèn đỏ)	1,08
		Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu) (Nhà ông Nghiêm)	Đường 19 Tháng 5	1,08
		Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Cầu Đen	1,08
		Cầu Đen	Giáp ranh xã Lịch Hội Thượng	1,08
45.7	Đường tỉnh 934B	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Kênh Bồn Bồn	1,19
		Kênh Bồn Bồn	Đường tỉnh 933C	1,19
		Đường tỉnh 933C	Giáp ranh xã Liêu Tú	1,19
45.8	Đường huyện 34	Đầu ranh đất Nhà ông Chính Phương (Đối diện Thánh Thất Đại Ân 2)	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	1,25
		Cầu Bưng Cốc	Cống Ông Til	1,25
		Cống Ông Til	Đường tỉnh 933C	1,25
		Cầu Bưng Cốc	Đập Ngan Rô	1,25
45.9	Đường 30 Tháng 4	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Đường vào Cảng cá Trần Đề	1,08
45.10	Đường 19 Tháng 5	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Hết ranh đất Trạm Biên phòng Trần Đề	1,08
45.11	Đường vào Khu hành chính	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Đường Lăng Ông	1,08
45.12	Đường 27 Tháng 7	Đường tỉnh 934	Đường Lăng Ông	1,08
45.13	Đường 22 Tháng 12	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Giáp ranh đất Công an huyện (cũ)	1,08
45.14	Đường Lăng Ông	Đường 19 Tháng 5 (Đi Lăng Ông)	Đường vào Khu tái định cư	1,12
45.15	Đường Võ Thị Sáu (N1)	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Trục Đê bao An ninh Quốc phòng	1,08

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
45.16	Đường từ Kênh Tư đến Cống Bãy Giá	Cầu Kênh Tư	Đê ngăn mặn	1,05
45.17	Đường vào Khu tái định cư Khu Công nghiệp Trần Đề	Suốt tuyến		1,50
45.18	Đường đal nối bến phà Cù Lao Dung	Đầu ranh nhà ông Phan Văn Minh	Bến Phà đi Cù Lao Dung	1,25
45.19	Đê ngăn mặn	Đường 30 Tháng 4	Kênh 2	1,19
		Kênh 2	Hết ranh Khu công nghiệp	1,19
		Giáp ranh Khu công nghiệp	Hết ranh đất bà Trần Thị Thanh Trinh	1,19
		Giáp ranh Trung tâm thương mại	Ngã tư Khu hành chính	1,19
		Ngã tư Khu hành chính	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	1,19
45.20	Đường Trục Đê bao và An ninh Quốc Phòng	Đầu ranh Bến tàu SuperDong	Ngã tư Khu hành chính	1,08
45.21	Khu vực trong Cảng cá Trần Đề	Khu vực dịch vụ gồm 02 khu vực: 4, 5		1,18
		Khu vực sản xuất gồm 03 khu vực: 1, 2, 3		1,18
45.22	Đường phía sau Công an huyện (cũ)	Đường 22 Tháng 12	Đường Đê ngăn mặn	1,19
45.23	Đường đal (Hướng đi Nhà ông Hóa)	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Cuối đường (Kênh Bạc Hia)	1,35
45.24	Đường đal Kinh 3	Suốt tuyến		1,35
45.25	Đường đal	Đường tỉnh 934	Hết ranh đất Trường Tiểu học Trần Đề A	1,25
		Giáp ranh đất Trụ sở Đảng Uỷ (cũ)	Hết ranh đất Nhà Thầy Hòa	1,25
		Giáp ranh Nhà Thầy Hòa	Cổng sau Nhà thờ Bãy Giá	1,25
		Đường Quân khu từ Đường tỉnh 934	Hết ranh đất Nhà ông Mười Sọ	1,25
		Giáp ranh đất Nhà ông Mười Sọ	Cầu 30 Tháng 4	1,25
		Đường Mỏ Ó Tuyến 2	Suốt tuyến	1,25
45.26	Đường đal (Cặp Kênh 01)	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Đường đal Đê ngăn mặn	1,35
45.27	Đường đal (Cặp Kênh Tiếp Nhựt)	Suốt tuyến		1,35
45.28	Đường đal trong Khu dân cư ấp Chợ	Đầu ranh Nhà ông Thầy Nhu (Đường huyện 34)	Suốt tuyến giáp Sông Ngan Rô (Đường huyện 34)	1,19
		Đầu ranh đất Nhà ông Trí Nguyện	Hết ranh quán Cafe Ông Vinh (Đường huyện 34)	1,19

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
45.29	Đường cặp Chợ Bãy Giá (Hai bên)	Đường tỉnh 934	Hết ranh Chợ Bãy Giá	1,19
45.30	Đường trong Khu dân cư ấp Mỏ Ó	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Đường tỉnh 933C	1,15
		Các tuyến đường còn lại trong Khu dân cư		1,15
45.31	Đường đal Cống 2 (Ông Khinh)	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Kênh Sáu Quế 1	1,25
45.32	Đường đal (Cặp kênh 6 Quế 2)	Đường tỉnh 933C	Kênh 80	1,25
45.33	Đường Kênh Ông Phực	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Kênh Sáu Quế 1	1,25
45.34	Đường đal Kênh Hai Dao	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Đường tỉnh 934	1,15
45.35	Đường đal cặp Trường Tiểu học Trần Đề B (mới)	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Đường tỉnh 934	1,15
45.36	Đường đal (sau Đường 19 Tháng 5)	Đường đal Lăng Ông	Ranh đất ông Nguyễn Văn Cờ	1,15
45.37	Đường đal Kênh 2	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Đường Đê ngăn mặn	1,15
45.38	Đường đal Kênh 1 trong	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Đường đal cặp Kênh Bồn Bồn	1,25
45.39	Đường đal (Đê ngăn mặn cũ)	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Đường tỉnh 934	1,15
45.40	Đường đal cặp Nhà ông Triệu Sự	Đường tỉnh 934	Kênh Tiếp Nhựt	1,15
45.41	Đường đal cặp Nhà ông Châu Văn Liền	Đê ngăn mặn	Hết ranh đất Nhà ông Hứa Văn Dũng	1,15
45.42	Đường đal Khu 3	Đường tỉnh 934 (cũ)	Đường đal cặp Kênh Tiếp Nhựt	1,25
45.43	Đường đal trong Khu dân cư ấp Chợ	Ngã ba Trụ sở UBND xã Trần Đề	Hết ranh đất Nhà bà Nguyễn Thị Liễu	1,15
		Giáp ranh đất Nhà bà Nguyễn Thị Khánh	Hết ranh Nhà ông Dư Văn Lập (Đường huyện 34)	1,15
45.44	Đường đal	Giáp ranh Nhà thờ Bãy Giá (Nhà ông Tây)	Hết ranh đất Nhà ông Năm Mẫn	1,25
		Cầu 30 Tháng 4	Cống Tầm Vu	1,25
		Đường Quân Khu	Đường nhựa vào Nhà thờ	1,25
		Đê ngăn mặn từ Cống Bãy Giá	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu) (Hướng Mỏ Ó)	1,25
		Đập Ngan Rô (cũ)	Miếu Bà	1,25

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
45.44	Đường đal	Kênh Bồn Bồn qua đầu cầu Chợ	Cầu Nhà Ông Mó	1,25
		Cầu Thanh Niên (Kênh Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu))	Kênh 1	1,25
		Ngã ba Kênh Tiếp Nhựt	Chùa Đon Kđôn	1,25
		Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Chùa Đon Kđôn	1,25
		Đường tỉnh 934	Chùa Đon Kđôn	1,25
45.45	Đường N2	Suốt tuyến		1,19
46	**Xã An Thạnh**			
46.1	Quốc lộ 60 (Phà Đại Ngãi)	Bến phà phía sông Đại Ngãi	Bến phà phía sông Trà Vinh	1,00
46.2	Quốc lộ 60 (Cầu Đại Ngãi)	Cầu Đại Ngãi 1 (Thuộc ấp Đặng Trung Tiến)	Cầu Đại Ngãi 2 (Thuộc ấp An Phú A)	1,00
46.3	Đường tỉnh 933B	Bến phà Kênh Đào	Đường giao thông nông thôn Rạch Su	1,00
		Đường giao thông nông thôn Rạch Su	Ấp An Lạc (Ngã tư Chợ Rạch Sâu)	1,00
		Ấp An Lạc (Ngã tư Chợ Rạch Sâu)	Quốc lộ 60 (Nút giao cầu Đại Ngãi)	1,00
		Quốc lộ 60 (Nút giao cầu Đại Ngãi)	Đường Hùng Vương	1,00
46.4	Đường huyện 10	Ngã ba Đường tỉnh 933B (Nhà bà Lê Thị Nguyệt)	Hết ranh đất Cơ sở giáo dục Cồn Cát	1,00
		Cầu Cồn Cát	Giáp ranh xã Cù Lao Dung (Cầu Khém Sâu)	1,00
46.5	Đường nhựa dẫn ra đê Tả Hữu (Đường huyện 10)	Đường huyện 10 (Cồn Cát)	Đê Tả Hữu	1,00
46.6	Đường huyện 11	Nhà ông Mạnh Ngọc Phong	Quốc lộ 60 (Cầu Đại Ngãi 1)	1,00
		Quốc lộ 60 (Cầu Đại Ngãi 1)	Cầu Ông Út Quận + 80m	1,30
		Cầu ông Út Quận + 80m	Cầu Rạch Giữa	1,00
		Cầu Rạch Giữa	Cầu Tư Giáo (Ông Thầy Nhỏ)	1,00
46.7	Đường huyện 12A	Cầu Đoàn Thế Trung	Cầu Bần Cầu (giáp xã Cù Lao Dung)	1,40
46.8	Đường huyện 12B	Đường Hùng Vương	Cầu Bến Bạ	1,00
		Cầu Bến Bạ	Đường huyện 11	1,00
		Ngã ba ấp Trương Công Nhựt	Cầu Lòng Đầm	1,00
46.9	Đường huyện 13	Đường huyện 11	Giáp ranh xã Cù Lao Dung (Sông Bến Bạ)	1,00

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
46.10	Đường Đồng Khởi	Đường Xóm Củi	Hết ranh đất Nhà văn hóa thị trấn Cù Lao Dung (cũ)	1,00
		Giáp ranh đất Nhà văn hóa thị trấn Cù Lao Dung (cũ)	Đường huyện 12B	1,00
		Đường Xóm Củi	Cầu Bến Bạ nhỏ	1,00
46.11	Đường Xóm Củi	Đường Đồng Khởi	Ngã ba giao Đường đal với Đường Lương Định Của nối dài	1,00
		Ngã ba giao Đường đal với Đường Lương Định Của nối dài	Đường số 1	1,00
46.12	Đường Đoàn Thế Trung	Chợ Bến Bạ	Ngã tư giao Đường Hùng Vương	1,00
		Ngã tư giao Đường Hùng Vương	Cầu Đoàn Thế Trung	1,00
46.13	Đường Hùng Vương	Đường tỉnh 933B	Đường 3 Tháng 2	1,20
		Đường 3 Tháng 2	Hết ranh đất Cây xăng Lê Vũ	1,00
		Giáp ranh đất Cây xăng Lê Vũ	Cầu Kinh Đình Trụ (Giáp xã Cù Lao Dung)	1,00
46.14	Đường 30 Tháng 4	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Bệnh viện mới	1,00
		Giáp ranh đất Bệnh viện mới	Sông Cồn Tròn	1,00
46.15	Đường 3 Tháng 2	Đường Đồng Khởi	Đường Hùng Vương	1,00
46.16	Đường số 1	Đường Đoàn Thế Trung	Đường Đoàn Văn Tố	1,00
46.17	Đường Lương Định Của (Đường 20 Tháng 11) (cũ)	Đường 3 Tháng 2	Đường Đoàn Văn Tố	1,00
		Đường Đoàn Văn Tố	Ngã ba giao Đường đal với Đường Xóm Củi	1,00
46.18	Đường Đoàn Văn Tố	Đường Đồng Khởi	Đường Hùng Vương	1,00
46.19	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Đoàn Thế Trung	Hết ranh đất Trường Tiểu học Cù Lao Dung	1,00
46.20	Đường hai bên hông Chợ Bến Bạ	Suốt tuyến		1,00
46.21	Đường N2	Đường Đoàn Thế Trung	Giáp ranh đất Đình Nguyễn Trung Trực	1,00
46.22	Đường N4	Đường Nguyễn Trung Trực nối dài	Đường 30 Tháng 4	1,00
46.23	Đường N6	Đường 3 Tháng 2	Hết ranh đất Nhà mẹ Việt Nam Anh Hùng Phan Thị Tình (Ấp Chợ)	1,00
46.24	Đường D3	Đường tỉnh 933B	Đường Rạch Lá	1,00
46.25	Đường D4	Đường tỉnh 933B	Đường 1 Tháng 5	1,00

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
46.26	Đường Xóm 5	Đường Đoàn Thế Trung	Đường huyện 12B	1,20
46.27	Đường 1 Tháng 5	Đường 3 Tháng 2	Đường Hùng Vương	1,40
		Cầu Bến Bạ nhỏ	Ngã ba Đường 1 Tháng 5	1,00
46.28	Đường nhánh rẽ Rạch Vẹt - Rạch Sung	Đường 1 Tháng 5	Rạch Sung	1,00
		Ngã ba Đường nhánh rẽ Rạch Vẹt - Rạch Sung	Đê sông Bến Bạ	1,00
46.29	Đường đal (Đất Nhà ông Út Phiếu)	Đường bên hông Chợ Bến Bạ	Rạch Thông Hảo	1,00
46.30	Hẻm (Đất ông Mau)	Đường Đoàn Thế Trung	Rạch Thông Hảo	1,00
46.31	Hẻm (Đất ông 9 Mỹ)	Đường Đoàn Thế Trung	Rạch Thông Hảo	1,00
46.32	Hẻm (Đất ông Diệp Thanh Tùng)	Đường Đoàn Thế Trung	Rạch Thông Hảo	1,00
46.33	Đường giao thông nông thôn (Đường 3 Tháng 2 nối dài)	Đường Hùng Vương	Sông Cồn Tròn	1,00
46.34	Đường Rạch Lá	Đường 3 Tháng 2	Đường Rạch Già lớn	1,00
46.35	Đường đal (Cầu Bến Bạ - Trại cưa Ông Điệu)	Cầu Bến Bạ	Hết ranh đất Trại cưa Ông Điệu	1,00
		Giáp ranh đất Trại cưa Ông Điệu	Kênh Đình Trụ	1,00
46.36	Đường Rạch Già Lớn	Đường Hùng Vương	Sông Cồn Tròn	1,00
46.37	Đường giao thông nông thôn Kênh Đào - Đầu Cù Lao	Cầu Kênh Đào (Đầu ranh đất ông Hồ Văn Mạnh)	Đê Tả Hữu	1,00
46.38	Khu tái định cư An Thạnh Tây	Đường trong Khu tái định cư		1,00
46.39	Đường giao thông ra khu bố trí ổn định dân cư phòng, chống thiên tai	Đường trong Khu tái định cư		1,00
46.40	Đường giao thông ra khu bố trí ổn định dân cư phòng, chống thiên tai	Đường trong Khu tái định cư		1,00
46.41	Đường giao thông nông thôn Rạch Đôi	Đường tỉnh 933B (Nhà Hà Văn Thoàn)	Đê Tả Hữu	1,00
46.42	Đường đal Rạch Trầu	Đường tỉnh 933B (Đầu ranh đất Hồng Văn Y)	Đê Tả Hữu	1,00
46.43	Đường đal Rạch Su	Đường tỉnh 933B (Đầu ranh đất Tư Kiệt)	Đê Tả Hữu	1,00
46.44	Đường Trường Tiền Nhỏ (Phía trên)	Đường tỉnh 933B (Đầu ranh đất ông Lê Quốc Tửng)	Quốc lộ 60	1,00
46.45	Đường Trường Tiền Nhỏ (Phía dưới)	Đường tỉnh 933B (Cầu Phong Lưu)	Đường Trường Tiền Nhỏ (Phía trên)	1,00
46.46	Đường giao thông nông thôn Rạch Vượt (Phía trên)	Đường tỉnh 933B (Đầu ranh đất ông Huỳnh Quốc Hoàng)	Đê Tả Hữu	1,00

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
46.47	Đường giao thông nông thôn Rạch Vượt (Phía dưới)	Đường tỉnh 933B (Nhà ông Trần Văn Hùng)	Đê Tả Hữu	1,00
46.48	Đường đal Xóm Chùa	Đầu đất ông Đào Văn Oanh	Đường huyện 10 (chợ Long Ẩn)	1,00
46.49	Đường giao thông nông thôn Mương Củi	Đường huyện 10 (Đầu ranh đất Nhà ông Huỳnh Văn Điền)	Hết ranh đất Nhà ông Huỳnh Văn Kịch	1,00
		Đường huyện 10 (Đầu ranh đất Nhà ông Huỳnh Văn Điền)	Hết ranh đất Nhà ông Đào Văn Quyện	1,00
46.50	Đường giao thông nông thôn Rạch Trê (Phía trên)	Đường tỉnh 933B (Đầu ranh đất Nhà ông Huỳnh Văn Cần)	Đê Tả Hữu (Hết đất Nhà ông Nguyễn Văn Trong)	1,00
46.51	Đường giao thông nông thôn Rạch Trê (Phía dưới)	Đường tỉnh 933B (Đầu ranh đất bà Tự)	Cầu Rạch Trê (hết đất ông On)	1,00
46.52	Đường giao thông nông thôn Rạch Ông Cột	Đường tỉnh 933B (Cầu Rạch Ông Cột)	Hết ranh đất ông Võ Văn Phong	1,00
46.53	Đường giao thông nông thôn Rạch Sâu	Đường tỉnh 933B (Đầu ranh đất ông Huỳnh)	Giáp ranh Cầu nhà Út Gia	1,00
46.54	Đường Rạch sâu (Lộ giao thông nông thôn Rạch Sâu)	Đường tỉnh 933B (nhà ông Trương Hoàng Vân)	Cầu Chín Khánh	1,00
46.55	Đường đal trước UBND xã An Thạnh Đông cũ	Đường huyện 11 (Cầu Lòng Đầm)	Hết ranh đất Trạm Y tế xã An Thạnh Đông (cũ)	1,00
46.56	Đường đền thờ Bác	Đường huyện 11 (Cầu Lòng Đầm)	Hết ranh đất Đền thờ Bác	1,00
46.57	Lộ Tẻ Vàm Tắc	Đường huyện 11 (Cầu Lòng Đầm)	Bến phà Vàm Tắc	1,00
46.58	Đường nhánh rẽ Quốc lộ 60 - Rạch Su	Quốc lộ 60 (Đầu ranh đất ông Thịnh)	Đường giao thông nông thôn Rạch Su	1,00
46.59	Đường nối giữa đường Đoàn Thế Trung với đường 3 Tháng 2 qua nhà Sinh hoạt cộng đồng	Đường Đoàn Thế Trung	Đường 3 Tháng 2	1,00
46.60	Đường Bình Linh - Đầu Lá	Đường Bình Linh phía dưới	Đường Rạch Đầu Lá	1,00
46.61	Đường Rạch Đầu Lá	Đường tỉnh 933B (Chín Lâm)	Út Xứ	1,00
46.62	Đường Bình Linh (Phía trên)	Đường tỉnh 933B	Bến đò Bình Linh	1,00
46.63	Đường vào Bến đò Bình Linh	Đường Cồn Chính Liên Vai trước (Nhà Mười Hưu)	Bến đò Bình Linh	1,00

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
47	**Xã Cù Lao Dung**			
47.1	Đường tỉnh 933B	Cầu Kinh Đình Trụ (Giáp ranh xã An Thạnh)	Đường tỉnh 933	1,35
		Đường tỉnh 933	Đường đal ông Sáu	1,35
		Đường đal Ông Sáu	Cầu Rạch Tráng	1,35
		Cầu Rạch Tráng	Đê biển	1,35
		Cầu Rạch Tráng	Cầu Năm Lèn	1,35
		Cầu Năm Lèn	Đê biển	1,35
47.2	Đường tỉnh 933	Đường tỉnh 933B	Bến phà Đại Ân 1	1,35
47.3	Tuyến tránh Đường tỉnh 933B	Ngã ba Vòng xuyến (Giáp UBND xã)	Đường tỉnh 933B	1,19
47.4	Đường huyện 10	Cầu Khém Sâu	Rạch Đôi	1,35
		Rạch Đôi	Đê bao Tả Hữu (Đường huyện 10)	1,35
		Cầu Mười Kính	Đê bao Tả Hữu	1,35
47.5	Đường huyện 12A	Đường huyện 10	Giáp ranh xã An Thạnh (Cầu Bần Cầu)	1,35
47.6	Đường huyện 13	Đường huyện 10	Đê bao sông Cồn Tròn	1,35
		Đường huyện 10	Đê bao sông Bến Bạ	1,35
47.7	Đường huyện 14	Đường huyện 10	Đê bao Tả Hữu	1,35
		Đường tỉnh 933B	Đường huyện 10	1,35
47.8	Đường bên hông chợ Rạch Tráng	Đầu ranh đất Nhà ông Út Nhịn	Hết ranh đất Nhà ông Trang Văn Gầm	1,09
		Đầu ranh đất Nhà ông Ửng	Hết ranh đất Nhà ông Lương Hoàng Thiện	1,09
47.9	Đường giao thông nông thôn vòng quanh chợ Rạch Tráng	Đầu ranh đất Nhà ông Nguyễn Văn Ẩn	Hết ranh đất Nhà ông Được	1,09
47.10	Đường đal mé sông	Đầu ranh đất Nhà ông Sáu Cứng	Xẻo Ông Đồng	1,54
47.11	Đường giao thông nông thôn	Cầu Sáu Cứng	Hết ranh đất Nhà ông Gầm	1,25
		Giáp ranh đất Nhà ông Gầm	Đường tỉnh 933B	1,25
47.12	Đường đal	Cầu Mười Kính	Đê bao Tả Hữu	1,15
		Đường đal Trạm Y tế	Đường tỉnh 933B (Rạch Mương Cột)	1,15
47.13	Đường đal Trạm Y tế	Đường tỉnh 933B (Rạch Tráng)	Rạch Mương Cột	1,18
47.14	Đường đal Ông Tám	Đường tỉnh 933B	Cầu Bà Hời	1,35
47.15	Đường giao thông nông thôn Ba Hùm	Đường tỉnh 933B	Đường giao thông nông thôn vòng quanh chợ Rạch Tráng	1,25

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
48	**Xã Phong Nẫm**			
48.1	Đường huyện 1	Giáp ranh đất Tổ Điện lực	Bến phà đầu cồn hết ranh đất Nhà ông Huỳnh Văn Khoa, ấp Phong Thạnh	1,15
48.2	Khu vực xã	Đầu ranh đất Trụ sở UBND xã	Hết ranh đất Tổ Điện lực (Qua Ngã ba Trường THCS Phong Nẫm)	1,15
		Giáp ranh đất Trụ sở UBND xã	Hết ranh đất Tư Suôl	1,15
		Giáp ranh đất Tư Suôl	Cầu Bà Xe	1,15
		Ngã ba Trường THCS Phong Nẫm	Cầu Bà Xe	1,15
49	**Xã Mỹ Phước**			
49.1	Đường tỉnh 939 (Đường Lâm Trường Phước Thọ)	Suốt tuyến		1,15
49.2	Đường huyện 81	Đường huyện 84	Giáp ranh xã Long Hưng	1,15
49.3	Đường huyện 82	Kênh số 3 (Giáp ranh xã Mỹ Tú)	Hết ranh đất Trạm Y tế	1,25
		Giáp ranh đất Trạm Y tế	Cầu Ba Trí	1,25
		Cầu Ba Trí	Giáp ranh phường Ngã Năm	1,25
49.4	Đường huyện 84	Suốt tuyến		1,25
49.5	Khu vực chợ	Các Đường bên dãy nhà lồng chợ		1,35
49.6	Đường vào Khu căn cứ	Đường huyện 82	Khu căn cứ	1,15
49.7	Đường Bắc Quản lộ Nhu Gia	Suốt tuyến		1,15
50	**Xã Lai Hòa**			
50.1	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Giáp ranh tỉnh Cà Mau	Đầu ranh đất ông Nguyễn Hoàng Chánh và bà Lê Thị Thương	1,11
		Nhà ông Nguyễn Hoàng Chánh và bà Lê Thị Thương	Cống Xẻo Cốc	1,11
		Cống Xẻo Cốc	Giáp ranh phường Vĩnh Phước	1,11
50.2	Đường huyện 48	Giáp ranh tỉnh Cà Mau	Giáp ranh Chùa Prey Chóp B và ranh đất bà Triệu Thị Thanh Thúy	1,11
		Giáp ranh Chùa Prey Chóp B và ranh đất bà Triệu Thị Thanh Thúy	Hết ranh đất Nhà ông Trần Lưu và bà Sơn Thị Sà Phươl	1,11
		Giáp ranh đất Nhà ông Trần Lưu và bà Sơn Thị Sà Phươl	Giáp ranh phường Vĩnh Phước	1,11

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
50.3	Đường huyện 47C	Đường huyện 40 (Đê sông)	Hết ranh đất Miếu Ông Bổn	1,25
		Giáp ranh đất Miếu Ông Bổn	Hết ranh đất ông Thạch Váth	1,25
		Giáp ranh đất ông Thạch Váth	Cầu Kênh KN2	1,25
		Cầu Kênh KN2	Đường huyện 48	1,25
50.4	Đường huyện 40	Kênh Bảy Túc (Giáp ranh phường Vĩnh Phước)	Giáp ranh tỉnh Cà Mau	1,15
50.5	Đường huyện 42	Kênh Bảy Túc (Giáp ranh phường Vĩnh Phước)	Đường huyện 47C	1,15
50.6	Đê Quốc Phòng (Đường tỉnh 936C)	Giáp ranh phường Vĩnh Phước	Giáp ranh tỉnh Cà Mau	1,15
50.7	Đường đal Tà Bôn	Suốt tuyến		1,35
50.8	Đường đal Khu 5 Lai Hòa	Suốt tuyến		1,35
50.9	Đường đal Prey Chóp - Xung Thum A	Đường huyện 47C	Đường đal Prey Chóp (Hòa Hiệp đoạn trong)	1,35
		Đường đal Prey Chóp (Hòa Hiệp đoạn trong)	Giáp ranh Nhà bà Phan Thúy Mừng	1,35
		Giáp ranh Nhà bà Phan Thúy Mừng	Hết ranh Chùa Xung Thum	1,35
50.10	Đường đal Prey Chóp - Prey Chóp A	Đường huyện 47C	Hết ranh đất ông Đào Hên và ông Thạch Khêl	1,19
		Giáp ranh đất ông Đào Hên và ông Thạch Khêl	Giáp ranh tỉnh Cà Mau	1,19
50.11	Đường chợ Lai Hòa	Hai bên nhà lồng chợ Lai Hòa		1,08
51	**Xã Vĩnh Hải**			
51.1	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Cầu Mỹ Thanh	Hết ranh đất Trường Tiểu học Vĩnh Hải 4	1,25
		Giáp ranh đất Trường Tiểu học Vĩnh Hải 4	Đường vào Trường Mầm non Vĩnh Hải	1,25
		Đường vào Trường Mầm non Vĩnh Hải	Hết ranh đất Trường Tiểu học Vĩnh Hải 3	1,25
		Giáp ranh đất Trường Tiểu học Vĩnh Hải 3	Giáp ranh phường Vĩnh Châu	1,25
51.2	Đường tỉnh 113 (cũ)	Miếu Hên Vũ (Đường Nam Sông Hậu)	Hết ranh đất Công ty Ông Chái	1,35
		Giáp ranh đất Công ty Ông Chái	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	1,35
51.3	Đường huyện 43	Suốt tuyến		1,35

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
51.4	Đê Quốc Phòng (Đường tỉnh 936C)	Cầu Giồng Chùa	Cống 17	1,15
		Cống 17	Khu dân cư An Lạc	1,15
		Khu dân cư An Lạc	Giáp ranh phường Vĩnh Châu	1,15
51.5	Lộ Bà Len	Đường huyện 43	Đường Nam Sông Hậu	1,35
		Đường Nam Sông Hậu	Đường đal Khu dân cư An Lạc	1,35
51.6	Lộ vào Khu du lịch Hồ Bể	Đường Nam Sông Hậu	Đường đal giáp nước	1,35
		Đường đal giáp nước	Giáp Chùa Quan Âm Đông Hải	1,35
52	**Xã Hỏa Lựu**			
52.1	Quốc lộ 61	Cầu Rạch Gốc	Cầu Cái Tư	1,15
52.2	Đường Đồng Khởi	Cầu Xáng Hậu	Cầu Vườn Cò	1,12
52.3	Đường Giải Phóng	Cầu Vườn Cò	Đường Phạm Hùng	1,08
52.4	Đường Rạch Gốc (Kênh mới)	Quốc lộ 61	Kênh Đê	1,12
52.5	Đường Phạm Hùng	Quốc lộ 61	Cầu Hốc Hỏa	1,12
		Cầu Hốc Hỏa	Đường Kênh 5	1,12
52.6	Đường Thanh Niên	Đường Kênh 5	Đường Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh (Giai đoạn 2)	1,35
52.7	Đường Độc Lập	Đường Thanh Niên	Đường Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh (Giai đoạn 2)	1,35
52.8	Đường Nguyễn Chí Thanh	Kênh Xáng Hậu	Quốc lộ 61C	1,35
52.9	Khu dân cư xã Tân Tiến (cũ)	Đường số 1, 2		1,12
		Đường số 3		1,12
52.10	Quốc lộ 61C	Giáp ranh phường Vị Thanh	Quốc lộ 61	1,05
52.11	Quốc lộ 61 (cũ)	Quốc lộ 61	Bến phà Cái Tư (cũ)	1,05
52.12	Khu dân cư nông thôn mới và chợ xã Hỏa Lựu	Đường số 1, số 2, số 3, số 4	Đường Phạm Hùng	1,54
52.13	Đường Sông Cái Lớn	Quốc lộ 61 (cũ)	Đường Phạm Hùng	1,19
52.14	Đường Hóc Hỏa	Cầu Hóc Hỏa	Cầu Hai Tường	1,35
53	**Xã Vị Thủy**			
53.1	Quốc lộ 61C	Kênh Ba Liên	Giáp ranh xã Vĩnh Thuận Đông	1,11
		Kênh Ba Liên	Ranh xã Vị Thanh 1	1,11
53.2	Đại lộ Võ Nguyên Giáp	Giáp ranh phường Vị Tân	Vòng xoay cầu Mương Lộ	1,10
53.3	Quốc lộ 61	Giáp ranh phường Vị Tân (Đường 3 Tháng 2)	Vòng xoay cầu Mương Lộ	1,10
		Vòng xoay Cầu Mương Lộ	Cầu thủy lợi	1,10
		Cầu thủy lợi	Cống Hai Lai	1,10
		Đường 3 Tháng 2	Giáp ranh phường Long Bình	1,10

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
53.4	Đường tỉnh 925D	Cầu Thủ Bổn	Giáp ranh xã Vĩnh Tường	1,12
53.5	Đường 30 Tháng 4	Cống Hai Lai	Hết ranh Trạm Biến Điện	1,50
		Giáp ranh Trạm Biến Điện	Cầu Nàng Mau	1,50
		Cầu Nàng Mau	Đường 3 Tháng 2	1,50
53.6	Đường Ngô Quốc Trị	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Chí Thanh	1,10
53.7	Đường Hùng Vương	Đường Ngô Quốc Trị	Đường Nguyễn Tri Phương	1,10
53.8	Đường Lê Quý Đôn	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Trung Trực	1,10
		Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Nguyễn Trung Trực	1,10
53.9	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Chí Thanh	1,13
53.10	Đường Lê Hồng Phong	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Trung Trực	1,50
		Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Nguyễn Chí Thanh	1,50
53.11	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Quốc Trị	Đường Nguyễn Tri Phương	1,50
53.12	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Ngô Quốc Trị	Đường Nguyễn Tri Phương	1,50
53.13	Đường 3 Tháng 2	Đường 30 Tháng 4	Cầu Kênh Hậu	1,10
		Cầu Kênh Hậu	Cầu Nàng Mau 2	1,10
		Cầu Nàng Mau 2	Đường 30 Tháng 4	1,10
53.14	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Lê Hồng Phong	1,50
53.15	Đường Nguyễn Du	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Lê Quý Đôn	1,10
53.16	Đường Phan Bội Châu	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Du	1,10
53.17	Đường Phan Chu Trinh	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Du	1,10
53.18	Đường Tạ Quang Tỷ	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Đình Chiểu	1,10
53.19	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Đình Chiểu	1,10
53.20	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Lê Hồng Phong	1,50
53.21	Đường Nguyễn Văn Trỗi (Khu A - B)	Đường Lê Quý Đôn	Đường Nguyễn Tri Phương	1,10
53.22	Đường Nguyễn Hữu Trí (Khu A - B)	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Trung Trực	1,10
53.23	Đường Trần Ngọc Quế (Khu A - B)	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Trung Trực	1,10
53.24	Đường Trần Văn Sơn (Khu A - B)	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Trung Trực	1,10
53.25	Đường Phan Đình Phùng	Đường 30 Tháng 4	Đường số 1A (Khu Thương mại thị trấn Nàng Mau)	1,08
		Đường số 1A (Khu Thương mại thị trấn Nàng Mau)	Cầu Thủ Bổn	1,08
53.26	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Quốc Trị	Cầu Tư Tiềm	1,35
53.27	Đường Võ Thị Sáu	Đường 30 Tháng 4	Đường Nguyễn Tri Phương	1,12
53.28	Đường Nguyễn Thị Định	Đường 30 Tháng 4	Rạch Phong Lưu	1,09

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
53.29	Đường Hùng Vương nối dài	Giáp ranh đất ông Nguyễn Văn Tiềm	Hết ranh Khu dân cư Giáo viên	1,21
53.30	Đường Kênh Lộ Làng	Đường Nguyễn Tri Phương	Giáp ranh xã Vĩnh Thuận Đông	1,35
53.31	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Ngô Quốc Trị	Đường Nguyễn Tri Phương	1,10
53.32	Tuyến mương lộ song song Đường 30 Tháng 4 (Hướng về phường Vị Tân)	Đường Nguyễn Chí Thanh	Giáp ranh xã Vĩnh Thuận Đông	1,18
53.33	Tuyến mương lộ song song Đường 30 Tháng 4 (Hướng về phường Long Bình)	Kênh Xáng Nàng Mau	Đường 3 Tháng 2	1,12
53.34	Tuyến mương lộ song song Quốc lộ 61 (Hướng về phường Long Bình)	Đường 3 Tháng 2	Giáp ranh phường Long Bình	1,14
53.35	Đường Ba Liên - Ông Tà	Giáp ranh phường Vị Tân	Kênh 9 Thước	1,35
		Kênh 9 Thước	Đường tỉnh 925D	1,35
53.36	Đường ô tô về Trung tâm xã Vị Trung	Đường 30 Tháng 4	Đường Kênh Chín Thước	1,12
53.37	Đường vào Nông Trường Tràm	Quốc lộ 61	Giáp ranh xã Vĩnh Tường	1,09
53.38	Đường Kênh Xáng Nàng Mau 2	Quốc lộ 61	Giáp ranh xã Vĩnh Tường	1,05
53.39	Đường công vụ Kênh Ba Liên	Giáp ranh phường Vị Tân	Quốc lộ 61C	1,11
53.40	Đường Kênh Chín Thước	Đường ô tô về Trung tâm xã Vị Trung	Giáp ranh xã Vĩnh Tường	1,35
53.41	Đoạn nối Quốc lộ 61C đến Quốc lộ 61 (cả 02 đoạn)	Quốc lộ 61	Quốc lộ 61C	1,11
53.42	Lộ nhựa 3,5 mét tuyến Kênh Xáng Nàng Mau	Đường Võ Thị Sáu	Giáp ranh xã Vĩnh Thuận Đông	1,09
53.43	Đường bờ xáng Nàng Mau	Tuyến mương lộ song song Đường 30 Tháng 4 (Hướng về phường Long Bình)	Giáp ranh xã Vĩnh Tường	1,09
53.44	Đường vào Đình Nguyễn Trung Trực	Tuyến mương lộ song song Quốc lộ 61 (Hướng về phường Long Bình)	Lộ nhựa 3,5 mét tuyến kênh Xáng Nàng Mau	1,35
53.45	Tuyến đường cặp kênh 9 Thước	Kênh Ba Liên	Kênh Hội Đồng	1,35
53.46	Đường Kênh Hội Đồng	Kênh Chín Thước	Giáp ranh xã Vị Thanh 1	1,35
53.47	Đường Kênh Tràng Tiền	Đường ô tô về Trung tâm xã Vị Trung	Cầu Năm Đằng	1,35
53.48	Đường Kênh Nàng Bèn	Cầu Năm Đằng	Giáp ranh xã Vĩnh Tường	1,35
53.49	Dãy phố cặp nhà lồng chợ Nàng Mau (Chợ cũ)	Đường 30 Tháng 4	Kênh Hậu	1,10

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
53.50	Khu Thương mại thị trấn Nàng Mau (Khu 1)	Các nền mặt tiền: Đường số 1A; Đường Phan Đình Phùng		1,10
		Các đường nội bộ theo quy hoạch chi tiết xây dựng (Không áp dụng các nền mặt tiền Đường số 1A; Đường Phan Đình Phùng)		1,10
53.51	Khu Thương mại thị trấn Nàng Mau (Khu 2)	Các nền mặt tiền Đường số 11		1,10
		Các đường nội bộ theo quy hoạch chi tiết xây dựng (Không áp dụng các nền mặt tiền Đường số 11)		1,10
53.52	Khu dân cư tự cải tạo phù hợp quy hoạch đất ở liền kề Khu tái định cư thị trấn Nàng Mau, huyện Vị Thủy	Đường Nguyễn Chí Thanh (Đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường số D1)		1,10
		Đường số D1 (Đoạn từ Đường Nguyễn Chí Thanh đến Đường số N10)		1,10
53.53	Khu tái định cư thị trấn Nàng Mau, huyện Vị Thủy	Đường Nguyễn Chí Thanh (Đoạn từ Đường số D14 đến Đường Nguyễn Tri Phương)		1,10
		Đường Nguyễn Tri Phương (Đoạn từ Đường Nguyễn Chí Thanh đến Đường số N8)		1,10
		Đường số D14 (Đoạn từ Đường số N8 đến Đường số N10)		1,10
		Đường số N8 (Đoạn từ Đường số D14 đến Đường Nguyễn Tri Phương)		1,10
		Đường số N10 (Đoạn từ Đường số D14 đến Đường số D1)		1,10
		Đường số D1, D2 (Đoạn từ Đường số N8 đến Đường số N10)		1,10
53.54	Khu tái định cư thị trấn Nàng Mau phục vụ Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021 - 2025	Đường Nguyễn Chí Thanh (Đoạn từ Đường số D14 đến Đường số N1)		1,10
		Đường số D14		1,10
		Đường số N1		1,10
		Đường số N2 (Đoạn từ Đường số D14 đến Đường số N1)		1,10
53.55	Khu dân cư Giáo viên	Các Đường nội bộ trong khu		1,12
53.56	Khu dân cư và tái định cư xã Vị Trung	Cả khu		1,05
53.57	Tuyến Đường Ấp 5, thị trấn Nàng Mau	Đường Nguyễn Thị Định	Ngã ba Phong Lưu	1,40
54	**Xã Vĩnh Thuận Đông**			
54.1	Tuyến Đường Nước Đục - Bến Ruộng - Đường Đào	Cầu Nước Đục (Nhà máy Phong Nga)	Hết ranh đất Trường Tiểu học Vĩnh Thuận Đông 3	1,35
54.2	Tuyến Đường Nước Đục - Vịnh Chèo - Đường Đào	Cầu Nước Đục	Cầu cao tốc	1,35
		Cầu cao tốc	Ngã năm Đường Đào	1,35
54.3	Chợ Vĩnh Thuận Đông	Các đường nội bộ khu vực chợ		1,54
54.4	Tuyến Kênh Đồn	Kênh Đồn	Chợ Vĩnh Thuận Đông	1,35
54.5	Tuyến Đường Năm Trăm - Ấp 1	Cầu 500	Cầu Trạm Bơm	1,35

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
54.6	Tuyến Đường kênh Ba Doi - Quản Tấn	Trạm Y tế xã Vĩnh Thuận Đông	Cầu Sáu Thêm	1,35
54.7	Tuyến Đường Cầu Trường THCS Vĩnh Thuận Đông - Trạm Bơm Bàu Năng (Phía Nam)	Cầu Trường Học	Ngã ba Bàu Năng (Bảy Hè)	1,35
54.8	Tuyến Đông Kênh Lý Nết	Cầu Lý Nết	Giáp ranh Ấp 7	1,35
54.9	Tuyến lộ Trà Lồng	Cầu Trà Lồng	Cầu Hai Hoa	1,35
54.10	Quốc lộ 61C	Giáp ranh xã Vị Thủy	Giáp ranh phường Vị Thanh	1,11
54.11	Đường Kênh Lộ Làng	Giáp ranh xã Vị Thủy	Cầu Đập Đá	1,35
54.12	Đường Kênh Lò Heo	Đường tỉnh 925D	Kênh Hai Cừ	1,35
54.13	Tuyến Đường cặp Trạm Y tế xã Vị Thủy (cũ)	Đường tỉnh 925D	Ngã tư Vườn Cò	1,35
54.14	Đường tỉnh 925D	Giáp ranh xã Vị Thủy	Hết ranh Trạm Y tế xã Vị Thủy (cũ)	1,35
		Giáp ranh Trạm Y tế xã Vị Thủy (cũ)	Đường tỉnh 931	1,35
54.15	Đường đi Trung tâm Thương mại Vĩnh Thuận Tây	Đường tỉnh 925D (Trạm Y tế Vĩnh Thuận Tây cũ)	Cầu Kênh Trường Học	1,11
		Cầu Kênh Trường Học	Kênh Nhà Thờ	1,11
		Kênh Nhà Thờ	Kênh Giải Phóng	1,11
54.16	Tuyến Đường Trà Sắt	Đường tỉnh 925D	Kênh Ngang	1,35
54.17	Tuyến Đường Trường học	Đường đi Trung tâm Thương mại Vĩnh Thuận Tây	Kênh Ngang	1,35
54.18	Tuyến Đường Vàm Cái Su - Vườn Cò	Vàm Cái Su	Cầu Vườn Cò	1,35
54.19	Đường trục giữa	Kênh Trường Học	Giáp ranh Khu Thương mại Vĩnh Thuận Tây	1,10
54.20	Đường đi về xã Vĩnh Thuận Đông	Trường Tiểu học Vĩnh Thuận Đông 3	Hết Chợ xã Vĩnh Thuận Đông	1,18
		Chợ xã Vĩnh Thuận Đông	Giáp ranh Chợ Vịnh Chèo	1,18
54.21	Tuyến mương lộ song song Quốc lộ 61 (hướng về phường Vị Thanh)	Ranh xã Vị Thủy	Quốc lộ 61C	1,18
		Quốc lộ 61C	Giáp ranh phường Vị Thanh	1,18
54.22	Khu Thương mại Vĩnh Thuận Tây	Lô A1, A2, A7		1,11
		Các lô (nền) còn lại (Không áp dụng đối với các lô (nền) tái định cư)		1,11
		Các lô (nền) tái định cư		1,11
54.23	Đường tỉnh 931	Đường đi Trung tâm Thương mại Vĩnh Thuận Tây	Kênh Nhà Thờ	1,10
		Kênh Nhà Thờ	Giáp ranh phường Vị Thanh	1,10

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
55	**Xã Vị Thanh 1**			
55.1	Quốc lộ 61C	Giáp ranh xã Vị Thủy	Kênh 8.000	1,11
55.2	Đường tỉnh 931B	Cầu Ba Liên	Hết ranh đất Trụ sở UBND xã Vị Đông (cũ)	1,05
		Giáp ranh đất Trụ sở UBND xã Vị Đông (cũ)	Hết ranh đất Nhà Văn hóa xã Vị Đông (cũ)	1,05
		Giáp ranh Nhà Văn hóa xã Vị Đông (cũ)	Kênh 15.000	1,05
		Kênh 15.000	Kênh 13.000	1,05
		Kênh 13.000	Kênh 8.000	1,05
55.3	Đường tỉnh 927B	Đường tỉnh 931B	Quốc lộ 61C	1,12
		Quốc lộ 61C	Kênh Chín thước (Giáp ranh xã Vĩnh Tường)	1,40
55.4	Đường tỉnh 926	Đê bao Ô Môn - Xà No	Kênh Cây Dông	1,54
		Kênh Cây Dông	Giáp ranh xã Trường Long Tây	1,54
55.5	Đê bao Ô Môn - Xà No	Giáp ranh phường Vị Tân	Kênh 8.000	1,12
55.6	Chợ xã Vị Đông (cũ)	Khu vực trong chợ		1,35
55.7	Chợ xã Vị Thanh (cũ)	Mặt tiền Đường tỉnh 931B		1,05
		Khu vực trong chợ		1,05
55.8	Đường công vụ kênh 3 Hiếu	Đường tỉnh 931B	Giáp ranh xã Vị Thủy	1,12
55.9	Cụm dân cư vượt lũ xã Vị Thanh (cũ)	Các lô nền mặt tiền Đường tỉnh 927B		1,09
		Các lô nền còn lại		1,09
55.10	Cụm dân cư vượt lũ xã Vị Đông (cũ)	Các lô nền mặt tiền đường công vụ kênh 3 Hiếu		1,09
		Các lô nền còn lại		1,09
55.11	Đường Kênh Ông Hai	Đê bao Ô Môn - Xà No	Kênh Ranh (ranh xã Hòa Hưng - tỉnh An Giang)	1,19
55.12	Đường Kênh 12.000	Đê bao Ô Môn - Xà No	Kênh Ba Thước	1,19
55.13	Đường Kênh 14.000	Kênh Thống Nhất	Kênh Chín Thước (Giáp ranh xã Vĩnh Tường)	1,12
55.14	Đường Kênh Hội Đồng	Đường tỉnh 931B	Giáp ranh xã Vị Thủy	1,35
55.15	Đường Kênh 8.000	Đường tỉnh 931B	Kênh Chín Thước (Giáp ranh xã Vĩnh Tường)	1,25
55.16	Đường 9.500	Đê bao Ô Môn - Xà No	Đường tỉnh 926	1,19

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
56	**Xã Vĩnh Tường**			
56.1	Đường tỉnh 925D	Giáp ranh xã Vị Thủy	Hết ranh Trụ sở Đảng ủy xã Vĩnh Tường	1,12
		Giáp ranh Trụ sở Đảng ủy xã Vĩnh Tường	Cầu Kênh Xóm Huế	1,12
		Cầu Kênh Xóm Huế	Cầu Sáu Nhàn	1,12
		Cầu Sáu Nhàn	Hết ranh Trụ sở UBND xã Vĩnh Tường	1,12
		Giáp ranh Trụ sở UBND xã Vĩnh Tường	Kênh Xáng Nàng Mau 2	1,12
56.2	Đường tỉnh 927B	Đường tỉnh 925D	Giáp ranh xã Vị Thanh 1	1,40
56.3	Tuyến Kênh Xáng Nàng Mau (Song song Đường tỉnh 925D)	Kênh Long Điền	Giáp ranh Trạm Y tế xã Vĩnh Tường	1,25
56.4	Chợ xã Vĩnh Tường (cũ)	Giáp ranh Trạm Y tế xã Vĩnh Tường	Cầu Chợ	1,12
		Khu vực trong chợ		1,12
56.5	Chợ xã Vĩnh Trung (cũ)	Khu vực trong chợ		1,35
56.6	Đường nhựa Kênh Giữa	Cầu Chợ	Kênh Xáng Nàng Mau 2	1,40
56.7	Tuyến Kênh 13.000 nhỏ (Song song tuyến Đường tỉnh 927B)	Kênh Ba Què	Giáp ranh Trường THCS Vĩnh Trung	1,25
56.8	Đường vào Nông Trường Tràm	Giáp ranh xã Vị Thuỷ	Ngã tư Kênh Long Điền	1,09
56.9	Đường Kênh Xáng Nàng Mau 2	Giáp ranh xã Vị Thuỷ	Giáp ranh Khu du lịch sinh thái Việt Úc - Hậu Giang	1,05
56.10	Đường Kênh Chín Thước	Đường tỉnh 927B	Ranh xã Vị Thuỷ	1,35
56.11	Tuyến Kênh Hãn (Bên trái)	Đường tỉnh 925D	Kênh 8.000	1,12
56.12	Đường Kênh 8.000	Kênh Chín Thước (Giáp ranh xã Vị Thanh 1)	Kênh Xáng Nàng Mau 2 (Giáp ranh xã Hòa An)	1,25
57	**Xã Vĩnh Viễn**			
57.1	Chợ Trực Thăng	Các đường nội bộ theo quy hoạch xây dựng chi tiết		1,12
57.2	Chợ Thanh Thủy	Các đường nội bộ theo quy hoạch xây dựng chi tiết		1,12
57.3	Đường huyện 4	Ngã tư Thanh Thủy	Sông Nước Đục	1,40
57.4	Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh	Cống Trực Thăng	Cầu Thanh Thủy 1	1,35
57.5	Đường Kênh Mười Thước B	Cầu Vĩnh Thuận Thôn	Cổng chào Ấp 9	1,35
		Cổng chào Ấp 9	Cầu Thanh Thủy 1	1,35
57.6	Đường ô tô về Trung tâm xã Vĩnh Viễn A	Kênh Trực Thăng	Đường huyện 4	1,12
57.7	Đường Tây Kênh Trực Thăng (Đường nhựa, ấp 6)	Đường ô tô về Trung tâm xã Vĩnh Viễn A	Giáp ranh Chợ Trực Thăng	1,19
57.8	Tuyến Đường Kênh Thanh Thủy (hai bên Đông, Tây)	Sông Nước Trong	Ngã tư Thanh Thủy	1,35

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
57.9	Đường Đông Kênh Năm	Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh	Kênh Mương Cừ	1,35
57.10	Đường Nam Kênh Lò Than	Kênh Trổ	Cống Long Mỹ 1	1,35
57.11	Tuyến Kênh Thủy lợi 6	Kênh Mười Thước	Sông Nước Trong	1,35
57.12	Đường tỉnh 930	Giáp ranh xã Xà Phiên	Vòng xoay Trụ sở Công an xã	1,09
		Vòng xoay Trụ sở Công an xã	Cầu Hai Quyền	1,09
		Cầu Hai Quyền	Kênh Trực Thăng	1,09
57.13	Đường Kênh Cái Nhào	Đường tỉnh 930	Sông Nước Đục (Bến đò Năm Điền)	1,12
57.14	Tuyến giáp Trung tâm xã	Chợ Kênh 13	Ngã ba Bảy Kỹ	1,12
		Chợ Kênh 13	Kênh Trạm Bơm	1,12
		Kênh Trạm Bơm	Nhà văn hóa ấp 11	1,12
		Trường THPT Tây Đô	Cống Ngăn Mặn (Sông Nước Trong)	1,12
		Kênh Mười Thước	Sông Nước Đục (Vàm 13)	1,12
		Khu di tích Chiến Thắng Chương Thiện	Kênh Chín Quyền	1,12
57.15	Chợ Vĩnh Viễn	Các đường nội bộ theo quy hoạch chi tiết xây dựng		1,10
57.16	Đường Lương Tâm - Vĩnh Thuận Đông (Ấp 12)	Đường nội ô Trung tâm xã	Giáp ranh xã Xà Phiên	1,12
57.17	Tuyến Kênh Trực Thăng	Cầu Trực Thăng	Cống Trực Thăng	1,19
57.18	Đường nội ô Trung tâm xã	Vòng xoay Trụ sở Công an xã	Đường tỉnh 930	1,13
57.19	Khu dân cư Thương mại xã Vĩnh Viễn	Đường nội ô Trung tâm xã		1,08
		Các tuyến đường nội bộ còn lại		1,08
57.20	Đường Kênh Củ Tre	Đường nội ô Trung tâm xã	Đường tỉnh 930	1,19
		Đường tỉnh 930	Sông Nước Đục	1,19
57.21	Đường tỉnh 931	Cầu Vịnh Chèo	Cầu Trâm Bầu	1,08
		Cầu Trâm Bầu	Kênh Mười Thước	1,08
		Kênh Mười Thước	Sông Nước Trong	1,08
57.22	Khu tái định cư ấp 3, thị trấn Vĩnh Viễn (cũ)	Đường số 1, lộ giới 30 mét		1,14
		Đường số B2, lộ giới 17,5 mét		1,08
		Đường số NB1, NB2, NB3, NB4, lộ giới 13 mét		1,08
57.23	Tuyến Đường sông Nước Đục (ấp 3)	Vàm Kênh 13	Ngã Ba Kênh Cái Dứa	1,12
57.24	Tuyến Đường sông Nước Đục (ấp 2)	Đầu Kênh Chín Quyền	Đường nuôi trồng thủy sản (Ranh xã Xà Phiên)	1,12
57.25	Tuyến Kênh Mười Thước	Trường THPT Tây Đô	Kênh Ngang	1,12

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
57.26	Đường dẫn lên Cầu số 1 vào Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Hậu Giang	Suốt tuyến		1,14
57.27	Tuyến Đường Kênh Lộ Lớn	Đường nội ô Trung tâm xã	Đường tỉnh 930	1,35
57.28	Tuyến Đường nuôi trồng thủy sản	Kênh 13	Giáp ranh xã Xà Phiên	1,19
57.29	Đường Tây Kênh Củ Tre	Đường nội ô Trung tâm xã	Đường tỉnh 930	1,35
57.30	Tuyến Sông Nước Đục	Cống Kênh Trực Thăng	Bến đò Kênh Mới	1,19
57.31	Đường Bắc Kênh Ngang	Kênh 13	Kênh Sốc Miên	1,19
57.32	Đường Nam Cây Điệp (Ấp 3)	Kênh 13	Ngã tư Củ Tre	1,19
57.33	Tuyến Đê Kênh Trâm Bầu	Ngã tư Cái Nhào	Cầu Lộ Lớn	1,19
57.34	Khu tái định cư thị trấn Vĩnh Viễn phục vụ dự án thành phần đoạn Hậu Giang - Cà Mau thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam, phía Đông giai đoạn 2021 - 2025	Đường tỉnh 931 (Áp dụng trong phạm vi Khu tái định cư)		1,14
		Đường số 1 (Lộ giới 15 mét)		1,14
		Đường số 2 (Lộ giới 14,5 mét)		1,14
		Đường số 3, đường số 4 (Lộ giới 13 mét)		1,14
57.35	Tuyến Đường Cái Dứa	Cầu Đầu Lá	Sông Nước Đục (Đình Thần Nguyễn Trung Trực)	1,19
57.36	Đường Tây Kênh Năm, ấp 7, 8	Cầu Kênh 5 (Đường ô tô về Trung tâm xã Vĩnh Viễn A)	Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh	1,35
58	**Xã Xà Phiên**			
58.1	Đường tỉnh 930	Cầu Trắng	Giáp ranh xã Vĩnh Viễn	1,09
58.2	Đường huyện 14	Cầu Miễu, ấp 7, xã Xà Phiên	Giáp ranh Chợ Xà Phiên	1,09
58.3	Chợ Xà Phiên	Các đường theo quy hoạch xây dựng chi tiết		1,50
58.4	Đường ô tô về Trung tâm xã Thuận Hòa	Cảng Trà Ban	Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh (Kênh Cao Hột Lớn)	1,12
		Cống Hai Tho	UBND xã Thuận Hòa (cũ)	1,12
58.5	Đường huyện 15	Đường tỉnh 930	Đường ô tô về Trung tâm xã Thuận Hòa	1,12
58.6	Tuyến Đường Kênh Cái Rắn	Cầu Trạm Y tế xã	Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh	1,12
58.7	Tuyến Đường Kênh Cái Rắn	Cầu Đình	Chùa ấp 4	1,22
58.8	Tuyến Đường Kênh Cái Rắn (Phía Tây)	Xã Đội	Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh	1,35
58.9	Tuyến Đường Kênh Cái Rắn (Phía Đông)	Cầu Châu	Sông Cái Trầu	1,35
58.10	Đường Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh	Cảng Trà Ban	Giáp ranh xã Lương Tâm	1,19

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
58.11	Tuyến Đường Kênh Long Mỹ 2	Cầu Trạm Y tế xã	Cầu Nhật Tảo	1,12
		Cầu Nhật Tảo	Bến đò Xí nghiệp	1,12
58.12	Đường Đê bao nuôi trồng thủy sản	Cầu Sáu Phước	Kênh Cái Nhàu	1,19
58.13	Đường Kênh Tràm Chóc	Đường tỉnh 930	Cầu Thuận Hưng	1,19
58.14	Tuyến Đường Kênh Tràm Chóc (phía Tây)	Cầu Thuận Hưng	Sông Nước Đục	1,40
58.15	Tuyến Đường Kênh Trà Ban	Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh	Kênh Quan Ba	1,19
58.16	Đường rẽ vào Chợ Xà Phiên tiếp nối Đường tỉnh 930B	Đường tỉnh 930B	Chợ Xà Phiên	1,12
58.17	Tuyến Kênh Chống Mỹ	Đường tỉnh 930B	Sông Cái Trầu	1,22
58.18	Tuyến Đường Kênh Cây Me	Đầu Kênh Cây Me Ngoài	Chùa Ấp 5	1,22
58.19	Tuyến Đường Kênh Cây Me (Ấp 5)	Đầu Kênh Xẻo Đìa	Cầu Kênh Cây Me Ngoài	1,35
58.20	Đường Lương Tâm - Vĩnh Thuận Đông	Đường tỉnh 930B	Giáp ranh xã Vĩnh Viễn	1,12
58.21	Tuyến Kênh Xã Hội	Đầu Kênh Giao Đu	Đầu Kênh Xã Hội	1,35
58.22	Tuyến Đường Kênh 4 Thước	Giáp ranh Ấp 4	Cầu Kênh Cây Me	1,35
58.23	Tuyến Đường Kênh Giao Đu	Cầu Đình	Cầu Kênh Cây Me Trong	1,35
58.24	Tuyến Đường Kênh Mười Thước B	Cầu nhà bà Lê Thị Bết	Cầu Mười Nhiễu	1,19
58.25	Tuyến Đường Kênh Xẻo Ráng	Cầu Tư Thuẩn	Đường tỉnh 930	1,40
58.26	Truyến Đường Ba Phát	Cầu Ba Phát	Cầu Trạm bơm ấp 10	1,40
58.27	Đường Hội Đồng	Đường tỉnh 930	Sông Nước Đục	1,40
58.28	Đường Hậu Giang 3	Cầu Tư Nhi, đầu Kênh Ngay	Tuyến Đường Lương Tâm - Vĩnh Thuận Đông	1,18
58.29	Đường Kênh Cống Điền	Đầu Kênh Cây Me Ngoài	Đầu Kênh Đê ngăn mặn	1,18
58.30	Đường tỉnh 930B	Cầu Xà Phiên	Giáp ranh xã Lương Tâm	1,09
59	**Xã Lương Tâm**			
59.1	Đường tỉnh 930B	Giáp ranh xã Xà Phiên	Giáp ranh tỉnh An Giang	1,09
59.2	Đường tỉnh 931	Sông Nước Trong	Cầu Xẻo Vẹt	1,05
59.3	Đường Sông Ngan Dừa	Bến đò Hai Học	Cống Hóc Pó	1,40
59.4	Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh	Giáp ranh xã Xà Phiên	Cống Hóc Pó	1,19
59.5	Tuyến Đường Kênh Xẻo Vẹt	Đường tỉnh 931	Kênh Đê ngăn mặn	1,18
59.6	Đường về Chợ Lương Nghĩa	Cầu Chùa, ấp 7	Giáp ranh đầu Chợ Lương Nghĩa	1,40
		Giáp ranh Khu dân cư Thương mại xã Lương Nghĩa	Bến đò Hai Học	1,40

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
59.7	Tuyến Đường Kênh Trà Ban	Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh	Kênh Quan Ba	1,19
59.8	Tuyến Năm Căn (Đông)	Kênh Long Mỹ II	Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh	1,35
59.9	Tuyến Long Mỹ II B	Kênh Năm Căn	Đường tỉnh 931	1,22
59.10	Tuyến Xẻo Mão Tây	Kênh Long Mỹ II	Sông Nước Trong	1,22
59.11	Tuyến Ngan Mồ - Tô Ma	Đường tỉnh 930B	Cầu Tô Ma	1,22
59.12	Tuyến Sông Cái	Bến phà cũ	Cầu Bần Quỳ	1,35
59.13	Đường Nam Thủy Lợi 3	Cầu Chín Trung	Cầu Ba Kha	1,35
59.14	Đường Đông Thủy Lợi 6	Cầu Xóm Tiệm	Kênh Thủy Lợi 3	1,35
59.15	Đường Tây Thủy Lợi 6	Trường Tiểu học Lương Nghĩa 3	Kênh Thủy Lợi 3	1,35
59.16	Đường Nam Tô Ma	Đường tỉnh 930B	Kênh Năm Biếc	1,35
59.17	Đường Kênh Ngan Mồ - Kênh Đê ngăn mặn	Kênh Long Mỹ II	Kênh Đê ngăn mặn	1,35
59.18	Đường Kênh Hóc Pó	Đường tỉnh 930B	Hết ranh Công ty TNHH Công nghệ cao Hậu Giang	1,35
59.19	Chợ Lương Nghĩa	Các đường theo quy hoạch xây dựng chi tiết (Không áp dụng đối với Khu dân cư thương mại)		1,50
59.20	Khu dân cư Thương mại xã Lương Nghĩa	Các nền vị trí mặt tiền đường cặp sông		1,10
		Các nền vị trí mặt tiền đường có lộ giới 7 mét		1,10
		Các nền vị trí mặt tiền đường có lộ giới 3,5 mét		1,10
59.21	Khu dân cư Thương mại xã Lương Tâm	Các đường D1, D2, D3, D4, D5 theo quy hoạch xây dựng chi tiết		1,10
59.22	Đường Kênh Ngan Mồ	Kênh Long Mỹ II	Kênh Đê ngăn mặn	1,35
60	**Xã Thạnh Xuân**			
60.1	Quốc lộ 1A	Giáp ranh phường Cái Răng	Giáp ranh xã Đông Phước	1,10
60.2	Quốc lộ 61	Cầu Cái Tắc	Giáp ranh ấp Láng Hầm (Hết Công ty TNHH Trí Hưng)	1,10
60.3	Đường Trần Hưng Đạo	Giáp ranh ấp Láng Hầm C	Cầu Ba Láng	1,10
60.4	Đường tỉnh 925	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Đông Phước	1,09
60.5	Tuyến cặp Sông Ba Láng (Hướng về Quốc lộ 1A)	Cầu số 10	Cầu Rạch Vong	1,12
60.6	Hẻm Quán Thi Thơ	Quốc lộ 1A	Cuối hẻm	1,05
60.7	Khu dân cư Thương mại đa chức năng Tây Đô	Cả khu		1,05
60.8	Đường ô tô về Trung tâm xã Tân Phú Thạnh	Giáp ranh xã Đông Phước	Hết đường	1,21
60.9	Khu tái định cư phục vụ Cụm công nghiệp tập trung Tân Phú Thạnh (Nay là Khu Công nghiệp Tân Phú Thạnh) do DNTN Vạn Phong đầu tư	Cả khu		1,05

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
60.10	Khu tái định cư và dân cư thương mại phục vụ Khu Công nghiệp Tân Phú Thạnh (Công ty Cổ phần Thiên Lộc - HG làm chủ đầu tư)	Cả khu		1,05
60.11	Khu tái định cư xã Tân Phú Thạnh	Đường số 5 (12 mét)		1,07
		Đường NB1, NB2, NB3, NB4 (12 mét)		1,07
		Đường NB5 (9 mét)		1,07
60.12	Khu tái định cư xã Tân Phú Thạnh - giai đoạn 2	Đường số 4 (6,5 mét)		1,10
		Đường số 5 (13 mét)		1,10
		Đường NB3, NB4 (12 mét)		1,10
60.13	Khu tái định cư xã Tân Phú Thạnh - giai đoạn 2	Đường NB5, NB6, NB8 (13 mét)		1,21
		Đường NB7 (15 mét)		1,21
60.14	Đường ô tô về Trung tâm xã Thạnh Xuân (đường Nguyễn Việt Hồng)	Quốc lộ 61	Sông Láng Hầm	1,05
		Sông Láng Hầm	Hết Ấp Trầu Hôi	1,05
		Ấp Trầu Hôi	Giáp ranh xã Tân Hòa	1,05
60.15	Đường vào Khu di tích lịch sử "Địa điểm thành lập Ủy ban mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam tỉnh Cần Thơ"	Suốt tuyến		1,54
60.16	Lộ mới Ba Ngoan	Suốt tuyến		1,09
60.17	Đường Nguyễn Trung Trực	Quốc lộ 61C	Giáp ranh xã Tân Hòa	1,10
60.18	Đường Huỳnh Thúc Kháng (Đường nội bộ chợ)	Đường Nguyễn Thị Định	Đường Trần Hưng Đạo	1,05
60.19	Đường Bùi Hữu Nghĩa (Đường nội bộ chợ Rạch Gòi)	Đường Nguyễn Thị Định (Cầu sắt cũ)	Cầu Vinh 1	1,05
60.20	Đường Phan Văn Trị (Đường nội bộ chợ Rạch Gòi)	Nguyễn Thị Định (Cầu sắt cũ)	Cầu Vinh 2	1,05
60.21	Đường Nguyễn Thị Định (Đường nội bộ chợ Rạch Gòi)	Cầu Sắt Cũ	Ngã ba Chợ Rạch Gòi	1,05
60.22	Chợ Rạch Gòi	Các đường nội bộ chưa có tên đường		1,05
60.23	Quốc lộ 61C	Suốt tuyến		1,08
60.24	Tuyến lộ nông thôn 3,5 mét (Tuyến cặp sông Ba Láng, bên UBND xã Tân Phú Thạnh)	Rạch Bàng (Giáp ranh phường Cái Răng)	Cầu So Đũa Bé	1,12
61	**Xã Tân Hòa**			
61.1	Quốc lộ 61C	Kênh Trầu Hôi	Giáp ranh xã Thạnh Xuân	1,08
		Kênh Tân Hiệp	Kênh 2.000	1,08
		Kênh 2.000	Kênh 8.000	1,08

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
61.2	Đường Lê Hồng Phong (Đường tỉnh 926B)	Giáp ranh xã Tân Bình	Quốc lộ 61C	1,05
		Quốc lộ 61C	Kênh Xáng Xà No	1,05
61.3	Đường tỉnh 931B	Kênh Xáng Mới	Kênh Trầu Hôi	1,08
		Kênh 1.000	Kênh 5.000	1,08
61.4	Đường 30 Tháng 4 (Đường tỉnh 931B)	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Nguyễn Việt Dũng	1,10
		Đường Nguyễn Việt Dũng	Kênh 1.000	1,10
61.5	Đường 3 Tháng 2 (Lộ 37)	Đường Tầm Vu	Kênh 1.000	1,10
		Cầu Tân Hiệp	Đường Nguyễn Trung Trực	1,10
61.6	Đường 3 Tháng 2 (Đoạn nối dài)	Kênh 1.000	Đường Công Vụ (Trung tâm Y tế Châu Thành A)	1,10
61.7	Đường Công Vụ (Trung tâm Y tế Châu Thành A)	Đường tỉnh 931B	Kênh Xáng Xà No	1,11
61.8	Đường Chiêm Thành Tấn	Đầu Kênh Tân Hiệp (Bưu điện Châu Thành A)	Đường Nguyễn Việt Dũng (Cầu Bốn Tổng)	1,10
61.9	Đường Tầm Vu	Đầu Kênh Tân Hiệp (Bưu điện Châu Thành A)	Đường 30 Tháng 4	1,10
		Đường 30 Tháng 4	Giáp ranh xã Tân Bình	1,10
61.10	Đường Nguyễn Trung Trực (Đường Công vụ Một Ngàn)	Cầu Xáng Mới	Đường 30 Tháng 4	1,10
		Đường 30 Tháng 4	Giáp ranh xã Thạnh Xuân	1,10
61.11	Đường Nguyễn Việt Dũng	Quốc lộ 61C	Đường 30 Tháng 4	1,10
		Đường 30 Tháng 4	Đường Chiêm Thành Tấn (Kênh Xáng Xà No)	1,10
		Kênh Xáng Xà No	Giáp ranh xã Trường Long Tây	1,10
		Quốc lộ 61C	Giáp ranh xã Tân Bình	1,10
61.12	Đường Võ Thị Sáu (Đường huyện 12 cũ)	Kênh 5.000	Kênh 6.500	1,05
		Kênh 6.500	Kênh 7.000	1,05
61.13	Đê bao Ô Môn - Xà No	Kênh Mương Đình	Kênh Xẻo Trầm	1,22
		Kênh Xẻo Trầm	Kênh 1.000	1,22
		Kênh 1.000	Kênh 8.000	1,22
61.14	Đường huyện 12	Kênh 7.000	Kênh 8.000	1,12
		Đường Nguyễn Việt Dũng (Cầu Bốn Tổng)	Kênh 5.000	1,12
61.15	Đường Nguyễn Việt Hồng	Đường tỉnh 931B	Giáp ranh xã Thạnh Xuân	1,05
61.16	Đường Công Vụ 4.000	Kênh Xà No	Quốc lộ 61C	1,12
61.17	Đường Võ Minh Thiết	Đường 3 Tháng 2	Đường 30 Tháng 4	1,50

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
61.18	Đường dẫn ra Quốc lộ 61C (Bến xe Châu Thành A)	Quốc lộ 61C	Đường Tầm Vu	1,08
61.19	Đường Cách Mạng Tháng Tám (Đường tỉnh 931B cũ)	Kênh 5.000	Kênh 8.000	1,10
61.20	Đường Nguyễn An Ninh (Trung tâm chợ)	Đường Cách Mạng Tháng Tám (Đường tỉnh 931B cũ)	Đường Võ Thị Sáu	1,10
61.21	Đường Nguyễn Viết Xuân (Trung tâm chợ)	Đường Cách Mạng Tháng Tám (Đường tỉnh 931B cũ)	Đường Võ Thị Sáu	1,10
61.22	Đường Ngô Hữu Hạnh (Trung tâm chợ)	Đường Lê Thị Chơi	Đường Nguyễn An Ninh	1,10
61.23	Đường Lý Tự Trọng (Trung tâm chợ)	Đường Lê Thị Chơi	Đường Nguyễn An Ninh	1,10
61.24	Đường Lê Thị Chơi (Trung tâm chợ)	Đường Võ Thị Sáu	Đường Lý Tự Trọng	1,10
61.25	Khu dân cư huyện Châu Thành A (Đường Lê Bình, Đường Trương Thị Bình, Đường Kim Đồng, Đường Nguyễn Ngọc Trai)	Cả khu		1,11
61.26	Khu vượt lũ xã Tân Hòa	Cả khu		1,19
61.27	Khu vượt lũ xã Nhơn Nghĩa A	Cả khu		1,12
61.28	Khu dân cư vượt lũ 7.000	Cả khu		1,12
61.29	Khu tái định cư Tân Hòa	Đường gom Quốc lộ 61C (14 mét)		1,14
		Đường D1 (Đoạn từ Đường gom Quốc lộ 61C đến Đường N1) (14,5 mét)		1,14
		Đường D1 (Đoạn từ Đường N1 đến Đường N2) (14,5 mét)		1,14
		Đường D1 (Đoạn từ Đường N2 đến Đường N3) (14,5 mét)		1,14
		Đường D2 (Đoạn từ Đường gom Quốc lộ 61C đến Đường N1) (17,5 mét)		1,14
		Đường D2 (Đoạn từ Đường N1 đến Đường N2) (17,5 mét)		1,14
		Đường D2 (Đoạn từ Đường N2 đến Đường N3) (17,5 mét)		1,14
		Đường D3 (Đoạn từ Đường gom Quốc lộ 61C đến Đường N1) (14 mét)		1,14
		Đường D3 (Đoạn từ Đường N1 đến Đường N2) (14 mét)		1,14
		Đường D3 (Đoạn từ Đường N2 đến Đường N3) (14 mét)		1,14
		Đường N1 (14 mét)		1,14
		Đường N2 (14 mét)		1,14
		Đường N3 (14 mét)		1,14

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
61.30	Khu tái định cư Bảy Ngàn phục vụ Dự án thành phần 3 thuộc Dự án đầu tư xây dựng Đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1	Đường gom Quốc lộ 61C (14 mét)		1,09
		Đường D1 (Đoạn từ Đường gom Quốc lộ 61C đến Đường N1) (6,5 mét)		1,09
		Đường D1 (Đoạn từ Đường N1 đến Đường N2) (6,5 mét)		1,09
		Đường D1 (Đoạn từ Đường N2 đến Đường N3) (6,5 mét)		1,09
		Đường D2 (Đoạn từ Đường gom Quốc lộ 61C đến Đường N1) (13 mét)		1,09
		Đường D2 (Đoạn từ Đường N1 đến Đường N2) (13 mét)		1,09
61.31	Khu tái định cư Bảy Ngàn phục vụ Dự án thành phần 3 thuộc Dự án đầu tư xây dựng Đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1	Đường D2 (Đoạn từ Đường N2 đến Đường N3) (13 mét)		1,14
		Đường N1 (14 mét)		1,14
		Đường N2 (14 mét)		1,14
		Đường N3 (14 mét)		1,14
61.32	Lộ nông thôn 3,5 mét cặp Kênh 4.000 ấp 3B, 5B	Kênh Xáng Xà No	Giáp ranh xã Trường Long Tây	1,35
61.33	Lộ nông thôn 3,5 mét thuộc ấp Nhơn Xuân	Kênh Xáng Xà No	Kênh Trà Ếch	1,35
		Kênh Trà Ếch	Giáp ranh xã Nhơn Ái	1,35
61.34	Lộ nông thôn 3,5 mét cặp Kênh 5.500 (Ấp 2A)	Quốc lộ 61C	Giáp ranh xã Tân Bình	1,35
61.35	Lộ nông thôn 3,5 mét cặp Kênh 7.000 (Ấp 3B)	Kênh Xáng Xà No	Giáp ranh xã Trường Long Tây	1,35
61.36	Lộ nông thôn 3,5 cặp Kênh 2.000 (Ấp 1B)	Kênh Xáng Xà No	Giáp ranh xã Trường Long Tây	1,35
62	**Xã Trường Long Tây**			
62.1	Đường ô tô về trung tâm xã Trường Long Tây (Đường tỉnh 926 cũ)	Cầu 1.000	Giáp ranh xã Trường Long Tây (Kênh số 14 hay còn gọi Kênh Mười Thảo)	1,54
		Giáp ranh xã Trường Long A cũ (Kênh số 14 hay còn gọi Kênh Mười Thảo)	Kênh 5.500	1,54
		Cầu 4.000	Cầu 5.500	1,54
		Kênh 5.500	Kênh 8.000 (Giáp ranh xã Vị Bình cũ)	1,54
62.2	Đường Bốn Tổng Một Ngàn	Giáp ranh xã Tân Hòa	Kênh Bờ Tràm	1,05
		Kênh Bờ Tràm	Kênh KH9	1,05
		Kênh KH9	Giáp ranh xã Trường Xuân	1,05
62.3	Khu vượt lũ xã Trường Long Tây	Cả khu		1,12

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
62.4	Khu vực Chợ Trường Long Tây	Đường giáp UBND xã Trường Long Tây đến Kênh 4.000 (Các nền đấu giá quyền sử dụng đất)		1,18
		Đường giáp UBND xã Trường Long Tây đến Kênh 4.000; Đường từ đường 926 đến Kênh KH9		1,18
		Đường số D1, lộ giới 13 mét (3 - 7 - 3)		1,18
		Đường số 4, lộ giới 12 mét (3 - 6 - 3)		1,18
		Đường số 5, lộ giới 12 mét (3,5 - 7 - 3,5)		1,18
62.5	Khu vượt lũ Trường Long A	Phần đất sinh lợi		1,12
		Cả khu (Trừ phần đất sinh lợi)		1,12
62.6	Tuyến lộ nông thôn 3,5 mét xã Trường Long Tây	Các tuyến		1,19
62.7	Tuyến lộ nông thôn 3,5 mét xã Trường Long A	Các tuyến		1,19
63	**Xã Châu Thành**			
63.1	Đường Hùng Vương	Giáp ranh xã Đông Phước	Mốc 1,5 km	1,09
		Mốc 1,5 km	Ngã tư Cái Dầu	1,09
		Ngã tư Cái Dầu	Cầu Ngã Cạy	1,09
		Cầu Ngã Cạy	Cầu Cơ Ba	1,09
63.2	Đường 30 Tháng 4	Đường Hùng Vương	Khu dân cư (Đường Võ Thị Sáu)	1,10
63.3	Đường 3 Tháng 2	Đường 30 Tháng 4	Cầu Cái Dầu	1,10
		Ngã tư Cái Dầu	Cầu Cái Dầu	1,10
		Cầu Cái Dầu	Cổng chào Phú Hữu	1,10
63.4	Đường Lê Văn Tám	Đường Hùng Vương	Đường Đồng Khởi	1,10
63.5	Đường Nguyễn Văn Quy	Cầu Xẻo Chồi	Cầu Tràm Bông	1,10
63.6	Đường Nguyễn Việt Hồng	Đường Nguyễn Văn Quy	Đường 3 Tháng 2	1,05
63.7	Đường Kim Đồng	Ngã ba Đường Nguyễn Việt Hồng	Hết ranh Trường Mầm non Ánh Dương	1,05
63.8	Đường Đồng Khởi	Cầu Xẻo Chồi	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	1,10
		Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Cầu Kênh Tân Quới	1,10
63.9	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Cầu Cái Muồng (mới)	Đường Đồng Khởi	1,10
		Đường 3 Tháng 2	Đường Hùng Vương	1,10
63.10	Đường Nguyễn Việt Dũng	Đường 30 Tháng 4	Đường Hùng Vương	1,10
63.11	Đường Ngô Hữu Hạnh	Suốt tuyến		1,10
63.12	Đường Lý Tự Trọng	Suốt tuyến		1,10
63.13	Đường Võ Thị Sáu	Suốt tuyến		1,10

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
63.14	Khu dân cư vượt lũ Ngã Sáu - giai đoạn 1	Cả khu		1,11
		Các thửa đất tiếp giáp Khu dân cư vượt lũ Ngã Sáu - giai đoạn 1 (Không thuộc các lô nền Khu dân cư vượt lũ Ngã Sáu - giai đoạn 1)		1,11
63.15	Khu dân cư vượt lũ Ngã Sáu - giai đoạn 2	Cả khu		1,11
		Các thửa đất tiếp giáp Khu dân cư vượt lũ Ngã Sáu - giai đoạn 2 (Không thuộc các lô nền Khu dân cư vượt lũ Ngã Sáu - giai đoạn 2)		1,11
63.16	Khu dân cư - Thương mại Thiện Phúc (Gồm khu cũ và khu mới)	Cả khu (Không áp dụng đối với các lô nền mặt tiền Đường Hùng Vương)		1,10
63.17	Khu tái định cư và dân cư thị trấn Ngã Sáu	Cả khu		1,10
63.18	Khu tái định cư Ngã Sáu - giai đoạn 2	Đường Võ Thị Sáu (Suốt tuyến) - Đường hiện hữu có lộ giới 14 mét; Đường số 9 có lộ giới 22 mét		1,20
		Đường số 22 có lộ giới 19 mét		1,20
		Đường số 1, Đường số 2, Đường số 3 có lộ giới 13 mét		1,20
		Các thửa đất tiếp giáp Khu tái định cư Ngã Sáu - giai đoạn 2 (Không thuộc các lô nền Khu tái định cư Ngã Sáu - giai đoạn 2)		1,20
63.19	Khu tái định cư Ngã Sáu phục vụ Dự án xây dựng công trình Đường bộ cao tốc Bắc - Nam	Đường Võ Thị Sáu (Suốt tuyến) - Đường hiện hữu có lộ giới 14 mét		1,20
		Đường số 22 có lộ giới 19 mét; Đường Lý Tự Trọng có lộ giới 19 mét		1,20
		Đường số 1, Đường số 2, Đường số 4, Đường số 5 có lộ giới 13 mét		1,20
		Các thửa đất tiếp giáp Khu tái định cư Ngã Sáu phục vụ Dự án xây dựng công trình Đường bộ cao tốc Bắc Nam (Không thuộc các lô nền Khu tái định cư Ngã Sáu - giai đoạn 2)		1,20
63.20	Khu Trung tâm Thương mại Ngã Sáu	Cả khu		1,10
63.21	Đường về xã Phú An (Cũ)	Cầu Cơ Ba (Cầu Bảy Mộc cũ)	Giáp ranh xã Đông Phước	1,10
63.22	Đường về xã Đông Phú	Cầu Cơ Ba (Cầu Bảy Mộc cũ)	Khu tái định cư phục vụ Khu Công nghiệp Sông Hậu - giai đoạn 1	1,09
63.23	Đường ra Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu) (Chỉ áp dụng cho lộ đal)	Cầu Bảy Ca	Cầu Cái Dầu	1,18
63.24	Lộ Cái Chanh - Phú An - Đông Phú	Giáp ranh xã Đông Phước	Cầu Cái Cui Bé	1,09

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
63.25	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Cầu Cái Cui	Cầu Cái Côn	1,10
63.26	Đường nối Ngã Sáu đến Nam Sông Hậu (Đối với các vị trí đã Hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng)	Cầu Cơ Ba (Cầu Bảy Mộc cũ)	Cầu Phú Hưng	1,50
63.27	Khu tái định cư phục vụ Khu Công nghiệp Sông Hậu - giai đoạn 1 (Đợt 1, đợt 2 và đợt 3)	Các nền tiếp giáp mặt tiền Đường số 2 (Song song với Đường Nam Sông Hậu)		1,10
		Các lô nền còn lại		1,10
63.28	Khu tái định cư Đông Phú phục vụ Khu Công nghiệp Sông Hậu	Đường số 3, lộ giới 32 mét (Từ nền 1 - 3 của lô N1; Từ nền 1 - 3 của lô N2)		1,20
		Đường N1, lộ giới 24 mét (Từ nền số 4 - 21 của lô N1; Từ nền số 4 - 20 của lô N2), đường N2, N3 lộ giới 15 mét (Từ nền số 1 - 58 của lô N3; Từ nền số 1 - 58 của lô N4), đường D2 lộ giới 15 mét (Từ nền số 1 - 6 của lô N5)		1,20
		Đường N2, N3, D3, D4, D5, lộ giới 15 mét (Từ nền số 59 - 163 của lô N3; Từ nền số 59 - 165 của lô N4)		1,20
63.29	Khu tái định cư phục vụ Khu Công nghiệp Sông Hậu đợt 2 - giai đoạn 1, huyện Châu Thành (do Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh làm chủ đầu tư)	Đường số 5, gồm các lô nền: A1, A2 và A3 (Từ nền số 01 đến nền số 29)		1,10
		Đường số 4: gồm các lô nền A3 (Từ nền số 30 đến nền số 66) và A4		1,10
63.30	Đường tỉnh 927C	Giáp ranh xã Phú Hữu	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	1,12
63.31	Khu dân cư Thương mại, dịch vụ Mái Dầm	Thửa mặt tiền Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)		1,10
		Cả khu (Trừ thửa đất tiếp giáp Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu))		1,10
63.32	Khu tái định cư cho Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 2	Đường số 2, 3, 4, 5, 6 có lộ giới 16 mét (4 - 8 - 4)		1,12
		Đường số 7, 8 có lộ giới 15 mét (4 - 7 - 4)		1,12
		Đường số 9, 10, 11, 12, 13 có lộ giới 14 mét (4 - 6 - 4)		1,12
63.33	Trung tâm thương mại và Khu dân cư Thương mại thị trấn Mái Dầm	Cả khu (Trừ các lô giáp Đường Nam Sông Hậu và Đường tỉnh 925)		1,13
63.34	Khu tái định cư thị trấn Mái Dầm	Đường số 1 lộ giới 26 mét (4,5 - 17 - 4,5); Đường D5 lộ giới 24 mét (4 - 14 - 4)		1,12
		Đường số 2A, 3, 6, 8, 9A, D7 lộ giới 16 mét (4 - 8 - 4); Đường số 10 lộ giới 16 mét (4 - 8 - 4) và lộ giới 21 mét (5 - 11 - 5)		1,12
		Đường N1, N2, N3, N4, N5, D1, D2, D3, D4, D6, D8 lộ giới 15 mét (4 - 7 - 4)		1,12

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
63.35	Đường tỉnh 925	Cầu Thông Thuyền	Bến khách ngang sông Mái Dầm	1,07
63.36	Khu dân cư vượt lũ thị trấn Mái Dầm	Cả khu (Không áp dụng đối với các lô nền mặt tiền Đường tỉnh 925)		1,11
		Các thửa đất tiếp giáp Khu dân cư vượt lũ thị trấn Mái Dầm (Không thuộc các lô nền Khu dân cư vượt lũ thị trấn Mái Dầm)		1,11
63.37	Đường cặp sông Cái Dầu, Cái Muồng (Phía chợ Ngã Sáu)	Mốc 1,5 km	Cầu Cái Dầu	1,11
64	**Xã Đông Phước**			
64.1	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Thạnh Xuân (Cầu Rạch Vong)	Cầu Đất Sét	1,10
64.2	Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1A)	Cầu Đất Sét	Hết Nhà thờ Cái Tắc	1,10
		Hết Nhà thờ Cái Tắc	Giáp ranh xã Thạnh Hòa	1,10
64.3	Đường Lê Văn Nhung (Quốc lộ 1A cũ)	Đường Nguyễn Tri Phương (Quốc lộ 61)	Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1A)	1,10
64.4	Đường Nguyễn Tri Phương (Quốc lộ 61)	Ngã ba Cái Tắc (Quốc lộ 1A)	Cầu Cái Tắc	1,10
64.5	Đường tỉnh 925 (cũ) và Đường tỉnh 925 (mới)	Giáp ranh xã Thạnh Xuân	Cầu Cái Chanh và giáp ranh phường Cái Răng	1,09
		Cầu Cái Chanh (mới) và Cầu Cái Chanh (cũ)	Giáp ranh xã Châu Thành	1,09
		Trường Mẫu giáo Họa Mi	Đường tỉnh 925 (Giáp ranh Trụ sở UBND xã Đông Phước A cũ)	1,09
64.6	Đường Nguyễn Văn Quang (Đường ô tô về Trung tâm xã Tân Phú Thạnh)	Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1A)	Cầu Ba Láng	1,21
64.7	Đường Đỗ Trạng Văn	Đường Nguyễn Tri Phương (Quốc lộ 61)	Cầu Mới (Đường Chùa Khmer)	1,05
64.8	Đường Đoàn Văn Chia (Đường nội bộ Chợ Cái tắc)	Bưu điện thị trấn Cái Tắc	Cầu Tàu	1,10
64.9	Đường nội bộ Chợ Cái Tắc	Các đoạn còn lại trong Chợ Cái Tắc		1,10
64.10	Đường Chùa Khmer	Đường Nguyễn Tri Phương (Quốc lộ 61)	Cống Cả Bảo	1,10
64.11	Đường cặp sông Cái Chanh	Đường tỉnh 925 (cũ)	Cầu Cái Chanh (mới)	1,08
64.12	Đường về xã Đông Phước (Đường huyện 35)	Cầu Cái Chanh (cũ)	Đường dẫn Cầu Ông Hoạch	1,09
64.13	Lộ Cái Chanh - Phú An - Đông Phú	Đường tỉnh 925	Giáp ranh xã Châu Thành	1,09

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
64.14	Đường dẫn cầu Ông Hoạch	Đường về xã Đông Phước	Trụ sở UBND xã Đông Phước	1,05
64.15	Đường ô tô về Trung tâm xã Đông Phước A	Đường tỉnh 925	Trường Mẫu giáo Họa Mi	1,18
		Trường Mẫu giáo Họa Mi	Giáp ranh xã Thạnh Hòa	1,11
64.16	Tuyến cặp sông Ba Láng (Hướng về Đường Hùng Vương)	Cầu Đất Sét (Giáp ranh xã Tân Phú Thạnh)	Đường Hùng Vương	1,08
64.17	Khu dân cư Cái Tắc (Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Vạn Phát đầu tư)	Cả khu		1,50
64.18	Khu dân cư ấp Tân Phú A, thị trấn Cái Tắc (Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Bảo Trân đầu tư)	Cả khu		1,11
64.19	Khu nhà ở kết hợp với Thương mại dịch vụ tại thị trấn Cái Tắc	Cả khu (Trừ thửa đất tiếp giáp Quốc lộ 1A)		1,50
64.20	Đường dẫn đi vào Trường Tiểu học thị trấn Cái Tắc (cũ)	Suốt tuyến		1,12
64.21	Tuyến Đường cặp sông Ba Láng	Cầu Móng	Cống Cả Bảo	1,05
64.22	Tuyến Đường cặp sông Cái Răng (hiện trạng lộ 3,5 mét)	Rạch Bà Nhen	Rạch Chùa	1,08
64.23	Đường vào Khu tập thể Cầu Đường	Suốt tuyến		1,09
65	**Xã Phú Hữu**			
65.1	Đường tỉnh 925	Cổng chào Phú Hữu	Cầu Thông Thuyền	1,10
65.2	Đường tỉnh 925B	Cầu Tràm Bông	Giáp ranh xã Thạnh Hòa	1,09
65.3	Đường tỉnh 927C	Giáp ranh phường Đại Thành	Giáp ranh xã Châu Thành	1,12
65.4	Đường ô tô về Trung tâm xã Phú Hữu	Đường tỉnh 925	Đường tỉnh 927C	1,40
65.5	Đường Ngã tư Đông Sơn - Bưng Cây Sắn	Cầu BOT Đông Phước	Cầu Kênh thủy lợi Phú Tân (cũ)	1,35
65.6	Tuyến Đường bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai và xây dựng tuyến Đê bao bờ Nam sông Mái Dầm, huyện Châu Thành	Giáp ranh xã Thạnh Hòa	Đường ô tô về Trung tâm xã Phú Hữu	1,35
65.7	Khu dân cư vượt lũ xã Đông Phước (cũ)	Các lô nền mặt tiền Đường tỉnh 925B		1,09
		Các lô nền còn lại		1,09
65.8	Cụm dân cư vượt lũ xã Phú Hữu	Các lô nền mặt tiền Đường tỉnh 927C		1,12
		Các lô nền còn lại		1,12
65.9	Đường Căn cứ liên Tỉnh ủy	Cầu BOT Phú Hữu	Cầu Chữ Y Vàm Đường Gỗ	1,19
65.10	Các tuyến Đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã	Suốt tuyến		1,15

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
66	**Xã Tân Bình**			
66.1	Quốc lộ 61	Cầu Ba Láng	Hết ranh Xí nghiệp nước đá	1,14
		Giáp ranh Xí nghiệp nước đá	Hết ranh Cây xăng Hòa Hà	1,14
		Giáp ranh Cây xăng Hòa Hà	Cống Tám An	1,14
		Cống Tám An	Hết ranh Cây xăng Hồng Quân	1,14
		Giáp ranh Cây xăng Hồng Quân	Bến xe Kinh Cùng	1,14
		Bến xe Kinh Cùng	Giáp ranh xã Hòa An	1,14
66.2	Đường tỉnh 929 (cũ)	Cầu Tân Hiệp	Giáp ranh xã Tân Hòa	1,10
66.3	Đường tỉnh 929	Quốc lộ 61	Kênh Đường Láng	1,10
		Kênh Đường Láng	Giáp ranh xã Tân Hòa	1,10
66.4	Đường ô tô về Trung tâm xã Bình Thành (Đường tỉnh 925B)	Quốc lộ 61	Cầu Hai Hòe	1,19
		Cầu Hai Hòe	Cầu Bình Thành	1,19
66.5	Đường vào Khu dân cư vượt lũ Cầu Xáng, Tân Bình	Quốc lộ 61	Giáp ranh Khu dân cư vượt lũ Cầu Xáng	1,08
		Các đường nội bộ		1,08
66.6	Chợ Rạch Gòi	Quốc lộ 61	Cầu sắt cũ Rạch Gòi	1,14
		Cầu Ba Láng	Cầu sắt cũ Rạch Gòi	1,14
66.7	Khu tái định cư xã Bình Thành phục vụ dự án xây dựng công trình Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025	Đường ô tô về Trung tâm xã Bình Thành (Đoạn từ kênh Hai Hòe đến UBND xã Bình Thành); Đường tỉnh 925B dự kiến có lộ giới 18 mét (5 - 8 - 5)		1,14
		Đường D1, D2 có cùng lộ giới 14 mét (3,5 - 7 - 3,5)		1,14
		Đường N1, N2 có cùng lộ giới 13 mét (3,5 - 6 - 3,5)		1,14
67	**Xã Hòa An**			
67.1	Quốc lộ 61	Cây xăng Mỹ Tân	Hết kho vũ khí Quân sự	1,10
		Hết kho vũ khí quân sự	Giáp ranh phường Long Bình (Cầu Xẻo Trâm)	1,50
67.2	Đường Võ Văn Kiệt (Quốc lộ 61)	Giáp ranh xã Tân Bình	Hết Cây xăng Mỹ Tân	1,14
67.3	Đường tỉnh 927	Giáp ranh xã Hiệp Hưng (Cầu Xáng Bộ)	Cầu Rạch Cửu	1,05
67.4	Đường tỉnh 927B (Đường tỉnh 927 cũ)	Giáp ranh phường Phương Bình (Cầu Xẻo Sành)	Quốc lộ 61	1,05
67.5	Đường 26 Tháng 3 (Đường ô tô Kinh Cùng - Phương Phú)	Quốc lộ 61	Cầu Kênh Bảy Chồn	1,19
67.6	Đường ô tô Kinh Cùng - Phương Phú	Cầu Kênh Bảy Chồn	Đường tỉnh 927	1,19
67.7	Tuyến Kênh Nhà Nước	Kênh Tổng Năng	Giáp ranh xã Phương Bình	1,12

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
67.8	Đường vào Kênh Tám Ngàn cụt	Đường Võ Văn Kiệt (Quốc lộ 61)	Cầu Kênh Tám Ngàn cụt	1,12
67.9	Đường Nguyễn Thị Thơ	Đường Võ Văn Kiệt (Quốc lộ 61)	Cầu sắt Chợ Hồng Phát	1,10
67.10	Đường Nguyễn Thị Bông	Đường Võ Văn Kiệt (Quốc lộ 61)	Cầu bê tông Chợ Hồng Phát	1,05
67.11	Đường Lâm Thị Sáu	Đường Võ Văn Kiệt (Quốc lộ 61)	Giáp Kênh Năm Phú	1,12
67.12	Tuyến Đường Lâm Thị Hai	Giáp ranh xã Phụng Hiệp	Đường Kinh Cùng - Phương Phú	1,12
67.13	Đường vào bãi rác Hòa An	Đường tỉnh 927B (Đường tỉnh 927 cũ)	Bãi rác Hòa An	1,35
67.14	Khu dân cư và Trung tâm Thương mại Hồng Phát tại thị trấn Kinh Cùng	Đường số 29 (Từ cầu Xáng Thổi đến đường dự mở số 1)		1,14
		Đường số 25 (Từ Đường số 29 đến Đường số 4)		1,14
		Đường số 2 (Từ Đường số 29 đến Đường số 4)		1,14
		Đường số 3 (Từ Đường số 29 đến Đường số 6)		1,14
		Đường số 4 (Từ Đường số 2 đến Đường số 25)		1,14
		Đường số 5 (Từ Đường số 2 đến Đường số 25)		1,14
		Đường số 6 (Từ Đường số 2 đến Đường số 25)		1,14
67.15	Khu dân cư - Tái định cư Kênh Tám Ngàn, thị trấn Kinh Cùng, huyện Phụng Hiệp	Cả khu		1,05
67.16	Chợ Kinh Cùng (Chợ thị trấn Kinh Cùng)	Cả khu		1,10
68	**Xã Phương Bình**			
68.1	Đường tỉnh 928B	Giáp ranh xã Tân Phước Hưng (Cầu Ranh Án)	Hết ranh Trường Tiểu học Phương Phú 1	1,35
		Giáp ranh Trường Tiểu học Phương Phú 1	Hết ranh Trung tâm Văn hóa Thể thao xã Phương Phú (cũ)	1,35
		Giáp ranh Trung Tâm Văn hóa Thể thao xã Phương Phú (cũ)	Giáp ranh phường Long Phú 1 (Cầu Xẻo Xu)	1,35
68.2	Đường tỉnh 927	Giáp ranh xã Hòa An (Cầu Rạch Cửu)	Cầu Ông Cò	1,05
		Cầu Ông Cò	Cầu Cả Cường	1,05
		Cầu Cả Cường	Cầu Kênh Bà Bái	1,05
		Cầu Kênh Bà Bái	Giáp ranh xã Hòa An (Cầu Xẻo Sành)	1,05
		Kênh Bà Bái	Kênh Xẻo Cao	1,05

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
68.3	Đường tỉnh 926B	Giáp ranh xã Hòa An (Cầu rạch cũ)	Giáp ranh phường Long Phú 1	1,12
68.4	Đường ô tô Kinh Cùng - Phương Phú	Cầu Lâm Trường Phương Ninh	Giáp ranh Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng (Hết ranh đất Hai Vính)	1,35
68.5	Đường cặp Kênh Đức Bà	Cầu Đức Bà	Hết Nhà thờ Đức Bà	1,19
68.6	Đường cặp Kênh Xáng Lái Hiếu	Cầu Kênh Cây Mướp	Cầu Kênh Tư So	1,12
		Đường dẫn lên Cầu Cái Sơn	Cầu Kênh Giải Phóng	1,12
		Cầu Kênh Giải Phóng	Kênh Lái Hiếu nhỏ (Giáp ranh phường Long Mỹ)	1,12
68.7	Đường dẫn Cầu Cái Sơn (Hai bên cầu)	Đường tỉnh 927	Đường cặp Kênh Xáng Lái Hiếu	1,35
68.8	Tuyến Kênh Nhà Nước	Cầu Cái Sơn (Giáp ranh đất Đỗ Thanh Bình)	Giáp ranh xã Hòa An (Cầu Kênh Bờ Chuối)	1,12
68.9	Chợ Cái Sơn	Đường cặp Kênh Tư So		1,10
		Các tuyến đường nội bộ chợ		1,08
68.10	Khu tái định cư Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng	Đường số 1, lộ giới 21 mét (5,5 - 10 - 5,5)		1,12
		Đường số 2, 3, 4, 5, 6, 7, lộ giới 11,5 mét (3,0 - 5,5 - 3,0)		1,12
68.11	Chợ Phương Phú	Các tuyến đường nội bộ chợ		1,40
69	**Xã Tân Phước Hưng**			
69.1	Đường Quản lộ - Phụng Hiệp	Giáp ranh phường Ngã Bảy (Cầu Hai Dưỡng)	Kênh Cây Mận	1,35
		Kênh Cây Mận	Giáp ranh xã Long Hưng	1,35
69.2	Đường ô tô về xã Tân Phước Hưng (Đường tỉnh 928B)	Giáp ranh phường Ngã Bảy (Cầu Mười Lê)	Đường tỉnh 928	1,12
69.3	Đường tỉnh 928B	Đường tỉnh 928	Giáp ranh xã Phương Bình	1,35
69.4	Đường tỉnh 928	Giáp rang đất Trụ sở Công an xã	Giáp ranh xã Hiệp Hưng	1,18
69.5	Đường Chợ Búng Tàu	Giáp ranh móng Cầu cũ Búng Tàu	Giáp ranh đất Nhị Tỳ (Đường cặp Kênh Xáng Búng Tàu)	1,09
		Giáp chân móng Cầu cũ Búng Tàu (Nhà anh Tiên)	Hết ranh đất Nhà anh Nguyễn Văn Mỹ	1,09
		Giáp ranh móng Cầu cũ Búng Tàu	Cầu mới Mười Biếu (Đường cặp Kênh Ngang)	1,09
69.6	Hai đường song song sau Nhà lồng Chợ Búng Tàu	Ranh nhà lồng chợ	Ranh đất Hai Thành	1,54

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
70	**Xã Hiệp Hưng**			
70.1	Đường tỉnh 927	Cầu Sậy Niếu	Cầu Kênh Tây	1,05
		Cầu Kênh 82	Giáp ranh xã Hòa An (Cầu Xáng Bộ)	1,05
70.2	Đường 30 Tháng 4 (Đường tỉnh 927 cũ)	Cầu Kênh Tây	Đường 26 Tháng 3	1,11
		Đường 26 Tháng 3	Cầu vượt Cây Dương (Đường 3 Tháng 2)	1,11
		Cầu vượt Cây Dương	Đường Đoàn Văn Chia	1,11
		Đường số 5 (Đường Nguyễn Thị Điền)	Đường Hùng Vương (Đường Lê Thị Tư)	1,11
		Đường Hùng Vương (Đường Lê Thị Tư)	Cầu Kênh T82	1,11
70.3	Đường tỉnh 928	Kênh Châu Bộ	Giáp ranh xã Tân Phước Hưng	1,18
70.4	Đường Đoàn Văn Chia (Đường tỉnh 928)	Đường 30 Tháng 4 (Đường tỉnh 927 cũ)	Đường Võ Thị Tẩu	1,18
		Đường Võ Thị Tẩu	Kênh Trường học	1,18
70.5	Đường 3 Tháng 2	Đường Nguyễn Văn Nết	Cầu Lái Hiếu (Cầu vượt Cây Dương)	1,10
		Đường 30 Tháng 4 (Đường tỉnh 927 cũ)	Đường Võ Thị Tẩu	1,10
70.6	Đường Nguyễn Thị Phấn (Đường số 3)	Đường 30 Tháng 4 (Đường tỉnh 927 cũ)	Đường số 1	1,50
70.7	Đường Trần Văn Sơn (Đường số 19)	Đường 30 Tháng 4 (Đường tỉnh 927 cũ)	Đường Võ Thị Tẩu	1,05
70.8	Đường Nguyễn Văn Quang (Đường số 17)	Đường 30 Tháng 4 (Đường tỉnh 927 cũ)	Đường Võ Thị Tẩu	1,05
		Đường Võ Thị Tẩu	Đường số 20	1,05
70.9	Đường Nguyễn Minh Quang	Đường 30 Tháng 4 (Đường tỉnh 927 cũ)	Đường số 1	1,50
70.10	Đường Nguyễn Văn Nết (Đường số 9)	Kênh Lái Hiếu	Đường vào Khu tái định cư Cây Dương phục vụ Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng Đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1	1,11
		Đường vào Khu tái định cư Cây Dương phục vụ Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng Đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1	Cầu Kênh Châu Bộ	1,11

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
70.11	Đường Triệu Vĩnh Tường (Đường số 30)	Đường 3 Tháng 2	Đường số 22	1,10
70.12	Đường Hùng Vương (Đường số 31)	Đường 30 Tháng 4 (Trụ sở Công an xã)	Đường 3 Tháng 2	1,10
		Đường 3 Tháng 2	Đường Đoàn Văn Chia	1,10
		Đường Nguyễn Thị Điền	Đường 30 Tháng 4	1,10
70.13	Đường Võ Thị Tẩu	Đường Đoàn Văn Chia	Đường số 22	1,10
70.14	Đường Trương Thị Hoa	Đường Võ Thị Tẩu	Đường số 20	1,11
70.15	Khu dân cư vượt lũ thị trấn Cây Dương	Đường 30 Tháng 4	Hết ranh Khu dân cư	1,12
		Các đường nội bộ		1,12
70.16	Đường vào khu Bờ Tràm	Ranh Khu dân cư vượt lũ Cây Dương	Lộ Kênh Bờ Tràm	1,12
70.17	Đường Nguyễn Thị Ba	Cầu Ranh Án	Cầu Kênh Bùi Kiệm	1,12
70.18	Đường ô tô về xã Hiệp Hưng	Đường tỉnh 928	Cầu Mười Hùng	1,19
70.19	Đường số 22	Đường Võ Thị Tẩu	Đường Hùng Vương	1,10
70.20	Đường số 20	Đường Trương Thị Hoa	Đường Nguyễn Văn Quang	1,14
70.21	Đường số 23	Đường Trương Thị Hoa	Đường Nguyễn Văn Quang	1,13
70.22	Đường số 25	Đường Trương Thị Hoa	Đường Nguyễn Văn Quang	1,13
70.23	Đường Lê Thị Bông	Đường Trương Thị Hoa	Đường Nguyễn Văn Quang	1,13
70.24	Đường Nguyễn Văn Thép	Đường Trương Thị Hoa	Đường Nguyễn Văn Quang	1,50
70.25	Đường Phạm Thị Dần (Đường D1 (Khu dân cư thương mại thị trấn Cây Dương))	Đường 3 Tháng 2	Đường Đoàn Văn Chia	1,10
70.26	Đường Lê Thị Nương (Đường D2 (Khu dân cư thương mại thị trấn Cây Dương))	Đường 3 Tháng 2	Đường Đoàn Văn Chia	1,10
70.27	Đường Bùi Thị Chăm (Đường D3 (Khu dân cư thương mại thị trấn Cây Dương))	Đường 3 Tháng 2	Đường Đoàn Văn Chia	1,10
70.28	Đường Lê Thị Cảnh (Đường D4 (Khu dân cư thương mại thị trấn Cây Dương))	Đường D3	Đường 3 Tháng 2	1,10
70.29	Đường Nguyễn Thị Hóa (Đường số 10 (Khu dân cư thương mại thị trấn Cây Dương))	Đường D3	Đường 3 Tháng 2	1,10
70.30	Đường số 1	Đường Nguyễn Thị Điền (Đường số 5)	Đường Lê Thị Tư (Đường số 6)	1,50
70.31	Đường Nguyễn Thị Điền (Đường số 5)	Đường 30 Tháng 4	Hết đường nhựa	1,50

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
70.32	Đường Lê Thị Tư (Đường số 6)	Đường Hùng Vương	Đường số 1	1,50
70.33	Đường số 3 Khu dân cư Phụng Hiệp	Đường số 22	Đường số 4	1,11
70.34	Đường số 4 Khu dân cư Phụng Hiệp	Đường số 5 dự mở	Hết lộ nhựa	1,11
70.35	Khu tái định cư tại thị trấn Cây Dương	Đường số 12 (25 mét)		1,10
		Đường số 10 (17 mét)		1,10
		Đường số 23 (17 mét)		1,10
		Đường số 25 (17 mét)		1,10
		Đường Lê Thị Bông (Đường số 27 (17 mét))		1,10
70.36	Khu tái định cư Cây Dương phục vụ Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng Đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1	Đường số 1 (Lộ giới 18 mét)		1,12
		Đường số 2 (Lộ giới 15 mét)		1,12
		Đường số 3 (Lộ giới 14 mét)		1,12
		Đường số 4 (Lộ giới 14 mét)		1,12
		Đường số 5 (Lộ giới 14 mét)		1,12
		Đường số 6 (Lộ giới 14 mét)		1,12
		Đường số 7 (Lộ giới 14 mét)		1,12
71	**Xã Phụng Hiệp**			
71.1	Đường tỉnh 927	Cầu Sậy Niếu	Cầu Đất Sét	1,05
71.2	Đường tỉnh 928	Giáp ranh xã Thạnh Hòa	Cầu Cây Dương (Ngã tư Máy Cháy)	1,18
		Cầu Cây Dương (Ngã tư Máy Cháy)	Cầu La Bách	1,18
		Cầu La Bách	Đường ô tô về Trung tâm xã Hòa Mỹ	1,18
		Đường ô tô về Trung tâm xã Hòa Mỹ	Giáp ranh xã Hiệp Hưng (cầu Trường học)	1,18
71.3	Đường ô tô về Trung tâm xã Hòa Mỹ	Đường tỉnh 928	Cầu Kênh Tây (Họa Đồ)	1,19
71.4	Đường về Trung tâm xã Phụng Hiệp	Cầu Kênh Tây (Họa Đồ)	Cầu Ngã tư Đất Sét	1,12
		Cầu ngã tư Đất Sét	Giáp ranh phường Ngã Bảy (Cầu UBND phường Lái Hiếu)	1,12
		Đường tỉnh 927 (Cầu Sậy Niếu)	Giáp ranh Lộ Xẻo Môn	1,12
71.5	Chợ Hòa Mỹ	Đường tỉnh 928	Các đường nội ô chợ	1,12
72	**Xã Thạnh Hòa**			
72.1	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Đông Phước	Cầu Nàng Mau (Cầu Trắng Lớn)	1,10
		Cầu Nàng Mau (Cầu Trắng Lớn)	Giáp ranh phường Đại Thành	1,10

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
72.2	Quốc lộ 61	Cầu Cái Tắc	Cống Mâm Thao	1,14
		Cống Mâm Thao	Đường rẽ vào Đường tỉnh 928	1,14
		Đường rẽ vào Đường tỉnh 928	Cầu Ba Láng	1,14
72.3	Đường tỉnh 925B	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Phú Hữu	1,09
72.4	Đường tỉnh 928	Cầu Ba Láng	Kênh Mụ Thể	1,18
		Kênh Mụ Thể	Cầu Cây	1,18
		Cầu Cây	Giáp ranh xã Phụng Hiệp	1,18
72.5	Đường tránh Đường tỉnh 928	Quốc lộ 61	Đường tỉnh 928	1,12
72.6	Đường vào Khu tái định cư xã Long Thạnh (Dự án Quốc lộ 1A giai đoạn 2) ấp Trường Khánh 1	Quốc lộ 1A	Khu tái định cư xã Thạnh Hòa (Dự án Quốc lộ 1A giai đoạn 1) ấp Trường Khánh 1	1,10
72.7	Khu tái định cư xã Long Thạnh (Dự án Quốc lộ 1A giai đoạn 1) ấp Trường Khánh 1	Các đường nội bộ		1,09
72.8	Đường song song Quốc lộ 1A (Không áp dụng đối với các thửa đất mặt tiền Quốc lộ 1A)	Cầu Cái Đinh	Giáp ranh xã Đông Phước	1,18
72.9	Đường ô tô về Trung tâm xã Thạnh Hòa (Ấp Trường Khánh 1)	Quốc lộ 1A	Hết ranh Trụ sở UBND xã Thạnh Hòa	1,12
		Giáp ranh Trụ sở UBND xã Thạnh Hòa	Ngã tư Vàm Xẻo Đon	1,12
72.10	Đường về xã Thạnh Hòa (Đường cũ)	Quốc lộ 1A	Đường về xã Thạnh Hòa	1,12
72.11	Đường đi xã Đông Phước	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Đông Phước	1,25
72.12	Đường về Cầu Nhị Hồng	Kênh mương lộ Quốc lộ 1A	Đầu Cầu Nhị Hồng	1,08
72.13	Đường đi Phố 10 căn	Cầu Bà Triệu	Cầu Xáng Bộ	1,12
72.14	Đường Tha La	Quốc lộ 61	Cầu Sơn Đài	1,30
		Cầu Sơn Đài	Cầu Tha La	1,30
72.15	Lộ Thanh Niên	Quốc lộ 61	Sông Tầm Vu	1,12
72.16	Lộ Rạch Chanh - Ranh Làng	Quốc lộ 61	Cầu Rạch Chanh	1,35
72.17	Đường dẫn vào Khu tái định cư Tân Long (Giai đoạn 1)	Quốc lộ 1A	Khu tái định cư Tân Long (Giai đoạn 1)	1,11

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
72.18	Khu tái định cư Tân Long (Giai đoạn 1)	Cả khu		1,09
72.19	Khu dân cư - Thương mại - Dịch vụ đa chức năng Minh Trí	Các tuyến đường nội bộ theo quy hoạch chi tiết xây dựng		1,11
72.20	Khu Thương mại Chợ Cầu Trắng	Đường số 1; Lộ giới 13 mét (3 - 7 - 3)		1,11
		Đường số 2, số 8 lộ giới 13 mét (3 - 7 - 3); Đường số 9; Lộ giới 12 mét (2 - 7 - 3)		1,11
		Đường số 3, số 4, số 6, số 7; Lộ giới 13 mét (3 - 7 - 3)		1,11
72.21	Khu tái định cư xã Tân Long (Sạt lở)	Đường nhựa đấu nối vào Đường tỉnh 925B		1,12
72.22	Chợ Thạnh Hòa	Các đường nội bộ trong chợ		1,12
72.23	Chợ Phú Khởi	Các đường nội bộ trong chợ		1,12
72.24	Chợ Long Thạnh	Quốc lộ 1A	Cầu qua Trường Trung học cơ sở Long Thạnh	1,09
		Các đường nội ô trong chợ		1,09
72.25	Chợ Tân Long (cũ)	Cả khu		1,08

Phụ lục IV

HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH MỨC BIẾN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG ĐỐI VỚI ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
1	**Phường Ninh Kiều**			
1.1	Đường Bà Huyện Thanh Quan	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Phan Đăng Lưu	1,30
1.2	Đường Bà Triệu	Đường Ngô Gia Tự	Cuối đường	1,30
1.3	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Phan Đăng Lưu	Đường Đinh Tiên Hoàng	1,30
1.4	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Vòng xoay Bến xe	Đường Phạm Ngũ Lão	1,30
1.5	Đường Cao Bá Quát	Đường Phan Đình Phùng	Đường Điện Biên Phủ	1,30
		Đường Điện Biên Phủ	Đường Đồng Khởi	1,30
1.6	Đường Châu Văn Liêm	Đường Hai Bà Trưng	Đường Hòa Bình	1,10
1.7	Đường Đề Thám	Đường Hòa Bình	Đường Nguyễn Khuyến	1,30
		Đường Nguyễn Khuyến	Đường Huỳnh Cương	1,30
1.8	Đường Điện Biên Phủ	Đường Võ Văn Tần	Đường Ngô Đức Kế	1,30
		Đường Ngô Đức Kế	Cuối đường	1,30
1.9	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Hùng Vương	Cầu Xô Viết Nghệ Tĩnh	1,30
1.10	Đường Đồng Khởi	Đường Hòa Bình	Đường Châu Văn Liêm	1,30
		Đường Châu Văn Liêm	Cuối đường	1,30
1.11	Đường 3 Tháng 2	Đường Mậu Thân	Giáp ranh phường Tân An	1,30
1.12	Đường 30 Tháng 4	Đường Hòa Bình	Đường Trần Ngọc Quế	1,20
1.13	Đường cặp bờ kè Hồ Búng Xáng	Hẻm 51, Đường 3 Tháng 2	Giáp ranh Trường Đại học Cần Thơ (Khu II)	1,30
1.14	Đường cặp bờ kè Rạch Khai Luông	Giáp ranh Nhà khách Đoàn 30	Cầu Ninh Kiều	1,30
1.15	Đường nội bộ Vincom Xuân Khánh	Cả khu		1,30
1.16	Đường Hai Bà Trưng	Nhà hàng Ninh Kiều	Đường Nguyễn An Ninh	1,10
		Đường Nguyễn An Ninh	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	1,10
1.17	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Đường Phan Đình Phùng	Đường Hai Bà Trưng	1,30
1.18	Đường Hồ Xuân Hương	Đường Hùng Vương	Đường Bùi Thị Xuân	1,30
		Đường Hùng Vương	Hẻm 67, Đường Phan Đăng Lưu	1,30
1.19	Đường Hòa Bình	Đường Nguyễn Trãi	Đường 30 Tháng 4	1,20
1.20	Đường Hoàng Văn Thụ	Đường Nguyễn Trãi	Đường Trần Hưng Đạo	1,30

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
1.21	Đường Hùng Vương	Cầu Nhị Kiều	Vòng xoay Bến xe	1,30
1.22	Đường Huỳnh Cương	Đường Hoàng Văn Thụ - quanh Hồ Xáng Thổi	Đường Hoàng Văn Thụ	1,30
1.23	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Mậu Thân	1,30
1.24	Đường Lê Anh Xuân (Hẻm 132 - Đường Hùng Vương)	Cầu Nhị Kiều	Đường Yết Kiêu	1,30
1.25	Đường Lê Lai	Các đoạn trải nhựa, giáp Đường Phan Văn Trị		1,30
1.26	Đường Lê Thánh Tôn	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Ngô Quyền	1,30
1.27	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Ngô Quyền	Đường Ngô Gia Tự	1,30
1.28	Đường Phan Văn Trị	Trường Đại học Cần Thơ (Khu III)	Đường 30 Tháng 4	1,30
1.29	Đường Lý Tự Trọng	Đường Trần Hưng Đạo	Trường Đại học Cần Thơ (Khu III) - Đường Trương Định	1,30
		Đường Trương Định	Đường Hòa Bình	1,30
1.30	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Trương Định	Cuối đường	1,30
1.31	Đường Mạc Thiên Tích (Đường cặp Rạch Bần)	Đường Mậu Thân	Đường 3 Tháng 2	1,30
1.32	Đường Mạc Thiên Tích (Đường cặp Rạch Tham Tướng)	Sông Cần Thơ	Đường Mậu Thân	1,30
1.33	Đường Mậu Thân	Đường Tầm Vu	Đường 30 Tháng 4	1,30
		Đường 30 Tháng 4	Đường Trần Hưng Đạo	1,30
		Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Rạch Ngỗng 1	1,30
1.34	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Đường Phan Đình Phùng	Đường Hòa Bình	1,30
1.35	Đường Ngô Đức Kế	Đường Hai Bà Trưng	Đường Phan Đình Phùng	1,30
		Đường Phan Đình Phùng	Đường Điện Biên Phủ	1,30
		Đường Điện Biên Phủ	Đường Đồng Khởi	1,30
1.36	Đường Ngô Gia Tự	Đường Hai Bà Trưng	Đường Nguyễn Trãi	1,30
		Đường Nguyễn Trãi	Đường Võ Thị Sáu	1,30
1.37	Đường Ngô Hữu Hạnh	Đường Hòa Bình	Đường Trương Định	1,30
		Đường Hòa Bình	Đường Lý Thường Kiệt	1,30
1.38	Đường Ngô Quyền	Bờ sông Cần Thơ	Đường Hòa Bình	1,20
		Đường Hòa Bình	Đường Trương Định	1,20

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
1.39	Đường Ngô Văn Sở	Đường Hòa Bình	Đường Phan Đình Phùng	1,30
1.40	Đường Nguyễn An Ninh	Đường Hai Bà Trưng	Đường Hòa Bình	1,10
1.41	Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	Đường Nguyễn Trãi	Đường Hùng Vương	1,30
1.42	Đường Nguyễn Du	Đường Châu Văn Liêm	Đường Ngô Đức Kế	1,30
1.43	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Đường Nguyễn Trãi	Đường Ngô Hữu Hạnh	1,30
1.44	Đường Nguyễn Khuyến	Đường Ngô Quyền	Đường Đề Thám	1,30
1.45	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Hai Bà Trưng	Đường Hòa Bình	1,10
1.46	Đường Nguyễn Thần Hiến	Đường Lý Tự Trọng	Cuối đường	1,30
1.47	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Phan Đình Phùng	Cầu Quang Trung	1,30
		Cầu Quang Trung	Đường Tầm Vu	1,30
1.48	Đường Nguyễn Trãi	Đường Hòa Bình	Vòng xoay Bến xe	1,30
1.49	Đường Nguyễn Việt Hồng	Đường Phan Văn Trị	Đường Mậu Thân	1,30
1.50	Đường Phạm Ngũ Lão	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Hẻm 85	1,30
		Hẻm 85	Cuối đường	1,30
1.51	Đường Phan Bội Châu	Đường Phan Đình Phùng	Đường Hai Bà Trưng	1,30
1.52	Đường Phan Chu Trinh	Đường Phan Đình Phùng	Đường Hai Bà Trưng	1,30
1.53	Đường Phan Đăng Lưu	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Bà Huyện Thanh Quan	1,30
1.54	Đường Phan Đình Phùng	Đường Hòa Bình	Đường Ngô Đức Kế	1,20
		Đường Ngô Đức Kế	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	1,20
1.55	Đường Quang Trung	Đường 30 Tháng 4	Hẻm 33 và Hẻm 50	1,30
		Hẻm 33 và Hẻm 50	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	1,30
1.56	Đường Tầm Vu	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Vincom Xuân Khánh	1,30
		Vincom Xuân Khánh	Đường Trần Ngọc Quế	1,30
1.57	Đường Tân Trào	Đường Phan Đình Phùng	Đường Hai Bà Trưng	1,30
1.58	Đường Thủ Khoa Huân	Đường Hai Bà Trưng	Đường Phan Đình Phùng	1,30
1.59	Đường Trần Bình Trọng	Đường Lý Tự Trọng	Đường Trần Hưng Đạo	1,30
1.60	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Nhị Kiều	Đường Mậu Thân	1,30
1.61	Đường Trần Ngọc Quế	Đường 3 Tháng 2	Đường 30 Tháng 4	1,30
		Đường 30 Tháng 4	Đường Tầm Vu	1,30

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
1.62	Đường Trần Quốc Toản	Đường Hai Bà Trưng	Đường Hòa Bình	1,30
1.63	Đường Trần Văn Hoài	Đường 30 Tháng 4	Đường 3 Tháng 2	1,30
1.64	Đường Trương Định	Đường Ngô Hữu Hạnh	Đường Ngô Quyền	1,30
		Đường Ngô Quyền	Đường Đề Thám	1,30
		Đường Đề Thám	Đường Lý Tự Trọng	1,30
1.65	Đường Võ Thị Sáu	Đường Nguyễn Trãi	Đường Ngô Quyền	1,30
1.66	Đường Võ Văn Tần	Đường Hai Bà Trưng	Đường Hòa Bình	1,10
1.67	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Hòa Bình	Đường Hoàng Văn Thụ	1,30
1.68	Đường Yết Kiêu	Đường Phạm Ngũ Lão	Đường Lê Anh Xuân	1,30
1.69	Khu nội bộ Mậu Thân	Đường Cao Thắng		1,30
		Đường Đinh Công Tráng		1,30
		Đường Nguyễn Cư Trinh		1,30
		Đường Nguyễn Ngọc Trai		1,30
		Đường Nguyễn Văn Trỗi		1,30
1.70	Đường nội bộ Khu tập thể Công ty Cấp thoát nước, khu công viên cây xanh (cũ) Đường 30 Tháng 4 (Khu dân cư số 5)	Các trục đường chính		1,30
1.71	Khu dân cư (Kế Chi cục Thú y) 30 Tháng 4 (Khu dân cư số 9)	Các trục đường chính		1,30
1.72	Khu dân cư Búng Xáng	Đường nội bộ		1,30
1.73	Khu dân cư Trần Khánh Dư	Đường 30 Tháng 4	Ngã ba hẻm	1,30
		Các trục chính còn lại		1,30
1.74	Hẻm 54, Đường Hùng Vương	Đường Hùng Vương	Hết trục đường chính	1,30
1.75	Hẻm 14; Hẻm 86, Đường Lý Tự Trọng	Đường Lý Tự Trọng	Đường Đề Thám	1,30
1.76	Hẻm 95, Đường Mậu Thân	Đường Mậu Thân	Trạm Y tế (cũ)	1,30
1.77	Hẻm 72B, Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Cuối hẻm	1,30

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
1.78	Hẻm 88, Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Cuối hẻm	1,30
1.79	Hẻm 93, Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trần Hưng Đạo	Cuối hẻm	1,30
1.80	Hẻm 218, Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trần Hưng Đạo	Cuối hẻm	1,30
1.81	Hẻm 50, Đường Quang Trung	Đường Quang Trung	Cuối hẻm	1,30
1.82	Hẻm 108, Đường 30 Tháng 4	Đường 30 Tháng 4	Đường Nguyễn Việt Hồng	1,30
2	**Phường Cái Khế**			
2.1	Đường Bế Văn Đàn	Đường Nguyễn Văn Cừ	Cuối đường	1,30
2.2	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Vòng xoay Bến xe	Hẻm 86, Đường Cách Mạng Tháng Tám (Bên phải)	1,30
		Đường Phạm Ngũ Lão	Đường Nguyễn Đệ (Bên trái)	1,30
2.3	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Ngã ba	1,30
		Ngã ba	Cuối đường	1,30
2.4	Đường nội bộ Khu dân cư Quân khu 9	Đường Trần Quang Khải	Đường Lý Hồng Thanh	1,30
2.5	Đường Sông Hậu và các trục đường quanh Công viên nước	Đường Trần Phú	Đường Lê Lợi (Khách sạn Victoria)	1,30
2.6	Đường vào Công an quận Ninh Kiều (cũ)	Đường Nguyễn Văn Cừ	Cuối đường	1,30
2.7	Đường Hồ Tùng Mậu	Đường Trần Phú	Đường Trần Văn Khéo	1,30
2.8	Đường Lê Anh Xuân (Hẻm 132 - Đường Hùng Vương)	Đường Yết Kiêu	Cầu Rạch Ngỗng 1	1,30
		Cầu Rạch Ngỗng 1	Cầu Rạch Ngỗng 2	1,30
2.9	Đường Lê Lợi	Đường Trần Phú	Đường Trần Văn Khéo	1,30
		Đường Trần Văn Khéo	Khách sạn Victoria	1,30
2.10	Đường Lương Định Của	Đường Trần Văn Khéo	Cuối đường	1,30
2.11	Đường Lý Hồng Thanh	Khu chung cư	Bờ kè Cái Khế	1,30
2.12	Đường Mậu Thân	Chân cầu Rạch Ngỗng 1	Đường Nguyễn Văn Cừ	1,30
		Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Nguyễn Đệ	1,30

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
2.13	Đường Nguyễn Bình	Đường Lê Lợi	Đường Ung Văn Khiêm	1,30
2.14	Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	Đường Nguyễn Trãi	Đường Ung Văn Khiêm	1,30
2.15	Đường Nguyễn Đệ (Vành đai Phi trường)	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Võ Văn Kiệt	1,30
2.16	Đường Nguyễn Đức Cảnh	Đường Trần Phú	Đường Trần Văn Khéo	1,30
2.17	Đường Nguyễn Hữu Cầu (Đường số 1, Khu dân cư Hoàn Mỹ)	Đường Nguyễn Văn Cừ	Cuối đường	1,30
2.18	Đường Nguyễn Hữu Trí (Đường số 5, Khu dân cư Vạn Phát)	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường số 7, Khu dân cư Vạn Phát	1,30
2.19	Đường Nguyễn Trãi	Cầu Nguyễn Trãi	Vòng xoay Bến xe	1,20
2.20	Đường Nguyễn Văn Cừ	Cầu Rạch Ngỗng 2	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1,30
		Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cầu Cồn Khương	1,30
		Chân cầu Cồn Khương	Rạch Khai Luông (Đường hai bên chân cầu)	1,30
		Cầu Cồn Khương	Sông Hậu	1,30
2.21	Đường Phạm Công Trứ (Đường số 2, Khu dân cư Vạn Phát)	Đường Trần Văn Giàu	Cuối đường	1,30
2.22	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Trần Văn Khéo	Cuối đường	1,30
2.23	Đường Phạm Ngũ Lão	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Yết Kiêu	1,30
2.24	Đường Trần Đại Nghĩa	Đường Trần Văn Khéo	Cuối đường	1,30
2.25	Đường Trần Phú	Đường Nguyễn Trãi	Đường Lê Lợi	1,30
		Đường Lê Lợi	Hai Bến phà Cần Thơ	1,30
2.26	Đường Trần Quang Khải	Đường Nguyễn Trãi	Đường Ung Văn Khiêm	1,30
		Đường Ung Văn Khiêm	Đường Lê Lợi	1,30
2.27	Đường Trần Văn Giàu (Đường Khu dân cư Linh Thành)	Đường Nguyễn Văn Cừ	Cuối đường	1,30
2.28	Đường Trần Văn Khéo	Đường Nguyễn Trãi	Đường Lê Lợi	1,30
2.29	Đường Trần Văn Ơn	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Nguyễn Đệ	1,30
2.30	Đường Trần Việt Châu	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Phạm Ngũ Lão	1,30

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
2.31	Đường Ung Văn Khiêm	Đường Trần Phú	Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	1,30
2.32	Đường Võ Trường Toản	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Nguyễn Đệ	1,30
2.33	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Nguyễn Văn Cừ	Giáp ranh phường Bình Thủy	1,30
2.34	Khu chung cư C Mậu Thân	Cả khu		1,30
2.35	Khu chung cư Cơ Khí	Cả khu		1,30
2.36	Khu dân cư Miền Tây - Cần Đô	Cả khu		1,30
2.37	Khu dân cư Vạn Phát (Giai đoạn 1); Khu dân cư Hoàn Mỹ (Trừ trục đường đã được đặt tên)	Cả khu		1,30
2.38	Khu tái định cư Trường Tiểu học Cái Khế	Cả khu		1,30
2.39	Đường Yết Kiêu	Đường Lê Anh Xuân	Đường Phạm Ngũ Lão	1,30
2.40	Đường Tôn Thất Tùng	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cuối đường	1,30
2.41	Hẻm 86, Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cuối đường	1,30
2.42	Hẻm 38, Đường Trần Việt Châu	Đường Trần Việt Châu	Hết đoạn trải nhựa	1,30
2.43	Hẻm 42, Đường Trần Việt Châu	Đường Trần Việt Châu	Hết đoạn trải nhựa	1,30
2.44	Hẻm 54, Đường Trần Việt Châu	Đường Trần Việt Châu	Hết đoạn trải nhựa	1,20
2.45	Hẻm 62, Đường Trần Việt Châu	Đường Trần Việt Châu	Hết đoạn trải nhựa	1,30
3	**Phường Tân An**			
3.1	Đường 30 Tháng 4	Đường Trần Ngọc Quế	Đường 3 Tháng 2	1,20
3.2	Đường Nguyễn Văn Cừ	Cầu Rạch Ngỗng 2	Cầu Cái Sơn 2	1,30
3.3	Đường Quản Trọng Hoàng	Đường 3 Tháng 2	Tập thể Tỉnh ủy (cũ)	1,30
3.4	Đường Tầm Vu	Đường Trần Ngọc Quế	Chợ Tầm Vu	1,30
		Chợ Tầm Vu	Cầu Mương Lộ	1,30
		Cầu Mương Lộ	Cuối đường	1,30
3.5	Đường 3 Tháng 2	Giáp ranh phường Ninh Kiều	Cầu Đầu Sấu (Giáp ranh phường An Bình)	1,30

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
3.6	Đường Trần Hoàng Na	Đường Tầm Vu (Đường dân sinh hai bên cầu)	Chân cầu Trần Hoàng Na	1,30
		Chân cầu Trần Hoàng Na	Đường 3 Tháng 2	1,30
		Đường 3 Tháng 2	Cầu Đầu Sấu (Giáp ranh phường An Bình)	1,30
3.7	Đường Lê Văn Thuấn (Hẻm 132, Đường 3 Tháng 2)	Đường 3 Tháng 2	Nhánh hẻm 25, Đường Nguyễn Văn Linh	1,30
3.8	Đường Nam Cao (Đường B12 - Khu dân cư 91B)	Đường Lê Chân	Đường A3	1,30
3.9	Đường Ngô Tất Tố (Đường B26 - Khu dân cư 91B)	Đường Lê Chân	Đường A3	1,30
3.10	Đường Chu Văn An (Đường số 4 - Khu tái định cư Thới Nhựt 2)	Đường số 5	Đường Trần Minh Sơn (Đường số 04 - Khu tái định cư Đại học Y Dược Cần Thơ)	1,30
3.11	Đường Phạm Sơn Khai (Trừ các tuyến đường thuộc Khu nhà ở cán bộ giáo viên Đại học Cần Thơ)	Quốc lộ 91B	Đường Búng Xáng	1,30
3.12	Đường Búng Xáng	Hẻm 51, Đường 3 Tháng 2	Cầu Rạch Ngỗng	1,30
3.13	Đường cặp bờ kè Rạch Ngỗng	Đường Búng Xáng	Cầu Rạch Ngỗng 2	1,30
3.14	Đường Lê Bình	Đường 3 Tháng 2	Đường 30 Tháng 4	1,30
3.15	Đường Lê Chân (Đường A2 - Khu dân cư 91B)	Đường số B21	Đường số 23	1,30
3.16	Đường Lý Chính Thắng	Đường 3 Tháng 2	Đường Nguyễn Văn Linh	1,30
3.17	Đường Ngô Sĩ Liên (Đường số 01 - Khu dân cư Metro)	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường số 3	1,30
3.18	Đường Ngô Thì Nhậm (Trục phụ Khu dân cư Thới Nhựt 1)	Đường số 6	Đường Trần Minh Sơn	1,30
3.19	Đường Nguyễn Hiền	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Trần Hoàng Na	1,30
		Đường Trần Hoàng Na	Cuối đường	1,30
3.20	Đường Nguyễn Minh Quang (Đường số 24 - Khu dân cư Thới Nhựt 1)	Đường Ngô Thì Nhậm	Đường Nguyễn Minh Quang	1,30
3.21	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Nguyễn Văn Cừ	Cuối đường	1,30

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
3.22	Đường Phạm Thế Hiển (Đường 11A, Khu dân cư dự án Nâng cấp đô thị)	Đường Trần Minh Sơn	Đường Nguyễn Minh Quang	1,30
3.23	Đường Phan Huy Chú (Trục phụ Khu dân cư Thới Nhựt 1)	Đường Trần Minh Sơn	Đường Nguyễn Minh Quang	1,30
3.24	Đường Trần Bạch Đằng (Trục chính Khu dân cư nâng cấp đô thị)	Đường Nguyễn Văn Cừ	Giáp ranh phường Long Tuyền	1,30
3.25	Đường Trần Minh Sơn (Đường số 04 - Khu tái định cư Đại học Y Dược Cần Thơ)	Đường Trần Bạch Đằng	Đường số 05 - Khu tái định cư Đại học Y Dược Cần Thơ	1,30
3.26	Đường Trần Nam Phú	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường cặp Hồ Búng Xáng	1,30
3.27	Đường Trần Ngọc Quế	Đường 3 Tháng 2	Đường 30 Tháng 4	1,30
		Đường 30 Tháng 4	Đường Tầm Vu	1,30
3.28	Đường Trần Văn Long	Đường số 5 - Khu dân cư Thới Nhựt 2	Đường cặp Rạch Bà Bộ	1,30
3.29	Đường Tô Hiến Thành	Đường Trần Bạch Đằng	Đường số 6, Khu dân cư Thới Nhựt 2	1,30
3.30	Đường Nguyễn Văn Hưởng	Đường Nguyễn Minh Quang	Đường Trần Minh Sơn	1,30
3.31	Đường Đặng Văn Ngữ	Đường Nguyễn Minh Quang	Đường Trần Minh Sơn	1,30
3.32	Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh)	Chân cầu Hưng Lợi	Đường Nguyễn Văn Cừ	1,30
		Đường Nguyễn Văn Cừ	Rạch Bà Bộ	1,30
		Hai bên chân cầu Hưng Lợi	Sông Cần Thơ	1,30
3.33	Khu dân cư 91B - Giai đoạn 3 (Trừ các tuyến đường đã đặt tên)	Trục chính		1,30
		Trục phụ		1,30
3.34	Khu chung cư Đường 3 Tháng 2 (Trừ các tuyến đường đã đặt tên)	Trục đường chính dẫn vào khu chung cư A, B, C, D, do Nhà nước đầu tư		1,30
		Trục phụ		1,30
3.35	Khu dân cư 91B (Giai đoạn 1, tính từ Quốc lộ 91B - Trần Hoàng Na dự mở (Trừ các tuyến đường đã đặt tên)	Trục chính		1,30
		Trục phụ		1,30
3.36	Khu dân cư 148, Đường 3 Tháng 2	Đường 3 Tháng 2	Hết đường trải nhựa	1,30

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
3.37	Khu dân cư 351, Đường 30 Tháng 4	Các trục đường chính		1,30
3.38	Khu dân cư 274, Đường 30 Tháng 4	Đường nội bộ		1,30
3.39	Khu dân cư 515, Đường 30 Tháng 4	Đường 30 Tháng 4	Hết đường trải nhựa	1,30
3.40	Khu dân cư dự án Nâng cấp đô thị	Các đường còn lại		1,30
3.41	Khu dân cư Hàng Bàng	Cả khu		1,30
3.42	Khu dân cư Metro Cash (Trừ Đường số 1)	Trục chính		1,30
		Trục phụ		1,30
3.43	Khu dân cư Phước Kiến, Tầm Vu	Đường nội bộ		1,30
3.44	Khu tái định cư Thới Nhựt 2 (Giai đoạn 1 và 2)	Cả khu		1,30
3.45	Khu tái định cư Thới Nhựt - Lô 1A (Công ty Hồng Quang làm chủ đầu tư)	Phần tiếp giáp Đường Trần Bạch Đằng		1,30
		Các trục đường còn lại		1,30
3.46	Khu tái định cư Trường Đại học Y Dược (Giai đoạn 1)	Trục chính		1,30
		Trục phụ		1,30
3.47	Hẻm 12, Đường 3 Tháng 2	Đường 3 Tháng 2	Hết đoạn trải nhựa	1,30
3.48	Hẻm 483, Đường 30 Tháng 4	Đường 30 Tháng 4	Hẻm 17, Đường Trần Hoàng Na	1,30
3.49	Hẻm 577, Đường 30 Tháng 4	Đường 30 Tháng 4	Đường Tầm Vu	1,30
4	**Phường An Bình**			
4.1	Đường 3 Tháng 2	Cầu Đầu Sấu	Chân cầu Cái Răng	1,30
		Hai bên chân cầu Cái Răng	Sông Cần Thơ	1,30
4.2	Đường Trần Hoàng Na	Cầu Đầu Sấu	Đường Nguyễn Văn Cừ	1,20
4.3	Đường Hậu Giang	Đường 3 Tháng 2	Cuối đường	1,30
4.4	Đường Nguyễn Văn Cừ	Cầu Rạch Ngỗng 2	Cầu Cái Sơn 2	1,30
		Cầu Cái Sơn 2	Đường Mỹ Khánh - Bông Vang	1,30
		Đường Mỹ Khánh - Bông Vang	Giáp ranh xã Phong Điền	1,30
4.5	Đường Tú Xương (Đường số 6, Khu dân cư Hồng Phát)	Đường Xuân Thủy	Cuối đường	1,30

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
4.6	Đường Xuân Thủy (Đường số 7 và Đường số 15, Khu dân cư Hồng Phát)	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Hoàng Quốc Việt	1,30
4.7	Đường Hoàng Quốc Việt	Lộ Vòng Cung	Cầu Hàng Bàng	1,25
4.8	Đường Nguyễn Văn Trường	Lộ Vòng Cung	Cầu Ngã Cái	1,30
4.9	Đường Trần Vĩnh Kiết	Đường 3 Tháng 2	Đường Nguyễn Văn Cừ	1,30
4.10	Lộ Vòng Cung	Cầu Cái Răng	Cầu Rau Răm	1,30
		Cầu Rau Răm	Giáp ranh xã Phong Điền	1,30
4.11	Khu dân cư Cái Sơn - Hàng Bàng (Khu B)	Phần mở rộng		1,30
4.12	Khu dân cư Hồng Phát (Các trục đường nội bộ chưa có tên trong bảng giá đất)	Trục chính		1,20
		Trục phụ		1,30
4.13	Khu đô thị mới An Bình	Cả khu		1,30
4.14	Khu tái định cư Đường tỉnh 923	Cả khu		1,30
4.15	Khu tái định cư Rạch Ngã Ngay	Cả khu		1,30
4.16	Khu chợ Mỹ Khánh và XD Thương mại thuộc Khu tái định cư hai bên Đường Nguyễn Văn Cừ (Công ty Mặt Trời Đỏ trúng đấu giá)	Cặp Đường Nguyễn Văn Cừ		1,20
4.17	Khu tái định cư xã Mỹ Khánh (Thuộc dự án khai thác quỹ đất)	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Trường Tiền - Bông Vang	1,29
4.18	Đường Trường Tiền - Bông Vang (Trừ đoạn qua Khu tái định cư xã Mỹ Khánh)	Lộ Vòng Cung	Cầu Rạch Dinh	1,30
		Cầu Rạch Dinh	Cầu Rạch Nhum	1,30
		Các trục đường nội bộ Khu nhà ở cán bộ Học viện chính trị hành chính khu vực 4		1,30
4.19	Đường Rạch Kè - Bờ Hồ	Rạch Kè	Rạch Bờ Hồ	1,30
4.20	Đường cặp Rạch Cái Sơn (Hai bên)	Đường Nguyễn Văn Cừ	Vòng Cung	1,30
4.21	Hẻm 234, Đường Hoàng Quốc Việt	Đường Hoàng Quốc Việt	Cuối đường	1,19

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
4.22	Hẻm 170, Đường Hoàng Quốc Việt	Đường Hoàng Quốc Việt	Cuối đường	1,30
4.23	Hẻm 36, Đường Hoàng Quốc Việt	Đường Hoàng Quốc Việt	Cuối đường	1,09
4.24	Đường Rau Mui - Mỹ Hòa	Cầu Rau Mui	Giáp ranh khu vực Mỹ Hòa	1,30
4.25	Đường cặp Rạch Sao	Cầu Trường Tiền	Giáp ranh xã Phong Điền	1,30
4.26	Khu tái định cư An Bình	Trục chính		1,09
		Trục phụ		1,09
4.27	Khu tái định cư Ninh Kiều	Trục chính		1,09
		Trục phụ		1,09
4.28	Khu tái định cư Phong Điền (Giai đoạn 1)	Trục chính		1,18
		Trục phụ		1,18
5	**Phường Bình Thủy**			
5.1	Đường Lê Hồng Phong	Cầu Bình Thủy	Đường Huỳnh Phan Hộ (Bên trái)	1,30
			Hết ranh Cảng Cần Thơ (Bên phải)	1,30
5.2	Đường Bùi Hữu Nghĩa (Đường tỉnh 918)	Đường Lê Hồng Phong	Đường Nguyễn Truyền Thanh	1,30
		Đường Nguyễn Truyền Thanh	Cầu Ngã Tư	1,30
		Cầu Ngã Tư	Cầu Rạch Chanh	1,30
5.3	Đường Lạc Long Quân (Đường số 13, Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301))	Đường Lê Hồng Phong	Đường Võ Văn Kiệt	1,30
5.4	Đường Nguyễn Chánh Tâm (Đường số 6, Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301))	Đường Lê Hồng Phong	Đường Kinh Dương Vương	1,30
5.5	Đường Kinh Dương Vương	Đường Đặng Văn Dầy	Đường số 25, Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301)	1,30
5.6	Đường Đặng Thùy Trâm	Đường Đặng Văn Dầy	Đường số 7, Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301)	1,30

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
5.7	Đường Đỗ Trọng Văn (Đường số 13, Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301))	Đường Lê Hồng Phong	Hết trục Đường số 13, Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301)	1,30
5.8	Đường Đặng Văn Dầy (Trục Đường số 1, Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301))	Đường Lê Hồng Phong	Cuối đường	1,30
5.9	Đường Đinh Công Trứ (Trục Đường số 29, Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301))	Đường Đặng Văn Dầy	Đường số 20, Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301)	1,30
5.10	Đường Trần Nhật Duật (Đường số 36, 37, Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301))	Đường Đặng Văn Dầy	Trục Đường số 15, Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301)	1,30
5.11	Đường Huỳnh Phan Hộ (Phía bên trái hướng Đường Lê Hồng Phong vào)	Đường Lê Hồng Phong	Giáp ranh phường Long Tuyền	1,30
5.12	Đường Nguyễn Truyền Thanh	Đường Lê Hồng Phong	Đường Bùi Hữu Nghĩa	1,30
5.13	Đường Võ Văn Kiệt	Giáp ranh phường Cái Khế	Cầu Bà Bộ	1,30
		Cầu Bình Thủy 2	Cầu Rạch Chanh	1,30
5.14	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Nguyễn Đệ, Hẻm 86 Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cầu Bình Thủy	1,30
5.15	Đường Lê Phước Thọ	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cống Rạch Sao (Giáp phường Long Tuyền)	1,30
5.16	Đường Đồng Ngọc Sứ	Đường Trần Quang Diệu	Ngã ba	1,30
		Ngã ba	Đường Phạm Hữu Lầu	1,30
5.17	Đường Đồng Văn Cống	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Trần Quang Diệu	1,30
5.18	Đường Lê Quang Chiểu	Đường Lê Văn Sô	Đường Nguyễn Thông	1,30
5.19	Đường Lê Văn Bì	Đường Lê Văn Sô	Đường Lê Phước Thọ	1,30
5.20	Đường Lê Văn Sô	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Trần Quang Diệu	1,30
5.21	Đường Nguyễn Đệ	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Võ Văn Kiệt	1,30
5.22	Đường Nguyễn Thông	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Trần Quang Diệu	1,30

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
5.23	Đường Nguyễn Việt Dũng	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Trần Quang Diệu	1,30
5.24	Đường Phạm Hữu Lầu	Đường Trần Quang Diệu	Đường Đồng Văn Cống	1,30
5.25	Đường Phạm Ngọc Hưng	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Võ Văn Kiệt	1,30
5.26	Đường Thái Thị Nhạn	Suốt tuyến		1,30
5.27	Đường Trần Quang Diệu	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cầu Ván	1,30
		Cầu Ván	Chợ Ngã Tư	1,30
		Chợ Ngã Tư	Cầu Bình Thủy	1,30
5.28	Đường Trần Văn Nghiêm	Đường Trần Quang Diệu	Cuối hẻm 172, Đường Trần Quang Diệu	1,30
5.29	Đường Đặng Thị Nhường	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Rạch Khai Luông	1,30
5.30	Đường Huỳnh Mẫn Đạt	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Rạch Khai Luông	1,30
5.31	Đường Nguyễn Thị Tính	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cuối đường	1,30
5.32	Khu tập thể Cầu Đường 675	Cả khu		1,30
5.33	Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301), dự án chủ đầu tư Ngân Thuận (Trừ các trục đường đã đặt tên và có giá cụ thể trong bảng giá đất)	Trục chính		1,30
		Trục phụ		1,30
5.34	Khu tái định cư công trình bồi thường, giải phóng mặt bằng cơ sở hạ tầng Khu hành chính và Trung tâm thể dục thể thao quận Bình Thủy	Đường trục chính trên 10 mét		1,30
		Đường trục phụ dưới 10 mét		1,30
5.35	Khu dân cư Công ty Cổ phần Xây lắp PTKD nhà đầu tư	Đường nội bộ toàn khu		1,30
5.36	Khu dân cư An Thới	Trục chính		1,30
		Trục phụ		1,30
5.37	Khu tái định cư Hẻm 115, Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cả khu		1,30
5.38	Khu tái định cư Bành Văn Khuê, Đường Trần Quang Diệu	Suốt tuyến		1,30

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
5.39	Hẻm 180, Đường Cách Mạng Tháng Tám	Suốt tuyến		1,30
5.40	Hẻm 412, Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Hết đoạn trải nhựa	1,30
5.41	Hẻm 512, Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Khu dân cư An Thới	1,30
6	**Phường Long Tuyền**			
6.1	Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh)	Rạch Bà Bộ	Giáp ranh phường Thới An Đông	1,30
6.2	Đường Bùi Hữu Nghĩa (Đường tỉnh 918)	Cầu Rạch Chanh	Ngã ba Đường Nguyễn Văn Trường	1,30
		Ngã ba Đường Nguyễn Văn Trường	Hết ranh phường Long Tuyền	1,30
6.3	Đường Võ Văn Kiệt	Cầu Bà Bộ	Cầu Bình Thủy 2	1,30
		Cầu Rạch Chanh	Hết ranh phường Long Tuyền	1,30
6.4	Đường Huỳnh Phan Hộ	Đường Võ Văn Kiệt	Rạch Chanh	1,30
6.5	Đường Đinh Công Chánh	Chợ Phó Thọ	Đường Võ Văn Kiệt	1,30
		Đường Võ Văn Kiệt	Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh)	1,30
6.6	Đường Lê Phước Thọ	Cống Rạch Sao	Đường tỉnh 918 (Bờ kè rạch Cái Sơn - Hàng Bàng)	1,30
6.7	Đường Xuân Hồng (Đường số 1 - Khu tái định cư phường Long Tuyền và Đường số 36 - Khu đô thị hai bên Đường Nguyễn Văn Cừ)	Đường Tô Vĩnh Diện	Đường số 5 - Khu đô thị mới hai bên Đường Nguyễn Văn Cừ	1,29
6.8	Khu dân cư P2 (Đối diện chợ Bà Bộ)	Cả khu		1,30
6.9	Khu dân cư Cái Sơn - Hàng Bàng	Cả khu		1,30
6.10	Khu tái định cư Bình Nhựt (12,8 ha)	Trục chính		1,30
		Trục phụ		1,30
6.11	Khu tái định cư phường Long Tuyền	Cả khu		1,30

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
6.12	Khu tái định cư Bình Thủy (Khu 1)	Đường trục chính trên 10 mét		1,17
		Đường trục phụ dưới 10 mét		1,17
6.13	Khu đô thị tái định cư Cửu Long (Các vị trí đã hoàn thiện CSHT và được cấp GCN QSDĐ)	Trục chính		1,30
		Trục phụ		1,30
6.14	Đường Nguyễn Thanh Sơn	Đường Bùi Hữu Nghĩa (Đường tỉnh 918)	Đường Võ Văn Kiệt	1,30
6.15	Đường Nguyễn Thị Tạo	Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh)	Đường Võ Văn Kiệt	1,30
6.16	Đường Nguyễn Văn Trường	Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh)	Hết ranh phường Long Tuyền	1,30
6.17	Đường Tạ Thị Phi	Đường Nguyễn Văn Trường	Khu dân cư đường Nguyễn Văn Cừ	1,30
6.18	Đường Tô Vĩnh Diện	Đường Nguyễn Văn Trường	Khu tái định cư phường Long Tuyền	1,30
6.19	Đường Rạch Chanh	Đường Bùi Hữu Nghĩa (Đường tỉnh 918)	Rạch Bà Cầu	1,30
		Đường Võ Văn Kiệt	Đường Hồ Trung Thành	1,30
6.20	Bờ kè Rạch Cam	Đường Bùi Hữu Nghĩa (Đường tỉnh 918)	Hết đoạn bờ kè	1,15
6.21	Đường vào Làng hoa kiểng Bà Bộ	Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh)	Ranh Khu đô thị tái định cư Cửu Long (Các vị trí đã hoàn thiện CSHT và được cấp GCN QSDĐ)	1,30
6.22	Đường Trường Tiền - Bông Vang	Đường Bùi Hữu Nghĩa (Đường tỉnh 918)	Hết ranh phường Long Tuyền	1,30
6.23	Đường Nguyễn Văn Cừ (Dự án khai thác quỹ đất)	Cầu Cái Sơn 2 (Phường Long Tuyền)	Hết ranh phường Long Tuyền	1,30
6.24	Đường Kè Cái Sơn - Mương Khai	Đường Lê Phước Thọ	Đường Âu Thuyền Hàng Bàng	1,30
6.25	Đường Rạch Hàng Bàng	Cầu Bà Bộ (Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh))	Đường Âu Thuyền Hàng Bàng	1,30
7	**Phường Thới An Đông**			
7.1	Đường Lê Hồng Phong	Đường Huỳnh Phan Hộ	Cầu Trà Nóc	1,30
		Cầu Trà Nóc	Cầu Sang Trắng 1	1,30

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
7.2	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Lê Hồng Phong	Cầu Rạch Gừa	1,25
		Cầu Rạch Gừa	Cầu Trà Nóc 2	1,25
		Cầu Trà Nóc 2	Quốc lộ 91B	1,25
7.3	Đường Hồ Trung Thành (Đường Công Bình)	Đường Lê Hồng Phong	Đường Huỳnh Phan Hộ - Rạch Chanh	1,30
7.4	Đường Huỳnh Phan Hộ (Bên phải)	Đường Lê Hồng Phong	Giáp ranh phường Long Tuyền	1,30
7.5	Đường Lê Thị Hồng Gấm	Đường Lê Hồng Phong	Cầu Xẻo Mây	1,26
7.6	Đường kè chống sạt lở sông Trà Nóc	Cầu Xẻo Mây	Rạch Chùa	1,26
7.7	Đường Âu Cơ	Đường Lê Hồng Phong	Đường Võ Văn Kiệt	1,30
7.8	Đường Nguyễn Viết Xuân	Đường Lê Hồng Phong	Rạch Xẻo Mây - Lê Thị Hồng Gấm	1,25
		Rạch Xẻo Mây	Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh)	1,25
		Ngã ba Trạm y tế phường Thới An Đông	Hết ranh Trạm Y tế phường Thới An Đông	1,25
7.9	Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh)	Giáp ranh phường Long Tuyền	Giáp ranh phường Phước Thới (Cầu Giáo Dẫn)	1,30
7.10	Đường Phạm Thị Ban (Tuyến Ngã Ba - ông Tư Lợi, phường Thới An Đông)	Cầu Trà Nóc 2 (Đường Nguyễn Chí Thanh)	Cầu Giáo Dẫn (Quốc lộ 91B)	1,27
7.11	Đường Trần Thị Mười	Quốc lộ 91B	Kênh Ông Tường	1,26
7.12	Khu dân cư vượt lũ phường Trà Nóc (cũ)	Cả khu		1,30
7.13	Khu tái định cư Vành Đai Sân bay	Đường Âu Cơ	Hết đoạn trải nhựa	1,10
7.14	Khu tái định cư Bình Thủy (Khu 1)	Đường trục phụ dưới 10 mét		1,17
7.15	Hẻm 19, Đường Lê Hồng Phong	Suốt tuyến		1,27
7.16	Hẻm 29, Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Hồng Phong	Cuối hẻm	1,25
7.17	Hẻm 44, Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Hồng Phong	Hẻm 36, Đường Nguyễn Chí Thanh	1,26

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
7.18	Hẻm 65, Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Hồng Phong	Cuối đường	1,26
7.19	Hẻm liên tổ 2, 3, 4, Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Hồng Phong	Cuối hẻm	1,26
7.20	Hẻm 71, Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Hồng Phong	Hẻm 18, Đường Hồ Trung Thành	1,27
7.21	Hẻm 3, Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Hồng Phong	Hết đoạn trải nhựa (Nhà văn hóa khu vực 4)	1,27
7.22	Hẻm 129, Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Hồng Phong	Cuối hẻm	1,26
7.23	Hẻm 40, Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Hồng Phong	Cuối hẻm	1,26
7.24	Hẻm Khu Tập thể Hóa chất và Cơ điện Công nghiệp (Hẻm liên tổ 6, 7, 8)	Đường Lê Hồng Phong	Toàn khu	1,27
7.25	Đường vào Tổng Công ty phát điện 2, phường Trà Nóc (cũ)	Đường Nguyễn Chí Thanh	Cổng vào Tổng Công ty phát điện 2	1,26
7.26	Hẻm 18, Đường Hồ Trung Thành	Đường Hồ Trung Thành	Hết đoạn trải nhựa	1,26
7.27	Hẻm 32, Đường Hồ Trung Thành	Đường Hồ Trung Thành	Cuối hẻm	1,27
7.28	Hẻm 54, Đường Hồ Trung Thành	Đường Hồ Trung Thành	Đường Âu Cơ	1,26
7.29	Hẻm 72, Đường Hồ Trung Thành	Đường Hồ Trung Thành	Cuối hẻm	1,26
7.30	Hẻm 149, Đường Hồ Trung Thành	Đường Hồ Trung Thành	Cuối hẻm	1,26
7.31	Các nhánh hẻm 54, Đường Hồ Trung Thành	Đường Hồ Trung Thành	Hết đoạn trải nhựa	1,26
7.32	Hẻm 90, Đường Huỳnh Phan Hộ	Đường Huỳnh Phan Hộ	Cuối hẻm	1,26
7.33	Hẻm 48, Đường Huỳnh Phan Hộ	Đường Huỳnh Phan Hộ	Rạch Chanh	1,26
7.34	Hẻm 28, Đường Huỳnh Phan Hộ	Đường Huỳnh Phan Hộ	Cuối hẻm	1,26
7.35	Hẻm 38, Đường Huỳnh Phan Hộ	Đường Huỳnh Phan Hộ	Hết đoạn trải nhựa	1,27

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
7.36	Đường cặp Rạch Xẻo Khế (Bên trái)	Đường Phạm Thị Ban	Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh)	1,26
7.37	Đường cặp Rạch Miễu Trắng	Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh)	Kênh Ông Tường	1,26
7.38	Hẻm 1, Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Nguyễn Chí Thanh	Cuối hẻm	1,27
7.39	Hẻm 1A, Đường Nguyễn Chí Thanh (Khu vực 2)	Đường Nguyễn Chí Thanh	Cuối hẻm	1,27
7.40	Hẻm 2, Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Nguyễn Chí Thanh	Cuối hẻm	1,27
7.41	Hẻm 1A, Đường Nguyễn Chí Thanh (Khu vực 1)	Đường Nguyễn Chí Thanh	Hẻm Khu Tập thể Hóa chất và Cơ điện Công nghiệp (Hẻm liên tổ 6,7,8)	1,27
7.42	Hẻm 36, Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Nguyễn Chí Thanh	Hẻm 44, Đường Lê Hồng Phong	1,27
7.43	Đường vào chợ Trà Nóc	Khu vực chợ Trà Nóc	Rạch ông Táo	1,20
7.44	Hẻm 18, Đường Hồ Trung Thành	Đường Hồ Trung Thành	Hết đoạn trải nhựa	1,30
7.45	Hẻm 44, Đường Huỳnh Phan Hộ	Đường Huỳnh Phan Hộ	Cuối hẻm	1,27
7.46	Hẻm 38, Đường Nguyễn Viết Xuân	Đường Nguyễn Viết Xuân	Cuối hẻm	1,30
7.47	Hẻm 95, Đường Âu Cơ	Đường Âu Cơ	Hẻm 18, Đường Hồ Trung Thành	1,30
7.48	Đường cặp Rạch Xẻo Khế (Bên phải)	Đường Phạm Thị Ban	Đường Nguyễn Văn Linh	1,30
7.49	Đường bờ trái Rạch Xéo Điều	Đường Phạm Thị Ban	Đường Nguyễn Văn Linh	1,30
7.50	Đường bờ trái Rạch Mương Khai	Đường Nguyễn Viết Xuân	Đường Trần Thị Mười	1,30
7.51	Đường cặp sông Trà Nóc	Rạch ông Bền	Giáp ranh phường Ô Môn	1,30
7.52	Đường vào chợ Ngã Tư	Cầu Thới Ninh	Kinh ông Huyện	1,30
8	**Phường Cái Răng**			
8.1	Quốc lộ 1	Quốc lộ 61C (Nút giao IC4)	Cầu Số 10 (Giáp ranh xã Thạnh Xuân)	1,30
8.2	Quốc lộ 61C	Quốc lộ 1	Sông Ba Láng	1,28
		Sông Ba Láng	Giáp ranh xã Nhơn Ái	1,28

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
8.3	Đường Phạm Hùng (Quốc lộ 1)	Đường Võ Tánh	Đường Nguyễn Trãi	1,30
		Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Nguyễn Trãi	1,30
		Đường Nguyễn Trãi	Đường Lê Bình	1,30
		Đường Lê Bình	Đường Hàng Gòn	1,30
		Đường Hàng Gòn	Nút giao IC4	1,30
8.4	Đường dẫn cầu Cần Thơ (Đường 2 Tháng 9)	Giáp ranh phường Hưng Phú	Cầu Cái Da	1,30
		Cầu Cái Da	Quốc lộ 61C (Nút giao IC4)	1,30
8.5	Lộ Cái Chanh (Đường tỉnh 925)	Quốc lộ 1	Hết ranh Trụ sở UBND phường Thường Thạnh (cũ)	1,30
		Trụ sở UBND phường Thường Thạnh (cũ)	Giáp ranh Trường học và các đường Khu Thương mại Cái Chanh	1,30
8.6	Đường Võ Nguyên Giáp (Đường Nam Sông Hậu)	Cầu Hưng Lợi	Vòng xoay Đường dẫn cầu Cần Thơ	1,30
		Vòng xoay Đường dẫn cầu Cần Thơ	Giáp ranh phường Hưng Phú	1,30
8.7	Đường Duy Tân	Đường Ngô Quyền	Đường Trần Hưng Đạo	1,30
8.8	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Phạm Hùng	Đường Ngô Quyền	1,30
8.9	Đường Hàm Nghi	Đường Ngô Quyền	Đường Trần Hưng Đạo	1,30
8.10	Đường Hàng Gòn	Đường Phạm Hùng	Đường dẫn cầu Cần Thơ (Đường 2 Tháng 9)	1,30
		Đường dẫn cầu Cần Thơ (Đường 2 Tháng 9)	Đường cặp sông Cái Răng Bé - Yên Hạ	1,30
8.11	Đường Hàng Xoài	Đường Phạm Hùng	Đường cặp sông Cái Răng Bé - Yên Hạ	1,29
8.12	Đường Lê Bình	Đường Phạm Hùng	Trường THPT Nguyễn Việt Dũng	1,30
8.13	Đường Lê Hồng Nhi	Đường Phạm Hùng	Đường Nhật Tảo	1,30
		Đường Nhật Tảo	Chùa Ông Một	1,30
8.14	Đường Lê Tấn Quốc (Đường số 29, Khu dân cư Công ty Đầu tư và Xây dựng số 8)	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường số 15, Khu dân cư Công ty Đầu tư và Xây dựng số 8	1,30
8.15	Đường Lê Thái Tổ	Đường Hàm Nghi	Đường Nguyễn Trãi	1,30

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
8.16	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Ngô Quyền	Cầu Cái Răng	1,30
		Cầu Cái Răng	Đại Chủng Viện	1,30
8.17	Đường Ngô Quyền	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Nguyễn Trãi	1,30
8.18	Đường Nguyễn Trãi	Đường Ngô Quyền	Đường Phạm Hùng	1,30
8.19	Đường Nguyễn Trãi nối dài	Đường Phạm Hùng	Đường Nhật Tảo	1,30
		Đường Nhật Tảo	Ngã ba Rạch Ranh	1,30
8.20	Đường Nguyễn Văn Quang (Đường số 7B, Khu dân cư Nam Long)	Đường Võ Nguyên Giáp	Giáp ranh Khu dân cư Nam Long - Hồng Phát	1,30
8.21	Đường Nguyễn Việt Dũng	Đường Phạm Hùng	Đường Võ Tánh	1,30
8.22	Đường Nhật Tảo	Đường Võ Tánh	Đường Lê Hồng Nhi (Đường Trường Chính trị)	1,30
8.23	Đường Trần Chiên (Lộ Hậu Thạnh Mỹ)	Cầu Cái Răng Bé	Đường dẫn cầu Cần Thơ (Đường 2 Tháng 9)	1,30
		Đường Trần Chiên (Lộ Hậu Thạnh Mỹ)	Cầu Nước Vận	1,30
8.24	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Nguyễn Trãi	1,30
		Đường Nguyễn Trãi	Đường Lê Bình	1,30
		Đường Lê Bình	Đường Hàng Gòn	1,30
8.25	Đường Huỳnh Thị Nở	Đường Vành Đai phía Tây	Đường Nguyễn Thị Trâm	1,29
		Đường Nguyễn Thị Trâm	Lộ Cái Chanh (Đường tỉnh 925)	1,29
8.26	Đường Trưng Nữ Vương	Đường Phạm Hùng	Đường Ngô Quyền	1,30
8.27	Đường Võ Tánh	Đường Phạm Hùng	Hết ranh Đại Chủng Viện	1,30
		Giáp ranh Đại Chủng Viện	Đường Nguyễn Việt Dũng	1,30
		Đường Nguyễn Việt Dũng	Vàm Ba Láng	1,30
8.28	Đường Vũ Đình Liệu (Đường số 10, Khu dân cư Nam Long)	Đường Võ Nguyên Giáp	Giáp Khu dân cư Nam Long - Hồng Phát	1,30
8.29	Các Khu dân cư thuộc Khu đô thị mới Nam sông Cần Thơ nằm trong giới hạn từ sông Cần Thơ đến ranh phường Hưng Phú (Trừ các tuyến đã đặt tên trong Bảng giá đất)	Trục đường chính đường A		1,30
		Trục đường chính đường B		1,30

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
8.30	Đường Lê Trọng Tấn	Đường Võ Nguyên Giáp	Giáp Bộ chỉ huy Quân sự thành phố (Đường số 6)	1,30
8.31	Đường Nguyễn Văn Lưu	Đường dẫn cầu Cần Thơ	Đường Lê Trọng Tấn (Dự án TTVH Tây Đô)	1,30
8.32	Khu dân cư Thạnh Mỹ	Trục chính		1,30
		Trục phụ		1,30
8.33	Khu dân cư Hoàng Quân - An Phú - Thạnh Mỹ A	Trục chính		1,30
		Trục phụ		1,30
8.34	Dự án Chỉnh trang và Phát triển đô thị An Phú Cần Thơ	Cả khu		1,30
8.35	Khu Nhà ở phường Thường Thạnh - An Phú Eco City	Cả khu		1,12
8.36	Khu tái định cư cầu Cần Thơ (Phường Ba Láng cũ)	Cả khu		1,29
8.37	Khu tập thể số 9 (Ba Láng cũ)	Cả khu		1,05
8.38	Khu dân cư Quân đội (Yên Hạ A)	Cả khu		1,15
8.39	Khu tái định cư Thường Thạnh (Kế Nhà tạm giữ)	Cả khu		1,16
8.40	Đường Trương Vĩnh Nguyên (Lê Bình - Thường Thạnh)	Cầu Lê Bình	Đường dẫn cầu Cần Thơ (Đường 2 Tháng 9)	1,30
		Đường dẫn cầu Cần Thơ (Đường 2 Tháng 9)	Cầu Ngã Bát	1,30
8.41	Đường cặp sông Cái Răng Bé - Yên Hạ	Cầu Cái Răng Bé	Trường THPT Nguyễn Việt Dũng	1,29
		Trường THPT Nguyễn Việt Dũng	Hết ranh Trường THCS Thường Thạnh	1,29
8.42	Đường cặp sông Cái Răng Bé - Thạnh Mỹ	Ngã ba Vàm Nước Vận	Giáp ranh phường Hưng Phú	1,28
8.43	Lộ Chợ số 10	Quốc lộ 1	Bến đò số 10	1,30
		Bến đò số 10	Đường Lê Hồng Nhi	1,30

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
8.44	Đường Đình Nước Vận	Đường Trương Vĩnh Nguyên	Cầu Nước Vận	1,30
8.45	Đường Nguyễn Thị Trâm (Lộ mới 10 mét)	Quốc lộ 1	Đường Trần Hưng Đạo	1,30
8.46	Đường Nguyên Hồng	Quốc lộ 1	Lộ Chợ số 10	1,30
8.47	Đường cặp sông Cái Răng Bé	Đình Nước Vận	Hết cầu Mù U	1,30
8.48	Tuyến Lộ Hậu Tân Thạnh Tây (Toàn tuyến)	Đường cặp Rạch Cái Đôi	Đường cặp Rạch Bàng	1,30
9	**Phường Hưng Phú**			
9.1	Đường dẫn cầu Cần Thơ (Đường 2 Tháng 9)	Cầu Cần Thơ	Nút giao thông IC3	1,30
9.2	Đường Võ Nguyên Giáp (Đường Nam Sông Hậu)	Cầu Hưng Lợi	Nút giao thông IC3	1,30
		Giáp ranh phường Cái Răng	Cầu Cái Cui	1,30
9.3	Đường Quang Trung	Cầu Quang Trung	Nút giao thông IC3	1,30
9.4	Đường Cái Cui	Đường Võ Nguyên Giáp (Đường Nam Sông Hậu)	Cảng Cái Cui	1,28
9.5	Đường số 1A	Đường Võ Nguyên Giáp	Sông Hậu	1,28
9.6	Đường Chí Sinh (Lộ Hậu Tân Phú)	Đường Võ Nguyên Giáp	Cầu Ba Dầu	1,28
		Cầu Ba Dầu	Lộ Rạch Cây Tràm	1,28
9.7	Đường Nguyễn Văn Quy	Đường Chí Sinh	Đường Trương Vĩnh Nguyên	1,28
9.8	Đường Trương Vĩnh Nguyên	Cầu Ngã Bát	Rạch Cái Tắc	1,28
9.9	Đường Bùi Quang Trinh (Đường số 8, Khu dân cư 586)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đường Nam Sông Hậu)	Đường số 15 (Khu dân cư 586)	1,30
9.10	Đường Cao Minh Lộc (Đường số 10, Khu dân cư 586)	Đường số 46 (Khu dân cư 586)	Đường số 61 (Khu dân cư 586)	1,30
9.11	Đường Hoàng Thế Thiện (Đường B7 - Khu dân cư Hưng Phú 1)	Đường Quang Trung	Đường A5 - Khu dân cư Hưng Phú 1	1,30
9.12	Đường Hoàng Văn Thái (Đường A5 - Khu dân cư Hưng Phú 1)	Đường Lý Thái Tổ	Đường dân sinh cặp Đường dẫn cầu Cần Thơ	1,30

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
9.13	Đường Lâm Văn Phận (Đường số 9, Khu dân cư 586)	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Lê Nhựt Tảo	1,30
9.14	Đường Lê Nhựt Tảo (Đường số 14, Khu dân cư 586)	Đường số 1 (Khu dân cư 586)	Đường số 9 (Khu dân cư 586)	1,30
9.15	Đường Lê Văn Tưởng (Đường số 47 - Khu dân cư Phú An)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đường Nam Sông Hậu)	Đường số 12 - Khu dân cư Phú An	1,30
9.16	Đường Lý Thái Tổ (Đường A1 - Khu dân cư Hưng Phú 1)	Đường Quang Trung	Đường A10 - Khu dân cư Hưng Phú 1	1,30
9.17	Đường Nguyễn Thái Sơn (Đường A6 - Khu dân cư Hưng Phú 1)	Đường dẫn Cầu Cần Thơ	Đường A6	1,30
9.18	Đường Đoàn Văn Chia (Đường B3-Khu dân cư Hưng Phú 1)	Đường B18	Đường A9	1,30
9.19	Đường Nguyễn Hùng Minh (Đường B26 - Khu tái định cư Hưng Phú)	Đường A12	Đường A15	1,30
9.20	Đường Mai Chí Thọ (Đường số 1, Khu dân cư 586)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đường Nam Sông Hậu)	Sông Hậu	1,30
9.21	Đường Nguyễn Chánh (Đường số 12 - Khu dân cư Phú An)	Đường Mai Chí Thọ	Đường Nguyễn Thị Sáu	1,30
9.22	Đường Nguyễn Ngọc Bích (Đường B6 - Khu dân cư Hưng Phú 1)	Đường Quang Trung	Đường B20 - Khu dân cư Hưng Phú 1	1,30
9.23	Đường Nguyễn Thị Sáu (Đường số 6, Khu dân cư 586)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đường Nam Sông Hậu)	Đường số 15, Khu dân cư 586	1,30
9.24	Đường Phạm Văn Nhờ (Đường số 9A, Khu dân cư Diệu Hiền)	Đường Võ Nguyên Giáp	Giáp ranh phường Cái Răng	1,30

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
9.25	Đường Phan Trọng Tuệ (Đường số 1, Khu dân cư Diệu Hiền)	Đường Võ Nguyên Giáp	Giáp ranh phường Cái Răng	1,30
9.26	Đường Trần Văn Sắc (Đường số 1, Khu dân cư Nông Thổ Sản)	Đường Võ Nguyên Giáp	Giáp ranh phường Cái Răng	1,30
9.27	Đường Trần Văn Trà (Đường A3 - Khu dân cư Hưng Phú 1)	Đường Quang Trung	Đường A6 - Khu dân cư Hưng Phú 1	1,30
9.28	Đường Trần Văn Việt (Đường số 7 - Khu dân cư Công an)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đường Nam Sông Hậu)	Đường số 5 - Khu dân cư Công an	1,30
9.29	Khu tái định cư phường Hưng Phú (Lô số 3B)	Cả khu		1,30
9.30	Khu dân cư Điện lực	Cả khu		1,30
9.31	Khu Novaland Group	Cả khu		1,30
9.32	Các Khu dân cư thuộc Khu đô thị mới Nam sông Cần Thơ từ sông Cần Thơ đến Đường 2 Tháng 9, giáp ranh phường Cái Răng (Trừ các đường đã đặt tên)	Trục đường chính đường A		1,30
		Trục đường chính đường B		1,30
9.33	Các Khu dân cư thuộc Khu đô thị mới Nam sông Cần Thơ từ Ranh phường Cái Răng đến ranh xã Châu Thành (Trừ các đường đã đặt tên)	Trục đường chính đường A		1,30
		Trục đường chính đường B		1,30
9.34	Lộ cặp sông Bùng Binh	Sông Hậu	Kênh Thạnh Đông	1,25
9.35	Lộ cặp sông Bến Bạ	Sông Hậu	Kênh Thạnh Đông	1,25
9.36	Lộ cặp sông Cái Cui	Sông Hậu	BCH Quân sự phường	1,30
9.37	Đường liên khu vực Phú Thuận - Phú Thành	Cầu Ba Dầu	Sông Cái Cui	1,30
9.38	Tuyến lộ Rạch Cây Tràm	Sông Bến Bạ	Sông Cái Cui	1,30
9.39	Tuyến lộ cặp sông Cần Thơ	Cầu Hưng Lợi	Miếu Bà	1,30
9.40	Tuyến lộ cặp sông Hậu	Miếu Bà	Quảng trường 586	1,30

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
9.41	Tuyến Đường Kênh Thạnh Đông (Nối Mù U - Bến Bạ)	Rạch Mù U	Sông Bến Bạ	1,28
9.42	Tuyến hai bên Rạch Ngã Bát	Cầu Ngã Bát	Kênh Thạnh Đông	1,30
9.43	Tuyến hai bên Rạch Xẻo Lá	Cầu Xẻo Lá	Kênh Thạnh Đông	1,30
9.44	Tuyến Rạch Mật Cật	Cầu Mật Cật tại Rạch Xẻo Lá	Ngã tư Rạch (Mật Cật-Đường Gỗ - Lòng Óng - Hàng Bần)	1,30
9.45	Tuyến hai bên Rạch Hàng Bần	Cầu Hàng Bần	Rạch Xẻo Gừa	1,30
9.46	Tuyến Đường Rạch Đường Gỗ	Kênh Thạnh Đông	Đường Nguyễn Văn Quy	1,30
9.47	Tuyến Rạch Cái Đôi	Cầu Cái Đôi	Đường Mai Chí Thọ	1,30
9.48	Tuyến Rạch Lòng Óng	Ngã tư Rạch (Mật Cật - Đường Gỗ - Lòng Óng - Hàng Bần)	Rạch Giồng Ổi	1,30
9.49	Tuyến Rạch Xẻo Gừa	Cầu Ngã Bát	Ngã ba Phú Trung	1,30
9.50	Tuyến Rạch Cái Tắc	Ngã ba Phú Trung	Ngã ba Bùng Binh	1,30
9.51	Rạch Giồng Ổi	Cầu Giồng Ổi	Kênh Thạnh Đông	1,30
9.52	Lộ Quận (Lò Mổ)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đường Nam Sông Hậu)	Rạch Cái Tắc	1,28
9.53	Đường dẫn Cao tốc Bắc - Nam	Đường Võ Nguyên Giáp	Rạch Ngã Bát	1,28
10	**Phường Ô Môn**			
10.1	Quốc lộ 91	Cầu Ô Môn	Giáp ranh phường Thới Long	1,30
		Giáp ranh phường Phước Thới	Cầu Tắc Ông Thục	1,30
		Cầu Tắc Ông Thục	Cầu Ông Tành	1,30
10.2	Đường Tôn Đức Thắng (Quốc lộ 91)	Cầu Ông Tành	Cầu Ô Môn (Bên phải)	1,30
			Cầu Ô Môn (Bên trái)	1,30
10.3	Đường tỉnh 922	Quốc lộ 91	Cầu Rạch Nhum (Bên phải)	1,30
		Quốc lộ 91	Cầu Rạch Nhum (Bên trái)	1,30
		Cầu Rạch Nhum	Giáp ranh xã Trường Thành (Bên trái)	1,30
		Cầu Rạch Nhum	Giáp ranh xã Trường Thành (Bên phải)	1,30

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
10.4	Đường Trần Kiết Tường (Đường tỉnh 920B)	Quốc lộ 91	Cầu Ba Rích (Bên phải)	1,30
		Quốc lộ 91	Cầu Ba Rích (Bên trái)	1,30
		Cầu Ba Rích	Cầu Tầm Vu (Bên phải)	1,30
		Cầu Ba Rích	Cầu Tầm Vu (Bên trái)	1,30
		Cầu Tầm Vu	Đình Thới An (Bên phải)	1,30
		Cầu Tầm Vu	Đình Thới An (Bên trái)	1,30
		Trường Tiểu học Nguyễn Hữu Cảnh	Hết ranh UBND phường Thới An cũ (Bên phải)	1,30
		Trường Tiểu học Nguyễn Hữu Cảnh	Hết ranh UBND phường Thới An cũ (Bên trái)	1,30
		UBND phường Thới An cũ	Cầu Cái Đâu (Bên phải)	1,30
		UBND phường Thới An cũ	Cầu Cái Đâu (Bên trái)	1,30
10.5	Đường Bến Bạch Đằng	Đầu vàm Tắc Ông Thục	Hết dãy phố 06 căn	1,30
10.6	Đường Bến Bạch Đằng nối dài	Cầu Ô Môn	Giáp dãy phố 06 căn	1,30
10.7	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Trần Quốc Toản	Cổng Bệnh viện Ô Môn	1,30
10.8	Đường Châu Văn Liêm	Quốc lộ 91	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1,30
10.9	Đường Đắc Nhẫn (Đường vào Trường Dân tộc Nội trú)	Đường Tôn Đức Thắng	Rạch Sáu Thước	1,30
10.10	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Bến Bạch Đằng	1,30
10.11	Đường 26 Tháng 3	Quốc lộ 91	Đường Kim Đồng	1,30
10.12	Đường 3 Tháng 2	Đường Kim Đồng	Đường Huỳnh Thị Giang	1,30
10.13	Đường 30 Tháng 4	Đường Trần Hưng Đạo	Giáp Bệnh viện Ô Môn	1,30
10.14	Đường Huỳnh Thị Giang	Đường Châu Văn Liêm	Đường 26 Tháng 3	1,30
10.15	Đường Kim Đồng	Đường 26 Tháng 3	Rạch Cây Me	1,30
10.16	Đường Lê Quý Đôn	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Bến Bạch Đằng	1,30
10.17	Đường Lê Văn Tám	Đường 26 Tháng 3	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1,30
10.18	Đường Lưu Hữu Phước	Đường 26 Tháng 3	Đường Châu Văn Liêm	1,30
10.19	Đường Lý Thường Kiệt	Đường 26 Tháng 3	Đường Bến Bạch Đằng	1,30
10.20	Đường Ngô Quyền	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Bến Bạch Đằng	1,30
10.21	Đường Nguyễn Du	Đường Lưu Hữu Phước	Đường Nguyễn Trãi	1,30

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
10.22	Đường Nguyễn Trãi	Đường 3 Tháng 2	Đường Trần Phú	1,30
10.23	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường 26 Tháng 3	Chợ Ô Môn	1,30
10.24	Đường Phan Đình Phùng	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Trần Quốc Toản	1,30
10.25	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Kim Đồng	Cầu Huyện đội	1,30
10.26	Đường Trần Nguyên Hãn	Đường 26 Tháng 3	Đường Bến Bạch Đằng	1,30
10.27	Đường Trần Quốc Toản	Đường 26 Tháng 3	Đường Châu Văn Liêm	1,30
10.28	Đường Lê Lợi	Đường Trần Hưng Đạo	Hết Xưởng cưa Quốc Doanh (cũ)	1,30
		Xưởng cưa Quốc Doanh (cũ)	Hết Thánh Thất Cao Đài	1,30
10.29	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Huyện đội	Trường Lương Định Của	1,30
		Trường Lương Định Của	Cổng chào	1,30
10.30	Đường Trưng Nữ Vương	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Cây Me	1,30
		Cầu Cây Me	Đường Tôn Đức Thắng (Quốc lộ 91)	1,30
10.31	Đường nội bộ Khu Dân tộc Nội trú (Trừ tuyến đường đã đặt tên)	Toàn bộ các tuyến đường		1,30
10.32	Đường Bến Hoa Viên	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu đúc ngang Nhà máy Liên Hiệp	1,30
		Cầu đúc ngang Nhà máy Liên Hiệp	Cầu đúc vào Chùa Long Châu	1,30
10.33	Chợ Thới An	Hẻm nhà Thương	Đình Thới An	1,30
10.34	Đường vào Trung tâm Y tế dự phòng	Đường Tôn Đức Thắng	Hết ranh đất Cơ quan Quản lý thị trường	1,30
10.35	Tuyến tránh sạt lở Quốc lộ 91	Đường Trần Kiết Tường (Đường tỉnh 920B)	Giáp ranh phường Thới Long	1,30
10.36	Đường Viện Lúa Đồng Bằng Sông Cửu Long (Bên trái)	Quốc lộ 91 (cũ)	Giáp ranh xã Trường Thành	1,27
10.37	Khu phố Thương mại Thịnh Vượng	Trục số 1 tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo		1,30
		Các trục đường còn lại		1,30
10.38	Khu tái định cư Đường tỉnh 920B	Cả khu		1,30
10.39	Khu tái định cư Trung tâm văn hóa quận Ô Môn (cũ)	Cả khu		1,30

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
10.40	Khu tái định cư quận Ô Môn (Khu 1)	Cả khu		1,10
10.41	Khu tái định cư sau Trường Dân tộc Nội trú quận Ô Môn (Do Công ty TNHH MTV Xây dựng Sao Vàng Tây Đô làm chủ đầu tư)	Cả khu		1,29
11	**Phường Phước Thới**			
11.1	Đường tỉnh 922	Cầu Bà Cai	Cầu Mương Huyện	1,20
11.2	Khu dân cư phường Phước Thới	Cả khu		1,30
11.3	Khu tái định cư và nhà ở công nhân Khu công nghiệp Trà Nóc II	Cả khu		1,29
11.4	Khu dân cư Công đoàn Giáo Viên	Cả khu		1,11
11.5	Chợ Phước Thới	Đường Tôn Đức Thắng	Cầu Chùa (Trừ hành lang đường sông)	1,30
11.6	Đường Đặng Thanh Sử (Đường số 2, Nhà máy Nhiệt điện Ô Môn)	Đường Tôn Đức Thắng	Nhà máy Nhiệt điện Ô Môn	1,30
11.7	Đường tỉnh 920B	Rạch Cái Chôm	Đường Đặng Thanh Sử	1,30
11.8	Hai bên Chợ Ba Se	Sông Tắc Ông Thục	Lộ Vòng Cung (Đường tỉnh 923)	1,30
11.9	Lộ Vòng Cung (Đường tỉnh 923)	Đường Tôn Đức Thắng	Cầu Giáo Dẫn	1,30
		Cầu Giáo Dẫn	Giáp ranh xã Phong Điền	1,30
11.10	Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh)	Đoạn thuộc phường Phước Thới		1,30
11.11	Đường Tôn Đức Thắng (Quốc lộ 91)	Cầu Sang Trắng I	Nút giao Quốc lộ 91B	1,30
		Nút giao Quốc lộ 91B	Chợ bến đò Đu Đủ	1,30
		Chợ bến đò Đu Đủ	Giáp ranh phường Ô Môn (Trạm thu phí)	1,30
11.12	Đường Trương Văn Diễn (Đường tỉnh 920C)	Đường Tôn Đức Thắng	Nhà máy xi măng Tây Đô	1,30
12	**Phường Thới Long**			
12.1	Khu dân cư Thương mại Bằng Tăng	Quốc lộ 91 trở vào		1,30
12.2	Lộ chùa	Đường Thái Thị Hạnh	Cầu Dì Tho	1,30

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
12.3	Quốc lộ 91	Giáp ranh phường Ô Môn	Cầu Bánh Tét (Bên phải)	1,30
		Giáp ranh phường Ô Môn	Đường Trần Ngọc Hoằng (Bên trái)	1,30
		Đường Trần Ngọc Hoằng	Cầu Bánh Tét (Bên trái)	1,30
		Cầu Bánh Tét	Cầu Thơm Rơm	1,30
		Cầu Thơm Rơm	Giáp ranh phường Thuận Hưng (Bên trái)	1,30
		Cầu Thơm Rơm	Giáp ranh phường Thuận Hưng (Bên phải)	1,30
		Quốc lộ 91	Cầu Rạch Sung	1,30
		Cầu Rạch Sung	Kênh Thủy lợi Lò Gạch	1,30
12.4	Tuyến tránh sạt lở Quốc lộ 91	Giáp ranh phường Ô Môn	Quốc lộ 91	1,30
12.5	Chợ Thới Long	Rạch Bà Kiểu	Rạch Ông Hiền	1,09
12.6	Đường Viện Lúa Đồng Bằng Sông Cửu Long	Quốc lộ 91	Giáp ranh xã Trường Thành (Bên phải)	1,07
13	**Phường Trung Nhứt**			
13.1	Đường tỉnh 921	Cầu Trà Bay	Cầu Rạch Rích	1,30
		Cầu Rạch Rích	Cầu Ông Tùng	1,30
		Cầu Ông Tùng	Cầu Mương Trâu	1,30
		Cầu Mương Trâu	Cầu Xẻo Cách	1,30
		Cầu Xẻo Cách	Cầu Xẻo Chàm	1,30
		Cầu Xẻo Chàm	Giáp ranh xã Trung Hưng (Rạch Xẻo Xây Lớn)	1,30
13.2	Đường Sĩ Cuông (Bên trái)	Đường tỉnh 921	Đường tỉnh 921E	1,30
		Đường tỉnh 921E	Giáp ranh xã Vĩnh Thạnh	1,30
13.3	Đường số 14 vào Trường THCS Trung An	Đường tỉnh 921	Trường THCS Trung An	1,30
13.4	Khu dân cư Chợ Phúc Lộc 1	Cả khu		1,30
13.5	Tuyến tránh Quốc lộ 91	Cầu Thốt Nốt	Cầu Tràng Thọ	1,30
13.6	Đường tỉnh 921E	Tuyến tránh Quốc lộ 91	Rạch Mương Chuối	1,30
		Rạch Mương Chuối	Giáp ranh xã Trung Hưng	1,30
13.7	Đường Trà Bay	Cầu Trà Bay	Cầu Tràng Thọ	1,30
14	**Phường Thuận Hưng**			
14.1	Đường Lê Thị Tạo	Quốc lộ 91	Cầu 3 Tháng 2	1,30

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
14.2	Đường Lộ mới (Cặp Kênh Thốt Nốt)	Cầu Thốt Nốt	Kho Mai Anh	1,30
14.3	Đường Lộ Chùa	Quốc lộ 91	Sông Hậu	1,30
14.4	Đường Lộ Rẫy	Quốc lộ 91	Sông Hậu	1,30
14.5	Đường Lộ Ông Ba	Quốc lộ 91	Sông Hậu	1,30
14.6	Đường Sân Banh	Quốc lộ 91	Sông Hậu	1,30
14.7	Quốc lộ 91	Giáp ranh phường Thới Long	Đường Mai Văn Bộ (Bên phải)	1,30
		Giáp ranh phường Thới Long	Đường Mai Văn Bộ (Bên trái kênh lộ)	1,30
		Đường Mai Văn Bộ	Cầu Cần Thơ Bé	1,30
		Cầu Cần Thơ Bé	Cầu Cái Ngãi	1,30
		Cầu Cần Thơ Bé	Tịnh Thất Thường Tịnh (Kênh lộ)	1,30
		Cầu Ngãi	Lộ Cai Tư	1,30
		Lộ Cai Tư	Lộ Sân Banh	1,30
		Lộ Sân Banh	Lộ Ông Ba	1,30
		Lộ Ông Ba	Cầu Thốt Nốt	1,30
		Khu dân cư khu vực Phụng Thạnh 1 (Ngang lộ Ông Ba)		1,30
		Cầu Cái Ngãi	Giáp ranh phường Thới Long	1,30
14.8	Đường Mai Văn Bộ	Quốc lộ 91	Giáp ranh Trung tâm Chợ Thuận Hưng	1,25
		Hết ranh Trung tâm Chợ Thuận Hưng	Sông Hậu	1,25
14.9	Đường Nguyễn Trọng Quyền	Quốc lộ 91	Cầu Thủy Lợi	1,30
		Cầu Thủy Lợi	Giáp ranh xã Trung Hưng	1,30
14.10	Khu dân cư phường Thuận Hưng (phường Trung Kiên cũ)	Khu dân cư chợ dân lập khu vực Lân Thạnh 2		1,30
		Quốc lộ 91 - Bến đò Tân Lộc (Đường bến đò Trung Kiên - Tân Lộc) khu vực Qui Thạnh 1		1,30
14.11	Khu tái định cư phường Thuận Hưng (Khu tái định cư phường Thuận Hưng cũ)	Cả khu		1,30
14.12	Khu tái định cư phường Thuận Hưng (Khu tái định cư phường Trung Kiên cũ)	Cả khu		1,30

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
14.13	Khu tái định cư phường Thuận Hưng (Khu tái định cư quận Thốt Nốt cũ)	Cả khu (Khu 1)		1,17
14.14	Các Khu dân cư còn lại của khu vực Qui Thạnh 1			1,30
14.15	Trung tâm cầu Cần Thơ Bé - Chợ cầu Cần Thơ Bé	Từ cầu vào 157 mét		1,30
14.16	Trung tâm chợ Thuận Hưng (Trung tâm Chợ Thuận Hưng cũ)	Ranh chợ ra 4 phía (mỗi phía 200 mét)		1,30
14.17	Tuyến đường khu vực Phụng Thạnh 2	Cầu Thốt Nốt	Cầu Trà Cui	1,30
14.18	Tuyến tránh Quốc lộ 91	Quốc lộ 91	Cầu Thốt Nốt 2	1,30
14.19	Ven Sông Hậu (Tính thâm hậu 50m)	Gáp ranh phường Thới Long	Vàm Cai Tư	1,30
		Vàm Cai Tư	Lộ Sân Banh	1,30
		Lộ Sân Banh	Vàm Kênh Thốt Nốt (Góc Kênh Thốt Nốt tiếp giáp Sông Hậu)	1,30
14.20	Ven Kênh Thốt Nốt	Cầu Thốt Nốt	Cầu Trà Cui	1,30
15	**Phường Thốt Nốt**			
15.1	Quốc lộ 91	Cầu Thốt Nốt	Đường Sư Vạn Hạnh	1,30
		Đường Sư Vạn Hạnh	Đường tái định cư Mũi Tàu	1,30
		Đường tái định cư Mũi Tàu	Rạch Cái Sơn	1,30
		Rạch Cái Sơn	Cầu Trà Uối	1,30
		Cầu Trà Uối	Đường Thới Thuận - Thạnh Lộc	1,30
		Đường Thới Thuận - Thạnh Lộc	Cầu Bò Ót	1,30
		Cầu Bò Ót	Đường vào Công ty Vạn Lợi	1,30
		Đường vào Công ty Vạn Lợi	Cống Rạch Rạp	1,30
		Cống Rạch Rạp	Hết ranh phường Thốt Nốt (Cầu Cái Sắn)	1,30
15.2	Tuyến tránh Quốc lộ 91	Cầu Tràng Thọ	Đường Nguyễn Thị Lưu	1,30
		Đường Nguyễn Thị Lưu	Quốc lộ 91 (Khu vực Thới An 1)	1,30

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
15.3	Đường cặp Quốc lộ 80	Trung tâm Ngã ba Lộ Tẻ	Cầu Ngã ba Đình	1,30
		Cầu Ngã ba Đình	Cầu số 1 (Hết ranh phường Thốt Nốt)	1,30
15.4	Tuyến đường nối Quốc lộ 80 đến tuyến Đường Lộ Tẻ - Rạch Sỏi	Quốc lộ 80	Giáp ranh xã Vĩnh Trinh	1,30
15.5	Đường tỉnh 921	Cầu Chùa	Hết ranh phường Thốt Nốt (Cầu Trà Bay)	1,30
15.6	Đường Bờ Kè	Cầu Thốt Nốt	Sông Hậu	1,30
15.7	Đường Bạch Đằng	Quốc lộ 91	Đường Lê Thị Tạo	1,30
15.8	Đường Lê Lợi	Quốc lộ 91	Sông Hậu	1,30
		Quốc lộ 91	Cầu Chùa	1,30
15.9	Đường Hòa Bình	Đường Bờ Kè	Đường Nguyễn Thái Học	1,30
15.10	Đường Tự Do	Đường Bờ Kè	Đường Nguyễn Thái Học	1,30
15.11	Đường Nguyễn Thái Học	Quốc lộ 91	Đường Lê Thị Tạo	1,30
15.12	Đường Nguyễn Thái Học nối dài	Quốc lộ 91	Đường Nguyễn Văn Kim	1,30
15.13	Đường Nguyễn Văn Kim	Đường Lê Lợi	Đường Sư Vạn Hạnh nối dài	1,30
15.14	Đường Trưng Nữ Vương	Quốc lộ 91	Đường Nguyễn Văn Kim	1,30
15.15	Đường 30 Tháng 4	Quốc lộ 91	Đường Nguyễn Văn Kim	1,30
15.16	Đường Sư Vạn Hạnh	Quốc lộ 91	Đường Nguyễn Văn Kim	1,30
15.17	Đường Sư Vạn Hạnh nối dài	Đường Nguyễn Văn Kim	Hết ranh Trường Mầm non Thốt Nốt	1,30
15.18	Đường Nguyễn Trung Trực	Quốc lộ 91	Đường Lê Thị Tạo	1,30
15.19	Đường Thoại Ngọc Hầu	Các tuyến đường thuộc Khu Trung tâm dân cư Thương mại Thốt Nốt		1,30
15.20	Đường Huỳnh Năng Nhiêu	Quốc lộ 91	Cổng Trường Tiểu học Thốt Nốt 1	1,30
		Đường Nguyễn Thái Học	Đường Nguyễn Công Trứ	1,30
15.21	Đường Nguyễn Công Trứ	Quốc lộ 91	Đường Lê Thị Tạo	1,30
15.22	Đường Nhà máy Ngô Nguyên Thạnh	Đường Lê Thị Tạo	Sông Hậu (Nhà máy Ngô Nguyên Thạnh)	1,30

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
15.23	Đường Phan Đình Giót	Quốc lộ 91	Đường Lê Thị Tạo	1,30
15.24	Đường Vàm Rạch Chùa (Cặp Trường Trung học Cơ sở Thốt Nốt)	Đường Lê Thị Tạo	Sông Hậu	1,30
15.25	Đường Lê Thị Tạo	Cầu 3 Tháng 2	Đường Phan Đình Giót	1,30
		Đường Phan Đình Giót	Mũi Tàu	1,30
15.26	Đường Kênh Rạch Nhà thờ	Đường Lê Thị Tạo	Sông Hậu	1,30
15.27	Đường vào Trụ sở Công an phường	Đường Lê Thị Tạo	Sông Hậu	1,11
15.28	Hai bên Đường tái định cư Mũi Tàu	Đường Lê Thị Tạo	Sông Hậu	1,30
15.29	Đường Thanh Niên	Quốc lộ 91	Cầu Thanh Niên	1,30
15.30	Đường Thanh Niên nối dài	Cầu Thanh Niên	Tuyến tránh Quốc lộ 91	1,10
15.31	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Quốc lộ 91	Đường Thanh Niên	1,30
15.32	Đường Nguyễn Hữu Cảnh nối dài (Khu Hoàng Gia)	Đường Thanh Niên	Tuyến tránh Quốc lộ 91	1,30
15.33	Khu tái định cư Long Thạnh 2	Đường Nguyễn Tuân (Đường số 2)		1,04
		Đường Trịnh Hoài Đức (Đường số 3)		1,04
		Đường Lương Thế Vinh (Đường số 6)		1,04
		Đường Võ Duy Dương (Đường số 7)		1,04
		Đường số 8		1,04
		Đường Sông Hành (Đường số 10)		1,04
		Các đường còn lại		1,04
15.34	Đường Nguyễn Thị Lưu	Quốc lộ 91	Rạch Mương Miễu	1,25
15.35	Đường Thới Thuận -Thạnh Lộc	Quốc lộ 91	Cầu Rạch Rầy	1,25
		Cầu Rạch Rầy	Hết ranh phường Thốt Nốt	1,25
15.36	Khu dân cư phường Thuận An (cũ)	Cả khu		1,30
15.37	Khu dân cư Chợ Bò Ót và phần mở rộng	Cả khu		1,30
15.38	Khu tái định cư phường Thới Thuận (cũ), giai đoạn 2	Cả khu		1,30

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
15.39	Khu dân cư Chợ Gạo	Cả khu		1,30
15.40	Tuyến Đường Lộ Tẻ - Rạch Sỏi	Cầu Vàm Cống	Hết ranh phường Thốt Nốt	1,30
15.41	Ven sông Hậu	Vàm Cái Sắn	Vàm lò gạch Mũi Tàu	1,29
		Vàm lò gạch Mũi Tàu	Sông Thốt Nốt	1,29
15.42	Ven sông Thốt Nốt	Cầu Thốt Nốt	Cầu Chùa	1,30
		Cầu Chùa	Rạch Trà Bay	1,30
15.43	Ven sông Cái Sắn	Vàm Cái Sắn	Cầu Cái Sắn	1,30
		Cầu Cái Sắn	Cầu Ngã ba đình	1,30
16	**Phường Tân Lộc**			
16.1	Hương Lộ Tân Lộc	Điểm đầu Hương Lộ (Bến đò Long Châu)	Điểm cuối Hương Lộ (Cầu Ông Nghị)	1,30
16.2	Khu dân cư Phước Lộc - Lai Vung	Cả khu		1,30
16.3	Tuyến đường giao thông (Trái tuyến)	Cầu Ông Nghị	Cầu Chùa (KV Đông Bình)	1,17
16.4	Tuyến đường giao thông	Cầu Chùa (KV Đông Bình)	Vườn sinh thái Tân Lộc (KV Tân Mỹ 2)	1,17
16.5	Tuyến đường giao thông	Cầu Chùa (KV Đông Bình)	Bến đò Tắc Cây Bàng	1,17
17	**Phường Phú Lợi**			
17.1	Đường Hai Bà Trưng	Suốt tuyến		1,11
17.2	Đường Đồng Khởi	Suốt tuyến		1,09
	Hẻm 122	Suốt hẻm		1,09
17.3	Đường 3 Tháng 2	Suốt tuyến		1,10
17.4	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Suốt tuyến		1,02
	Hẻm 33	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 45	Suốt hẻm		1,02
17.5	Đường Đào Duy Từ	Suốt tuyến		1,29
17.6	Đường Phạm Ngũ Lão	Đường Hai Bà Trưng	Đường 3 Tháng 2	1,13
		Đường Hai Bà Trưng	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	1,13
	Hẻm 36	Suốt hẻm		1,13

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
17.7	Đường Phan Chu Trinh	Đường Hai Bà Trưng	Đường 3 Tháng 2	1,11
		Đường Hai Bà Trưng	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	1,11
		Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Đề Thám	1,11
	Hẻm 124	Suốt hẻm		1,11
	Hẻm 118	Suốt hẻm		1,11
17.8	Đường Hàm Nghi	Suốt tuyến		1,17
17.9	Đường Hoàng Diệu	Suốt tuyến		1,14
17.10	Các hẻm vào khu vực Chợ Bàn Cờ Đường Hoàng Diệu	Suốt hẻm		1,29
17.11	Đường Nguyễn Hùng Phước	Suốt tuyến		1,15
17.12	Đường Ngô Quyền	Suốt tuyến		1,26
17.13	Đường Đinh Tiên Hoàng	Suốt tuyến		1,21
17.14	Đường Nguyễn Văn Cừ	Suốt tuyến		1,07
	Hẻm 12	Suốt hẻm		1,07
	Hẻm 49	Suốt hẻm		1,07
17.15	Đường Trần Minh Phú	Suốt tuyến		1,18
17.16	Đường Nguyễn Huệ	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	1,16
		Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Hai Bà Trưng	1,16
		Đường Hai Bà Trưng	Đường Nguyễn Du	1,16
		Đường Nguyễn Du	Hết đất Chùa Đại Giác	1,16
		Giáp đất Chùa Đại Giác	Đường Lê Duẩn	1,16
	Hẻm 103 (P1)	Suốt hẻm		1,16
	Hẻm 155 (P1)	Suốt hẻm		1,16
	Hẻm 79 (P1)	Suốt hẻm		1,16
17.17	Đường Nguyễn Du	Suốt tuyến		1,17
17.18	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Suốt tuyến		1,22
	Hẻm 89, 113	Suốt hẻm		1,22
	Hẻm 129	Suốt hẻm		1,22
17.19	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Lê Lợi	Đường 30 Tháng 4 - Cổng Bộ Đội Biên Phòng	1,09
	Hẻm 93	Suốt hẻm		1,09
	Hẻm 83	Suốt hẻm		1,09
	Hẻm 98	Suốt hẻm		1,09
	Hẻm 76	Suốt hẻm		1,09

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
17.20	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Hai Bà Trưng	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	1,19
		Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Nguyễn Văn Hữu	1,19
	Hẻm 58	Suốt hẻm		1,19
17.21	Đường Lý Thường Kiệt	Đầu Voi	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	1,08
		Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Đồng Khởi	1,08
		Đường Đồng Khởi	Đường Lê Duẩn	1,08
		Đường Lê Duẩn	Chợ Sông Đinh	1,08
	Hẻm 176 (P1)	Suốt hẻm		1,08
	Hẻm 168 (P1)	Suốt hẻm		1,08
	Hẻm 306B, 730 (P4)	Suốt hẻm		1,08
	Hẻm 310 (P4)	Suốt hẻm		1,08
	Hẻm 584, 730, 764, 944 (P4)	Suốt hẻm		1,08
17.22	Đường Trần Hưng Đạo	Đường 30 Tháng 4	Đường Phú Lợi	1,13
		Đường Phú Lợi - Lê Duẩn	Đường Nguyễn Văn Linh - Dương Minh Quan	1,13
		Đường Nguyễn Văn Linh - Dương Minh Quan	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	1,13
	Hẻm 174, 98, 144 (P2)	Suốt hẻm		1,13
	Hẻm 45, 51 (P3)	Suốt hẻm		1,13
	Hẻm 357 (Đường vào Trường Quân Sự tỉnh)	Suốt hẻm		1,13
	Hẻm 449 (P3)	Suốt hẻm		1,13
	Hẻm 27, 71, 101, 137 (P3)	Suốt hẻm		1,13
	Hẻm 191, 199, 227, 249, 265, 285, 427, 491 (P3)	Suốt hẻm		1,13
	Hẻm 140	Suốt hẻm		1,13
	Hẻm 567	Đường Trần Hưng Đạo	Hết thửa đất số 82, tờ bản đồ số 51	1,13
		Giáp thửa đất số 82, tờ bản đồ số 51	Đường Vành Đai II (đoạn 2)	1,13
17.23	Tuyến tránh Quốc lộ 1A	Đường Dương Kỳ Hiệp	Đường Phú Tức	1,18
17.24	Đường Lê Hồng Phong	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	1,13
		Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Đoàn Thị Điểm	1,13
		Đường Đoàn Thị Điểm	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	1,13
	Hẻm 90 (P3)	Suốt hẻm		1,13
	Hẻm 33 (P3)	Suốt hẻm		1,13
	Hẻm 508 (P3)	Suốt hẻm		1,13

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
17.24	Hẻm 604 (P3)	Đường Lê Hồng Phong	Hết thửa đất 214, tờ bản đồ 60	1,13
	Hẻm 585 (P3)	Suốt hẻm		1,13
	Hẻm 462	Suốt hẻm		1,13
	Hẻm 655 (P3)	Suốt hẻm		1,13
	Hẻm 639, 673	Suốt hẻm		1,13
	Hẻm 719	Đường Lê Hồng Phong	Hết thửa đất 185, tờ bản đồ số 56	1,13
		Giáp thửa đất 185, tờ bản đồ số 56	Đường 30 Tháng 4	1,13
17.25	Đường Phú Lợi	Suốt tuyến		1,09
	Hẻm 263, 244, 155, 333	Suốt hẻm		1,09
	Hẻm 73	Đường Phú Lợi	Cuối hẻm (Giáp đất bà Lâm Thị Mười)	1,09
	Hẻm 73/26	Suốt hẻm		1,09
	Hẻm 188	Suốt hẻm		1,09
	Hẻm 99	Suốt hẻm		1,09
	Hẻm 293	Suốt hẻm		1,09
17.26	Đường Lê Duẩn	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Hồng Phong	1,09
		Đường Lê Hồng Phong	Đường 30 Tháng 4	1,09
		Đường 30 Tháng 4	Đường Mạc Đĩnh Chi	1,09
		Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Lý Thường Kiệt	1,09
	Hẻm 24 (P3)	Suốt hẻm		1,09
	Hẻm 546 (P4)	Suốt hẻm		1,09
17.27	Đường dân sinh cặp chân cầu qua sông Maspero	Đường Lê Duẩn	Đường Lý Thường Kiệt	1,20
17.28	Đường Võ Văn Kiệt (Quốc lộ 1A cũ)	Cầu Kênh Xáng	Cổng Trắng	1,20
		Cổng Trắng	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	1,20
	Hẻm 472, 389, 526 (P2)	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 417, 448, 538, 607, 547, 638, 699, 757, 825, 726, 882; 789, 901 (P2)	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 416 (P2)	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 437 (P2)	Đường Võ Văn Kiệt	Hết thửa đất số 15, tờ bản đồ 04 của ông Dương Văn Thâm	1,20
		Cả Khu dân cư 437		1,20
	Hẻm 792 (P2)	Đường Võ Văn Kiệt	Hết thửa đất số 23, tờ bản đồ số 24	1,20
		Đầu ranh thửa đất số 25, tờ bản đồ số 24	Hết thửa đất số 2234, tờ bản đồ số 53	1,20

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
17.29	Đường Trần Nhân Tông (P2)	Đường Võ Văn Kiệt	Giáp ranh Thiền viện Trúc Lâm Sóc Trăng	1,17
17.30	Đường 30 Tháng 4	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Nguyễn Du	1,13
		Đường Nguyễn Du	Ngã tư Đường Lê Duẩn	1,13
		Ngã tư đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	1,13
	Hẻm 290 (P3)	Suốt hẻm		1,13
	Hẻm từ Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh đến hẻm 278, Đường Trương Công Định	Suốt hẻm		1,13
	Hẻm 496 (P3)	Suốt hẻm		1,13
	Hẻm 625	Suốt hẻm		1,13
17.31	Đường Hồ Minh Luân	Suốt tuyến		1,22
17.32	Đường Trần Phú	Suốt tuyến		1,10
17.33	Đường Trần Văn Sắc	Suốt tuyến		1,10
17.34	Đường Hồ Hoàng Kiếm	Suốt tuyến		1,10
17.35	Đường Quảng Trường Bạch Đằng	Suốt tuyến		1,08
17.36	Đường Trương Công Định	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Nguyễn Văn Linh	1,18
		Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Võ Văn Kiệt	1,18
	Hẻm 9, 93 (P2)	Suốt hẻm		1,18
	Hẻm 267, 278 (P2)	Suốt hẻm		1,18
	Hẻm 37 (P2)	Suốt hẻm		1,18
	Hẻm 46, 56, 86, 98, 140, 246, 292, 109 (P2)	Suốt hẻm		1,18
	Hẻm 195 (P2)	Suốt hẻm		1,18
	Hẻm 109 nối dài (Cặp Chùa Hương Sơn)	Suốt hẻm		1,18
	Hẻm 167 (P2)	Suốt hẻm		1,18
17.37	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Phú Lợi	Đường 30 Tháng 4 - Cổng Biên Phòng	1,10
17.38	Đường Trần Bình Trọng	Suốt tuyến		1,19
	Hẻm 31, 59	Suốt hẻm		1,19
17.39	Đường Lý Tự Trọng	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trần Bình Trọng	1,19
	Hẻm 25	Suốt hẻm		1,19

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
17.40	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Lý Tự Trọng	Đường Trương Văn Quới	1,14
17.41	Đường Trương Văn Quới	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Trung Trực	1,19
17.42	Đường Nhật Lệ (Đường Nhánh Phú Lợi)	Đường Phú Lợi	Đường Trương Văn Quới	1,19
17.43	Đường Nguyễn Trãi	Suốt tuyến		1,24
17.44	Đường Bạch Đằng	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Mạc Đĩnh Chi	1,25
		Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường 30 Tháng 4	1,25
	Hẻm 22, 66, 196, 255, 88, 118 (P4)	Suốt hẻm		1,25
17.45	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Đồng Khởi	Ngã tư Đường Lê Duẩn	1,17
		Ngã tư Đường Lê Duẩn	Đường Bạch Đằng	1,17
	Hẻm 9, 45, 233 (P4)	Suốt hẻm		1,17
	Hẻm 119	Suốt hẻm		1,17
	Hẻm 33 (P4)	Suốt hẻm		1,17
	Hẻm 537, 539, 759 (P4)	Suốt hẻm		1,17
	Hẻm 70 (P9)	Suốt hẻm		1,17
	Hẻm 80 (P9)	Suốt hẻm		1,17
	Hẻm 218 (P9)	Suốt hẻm		1,17
	Hẻm 230 (P9)	Suốt hẻm		1,17
	Hẻm 266 (P9)	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Nguyễn Huệ	1,17
	Hẻm 456 (P9)	Đường Mạc Đĩnh Chi	Kênh 3 Tháng 2	1,17
	Hẻm 548 (P9)	Đường Mạc Đĩnh Chi	Hết ranh thửa đất số 590 tờ bản đồ 20	1,17
17.46	Đường Mạc Đĩnh Chi nối dài (Đê bao ngăn mặn)	Cầu Mạc Đĩnh Chi	Giáp ranh xã Tân Thạnh	1,18
17.47	Đường Võ Nguyên Giáp (P4)	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Lý Thường Kiệt	1,17
17.48	Đường Phan Đình Phùng	Đường Nguyễn Huệ	Đường Mạc Đĩnh Chi	1,22
		Đường Mạc Đĩnh Chi	Hẻm 150, Đường Phan Đình Phùng	1,22
17.49	Đường Vành Đai II (P3)	Đường Dương Minh Quan	Hết ranh đất Công ty Satraco	1,25
		Giáp ranh đất Công ty Satraco	Đường Văn Ngọc Chính	1,25

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
17.50	Đường dân sinh cặp chân cầu Khánh Hưng (Bên phải)	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Trương Công Định	1,18
	Đường dân sinh cặp chân cầu Khánh Hưng (Bên trái)	Suốt tuyến		1,18
17.51	Đường Mai Thanh Thế	Suốt tuyến		1,10
	Hẻm 1, 12	Suốt hẻm		1,10
	Hẻm 64, 76, 152	Suốt hẻm		1,10
	Hẻm cuối Đường Mai Thanh Thế	Thửa đất số 65, tờ bản đồ số 05	Hết thửa đất số 29, tờ bản đồ số 05 (P9)	1,10
	Hẻm cuối Đường Mai Thanh Thế thông qua Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Mai Thanh Thế	Đường Mạc Đĩnh Chi	1,10
17.52	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Lê Hồng Phong	Đường 30 Tháng 4	1,18
	Hẻm 65, 143, 181	Suốt hẻm		1,18
	Hẻm 83	Suốt hẻm		1,18
17.53	Đường Phan Bội Châu	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	1,16
17.54	Đường Thủ Khoa Huân	Đường Phan Bội Châu	Đường 30 Tháng 4	1,16
17.55	Đường Trần Quang Diệu	Suốt tuyến		1,19
17.56	Đường Nguyễn Văn Thêm	Suốt tuyến		1,10
17.57	Đường Nguyễn Văn Hữu	Suốt tuyến		1,17
17.58	Đường Bùi Viện	Suốt tuyến		1,13
	Hẻm 2	Suốt hẻm		1,13
17.59	Đường Đề Thám	Suốt tuyến		1,08
	Hẻm 6	Suốt hẻm		1,08
17.60	Đường Lê Văn Tám	Suốt tuyến		1,25
	Hẻm 68	Suốt hẻm		1,25
	Hẻm 122	Suốt hẻm		1,25
17.61	Đường Châu Văn Tiếp	Suốt tuyến		1,10
17.62	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Phú Lợi	1,17
		Đường Phú Lợi	Cầu Chữ Y	1,17
	Hẻm 160, 222	Suốt hẻm		1,17
	Hẻm 48, 366, 358, 414, 468	Suốt hẻm		1,17
	Hẻm 44	Đường Nguyễn Văn Linh	Hết thửa số 433, tờ bản đồ số 12	1,17
	Hẻm 175	Đường Nguyễn Văn Linh	Hết thửa đất số 99, tờ bản đồ số 37	1,17

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
17.62	Hẻm 206	Đường Nguyễn Văn Linh	Hẻm 244, Đường Phú Lợi	1,17
	Hẻm 305	Đường Nguyễn Văn Linh	Hết ranh đất Lương Thanh Hải (Thửa 226, tờ bản đồ số 44)	1,17
	Hẻm 367	Suốt hẻm		1,17
	Hẻm 468	Suốt hẻm		1,17
17.63	Đường Dương Kỳ Hiệp	Đường Nguyễn Văn Linh	Kênh 16 mét	1,22
		Kênh 16 mét	Tuyến tránh Quốc lộ 1A	1,22
		Tuyến tránh Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Mỹ Hương	1,22
	Hẻm 197	Suốt hẻm		1,22
	Hẻm 75	Đường Dương Kỳ Hiệp	Hết thửa đất 594, tờ bản đồ số 53	1,22
	Hẻm 189 (P2)	Suốt hẻm		1,22
17.64	Đường Dương Minh Quan	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Văn Ngọc Chính	1,18
	Hẻm 243	Đường Dương Minh Quan	Giáp thửa đất số 52, tờ bản đồ số 16	1,18
	Hẻm 175	Suốt hẻm		1,18
17.65	Đường Văn Ngọc Chính	Đường Lê Hồng Phong (Đầu ranh thửa 75, tờ bản đồ 31)	Đường Vành Đai II	1,13
		Đường Vành Đai II	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	1,13
	Hẻm 10, 26, 120, 69, 91	Suốt hẻm		1,13
	Hẻm 153 (Hẻm 135 cũ)	Suốt hẻm		1,13
	Hẻm 259, 295	Suốt hẻm		1,13
	Hẻm 237	Suốt hẻm		1,13
	Hẻm 279, 312, 420, 384, 434	Suốt hẻm		1,13
	Hẻm 217	Suốt hẻm		1,13
	Hẻm 185	Suốt hẻm		1,13
17.66	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường Lê Hồng Phong	Đường 30 Tháng 4	1,17
	Hẻm 122	Đường Đoàn Thị Điểm	Hết thửa đất số 17, tờ bản đồ số 57	1,17
		Đầu ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 57	Bờ kênh Thủy lợi (Phường Mỹ Xuyên)	1,17
	Hẻm 179	Đường Đoàn Thị Điểm	Hết thửa đất số 146, tờ bản đồ số 37	1,17
	Hẻm 152, 194, 204	Suốt hẻm		1,17
	Hẻm 30, 74	Suốt hẻm		1,17
	Hẻm 157	Suốt hẻm		1,17

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
17.67	Đường Trần Văn Bảy	Đường 30 Tháng 4	Đường Lê Hồng Phong	1,13
	Hẻm 99, 134	Suốt hẻm		1,13
	Hẻm 163	Suốt hẻm		1,13
17.68	Đường Phú Tức	Cống Trắng (Đường Võ Văn Kiệt)	Giáp ranh xã Mỹ Hương	1,25
17.69	Đường Võ Thị Sáu	Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Duẩn	1,13
17.70	Đường Trần Quang Khải	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Sương Nguyệt Anh	1,17
17.71	Đường Sương Nguyệt Anh	Đường Dương Kỳ Hiệp	Giáp ranh phường Sóc Trăng	1,18
		Đoạn còn lại (Lộ nhựa cặp kênh 8 mét - Phường 2 cũ)		1,18
17.72	Đường Triệu Quang Phục (Đường Cổng Trắng)	Đường Võ Văn Kiệt	Lộ nhựa Quân Khu IX	1,25
	Hẻm 12	Suốt hẻm		1,25
17.73	Đường dân sinh trước Bệnh viện Đa khoa Tỉnh song song với Đường Lê Duẩn (Đường Kênh Nhân Lực)	Kênh Cô Bắc	Kênh 3 Tháng 2	1,20
17.74	Đường cặp Kênh 3 Tháng 2 (P9)	Đường Kênh Nhân Lực	Đường Bạch Đằng	1,29
17.75	Đường Lê Đại Hành	Suốt tuyến		1,14
17.76	Đường Phan Văn Chiêu (Đường Kênh Quảng Khuôl cũ)	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường 30 Tháng 4	1,19
17.77	Đường Trần Thủ Độ	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Võ Văn Kiệt	1,20
17.78	Đường Lưu Khánh Đức (Lộ nhựa cặp Quân Khu IX cũ) P2	Suốt tuyến		1,20
17.79	Đường đất 2 bên kênh 16 mét (P2)	Suốt tuyến		1,30
17.80	Các tuyến thuộc dự án LIA 1 (P4)	Suốt tuyến		1,25
17.81	Đường nhánh các cơ quan tư pháp tuyến Đường Võ Nguyên Giáp (P4)	Phía dãy các cơ quan hiện hữu Đường N2 trong quy hoạch phân khu hướng Đông		1,20
17.82	Đường N3	Suốt tuyến		1,09
17.83	Đường D7	Suốt tuyến		1,09
17.84	Đường D2	Suốt tuyến		1,09

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
17.85	Khu tái định cư số 01			
	Đường N2	Suốt tuyến		1,10
	Các tuyến đường còn lại trong Khu tái định cư	Suốt tuyến		1,18
17.86	Lộ đá Khu dân cư Bình An	Suốt tuyến		1,17
17.87	Khu dân cư Hạnh Phúc	Cả khu		1,25
17.88	Khu dân cư của Hẻm 357 (Điểm dân cư Trường Quân Sự tỉnh)	Cả khu		1,29
17.89	Khu dân cư Sáng Quang (Phường 2 cũ)	Cả khu		1,17
17.90	Khu dân cư xung quanh trường Quân sự Quân Khu 9 (Khu dân cư 586)			
	Khu A	Các lô nền A5, A8, A12		1,20
	Khu B	Có mặt tiền giáp Đường Trần Hưng Đạo		1,20
	Đường số 1	Đường Trần Hưng Đạo	Đường số 9	1,20
		Đường số 9	Đường số 7	1,20
	Đường số 2, 3, 4, 5, 6, 6A, 7, 8, 9, 10	Suốt tuyến		1,20
17.91	Dự án Phát triển đô thị và tái định cư khu 5A			
	Đường 14, 20, 22 và 23	Suốt tuyến		1,17
	Đường 9A, 9B	Suốt tuyến		1,17
	Đường số 5, 6, 16	Suốt tuyến		1,17
	Đường số 2, 3, 4, 7, 8, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 17, 18, 19, 21, N24	Suốt tuyến		1,17
	Các đường còn lại trong Khu dân cư	Suốt tuyến		1,17
17.92	Khu nhà ở thương mại Trần Quang Diệu (P2)	Đường số 1		1,17
		Các đường còn lại trong khu nhà ở thương mại Trần Quang Diệu		1,17
17.93	Khu nhà phố Thương mại VinCom ShopHouse Sóc Trăng (P2)	Suốt tuyến		1,13
18	**Phường Sóc Trăng**			
18.1	Đường Lê Lợi	Đường Tôn Đức Thắng	Nút giao thông Tượng Đài Trung Tâm	1,11
	Hẻm 63	Suốt hẻm		1,11

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
18.2	Đường Hùng Vương	Bên phải tuyến hết ranh Hồ Nước Ngọt; Bên trái tuyến giáp Đường Dã Tượng	Đường Trần Quốc Toản	1,11
	Hẻm 28	Đường Hùng Vương	Hẻm 2, Đường Huỳnh Phan Hộ	1,11
	Hẻm 63	Đường Hùng Vương	Rạch Trà Men	1,11
	Hẻm 93	Đường Hùng Vương	Hẻm 63, Đường Hùng Vương	1,11
	Hẻm 3	Đường Hùng Vương	Hẻm 42, Đường Yết Kiêu	1,11
	Hẻm 7	Đường Hùng Vương	Đường Điện Biên Phủ	1,11
	Hẻm 101, 121, 149	Đường Hùng Vương	Rạch Trà Men	1,14
	Hẻm 129	Suốt hẻm		1,14
	Hẻm 135	Suốt hẻm		1,30
	Hẻm 159	Đường Hùng Vương	Rạch Trà Men	1,14
18.3	Đường Lý Thánh Tông	Đường Hùng Vương	Đường Điện Biên Phủ	1,17
		Đường Hùng Vương	Kênh Trường Thọ	1,17
	Hẻm 29 (P6 cũ)	Đường Lý Thánh Tông	Đường Kênh 30 Tháng 4	1,17
18.4	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Lê Lợi	Đường Điện Biên Phủ	1,09
	Hẻm 145 (P6 cũ)	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Hẻm 81, Đường Ngô Gia Tự	1,09
18.5	Tuyến tránh Quốc lộ 1A	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	1,18
		Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Đường Dương Kỳ Hiệp	1,18
18.6	Đường Lê Duẩn	Cầu Lê Duẩn (Sông Maspero)	Đường Phạm Hùng	1,09
18.7	Quốc lộ 1	Giáp ranh xã An Ninh	Giao điểm giữa Tuyến tránh Quốc lộ 1 và Tuyến tránh Quốc lộ 60	1,30
18.8	Đường Võ Văn Kiệt	Giao điểm giữa Tuyến tránh Quốc lộ 1 và Tuyến tránh Quốc lộ 60	Bên trái giáp hẻm 121; Bên phải hết ranh Viện Kiểm sát	1,20
		Bên trái giáp hẻm 121; Bên phải hết ranh Viện Kiểm sát	Bên trái giáp Đường Trần Quốc Toản; Bên phải hết ranh hẻm 298	1,20
		Bên trái giáp Đường Trần Quốc Toản; Bên phải hết ranh hẻm 298	Cầu Kênh Xáng	1,20
	Hẻm 54	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Lê Hoàng Chu	1,20
	Hẻm 367 (P6 cũ)	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Điện Biên Phủ	1,20
	Hẻm 121	Đường Võ Văn Kiệt	Hết ranh thửa đất số 819, tờ bản đồ 103 (16 cũ)	1,20
	Hẻm 170	Đường Võ Văn Kiệt	Cuối hẻm	1,20
	Hẻm 222	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Lê Hoàng Chu	1,20
	Hẻm 238	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 298	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 334	Suốt hẻm		1,20

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
18.9	Đường Nguyễn Trường Tộ	Đường Sóc Vồ	Hết ranh thửa đất số 122, tờ bản đồ 112	1,30
18.10	Đường Điện Biên Phủ	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Yết Kiêu	1,18
		Đường Yết Kiêu	Đường Lý Thánh Tông	1,18
		Đường Lý Thánh Tông	Đường Võ Văn Kiệt	1,18
18.11	Đường Kênh 19 Tháng 5	Đường Tôn Đức Thắng	Kênh Thanh Niên	1,19
		Kênh Thanh Niên	Kênh 30 Tháng 4	1,19
18.12	Đường Kênh 22 Tháng 3	Đường Lương Định Của	Cuối Kênh (Hết thửa 106, tờ bản đồ 49)	1,27
18.13	Đường Kênh Liêu Sên	Đường đá Kênh Cầu Xéo	Kênh 2 Tháng 9	1,19
18.14	Đường Ngô Gia Tự	Ngã ba Đường Dã Tượng	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	1,18
		Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Lê Lai	1,18
	Hẻm 81	Suốt hẻm		1,18
	Hẻm 95	Suốt hẻm		1,18
18.15	Đường Lê Vĩnh Hòa	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Pasteur - Bà Triệu	1,13
	Hẻm 2	Đường Lê Vĩnh Hòa	Hết ranh thửa 107, tờ bản đồ số 155 (30)	1,13
		Giáp ranh thửa 107, tờ bản đồ số 30	Hết ranh thửa số 80, tờ bản đồ số 29	1,13
18.16	Đường Lê Lai	Đường Ngô Gia Tự	Đường Lê Lợi	1,02
18.17	Đường Calmette	Đường Ngô Gia Tự	Đường Nguyễn Chí Thanh	1,10
	Hẻm 33	Từ Calmette	Đường Lai Văn Tửng	1,10
18.18	Đường Yết Kiêu	Đường Điện Biên Phủ	Đường Yết Kiêu	1,07
	Hẻm 42	Đường Yết Kiêu	Hẻm 218, Đường Điện Biên Phủ	1,07
18.19	Đường Dã Tượng	Đường Điện Biên Phủ	Đường Ngô Gia Tự	1,07
18.20	Đường Võ Đình Sâm	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Bà Triệu	1,13
	Hẻm 5	Đường Võ Đình Sâm	Hết thửa đất số 112, tờ bản đồ số 154 (29)	1,13
	Hẻm 9	Đường Võ Đình Sâm	Đường Trần Văn Hòa	1,13
18.21	Đường Đặng Văn Viễn	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Bà Triệu	1,13
18.22	Đường Pasteur	Đường Lê Vĩnh Hòa	Hẻm 196, Đường Tôn Đức Thắng	1,13
	Hẻm 50	Suốt hẻm		1,13
18.23	Đường Nguyễn Chí Thanh	Ranh Hồ Nước Ngọt	Đường Tôn Đức Thắng	1,11
	Hẻm 4	Đường Nguyễn Chí Thanh	Hết thửa đất số 57, tờ bản đồ 28	1,11
	Hẻm 79	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Lai Văn Tửng	1,11

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
18.24	Đường Trần Văn Hòa	Đường Lê Vĩnh Hòa	Đường Võ Đình Sâm	1,13
	Hẻm 36, 74	Đường Trần Văn Hòa	Đường Bà Triệu	1,13
	Hẻm 12	Đường Trần Văn Hòa	Hết thửa đất số 113, tờ bản đồ số 162 (37)	1,13
18.25	Đường Bà Triệu	Đường Lê Vĩnh Hòa	Đường Võ Đình Sâm	1,13
18.26	Đường Sơn Đê	Suốt tuyến		1,18
18.27	Đường Lai Văn Tửng	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Sơn Đê	1,10
	Hẻm 2	Suốt hẻm		1,10
18.28	Đường Dương Kỳ Hiệp	Kênh 16 mét	Tuyến tránh Quốc lộ 1A	1,11
		Tuyến tránh Quốc lộ 1A	Giáp lộ giao thông khu vực 24 phường Sóc Trăng	1,11
18.29	Đường Kênh 30 Tháng 4 (Nhánh phía Đông)	Đường Lý Thánh Tông	Đường Vành Đai I	1,20
		Đường Vành Đai I	Kênh 19 Tháng 5	1,20
18.30	Đường Kênh 30 Tháng 4 (Nhánh phía Tây)	Đường Lý Thánh Tông	Đường Vành Đai I	1,20
		Đường Vành Đai I	Giáp Khu dân cư Minh Châu	1,20
18.31	Đường Sóc Vồ	Giao điểm giữa tuyến tránh Quốc lộ 1 và tuyến tránh Quốc Lộ 60	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	1,20
18.32	Đường Lê Hoàng Chu	Cầu Kênh Xáng (Quốc lộ 1A)	Hẻm 222, Đường Võ Văn Kiệt	1,30
		Hẻm 222, Đường Võ Văn Kiệt	Đường Sóc Vồ	1,30
18.33	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Cầu Đen (Quốc lộ 1A)	Tuyến tránh Quốc lộ 1A	1,22
		Tuyến tránh Quốc lộ 1A	Bia tưởng niệm - Hết thửa đất số 13 tờ bản đồ số 105	1,22
		Bia tưởng niệm - Hết thửa đất số 13 tờ bản đồ số 105	Giáp ranh xã An Ninh	1,22
	Hẻm 91	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Hết ranh thửa đất số 3; Thửa 64 tờ bản đồ 126	1,22
18.34	Đường Lý Đạo Thành	Đường Tôn Đức Thắng	Trung tâm phòng chống bệnh xã hội (cũ)	1,13
	Hẻm 8	Suốt hẻm		1,13
18.35	Đường Huỳnh Phan Hộ	Đường Hùng Vương	Đường Trần Quốc Toản	1,17
	Hẻm 2	Đường Huỳnh Phan Hộ	Kênh 30 Tháng 4	1,17
	Hẻm 36	Đường Huỳnh Phan Hộ	Kênh 30 Tháng 4	1,17
	Hẻm 64, 76, 110, 117	Suốt hẻm		1,17

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
18.36	Đường Trần Quốc Toản	Đường Hùng Vương	Đường Huỳnh Phan Hộ	1,17
	Hẻm 46, 104, 109	Suốt hẻm		1,17
18.37	Lộ giao thông khu vực 24 phường Sóc Trăng	Đường Trương Vĩnh Ký	Đường Dương Kỳ Hiệp	1,20
18.38	Tuyến tránh Quốc lộ 60	Đường Võ Văn Kiệt	Cổng sau Khu Công nghiệp An Nghiệp (Khu Thiết chế Công Đoàn)	1,11
		Cổng sau Khu Công nghiệp An Nghiệp (Khu Thiết chế Công Đoàn)	Giáp ranh xã An Ninh	1,11
		Giáp ranh xã Thuận Hòa	Đường Lương Định Của	1,11
	Hẻm 192	Tuyến tránh Quốc lộ 60	Hết thửa đất số 91 và 350, tờ bản đồ số 94	1,11
	Hẻm 334	Tuyến tránh Quốc lộ 60	Hết thửa đất số 98, tờ bản đồ số 43	1,11
18.39	Đường Trương Vĩnh Ký	Đường Sương Nguyệt Anh	Giáp ranh xã An Ninh	1,20
18.40	Đường Phan Đăng Lưu	Giáp hẻm 91, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa (thửa đất số 22, tờ bản đồ số 126 (40))	Giáp ranh xã An Ninh	1,30
18.41	Đường Nguyễn Văn Khuynh	Đường Phạm Hùng	Cầu Thanh Niên (Giáp Đường Chông Chác)	1,30
18.42	Đường Sóc Mồ Côi	Đường Phạm Hùng	Giáp ranh xã Tân Thạnh	1,19
18.43	Đường Trần Đại Nghĩa	Đường Phạm Hùng	Giáp ranh xã Tân Thạnh	1,19
18.44	Đường Lộ Châu Khánh	Đường Trần Đại Nghĩa	Giáp ranh xã Tân Thạnh	1,29
18.45	Đường Tôn Đức Thắng	Cầu C247	Đường Lê Vĩnh Hòa	1,11
		Đường Lê Vĩnh Hòa	Hẻm Chùa Phước Nghiêm	1,11
		Hẻm Chùa Phước Nghiêm	Đường Vành Đai I	1,11
		Đường Vành Đai I	Đường Vành Đai II	1,11
	Hẻm 87	Suốt hẻm		1,11
	Hẻm 163	Suốt hẻm		1,11
	Hẻm 189	Suốt hẻm		1,11
	Hẻm 196	Suốt hẻm		1,11
	Hẻm 222	Suốt hẻm		1,11
	Hẻm 250	Suốt hẻm		1,11
	Hẻm 278, 322, 352	Suốt hẻm		1,11
	Hẻm 354A	Suốt hẻm		1,11
	Hẻm 283	Suốt hẻm		1,11
	Hẻm 368	Suốt hẻm		1,11
	Hẻm 580	Suốt hẻm		1,11
	Hẻm 49	Suốt hẻm		1,11

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
18.45	Hẻm 55	Đường Tôn Đức Thắng	Hẻm 4, Đường Nguyễn Chí Thanh	1,11
	Hẻm 74	Suốt hẻm		1,11
	Hẻm 146	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Trần Văn Hòa	1,11
	Hẻm 166	Đường Tôn Đức Thắng	Hẻm 2, Đường Lê Vĩnh Hòa	1,11
	Hẻm 178	Đường Tôn Đức Thắng	Hẻm 2, Đường Lê Vĩnh Hòa	1,11
	Hẻm 311, 319, 337, 389, 398, 472, 498	Suốt hẻm		1,11
	Hẻm 382	Suốt hẻm		1,09
	Hẻm 420, 452, 532, 542, 552, 589, 573, 596, 638, 726, 744, 762, 780, 788, 792	Suốt hẻm		1,09
	Hẻm 525, 593, 674, 708, 716, 806, 814	Suốt hẻm		1,09
18.46	Đường Phạm Hùng	Đường Bà Triệu	Đường Vành Đai I	1,09
		Đường Vành Đai I	Đường Vành Đai II	1,09
		Đường Vành Đai II	Cầu Saintard	1,09
	Hẻm 5	Suốt hẻm		1,09
	Hẻm 117	Đường Phạm Hùng	Cuối hẻm	1,09
	Hẻm 54	Suốt hẻm		1,09
	Hẻm 98	Suốt hẻm		1,09
	Hẻm 112	Suốt hẻm		1,09
	Hẻm 126	Suốt hẻm		1,09
	Hẻm 158	Suốt hẻm		1,09
18.47	Đường Cao Thắng	Đường Coluso	Đường Huỳnh Cương	1,25
		Đường Huỳnh Cương	Cụm Công nghiệp Tân Phú	1,25
		Cụm Công nghiệp Tân Phú	Đường Phạm Hùng	1,25
18.48	Đường vào Cảng Sông	Đường Phạm Hùng	Đường Cao Thắng	1,30
18.49	Đường Chông Chác	Đường Nguyễn Văn Khuynh (Cầu Thanh Niên)	Đường Tôn Đức Thắng	1,30
18.50	Đường Lương Định Của	Đường Vành Đai II	Giáp ranh xã Trường Khánh	1,20
	Hẻm 131	Đường Lương Định Của	Giáp thửa đất số 89, tờ bản đồ 44 (4)	1,20
18.51	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Bà Triệu	Đường Coluso	1,20
18.52	Đường Cầu Đen	Thửa đất số 39, tờ bản đồ 156 (31)	Thửa đất số 51, tờ bản đồ 163 (38)	1,29

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
18.53	Đường Kênh Xáng	Thửa 189, 227, tờ bản đồ 163 (38)	Thửa 87, tờ bản đồ 163 (38)	1,25
18.54	Đường Coluso	Đường Phạm Hùng	Đường Phạm Ngọc Thạch	1,25
		Đường Phạm Hùng	Lộ đá cặp kênh Cầu Xéo	1,25
18.55	Đường Huỳnh Cương	Đường Cao Thắng	Cụm Công nghiệp Tân Phú	1,19
		Cụm Công nghiệp Tân Phú	Hết ranh phường Sóc Trăng	1,19
18.56	Lộ đá cặp kênh Cầu Xéo	Hẻm 5 Đường Phạm Hùng	Đường Vành Đai II	1,20
18.57	Đường đê bao Trà Quýt	Giáp ranh phường Phú Lợi	Đường Nguyễn Trường Tộ	1,20
18.58	Lộ nhựa 7 mét	Cầu Maspero	Khán đài đua Ghe Ngo	1,30
18.59	Lộ Kênh Trường Thọ	Kênh 30 Tháng 4	Đường Kênh 19 Tháng 5	1,25
18.60	Khu dân cư Hưng Thịnh	Cả khu		1,25
18.61	Khu dân cư Tuấn Lan (P6 cũ)	Cả khu		1,17
18.62	Khu dân cư Đức Nguyên (Khu dân cư Nguyên Hưng Phát)	Các tuyến Đường nội bộ trong Khu dân cư (Trừ các thửa đất có cạnh tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ)		1,20
		Các thửa đất có cạnh tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ (Đoạn từ Đường Yết Kiêu đến Đường Lý Thánh Tông)		1,20
18.63	Khu dân cư Minh Châu:			
	Đường A1, A2	Suốt tuyến		1,25
	Đường B	Đường Võ Văn Kiệt	Đường A2	1,25
		Đường A2	Đường A1	1,25
		Đường A1	Kênh 30 Tháng 4	1,25
	Đường C1, C2, C3, C4, C5, C6, C7	Suốt tuyến		1,25
	Đường C8, C9, C10, C11	Suốt tuyến		1,25
	Đường D1, D2, D3, D4, D5, D6, D7, D8, D9, D10, D11, D12, D13, D14, D15, D16, D17, D18, D19	Suốt tuyến		1,25
19	**Phường Mỹ Xuyên**			
19.1	Quốc lộ 1A	Ngã ba Trà Tim	Hết ranh Chùa Chén Kiểu (Chùa Sà lôn)	1,11
		Giáp ranh Chùa Chén Kiểu (Chùa Sà Lôn)	Cống Sà Lôn	1,11
		Cống Sà Lôn	Giáp ranh xã Nhu Gia	1,11
19.2	Tuyến tránh Quốc lộ 60	Quốc lộ 1A	Giáp ranh phường Phú Lợi	1,11

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
19.3	Đường tỉnh 934	Đường Đoàn Minh Bảy	Cầu Cái Xe (Kênh Tiếp Nhựt)	1,12
		Cầu Cái Xe (Kênh Tiếp Nhựt)	Giáp ranh xã Tài Văn	1,12
	Hẻm 108 (Nghĩa trang)	Đường tỉnh 934	Kênh Xáng	1,12
	Hẻm 111	Suốt hẻm		1,12
	Hẻm 1 (Thạnh Lợi)	Suốt hẻm (Đường tỉnh 934 đến hết ranh đất ông Tạ Kim Sủng)		1,12
	Hẻm 2 (Chùa Xén Cón)	Đường tỉnh 934	Đường Huỳnh Văn Chính	1,12
19.4	Đường tỉnh 939 (Đại Tâm - Phú Mỹ)	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Mỹ Hương	1,13
19.5	Đường tỉnh 936 (Đại Tâm - Tham Đôn)	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Ngọc Tố	1,13
19.6	Đường huyện 56	Ngã tư Phước Kiện	Giáp ranh xã Ngọc Tố	1,17
19.7	Đường Trần Hưng Đạo (Phường 10 cũ)	Giáp ranh phường Phú Lợi	Nút giao Ngã ba Trà Tim	1,13
19.8	Đường Võ Văn Kiệt	Giáp ranh phường Phú Lợi	Ngã ba Trà Tim	1,20
	Hẻm 962 (Phường Mỹ Xuyên)	Đường Võ Văn Kiệt	Hết tuyến	1,08
19.9	Đường Lê Hồng Phong (Đường tỉnh 934 cũ)	Giáp ranh phường Phú Lợi (Cầu Trắng)	Ngã tư Phước Kiện	1,13
19.10	Đường Văn Ngọc Chính	Giáp ranh phường Phú Lợi (Cầu Tà Lách)	Giáp ranh xã Ngọc Tố	1,13
19.11	Đường An Dương Vương	Nút giao Ngã ba Trà Tim	Ngã tư Phước Kiện	1,13
19.12	Đường Trần Thủ Độ	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Võ Văn Kiệt	1,12
19.13	Đường Trưng Vương 1	Đường Phan Đình Phùng	Đường Hoàng Diệu	1,08
19.14	Đường Trưng Vương 2	Đường Phan Đình Phùng	Đường Hoàng Diệu	1,08
19.15	Đường Lê Lợi	Đường Lê Hồng Phong	Đường Phan Đình Phùng	1,09
	Hẻm 1, Đường Lê Lợi	Suốt hẻm		1,11
	Hẻm 2, Đường Lê Lợi	Suốt hẻm		1,10
19.16	Đường Phan Đình Phùng	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Triệu Nương	1,15
19.17	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Triệu Nương	1,13
19.18	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Hoàng Diệu	Đường Phan Đình Phùng	1,13
19.19	Đường đi Tài Công	Đường tỉnh 934	Giáp ranh xã Tài Văn	1,13
19.20	Đường đê bao Phú Hữu	Đường tỉnh 934	Giáp ranh xã Thạnh Thới An	1,13

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
19.21	Đường Triệu Nương	Ngã tư Phước Kiện	Đường Đoàn Minh Bảy	1,12
19.22	Đường Ngô Quyền	Cầu Bà Thủy	Cống thủy lợi	1,09
19.23	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Hoàng Diệu	Hẻm 2, Đường Lê Lợi	1,13
		Đoạn còn lại		1,13
19.24	Đường Trần Hưng Đạo (Thị trấn Mỹ Xuyên cũ)	Cầu Chà Và	Cống gần nhà Mẹ Việt Nam Anh Hùng Trần Thị Năm	1,22
		Cống gần nhà Mẹ Việt Nam Anh Hùng Trần Thị Năm	Giáp ranh phường Phú Lợi	1,13
19.25	Đường Phan Chu Trinh	Đường Ngô Quyền	Hết ranh Miếu Thành Hoàng (Miếu Ông Hổ)	1,18
		Đoạn còn lại		1,18
19.26	Đường Phan Thanh Giản	Đường Triệu Nương	Hết tuyến	1,18
19.27	Đường Văn Ngọc Tố	Rạch Chà Và	Rạch Bà Thủy	1,10
19.28	Đường Đoàn Minh Bảy	Rạch Chà Và	Rạch Bà Thủy	1,10
19.29	Đường Huỳnh Văn Chính	Đường tỉnh 934 (Dưới chân cầu Ông Điệp)	Đường vào cống Bà Thủy	1,10
		Đoạn còn lại		1,10
19.30	Đường Thầy Cùi	Đường Triệu Nương	Cầu Đình Thần	1,10
19.31	Đường Lê Văn Duyệt	Đường Hoàng Diệu	Hẻm 5, Đường Triệu Nương	1,15
19.32	Đường Hoàng Diệu	Cầu Chà Và	Cầu Bà Thủy	1,10
19.33	Đường Phan Bội Châu	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Lò Heo	1,10
		Đoạn còn lại		1,10
19.34	Đường Bạch Đằng	Đường Lê Hồng Phong	Cống Hitech	1,17
		Cống Hitech	Giáp ranh phường Phú Lợi	1,17
19.35	Đường vào Trường Tiểu học Mỹ Xuyên 2	Suốt tuyến		1,13
19.36	Đường vào Khu dân cư Điện Lực	Đường Lê Hồng Phong	Khu dân cư Điện lực	1,10
19.37	Khu dân cư Sáng Quang (Phường Mỹ Xuyên)	Cả khu		1,12
19.38	Khu dân cư Lê Thìn (Phường Mỹ Xuyên)			
	Đường số 01	Suốt tuyến		1,16
	Các đường còn lại trong Khu dân cư	Suốt tuyến		1,16
19.39	Khu dân cư Điện lực	Cả khu		1,25

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
19.40	Khu dân cư Đại Thành	Cả khu		1,14
19.41	Khu dân cư Hồng Phát			
	Đường D1	Suốt tuyến		1,18
	Đường D2, D3; Đường N5	Suốt tuyến		1,18
	Các tuyến đường nội bộ còn lại	Suốt tuyến		1,18
19.42	Khu dân cư Hòa Mỹ	Cả khu		1,20
20	**Phường Ngã Năm**			
20.1	Quốc lộ 61B	Giáp ranh xã Tân Long	Cầu Đỏ mới	1,13
		Cầu Đỏ mới	Đường 30 Tháng 4	1,13
		Đường 30 Tháng 4	Cầu Trà Ban	1,13
20.2	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường 3 Tháng 2	Đường D4	1,30
		Đường D4	Cầu Thanh Niên (Khu vực 1)	1,30
		Cầu Thanh Niên (Khu vực 1)	Cầu Quản Lộ - Phụng Hiệp (Khu vực 7)	1,30
		Cầu Quản Lộ - Phụng Hiệp (Khu vực 7)	Kênh 90	1,30
		Kênh 90	Cầu ngã ba Chệch Cẩm	1,30
20.3	Đường 3 Tháng 2	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Trần Văn Bảy	1,11
		Đường Trần Văn Bảy	Hết ranh Chùa Phật Mẫu	1,11
		Giáp ranh Chùa Phật Mẫu	Hết ranh đất Cây xăng số 1 (Hoàng Nhung)	1,11
		Giáp ranh đất Cây xăng số 1 (Hoàng Nhung)	Cầu Cống đá	1,11
20.4	Đường Lê Hồng Phong	Đường Mai Thanh Thế	Đường 3 Tháng 2	1,08
20.5	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Mai Thanh Thế	Đường 3 Tháng 2	1,14
20.6	Đường Võ Thị Sáu	Đường Mai Thanh Thế	Đường 3 Tháng 2	1,15
20.7	Đường Trần Văn Bảy	Đường Mai Thanh Thế	Đường 3 Tháng 2	1,15
20.8	Đường Mai Thanh Thế	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Trần Văn Bảy	1,10
		Đường Trần Văn Bảy	Đường Phạm Hùng	1,10
20.9	Đường Hùng Vương	Cầu Ngã Năm mới (Ngang Khu hành chính)	Đường Nguyễn Trãi (Cầu Đỏ cũ)	1,13
		Đường Nguyễn Trãi (Cầu Đỏ cũ)	Cầu Đỏ mới	1,13
		Cầu Đỏ mới	Cầu Bến Long	1,13

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
20.10	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Bến Long	Cầu Tư Bí	1,14
		Cầu Bến Long	Giáp ranh xã Tân Long	1,14
20.11	Đường 30 Tháng 4	Đường 1 Tháng 5	Hết ranh đất ông Năm Miên	1,11
		Giáp ranh đất ông Năm Miên	Quốc lộ 61B	1,11
20.12	Đường 1 Tháng 5	Đường 30 Tháng 4	Rạch Xẻo Cạy	1,13
		Rạch Xẻo Cạy	Cầu Trà Kết	1,13
20.13	Đường Lê Văn Tám	Cầu Chùa Ông Bổn đến Đầu Voi	Hết ranh đất bà Ba Đê	1,13
		Giáp ranh đất bà Ba Đê	Cầu Bào Nhum (Cầu Vú Sữa)	1,13
20.14	Đường Lê Văn Tám (Đoạn mới làm)	Cầu Chùa Ông Bổn	Hết ranh đất Hai Thời	1,23
20.15	Đường Lạc Long Quân	Đường Mậu Thân	Hết ranh cầu Ông Bổn cũ	1,18
		Giáp ranh cầu Ông Bổn cũ	Cầu Đường Trâu (trong)	1,18
20.16	Đường Mậu Thân	Đường Lạc Long Quân	Cầu Treo	1,18
		Cầu Treo	Cầu Đường Trâu (ngoài)	1,18
20.17	Đường Nguyễn Trãi	Đường Hùng Vương (mố cầu Đỏ cũ)	Đường Phạm Văn Đồng (vòng xoay)	1,13
		Đường Phạm Văn Đồng (vòng xoay)	Quốc lộ 61B	1,13
20.18	Đường Lê Hoàng Chu	Cầu ngã ba Chệch Cẩm	Giáp ranh xã Tân Long	1,23
20.19	Đường Huỳnh Thị Tân	Đường Nguyễn Huệ	Đường Phạm Hùng	1,10
		Đường Phạm Hùng	Rạch Cống Đá (Trừ phía Khu tái định cư)	1,10
20.20	Đường Phạm Hùng	Đường Nguyễn Huệ	Đường 3 Tháng 2	1,09
20.21	Đường Nguyễn Huệ	Đường Mai Thanh Thế	Cầu bệnh viện	1,09
		Cầu bệnh viện	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	1,09
20.22	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Hùng Vương	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	1,17
		Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	Quốc lộ 61B	1,17
20.23	Đường Phạm Văn Đồng	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Nguyễn Trãi	1,10
		Đường Nguyễn Trãi	Đường Nguyễn Huệ	1,10
20.24	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	Kênh Cống Đá	Cầu Kênh Phú Lộc - Ngã Năm	1,14
		Cầu Kênh Phú Lộc - Ngã Năm	Kênh Bến Long	1,14
		Kênh Bến Long	Cầu Tư Bí	1,14
		Cầu Tư Bí	Hết ranh đất Trường THCS - Phường 2 cũ	1,14
		Giáp ranh đất Trường THCS - Phường 2 cũ	Cầu kênh Xáng Mỹ Phước	1,14
		Cầu kênh Xáng Mỹ Phước	Giáp ranh xã Long Hưng	1,14

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
20.25	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cống Lý Thanh	Đường Âu Cơ	1,17
		Cống Lý Thanh	Đường vào Trường THCS Long Tân	1,17
		Đường vào Trường THCS Long Tân	Cầu Tư Bí	1,17
20.26	Đường Lý Tự Trọng	Đường Âu Cơ	Kênh 8 Tháng 3	1,08
		Kênh 8 Tháng 3	Kênh Mỹ Lợi	1,08
		Kênh Mỹ Lợi	Cầu Kênh Bình Hưng	1,08
		Cầu Kênh Bình Hưng	Giáp ranh xã Tân Long	1,08
20.27	Đường Âu Cơ	Đường Lý Tự Trọng	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	1,13
20.28	Đường Khu vực Trà Cú	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Giáp ranh Trung tâm Thương Mại - Phường 2 cũ	1,17
20.29	Đường huyện 79B	Cầu Kênh Bình Hưng	Giáp ranh xã Mỹ Phước	1,23
20.30	Đường huyện 77	Cầu Đường Trâu (Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp)	Giáp ranh tỉnh Cà Mau	1,21
20.31	Đường huyện 73	Cầu Vú Sữa	Cầu Sóc Sải	1,29
		Cầu Sóc Sải	Cầu Đường Tắc	1,30
20.32	Đường huyện 72	Cầu ngang UBND xã Vĩnh Quới cũ	Cầu Đường Trâu (trong)	1,30
20.33	Đường Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp	Giáp ranh xã Long Hưng	Đầu ranh đất Cây xăng Trường Thịnh	1,19
		Đầu ranh đất Cây xăng Trường Thịnh	Cầu Treo	1,19
		Cầu Treo	Đường 1 Tháng 5	1,19
20.34	Đường N1 (Cụm công nghiệp khu vực 4)	Suốt tuyến		1,23
20.35	Đường số 4	Đường Nguyễn Trãi	Đường N11 (trường THCS phường Ngã Năm)	1,17
20.36	Đường N11	Đường số 4	Đường D14	1,17
20.37	Đường D14	Đường N11	Quốc lộ 61B	1,17
20.38	Đường D2	Đường 3 Tháng 2	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	1,05
20.39	Đường D3	Đường Phạm Hùng	Đường N1	1,05
20.40	Đường N1	Đường D3	Đường D2	1,05
20.41	Khu dân cư khu vực 3, phường Ngã Năm	Đường N1		1,10
		Đường N2		1,10
		Đường số 22		1,10

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
20.42	Các tuyến đường Trung tâm Phường 1 (cũ)			
	Đường N1	Đường Mai Thanh Thế	Đường D1	1,09
	Đường N2	Đường D4	Đường D1	1,09
	Đường D1	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Trung Trực	1,09
	Đường D2	Đường Nguyễn Huệ	Đường N1	1,09
	Đường D3	Đường N2	Đường Nguyễn Trung Trực	1,09
	Đường D4	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Trung Trực	1,09
20.43	Khu tái định cư phường 1 cũ			
	Đường Huỳnh Thị Tân	Đoạn thuộc phía Khu tái định cư		1,05
	Đường D1	Suốt tuyến trong Khu tái định cư		1,05
	Đường NB1	Suốt tuyến trong Khu tái định cư		1,05
21	**Phường Mỹ Quới**			
21.1	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	Cầu Cống Đá	Cống Tám Xưa	1,15
		Cống Tám Xưa	Cống Hai Cường	1,15
		Cống Hai Cường	Cầu Nàng Rền	1,15
		Cầu Nàng Rền	Giáp ranh tỉnh Cà Mau	1,15
21.2	Đường tỉnh 937B	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	Ngã ba Đường trục phát triển kinh tế Đông Tây	1,16
21.3	Đường trục phát triển kinh tế Đông Tây	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	Cầu Vượt Mỹ Bình	1,09
		Cầu Vượt Mỹ Bình	Giáp ranh xã Vĩnh Lợi	1,09
21.4	Đường nhựa ven Kênh Xáng Phụng Hiệp (Đường huyện 74)	Cầu Cống Đá	Hết ranh đất UBND phường 3 cũ	1,20
		Giáp ranh đất UBND phường 3 cũ	Hết cầu Chợ Vĩnh Biên	1,20
		Cầu Chợ Vĩnh Biên	Giáp ranh tỉnh Cà Mau	1,20
		Khu vực đất quy hoạch chợ Vĩnh Biên		1,20
21.5	Đường huyện 75 (Đường Mỹ Quới - Rộc Lá)	Cầu Mới	Giáp ranh Trường Mầm non Mỹ Quới	1,11
		Giáp ranh Trường Mầm non Mỹ Quới	Cầu 3 Si	1,11
		Cầu 3 Si	Cầu Mỹ Hưng	1,11
		Ngã ba Chợ đầu lộ (Điện máy xanh)	Hết ranh đất ông Phạm Văn Thực	1,11
		Giáp ranh đất ông Phạm Văn Thực	Đầu ranh đất Trường Mầm non Mỹ Bình	1,11
		Trường Mầm non Mỹ Bình	Đường trục phát triển kinh tế Đông Tây	1,11
		Cầu Nàng Rền (Mỹ Bình cũ)	Giáp ranh ấp Mỹ Hòa, xã Tân Long	1,11

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
21.6	Đường huyện 79A	Toàn tuyến (Cầu Mới đến giáp Đường trục phát triển kinh tế Đông Tây)		1,17
21.7	Đường huyện 79C	Cầu Chợ Mỹ Quới	Cầu Lung Sen	1,18
		Cầu Lung Sen	Giáp ranh xã Vĩnh Lợi	1,18
21.8	Đường huyện 76 (Đường tỉnh 937B)	Cầu chợ Mỹ Quới	Hết ranh đất Trường THPT Lê Văn Tám	1,17
		Giáp ranh đất Trường THPT Lê Văn Tám	Giáp ranh xã Vĩnh Lợi	1,17
21.9	Ấp Mỹ Thành	Đầu ranh đất ông Trần Văn Lắm	Cầu Mới	1,17
		Giáp ranh Đường Cống thoát nước (Hết ranh quy hoạch Chợ Mỹ Quới)	Ngã ba nhà ông Phạm Văn Thực	1,17
21.10	Ấp Mỹ Tây A - Mỹ Tường B (Chợ Mỹ Quới giai đoạn 2)	Cầu Mới (Cầu Sắt)	Hết ranh đất Đình Nguyễn Trung Trực	1,18
21.11	Ấp Mỹ Tường B	Giáp ranh đất Đình Nguyễn Trung Trực	Cầu Ông Xi	1,13
21.12	Ấp Mỹ Thọ	Cầu Năm Châu	Hết ranh đất Châu Thị Mỹ	1,17
21.13	Ấp Mỹ Tây A	Cầu Mới	Hết ranh đất ông Dương Huỳnh Long	1,13
		Đất ông Dương Huỳnh Long	Giáp ranh tỉnh Cà Mau	1,13
21.14	Lộ kênh Huỳnh Yến (2 bên)	Cầu Cống Đá cũ	Kênh Trà Chiên	1,20
		Kênh Trà Chiên	Hết tuyến	1,20
21.15	**Các tuyến đường trung Tâm Chợ Mỹ Quới**			
	Tuyến Số 1	Nhà ông Thường	Nhà ông Huệ	1,17
	Tuyến Số 2	Nhà ông Tường	Nhà bà Mai	1,17
	Tuyến Số 3	Nhà Kim Lý	Nhà ông Tân	1,17
	Tuyến Số 4	Nhà ông Khoa	Nhà ông Giang	1,17
	Tuyến Số 5	Từ ranh đất ông Đạt Em	Đường cống thoát nước (Đến hết ranh đất quy hoạch Chợ hướng cặp kênh Thầy Cai Nhâm)	1,17
	Tuyến Số 6	Hết ranh đất ông Đạt Em	Cầu Mới (Hướng về Cầu Mỹ Hưng)	1,17
	Tuyến Số 7	Giáp ranh đất ông Nguyễn Trung Tính	Hết ranh đất ông Trần Văn Lắm	1,17
22	**Phường Khánh Hoà**			
22.1	Đường tỉnh 935	Cầu Mỹ Thanh	Đường Đal Châu Khánh	1,21
		Đường Đal Châu Khánh	Giáp ranh phường Vĩnh Châu	1,21

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
22.2	Đường trục Phát triển kinh tế Đông Tây (Đường tỉnh 937B)	Đường tỉnh 935	Giáp sông Vĩnh Châu	1,25
		Cầu Vĩnh Châu	Giáp sông Cổ Cò	1,25
22.3	Đường tỉnh 936	Cầu Dù Há	Cầu Ngã tư	1,22
		Cầu Ngã tư	Trường THCS Vĩnh Hiệp	1,22
		Trường THCS Vĩnh Hiệp	Giáp sông Cổ Cò (đầu voi)	1,22
22.4	Đường huyện 45	Kênh Dâu	Đường huyện 40 (Đê cấp 1)	1,20
22.5	Đường huyện 46A	Đường tỉnh 936	Giáp rạch Trà Nho	1,08
22.6	Đường huyện 46B	Đường huyện 42	Đường huyện 40 (Đê cấp 1)	1,25
22.7	Đường huyện 40 (Đê cấp 1)	Đường tỉnh 936	Cống Trà Nho	1,25
		Giáp sông Mỹ Thanh	Hết ranh đất đình Hòa Giang	1,25
22.8	Đường huyện 42	Đường tỉnh 936	Giáp Rạch Trà Nho	1,25
22.9	Đường huyện 41	Đường tỉnh 935	Cầu Dù Hiên	1,25
		Cầu Dù Hiên	Ngã ba đường tránh điện gió	1,25
		Ngã ba đường tránh điện gió	Cầu Thanh Niên (Đường huyện 40)	1,25
22.10	Đường vào Trung tâm xã Hòa Đông	Ngã ba từ Chợ Hòa Đông (Đường huyện 41)	Giáp Rạch Trà Niên	1,15
22.11	Đường Đal Trà Teo Thạch Sao	Chùa Phước Trường An (Đường huyện 41)	Đê quốc phòng (Đường huyện 40)	1,17
22.12	Tuyến lộ đal trong khu vực chợ Hòa Đông	Suốt tuyến		1,05
23	**Phường Vĩnh Châu**			
23.1	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Giáp ranh phường Vĩnh Phước	Đường vào Chùa Cà Săng	1,18
		Giáp đường vào Chùa Cà Săng	Giáp ranh xã Vĩnh Hải	1,18
	Hẻm 2	Đường huyện 48	Đường Nam Sông Hậu	1,18
	Hẻm 239	Đường Nam Sông Hậu	Đường huyện 48	1,18
23.2	Đường tỉnh 935	Cầu Giồng Dú	Hết ranh đất Nghĩa trang Triều Châu	1,21
		Giáp ranh đất Nghĩa trang Triều Châu	Giáp ranh phường Khánh Hòa	1,21
23.3	Đê Quốc Phòng (Đường tỉnh 936C)	Giáp ranh xã Vĩnh Hải	Giáp ranh Cống số 10	1,18
		Giáp ranh Cống số 10	Giáp ranh phường Vĩnh Phước	1,18
23.4	Đường huyện 45	Đường Đồng Khởi	Giáp ranh đất Trại giam	1,20
		Giáp ranh đất Trại giam	Giáp ranh phường Khánh Hòa	1,20
23.5	Đường huyện 48 (Giồng Nhãn)	Giáp ranh phường Vĩnh Phước	Giáp ranh đường vào Tịnh Xá Ngọc Châu Như	1,27
		Giáp ranh đường vào Tịnh Xá Ngọc Châu Như	Giáp cổng Chùa Mới (Đường Nam Sông Hậu)	1,27

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
23.6	Đường huyện 43	Đường 30 Tháng 4	Hết ranh cầu Giồng Dú	1,21
		Cầu Giồng Dú	Giáp ranh đất Cây xăng Hữu Còn	1,21
		Ranh đất cây xăng Hữu Còn	Hết ranh đất Chùa Hải Phước An	1,21
		Ranh đất Chùa Hải Phước An	Giáp ranh xã Vĩnh Hải	1,21
23.7	Đường Lý Thường Kiệt	Suốt tuyến		1,15
23.8	Đường Trưng Trắc	Suốt tuyến		1,16
23.9	Đường Trưng Nhị	Suốt tuyến		1,17
23.10	Đường Trần Hưng Đạo	Ngã ba Đường Nam Sông Hậu	Cầu Ngang	1,17
		Cầu Ngang	Hết ranh đất Thiên Hậu Cổ Miếu	1,17
		Ranh đất Thiên Hậu Cổ Miếu	Ngã tư Đường Lê Lai	1,17
		Ngã tư Đường Lê Lai	Ngã tư Đường 30 Tháng 4	1,17
		Ngã tư Đường 30 Tháng 4	Đường Phan Thanh Giản	1,17
		Đường Phan Thanh Giản	Đường Thanh Niên	1,17
23.11	Đường Đề Thám	Suốt tuyến		1,05
23.12	Đường 30 Tháng 4	Đường Nam Sông Hậu	Ngã tư Nguyễn Huệ	1,18
		Ngã tư Nguyễn Huệ	Cầu Vĩnh Châu	1,18
		Cầu Vĩnh Châu	Hết đất Cây xăng Trương Tuấn Dũ	1,18
		Giáp đất Cây xăng Trương Tuấn Dũ	Cầu Giồng Dú	1,18
23.13	Hẻm 102 (Vào nhà trọ Huy Hoàng cũ)	Suốt tuyến		1,16
23.14	Đường 30 Tháng 4 nối dài	Đê Biển	Giáp ranh đất ông Châu Mền Xên (Thửa đất số 14, tờ bản đồ số 42)	1,30
23.15	Đường 1 Tháng 5	Đường 30 Tháng 4	Đường số 6	1,05
23.16	Đường Lê Lợi	Cầu Vĩnh Châu	Đường Lê Lai	1,18
		Cầu Vĩnh Châu	Đường Phan Thanh Giản	1,18
		Ngã ba Đường Phan Thanh Giản	Giáp ranh phường Vĩnh Phước	1,18
23.17	Đường Phan Thanh Giản	Đường Lê Lợi	Đường Nguyễn Huệ	1,17
23.18	Đường Phan Thanh Giản nối dài	Đường Nguyễn Huệ	Đường Châu Văn Đơ	1,16
23.19	Đường Nguyễn Huệ	Đầu ranh đất Thanh Minh Cổ Miếu	Ngã tư Đường 30 Tháng 4	1,16
		Ngã tư Đường 30 Tháng 4	Ngã tư Đường Phan Thanh Giản	1,16
		Ngã tư Đường Phan Thanh Giản	Đường Thanh Niên	1,16
		Đường Thanh Niên	Giáp ranh phường Vĩnh Phước	1,16
	Hẻm 375 (Cặp Trường Dân tộc Nội trú)	Suốt tuyến		1,16

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
23.20	Đường Thanh Niên	Suốt tuyến		1,25
23.21	Đường Đồng Khởi	Đường 30 Tháng 4	Giáp sông Vĩnh Châu	1,18
		Đường 30 Tháng 4	Cống Ông Trầm	1,18
		Cống Ông Trầm	Cầu Vĩnh Châu 2	1,18
23.22	Đường Nguyễn Trãi	Đường Đồng Khởi	Cầu Chợ mới	1,17
		Cầu Vĩnh Châu	Cống Ông Trầm	1,17
23.23	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Suốt tuyến		1,17
	Hẻm 35 (Trong Chợ mới)	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Sông Vĩnh Châu	1,17
23.24	Đường Lê Hồng Phong	Suốt tuyến		1,17
23.25	Đường Lê Hồng Phong nối dài	Đầu ranh đất Chợ cũ	Hết ranh đất Khu Thương mại mới xây dựng	1,17
23.26	Đường Châu Văn Đơ	Đường 30 Tháng 4	Đường Nguyễn Huệ	1,18
	Hẻm 8 (Vào Khu tập thể giáo viên)	Suốt tuyến		1,18
23.27	Đường số 1	Đường số 8	Đường Lê Hồng Phong	1,17
		Đường Lê Hồng Phong	Hết ranh đất Công an	1,17
23.28	Đường số 2	Đường 1 Tháng 5	Giáp ranh đất Khu Thương mại	1,18
		Đường 1 Tháng 5	Đường số 1	1,18
23.29	Đường số 3	Đường Lê Hồng Phong	Đường số 6	1,17
23.30	Đường số 6	Suốt tuyến		1,17
23.31	Đường số 7	Đường số 8	Đường Lê Hồng Phong	1,17
		Đường Lê Hồng Phong	Đường số 2	1,17
23.32	Đường số 8	Suốt tuyến		1,17
23.33	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Trưng Nhị	Đường Lê Lai	1,17
23.34	Đường Lê Lai	Cầu Mậu Thân (Cầu Nước Mắm)	Đường Nam Sông Hậu	1,19
		Đường Nam Sông Hậu	Đường huyện 48	1,19
		Đường huyện 48	Đê Biển	1,19
	Hẻm 70 (Cặp Ngân hàng Chính sách)	Đầu hẻm	Hết đất ông Quảng Thanh Cường	1,16
		Đoạn còn lại		1,16
	Hẻm 85 (Vào nhà ông Lâm Hoàng Viên)	Đầu hẻm	Hết ranh đất bà Lai Thị Xiếu Láo	1,16
		Giáp ranh đất bà Lai Thị Xiếu Láo	Hết ranh đất ông Trần Văn Thêm	1,16
		Đoạn còn lại		1,16
	Hẻm 99 (Vào nhà ông Trạng)	Đầu hẻm	Hết ranh đất ông Tạ Ngọc Trí	1,16
		Giáp ranh đất ông Tạ Ngọc Trí	Hết ranh đất bà Huỳnh Thị Thanh Liễu	1,16

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
23.35	Đường Giồng Giữa (khu 5)	Suốt tuyến		1,15
23.36	Đường Mậu Thân	Suốt tuyến		1,16
23.37	Đường Đinh Tiên Hoàng	Suốt tuyến		1,13
23.38	Đường Tăng Du	Suốt tuyến		1,17
23.39	Lộ Vĩnh Bình - Giồng Me	Suốt tuyến		1,17
23.40	Lộ Đol Chêl	Suốt tuyến		1,15
23.41	Lộ Đol Chát	Suốt tuyến		1,15
23.42	Lộ vô Chùa Cà Săng	Suốt tuyến		1,17
23.43	Đường Ca Lạc Đại Bái	Suốt tuyến		1,17
23.44	Đường vào Chùa Đại Bái	Lộ chùa Đại Bái	Đường Nam Sông Hậu	1,25
23.45	Đường trong Khu tái định cư Hải Ngư	Suốt tuyến		1,22
23.46	Khu tái định cư Lê Lai	Cả khu		1,21
24	**Phường Vĩnh Phước**			
24.1	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Giáp ranh phường Vĩnh Châu	Cống Wáth Pích	1,18
		Cống Wáth Pích	Hết ranh đất trường Tiểu học Vĩnh Phước 2	1,18
		Giáp ranh trường Tiểu học Vĩnh Phước 2	Cống PìPu	1,18
		Cống PìPu	Hết ranh UBND phường Vĩnh Phước	1,18
		Giáp ranh UBND phường Vĩnh Phước	Hết ranh Salatel khóm Sở Tại B	1,18
		Giáp ranh Salatel khóm Sở Tại B	Cống Xã Hạo	1,18
		Cống Xã Hạo	Cống Chùa Tham Chu	1,18
		Cống Chùa Tham Chu	Giáp ranh xã Lai Hòa	1,18
24.2	Đường tỉnh 936	Đường Nam Sông Hậu	Cầu Làng Mới	1,22
		Cầu Làng Mới	Giáp ranh phường Khánh Hòa	1,22
24.3	Đường tỉnh 940	Đường Nam Sông Hậu	Cầu 41	1,18
		Cầu 41	Cầu 47	1,18
		Cầu 47	Giáp ranh xã Hòa Tú	1,18
24.4	Đê Quốc Phòng (Đường tỉnh 936C)	Giáp ranh phường Vĩnh Châu	Giáp ranh xã Lai Hòa	1,18
24.5	Đường huyện 40	Giáp ranh xã Lai Hòa	Giáp ranh phường Khánh Hòa	1,25

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
24.6	Đường huyện 42	Suốt tuyến		1,11
24.7	Đường huyện 47	Đường Nam Sông Hậu	Cầu Chợ	1,20
		Cầu Chợ	Đường huyện 40	1,20
		Đường Nam Sông Hậu	Đường huyện 48	1,20
		Đường huyện 48	Đê Quốc Phòng (Đường tỉnh 936C)	1,20
24.8	Đường huyện 47B	Đường Nam Sông Hậu	Đê Quốc Phòng (Đường tỉnh 936C)	1,17
24.9	Đường huyện 48	Giáp ranh phường Vĩnh Châu	Đường vào Trạm khuyến nông	1,27
		Đường vào Trạm khuyến nông	Hết ranh Miếu Thượng Đế Cổ Miếu	1,27
		Giáp ranh Miếu Thượng Đế Cổ Miếu	Cống Nô Puôl	1,27
		Cống Nô Puôl	Giáp ranh xã Lai Hòa	1,27
24.10	Đường Nguyễn Huệ	Giáp ranh phường Vĩnh Châu	Ngã tư Đường Nam Sông Hậu	1,16
24.11	Hẻm trong chợ Xẻo Me	Suốt tuyến		1,11
24.12	Hẻm cặp Trường DT Nội trú	Suốt tuyến		1,17
24.13	Lộ Phước Tân	Đường huyện 47	Hết tuyến	1,11
24.14	Lộ Tà Lét	Đường Nam Sông Hậu	Đường huyện 48	1,15
24.15	Lộ Vĩnh Thành	Đường Nam Sông Hậu	Sông Vĩnh Thành (Hết tuyến)	1,08
		Đường Nam Sông Hậu	Chợ Vĩnh Thành	1,08
		Đoạn còn lại		1,08
24.16	Đường cống Wáth Pích	Cống Wáth Pích	Đường huyện 48	1,15
25	**Phường Vị Thanh**			
25.1	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu 2 Tháng 9	Cầu Cái Nhúc	1,30
		Cầu Cái Nhúc	Đường Nguyễn Viết Xuân	1,30
		Đường Nguyễn Viết Xuân	Cầu Chủ Chẹt	1,30
		Cầu Chủ Chẹt	Ngã ba Chợ (Đường Nguyễn Trung Trực)	1,30
		Ngã ba Chợ (Đường Nguyễn Trung Trực)	Cầu Rạch Gốc	1,30
25.2	Đường Châu Văn Liêm	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Công Trứ	1,30
25.3	Đường 30 Tháng 4	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Công Trứ	1,30
25.4	Đường Trưng Trắc	Đường 30 Tháng 4	Đường Nguyễn Thái Học	1,30
25.5	Đường Trưng Nhị	Đường 30 Tháng 4	Đường Nguyễn Thái Học	1,30
25.6	Đường Lê Lai	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Đoàn Thị Điểm	1,30
25.7	Đường Lê Lợi	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Đoàn Thị Điểm	1,30

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
25.8	Đường 1 Tháng 5	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Công Trứ	1,30
25.9	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Công Trứ	1,30
		Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Lưu Hữu Phước	1,30
25.10	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường Châu Văn Liêm	Đường Nguyễn Thái Học	1,30
25.11	Đường Nguyễn Công Trứ	Cầu Lữ Quán	Đường Nguyễn Thái Học	1,10
		Đường Nguyễn Thái Học	Cầu Nguyễn Công Trứ	1,10
		Cầu Nguyễn Công Trứ	Đường Lê Quý Đôn	1,10
		Đường Lê Quý Đôn	Đường Hồ Biểu Chánh	1,10
25.12	Đường Nguyễn Việt Hồng	Đường 30 Tháng 4	Đường Nguyễn Thái Học	1,10
25.13	Đường Cô Giang	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trưng Trắc	1,10
25.14	Đường Cô Bắc	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trưng Trắc	1,10
25.15	Đường Cai Thuyết	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trưng Trắc	1,10
25.16	Đường Cai Hoàng	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trưng Trắc	1,10
25.17	Đường Phó Đức Chính	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trưng Trắc	1,10
25.18	Đường Chiêm Thành Tấn	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Công Trứ	1,10
25.19	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Đường Lê Văn Tám	Kênh Quan Đế	1,10
25.20	Đường Lê Văn Tám	Đường 1 Tháng 5	Đường Hải Thượng Lãn Ông	1,10
25.21	Đường Kim Đồng	Đường 1 Tháng 5	Đường Hải Thượng Lãn Ông	1,10
25.22	Đường Trần Quang Diệu	Đường Nguyễn Công Trứ	Hết đường	1,10
25.23	Đường Hồ Xuân Hương	Đường Nguyễn Công Trứ	Hết vòng Hồ Sen	1,10
25.24	Đường Hoàng Hoa Thám	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Chiêm Thành Tấn	1,10
25.25	Đường Phan Bội Châu	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Chiêm Thành Tấn	1,10
25.26	Đường Phan Chu Trinh	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Chiêm Thành Tấn	1,10
25.27	Đường Trần Ngọc Quế	Đường Nguyễn Công Trứ	Cầu Bảy Tuốt	1,10
		Cầu Bảy Tuốt	Cầu Xáng Hậu	1,10
25.28	Đường Trần Quốc Toản	Đường 1 Tháng 5	Đường Châu Văn Liêm	1,10
25.29	Đường Trương Định	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường 30 Tháng 4	1,10
25.30	Đường Lý Tự Trọng	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Văn Trỗi	1,10
25.31	Đường Phạm Hồng Thái	Đường Lê Quý Đôn	Đường Võ Thị Sáu	1,10
25.32	Đường Huỳnh Phan Hộ	Đường Lê Quý Đôn	Đường Võ Thị Sáu	1,10
25.33	Đường Lê Văn Nhung	Đường Lê Quý Đôn	Đường Lý Tự Trọng	1,10
25.34	Đường Trần Hoàng Na	Đường Lê Quý Đôn	Đường Lý Tự Trọng	1,10
25.35	Đường Lê Bình	Đường Lê Quý Đôn	Đường Lý Tự Trọng	1,10

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
25.36	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Cầu Cái Nhúc 2	Đường Lê Quý Đôn	1,11
		Đường Lê Quý Đôn	Cống 1	1,11
25.37	Đường Võ Thị Sáu	Đường Huỳnh Phan Hộ	Đường Nguyễn Văn Trỗi	1,10
25.38	Đường Lê Quý Đôn	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Lê Quý Đôn	1,30
		Cầu Lê Quý Đôn	Đường ô tô về Trung tâm xã Hỏa Lựu	1,30
25.39	Đường Đồ Chiểu	Đường Nguyễn Công Trứ	Kênh Quan Đế	1,10
25.40	Đường Lưu Hữu Phước	Đường Đồ Chiểu	Đường Trần Ngọc Quế	1,10
25.41	Đường Ngô Hữu Hạnh	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Triệu Thị Trinh	1,10
25.42	Đường Nguyễn Trung Trực	Ngã ba chợ	Chùa Ông Bổn	1,10
25.43	Đường Phan Văn Trị	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Trung Trực	1,10
25.44	Đường Bùi Hữu Nghĩa	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Trung Trực	1,10
25.45	Đường Chu Văn An	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Hồ Sen	1,10
25.46	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Hồ Sen	1,10
25.47	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Văn Trỗi	1,10
25.48	Đường Cao Thắng	Đường Trần Hưng Đạo	Hết đường	1,10
25.49	Đường Trần Văn Hoài	Đường vào Khu dân cư khu vực 9	Hết đường	1,10
25.50	Đường Triệu Thị Trinh	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Nguyễn Công Trứ	1,09
25.51	Đường vào Khu dân cư khu vực 9	Đường Cao Thắng	Đường Cống 1	1,10
25.52	Đường Phan Đình Phùng	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường ô tô về trung tâm xã Hỏa Lựu	1,10
25.53	Đường Lương Đình Của	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Trường Tộ	1,30
25.54	Đường Cao Bá Quát	Đường Võ Văn Tần	Đường Võ Văn Kiệt	1,10
25.55	Đường Trần Văn Ơn	Đường Lê Quý Đôn	Đường Phan Đình Phùng	1,30
25.56	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Lê Quý Đôn	Đường Phan Đình Phùng	1,30
25.57	Đường Võ Văn Tần	Đường Lê Quý Đôn	Đường Phan Đình Phùng	1,30
25.58	Đường Nguyễn Trường Tộ	Đường Lê Quý Đôn	Đường Phan Đình Phùng	1,30
25.59	Đường Ngô Gia Tự	Đường Lê Quý Đôn	Hết đường	1,30
25.60	Đường Ngô Thì Nhậm	Đường Lê Quý Đôn	Hết đường	1,30
25.61	Đường Lê Văn Sĩ	Đường Lê Quý Đôn	Hết đường	1,30

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
25.62	Đường Nguyễn Thông	Đường Phan Đình Phùng	Đường Thi Sách	1,30
25.63	Đường Đặng Thùy Trâm	Đường Lê Văn Sĩ	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	1,30
25.64	Đường Phùng Khắc Khoan	Đường Trần Văn Ơn	Đường ô tô về Trung tâm xã Hỏa Lựu	1,30
25.65	Đường Lê Anh Xuân	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Du	1,30
25.66	Đường Nguyễn Hữu Cầu	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Du	1,30
25.67	Đường Nguyễn Văn Siêu	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Du	1,30
25.68	Đường Hồ Biểu Chánh	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Du	1,30
25.69	Đường Thi Sách	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Võ Văn Kiệt	1,30
25.70	Đường Thủ Khoa Huân	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Võ Văn Kiệt	1,30
25.71	Đường Nguyễn Khuyến	Đường Nguyễn Cư Trinh	Đường Võ Văn Kiệt	1,30
25.72	Đường Nguyễn Công Hoan	Đường Nguyễn Du	Đường Đặng Minh Khiêm	1,30
25.73	Đường Nguyễn Du	Đường Lê Quý Đôn	Đường Hồ Biểu Chánh	1,30
25.74	Đường Lương Thế Vinh	Đường Thi Sách	Đường Lê Anh Xuân	1,30
25.75	Đường Trương Vĩnh Ký	Đường Thi Sách	Đường Nguyễn Khuyến	1,30
25.76	Đường Nguyễn Biểu	Đường Thi Sách	Đường Nguyễn Khuyến	1,30
25.77	Đường Nguyễn Cư Trinh	Đường Lê Quý Đôn	Đường Hồ Biểu Chánh	1,30
25.78	Đường Đào Duy Từ	Đường Thi Sách	Hết đường	1,30
25.79	Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	Đường Trương Vĩnh Ký	Đường Nguyễn Biểu	1,30
25.80	Đường vào Cụm Công nghiệp - Tiểu thủ Công nghiệp	Đường Trần Hưng Đạo	Giáp ranh Cụm công nghiệp - Tiểu thủ Công nghiệp	1,30
25.81	Hai tuyến đường vào Khu dân cư - Thương mại phường VII (586)	Đường Trần Hưng Đạo	Giáp ranh Khu dân cư - Thương mại	1,09
25.82	Đường 1 Tháng 5 nối dài	Kênh Quan Đế	Kênh Xáng Hậu	1,11
		Kênh Xáng Hậu	Giáp ranh xã Vĩnh Thuận Đông	1,11
25.83	Đường Nguyễn Viết Xuân	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Nguyễn Viết Xuân	1,29
		Cầu Nguyễn Viết Xuân	Đường ô tô về Trung tâm xã Hỏa Lựu	1,29
25.84	Đường Vị Bình	Kênh Mương lộ Đường 3 Tháng 2	Giáp ranh xã Hỏa Lựu	1,09
25.85	Đường Vị Bình B	Kênh Vị Bình	Kênh ranh xã Vĩnh Thuận Đông	1,07

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
25.86	Đường Kênh Tắc Vị Bình	Cầu Xáng Hậu	Kênh Vị Bình	1,09
25.87	Đường Đồng Khởi	Ranh Cụm Công nghiệp - Tiểu thủ Công nghiệp	Giáp ranh xã Hỏa Lựu	1,12
25.88	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Trần Hưng Đạo	Giáp ranh xã Hỏa Lựu	1,09
25.89	Đường Ung Văn Khiêm	Đường Trần Hưng Đạo	Trung tâm phòng, chống bệnh xã hội	1,10
25.90	Quốc lộ 61C	Giáp ranh xã Vĩnh Thuận Đông	Giáp ranh xã Hỏa Lựu	1,30
25.91	Đường Cống 1	Đường Trần Hưng Đạo	Hết đường	1,10
25.92	Đường ô tô về Trung tâm xã Hỏa Lựu	Cầu Trần Ngọc Quế	Đường Lê Quý Đôn	1,05
		Đường Lê Quý Đôn	Đường Phan Đình Phùng	1,05
		Đường Phan Đình Phùng	Cầu Kênh Công (Cống 1)	1,05
		Cầu Kênh Công (Cống 1)	Đường Đồng Khởi	1,05
25.93	Đường Nguyễn Đắc Thắng	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Trung Trực	1,10
25.94	Đường Tạ Quang Tỷ	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Trung Trực	1,10
25.95	Khu đô thị mới Cát Tường	Đường Nguyễn Công Hoan		1,30
		Các đường còn lại theo quy hoạch chi tiết xây dựng (Gồm: Đường Thi Sách, Đường Hồ Thị Kỷ, Đường Cống Quỳnh, Đường Đặng Minh Khiêm, Đường Đặng Nguyên Cẩn, Đường Đinh Công Tráng, Đường Trần Nguyên Hãn, Đường Bùi Văn Ba, Đường Nguyễn Thị Du)		1,30
25.96	Đường Lê Quý Đôn nối dài	Đường ô tô về Trung tâm xã Hỏa Lựu	Quốc lộ 61C	1,11
25.97	Đường tỉnh 931	Quốc lộ 61C	Giáp ranh xã Vĩnh Thuận Đông	1,10
25.98	Khu dân cư 425 Trần Hưng Đạo	Cả khu (Trừ thửa đất tiếp giáp Đường Trần Hưng Đạo)		1,10
25.99	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Trần Ngọc Quế	Đường 1 Tháng 5 nối dài	1,15
		Đường Phan Đình Phùng	Đường Hồ Thị Kỷ	1,15
25.100	Hẻm 427, Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Triệu Thị Trinh	1,10
25.101	Hẻm 437, 451, 465, 481, 529 thuộc Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Triệu Thị Trinh	1,10
25.102	Hẻm 73, Đường Nguyễn Thái Học	Suốt hẻm		1,13
25.103	Hẻm 1, Đường Lưu Hữu Phước	Suốt hẻm		1,10

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
25.104	Hẻm 19, Đường Chiêm Thành Tấn	Suốt hẻm		1,10
25.105	Đường cặp kênh Hậu Bệnh Viện (Tỉnh Hậu Giang cũ)	Đường 1 Tháng 5	Đường Trần Ngọc Quế	1,11
25.106	Đường cặp Kênh Xáng Hậu	Đường 1 Tháng 5	Đường Trần Ngọc Quế	1,11
25.107	Đường cặp Kênh Trung Đoàn	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường ô tô về Trung tâm xã Hỏa Lựu	1,11
25.108	Đường Phan Huy Chú	Đường Mạc Đĩnh Chi	Kênh thủy lợi	1,10
25.109	Đường Trần Quý Cáp	Đường Mạc Đĩnh Chi	Kênh thủy lợi	1,10
25.110	Khu đô thị mới Cát Tường II	Các đường còn lại theo quy hoạch chi tiết xây dựng (gồm: Đường số 4, 5, 6, 7, 8)		1,10
		Đường số 1		1,10
		Các lô (nền) tái định cư		1,10
25.111	Hẻm 147 (3,5 mét)	Đường Trần Ngọc Quế	Kênh phân lô	1,13
25.112	Hai bên tuyến đường bê tông (4 mét; Kênh phân lô)	Kênh Hậu Bệnh Viện	Đường Võ Văn Kiệt	1,07
25.113	Hai bên tuyến đường bê tông (4 mét; Kênh phân lô)	Đường Võ Văn Kiệt	Đường cặp Kênh Xáng Hậu	1,07
26	**Phường Vị Tân**			
26.1	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu 2 Tháng 9	Đường Ngô Quốc Trị	1,30
		Đường Ngô Quốc Trị	Cầu Xà No	1,30
		Cầu Xà No	Cầu Ba Liên	1,30
26.2	Đại lộ Võ Nguyên Giáp	Giáp ranh xã Vị Thủy	Cầu Tràm Cửa	1,15
		Cầu Tràm Cửa	Cầu Mương lộ 62	1,15
26.3	Đường Lê Hồng Phong	Đường 3 Tháng 2	Cầu 30 Tháng 4	1,15
		Cầu 30 Tháng 4	Đường Nguyễn Trãi	1,15
		Đường Nguyễn Trãi	Hẻm 141	1,15
		Hẻm 141	Đường 19 Tháng 8	1,15
		Đường 19 Tháng 8	Giáp ranh tỉnh An Giang	1,15
26.4	Đường Nguyễn Huệ	Kênh Mương Lộ 62	Cầu Xà No	1,18
		Cầu Xà No	Giáp ranh xã Vị Thanh 1	1,18
		Kênh 59	Kênh Tắc Huyện Phương	1,18
		Kênh Tắc Huyện Phương	Cầu Bà Quyền	1,18
		Cầu Bà Quyền	Sông Ba Voi	1,18

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
26.5	Đường 3 Tháng 2	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Ngô Quốc Trị	1,15
		Đường Ngô Quốc Trị	Cầu Miếu	1,15
		Cầu Miếu	Giáp ranh xã Vị Thủy	1,15
		Cầu 2 Tháng 9	Cầu Xà No	1,15
		Đường Ngô Quốc Trị	Cầu Xà No	1,15
		Cầu Xà No	Cầu Ba Liên	1,15
26.6	Đường Võ Văn Kiệt	Đường 3 Tháng 2	Kênh Ba Liên	1,15
26.7	Đường Hùng Vương	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Võ Văn Kiệt	1,15
		Đường Võ Văn Kiệt	Giáp ranh xã Vị Thủy	1,15
26.8	Khu dân cư Phát triển Đô thị Khu vực 2 và 3 phường V	Các đường nội bộ (Trừ các vị trí tiếp giáp Đường Võ Văn Kiệt và Đại lộ Võ Nguyên Giáp)		1,16
26.9	Khu đô thị Cát Tường Western Pearl 2	Đường D6 lộ giới 27 mét (6 - 15 - 6) và Đường D13 lộ giới 35 mét (6 - 23 - 6) đấu nối vào Đường Võ Văn Kiệt		1,15
		Đường D9, D10 có lộ giới 27 mét (6 - 15 - 6); Đường N9 có lộ giới 29 mét (7 - 15 - 7); Đường D21 có lộ giới 26 mét (5 - 16 - 5)		1,15
		Đường D9, D10 có lộ giới 22 mét (6 - 10 - 6)		1,15
		Đường N4A, N4B lộ giới 20,5 mét (5 - 10,5 - 5)		1,15
		Đường D8, D11, N1A, N1B lộ giới 17 mét (4 - 7 - 6; 5 - 7 - 5)		1,15
		Các tuyến đường còn lại có lộ giới từ 12 mét đến 15 mét		1,15
26.10	Khu đô thị Cát Tường Western Pearl	Cả khu (Trừ thửa đất tiếp giáp Đường Hòa Bình nối dài và Đường Trần Hưng Đạo)		1,14
26.11	Khu nhà ở xã hội thấp tầng liền kề tại Phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang	Đường số 1, 2, 3		1,14
26.12	Khu dân cư Thương mại Vị Thanh	Đối với phần đất được giao theo Phân kỳ 1 của dự án (Trừ thửa đất tiếp giáp Đại lộ Võ Nguyên Giáp)		1,14
		Đối với phần đất được giao theo Phân kỳ 2 của dự án (Trừ thửa đất tiếp giáp Đại lộ Võ Nguyên Giáp)		1,14
26.13	Khu tái định cư thành phố Vị Thanh - giai đoạn 1	Đường số 4 (Lộ giới 24 mét)		1,15
		Các đường còn lại theo quy hoạch chi tiết xây dựng (Gồm: Đường số 3 (lộ giới 17 mét) và các Tuyến đường 1, 13 (Lộ giới 15 mét))		1,15
26.14	Khu tái định cư Tỉnh ủy - Giai đoạn 3	Đường D12, lộ giới 24 mét		1,15
		Các đường còn lại theo quy hoạch chi tiết xây dựng (Gồm: Đường số 1, 2, 4)		1,15

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
26.15	Đường Âu Cơ	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Nguyễn Thành Đô	1,15
26.16	Đường Nguyễn Thành Đô	Đường An Dương Vương	Đường Hùng Vương	1,15
26.17	Đường Lý Nam Đế	Đường Triệu Quang Phục	Đường Âu Cơ	1,15
26.18	Đường Tô Vĩnh Diện	Đường Triệu Quang Phục	Đường Âu Cơ	1,15
26.19	Đường Lạc Long Quân	Đường Hùng Vương	Đường D11 (Hết ranh Khu tái định cư giai đoạn 2)	1,15
26.20	Đường An Dương Vương	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Võ Văn Kiệt	1,15
26.21	Đường Triệu Quang Phục	Đường Lạc Long Quân	Đường Nguyễn Thành Đô	1,15
26.22	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Trần Thủ Độ	Đường Hùng Vương	1,15
26.23	Đường Bế Văn Đàn	Đường Âu Cơ	Đường Trần Quang Khải	1,15
26.24	Đường Hoàng Văn Thụ	Đường Trần Thủ Độ	Đường Hùng Vương	1,15
26.25	Đường Trần Thủ Độ	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Võ Văn Kiệt	1,15
26.26	Đường Trần Quang Khải	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Hoàng Văn Thụ	1,15
26.27	Đường Phạm Văn Nhờ	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Hoàng Văn Thụ	1,15
26.28	Đường Nguyễn Văn Quang	Đường Phạm Văn Nhờ	Đường Nguyễn Kim	1,15
26.29	Đường Nguyễn Kim	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Hoàng Văn Thụ	1,15
26.30	Đường Phan Đình Giót	Đường Lê Đại Hành	Đường Trần Thủ Độ	1,15
26.31	Đường Mạc Cửu	Đường Lê Đại Hành	Đường Trần Thủ Độ	1,15
26.32	Đường Trần Đại Nghĩa	Đường Trần Thủ Độ	Đường Hùng Vương	1,15
26.33	Đường Trần Bình Trọng	Đường Lê Đại Hành	Đường Trần Thủ Độ	1,15
26.34	Đường Trần Khánh Dư	Đường Lê Đại Hành	Đường D11 (Hết ranh Khu tái định cư giai đoạn 2)	1,15
26.35	Đường Lê Đại Hành	Đường Hoàng Văn Thụ	Đường Võ Văn Kiệt	1,15
26.36	Đường Nguyễn Ngọc Trai	Đường Lạc Long Quân	Đường Trần Khánh Dư	1,15
26.37	Đường Hoàng Diệu	Đường Nguyễn Hữu Trí	Đường Nguyễn Ngọc Trai	1,15
26.38	Đường Nguyễn Thị Sáu	Đường Hoàng Diệu	Đường Nguyễn Văn Tạo	1,15
26.39	Đường Nguyễn Văn Tạo	Đường Nguyễn Hữu Trí	Đường Nguyễn Ngọc Trai	1,15
26.40	Đường Đoàn Văn Chia	Đường Lạc Long Quân	Đường Võ Văn Kiệt	1,15
26.41	Đường Nguyễn Hữu Trí	Đường Lạc Long Quân	Đường Trần Khánh Dư	1,15
26.42	Đường Điện Biên Phủ	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Võ Văn Kiệt	1,14
26.43	Đường Hòa Bình	Đại lộ Võ Nguyên Giáp	Đường Điện Biên Phủ	1,14

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
26.44	Đường Hòa Bình nối dài	Đại lộ Võ Nguyên Giáp	Hết ranh dự án Khu đô thị Cát Tường Western Pearl	1,15
26.45	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Hòa Bình	Đường Võ Văn Kiệt	1,14
26.46	Đường Thống Nhất	Đường Hòa Bình	Đường Võ Văn Kiệt	1,14
26.47	Đường Ngô Quyền	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Võ Văn Kiệt	1,14
26.48	Đường Ngô Quốc Trị	Đường Trần Hưng Đạo	Đường 3 Tháng 2	1,10
26.49	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Ngô Quyền	Đường Điện Biên Phủ	1,14
26.50	Đường Nguyễn An Ninh	Đại lộ Võ Nguyên Giáp	Cầu Nguyễn An Ninh	1,16
26.51	Đường Nguyễn Trãi	Đường Lê Hồng Phong	Cầu Đen	1,15
		Cầu Đen	Kênh Tắc Huyện Phương	1,15
26.52	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Nguyễn Trãi	Đường Nguyễn Huệ	1,14
26.53	Đường Nguyễn Văn Quy	Đường Nguyễn Trãi	Đường Lê Hồng Phong	1,15
26.54	Đường 19 Tháng 8	Đường Lê Hồng Phong	Kênh 59	1,15
		Kênh 59	Cầu Sông Lá	1,15
		Cầu Sông Lá	Đường Chiến Thắng	1,15
26.55	Đường dự mở (Chợ Phường IV cũ)	Đường Nguyễn Văn Quy	Đường Lê Tấn Quốc	1,16
26.56	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Kênh Mương lộ 62	Cầu Mò Om	1,14
		Cầu Mò Om	Đại lộ Võ Nguyên Giáp	1,14
		Đại lộ Võ Nguyên Giáp	Đường Lê Hồng Phong	1,14
26.57	Đường Lê Thị Hồng Gấm	Kênh Mương Lộ 62	Đường Nguyễn Huệ nối dài	1,16
26.58	Đường Nội vi Trường phụ nữ	Các đường nội bộ theo quy hoạch chi tiết xây dựng		1,17
26.59	Đường Vị Nghĩa	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Kênh Mương lộ 62	1,14
26.60	Đường Nguyên Hồng	Đường Trừ Văn Thố	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	1,15
26.61	Đường Nguyễn Thi	Đường Nguyễn Sơn	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	1,15
26.62	Đường Nguyễn Sơn	Đường Nguyên Hồng	Đường Lê Hiền Tài	1,15
26.63	Đường Phạm Xuân Ẩn	Đường Nguyễn An Ninh	Đường Lê Hiền Tài	1,15
26.64	Đường Nguyễn Lữ	Đường Ngô Tất Tố	Đường Phạm Xuân Ẩn	1,15
26.65	Đường Ngô Tất Tố	Đường Nguyễn An Ninh	Đường Lê Hiền Tài	1,15

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
26.66	Đường Chu Cẩm Phong	Đường Nguyễn An Ninh	Đường Lê Hiền Tài	1,15
26.67	Đường Nguyễn Nhạc	Đường Trừ Văn Thố	Đường Chu Cẩm Phong	1,15
26.68	Đường Trừ Văn Thố	Đường Nguyễn An Ninh	Đường Lê Hiền Tài	1,15
26.69	Đường Lê Hiền Tài	Đại lộ Võ Nguyên Giáp	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	1,15
26.70	Đường Bùi Thị Cúc	Kênh 59	Kênh Ba Quảng	1,14
26.71	Đường Kênh Lộ 1 (phường IV cũ)	Kênh 59	Kênh Ba Quảng	1,14
26.72	Đường Lê Tấn Quốc	Đường Nguyễn Trãi	Đường Nguyễn Văn Nết	1,15
26.73	Đường Nguyễn Văn Nết	Đường Nguyễn Văn Quy	Đường Lê Tấn Quốc	1,15
26.74	Đường Chiến Thắng	Khu căn cứ Thị xã ủy	Đường Nguyễn Huệ	1,12
26.75	Đường Lung Nia - Vị Tân	Đường Lê Hồng Phong	Kênh 59	1,11
26.76	Khu dân cư Kho bạc Hậu Giang	Đường nội bộ (Mặt đường 5,5 mét)		1,16
26.77	Đường Kênh Tắc Huyện Phương	Đường Nguyễn Huệ	Đường 19 Tháng 8	1,11
26.78	Đường Nàng Chăng	Đường Kênh Tắc Huyện Phương	Kênh KH9	1,11
26.79	Đường kênh Mương Lộ 62 (4 mét)	Đại lộ Võ Nguyên Giáp	Rạch Tràm Cửa	1,15
		Cầu Nguyễn An Ninh	Rạch Mò Om	1,15
26.80	Hạng mục: LIA 3 của dự án Mở rộng, nâng cấp đô thị Việt Nam - Tiểu dự án thành phố Vị Thanh	Các hẻm còn lại thuộc địa bàn phường IV (cũ)		1,14
26.81	Hẻm 76, Đường Nguyễn Trãi	Đường Nguyễn Trãi	Kênh Tắc Huyện Phương	1,15
26.82	Đường giao thông nông thôn (từ 3,5 mét trở lên)	Các khu vực trên địa bàn phường Vị Tân		1,11
27	**Phường Long Bình**			
27.1	Đường Nguyễn Huệ	Cầu Phú Xuyên	Đường Phạm Văn Nhờ	1,20
		Đường Phạm Văn Nhờ	Đường dự mở theo quy hoạch	1,20
27.2	Quốc lộ 61B	Ngã ba Vĩnh Tường	Cầu Long Bình	1,20
		Cầu Long Bình	Vòng xuyến	1,20
		Vòng xuyến	Cầu Long Mỹ	1,20
27.3	Đường tỉnh 927B	Ngã ba Vĩnh Tường	Đường tỉnh 927	1,19

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
27.4	Khu tái định cư khu vực Bình Thạnh B	Vòng xuyến	Ranh Khu dân cư thị xã Long Mỹ	1,20
		Các đường nội bộ khu vực đấu giá		1,20
		Các đường nội bộ còn lại		1,20
27.5	Đường vào Cầu Vịnh Rẫy	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Long Mỹ	1,20
		Cầu Long Mỹ	Cầu Vịnh Rẫy	1,20
27.6	Đường Trần Hưng Đạo	Vòng xuyến	Cầu Ba Ly	1,20
27.7	Đường Phạm Văn Nhờ	Đường Trần Hưng Đạo	Đập Bờ Dừa	1,20
		Đập Bờ Dừa	Cầu Nước Đục	1,20
27.8	Đường Khu vực Bình Thạnh B về Khu vực Bình An	Cầu Nước Đục	Khu vực Bình An	1,23
27.9	Đường Khu vực Bình Thạnh B	Cầu Ba Ly	Đường Phạm Văn Nhờ	1,20
27.10	Quốc lộ 61	Giáp ranh xã Vị Thủy	Kênh Sáu Điển	1,21
		Kênh Sáu Điển	Giáp ranh xã Hòa An (Cầu Xẻo Trâm)	1,21
27.11	Tuyến cặp Kênh Xáng Nàng Mau II ngang qua Cầu lộ Ba Suy đến Cầu Út Tiếu	Cầu Giồng Sao	Cầu Út Tiếu	1,20
27.12	Đường nối vào Trường Mẫu giáo Phượng Hồng	Quốc lộ 61	Rạch Giồng Sao	1,13
27.13	Tuyến Rạch Giồng Sao đến Cầu Nốc Mít	Cầu Giồng Sao	Cầu Nốc Mít	1,17
27.14	Tuyến cặp Kênh Xáng Nàng Mau II	Khu vực Bình Thạnh B	Cầu Ba Suy	1,20
27.15	Tuyến Kênh Tắc	Quốc lộ 61	Kênh Ông Cả	1,20
27.16	Tuyến Kênh Xáng Lái Hiếu	Cầu Vịnh Rẫy	Kênh Tắc	1,07
27.17	Tuyến cặp sông Cái Lớn	Cầu Vịnh Rẫy	Bến đò Chín Mun	1,22
27.18	Tuyến Lý Vàng	Quốc lộ 61B	Sông Cái Lớn	1,22
27.19	Tuyến Cựa Gà (Khu vực Bình An)	Quốc lộ 61B	Kênh Xáng Nàng Mau II	1,18
27.20	Tuyến Cựa Gà (Khu vực An Hòa)	Quốc lộ 61B	Kênh Xáng Nàng Mau II	1,20
27.21	Chợ Vĩnh Tường	Cả khu (Trừ thửa đất tiếp giáp Quốc lộ 61B)		1,18

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
27.22	Chợ Bình Tân	Các đường nội bộ theo quy hoạch chi tiết xây dựng		1,19
27.23	Chợ Bình Hiếu	Các đường nội bộ theo quy hoạch chi tiết xây dựng		1,24
27.24	Tuyến 4 Thước	Cầu Giồng Sao	Kênh Xáng Lái Hiếu	1,20
27.25	Khu tái định cư thị xã Long Mỹ	Đường số 1, 2, 3 theo quy hoạch xây dựng		1,19
		Đường số 4, 5, 6, 7 theo quy hoạch xây dựng		1,19
27.26	Đường về Trung tâm xã Long Bình	Giáp ranh xã Hòa An (Cầu Xẻo Trâm)	Cầu Vàm Xáng	1,20
27.27	Đường giao thông nông thôn về xã Long Bình	Quẹo Bào Muồng	Cầu Vàm Xáng	1,20
27.28	Tuyến cặp Kênh Ông Cả	Quốc lộ 61B	Sông Cái Lớn	1,20
27.29	Tuyến cặp Kênh Hồ Tỷ	Kênh Tắc	Quốc lộ 61B	1,20
27.30	Tuyến Chủ Mỹ	Sông Cái Lớn	Kênh Xáng Lái Hiếu	1,20
28	**Phường Long Mỹ**			
28.1	Đường 30 Tháng 4	Quốc lộ 61B	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1,20
		Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Nguyễn Huệ	1,20
		Đường Nguyễn Huệ	Đường tỉnh 930	1,20
28.2	Quốc lộ 61B	Đoạn tránh Trung tâm phường Long Mỹ		1,20
		Vòng xoay Quốc lộ 61B	Cống Năm Khai	1,20
		Cống Năm Khai	Cầu Hậu Giang 3	1,20
28.3	Đường Nguyễn Việt Hồng	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường 30 Tháng 4	1,19
		Đường 30 Tháng 4	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1,19
28.4	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Hai Bà Trưng	Đường tỉnh 930	1,20
		Đường tỉnh 930	Nhà thờ Thánh Tâm	1,20
		Nhà thờ Thánh Tâm	Cống Hai Thiên	1,20
28.5	Đường Hai Bà Trưng	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1,19
28.6	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1,20
28.7	Đường Võ Thị Sáu	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1,20
28.8	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường 3 Tháng 2	Đường Trần Phú	1,20
		Đường Chiêm Thành Tấn	Đường tỉnh 930	1,20
		Đường tỉnh 930	Sông Cái Lớn	1,20
28.9	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Chiêm Thành Tấn	1,20

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
28.10	Đường 3 Tháng 2	Cầu Trà Ban	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1,20
		Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cầu Long Mỹ	1,20
		Cầu Long Mỹ	Kênh Ba Nghiệp	1,20
28.11	Đường Nguyễn Huệ	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cầu Phú Xuyên	1,20
28.12	Đường Trần Phú	Cầu Trà Ban 1	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1,20
		Đường Cách Mạng Tháng Tám	Vòng xoay Quốc lộ 61B	1,20
28.13	Đường tỉnh 930	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1,20
		Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cầu Trạm Bơm	1,20
		Cầu Trạm Bơm	Cầu Trắng	1,20
28.14	Lộ vòng cung khu vực 1	Bến đò sông Cái Lớn	Nhà máy điện sinh khối	1,19
		Nhà máy điện sinh khối	Cầu Trắng	1,19
28.15	Đường Chiêm Thành Tấn	Cầu Trà Ban	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1,20
		Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường vào Chùa Ba Cô	1,20
		Đường vào Chùa Ba Cô	Am Cô Năm	1,20
		Am Cô Năm	Cầu Quan Ba	1,20
28.16	Đường Nguyễn Quốc Thanh	Đường 3 Tháng 2	Đường 30 Tháng 4	1,20
		Đường 30 Tháng 4	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1,20
28.17	Khu dân cư khu vực 2, phường Thuận An	Các nền mặt tiền Đường Cách Mạng Tháng Tám		1,20
		Các nền vị trí còn lại		1,20
28.18	Tuyến đường song song đường tỉnh 930	Đường Nguyễn Việt Hồng	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1,20
		Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cầu Trạm Bơm	1,20
		Cầu Trạm Bơm	Cầu Trắng	1,20
28.19	Dự án nhà ở cho người có thu nhập thấp tại khu vực 1, phường Long Mỹ	Cả khu (Trừ thửa đất tiếp giáp Đường Cách Mạng Tháng Tám)		1,20
28.20	Tuyến đường bê tông giáp Kênh Năm Tùng thuộc khu vực 1	Cầu Trạm bơm	Kênh ranh khu vực 1 - 3	1,11
28.21	Tuyến đường bê tông giáp hàng rào Nhà máy điện sinh khối thuộc khu vực 1	Đường tỉnh 930	Sông Cái Lớn	1,11

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
28.22	Tuyến đường bê tông giáp Rạch Cái Bần thuộc khu vực 1	Đường tỉnh 930	Ngã tư (Đất ông Trần Ngọc Anh)	1,11
28.23	Tuyến đường bê tông giáp Kênh Hậu thuộc khu vực 4	Đoạn tránh Trung tâm phường Long Mỹ	Kênh Năm Khai	1,10
		Kênh Năm Khai	Kênh Hậu Giang 3	1,10
28.24	Đường ô tô về Chợ Cái Nai	Kênh Ba Nghiệp	Cầu Cái Nai	1,20
28.25	Đường Lộ Tổng	Chợ Cái Nai	Cầu Lộ Tổng	1,13
28.26	Chợ Cái Nai	Các đường nội bộ theo quy hoạch chi tiết xây dựng		1,20
28.27	Đường Chùa Hưng Trị Tự	Cầu Cái Nai	Cầu Năm Tiển	1,14
28.28	Đường Cái Bần A	Cầu Cái Bần	Cầu Ngọn Đường Cày	1,14
28.29	Đường Cái Bần B	Cầu Cái Bần	Cầu Tư Hoe	1,14
28.30	Đường Sáu Hạnh	Đường Lộ Tổng	Đường cặp sông Cái Lớn	1,08
28.31	Đường Xẻo Xu A	Đường cặp sông Cái Lớn	Cầu Hậu Giang 3	1,22
28.32	Đường cặp sông Cái Lớn	Chợ Cái Nai	Cầu Lộ Tổng	1,13
		Cầu Lộ Tổng	Giáp ranh xã Phương Bình	1,13
29	**Phường Long Phú 1**			
29.1	Đường tỉnh 928B (Hiện hữu)	Quốc lộ 61B	Cầu Hào Bửu	1,20
		Cầu Hào Bửu	Cầu Tám Cựa	1,20
		Cầu Tám Cựa	Cầu Ván	1,20
		Ngã tư Long Khánh	Cầu Xẻo Xu (Giáp ranh xã Phương Bình)	1,20
		Đường tỉnh 928B	Ngã tư Long Khánh	1,20
29.2	Tuyến giáp Trung tâm phường Trà Lồng (cũ)	Kênh Nhà Thờ (Bưu Điện)	Kênh Tư Kiến (Cặp Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp)	1,20
		Kênh Tư Kiến	Giáp ranh xã Phương Phú (Cặp Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp)	1,20
		Kênh Tư Tiên	Giáp ranh phường Ngã Năm	1,20
		Cầu Tám Cựa	Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp	1,20
		Cầu Xẻo Xu	Cầu Ba Giáp	1,20
		Cầu Xẻo Xu	Cầu Tư Kiến	1,20
29.3	Chợ phường Trà Lồng	Chợ phường Trà Lồng theo quy hoạch chi tiết xây dựng		1,21
29.4	Đường Giữa	Kênh Tư Tiên	Ngã tư Đường về Trụ sở UBND phường Trà Lồng (cũ)	1,20

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
29.5	Đường Đê Năm Thước	Cầu Tám Cựa (Đường tỉnh lộ 928B)	Quốc lộ 61B	1,30
29.6	Quốc lộ 61B	Kênh Hậu Giang 3	Cảng Trà Ban	1,20
29.7	Các Chợ thuộc địa bàn xã Long Phú	Chợ Tân Bình 1 theo quy hoạch chi tiết xây dựng		1,19
		Chợ Long Hòa 1 theo quy hoạch chi tiết xây dựng		1,19
29.8	Đường ô tô về Trung tâm xã Tân Phú	Quốc lộ 61B	Kênh Thầy Phó	1,20
29.9	Tuyến Hào Bửu	Đường tỉnh 928B	Kênh Trà Cú	1,18
29.10	Tuyến Hào Hậu	Đường tỉnh 928B	Đường ô tô về xã Tân Phú (cũ)	1,20
29.11	Đường Xẻo Cỏ - Xẻo Su - Long Trị (Địa bàn phường Long Phú 1)	Ngã tư Xẻo Cỏ	Kênh Hậu Giang 3 (Giáp ranh phường Long Mỹ)	1,22
29.12	Tuyến Ngã năm Trụ đá	Ngã năm Trụ đá	Cầu Ba Giáp	1,30
29.13	Tuyến Kênh Trâm Bầu	Đường tỉnh 928B	Đường ô tô về xã Tân Phú (cũ)	1,30
29.14	Tuyến lộ phụ 928B	Cầu Tám Minh	Cầu Hào Bửu	1,30
29.15	Tuyến Kênh Ngang	Đường tỉnh 928B	Đường ô tô về xã Tân Phú (cũ)	1,30
29.16	Tuyến Kênh Mướp B	Ngả tư Xẻo Cỏ	Cầu Tám Giử	1,30
30	**Phường Đại Thành**			
30.1	Đường tỉnh 927C	Đường 3 Tháng 2	Kênh Ba Ngàn	1,20
		Kênh Ba Ngàn	Kênh Mái Dầm	1,19
		Kênh Mái Dầm	Kênh Đứng	1,19
		Kênh Đứng	Giáp ranh xã Phú Hữu	1,19
30.2	Đường 3 Tháng 2	Đường Hùng Vương	Cầu Kênh Mang Cá	1,20
30.3	Đường Trương Nguyệt Thu	Đường 3 Tháng 2	Đường Nguyễn Minh Quang	1,20
30.4	Đường Hùng Vương	Đường 3 Tháng 2	Đường Trần Văn Sơn	1,19
		Đường Trần Văn Sơn	Cống Hai Đào (Giáp ranh xã Thạnh Hòa)	1,19
30.5	Đường Nguyễn Truyền Thanh	Kênh Tám Nhái	Giáp ranh xã Thạnh Hòa	1,20
30.6	Đường Nguyễn Minh Quang	Giáp ranh phường Ngã Bảy	Cầu Ba Ngàn	1,20
		Cầu Ba Ngàn	Cầu Tân Thành	1,19
		Cầu Tân Thành	Giáp ranh xã Phú Hữu	1,19
30.7	Đoạn nhánh Nguyễn Minh Quang (Lộ cũ)	Ngã ba lộ mới (Đường tránh)	Cầu Tân Thành	1,20
		Ngã ba lộ mới (Đường tránh)	Cầu Ba Ngàn	1,20

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
30.8	Đường Trần Văn Sơn	Đường Hùng Vương	Cầu Kênh 500	1,20
		Cầu Kênh 500	Kênh Đào	1,20
30.9	Đường Nguyễn Thị Lượm	Cầu Kênh Đào (Đường 3 Tháng 2)	Giáp ranh xã Thạnh Hòa	1,20
30.10	Đường Lâm Thị Hai	Cơ sở cai nghiện ma túy thành phố Cần Thơ	Cầu Kênh Tám Nhái đầu trong giáp phường Ngã Bảy	1,25
30.11	Lộ Kênh Láng Sen - Láng Sen A	Vàm Láng Sen	Kênh Mười Ninh (Giáp ranh xã Phụng Hiệp)	1,25
30.12	Đường Bùi Duy Phấn	Đường 3 Tháng 2	Kênh Mười Lành	1,20
30.13	Tuyến dân cư vượt lũ Cái Côn	Kênh Mười Lành	Bưng Thầy Tầng	1,20
		Bưng Thầy Tầng	Hết tuyến dân cư vượt lũ Cái Côn	1,20
	Tuyến dân cư vượt lũ Cái Côn	Cầu Bưng Thầy Tầng	Giáp ranh xã Phú Hữu	1,20
30.14	Tuyến Kênh Ba Ngàn (Tuyến trái)	Cầu Ba Ngàn	Ngã tư Cả Mới (Giáp ranh xã Phú Hữu)	1,17
		Cầu Trạm Y tế	Chợ Ba Ngàn	1,17
30.15	Tuyến Kênh Ba Ngàn (Tuyến phải)	Trụ sở Công an phường Đại Thành	Ngã tư Cả Mới (Giáp ranh xã Phú Hữu)	1,17
		Vàm Kênh Mái Dầm	Vàm Kênh Ba Ngàn	1,17
30.16	Tuyến Kênh Tám Nhái	Vàm Kênh Tám Nhái	Đường Lâm Thị Hai	1,25
30.17	Tuyến Xẻo Tre - Sáu Cụt	Kênh Láng Sen	Đập Mười Ninh	1,25
30.18	Tuyến Xẻo Tre - Mương Khai	Kênh Láng Sen	Kênh Chín Khéo (Giáp ranh xã Thạnh Hòa)	1,25
30.19	Hẻm cặp Thành đội	Đường Hùng Vương	Cuối hẻm	1,20
30.20	Tuyến Kênh Mương Khai	Đường Nguyễn Truyền Thanh	Giáp ranh xã Phụng Hiệp	1,22
30.21	Tuyến Kênh Đứng (Tuyến trái)	Ngã tư Sơn Phú 2A	Sông Xáng Cái Côn	1,25
30.22	Tuyến Kênh Đứng (Tuyến phải)	Ngã tư Sơn Phú 2A	Cầu Sáu Tình	1,25
		Cầu Sáu Tình	Sông Xáng Cái Côn	1,25
30.23	Tuyến cặp sông Cái Côn (Tuyến phải)	Cầu Rạch Côn	Vàm Bưng Thầy Tầng	1,25
		Vàm Bưng Thầy Tầng	Giáp ranh xã Phú Hữu	1,25
30.24	Tuyến cặp sông Cái Côn (Tuyến trái)	Kênh Đứng	Giáp ranh xã Phú Hữu	1,25
		Cầu Rạch Côn	Kênh Đứng	1,25

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
30.25	Tuyến Kênh Bảy Thưa (Tuyến trái)	Cầu Tân Thành	Giáp ranh xã Phú Hữu	1,22
30.26	Tuyến Kênh Bảy Thưa (Tuyến phải)	Trường Trung học cơ sở Lê Hồng Phong	Giáp ranh xã Phú Hữu	1,25
30.27	Kênh Bờ Đê	Đường Hùng Vương	Kênh Đào	1,22
30.28	Tuyến Kênh Sơn Phú (Tuyến phải)	Cầu Trạm Y tế	Cầu Thanh Long	1,25
30.29	Tuyến Lộ Sơn Phú 2 dọc Kênh Thầy Cai (Tuyến phải)	Cầu Thanh Long	Giáp ranh xã Phú Hữu	1,25
30.30	Tuyến Kênh Ông (Tuyến trái)	Cầu Kênh Ông	Kênh Chữ T	1,25
30.31	Tuyến Kênh Mười Sơ	Cầu Mười Sơ (Tuyến phải và trái)	Kênh Ông	1,25
30.32	Tuyến Chín Rù Rì (Tuyến phải)	Cầu Chín Rù Rì	Kênh Ông	1,25
30.33	Tuyến Kênh Hoàng Anh	Vàm Kênh Ba Vũ (Ngang Kênh Chín Rù Rì, tuyến trái)	Giáp ranh xã Phú Hữu	1,25
30.34	Tuyến Kênh Chữ T	Vàm Kênh Chữ T (Tuyến phải)	Giáp ranh xã Phú Hữu (Tuyến phải)	1,25
		Vàm Kênh Chữ T (Tuyến trái)	Giáp ranh xã Phú Hữu (Tuyến trái)	1,25
30.35	Tuyến Kênh nhỏ dài	Cầu Chín Ẩn	Cầu Đoàn Thanh Niên	1,25
30.36	Tuyến Chín Ẩn - Rạch Ngây	Cầu Đoàn Thanh Niên	Vàm Rạch Ngây	1,25
		Vàm Rạch Ngây	Giáp ranh xã Phú Hữu	1,25
30.37	Tuyến Lộ Kênh Sáu Xinh	Vàm Rạch Ngây	Giáp ranh xã Phú Hữu	1,25
30.38	Lộ Cầu Tư Dồ - Cầu Rạch Ngây	Cầu Tư Dồ	Vàm Gạch Ngây (Nhà văn hóa khu vực Đông An 2A)	1,25
30.39	Tuyến Kênh Út Quế (Tuyến trái và phải)	Cầu Kênh Út Quế	Kênh Bảy Thưa	1,25
30.40	Tuyến Kênh Rạch Ngây (Tuyến trái)	Bến đò Bảy Lực	Giáp ranh xã An Lạc Thôn	1,25
30.41	Tuyến Kênh Rạch Ngây (Tuyến phải)	Trường THCS Tân Thành 2 cũ	Giáp ranh xã An Lạc Thôn	1,25
30.42	Tuyến Kênh Thầy Tầng (Tuyến trái)	Vàm Bưng Thầy Tầng	Giáp ranh xã Đại Hải	1,25

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
30.43	Tuyến Kênh Thầy Tầng (Tuyến phải)	Vàm Bưng Thầy Tầng	Giáp ranh xã Đại Hải	1,20
30.44	Tuyến Kênh Cống Đá (Tuyến phải)	Vàm Kênh Cống Đá (Tuyến phải)	Giáp ranh xã An Lạc Thôn	1,25
30.45	Tuyến Kênh Tư Dương	Kênh Tư Dương	Đập Nhà Lẫm	1,25
30.46	Tuyến Kênh ranh xã Phú Hữu	Vàm Bưng Cây Sắn	Kênh Sáu Xinh	1,25
30.47	Tuyến Kênh Thái Tử (Tuyến trái)	Cầu Thái Tử	Kênh Cây Da	1,25
30.48	Tuyến Kênh Thái Tử (Tuyến phải)	Cầu Thái Tử	Kênh Cây Da	1,25
30.49	Tuyến Kênh Cây Da (Tuyến phải)	Cầu Út Quế	Kênh Cả Mới	1,27
30.50	Tuyến Kênh Cây Da (Tuyến trái)	Cầu Út Quế	Ngã Tư Cả Mới	1,20
30.51	Tuyến Kênh Chính Phinh	Cầu Chính Phinh	Giáp ranh xã Phú Hữu	1,25
30.52	Kênh Đám Tràm	Cầu Đoàn Thanh Niên	Giáp ranh xã Phú Hữu	1,25
30.53	Tuyến Kênh Bà Chồn (Tuyến trái và phải)	Kênh Ba Ngàn	Kênh Út Quế	1,20
30.54	Tuyến Lộ Hậu Đông An	Chợ Ba Ngàn	Kênh Ba Phấn (Lộ Hậu Đông An)	1,22
30.55	Tuyến Kênh Cà Ớt (Tuyến trái)	Kênh Ba Phấn (Tuyến kênh Cà Ớt)	Kênh Ba Phấn (Lộ Hậu Đông An)	1,20
30.56	Tuyến Kênh Mái Dầm (Tuyến phải)	Giáp ranh phường Ngã Bảy	Vàm Kênh Ba Ngàn	1,20
30.57	Tuyến Kênh Đào (Tuyến phải)	Giáp ranh phường Ngã Bảy	Ngã ba Cả Mới (Kênh Đào)	1,20
30.58	Tuyến Kênh Cả Mới (Tuyến phải)	Ngã ba Cả Mới (Kênh Đào)	Ngã tư Cả Mới	1,20
30.59	Tuyến Kênh Mang Cá (Tuyến trái)	Đường 3 Tháng 2 (Tuyến kênh Mang Cá)	Giáp ranh xã Đại Hải	1,20
30.60	Tuyến Kênh Quế Thụ (Tuyến trái)	Vàm Kênh Quế Thụ (Tuyến trái)	Cầu Út Quế (Đầu trong)	1,20
30.61	Tuyến Kênh Quế Thụ (Tuyến phải)	Vàm Kênh Quế Thụ (Tuyến trái)	Cầu Út Quế (Đầu trong)	1,20

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
30.62	Tuyến Kênh Đào (Ấp Mang Cá, tuyến trái)	Cầu Thanh Niên (Tuyến kênh Mang Cá)	Kênh Mười Lành (Tuyến phải)	1,20
30.63	Tuyến Kênh Bảy Chánh (Tuyến phải và trái)	Vàm Kênh Bảy Chánh (Tuyến phải và trái)	Giáp ranh xã Đại Hải	1,20
30.64	Tuyến Kênh Mười Lành (Tuyến phải)	Vàm kênh Mười Lành (Tuyến phải)	Giáp ranh xã Đại Hải	1,20
30.65	Tuyến Kênh Năm Ngày (Tuyến trái)	Vàm Kênh Năm Ngày (Tuyến trái)	Giáp ranh xã Đại Hải	1,20
30.66	Tuyến Kênh Tám Tỉnh (Tuyến phải và trái)	Vàm Kênh Tám Tỉnh (Tuyến phải và trái)	Giáp ranh xã Đại Hải	1,20
30.67	Khu dân cư nông thôn mới Đại Thành, thị xã Ngã Bảy (Nay là phường Đại Thành)	Cả khu (Trừ thửa đất tiếp giáp Đường 3 Tháng 2 và Đường tỉnh 927C)		1,19
		Các lô (nền) tái định cư		1,19
30.68	Khu tái định cư thành phố Ngã Bảy	Đường số 3 (13 mét)		1,21
		Đường số D2 (13 mét)		1,21
30.69	Khu tái định cư phường Hiệp Lợi	Đường Cao Thị Ngọ, Đường Lê Thị Thuyền, Đường Dương Thị Út, Đường Phạm Thị Nhàn, Đường Hà Thị Chấn		1,22
30.70	Tuyến lộ vượt đồng	Kênh đào	Kênh Ba Ngàn	1,25
31	**Phường Ngã Bảy**			
31.1	Đường Bạch Đằng	Đường Hùng Vương	Cầu Đen	1,20
31.2	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Hùng Vương	Đường Lê Lợi	1,20
31.3	Đường Lê Lợi	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Xẻo Vông	1,20
31.4	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Hùng Vương	Đường Lê Lợi	1,20
31.5	Đường Triệu Ẩu	Đường Hùng Vương	Đường Lê Lợi	1,20
31.6	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lý Thường Kiệt	1,20
		Đường Lê Lợi	Đường Hùng Vương	1,20
31.7	Đường Hùng Vương	Đường Bạch Đằng	Vòng xoay Ngã năm	1,20
		Vòng xoay Ngã năm (Đường Phạm Hùng)	Cầu Cái Đôi	1,20
		Cầu Cái Đôi	Đường 3 Tháng 2	1,20
		Đường Trương Thị Hoa	Đường 3 Tháng 2	1,20
		Đường 3 Tháng 2	Hết Trường Tiểu học Nguyễn Hiền	1,20
		Trường Tiểu học Nguyễn Hiền	Giáp ranh xã Đại Hải	1,20
31.8	Đường 3 Tháng 2	Đường Hùng Vương	Cầu Sóc Trăng (Gồm cả đường dẫn)	1,20
		Cầu Sóc Trăng	Cầu Hai Dưỡng	1,20

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
31.9	Đường Nguyễn Minh Quang	Đường Hùng Vương	Đường Lê Hồng Phong	1,20
		Đường Lê Hồng Phong	Giáp ranh phường Đại Thành	1,20
31.10	Đường 30 Tháng 4	Cầu Đen	Hết Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngã Bảy	1,20
		Hết Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngã Bảy	Đường tỉnh 927C	1,20
		Đường tỉnh 927C	Cầu Sậy Niếu	1,20
31.11	Đường Nguyễn Trãi	Cầu Xẻo Vông	Đường 30 Tháng 4	1,10
31.12	Đường Phạm Hùng	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Minh Quang	1,10
31.13	Đường Lê Hồng Phong	Đường Nguyễn Thị Én	Đường Phạm Hùng	1,10
		Đường Phạm Hùng	Đường cặp bờ kè Cái Côn	1,10
31.14	Đường Nguyễn Huệ	Đường Hùng Vương	Đường Lê Hồng Phong	1,10
		Đường Lê Hồng Phong	Cầu Kênh Đào (Đường Nguyễn Huệ)	1,10
		Cầu Kênh Đào (Đường Nguyễn Huệ)	Đường 3 Tháng 2	1,10
31.15	Đường Châu Văn Liêm	Đường Phạm Hùng	Đường Đoàn Văn Chia	1,10
31.16	Đường Đoàn Văn Chia	Đường Hùng Vương	Đường Lê Hồng Phong	1,10
31.17	Đường Phan Đình Phùng	Đường Hùng Vương	Đường Lê Hồng Phong	1,10
31.18	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường số 1 (Khu đô thị mới)	Siêu thị Co.opmart	1,10
31.19	Đường Nguyễn Văn Nết	Đường Phan Đình Phùng	Đường Nguyễn Huệ	1,10
31.20	Đường Nguyễn Thị Xem	Đường Phan Đình Phùng	Đường Nguyễn Huệ	1,10
31.21	Đường Phạm Thị Bảy	Đường Phạm Hùng	Đường Nguyễn Huệ	1,10
31.22	Đường Trương Thị Hoa	Cầu Phụng Hiệp	Đầu Doi Cát (Kênh Sóc Trăng)	1,10
31.23	Đường Trần Nam Phú	Đường Hùng Vương	Hết ranhTrụ sở Khu vực 2 (Phường Hiệp Thành cũ)	1,10
		Giáp ranh Trụ sở Khu vực 2 (Phường Hiệp Thành cũ)	Hết Trường Tiểu học Trần Quốc Toản (Cơ sở 2)	1,10
		Trường Tiểu học Trần Quốc Toản (Cơ sở 2)	Giáp ranh xã Đại Hải	1,10
31.24	Đường Ngô Quyền	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Nguyễn Trãi	1,10
31.25	Tuyến Cầu Đình - Giáp ranh phường Đại Thành	Cầu Đình	Cầu Xẻo Môn	1,13
		Cầu Xẻo Môn	Kênh Tám Nhái	1,25
31.26	Đường Lê Thị Tặng	Cầu Đình	Cầu Xẻo Vông	1,13
		Cầu Xẻo Vông	Cầu Kênh Tám Nhái	1,13

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
31.27	Đường Cao Thắng	Đường 1 Tháng 5	Cầu Sóc Trăng (Đường 3 Tháng 2)	1,13
		Cầu Sóc Trăng (Đường 3 Tháng 2)	Cầu số 1	1,13
		Cầu số 1	Giáp ranh xã Đại Hải	1,13
31.28	Đường 1 Tháng 5	Cầu 1 Tháng 5	Đường 3 Tháng 2	1,20
31.29	Đường Hoàng Hoa Thám	Cầu Chữ Y	Giáp ranh xã Tân Phước Hưng	1,18
31.30	Kênh Búng Tàu (Doi Chành)	Cầu 1 Tháng 5	Giáp ranh Cụm Công nghiệp, Tiểu thủ Công nghiệp thị xã Ngã Bảy	1,20
		Giáp ranh Cụm Công nghiệp, Tiểu thủ Công nghiệp thị xã Ngã Bảy	Giáp ranh xã Tân Phước Hưng	1,20
31.31	Lộ cặp nhà máy đường	Đường 3 Tháng 2	Kênh Búng Tàu	1,19
31.32	Đường Triệu Vĩnh Tường	Cầu Sậy Niếu	Trụ sở Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Ngã Bảy (UBND phường Lái Hiếu cũ)	1,18
31.33	Doi Tân Thới Hòa - Xã Hiệp Hưng	Đầu Doi (Nhà văn hóa khu vực 9)	Kênh Hậu Giang 3	1,20
31.34	Doi Tân Thới Hòa - Xã Tân Phước Hưng	Đầu Doi (Nhà văn hóa khu vực 9)	Cầu Mười Lê	1,20
31.35	Đường Kênh Cầu Cái Đôi	Cầu Cái Đôi (Tuyến trái - Khu vực V)	Cầu Cái Đôi Trong	1,22
		Cầu Cái Đôi Trong	Cầu Kênh Đào (Đường tỉnh 927C)	1,22
31.36	Đường Nguyễn Văn Thống	Cầu Cái Đôi (Tuyến phải - Khu vực III)	Hồ Xáng Thổi	1,21
		Hồ Xáng Thổi	Cầu Cái Đôi Trong	1,21
31.37	Đường Nguyễn Thị Định	Kênh Lái Hiếu	Cầu Mười Lê	1,20
31.38	Đường Lê Anh Xuân	Đường Hùng Vương	Trạm Y tế phường Hiệp Thành	1,15
31.39	Đường Trần Thị Năm	Đường Lê Anh Xuân	Đường D6 (12 mét)	1,15
31.40	Đường Đặng Thị Bảy	Đường Trần Thị Năm	Đường D7 (12,5 mét)	1,15
31.41	Tuyến Kênh Tám Nhái	Vàm Kênh Tám Nhái	Kênh Láng Sen	1,13
31.42	Lộ Kênh Sáu Mầu	Đường 3 Tháng 2 (Nút giao Cầu Sóc Trăng)	Đập Năm Để	1,10
31.43	Đường Nguyễn Du	Đường Hùng Vương	Đường Trần Nam Phú	1,19

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
31.44	Đường Nguyễn Trung Trực	Cầu Doi	Cầu Xẻo Môn	1,19
		Cầu Xẻo Môn	Đường Triệu Vĩnh Tường	1,19
31.45	Tuyến Đường Bùi Văn Hoành (Hẻm Tài Chính)	Đường Hùng Vương	Đường Lê Lợi	1,20
31.46	Tuyến Đường Nguyễn Văn Thạnh	Siêu Thị Co.opmart	Đường Nguyễn Minh Quang	1,20
31.47	Đường Kênh Sáu Láo	Đường 3 Tháng 2	Kênh Búng Tàu	1,20
31.48	Đường Lương Chí	Đường Phạm Hùng	Đường Nguyễn Huệ	1,20
31.49	Đường Nguyễn An Ninh	Đường Phạm Hùng	Đường Nguyễn Huệ	1,20
31.50	Đường Vũ Đình Liệu	Đường Phạm Hùng	Đường Nguyễn Huệ	1,20
31.51	Đường 2 Tháng 9	Đường Nguyễn Huệ	Đường Phạm Hùng	1,20
		Đường Phạm Hùng	Đường cặp bờ kè Cái Côn	1,20
31.52	Các tuyến đường trong Khu đô thị mới Hồng Phát	Đường Nguyễn Thị Én, Đường Trần Thị Nhị, Đường Bùi Thị Quới, Đường Huỳnh Thị Sáu, Đường Lê Thị Tư, Đường Trần Thị Vàng, Đường Trần Thị Mười		1,20
31.53	Các tuyến đường trong Khu đô thị trung tâm (Quy hoạch Khu A1, A2)	Đường số 7,8		1,20
31.54	Các tuyến đường trong Khu đô thị trung tâm (Quy hoạch Khu C2)	Đường số 2, 3, 6		1,20
31.55	Các tuyến đường trong Khu đô thị trung tâm (Quy hoạch khu C2)	Đường số 2, 4		1,20
31.56	Hẻm 3295 (Cặp Trường Cao đẳng Cộng Đồng Hậu Giang)	Đường Hùng Vương	Cuối hẻm	1,20
31.57	Tuyến cặp Kênh Mái Dầm	Cầu Tư Cảnh	Giáp ranh phường Đại Thành	1,21
31.58	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Hùng Vương	Đường 3 Tháng 2	1,20
31.59	Tuyến Kênh Mang Cá	Kênh Cái Côn	Đường 3 Tháng 2 (Cầu Mang Cá)	1,17
31.60	Tuyến Kênh Cái Côn	Kênh Mang Cá	Đường 3 Tháng 2 (Cầu Rạch Côn)	1,17
		Đường 2 Tháng 9	Cầu Rạch Côn (Giáp ranh phường Đại Thành)	1,17
31.61	Tuyến Kênh Mái Dầm - Kênh Rạch Côn	Đường Nguyễn Minh Quang	Đường 2 Tháng 9	1,11

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
31.62	Kênh 500 (Khu vực V)	Đường 3 Tháng 2	Kênh Cái Đôi	1,17
31.63	Khu Đô thị mới thị xã Ngã Bảy 2	Các lô (nền) tái định cư		1,20
31.64	Khu tái định cư phục vụ Dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A đoạn từ thị xã Ngã Bảy (Nay là thành phố Ngã Bảy), tỉnh Hậu Giang đến huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	Đường số 36 - Quy hoạch chi tiết (30 mét)		1,21
		Đường số 20 - Quy hoạch chi tiết (28 mét)		1,21
		Đường số 3 - Quy hoạch chi tiết (19 mét)		1,21
		Đường D1, D2, D5 (13 mét)		1,21
		Đường D6 (12 mét)		1,21
		Đường D7 (12,5 mét)		1,21
31.65	Khu dân cư thương mại phường Lái Hiếu	Đường số 1		1,13
		Đường số 2, 3, 4, 5, 6, 7		1,13
31.66	Tuyến Kênh Đào (Tuyến phải)	Cầu Kênh Đào (Nguyễn Minh Quang)	Cầu Kênh Đào (Đường 3 Tháng 2)	1,20
31.67	Đường tỉnh 927C	Đường 30 Tháng 4	Kênh Xẻo Vông	1,19

Phụ lục V

HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH MỨC BIẾN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG ĐỐI VỚI ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
1	**Phường Ninh Kiều**			
1.1	Đường Bà Huyện Thanh Quan	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Phan Đăng Lưu	1,04
1.2	Đường Bà Triệu	Đường Ngô Gia Tự	Cuối đường	1,04
1.3	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Phan Đăng Lưu	Đường Đinh Tiên Hoàng	1,04
1.4	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Vòng xoay Bến xe	Đường Phạm Ngũ Lão	1,04
1.5	Đường Cao Bá Quát	Đường Phan Đình Phùng	Đường Điện Biên Phủ	1,04
		Đường Điện Biên Phủ	Đường Đồng Khởi	1,04
1.6	Đường Châu Văn Liêm	Đường Hai Bà Trưng	Đường Hòa Bình	1,02
1.7	Đường Đề Thám	Đường Hòa Bình	Đường Nguyễn Khuyến	1,04
		Đường Nguyễn Khuyến	Đường Huỳnh Cương	1,04
1.8	Đường Điện Biên Phủ	Đường Võ Văn Tần	Đường Ngô Đức Kế	1,04
		Đường Ngô Đức Kế	Cuối đường	1,04
1.9	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Hùng Vương	Cầu Xô Viết Nghệ Tĩnh	1,04
1.10	Đường Đồng Khởi	Đường Hòa Bình	Đường Châu Văn Liêm	1,04
		Đường Châu Văn Liêm	Cuối đường	1,04
1.11	Đường 3 Tháng 2	Đường Mậu Thân	Giáp ranh phường Tân An	1,04
1.12	Đường 30 Tháng 4	Đường Hòa Bình	Đường Trần Ngọc Quế	1,02
1.13	Đường cặp bờ kè Hồ Búng Xáng	Hẻm 51, Đường 3 Tháng 2	Giáp ranh Trường Đại học Cần Thơ (Khu II)	1,04
1.14	Đường cặp bờ kè Rạch Khai Luông	Giáp ranh Nhà khách Đoàn 30	Cầu Ninh Kiều	1,04
1.15	Đường nội bộ Vincom Xuân Khánh	Cả khu		1,04
1.16	Đường Hai Bà Trưng	Nhà hàng Ninh Kiều	Đường Nguyễn An Ninh	1,02
		Đường Nguyễn An Ninh	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	1,02
1.17	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Đường Phan Đình Phùng	Đường Hai Bà Trưng	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
1.18	Đường Hồ Xuân Hương	Đường Hùng Vương	Đường Bùi Thị Xuân	1,04
		Đường Hùng Vương	Hẻm 67, Đường Phan Đăng Lưu	1,04
1.19	Đường Hòa Bình	Đường Nguyễn Trãi	Đường 30 Tháng 4	1,02
1.20	Đường Hoàng Văn Thụ	Đường Nguyễn Trãi	Đường Trần Hưng Đạo	1,04
1.21	Đường Hùng Vương	Cầu Nhị Kiều	Vòng xoay Bến xe	1,04
1.22	Đường Huỳnh Cương	Đường Hoàng Văn Thụ - quanh Hồ Xáng Thổi	Đường Hoàng Văn Thụ	1,04
1.23	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Mậu Thân	1,04
1.24	Đường Lê Anh Xuân (Hẻm 132 - Đường Hùng Vương)	Cầu Nhị Kiều	Đường Yết Kiêu	1,04
1.25	Đường Lê Lai	Các đoạn trải nhựa, giáp Đường Phan Văn Trị		1,04
1.26	Đường Lê Thánh Tôn	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Ngô Quyền	1,04
1.27	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Ngô Quyền	Đường Ngô Gia Tự	1,04
1.28	Đường Phan Văn Trị	Trường Đại học Cần Thơ (Khu III)	Đường 30 Tháng 4	1,04
1.29	Đường Lý Tự Trọng	Đường Trần Hưng Đạo	Trường Đại học Cần Thơ (Khu III) - Đường Trương Định	1,04
		Đường Trương Định	Đường Hòa Bình	1,04
1.30	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Trương Định	Cuối đường	1,04
1.31	Đường Mạc Thiên Tích (Đường cặp Rạch Bần)	Đường Mậu Thân	Đường 3 Tháng 2	1,04
1.32	Đường Mạc Thiên Tích (Đường cặp Rạch Tham Tướng)	Sông Cần Thơ	Đường Mậu Thân	1,04
1.33	Đường Mậu Thân	Đường Tầm Vu	Đường 30 Tháng 4	1,04
		Đường 30 Tháng 4	Đường Trần Hưng Đạo	1,04
		Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Rạch Ngỗng 1	1,04
1.34	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Đường Phan Đình Phùng	Đường Hòa Bình	1,04
1.35	Đường Ngô Đức Kế	Đường Hai Bà Trưng	Đường Phan Đình Phùng	1,04
		Đường Phan Đình Phùng	Đường Điện Biên Phủ	1,04
		Đường Điện Biên Phủ	Đường Đồng Khởi	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
1.36	Đường Ngô Gia Tự	Đường Hai Bà Trưng	Đường Nguyễn Trãi	1,04
		Đường Nguyễn Trãi	Đường Võ Thị Sáu	1,04
1.37	Đường Ngô Hữu Hạnh	Đường Hòa Bình	Đường Trương Định	1,04
		Đường Hòa Bình	Đường Lý Thường Kiệt	1,04
1.38	Đường Ngô Quyền	Bờ sông Cần Thơ	Đường Hòa Bình	1,02
		Đường Hòa Bình	Đường Trương Định	1,02
1.39	Đường Ngô Văn Sở	Đường Hòa Bình	Đường Phan Đình Phùng	1,04
1.40	Đường Nguyễn An Ninh	Đường Hai Bà Trưng	Đường Hòa Bình	1,02
1.41	Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	Đường Nguyễn Trãi	Đường Hùng Vương	1,04
1.42	Đường Nguyễn Du	Đường Châu Văn Liêm	Đường Ngô Đức Kế	1,04
1.43	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Đường Nguyễn Trãi	Đường Ngô Hữu Hạnh	1,04
1.44	Đường Nguyễn Khuyến	Đường Ngô Quyền	Đường Đề Thám	1,04
1.45	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Hai Bà Trưng	Đường Hòa Bình	1,02
1.46	Đường Nguyễn Thần Hiến	Đường Lý Tự Trọng	Cuối đường	1,04
1.47	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Phan Đình Phùng	Cầu Quang Trung	1,04
		Cầu Quang Trung	Đường Tầm Vu	1,04
1.48	Đường Nguyễn Trãi	Đường Hòa Bình	Vòng xoay Bến xe	1,04
1.49	Đường Nguyễn Việt Hồng	Đường Phan Văn Trị	Đường Mậu Thân	1,04
1.50	Đường Phạm Ngũ Lão	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Hẻm 85	1,04
		Hẻm 85	Cuối đường	1,04
1.51	Đường Phan Bội Châu	Đường Phan Đình Phùng	Đường Hai Bà Trưng	1,04
1.52	Đường Phan Chu Trinh	Đường Phan Đình Phùng	Đường Hai Bà Trưng	1,04
1.53	Đường Phan Đăng Lưu	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Bà Huyện Thanh Quan	1,04
1.54	Đường Phan Đình Phùng	Đường Hòa Bình	Đường Ngô Đức Kế	1,02
		Đường Ngô Đức Kế	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	1,02
1.55	Đường Quang Trung	Đường 30 Tháng 4	Hẻm 33 và Hẻm 50	1,04
		Hẻm 33 và Hẻm 50	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	1,04
1.56	Đường Tầm Vu	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Vincom Xuân Khánh	1,04
		Vincom Xuân Khánh	Đường Trần Ngọc Quế	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
1.57	Đường Tân Trào	Đường Phan Đình Phùng	Đường Hai Bà Trưng	1,04
1.58	Đường Thủ Khoa Huân	Đường Hai Bà Trưng	Đường Phan Đình Phùng	1,04
1.59	Đường Trần Bình Trọng	Đường Lý Tự Trọng	Đường Trần Hưng Đạo	1,04
1.60	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Nhị Kiều	Đường Mậu Thân	1,04
1.61	Đường Trần Ngọc Quế	Đường 3 Tháng 2	Đường 30 Tháng 4	1,04
		Đường 30 Tháng 4	Đường Tầm Vu	1,04
1.62	Đường Trần Quốc Toản	Đường Hai Bà Trưng	Đường Hòa Bình	1,04
1.63	Đường Trần Văn Hoài	Đường 30 Tháng 4	Đường 3 Tháng 2	1,04
1.64	Đường Trương Định	Đường Ngô Hữu Hạnh	Đường Ngô Quyền	1,04
		Đường Ngô Quyền	Đường Đề Thám	1,04
		Đường Đề Thám	Đường Lý Tự Trọng	1,04
1.65	Đường Võ Thị Sáu	Đường Nguyễn Trãi	Đường Ngô Quyền	1,04
1.66	Đường Võ Văn Tần	Đường Hai Bà Trưng	Đường Hòa Bình	1,02
1.67	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Hòa Bình	Đường Hoàng Văn Thụ	1,04
1.68	Đường Yết Kiêu	Đường Phạm Ngũ Lão	Đường Lê Anh Xuân	1,04
1.69	Khu nội bộ Mậu Thân	Đường Cao Thắng		1,04
		Đường Đinh Công Tráng		1,04
		Đường Nguyễn Cư Trinh		1,04
		Đường Nguyễn Ngọc Trai		1,04
		Đường Nguyễn Văn Trỗi		1,04
1.70	Đường nội bộ Khu Tập thể Công ty Cấp thoát nước, khu công viên cây xanh (cũ) Đường 30 Tháng 4 (Khu dân cư số 5)	Các trục đường chính		1,04
1.71	Khu dân cư (Kế Chi cục Thú y) 30 Tháng 4 (Khu dân cư số 9)	Các trục đường chính		1,04
1.72	Khu dân cư Búng Xáng	Đường nội bộ		1,04
1.73	Khu dân cư Trần Khánh Dư	Đường 30 Tháng 4	Ngã ba hẻm	1,04
		Các trục chính còn lại		1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
1.74	Hẻm 54, Đường Hùng Vương	Đường Hùng Vương	Hết trục đường chính	1,04
1.75	Hẻm 14; Hẻm 86, Đường Lý Tự Trọng	Đường Lý Tự Trọng	Đường Đề Thám	1,04
1.76	Hẻm 95, Đường Mậu Thân	Đường Mậu Thân	Trạm Y tế (cũ)	1,04
1.77	Hẻm 72B, Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Cuối hẻm	1,04
1.78	Hẻm 88, Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Cuối hẻm	1,04
1.79	Hẻm 93, Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trần Hưng Đạo	Cuối hẻm	1,04
1.80	Hẻm 218, Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trần Hưng Đạo	Cuối hẻm	1,04
1.81	Hẻm 50, Đường Quang Trung	Đường Quang Trung	Cuối hẻm	1,04
1.82	Hẻm 108, Đường 30 Tháng 4	Đường 30 Tháng 4	Đường Nguyễn Việt Hồng	1,04
2	**Phường Cái Khế**			
2.1	Đường Bế Văn Đàn	Đường Nguyễn Văn Cừ	Cuối đường	1,04
2.2	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Vòng xoay Bến xe	Hẻm 86, Đường Cách Mạng Tháng Tám (Bên phải)	1,04
		Đường Phạm Ngũ Lão	Đường Nguyễn Đệ (Bên trái)	1,04
2.3	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Ngã ba	1,04
		Ngã ba	Cuối đường	1,04
2.4	Đường nội bộ Khu dân cư Quân khu 9	Đường Trần Quang Khải	Đường Lý Hồng Thanh	1,04
2.5	Đường Sông Hậu và các trục đường quanh Công viên nước	Đường Trần Phú	Đường Lê Lợi (Khách sạn Victoria)	1,04
2.6	Đường vào Công an quận Ninh Kiều (cũ)	Đường Nguyễn Văn Cừ	Cuối đường	1,04
2.7	Đường Hồ Tùng Mậu	Đường Trần Phú	Đường Trần Văn Khéo	1,04
2.8	Đường Lê Anh Xuân (Hẻm 132 - Đường Hùng Vương)	Đường Yết Kiêu	Cầu Rạch Ngỗng 1	1,04
		Cầu Rạch Ngỗng 1	Cầu Rạch Ngỗng 2	1,04
2.9	Đường Lê Lợi	Đường Trần Phú	Đường Trần Văn Khéo	1,04
		Đường Trần Văn Khéo	Khách sạn Victoria	1,04
2.10	Đường Lương Định Của	Đường Trần Văn Khéo	Cuối đường	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
2.11	Đường Lý Hồng Thanh	Khu chung cư	Bờ kè Cái Khế	1,04
2.12	Đường Mậu Thân	Chân cầu Rạch Ngỗng 1	Đường Nguyễn Văn Cừ	1,04
		Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Nguyễn Đệ	1,04
2.13	Đường Nguyễn Bỉnh	Đường Lê Lợi	Đường Ung Văn Khiêm	1,04
2.14	Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	Đường Nguyễn Trãi	Đường Ung Văn Khiêm	1,04
2.15	Đường Nguyễn Đệ (Vành đai Phi trường)	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Võ Văn Kiệt	1,04
2.16	Đường Nguyễn Đức Cảnh	Đường Trần Phú	Đường Trần Văn Khéo	1,04
2.17	Đường Nguyễn Hữu Cầu (Đường số 1, Khu dân cư Hoàn Mỹ)	Đường Nguyễn Văn Cừ	Cuối đường	1,04
2.18	Đường Nguyễn Hữu Trí (Đường số 5, Khu dân cư Vạn Phát)	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường số 7, Khu dân cư Vạn Phát	1,04
2.19	Đường Nguyễn Trãi	Cầu Nguyễn Trãi	Vòng xoay Bến xe	1,02
2.20	Đường Nguyễn Văn Cừ	Cầu Rạch Ngỗng 2	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1,04
		Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cầu Cồn Khương	1,04
		Chân cầu Cồn Khương	Rạch Khai Luông (Đường hai bên chân cầu)	1,04
		Cầu Cồn Khương	Sông Hậu	1,04
2.21	Đường Phạm Công Trứ (Đường số 2, Khu dân cư Vạn Phát)	Đường Trần Văn Giàu	Cuối đường	1,04
2.22	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Trần Văn Khéo	Cuối đường	1,04
2.23	Đường Phạm Ngũ Lão	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Yết Kiêu	1,04
2.24	Đường Trần Đại Nghĩa	Đường Trần Văn Khéo	Cuối đường	1,04
2.25	Đường Trần Phú	Đường Nguyễn Trãi	Đường Lê Lợi	1,04
		Đường Lê Lợi	Hai bến phà Cần Thơ	1,04
2.26	Đường Trần Quang Khải	Đường Nguyễn Trãi	Đường Ung Văn Khiêm	1,04
		Đường Ung Văn Khiêm	Đường Lê Lợi	1,04
2.27	Đường Trần Văn Giàu (Đường Khu dân cư Linh Thành)	Đường Nguyễn Văn Cừ	Cuối đường	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
2.28	Đường Trần Văn Khéo	Đường Nguyễn Trãi	Đường Lê Lợi	1,04
2.29	Đường Trần Văn Ơn	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Nguyễn Đệ	1,04
2.30	Đường Trần Việt Châu	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Phạm Ngũ Lão	1,04
2.31	Đường Ung Văn Khiêm	Đường Trần Phú	Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	1,04
2.32	Đường Võ Trường Toản	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Nguyễn Đệ	1,04
2.33	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Nguyễn Văn Cừ	Giáp ranh phường Bình Thủy	1,04
2.34	Khu chung cư C Mậu Thân	Cả khu		1,04
2.35	Khu chung cư Cơ Khí	Cả khu		1,04
2.36	Khu dân cư Miền Tây - Cần Đô	Cả khu		1,04
2.37	Khu dân cư Vạn Phát (Giai đoạn 1); Khu dân cư Hoàn Mỹ (Trừ trục đường đã được đặt tên)	Cả khu		1,04
2.38	Khu tái định cư Trường Tiểu học Cái Khế	Cả khu		1,04
2.39	Đường Yết Kiêu	Đường Lê Anh Xuân	Đường Phạm Ngũ Lão	1,04
2.40	Đường Tôn Thất Tùng	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cuối đường	1,04
2.41	Hẻm 86, Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cuối đường	1,04
2.42	Hẻm 38, Đường Trần Việt Châu	Đường Trần Việt Châu	Hết đoạn trải nhựa	1,04
2.43	Hẻm 42, Đường Trần Việt Châu	Đường Trần Việt Châu	Hết đoạn trải nhựa	1,04
2.44	Hẻm 54, Đường Trần Việt Châu	Đường Trần Việt Châu	Hết đoạn trải nhựa	1,02
2.45	Hẻm 62, Đường Trần Việt Châu	Đường Trần Việt Châu	Hết đoạn trải nhựa	1,04
3	**Phường Tân An**			
3.1	Đường 30 Tháng 4	Đường Trần Ngọc Quế	Đường 3 Tháng 2	1,02
3.2	Đường Nguyễn Văn Cừ	Cầu Rạch Ngỗng 2	Cầu Cái Sơn 2	1,04
3.3	Đường Quản Trọng Hoàng	Đường 3 Tháng 2	Tập thể Tỉnh ủy (cũ)	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
3.4	Đường Tầm Vu	Đường Trần Ngọc Quế	Chợ Tầm Vu	1,04
		Chợ Tầm Vu	Cầu Mương Lộ	1,04
		Cầu Mương Lộ	Cuối đường	1,04
3.5	Đường 3 Tháng 2	Giáp ranh phường Ninh Kiều	Cầu Đầu Sấu (Giáp ranh phường An Bình)	1,04
3.6	Đường Trần Hoàng Na	Đường Tầm Vu (Đường dân sinh hai bên cầu)	Chân cầu Trần Hoàng Na	1,04
		Chân cầu Trần Hoàng Na	Đường 3 Tháng 2	1,04
		Đường 3 Tháng 2	Cầu Đầu Sấu (Giáp ranh phường An Bình)	1,04
3.7	Đường Lê Văn Thuấn (Hẻm 132, Đường 3 Tháng 2)	Đường 3 Tháng 2	Nhánh hẻm 25, Đường Nguyễn Văn Linh	1,04
3.8	Đường Nam Cao (Đường B12 - Khu dân cư 91B)	Đường Lê Chân	Đường A3	1,04
3.9	Đường Ngô Tất Tố (Đường B26 - Khu dân cư 91B)	Đường Lê Chân	Đường A3	1,04
3.10	Đường Chu Văn An (Đường số 4 - Khu tái định cư Thới Nhựt 2)	Đường số 5	Đường Trần Minh Sơn (Đường số 04 - Khu tái định cư Đại học Y Dược Cần Thơ)	1,04
3.11	Đường Phạm Sơn Khai (Trừ các tuyến đường thuộc Khu nhà ở cán bộ giáo viên Đại học Cần Thơ)	Quốc lộ 91B	Đường Búng Xáng	1,04
3.12	Đường Búng Xáng	Hẻm 51, Đường 3 Tháng 2	Cầu Rạch Ngỗng	1,04
3.13	Đường cặp bờ kè Rạch Ngỗng	Đường Búng Xáng	Cầu Rạch Ngỗng 2	1,04
3.14	Đường Lê Bình	Đường 3 Tháng 2	Đường 30 Tháng 4	1,04
3.15	Đường Lê Chân (Đường A2 - Khu dân cư 91B)	Đường số B21	Đường số 23	1,04
3.16	Đường Lý Chính Thắng	Đường 3 Tháng 2	Đường Nguyễn Văn Linh	1,04
3.17	Đường Ngô Sĩ Liên (Đường số 01 - Khu dân cư Metro)	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường số 3	1,04
3.18	Đường Ngô Thì Nhậm (Trục phụ Khu dân cư Thới Nhựt 1)	Đường số 6	Đường Trần Minh Sơn	1,04
3.19	Đường Nguyễn Hiền	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Trần Hoàng Na	1,04
		Đường Trần Hoàng Na	Cuối đường	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
3.20	Đường Nguyễn Minh Quang (Đường số 24 - Khu dân cư Thới Nhựt 1)	Đường Ngô Thì Nhậm	Đường Nguyễn Minh Quang	1,04
3.21	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Nguyễn Văn Cừ	Cuối đường	1,04
3.22	Đường Phạm Thế Hiển (Đường 11A, Khu dân cư dự án Nâng cấp đô thị)	Đường Trần Minh Sơn	Đường Nguyễn Minh Quang	1,04
3.23	Đường Phan Huy Chú (Trục phụ Khu dân cư Thới Nhựt 1)	Đường Trần Minh Sơn	Đường Nguyễn Minh Quang	1,04
3.24	Đường Trần Bạch Đằng (Trục chính Khu dân cư nâng cấp đô thị)	Đường Nguyễn Văn Cừ	Giáp ranh phường Long Tuyền	1,04
3.25	Đường Trần Minh Sơn (Đường số 04 - Khu tái định cư Đại học Y Dược Cần Thơ)	Đường Trần Bạch Đằng	Đường số 05 - Khu tái định cư Đại học Y Dược Cần Thơ	1,04
3.26	Đường Trần Nam Phú	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường cặp Hồ Búng Xáng	1,04
3.27	Đường Trần Ngọc Quế	Đường 3 Tháng 2	Đường 30 Tháng 4	1,04
		Đường 30 Tháng 4	Đường Tầm Vu	1,04
3.28	Đường Trần Văn Long	Đường số 5 - Khu dân cư Thới Nhựt 2	Đường cặp Rạch Bà Bộ	1,04
3.29	Đường Tô Hiến Thành	Đường Trần Bạch Đằng	Đường số 6, Khu dân cư Thới Nhựt 2	1,04
3.30	Đường Nguyễn Văn Hưởng	Đường Nguyễn Minh Quang	Đường Trần Minh Sơn	1,04
3.31	Đường Đặng Văn Ngữ	Đường Nguyễn Minh Quang	Đường Trần Minh Sơn	1,04
3.32	Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh)	Chân cầu Hưng Lợi	Đường Nguyễn Văn Cừ	1,04
		Đường Nguyễn Văn Cừ	Rạch Bà Bộ	1,04
		Hai bên chân cầu Hưng Lợi	Sông Cần Thơ	1,04
3.33	Khu dân cư 91B - Giai đoạn 3 (Trừ các tuyến đường đã đặt tên)	Trục chính		1,04
		Trục phụ		1,04
3.34	Khu chung cư Đường 3 Tháng 2 (Trừ các tuyến đường đã đặt tên)	Trục đường chính dẫn vào khu chung cư A, B, C, D, do Nhà nước đầu tư		1,04
		Trục phụ		1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
3.35	Khu dân cư 91B (Giai đoạn 1, tính từ Quốc lộ 91B - Trần Hoàng Na dự mở (Trừ các tuyến đường đã đặt tên)	Trục chính		1,04
		Trục phụ		1,04
3.36	Khu dân cư 148, Đường 3 Tháng 2	Đường 3 Tháng 2	Hết đường trải nhựa	1,04
3.37	Khu dân cư 351, Đường 30 Tháng 4	Các trục đường chính		1,04
3.38	Khu dân cư 274, Đường 30 Tháng 4	Đường nội bộ		1,04
3.39	Khu dân cư 515, Đường 30 Tháng 4	Đường 30 Tháng 4	Hết đường trải nhựa	1,04
3.40	Khu dân cư dự án Nâng cấp đô thị	Các đường còn lại		1,04
3.41	Khu dân cư Hàng Bàng	Cả khu		1,04
3.42	Khu dân cư Metro Cash (Trừ Đường số 1)	Trục chính		1,04
		Trục phụ		1,04
3.43	Khu dân cư Phước Kiến, Tầm Vu	Đường nội bộ		1,04
3.44	Khu tái định cư Thới Nhựt 2 (Giai đoạn 1 và 2)	Cả khu		1,04
3.45	Khu tái định cư Thới Nhựt - Lô 1A (Công ty Hồng Quang làm chủ đầu tư)	Phần tiếp giáp Đường Trần Bạch Đằng		1,04
		Các trục đường còn lại		1,04
3.46	Khu tái định cư Trường Đại học Y Dược (Giai đoạn 1)	Trục chính		1,04
		Trục phụ		1,04
3.47	Hẻm 12, Đường 3 Tháng 2	Đường 3 Tháng 2	Hết đoạn trải nhựa	1,04
3.48	Hẻm 483, Đường 30 Tháng 4	Đường 30 Tháng 4	Hẻm 17, Đường Trần Hoàng Na	1,04
3.49	Hẻm 577, Đường 30 Tháng 4	Đường 30 Tháng 4	Đường Tầm Vu	1,04
4	**Phường An Bình**			
4.1	Đường 3 Tháng 2	Cầu Đầu Sấu	Chân cầu Cái Răng	1,04
		Hai bên chân cầu Cái Răng	Sông Cần Thơ	1,04
4.2	Đường Trần Hoàng Na	Cầu Đầu Sấu	Đường Nguyễn Văn Cừ	1,02
4.3	Đường Hậu Giang	Đường 3 Tháng 2	Cuối đường	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
4.4	Đường Nguyễn Văn Cừ	Cầu Rạch Ngỗng 2	Cầu Cái Sơn 2	1,04
		Cầu Cái Sơn 2	Đường Mỹ Khánh - Bông Vang	1,04
		Đường Mỹ Khánh - Bông Vang	Giáp ranh xã Phong Điền	1,04
4.5	Đường Tú Xương (Đường số 6, Khu dân cư Hồng Phát)	Đường Xuân Thủy	Cuối đường	1,04
4.6	Đường Xuân Thủy (Đường số 7 và Đường số 15, Khu dân cư Hồng Phát)	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Hoàng Quốc Việt	1,04
4.7	Đường Hoàng Quốc Việt	Lộ Vòng Cung	Cầu Hàng Bàng	1,02
4.8	Đường Nguyễn Văn Trường	Lộ Vòng Cung	Cầu Ngã Cái	1,04
4.9	Đường Trần Vĩnh Kiết	Đường 3 Tháng 2	Đường Nguyễn Văn Cừ	1,04
4.10	Lộ Vòng Cung	Cầu Cái Răng	Cầu Rau Răm	1,04
		Cầu Rau Răm	Giáp ranh xã Phong Điền	1,04
4.11	Khu dân cư Cái Sơn - Hàng Bàng (Khu B)	Phần mở rộng		1,04
4.12	Khu dân cư Hồng Phát (Các trục đường nội bộ chưa có tên trong bảng giá đất)	Trục chính		1,02
		Trục phụ		1,04
4.13	Khu đô thị mới An Bình	Cả khu		1,04
4.14	Khu tái định cư Đường tỉnh 923	Cả khu		1,04
4.15	Khu tái định cư Rạch Ngã Ngay	Cả khu		1,04
4.16	Khu chợ Mỹ Khánh và XD Thương mại thuộc Khu tái định cư hai bên Đường Nguyễn Văn Cừ (Công ty Mặt Trời Đỏ trúng đấu giá)	Cặp Đường Nguyễn Văn Cừ		1,02
4.17	Khu tái định cư xã Mỹ Khánh (Thuộc dự án khai thác quỹ đất)	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Trường Tiền - Bông Vang	1,03
4.18	Đường Trường Tiền - Bông Vang (Trừ đoạn qua Khu tái định cư xã Mỹ Khánh)	Lộ Vòng Cung	Cầu Rạch Dinh	1,04
		Cầu Rạch Dinh	Cầu Rạch Nhum	1,04
		Các trục đường nội bộ Khu nhà ở cán bộ Học viện chính trị hành chính khu vực 4		1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
4.19	Đường Rạch Kè - Bờ Hồ	Rạch Kè	Rạch Bờ Hồ	1,04
4.20	Đường cặp Rạch Cái Sơn (Hai bên)	Đường Nguyễn Văn Cừ	Vòng Cung	1,04
4.21	Hẻm 234, Đường Hoàng Quốc Việt	Đường Hoàng Quốc Việt	Cuối đường	1,02
4.22	Hẻm 170, Đường Hoàng Quốc Việt	Đường Hoàng Quốc Việt	Cuối đường	1,04
4.23	Hẻm 36, Đường Hoàng Quốc Việt	Đường Hoàng Quốc Việt	Cuối đường	1,02
4.24	Đường Rau Mui - Mỹ Hòa	Cầu Rau Mui	Giáp ranh khu vực Mỹ Hòa	1,04
4.25	Đường cặp Rạch Sao	Cầu Trường Tiền	Giáp ranh xã Phong Điền	1,04
4.26	Khu tái định cư An Bình	Trục chính		1,02
		Trục phụ		1,02
4.27	Khu tái định cư Ninh Kiều	Trục chính		1,02
		Trục phụ		1,02
4.28	Khu tái định cư Phong Điền (Giai đoạn 1)	Trục chính		1,02
		Trục phụ		1,02
5	**Phường Bình Thủy**			
5.1	Đường Lê Hồng Phong	Cầu Bình Thủy	Đường Huỳnh Phan Hộ (Bên trái)	1,04
			Hết ranh Cảng Cần Thơ (Bên phải)	1,04
5.2	Đường Bùi Hữu Nghĩa (Đường tỉnh 918)	Đường Lê Hồng Phong	Đường Nguyễn Truyền Thanh	1,04
		Đường Nguyễn Truyền Thanh	Cầu Ngã Tư	1,04
		Cầu Ngã Tư	Cầu Rạch Chanh	1,04
5.3	Đường Lạc Long Quân (Đường số 13, Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301))	Đường Lê Hồng Phong	Đường Võ Văn Kiệt	1,04
5.4	Đường Nguyễn Chánh Tâm (Đường số 6, Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301))	Đường Lê Hồng Phong	Đường Kinh Dương Vương	1,04
5.5	Đường Kinh Dương Vương	Đường Đặng Văn Dầy	Đường số 25, Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301)	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
5.6	Đường Đặng Thùy Trâm	Đường Đặng Văn Dầy	Đường số 7, Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301)	1,04
5.7	Đường Đỗ Trọng Văn (Đường số 13, Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301))	Đường Lê Hồng Phong	Hết trục Đường số 13, Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301)	1,04
5.8	Đường Đặng Văn Dầy (Trục Đường số 1, Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301))	Đường Lê Hồng Phong	Cuối đường	1,04
5.9	Đường Đinh Công Trứ (Trục Đường số 29, Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301))	Đường Đặng Văn Dầy	Đường số 20, Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301)	1,04
5.10	Đường Trần Nhật Duật (Đường số 36, 37, Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301))	Đường Đặng Văn Dầy	Trục Đường số 15, Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301)	1,04
5.11	Đường Huỳnh Phan Hộ (Phía bên trái hướng Đường Lê Hồng Phong vào)	Đường Lê Hồng Phong	Giáp ranh phường Long Tuyền	1,04
5.12	Đường Nguyễn Truyền Thanh	Đường Lê Hồng Phong	Đường Bùi Hữu Nghĩa	1,04
5.13	Đường Võ Văn Kiệt	Giáp ranh phường Cái Khế	Cầu Bà Bộ	1,04
		Cầu Bình Thủy 2	Cầu Rạch Chanh	1,04
5.14	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Nguyễn Đệ, Hẻm 86 Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cầu Bình Thủy	1,04
5.15	Đường Lê Phước Thọ	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cống Rạch Sao (Giáp phường Long Tuyền)	1,04
5.16	Đường Đồng Ngọc Sứ	Đường Trần Quang Diệu	Ngã ba	1,04
		Ngã ba	Đường Phạm Hữu Lầu	1,04
5.17	Đường Đồng Văn Cống	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Trần Quang Diệu	1,04
5.18	Đường Lê Quang Chiểu	Đường Lê Văn Sô	Đường Nguyễn Thông	1,04
5.19	Đường Lê Văn Bì	Đường Lê Văn Sô	Đường Lê Phước Thọ	1,04
5.20	Đường Lê Văn Sô	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Trần Quang Diệu	1,04
5.21	Đường Nguyễn Đệ	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Võ Văn Kiệt	1,04
5.22	Đường Nguyễn Thông	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Trần Quang Diệu	1,04
5.23	Đường Nguyễn Việt Dũng	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Trần Quang Diệu	1,04
5.24	Đường Phạm Hữu Lầu	Đường Trần Quang Diệu	Đường Đồng Văn Cống	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
5.25	Đường Phạm Ngọc Hưng	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Võ Văn Kiệt	1,04
5.26	Đường Thái Thị Nhạn	Suốt tuyến		1,04
5.27	Đường Trần Quang Diệu	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cầu Ván	1,04
		Cầu Ván	Chợ Ngã Tư	1,04
		Chợ Ngã Tư	Cầu Bình Thủy	1,04
5.28	Đường Trần Văn Nghiêm	Đường Trần Quang Diệu	Cuối hẻm 172, Đường Trần Quang Diệu	1,04
5.29	Đường Đặng Thị Nhường	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Rạch Khai Luông	1,04
5.30	Đường Huỳnh Mẫn Đạt	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Rạch Khai Luông	1,04
5.31	Đường Nguyễn Thị Tính	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cuối đường	1,04
5.32	Khu tập thể Cầu Đường 675	Cả khu		1,04
5.33	Khu dân cư phường Bình Thủy (kho 301), dự án chủ đầu tư Ngân Thuận (Trừ các trục đường đã đặt tên và có giá cụ thể trong bảng giá đất)	Trục chính		1,04
		Trục phụ		1,04
5.34	Khu tái định cư công trình bồi thường, giải phóng mặt bằng cơ sở hạ tầng Khu hành chính và Trung tâm thể dục thể thao quận Bình Thủy	Đường trục chính trên 10 mét		1,04
		Đường trục phụ dưới 10 mét		1,04
5.35	Khu dân cư Công ty Cổ phần Xây lắp PTKD nhà đầu tư	Đường nội bộ toàn khu		1,04
5.36	Khu dân cư An Thới	Trục chính		1,04
		Trục phụ		1,04
5.37	Khu tái định cư Hẻm 115, Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cả khu		1,04
5.38	Khu tái định cư Bành Văn Khuê, Đường Trần Quang Diệu	Suốt tuyến		1,04
5.39	Hẻm 180, Đường Cách Mạng Tháng Tám	Suốt tuyến		1,04
5.40	Hẻm 412, Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Hết đoạn trải nhựa	1,04
5.41	Hẻm 512, Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Khu dân cư An Thới	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
6	**Phường Long Tuyền**			
6.1	Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh)	Rạch Bà Bộ	Giáp ranh phường Thới An Đông	1,04
6.2	Đường Bùi Hữu Nghĩa (Đường tỉnh 918)	Cầu Rạch Chanh	Ngã ba Đường Nguyễn Văn Trường	1,04
		Ngã ba Đường Nguyễn Văn Trường	Hết ranh phường Long Tuyền	1,04
6.3	Đường Võ Văn Kiệt	Cầu Bà Bộ	Cầu Bình Thủy 2	1,04
		Cầu Rạch Chanh	Hết ranh phường Long Tuyền	1,04
6.4	Đường Huỳnh Phan Hộ	Đường Võ Văn Kiệt	Rạch Chanh	1,04
6.5	Đường Đinh Công Chánh	Chợ Phó Thọ	Đường Võ Văn Kiệt	1,04
		Đường Võ Văn Kiệt	Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh)	1,04
6.6	Đường Lê Phước Thọ	Cống Rạch Sao	Đường tỉnh 918 (Bờ kè rạch Cái Sơn - Hàng Bàng)	1,04
6.7	Đường Xuân Hồng (Đường số 1 - Khu tái định cư phường Long Tuyền và Đường số 36 - Khu đô thị hai bên Đường Nguyễn Văn Cừ)	Đường Tô Vĩnh Diện	Đường số 5 - Khu đô thị mới hai bên Đường Nguyễn Văn Cừ	1,03
6.8	Khu dân cư P2 (Đối diện chợ Bà Bộ)	Cả khu		1,04
6.9	Khu dân cư Cái Sơn - Hàng Bàng	Cả khu		1,04
6.10	Khu tái định cư Bình Nhựt (12,8 ha)	Trục chính		1,04
		Trục phụ		1,04
6.11	Khu tái định cư phường Long Tuyền	Cả khu		1,04
6.12	Khu tái định cư Bình Thủy (Khu 1)	Đường trục chính trên 10 mét		1,02
		Đường trục phụ dưới 10 mét		1,02
6.13	Khu đô thị tái định cư Cửu Long (Các vị trí đã hoàn thiện CSHT và được cấp GCN QSDĐ)	Trục chính		1,04
		Trục phụ		1,04
6.14	Đường Nguyễn Thanh Sơn	Đường Bùi Hữu Nghĩa (Đường tỉnh 918)	Đường Võ Văn Kiệt	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
6.15	Đường Nguyễn Thị Tạo	Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh)	Đường Võ Văn Kiệt	1,04
6.16	Đường Nguyễn Văn Trường	Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh)	Hết ranh phường Long Tuyền	1,04
6.17	Đường Tạ Thị Phi	Đường Nguyễn Văn Trường	Khu dân cư đường Nguyễn Văn Cừ	1,04
6.18	Đường Tô Vĩnh Diện	Đường Nguyễn Văn Trường	Khu tái định cư phường Long Tuyền	1,04
6.19	Đường Rạch Chanh	Đường Bùi Hữu Nghĩa (Đường tỉnh 918)	Rạch Bà Cầu	1,04
		Đường Võ Văn Kiệt	Đường Hồ Trung Thành	1,04
6.20	Bờ kè Rạch Cam	Đường Bùi Hữu Nghĩa (Đường tỉnh 918)	Hết đoạn bờ kè	1,02
6.21	Đường vào Làng hoa kiểng Bà Bộ	Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh)	Ranh Khu đô thị tái định cư Cửu Long (Các vị trí đã hoàn thiện CSHT và được cấp GCN QSDĐ)	1,04
6.22	Đường Trường Tiền - Bông Vang	Đường Bùi Hữu Nghĩa (Đường tỉnh 918)	Hết ranh phường Long Tuyền	1,04
6.23	Đường Nguyễn Văn Cừ (Dự án khai thác quỹ đất)	Cầu Cái Sơn 2 (Phường Long Tuyền)	Hết ranh phường Long Tuyền	1,04
6.24	Đường Kè Cái Sơn - Mương Khai	Đường Lê Phước Thọ	Đường Âu Thuyền Hàng Bàng	1,04
6.25	Đường Rạch Hàng Bàng	Cầu Bà Bộ (Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh))	Đường Âu Thuyền Hàng Bàng	1,04
7	**Phường Thới An Đông**			
7.1	Đường Lê Hồng Phong	Đường Huỳnh Phan Hộ	Cầu Trà Nóc	1,04
		Cầu Trà Nóc	Cầu Sang Trắng 1	1,04
7.2	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Lê Hồng Phong	Cầu Rạch Gừa	1,02
		Cầu Rạch Gừa	Cầu Trà Nóc 2	1,02
		Cầu Trà Nóc 2	Quốc lộ 91B	1,02
7.3	Đường Hồ Trung Thành (Đường Công Bình)	Đường Lê Hồng Phong	Đường Huỳnh Phan Hộ - Rạch Chanh	1,04
7.4	Đường Huỳnh Phan Hộ (Bên phải)	Đường Lê Hồng Phong	Giáp ranh phường Long Tuyền	1,04
7.5	Đường Lê Thị Hồng Gấm	Đường Lê Hồng Phong	Cầu Xẻo Mây	1,01

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
7.6	Đường kè chống sạt lở sông Trà Nóc	Cầu Xẻo Mây	Rạch Chùa	1,01
7.7	Đường Âu Cơ	Đường Lê Hồng Phong	Đường Võ Văn Kiệt	1,04
7.8	Đường Nguyễn Viết Xuân	Đường Lê Hồng Phong	Rạch Xẻo Mây - Lê Thị Hồng Gấm	1,02
		Rạch Xẻo Mây	Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh)	1,02
		Ngã ba Trạm y tế phường Thới An Đông	Hết ranh Trạm Y tế phường Thới An Đông	1,02
7.9	Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh)	Giáp ranh phường Long Tuyền	Giáp ranh phường Phước Thới (Cầu Giáo Dẫn)	1,04
7.10	Đường Phạm Thị Ban (Tuyến Ngã Ba - ông Tư Lợi, phường Thới An Đông)	Cầu Trà Nóc 2 (Đường Nguyễn Chí Thanh)	Cầu Giáo Dẫn (Quốc lộ 91B)	1,02
7.11	Đường Trần Thị Mười	Quốc lộ 91B	Kênh Ông Tường	1,01
7.12	Khu dân cư vượt lũ phường Trà Nóc (cũ)	Cả khu		1,04
7.13	Khu tái định cư Vành Đai Sân bay	Đường Âu Cơ	Hết đoạn trải nhựa	1,02
7.14	Khu tái định cư Bình Thủy (Khu 1)	Đường trục phụ dưới 10 mét		1,02
7.15	Hẻm 19, Đường Lê Hồng Phong	Suốt tuyến		1,02
7.16	Hẻm 29, Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Hồng Phong	Cuối hẻm	1,02
7.17	Hẻm 44, Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Hồng Phong	Hẻm 36, Đường Nguyễn Chí Thanh	1,01
7.18	Hẻm 65, Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Hồng Phong	Cuối đường	1,01
7.19	Hẻm liên tổ 2, 3, 4, Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Hồng Phong	Cuối hẻm	1,01
7.20	Hẻm 71, Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Hồng Phong	Hẻm 18, Đường Hồ Trung Thành	1,02
7.21	Hẻm 3, Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Hồng Phong	Hết đoạn trải nhựa (Nhà văn hóa khu vực 4)	1,02
7.22	Hẻm 129, Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Hồng Phong	Cuối hẻm	1,01
7.23	Hẻm 40, Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Hồng Phong	Cuối hẻm	1,01

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
7.24	Hẻm Khu Tập thể Hóa chất và Cơ điện Công nghiệp (Hẻm liên tổ 6, 7, 8)	Đường Lê Hồng Phong	Toàn khu	1,02
7.25	Đường vào Tổng Công ty phát điện 2, phường Trà Nóc (cũ)	Đường Nguyễn Chí Thanh	Cổng vào Tổng Công ty phát điện 2	1,01
7.26	Hẻm 18, Đường Hồ Trung Thành	Đường Hồ Trung Thành	Hết đoạn trải nhựa	1,01
7.27	Hẻm 32, Đường Hồ Trung Thành	Đường Hồ Trung Thành	Cuối hẻm	1,02
7.28	Hẻm 54, Đường Hồ Trung Thành	Đường Hồ Trung Thành	Đường Âu Cơ	1,01
7.29	Hẻm 72, Đường Hồ Trung Thành	Đường Hồ Trung Thành	Cuối hẻm	1,01
7.30	Hẻm 149, Đường Hồ Trung Thành	Đường Hồ Trung Thành	Cuối hẻm	1,01
7.31	Các nhánh hẻm 54, Đường Hồ Trung Thành	Đường Hồ Trung Thành	Hết đoạn trải nhựa	1,01
7.32	Hẻm 90, Đường Huỳnh Phan Hộ	Đường Huỳnh Phan Hộ	Cuối hẻm	1,01
7.33	Hẻm 48, Đường Huỳnh Phan Hộ	Đường Huỳnh Phan Hộ	Rạch Chanh	1,01
7.34	Hẻm 28, Đường Huỳnh Phan Hộ	Đường Huỳnh Phan Hộ	Cuối hẻm	1,01
7.35	Hẻm 38, Đường Huỳnh Phan Hộ	Đường Huỳnh Phan Hộ	Hết đoạn trải nhựa	1,02
7.36	Đường cặp Rạch Xẻo Khế (Bên trái)	Đường Phạm Thị Ban	Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh)	1,01
7.37	Đường cặp Rạch Miễu Trắng	Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh)	Kênh Ông Tường	1,01
7.38	Hẻm 1, Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Nguyễn Chí Thanh	Cuối hẻm	1,02
7.39	Hẻm 1A, Đường Nguyễn Chí Thanh (Khu vực 2)	Đường Nguyễn Chí Thanh	Cuối hẻm	1,02
7.40	Hẻm 2, Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Nguyễn Chí Thanh	Cuối hẻm	1,02
7.41	Hẻm 1A, Đường Nguyễn Chí Thanh (Khu vực 1)	Đường Nguyễn Chí Thanh	Hẻm Khu Tập thể Hóa chất và Cơ điện Công nghiệp (Hẻm liên tổ 6,7,8)	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
7.42	Hẻm 36, Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Nguyễn Chí Thanh	Hẻm 44, Đường Lê Hồng Phong	1,02
7.43	Đường vào chợ Trà Nóc	Khu vực chợ Trà Nóc	Rạch ông Táo	1,02
7.44	Hẻm 18, Đường Hồ Trung Thành	Đường Hồ Trung Thành	Hết đoạn trải nhựa	1,04
7.45	Hẻm 44, Đường Huỳnh Phan Hộ	Đường Huỳnh Phan Hộ	Cuối hẻm	1,02
7.46	Hẻm 38, Đường Nguyễn Viết Xuân	Đường Nguyễn Viết Xuân	Cuối hẻm	1,04
7.47	Hẻm 95, Đường Âu Cơ	Đường Âu Cơ	Hẻm 18, Đường Hồ Trung Thành	1,04
7.48	Đường cặp Rạch Xẻo Khế (Bên phải)	Đường Phạm Thị Ban	Đường Nguyễn Văn Linh	1,04
7.49	Đường bờ trái Rạch Xéo Điều	Đường Phạm Thị Ban	Đường Nguyễn Văn Linh	1,04
7.50	Đường bờ trái Rạch Mương Khai	Đường Nguyễn Viết Xuân	Đường Trần Thị Mười	1,04
7.51	Đường cặp sông Trà Nóc	Rạch ông Bền	Giáp ranh phường Ô Môn	1,04
7.52	Đường vào chợ Ngã Tư	Cầu Thới Ninh	Kinh ông Huyện	1,04
8	**Phường Cái Răng**			
8.1	Quốc lộ 1	Quốc lộ 61C (Nút giao IC4)	Cầu Số 10 (Giáp ranh xã Thạnh Xuân)	1,04
8.2	Quốc lộ 61C	Quốc lộ 1	Sông Ba Láng	1,02
		Sông Ba Láng	Giáp ranh xã Nhơn Ái	1,02
8.3	Đường Phạm Hùng (Quốc lộ 1)	Đường Võ Tánh	Đường Nguyễn Trãi	1,04
		Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Nguyễn Trãi	1,04
		Đường Nguyễn Trãi	Đường Lê Bình	1,04
		Đường Lê Bình	Đường Hàng Gòn	1,04
		Đường Hàng Gòn	Nút giao IC4	1,04
8.4	Đường dẫn cầu Cần Thơ (Đường 2 Tháng 9)	Giáp ranh phường Hưng Phú	Cầu Cái Da	1,04
		Cầu Cái Da	Quốc lộ 61C (Nút giao IC4)	1,04
8.5	Lộ Cái Chanh (Đường tỉnh 925)	Quốc lộ 1	Hết ranh Trụ sở UBND phường Thường Thạnh (cũ)	1,04
		Trụ sở UBND phường Thường Thạnh (cũ)	Giáp ranh Trường học và các đường Khu Thương mại Cái Chanh	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
8.6	Đường Võ Nguyên Giáp (Đường Nam Sông Hậu)	Cầu Hưng Lợi	Vòng xoay Đường dẫn cầu Cần Thơ	1,04
		Vòng xoay Đường dẫn cầu Cần Thơ	Giáp ranh phường Hưng Phú	1,04
8.7	Đường Duy Tân	Đường Ngô Quyền	Đường Trần Hưng Đạo	1,04
8.8	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Phạm Hùng	Đường Ngô Quyền	1,04
8.9	Đường Hàm Nghi	Đường Ngô Quyền	Đường Trần Hưng Đạo	1,04
8.10	Đường Hàng Gòn	Đường Phạm Hùng	Đường dẫn cầu Cần Thơ (Đường 2 Tháng 9)	1,04
		Đường dẫn cầu Cần Thơ (Đường 2 Tháng 9)	Đường cặp sông Cái Răng Bé - Yên Hạ	1,04
8.11	Đường Hàng Xoài	Đường Phạm Hùng	Đường cặp sông Cái Răng Bé - Yên Hạ	1,03
8.12	Đường Lê Bình	Đường Phạm Hùng	Trường THPT Nguyễn Việt Dũng	1,04
8.13	Đường Lê Hồng Nhi	Đường Phạm Hùng	Đường Nhật Tảo	1,04
		Đường Nhật Tảo	Chùa Ông Một	1,04
8.14	Đường Lê Tấn Quốc (Đường số 29, Khu dân cư Công ty Đầu tư và Xây dựng số 8)	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường số 15, Khu dân cư Công ty Đầu tư và Xây dựng số 8	1,04
8.15	Đường Lê Thái Tổ	Đường Hàm Nghi	Đường Nguyễn Trãi	1,04
8.16	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Ngô Quyền	Cầu Cái Răng	1,04
		Cầu Cái Răng	Đại Chủng Viện	1,04
8.17	Đường Ngô Quyền	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Nguyễn Trãi	1,04
8.18	Đường Nguyễn Trãi	Đường Ngô Quyền	Đường Phạm Hùng	1,04
8.19	Đường Nguyễn Trãi nối dài	Đường Phạm Hùng	Đường Nhật Tảo	1,04
		Đường Nhật Tảo	Ngã ba Rạch Ranh	1,04
8.20	Đường Nguyễn Văn Quang (Đường số 7B, Khu dân cư Nam Long)	Đường Võ Nguyên Giáp	Giáp ranh Khu dân cư Nam Long - Hồng Phát	1,04
8.21	Đường Nguyễn Việt Dũng	Đường Phạm Hùng	Đường Võ Tánh	1,04
8.22	Đường Nhật Tảo	Đường Võ Tánh	Đường Lê Hồng Nhi (Đường Trường Chính trị)	1,04
8.23	Đường Trần Chiên (Lộ Hậu Thạnh Mỹ)	Cầu Cái Răng Bé	Đường dẫn cầu Cần Thơ (Đường 2 Tháng 9)	1,04
		Đường Trần Chiên (Lộ Hậu Thạnh Mỹ)	Cầu Nước Vận	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
8.24	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Nguyễn Trãi	1,04
		Đường Nguyễn Trãi	Đường Lê Bình	1,04
		Đường Lê Bình	Đường Hàng Gòn	1,04
8.25	Đường Huỳnh Thị Nở	Đường Vành Đai phía Tây	Đường Nguyễn Thị Trâm	1,03
		Đường Nguyễn Thị Trâm	Lộ Cái Chanh (Đường tỉnh 925)	1,03
8.26	Đường Trưng Nữ Vương	Đường Phạm Hùng	Đường Ngô Quyền	1,04
8.27	Đường Võ Tánh	Đường Phạm Hùng	Hết ranh Đại Chủng Viện	1,04
		Giáp ranh Đại Chủng Viện	Đường Nguyễn Việt Dũng	1,04
		Đường Nguyễn Việt Dũng	Vàm Ba Láng	1,04
8.28	Đường Vũ Đình Liệu (Đường số 10, Khu dân cư Nam Long)	Đường Võ Nguyên Giáp	Giáp Khu dân cư Nam Long - Hồng Phát	1,04
8.29	Các Khu dân cư thuộc Khu đô thị mới Nam sông Cần Thơ nằm trong giới hạn từ sông Cần Thơ đến ranh phường Hưng Phú (Trừ các tuyến đã đặt tên trong Bảng giá đất)	Trục đường chính đường A		1,04
		Trục đường chính đường B		1,04
8.30	Đường Lê Trọng Tấn	Đường Võ Nguyên Giáp	Giáp Bộ chỉ huy Quân sự thành phố (Đường số 6)	1,04
8.31	Đường Nguyễn Văn Lưu	Đường dẫn cầu Cần Thơ	Đường Lê Trọng Tấn (Dự án TTVH Tây Đô)	1,04
8.32	Khu dân cư Thạnh Mỹ	Trục chính		1,04
		Trục phụ		1,04
8.33	Khu dân cư Hoàng Quân - An Phú - Thạnh Mỹ A	Trục chính		1,04
		Trục phụ		1,04
8.34	Dự án Chỉnh trang và Phát triển đô thị An Phú Cần Thơ	Cả khu		1,04
8.35	Khu Nhà ở phường Thường Thạnh - An Phú Eco City	Cả khu		1,02
8.36	Khu tái định cư cầu Cần Thơ (Phường Ba Láng cũ)	Cả khu		1,03
8.37	Khu tập thể số 9 (Ba Láng cũ)	Cả khu		1,02
8.38	Khu dân cư Quân đội (Yên Hạ A)	Cả khu		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
8.39	Khu tái định cư Thường Thạnh (Kế Nhà tạm giữ)	Cả khu		1,02
8.40	Đường Trương Vĩnh Nguyên (Lê Bình - Thường Thạnh)	Cầu Lê Bình	Đường dẫn cầu Cần Thơ (Đường 2 Tháng 9)	1,04
		Đường dẫn cầu Cần Thơ (Đường 2 Tháng 9)	Cầu Ngã Bát	1,04
8.41	Đường cặp sông Cái Răng Bé - Yên Hạ	Cầu Cái Răng Bé	Trường THPT Nguyễn Việt Dũng	1,03
		Trường THPT Nguyễn Việt Dũng	Hết ranh Trường THCS Thường Thạnh	1,03
8.42	Đường cặp sông Cái Răng Bé - Thạnh Mỹ	Ngã ba Vàm Nước Vận	Giáp ranh phường Hưng Phú	1,02
8.43	Lộ Chợ số 10	Quốc lộ 1	Bến đò số 10	1,04
		Bến đò số 10	Đường Lê Hồng Nhi	1,04
8.44	Đường Đình Nước Vận	Đường Trương Vĩnh Nguyên	Cầu Nước Vận	1,04
8.45	Đường Nguyễn Thị Trâm (Lộ mới 10 mét)	Quốc lộ 1	Đường Trần Hưng Đạo	1,04
8.46	Đường Nguyên Hồng	Quốc lộ 1	Lộ Chợ số 10	1,04
8.47	Đường cặp sông Cái Răng Bé	Đình Nước Vận	Hết cầu Mù U	1,04
8.48	Tuyến Lộ Hậu Tân Thạnh Tây (Toàn tuyến)	Đường cặp Rạch Cái Đôi	Đường cặp Rạch Bàng	1,04
9	**Phường Hưng Phú**			
9.1	Đường dẫn cầu Cần Thơ (Đường 2 Tháng 9)	Cầu Cần Thơ	Nút giao thông IC3	1,04
9.2	Đường Võ Nguyên Giáp (Đường Nam Sông Hậu)	Cầu Hưng Lợi	Nút giao thông IC3	1,04
		Giáp ranh phường Cái Răng	Cầu Cái Cui	1,04
9.3	Đường Quang Trung	Cầu Quang Trung	Nút giao thông IC3	1,04
9.4	Đường Cái Cui	Đường Võ Nguyên Giáp (Đường Nam Sông Hậu)	Cảng Cái Cui	1,02
9.5	Đường số 1A	Đường Võ Nguyên Giáp	Sông Hậu	1,02
9.6	Đường Chí Sinh (Lộ Hậu Tân Phú)	Đường Võ Nguyên Giáp	Cầu Ba Dầu	1,02
		Cầu Ba Dầu	Lộ Rạch Cây Tràm	1,02
9.7	Đường Nguyễn Văn Quy	Đường Chí Sinh	Đường Trương Vĩnh Nguyên	1,02
9.8	Đường Trương Vĩnh Nguyên	Cầu Ngã Bát	Rạch Cái Tắc	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
9.9	Đường Bùi Quang Trinh (Đường số 8, Khu dân cư 586)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đường Nam Sông Hậu)	Đường số 15 (Khu dân cư 586)	1,04
9.10	Đường Cao Minh Lộc (Đường số 10, Khu dân cư 586)	Đường số 46 (Khu dân cư 586)	Đường số 61 (Khu dân cư 586)	1,04
9.11	Đường Hoàng Thế Thiện (Đường B7 - Khu dân cư Hưng Phú 1)	Đường Quang Trung	Đường A5 - Khu dân cư Hưng Phú 1	1,04
9.12	Đường Hoàng Văn Thái (Đường A5 - Khu dân cư Hưng Phú 1)	Đường Lý Thái Tổ	Đường dân sinh cặp Đường dẫn cầu Cần Thơ	1,04
9.13	Đường Lâm Văn Phận (Đường số 9, Khu dân cư 586)	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Lê Nhựt Tảo	1,04
9.14	Đường Lê Nhựt Tảo (Đường số 14, Khu dân cư 586)	Đường số 1 (Khu dân cư 586)	Đường số 9 (Khu dân cư 586)	1,04
9.15	Đường Lê Văn Tưởng (Đường số 47 - Khu dân cư Phú An)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đường Nam Sông Hậu)	Đường số 12 - Khu dân cư Phú An	1,04
9.16	Đường Lý Thái Tổ (Đường A1 - Khu dân cư Hưng Phú 1)	Đường Quang Trung	Đường A10 - Khu dân cư Hưng Phú 1	1,04
9.17	Đường Nguyễn Thái Sơn (Đường A6 - Khu dân cư Hưng Phú 1)	Đường dẫn Cầu Cần Thơ	Đường A6	1,04
9.18	Đường Đoàn Văn Chia (Đường B3-Khu dân cư Hưng Phú 1)	Đường B18	Đường A9	1,04
9.19	Đường Nguyễn Hùng Minh (Đường B26 - Khu tái định cư Hưng Phú)	Đường A12	Đường A15	1,04
9.20	Đường Mai Chí Thọ (Đường số 1, Khu dân cư 586)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đường Nam Sông Hậu)	Sông Hậu	1,04
9.21	Đường Nguyễn Chánh (Đường số 12 - Khu dân cư Phú An)	Đường Mai Chí Thọ	Đường Nguyễn Thị Sáu	1,04
9.22	Đường Nguyễn Ngọc Bích (Đường B6 - Khu dân cư Hưng Phú 1)	Đường Quang Trung	Đường B20 - Khu dân cư Hưng Phú 1	1,04
9.23	Đường Nguyễn Thị Sáu (Đường số 6, Khu dân cư 586)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đường Nam Sông Hậu)	Đường số 15, Khu dân cư 586	1,04
9.24	Đường Phạm Văn Nhờ (Đường số 9A, Khu dân cư Diệu Hiền)	Đường Võ Nguyên Giáp	Giáp ranh phường Cái Răng	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
9.25	Đường Phan Trọng Tuệ (Đường số 1, Khu dân cư Diệu Hiền)	Đường Võ Nguyên Giáp	Giáp ranh phường Cái Răng	1,04
9.26	Đường Trần Văn Sắc (Đường số 1, Khu dân cư Nông Thổ Sản)	Đường Võ Nguyên Giáp	Giáp ranh phường Cái Răng	1,04
9.27	Đường Trần Văn Trà (Đường A3 - Khu dân cư Hưng Phú 1)	Đường Quang Trung	Đường A6 - Khu dân cư Hưng Phú 1	1,04
9.28	Đường Trần Văn Việt (Đường số 7 - Khu dân cư Công an)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đường Nam Sông Hậu)	Đường số 5 - Khu dân cư Công an	1,04
9.29	Khu tái định cư phường Hưng Phú (Lô số 3B)	Cả khu		1,04
9.30	Khu dân cư Điện lực	Cả khu		1,04
9.31	Khu Novaland Group	Cả khu		1,04
9.32	Các Khu dân cư thuộc Khu đô thị mới Nam sông Cần Thơ từ sông Cần Thơ đến Đường 2 Tháng 9, giáp ranh phường Cái Răng (Trừ các đường đã đặt tên)	Trục đường chính đường A		1,04
		Trục đường chính đường B		1,04
9.33	Các Khu dân cư thuộc Khu đô thị mới Nam sông Cần Thơ từ Ranh phường Cái Răng đến ranh xã Châu Thành (Trừ các đường đã đặt tên)	Trục đường chính đường A		1,04
		Trục đường chính đường B		1,04
9.34	Lộ cặp sông Bùng Binh	Sông Hậu	Kênh Thạnh Đông	1,02
9.35	Lộ cặp sông Bến Bạ	Sông Hậu	Kênh Thạnh Đông	1,02
9.36	Lộ cặp sông Cái Cui	Sông Hậu	BCH Quân sự phường	1,04
9.37	Đường liên khu vực Phú Thuận - Phú Thành	Cầu Ba Dầu	Sông Cái Cui	1,04
9.38	Tuyến lộ Rạch Cây Tràm	Sông Bến Bạ	Sông Cái Cui	1,04
9.39	Tuyến lộ cặp sông Cần Thơ	Cầu Hưng Lợi	Miếu Bà	1,04
9.40	Tuyến lộ cặp sông Hậu	Miếu Bà	Quảng trường 586	1,04
9.41	Tuyến Đường Kênh Thạnh Đông (Nối Mù U - Bến Bạ)	Rạch Mù U	Sông Bến Bạ	1,02
9.42	Tuyến hai bên Rạch Ngã Bát	Cầu Ngã Bát	Kênh Thạnh Đông	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
9.43	Tuyến hai bên Rạch Xẻo Lá	Cầu Xẻo Lá	Kênh Thạnh Đông	1,04
9.44	Tuyến Rạch Mật Cật	Cầu Mật Cật tại Rạch Xẻo Lá	Ngã tư Rạch (Mật Cật-Đường Gỗ - Lòng Óng - Hàng Bần)	1,04
9.45	Tuyến hai bên Rạch Hàng Bần	Cầu Hàng Bần	Rạch Xẻo Gừa	1,04
9.46	Tuyến Đường Rạch Đường Gỗ	Kênh Thạnh Đông	Đường Nguyễn Văn Quy	1,04
9.47	Tuyến Rạch Cái Đôi	Cầu Cái Đôi	Đường Mai Chí Thọ	1,04
9.48	Tuyến Rạch Lòng Óng	Ngã tư Rạch (Mật Cật - Đường Gỗ - Lòng Óng - Hàng Bần)	Rạch Giồng Ổi	1,04
9.49	Tuyến Rạch Xẻo Gừa	Cầu Ngã Bát	Ngã ba Phú Trung	1,04
9.50	Tuyến Rạch Cái Tắc	Ngã ba Phú Trung	Ngã ba Bùng Binh	1,04
9.51	Rạch Giồng Ổi	Cầu Giồng Ổi	Kênh Thạnh Đông	1,04
9.52	Lộ Quận (Lò Mổ)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đường Nam Sông Hậu)	Rạch Cái Tắc	1,02
9.53	Đường dẫn Cao tốc Bắc - Nam	Đường Võ Nguyên Giáp	Rạch Ngã Bát	1,02
10	**Phường Ô Môn**			
10.1	Quốc lộ 91	Cầu Ô Môn	Giáp ranh phường Thới Long	1,04
		Giáp ranh phường Phước Thới	Cầu Tắc Ông Thục	1,04
		Cầu Tắc Ông Thục	Cầu Ông Tành	1,04
10.2	Đường Tôn Đức Thắng (Quốc lộ 91)	Cầu Ông Tành	Cầu Ô Môn (Bên phải)	1,04
			Cầu Ô Môn (Bên trái)	1,04
10.3	Đường tỉnh 922	Quốc lộ 91	Cầu Rạch Nhum (Bên phải)	1,04
		Quốc lộ 91	Cầu Rạch Nhum (Bên trái)	1,04
		Cầu Rạch Nhum	Giáp ranh xã Trường Thành (Bên trái)	1,04
		Cầu Rạch Nhum	Giáp ranh xã Trường Thành (Bên phải)	1,04
10.4	Đường Trần Kiết Tường (Đường tỉnh 920B)	Quốc lộ 91	Cầu Ba Rích (Bên phải)	1,04
		Quốc lộ 91	Cầu Ba Rích (Bên trái)	1,04
		Cầu Ba Rích	Cầu Tầm Vu (Bên phải)	1,04
		Cầu Ba Rích	Cầu Tầm Vu (Bên trái)	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
10.4	Đường Trần Kiết Tường (Đường tỉnh 920B)	Cầu Tầm Vu	Đình Thới An (Bên phải)	1,04
		Cầu Tầm Vu	Đình Thới An (Bên trái)	1,04
		Trường Tiểu học Nguyễn Hữu Cảnh	Hết ranh UBND phường Thới An cũ (Bên phải)	1,04
		Trường Tiểu học Nguyễn Hữu Cảnh	Hết ranh UBND phường Thới An cũ (Bên trái)	1,04
		UBND phường Thới An cũ	Cầu Cái Đâu (Bên phải)	1,04
		UBND phường Thới An cũ	Cầu Cái Đâu (Bên trái)	1,04
10.5	Đường Bến Bạch Đằng	Đầu vàm Tắc Ông Thục	Hết dãy phố 06 căn	1,04
10.6	Đường Bến Bạch Đằng nối dài	Cầu Ô Môn	Giáp dãy phố 06 căn	1,04
10.7	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Trần Quốc Toản	Cổng Bệnh viện Ô Môn	1,04
10.8	Đường Châu Văn Liêm	Quốc lộ 91	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1,04
10.9	Đường Đắc Nhẫn (Đường vào Trường Dân tộc Nội trú)	Đường Tôn Đức Thắng	Rạch Sáu Thước	1,04
10.10	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Bến Bạch Đằng	1,04
10.11	Đường 26 Tháng 3	Quốc lộ 91	Đường Kim Đồng	1,04
10.12	Đường 3 Tháng 2	Đường Kim Đồng	Đường Huỳnh Thị Giang	1,04
10.13	Đường 30 Tháng 4	Đường Trần Hưng Đạo	Giáp Bệnh viện Ô Môn	1,04
10.14	Đường Huỳnh Thị Giang	Đường Châu Văn Liêm	Đường 26 Tháng 3	1,04
10.15	Đường Kim Đồng	Đường 26 Tháng 3	Rạch Cây Me	1,04
10.16	Đường Lê Quý Đôn	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Bến Bạch Đằng	1,04
10.17	Đường Lê Văn Tám	Đường 26 Tháng 3	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1,04
10.18	Đường Lưu Hữu Phước	Đường 26 Tháng 3	Đường Châu Văn Liêm	1,04
10.19	Đường Lý Thường Kiệt	Đường 26 Tháng 3	Đường Bến Bạch Đằng	1,04
10.20	Đường Ngô Quyền	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Bến Bạch Đằng	1,04
10.21	Đường Nguyễn Du	Đường Lưu Hữu Phước	Đường Nguyễn Trãi	1,04
10.22	Đường Nguyễn Trãi	Đường 3 Tháng 2	Đường Trần Phú	1,04
10.23	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường 26 Tháng 3	Chợ Ô Môn	1,04
10.24	Đường Phan Đình Phùng	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Trần Quốc Toản	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
10.25	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Kim Đồng	Cầu Huyện đội	1,04
10.26	Đường Trần Nguyên Hãn	Đường 26 Tháng 3	Đường Bến Bạch Đằng	1,04
10.27	Đường Trần Quốc Toản	Đường 26 Tháng 3	Đường Châu Văn Liêm	1,04
10.28	Đường Lê Lợi	Đường Trần Hưng Đạo	Hết Xưởng cưa Quốc Doanh (cũ)	1,04
		Xưởng cưa Quốc Doanh (cũ)	Hết Thánh Thất Cao Đài	1,04
10.29	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Huyện đội	Trường Lương Định Của	1,04
		Trường Lương Định Của	Cổng chào	1,04
10.30	Đường Trưng Nữ Vương	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Cây Me	1,04
		Cầu Cây Me	Đường Tôn Đức Thắng (Quốc lộ 91)	1,04
10.31	Đường nội bộ Khu Dân tộc Nội trú (Trừ tuyến đường đã đặt tên)	Toàn bộ các tuyến đường		1,04
10.32	Đường Bến Hoa Viên	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu đúc ngang Nhà máy Liên Hiệp	1,04
		Cầu đúc ngang Nhà máy Liên Hiệp	Cầu đúc vào Chùa Long Châu	1,04
10.33	Chợ Thới An	Hẻm nhà Thương	Đình Thới An	1,04
10.34	Đường vào Trung tâm Y tế dự phòng	Đường Tôn Đức Thắng	Hết ranh đất Cơ quan Quản lý thị trường	1,04
10.35	Tuyến tránh sạt lở Quốc lộ 91	Đường Trần Kiết Tường (Đường tỉnh 920B)	Giáp ranh phường Thới Long	1,04
10.36	Đường Viện Lúa Đồng Bằng Sông Cửu Long (Bên trái)	Quốc lộ 91 (cũ)	Giáp ranh xã Trường Thành	1,02
10.37	Khu phố Thương mại Thịnh Vượng	Trục số 1 tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo		1,04
		Các trục đường còn lại		1,04
10.38	Khu tái định cư Đường tỉnh 920B	Cả khu		1,04
10.39	Khu tái định cư Trung tâm văn hóa quận Ô Môn (cũ)	Cả khu		1,04
10.40	Khu tái định cư quận Ô Môn (Khu 1)	Cả khu		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
10.41	Khu tái định cư sau Trường Dân tộc Nội trú quận Ô Môn (Do Công ty TNHH MTV Xây dựng Sao Vàng Tây Đô làm chủ đầu tư)	Cả khu		1,03
11	**Phường Phước Thới**			
11.1	Đường tỉnh 922	Cầu Bà Cai	Cầu Mương Huyện	1,02
11.2	Khu dân cư phường Phước Thới	Cả khu		1,04
11.3	Khu tái định cư và nhà ở công nhân Khu công nghiệp Trà Nóc II	Cả khu		1,03
11.4	Khu dân cư Công đoàn Giáo Viên	Cả khu		1,02
11.5	Chợ Phước Thới	Đường Tôn Đức Thắng	Cầu Chùa (Trừ hành lang đường sông)	1,04
11.6	Đường Đặng Thanh Sử (Đường số 2, Nhà máy Nhiệt điện Ô Môn)	Đường Tôn Đức Thắng	Nhà máy Nhiệt điện Ô Môn	1,04
11.7	Đường tỉnh 920B	Rạch Cái Chôm	Đường Đặng Thanh Sử	1,04
11.8	Hai bên Chợ Ba Se	Sông Tắc Ông Thục	Lộ Vòng Cung (Đường tỉnh 923)	1,04
11.9	Lộ Vòng Cung (Đường tỉnh 923)	Đường Tôn Đức Thắng	Cầu Giáo Dẫn	1,04
		Cầu Giáo Dẫn	Giáp ranh xã Phong Điền	1,04
11.10	Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh)	Đoạn thuộc phường Phước Thới		1,04
11.11	Đường Tôn Đức Thắng (Quốc lộ 91)	Cầu Sang Trắng I	Nút giao Quốc lộ 91B	1,04
		Nút giao Quốc lộ 91B	Chợ bến đò Đu Đủ	1,04
		Chợ bến đò Đu Đủ	Giáp ranh phường Ô Môn (Trạm thu phí)	1,04
11.12	Đường Trương Văn Diễn (Đường tỉnh 920C)	Đường Tôn Đức Thắng	Nhà máy xi măng Tây Đô	1,04
12	**Phường Thới Long**			
12.1	Khu dân cư Thương mại Bằng Tăng	Quốc lộ 91 trở vào		1,04
12.2	Lộ chùa	Đường Thái Thị Hạnh	Cầu Dì Tho	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
12.3	Quốc lộ 91	Giáp ranh phường Ô Môn	Cầu Bánh Tét (Bên phải)	1,04
		Giáp ranh phường Ô Môn	Đường Trần Ngọc Hoằng (Bên trái)	1,04
		Đường Trần Ngọc Hoằng	Cầu Bánh Tét (Bên trái)	1,04
		Cầu Bánh Tét	Cầu Thơm Rơm	1,04
		Cầu Thơm Rơm	Giáp ranh phường Thuận Hưng (Bên trái)	1,04
		Cầu Thơm Rơm	Giáp ranh phường Thuận Hưng (Bên phải)	1,04
		Quốc lộ 91	Cầu Rạch Sung	1,04
		Cầu Rạch Sung	Kênh Thủy lợi Lò Gạch	1,04
12.4	Tuyến tránh sạt lở Quốc lộ 91	Giáp ranh phường Ô Môn	Quốc lộ 91	1,04
12.5	Chợ Thới Long	Rạch Bà Kiểu	Rạch Ông Hiền	1,02
12.6	Đường Viện Lúa Đồng Bằng Sông Cửu Long	Quốc lộ 91	Giáp ranh xã Trường Thành (Bên phải)	1,02
13	**Phường Trung Nhứt**			
13.1	Đường tỉnh 921	Cầu Trà Bay	Cầu Rạch Rích	1,04
		Cầu Rạch Rích	Cầu Ông Tùng	1,04
		Cầu Ông Tùng	Cầu Mương Trâu	1,04
		Cầu Mương Trâu	Cầu Xẻo Cách	1,04
		Cầu Xẻo Cách	Cầu Xẻo Chàm	1,04
		Cầu Xẻo Chàm	Giáp ranh xã Trung Hưng (Rạch Xẻo Xây Lớn)	1,04
13.2	Đường Sĩ Cuông (Bên trái)	Đường tỉnh 921	Đường tỉnh 921E	1,04
		Đường tỉnh 921E	Giáp ranh xã Vĩnh Thạnh	1,04
13.3	Đường số 14 vào Trường THCS Trung An	Đường tỉnh 921	Trường THCS Trung An	1,04
13.4	Khu dân cư Chợ Phúc Lộc 1	Cả khu		1,04
13.5	Tuyến tránh Quốc lộ 91	Cầu Thốt Nốt	Cầu Tràng Thọ	1,04
13.6	Đường tỉnh 921E	Tuyến tránh Quốc lộ 91	Rạch Mương Chuối	1,04
		Rạch Mương Chuối	Giáp ranh xã Trung Hưng	1,04
13.7	Đường Trà Bay	Cầu Trà Bay	Cầu Tràng Thọ	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
14	**Phường Thuận Hưng**			
14.1	Đường Lê Thị Tạo	Quốc lộ 91	Cầu 3 Tháng 2	1,04
14.2	Đường Lộ mới (Cặp Kênh Thốt Nốt)	Cầu Thốt Nốt	Kho Mai Anh	1,04
14.3	Đường Lộ Chùa	Quốc lộ 91	Sông Hậu	1,04
14.4	Đường Lộ Rẫy	Quốc lộ 91	Sông Hậu	1,04
14.5	Đường Lộ Ông Ba	Quốc lộ 91	Sông Hậu	1,04
14.6	Đường Sân Banh	Quốc lộ 91	Sông Hậu	1,04
14.7	Quốc lộ 91	Giáp ranh phường Thới Long	Đường Mai Văn Bộ (Bên phải)	1,04
		Giáp ranh phường Thới Long	Đường Mai Văn Bộ (Bên trái kênh lộ)	1,04
		Đường Mai Văn Bộ	Cầu Cần Thơ Bé	1,04
		Cầu Cần Thơ Bé	Cầu Cái Ngãi	1,04
		Cầu Cần Thơ Bé	Tịnh Thất Thường Tịnh (Kênh lộ)	1,04
		Cầu Ngãi	Lộ Cai Tư	1,04
		Lộ Cai Tư	Lộ Sân Banh	1,04
		Lộ Sân Banh	Lộ Ông Ba	1,04
		Lộ Ông Ba	Cầu Thốt Nốt	1,04
		Khu dân cư khu vực Phụng Thạnh 1 (Ngang lộ Ông Ba)		1,04
		Cầu Cái Ngãi	Giáp ranh phường Thới Long	1,04
14.8	Đường Mai Văn Bộ	Quốc lộ 91	Ranh Trung tâm Chợ Thuận Hưng	1,02
		Hết ranh Trung tâm Chợ Thuận Hưng	Sông Hậu	1,02
14.9	Đường Nguyễn Trọng Quyền	Quốc lộ 91	Cầu Thủy Lợi	1,04
		Cầu Thủy Lợi	Giáp ranh xã Trung Hưng	1,04
14.10	Khu dân cư phường Thuận Hưng (phường Trung Kiên cũ)	Khu dân cư chợ dân lập khu vực Lân Thạnh 2		1,04
		Quốc lộ 91 - Bến đò Tân Lộc (Đường bến đò Trung Kiên - Tân Lộc) khu vực Qui Thạnh 1		1,04
14.11	Khu tái định cư phường Thuận Hưng (Khu tái định cư phường Thuận Hưng cũ)	Cả khu		1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
14.12	Khu tái định cư phường Thuận Hưng (Khu tái định cư phường Trung Kiên cũ)	Cả khu		1,04
14.13	Khu tái định cư phường Thuận Hưng (Khu tái định cư quận Thốt Nốt cũ)	Cả khu (Khu 1)		1,02
14.14	Các Khu dân cư còn lại của khu vực Qui Thạnh 1			1,04
14.15	Trung tâm cầu Cần Thơ Bé - Chợ cầu Cần Thơ Bé	Từ cầu vào 157 mét		1,04
14.16	Trung tâm chợ Thuận Hưng (Trung tâm Chợ Thuận Hưng cũ)	Ranh chợ ra 4 phía (mỗi phía 200 mét)		1,04
14.17	Tuyến đường khu vực Phụng Thạnh 2	Cầu Thốt Nốt	Cầu Trà Cui	1,04
14.18	Tuyến tránh Quốc lộ 91	Quốc lộ 91	Cầu Thốt Nốt 2	1,04
14.19	Ven Sông Hậu (Tính thâm hậu 50m)	Giáp ranh phường Thới Long	Vàm Cai Tư	1,04
		Vàm Cai Tư	Lộ Sân Banh	1,04
		Lộ Sân Banh	Vàm Kênh Thốt Nốt (Góc Kênh Thốt Nốt tiếp giáp Sông Hậu)	1,04
14.20	Ven Kênh Thốt Nốt	Cầu Thốt Nốt	Cầu Trà Cui	1,04
15	**Phường Thốt Nốt**			
15.1	Quốc lộ 91	Cầu Thốt Nốt	Đường Sư Vạn Hạnh	1,04
		Đường Sư Vạn Hạnh	Đường tái định cư Mũi Tàu	1,04
		Đường tái định cư Mũi Tàu	Rạch Cái Sơn	1,04
		Rạch Cái Sơn	Cầu Trà Uối	1,04
		Cầu Trà Uối	Đường Thới Thuận - Thạnh Lộc	1,04
		Đường Thới Thuận - Thạnh Lộc	Cầu Bò Ót	1,04
		Cầu Bò Ót	Đường vào Công ty Vạn Lợi	1,04
		Đường vào Công ty Vạn Lợi	Cống Rạch Rạp	1,04
		Cống Rạch Rạp	Hết ranh phường Thốt Nốt (Cầu Cái Sắn)	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
15.2	Tuyến tránh Quốc lộ 91	Cầu Tràng Thọ	Đường Nguyễn Thị Lưu	1,04
		Đường Nguyễn Thị Lưu	Quốc lộ 91 (Khu vực Thới An 1)	1,04
15.3	Đường cặp Quốc lộ 80	Trung tâm Ngã ba Lộ Tẻ	Cầu Ngã ba đình	1,04
		Cầu Ngã ba đình	Cầu số 1 (Hết ranh phường Thốt Nốt)	1,04
15.4	Tuyến đường nối Quốc lộ 80 đến tuyến Đường Lộ Tẻ - Rạch Sỏi	Quốc lộ 80	Giáp ranh xã Vĩnh Trinh	1,04
15.5	Đường tỉnh 921	Cầu Chùa	Hết ranh phường Thốt Nốt (Cầu Trà Bay)	1,04
15.6	Đường Bờ Kè	Cầu Thốt Nốt	Sông Hậu	1,04
15.7	Đường Bạch Đằng	Quốc lộ 91	Đường Lê Thị Tạo	1,04
15.8	Đường Lê Lợi	Quốc lộ 91	Sông Hậu	1,04
		Quốc lộ 91	Cầu Chùa	1,04
15.9	Đường Hòa Bình	Đường Bờ Kè	Đường Nguyễn Thái Học	1,04
15.10	Đường Tự Do	Đường Bờ Kè	Đường Nguyễn Thái Học	1,04
15.11	Đường Nguyễn Thái Học	Quốc lộ 91	Đường Lê Thị Tạo	1,04
15.12	Đường Nguyễn Thái Học nối dài	Quốc lộ 91	Đường Nguyễn Văn Kim	1,04
15.13	Đường Nguyễn Văn Kim	Đường Lê Lợi	Đường Sư Vạn Hạnh nối dài	1,04
15.14	Đường Trưng Nữ Vương	Quốc lộ 91	Đường Nguyễn Văn Kim	1,04
15.15	Đường 30 Tháng 4	Quốc lộ 91	Đường Nguyễn Văn Kim	1,04
15.16	Đường Sư Vạn Hạnh	Quốc lộ 91	Đường Nguyễn Văn Kim	1,04
15.17	Đường Sư Vạn Hạnh nối dài	Đường Nguyễn Văn Kim	Hết ranh Trường Mầm non Thốt Nốt	1,04
15.18	Đường Nguyễn Trung Trực	Quốc lộ 91	Đường Lê Thị Tạo	1,04
15.19	Đường Thoại Ngọc Hầu	Các tuyến đường thuộc Khu Trung tâm dân cư Thương mại Thốt Nốt		1,04
15.20	Đường Huỳnh Năng Nhiêu	Quốc lộ 91	Cổng Trường Tiểu học Thốt Nốt 1	1,04
		Đường Nguyễn Thái Học	Đường Nguyễn Công Trứ	1,04
15.21	Đường Nguyễn Công Trứ	Quốc lộ 91	Đường Lê Thị Tạo	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
15.22	Đường Nhà máy Ngô Nguyên Thạnh	Đường Lê Thị Tạo	Sông Hậu (Nhà máy Ngô Nguyên Thạnh)	1,04
15.23	Đường Phan Đình Giót	Quốc lộ 91	Đường Lê Thị Tạo	1,04
15.24	Đường Vàm Rạch Chùa (Cặp Trường Trung học Cơ sở Thốt Nốt)	Đường Lê Thị Tạo	Sông Hậu	1,04
15.25	Đường Lê Thị Tạo	Cầu 3 Tháng 2	Đường Phan Đình Giót	1,04
		Đường Phan Đình Giót	Mũi Tàu	1,04
15.26	Đường Kênh Rạch Nhà thờ	Đường Lê Thị Tạo	Sông Hậu	1,04
15.27	Đường vào Trụ sở Công an phường	Đường Lê Thị Tạo	Sông Hậu	1,02
15.28	Hai bên Đường tái định cư Mũi Tàu	Đường Lê Thị Tạo	Sông Hậu	1,04
15.29	Đường Thanh Niên	Quốc lộ 91	Cầu Thanh Niên	1,04
15.30	Đường Thanh Niên nối dài	Cầu Thanh Niên	Tuyến tránh Quốc lộ 91	1,02
15.31	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Quốc lộ 91	Đường Thanh Niên	1,04
15.32	Đường Nguyễn Hữu Cảnh nối dài (Khu Hoàng Gia)	Đường Thanh Niên	Tuyến tránh Quốc lộ 91	1,04
15.33	Khu tái định cư Long Thạnh 2	Đường Nguyễn Tuân (Đường số 2)		1,02
		Đường Trịnh Hoài Đức (Đường số 3)		1,02
		Đường Lương Thế Vinh (Đường số 6)		1,02
		Đường Võ Duy Dương (Đường số 7)		1,02
		Đường số 8		1,02
		Đường Sông Hành (Đường số 10)		1,02
		Các đường còn lại		1,02
15.34	Đường Nguyễn Thị Lưu	Quốc lộ 91	Rạch Mương Miễu	1,02
15.35	Đường Thới Thuận -Thạnh Lộc	Quốc lộ 91	Cầu Rạch Rầy	1,02
		Cầu Rạch Rầy	Hết ranh phường Thốt Nốt	1,02
15.36	Khu dân cư phường Thuận An (cũ)	Cả khu		1,04
15.37	Khu dân cư Chợ Bò Ót và phần mở rộng	Cả khu		1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
15.38	Khu tái định cư phường Thới Thuận (cũ), giai đoạn 2	Cả khu		1,04
15.39	Khu dân cư Chợ Gạo	Cả khu		1,04
15.40	Tuyến Đường Lộ Tẻ - Rạch Sỏi	Cầu Vàm Cống	Hết ranh phường Thốt Nốt	1,04
15.41	Ven sông Hậu	Vàm Cái Sắn	Vàm lò gạch Mũi Tàu	1,03
		Vàm lò gạch Mũi Tàu	Sông Thốt Nốt	1,03
15.42	Ven sông Thốt Nốt	Cầu Thốt Nốt	Cầu Chùa	1,04
		Cầu Chùa	Rạch Trà Bay	1,04
15.43	Ven sông Cái Sắn	Vàm Cái Sắn	Cầu Cái Sắn	1,04
		Cầu Cái Sắn	Cầu Ngã ba đình	1,04
16	**Phường Tân Lộc**			
16.1	Hương Lộ Tân Lộc	Điểm đầu Hương Lộ (Bến đò Long Châu)	Điểm cuối Hương Lộ (Cầu Ông Nghị)	1,04
16.2	Khu dân cư Phước Lộc - Lai Vung	Cả khu		1,04
16.3	Tuyến đường giao thông (Trái tuyến)	Cầu Ông Nghị	Cầu Chùa (KV Đông Bình)	1,02
16.4	Tuyến đường giao thông	Cầu Chùa (KV Đông Bình)	Vườn sinh thái Tân Lộc (KV Tân Mỹ 2)	1,02
16.5	Tuyến đường giao thông	Cầu Chùa (KV Đông Bình)	Bến đò Tắc Cây Bàng	1,02
17	**Phường Phú Lợi**			
17.1	Đường Hai Bà Trưng	Suốt tuyến		1,02
17.2	Đường Đồng Khởi	Suốt tuyến		1,02
	Hẻm 122	Suốt hẻm		1,02
17.3	Đường 3 Tháng 2	Suốt tuyến		1,02
17.4	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Suốt tuyến		1,02
	Hẻm 33	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 45	Suốt hẻm		1,02
17.5	Đường Đào Duy Từ	Suốt tuyến		1,03
17.6	Đường Phạm Ngũ Lão	Đường Hai Bà Trưng	Đường 3 Tháng 2	1,02
		Đường Hai Bà Trưng	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	1,02
	Hẻm 36	Suốt hẻm		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
17.7	Đường Phan Chu Trinh	Đường Hai Bà Trưng	Đường 3 Tháng 2	1,02
		Đường Hai Bà Trưng	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	1,02
		Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Đề Thám	1,02
	Hẻm 124	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 118	Suốt hẻm		1,02
17.8	Đường Hàm Nghi	Suốt tuyến		1,02
17.9	Đường Hoàng Diệu	Suốt tuyến		1,02
17.10	Các hẻm vào khu vực Chợ Bàn Cờ Đường Hoàng Diệu	Suốt hẻm		1,03
17.11	Đường Nguyễn Hùng Phước	Suốt tuyến		1,02
17.12	Đường Ngô Quyền	Suốt tuyến		1,01
17.13	Đường Đinh Tiên Hoàng	Suốt tuyến		1,02
17.14	Đường Nguyễn Văn Cừ	Suốt tuyến		1,02
	Hẻm 12	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 49	Suốt hẻm		1,02
17.15	Đường Trần Minh Phú	Suốt tuyến		1,02
17.16	Đường Nguyễn Huệ	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	1,02
		Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Hai Bà Trưng	1,02
		Đường Hai Bà Trưng	Đường Nguyễn Du	1,02
		Đường Nguyễn Du	Hết đất Chùa Đại Giác	1,02
		Giáp đất Chùa Đại Giác	Đường Lê Duẩn	1,02
	Hẻm 103 (P1)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 155 (P1)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 79 (P1)	Suốt hẻm		1,02
17.17	Đường Nguyễn Du	Suốt tuyến		1,02
17.18	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Suốt tuyến		1,02
	Hẻm 89, 113	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 129	Suốt hẻm		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
17.19	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Lê Lợi	Đường 30 Tháng 4 - Cổng Bộ Đội Biên Phòng	1,02
	Hẻm 93	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 83	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 98	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 76	Suốt hẻm		1,02
17.20	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Hai Bà Trưng	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	1,02
		Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Nguyễn Văn Hữu	1,02
	Hẻm 58	Suốt hẻm		1,02
17.21	Đường Lý Thường Kiệt	Đầu Voi	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	1,02
		Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Đồng Khởi	1,02
		Đường Đồng Khởi	Đường Lê Duẩn	1,02
		Đường Lê Duẩn	Chợ Sông Đinh	1,02
	Hẻm 176 (P1)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 168 (P1)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 306B, 730 (P4)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 310 (P4)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 584, 730, 764, 944 (P4)	Suốt hẻm		1,02
17.22	Đường Trần Hưng Đạo	Đường 30 Tháng 4	Đường Phú Lợi	1,02
		Đường Phú Lợi - Lê Duẩn	Đường Nguyễn Văn Linh - Dương Minh Quan	1,02
		Đường Nguyễn Văn Linh - Dương Minh Quan	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	1,02
	Hẻm 174, 98, 144 (P2)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 45, 51 (P3)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 357 (Đường vào Trường Quân Sự tỉnh)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 449 (P3)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 27, 71, 101, 137 (P3)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 191, 199, 227, 249, 265, 285, 427, 491 (P3)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 140	Suốt hẻm		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
17.22	Hẻm 567	Đường Trần Hưng Đạo	Hết thửa đất số 82, tờ bản đồ số 51	1,02
		Giáp thửa đất số 82, tờ bản đồ số 51	Đường Vành Đai II (đoạn 2)	1,02
17.23	Tuyến tránh Quốc lộ 1A	Đường Dương Kỳ Hiệp	Đường Phú Tức	1,02
17.24	Đường Lê Hồng Phong	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	1,02
		Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Đoàn Thị Điểm	1,02
		Đường Đoàn Thị Điểm	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	1,02
	Hẻm 90 (P3)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 33 (P3)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 508 (P3)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 604 (P3)	Đường Lê Hồng Phong	Hết thửa đất 214, tờ bản đồ 60	1,02
	Hẻm 585 (P3)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 462	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 655 (P3)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 639, 673	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 719	Đường Lê Hồng Phong	Hết thửa đất 185, tờ bản đồ số 56	1,02
		Giáp thửa đất 185, tờ bản đồ số 56	Đường 30 Tháng 4	1,02
17.25	Đường Phú Lợi	Suốt tuyến		1,02
	Hẻm 263, 244, 155, 333	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 73	Đường Phú Lợi	Cuối hẻm (Giáp đất bà Lâm Thị Mười)	1,02
	Hẻm 73/26	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 188	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 99	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 293	Suốt hẻm		1,02
17.26	Đường Lê Duẩn	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Hồng Phong	1,02
		Đường Lê Hồng Phong	Đường 30 Tháng 4	1,02
		Đường 30 Tháng 4	Đường Mạc Đĩnh Chi	1,02
		Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Lý Thường Kiệt	1,02
	Hẻm 24 (P3)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 546 (P4)	Suốt hẻm		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
17.27	Đường dân sinh cặp chân cầu qua sông Maspero	Đường Lê Duẩn	Đường Lý Thường Kiệt	1,02
17.28	Đường Võ Văn Kiệt (Quốc lộ 1A cũ)	Cầu Kênh Xáng	Cổng Trắng	1,02
		Cổng Trắng	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	1,02
	Hẻm 472, 389, 526 (P2)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 417, 448, 538, 607, 547, 638, 699, 757, 825, 726, 882; 789, 901 (P2)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 416 (P2)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 437 (P2)	Đường Võ Văn Kiệt	Hết thửa đất số 15, tờ bản đồ 04 của ông Dương Văn Thâm	1,02
		Cả Khu dân cư 437		1,02
	Hẻm 792 (P2)	Đường Võ Văn Kiệt	Hết thửa đất số 23, tờ bản đồ số 24	1,02
		Đầu ranh thửa đất số 25, tờ bản đồ số 24	Hết thửa đất số 2234, tờ bản đồ số 53	1,02
17.29	Đường Trần Nhân Tông (P2)	Đường Võ Văn Kiệt	Giáp ranh Thiền viện Trúc Lâm Sóc Trăng	1,02
17.30	Đường 30 Tháng 4	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Nguyễn Du	1,02
		Đường Nguyễn Du	Ngã tư Đường Lê Duẩn	1,02
		Ngã tư đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	1,02
	Hẻm 290 (P3)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm từ Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh đến hẻm 278, Đường Trương Công Định	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 496 (P3)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 625	Suốt hẻm		1,02
17.31	Đường Hồ Minh Luân	Suốt tuyến		1,02
17.32	Đường Trần Phú	Suốt tuyến		1,02
17.33	Đường Trần Văn Sắc	Suốt tuyến		1,02
17.34	Đường Hồ Hoàng Kiếm	Suốt tuyến		1,02
17.35	Đường Quảng Trường Bạch Đằng	Suốt tuyến		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
17.36	Đường Trương Công Định	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Nguyễn Văn Linh	1,02
		Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Võ Văn Kiệt	1,02
	Hẻm 9, 93 (P2)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 267, 278 (P2)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 37 (P2)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 46, 56, 86, 98, 140, 246, 292, 109 (P2)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 195 (P2)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 109 nối dài (Cặp Chùa Hương Sơn)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 167 (P2)	Suốt hẻm		1,02
17.37	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Phú Lợi	Đường 30 Tháng 4 - Cổng Biên Phòng	1,02
17.38	Đường Trần Bình Trọng	Suốt tuyến		1,02
	Hẻm 31, 59	Suốt hẻm		1,02
17.39	Đường Lý Tự Trọng	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trần Bình Trọng	1,02
	Hẻm 25	Suốt hẻm		1,02
17.40	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Lý Tự Trọng	Đường Trương Văn Quới	1,02
17.41	Đường Trương Văn Quới	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Trung Trực	1,02
17.42	Đường Nhật Lệ (Đường Nhánh Phú Lợi)	Đường Phú Lợi	Đường Trương Văn Quới	1,02
17.43	Đường Nguyễn Trãi	Suốt tuyến		1,02
17.44	Đường Bạch Đằng	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Mạc Đĩnh Chi	1,02
		Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường 30 Tháng 4	1,02
	Hẻm 22, 66, 196, 255, 88, 118 (P4)	Suốt hẻm		1,02
17.45	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Đồng Khởi	Ngã tư Đường Lê Duẩn	1,02
		Ngã tư Đường Lê Duẩn	Đường Bạch Đằng	1,02
	Hẻm 9, 45, 233 (P4)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 119	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 33 (P4)	Suốt hẻm		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
17.45	Hẻm 537, 539, 759 (P4)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 70 (P9)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 80 (P9)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 218 (P9)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 230 (P9)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 266 (P9)	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Nguyễn Huệ	1,02
	Hẻm 456 (P9)	Đường Mạc Đĩnh Chi	Kênh 3 Tháng 2	1,02
	Hẻm 548 (P9)	Đường Mạc Đĩnh Chi	Hết ranh thửa đất số 590 tờ bản đồ 20	1,02
17.46	Đường Mạc Đĩnh Chi nối dài (Đê bao ngăn mặn)	Cầu Mạc Đĩnh Chi	Giáp ranh xã Tân Thạnh	1,02
17.47	Đường Võ Nguyên Giáp (P4)	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Lý Thường Kiệt	1,02
17.48	Đường Phan Đình Phùng	Đường Nguyễn Huệ	Đường Mạc Đĩnh Chi	1,02
		Đường Mạc Đĩnh Chi	Hẻm 150, Đường Phan Đình Phùng	1,02
17.49	Đường Vành Đai II (P3)	Đường Dương Minh Quan	Hết ranh đất Công ty Satraco	1,02
		Giáp ranh đất Công ty Satraco	Đường Văn Ngọc Chính	1,02
17.50	Đường dân sinh cặp chân cầu Khánh Hưng (Bên phải)	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Trương Công Định	1,02
	Đường dân sinh cặp chân cầu Khánh Hưng (Bên trái)	Suốt tuyến		1,02
17.51	Đường Mai Thanh Thế	Suốt tuyến		1,02
	Hẻm 1, 12	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 64, 76, 152	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm cuối Đường Mai Thanh Thế	Thửa đất số 65, tờ bản đồ số 05	Hết thửa đất số 29, tờ bản đồ số 05 (P9)	1,02
	Hẻm cuối Đường Mai Thanh Thế thông qua Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Mai Thanh Thế	Đường Mạc Đĩnh Chi	1,02
17.52	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Lê Hồng Phong	Đường 30 Tháng 4	1,02
	Hẻm 65, 143, 181	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 83	Suốt hẻm		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
17.53	Đường Phan Bội Châu	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	1,02
17.54	Đường Thủ Khoa Huân	Đường Phan Bội Châu	Đường 30 Tháng 4	1,02
17.55	Đường Trần Quang Diệu	Suốt tuyến		1,02
17.56	Đường Nguyễn Văn Thêm	Suốt tuyến		1,02
17.57	Đường Nguyễn Văn Hữu	Suốt tuyến		1,02
17.58	Đường Bùi Viện	Suốt tuyến		1,02
	Hẻm 2	Suốt hẻm		1,02
17.59	Đường Đề Thám	Suốt tuyến		1,02
	Hẻm 6	Suốt hẻm		1,02
17.60	Đường Lê Văn Tám	Suốt tuyến		1,02
	Hẻm 68	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 122	Suốt hẻm		1,02
17.61	Đường Châu Văn Tiếp	Suốt tuyến		1,02
17.62	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Phú Lợi	1,02
		Đường Phú Lợi	Cầu Chữ Y	1,02
	Hẻm 160, 222	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 48, 366, 358, 414, 468	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 44	Đường Nguyễn Văn Linh	Hết thửa số 433, tờ bản đồ số 12	1,02
	Hẻm 175	Đường Nguyễn Văn Linh	Hết thửa đất số 99, tờ bản đồ số 37	1,02
	Hẻm 206	Đường Nguyễn Văn Linh	Hẻm 244, Đường Phú Lợi	1,02
	Hẻm 305	Đường Nguyễn Văn Linh	Hết ranh đất Lương Thanh Hải (Thửa 226, tờ bản đồ số 44)	1,02
	Hẻm 367	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 468	Suốt hẻm		1,02
17.63	Đường Dương Kỳ Hiệp	Đường Nguyễn Văn Linh	Kênh 16 mét	1,02
		Kênh 16 mét	Tuyến tránh Quốc lộ 1A	1,02
		Tuyến tránh Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Mỹ Hương	1,02
	Hẻm 197	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 75	Đường Dương Kỳ Hiệp	Hết thửa đất 594, tờ bản đồ số 53	1,02
	Hẻm 189 (P2)	Suốt hẻm		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
17.64	Đường Dương Minh Quan	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Văn Ngọc Chính	1,02
	Hẻm 243	Đường Dương Minh Quan	Giáp thửa đất số 52, tờ bản đồ số 16	1,02
	Hẻm 175	Suốt hẻm		1,02
17.65	Đường Văn Ngọc Chính	Đường Lê Hồng Phong (Đầu ranh thửa 75, tờ bản đồ 31)	Đường Vành Đai II	1,02
		Đường Vành Đai II	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	1,02
	Hẻm 10, 26, 120, 69, 91	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 153 (Hẻm 135 cũ)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 259, 295	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 237	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 279, 312, 420, 384, 434	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 217	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 185	Suốt hẻm		1,02
17.66	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường Lê Hồng Phong	Đường 30 Tháng 4	1,02
	Hẻm 122	Đường Đoàn Thị Điểm	Hết thửa đất số 17, tờ bản đồ số 57	1,02
		Đầu ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 57	Bờ kênh Thủy lợi (Phường Mỹ Xuyên)	1,02
	Hẻm 179	Đường Đoàn Thị Điểm	Hết thửa đất số 146, tờ bản đồ số 37	1,02
	Hẻm 152, 194, 204	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 30, 74	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 157	Suốt hẻm		1,02
17.67	Đường Trần Văn Bảy	Đường 30 Tháng 4	Đường Lê Hồng Phong	1,02
	Hẻm 99, 134	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 163	Suốt hẻm		1,02
17.68	Đường Phú Tức	Cống Trắng (Đường Võ Văn Kiệt)	Giáp ranh xã Mỹ Hương	1,02
17.69	Đường Võ Thị Sáu	Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Duẩn	1,02
17.70	Đường Trần Quang Khải	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Sương Nguyệt Anh	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
17.71	Đường Sương Nguyệt Anh	Đường Dương Kỳ Hiệp	Giáp ranh phường Sóc Trăng	1,02
		Đoạn còn lại (Đường nhựa cặp kênh 8 mét - Phường 2 cũ)		1,02
17.72	Đường Triệu Quang Phục (Đường Cổng Trắng)	Đường Võ Văn Kiệt	Đường nhựa Quân Khu IX	1,02
	Hẻm 12	Suốt hẻm		1,02
17.73	Đường dân sinh trước Bệnh viện Đa khoa Tỉnh song song với Đường Lê Duẩn (Đường Kênh Nhân Lực)	Kênh Cô Bắc	Kênh 3 Tháng 2	1,02
17.74	Đường cặp Kênh 3 Tháng 2 (P9)	Đường Kênh Nhân Lực	Đường Bạch Đằng	1,03
17.75	Đường Lê Đại Hành	Suốt tuyến		1,02
17.76	Đường Phan Văn Chiêu (Đường Kênh Quảng Khuôl cũ)	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường 30 Tháng 4	1,02
17.77	Đường Trần Thủ Độ	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Võ Văn Kiệt	1,02
17.78	Đường Lưu Khánh Đức (Lộ nhựa cặp Quân Khu IX cũ) P2	Suốt tuyến		1,02
17.79	Đường đất 2 bên kênh 16 mét (P2)	Suốt tuyến		1,04
17.80	Các tuyến thuộc dự án LIA 1 (P4)	Suốt tuyến		1,02
17.81	Đường nhánh các cơ quan tư pháp tuyến Đường Võ Nguyên Giáp (P4)	Phía dãy các cơ quan hiện hữu Đường N2 trong quy hoạch phân khu hướng Đông		1,02
17.82	Đường N3	Suốt tuyến		1,02
17.83	Đường D7	Suốt tuyến		1,02
17.84	Đường D2	Suốt tuyến		1,02
17.85	Khu tái định cư số 01			
	Đường N2	Suốt tuyến		1,02
	Các tuyến đường còn lại trong Khu tái định cư	Suốt tuyến		1,02
17.86	Lộ đá khu dân cư Bình An	Suốt tuyến		1,02
17.87	Khu dân cư Hạnh Phúc	Cả khu		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
17.88	Khu dân cư của Hẻm 357 (Điểm dân cư Trường Quân Sự tỉnh)	Cả khu		1,03
17.89	Khu dân cư Sáng Quang (Phường 2 cũ)	Cả khu		1,02
17.90	Khu dân cư xung quanh trường Quân sự Quân Khu 9 (Khu dân cư 586)			
	Khu A	Các lô nền A5, A8, A12		1,02
	Khu B	Có mặt tiền giáp Đường Trần Hưng Đạo		1,02
	Đường số 1	Đường Trần Hưng Đạo	Đường số 9	1,02
		Đường số 9	Đường số 7	1,02
	Đường số 2, 3, 4, 5, 6, 6A, 7, 8, 9, 10	Suốt tuyến		1,02
17.91	Dự án Phát triển đô thị và tái định cư khu 5A			
	Đường 14, 20, 22 và 23	Suốt tuyến		1,02
	Đường 9A, 9B	Suốt tuyến		1,02
	Đường số 5, 6, 16	Suốt tuyến		1,02
	Đường số 2, 3, 4, 7, 8, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 17, 18, 19, 21, N24	Suốt tuyến		1,02
	Các đường còn lại trong Khu dân cư	Suốt tuyến		1,02
17.92	Khu nhà ở thương mại Trần Quang Diệu (P2)	Đường số 1		1,02
		Các đường còn lại trong khu nhà ở thương mại Trần Quang Diệu		1,02
17.93	Khu nhà phố Thương mại VinCom ShopHouse Sóc Trăng (P2)	Suốt tuyến		1,02
18	**Phường Sóc Trăng**			
18.1	Đường Lê Lợi	Đường Tôn Đức Thắng	Nút giao thông Tượng Đài Trung Tâm	1,02
	Hẻm 63	Suốt hẻm		1,02
18.2	Đường Hùng Vương	Bên phải tuyến hết ranh Hồ Nước Ngọt; Bên trái tuyến giáp Đường Dã Tượng	Đường Trần Quốc Toản	1,02
	Hẻm 28	Đường Hùng Vương	Hẻm 2, Đường Huỳnh Phan Hộ	1,02
	Hẻm 63	Đường Hùng Vương	Rạch Trà Men	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
18.2	Hẻm 93	Đường Hùng Vương	Hẻm 63, Đường Hùng Vương	1,02
	Hẻm 3	Đường Hùng Vương	Hẻm 42, Đường Yết Kiêu	1,02
	Hẻm 7	Đường Hùng Vương	Đường Điện Biên Phủ	1,02
	Hẻm 101, 121, 149	Đường Hùng Vương	Rạch Trà Men	1,02
	Hẻm 129	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 135	Suốt hẻm		1,04
	Hẻm 159	Đường Hùng Vương	Rạch Trà Men	1,02
18.3	Đường Lý Thánh Tông	Đường Hùng Vương	Đường Điện Biên Phủ	1,02
		Đường Hùng Vương	Kênh Trường Thọ	1,02
	Hẻm 29 (P6 cũ)	Đường Lý Thánh Tông	Đường Kênh 30 Tháng 4	1,02
18.4	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Lê Lợi	Đường Điện Biên Phủ	1,02
	Hẻm 145 (P6 cũ)	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Hẻm 81, Đường Ngô Gia Tự	1,02
18.5	Tuyến tránh Quốc lộ 1A	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	1,02
		Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Đường Dương Kỳ Hiệp	1,02
18.6	Đường Lê Duẩn	Cầu Lê Duẩn (Sông Maspero)	Đường Phạm Hùng	1,02
18.7	Quốc lộ 1	Giáp ranh xã An Ninh	Giao điểm giữa Tuyến tránh Quốc lộ 1 và Tuyến tránh Quốc lộ 60	1,04
18.8	Đường Võ Văn Kiệt	Giao điểm giữa Tuyến tránh Quốc lộ 1 và Tuyến tránh Quốc lộ 60	Bên trái giáp hẻm 121; Bên phải hết ranh Viện Kiểm sát	1,02
		Bên trái giáp hẻm 121; Bên phải hết ranh Viện Kiểm sát	Bên trái giáp Đường Trần Quốc Toản; Bên phải hết ranh hẻm 298	1,02
		Bên trái giáp Đường Trần Quốc Toản; Bên phải hết ranh hẻm 298	Cầu Kênh Xáng	1,02
	Hẻm 54	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Lê Hoàng Chu	1,02
	Hẻm 367 (P6 cũ)	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Điện Biên Phủ	1,02
	Hẻm 121	Đường Võ Văn Kiệt	Hết ranh thửa đất số 819, tờ bản đồ 103 (16 cũ)	1,02
	Hẻm 170	Đường Võ Văn Kiệt	Cuối hẻm	1,02
	Hẻm 222	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Lê Hoàng Chu	1,02
	Hẻm 238	Suốt hẻm		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
18.8	Hẻm 298	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 334	Suốt hẻm		1,02
18.9	Đường Nguyễn Trường Tộ	Đường Sóc Vồ	Hết ranh thửa đất số 122, tờ bản đồ 112 (25 cũ)	1,04
18.10	Đường Điện Biên Phủ	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Yết Kiêu	1,02
		Đường Yết Kiêu	Đường Lý Thánh Tông	1,02
		Đường Lý Thánh Tông	Đường Võ Văn Kiệt	1,02
18.11	Đường Kênh 19 Tháng 5	Đường Tôn Đức Thắng	Kênh Thanh Niên	1,02
		Kênh Thanh Niên	Kênh 30 Tháng 4	1,02
18.12	Đường Kênh 22 Tháng 3	Đường Lương Định Của	Cuối Kênh (Hết thửa 106, tờ bản đồ 49)	1,02
18.13	Đường Kênh Liêu Sên	Đường đá Kênh Cầu Xéo	Kênh 2 Tháng 9	1,02
18.14	Đường Ngô Gia Tự	Ngã ba Đường Dã Tượng	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	1,02
		Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Lê Lai	1,02
	Hẻm 81	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 95	Suốt hẻm		1,02
18.15	Đường Lê Vĩnh Hoà	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Pasteur - Bà Triệu	1,02
	Hẻm 2	Đường Lê Vĩnh Hòa	Hết ranh thửa 107, tờ bản đồ số 155 (30)	1,02
		Giáp ranh thửa 107, tờ bản đồ số 30	Hết ranh thửa số 80, tờ bản đồ số 29	1,02
18.16	Đường Lê Lai	Đường Ngô Gia Tự	Đường Lê Lợi	1,02
18.17	Đường Calmette	Đường Ngô Gia Tự	Đường Nguyễn Chí Thanh	1,02
	Hẻm 33	Từ Calmette	Đường Lai Văn Tửng	1,02
18.18	Đường Yết Kiêu	Đường Điện Biên Phủ	Đường Yết Kiêu	1,02
	Hẻm 42	Đường Yết Kiêu	Hẻm 218, Đường Điện Biên Phủ	1,02
18.19	Đường Dã Tượng	Đường Điện Biên Phủ	Đường Ngô Gia Tự	1,02
18.20	Đường Võ Đình Sâm	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Bà Triệu	1,02
	Hẻm 5	Đường Võ Đình Sâm	Hết thửa đất số 112, tờ bản đồ số 154 (29)	1,02
	Hẻm 9	Đường Võ Đình Sâm	Đường Trần Văn Hòa	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
18.21	Đường Đặng Văn Viễn	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Bà Triệu	1,02
18.22	Đường Pasteur	Đường Lê Vĩnh Hòa	Hẻm 196, Đường Tôn Đức Thắng	1,02
	Hẻm 50	Suốt hẻm		1,02
18.23	Đường Nguyễn Chí Thanh	Ranh Hồ Nước Ngọt	Đường Tôn Đức Thắng	1,02
	Hẻm 4	Đường Nguyễn Chí Thanh	Hết thửa đất số 57, tờ bản đồ 28	1,02
	Hẻm 79	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Lai Văn Tửng	1,02
18.24	Đường Trần Văn Hòa	Đường Lê Vĩnh Hòa	Đường Võ Đình Sâm	1,02
	Hẻm 36, 74	Đường Trần Văn Hòa	Đường Bà Triệu	1,02
	Hẻm 12	Đường Trần Văn Hòa	Hết thửa đất số 113, tờ bản đồ số 162 (37)	1,02
18.25	Đường Bà Triệu	Đường Lê Vĩnh Hòa	Đường Võ Đình Sâm	1,02
18.26	Đường Sơn Đê	Suốt tuyến		1,02
18.27	Đường Lai Văn Tửng	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Sơn Đê	1,02
	Hẻm 2	Suốt hẻm		1,02
18.28	Đường Dương Kỳ Hiệp	Kênh 16 mét	Tuyến tránh Quốc lộ 1A	1,02
		Tuyến tránh Quốc lộ 1A	Giáp lộ giao thông khu vực 24 phường Sóc Trăng	1,02
18.29	Đường Kênh 30 Tháng 4 (Nhánh phía Đông)	Đường Lý Thánh Tông	Đường Vành Đai I	1,02
		Đường Vành Đai I	Kênh 19 Tháng 5	1,02
18.30	Đường Kênh 30 Tháng 4 (Nhánh phía Tây)	Đường Lý Thánh Tông	Đường Vành Đai I	1,02
		Đường Vành Đai I	Giáp khu công nghiệp Minh Châu	1,02
18.31	Đường Sóc Vồ	Giao điểm giữa tuyến tránh Quốc lộ 1 và tuyến tránh Quốc Lộ 60	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	1,02
18.32	Đường Lê Hoàng Chu	Cầu Kênh Xáng (Quốc lộ 1A)	Hẻm 222, Đường Võ Văn Kiệt	1,04
		Hẻm 222, Đường Võ Văn Kiệt	Đường Sóc Vồ	1,04
18.33	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Cầu Đen (Quốc lộ 1A)	Tuyến tránh Quốc lộ 1A	1,02
		Tuyến tránh Quốc lộ 1A	Bia tưởng niệm - Hết thửa đất số 13 tờ bản đồ số 105	1,02
		Bia tưởng niệm - Hết thửa đất số 13 tờ bản đồ số 105	Giáp ranh xã An Ninh	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
18.33	Hẻm 91	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Hết ranh thửa đất số 3; Thửa 64 tờ bản đồ 126	1,02
18.34	Đường Lý Đạo Thành	Đường Tôn Đức Thắng	Trung tâm phòng chống bệnh xã hội (cũ)	1,02
	Hẻm 8	Suốt hẻm		1,02
18.35	Đường Huỳnh Phan Hộ	Đường Hùng Vương	Đường Trần Quốc Toản	1,02
	Hẻm 2	Đường Huỳnh Phan Hộ	Kênh 30 Tháng 4	1,02
	Hẻm 36	Đường Huỳnh Phan Hộ	Kênh 30 Tháng 4	1,02
	Hẻm 64, 76, 110, 117	Suốt hẻm		1,02
18.36	Đường Trần Quốc Toản	Đường Hùng Vương	Đường Huỳnh Phan Hộ	1,02
	Hẻm 46, 104, 109	Suốt hẻm		1,02
18.37	Lộ giao thông khu vực 24 phường Sóc Trăng	Đường Trương Vĩnh Ký	Đường Dương Kỳ Hiệp	1,02
18.38	Tuyến tránh Quốc lộ 60	Đường Võ Văn Kiệt	Cổng sau Khu Công nghiệp An Nghiệp (Khu Thiết chế Công Đoàn)	1,02
		Cổng sau Khu Công nghiệp An Nghiệp (Khu Thiết chế Công Đoàn)	Giáp ranh xã An Ninh	1,02
		Giáp ranh xã Thuận Hòa	Đường Lương Định Của	1,02
	Hẻm 192	Tuyến tránh Quốc lộ 60	Hết thửa đất số 91 và 350, tờ bản đồ số 94	1,02
	Hẻm 334	Tuyến tránh Quốc lộ 60	Hết thửa đất số 98, tờ bản đồ số 43	1,02
18.39	Đường Trương Vĩnh Ký	Đường Sương Nguyệt Anh	Giáp ranh xã An Ninh	1,02
18.40	Đường Phan Đăng Lưu	Giáp hẻm 91, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa (thửa đất số 22, tờ bản đồ số 126 (40))	Giáp ranh xã An Ninh	1,04
18.41	Đường Nguyễn Văn Khuynh	Đường Phạm Hùng	Cầu Thanh Niên (Giáp Đường Chông Chác)	1,04
18.42	Đường Sóc Mồ Côi	Đường Phạm Hùng	Giáp ranh xã Tân Thạnh	1,02
18.43	Đường Trần Đại Nghĩa	Đường Phạm Hùng	Giáp ranh xã Tân Thạnh	1,02
18.44	Đường Lộ Châu Khánh	Đường Trần Đại Nghĩa	Giáp ranh xã Tân Thạnh	1,03

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
18.45	Đường Tôn Đức Thắng	Cầu C247	Đường Lê Vĩnh Hòa	1,02
		Đường Lê Vĩnh Hòa	Hẻm Chùa Phước Nghiêm	1,02
		Hẻm Chùa Phước Nghiêm	Đường Vành Đai I	1,02
		Đường Vành Đai I	Đường Vành Đai II	1,02
	Hẻm 87	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 163	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 189	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 196	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 222	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 250	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 278, 322, 352	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 354A	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 283	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 368	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 580	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 49	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 55	Đường Tôn Đức Thắng	Hẻm 4, Đường Nguyễn Chí Thanh	1,02
	Hẻm 74	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 146	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Trần Văn Hòa	1,02
	Hẻm 166	Đường Tôn Đức Thắng	Hẻm 2, Đường Lê Vĩnh Hòa	1,02
	Hẻm 178	Đường Tôn Đức Thắng	Hẻm 2, Đường Lê Vĩnh Hòa	1,02
	Hẻm 311, 319, 337, 389, 398, 472, 498	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 382	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 420, 452, 532, 542, 552, 589, 573, 596, 638, 726, 744, 762, 780, 788, 792	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 525, 593, 674, 708, 716, 806, 814	Suốt hẻm		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
18.46	Đường Phạm Hùng	Đường Bà Triệu	Đường Vành Đai I	1,02
		Đường Vành Đai I	Đường Vành Đai II	1,02
		Đường Vành Đai II	Cầu Saintard	1,02
	Hẻm 5	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 117	Đường Phạm Hùng	Cuối hẻm	1,02
	Hẻm 54	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 98	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 112	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 126	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 158	Suốt hẻm		1,02
18.47	Đường Cao Thắng	Đường Coluso	Đường Huỳnh Cương	1,02
		Đường Huỳnh Cương	Cụm Công nghiệp Tân Phú	1,02
		Cụm Công nghiệp Tân Phú	Đường Phạm Hùng	1,02
18.48	Đường vào Cảng Sông	Đường Phạm Hùng	Đường Cao Thắng	1,04
18.49	Đường Chông Chác	Đường Nguyễn Văn Khuynh (Cầu Thanh Niên)	Đường Tôn Đức Thắng	1,04
18.50	Đường Lương Định Của	Đường Vành Đai II	Giáp ranh xã Trường Khánh	1,02
	Hẻm 131	Đường Lương Định Của	Giáp thửa đất số 89, tờ bản đồ 44 (4)	1,02
18.51	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Bà Triệu	Đường Coluso	1,02
18.52	Đường Cầu Đen	Thửa đất số 39, tờ bản đồ 156 (31)	Thửa đất số 51, tờ bản đồ 163 (38)	1,03
18.53	Đường Kênh Xáng	Thửa 189, 227, tờ bản đồ 163 (38)	Thửa 87, tờ bản đồ 163 (38)	1,02
18.54	Đường Coluso	Đường Phạm Hùng	Đường Phạm Ngọc Thạch	1,02
		Đường Phạm Hùng	Lộ đá cặp kênh Cầu Xéo	1,02
18.55	Đường Huỳnh Cương	Đường Cao Thắng	Cụm Công nghiệp Tân Phú	1,02
		Cụm Công nghiệp Tân Phú	Hết ranh phường Sóc Trăng	1,02
18.56	Lộ đá cặp kênh Cầu Xéo	Hẻm 5 Đường Phạm Hùng	Đường Vành Đai II	1,02
18.57	Đường đê bao Trà Quýt	Giáp ranh phường Phú Lợi	Đường Nguyễn Trường Tộ	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
18.58	Lộ nhựa 7 mét	Cầu Maspero	Khán đài đua Ghe Ngo	1,04
18.59	Lộ Kênh Trường Thọ	Kênh 30 Tháng 4	Đường Kênh 19 Tháng 5	1,02
18.60	Khu dân cư Hưng Thịnh	Cả khu		1,02
18.61	Khu dân cư Tuấn Lan (P6 cũ)	Cả khu		1,02
18.62	Khu dân cư Đức Nguyên (Khu dân cư Nguyên Hưng Phát)	Các tuyến Đường nội bộ trong Khu dân cư (Trừ các thửa đất có cạnh tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ)		1,02
		Các thửa đất có cạnh tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ (Đoạn từ Đường Yết Kiêu đến Đường Lý Thánh Tông)		1,02
18.63	Khu dân cư Minh Châu:			
	Đường A1, A2	Suốt tuyến		1,02
	Đường B	Đường Võ Văn Kiệt	Đường A2	1,02
		Đường A2	Đường A1	1,02
		Đường A1	Kênh 30 Tháng 4	1,02
	Đường C1, C2, C3, C4, C5, C6, C7	Suốt tuyến		1,02
	Đường C8, C9, C10, C11	Suốt tuyến		1,02
	Đường D1, D2, D3, D4, D5, D6, D7, D8, D9, D10, D11, D12, D13, D14, D15, D16, D17, D18, D19	Suốt tuyến		1,02
19	**Phường Mỹ Xuyên**			
19.1	Quốc lộ 1A	Ngã ba Trà Tim	Hết ranh Chùa Chén Kiểu (Chùa Sà lôn)	1,02
		Giáp ranh Chùa Chén Kiểu (Chùa Sà Lôn)	Cống Sà Lôn	1,02
		Cống Sà Lôn	Giáp ranh xã Nhu Gia	1,02
19.2	Tuyến tránh Quốc lộ 60	Quốc lộ 1A	Giáp ranh phường Phú Lợi	1,02
19.3	Đường tỉnh 934	Đường Đoàn Minh Bảy	Cầu Cái Xe (Kênh Tiếp Nhựt)	1,02
		Cầu Cái Xe (Kênh Tiếp Nhựt)	Giáp ranh xã Tài Văn	1,02
	Hẻm 108 (Nghĩa trang)	Đường tỉnh 934	Kênh Xáng	1,02
	Hẻm 111	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 1 (Thạnh Lợi)	Suốt hẻm (Đường tỉnh 934 đến hết ranh đất ông Tạ Kim Sủng)		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
19.3	Hẻm 2 (Chùa Xén Cón)	Đường tỉnh 934	Đường Huỳnh Văn Chính	1,02
19.4	Đường tỉnh 939 (Đại Tâm - Phú Mỹ)	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Mỹ Hương	1,02
19.5	Đường tỉnh 936 (Đại Tâm - Tham Đôn)	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Ngọc Tố	1,02
19.6	Đường huyện 56	Ngã tư Phước Kiện	Giáp ranh xã Ngọc Tố	1,02
19.7	Đường Trần Hưng Đạo (Phường 10 cũ)	Giáp ranh phường Phú Lợi	Nút giao Ngã ba Trà Tim	1,02
19.8	Đường Võ Văn Kiệt	Giáp ranh phường Phú Lợi	Ngã ba Trà Tim	1,02
	Hẻm 962 (Phường Mỹ Xuyên)	Đường Võ Văn Kiệt	Hết tuyến	1,02
19.9	Đường Lê Hồng Phong (Đường tỉnh 934 cũ)	Giáp ranh phường Phú Lợi (Cầu Trắng)	Ngã tư Phước Kiện	1,02
19.10	Đường Văn Ngọc Chính	Giáp ranh phường Phú Lợi (Cầu Tà Lách)	Giáp ranh xã Ngọc Tố	1,02
19.11	Đường An Dương Vương	Nút giao Ngã ba Trà Tim	Ngã tư Phước Kiện	1,02
19.12	Đường Trần Thủ Độ	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Võ Văn Kiệt	1,02
19.13	Đường Trưng Vương 1	Đường Phan Đình Phùng	Đường Hoàng Diệu	1,02
19.14	Đường Trưng Vương 2	Đường Phan Đình Phùng	Đường Hoàng Diệu	1,02
19.15	Đường Lê Lợi	Đường Lê Hồng Phong	Đường Phan Đình Phùng	1,02
	Hẻm 1, Đường Lê Lợi	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 2, Đường Lê Lợi	Suốt hẻm		1,02
19.16	Đường Phan Đình Phùng	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Triệu Nương	1,02
19.17	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Triệu Nương	1,02
19.18	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Hoàng Diệu	Đường Phan Đình Phùng	1,02
19.19	Đường đi Tài Công	Đường tỉnh 934	Giáp ranh xã Tài Văn	1,02
19.20	Đường đê bao Phú Hữu	Đường tỉnh 934	Giáp ranh xã Thạnh Thới An	1,02
19.21	Đường Triệu Nương	Ngã tư Phước Kiện	Đường Đoàn Minh Bảy	1,02
19.22	Đường Ngô Quyền	Cầu Bà Thủy	Cống thủy lợi	1,02
19.23	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Hoàng Diệu	Hẻm 2, Đường Lê Lợi	1,02
		Đoạn còn lại		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
19.24	Đường Trần Hưng Đạo (Thị trấn Mỹ Xuyên cũ)	Cầu Chà Và	Cống gần nhà Mẹ Việt Nam Anh Hùng Trần Thị Năm	1,02
		Cống gần nhà Mẹ Việt Nam Anh Hùng Trần Thị Năm	Giáp ranh phường Phú Lợi	1,02
19.25	Đường Phan Chu Trinh	Đường Ngô Quyền	Hết ranh Miếu Thành Hoàng (Miếu Ông Hổ)	1,02
		Đoạn còn lại		1,02
19.26	Đường Phan Thanh Giản	Đường Triệu Nương	Hết tuyến	1,02
19.27	Đường Văn Ngọc Tố	Rạch Chà Và	Rạch Bà Thủy	1,02
19.28	Đường Đoàn Minh Bảy	Rạch Chà Và	Rạch Bà Thủy	1,02
19.29	Đường Huỳnh Văn Chính	Đường tỉnh 934 (Dưới chân cầu Ông Điệp)	Đường vào cống Bà Thủy	1,02
		Đoạn còn lại		1,02
19.30	Đường Thầy Cùi	Đường Triệu Nương	Cầu Đình Thần	1,02
19.31	Đường Lê Văn Duyệt	Đường Hoàng Diệu	Hẻm 5, Đường Triệu Nương	1,02
19.32	Đường Hoàng Diệu	Cầu Chà Và	Cầu Bà Thủy	1,02
19.33	Đường Phan Bội Châu	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Lò Heo	1,02
		Đoạn còn lại		1,02
19.34	Đường Bạch Đằng	Đường Lê Hồng Phong	Cống Hitech	1,02
		Cống Hitech	Giáp ranh phường Phú Lợi	1,02
19.35	Đường vào Trường Tiểu học Mỹ Xuyên 2	Suốt tuyến		1,02
19.36	Đường vào Khu dân cư Điện Lực	Đường Lê Hồng Phong	Khu dân cư Điện lực	1,02
19.37	Khu dân cư Sáng Quang (Phường Mỹ Xuyên)	Cả khu		1,02
19.38	Khu dân cư Lê Thìn (Phường Mỹ Xuyên)			
	Đường số 01	Suốt tuyến		1,02
	Các đường còn lại trong khu dân cư	Suốt tuyến		1,02
19.39	Khu dân cư Điện lực	Cả khu		1,02
19.40	Khu dân cư Đại Thành	Cả khu		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
19.41	Khu dân cư Hồng Phát			
	Đường D1	Suốt tuyến		1,02
	Đường D2, D3; Đường N5	Suốt tuyến		1,02
	Các tuyến đường nội bộ còn lại	Suốt tuyến		1,02
19.42	Khu dân cư Hòa Mỹ	Cả khu		1,02
20	**Phường Ngã Năm**			
20.1	Quốc lộ 61B	Giáp ranh xã Tân Long	Cầu Đỏ mới	1,02
		Cầu Đỏ mới	Đường 30 Tháng 4	1,02
		Đường 30 Tháng 4	Cầu Trà Ban	1,02
20.2	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường 3 Tháng 2	Đường D4	1,04
		Đường D4	Cầu Thanh Niên (Khu vực 1)	1,04
		Cầu Thanh Niên (Khu vực 1)	Cầu Quản Lộ - Phụng Hiệp (Khu vực 7)	1,04
		Cầu Quản Lộ - Phụng Hiệp (Khu vực 7)	Kênh 90	1,04
		Kênh 90	Cầu ngã ba Chệch Cẩm	1,04
20.3	Đường 3 Tháng 2	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Trần Văn Bảy	1,02
		Đường Trần Văn Bảy	Hết ranh Chùa Phật Mẫu	1,02
		Giáp ranh Chùa Phật Mẫu	Hết ranh đất Cây xăng số 1 (Hoàng Nhung)	1,02
		Giáp ranh đất Cây xăng số 1 (Hoàng Nhung)	Cầu Cống đá	1,02
20.4	Đường Lê Hồng Phong	Đường Mai Thanh Thế	Đường 3 Tháng 2	1,02
20.5	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Mai Thanh Thế	Đường 3 Tháng 2	1,02
20.6	Đường Võ Thị Sáu	Đường Mai Thanh Thế	Đường 3 Tháng 2	1,02
20.7	Đường Trần Văn Bảy	Đường Mai Thanh Thế	Đường 3 Tháng 2	1,02
20.8	Đường Mai Thanh Thế	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Trần Văn Bảy	1,02
		Đường Trần Văn Bảy	Đường Phạm Hùng	1,02
20.9	Đường Hùng Vương	Cầu Ngã Năm mới (Ngang Khu hành chính)	Đường Nguyễn Trãi (Cầu Đỏ cũ)	1,02
		Đường Nguyễn Trãi (Cầu Đỏ cũ)	Cầu Đỏ mới	1,02
		Cầu Đỏ mới	Cầu Bến Long	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
20.10	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Bến Long	Cầu Tư Bí	1,02
		Cầu Bến Long	Giáp ranh xã Tân Long	1,02
20.11	Đường 30 Tháng 4	Đường 1 Tháng 5	Hết ranh đất ông Năm Miên	1,02
		Giáp ranh đất ông Năm Miên	Quốc lộ 61B	1,02
20.12	Đường 1 Tháng 5	Đường 30 Tháng 4	Rạch Xẻo Cạy	1,02
		Rạch Xẻo Cạy	Cầu Trà Kết	1,02
20.13	Đường Lê Văn Tám	Cầu Chùa Ông Bổn đến Đầu Voi	Hết ranh đất bà Ba Đê	1,02
		Giáp ranh đất bà Ba Đê	Cầu Bào Nhum (Cầu Vú Sữa)	1,02
20.14	Đường Lê Văn Tám (Đoạn mới làm)	Cầu Chùa Ông Bổn	Hết ranh đất Hai Thời	1,02
20.15	Đường Lạc Long Quân	Đường Mậu Thân	Hết ranh cầu Ông Bổn cũ	1,02
		Giáp ranh cầu Ông Bổn cũ	Cầu Đường Trâu (trong)	1,02
20.16	Đường Mậu Thân	Đường Lạc Long Quân	Cầu Treo	1,02
		Cầu Treo	Cầu Đường Trâu (ngoài)	1,02
20.17	Đường Nguyễn Trãi	Đường Hùng Vương (mố cầu Đỏ cũ)	Đường Phạm Văn Đồng (vòng xoay)	1,02
		Đường Phạm Văn Đồng (vòng xoay)	Quốc lộ 61B	1,02
20.18	Đường Lê Hoàng Chu	Cầu ngã ba Chệch Cẩm	Giáp ranh xã Tân Long	1,02
20.19	Đường Huỳnh Thị Tân	Đường Nguyễn Huệ	Đường Phạm Hùng	1,02
		Đường Phạm Hùng	Rạch Cống Đá (Trừ phía Khu tái định cư)	1,02
20.20	Đường Phạm Hùng	Đường Nguyễn Huệ	Đường 3 Tháng 2	1,02
20.21	Đường Nguyễn Huệ	Đường Mai Thanh Thế	Cầu bệnh viện	1,02
		Cầu bệnh viện	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	1,02
20.22	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Hùng Vương	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	1,02
		Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	Quốc lộ 61B	1,02
20.23	Đường Phạm Văn Đồng	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Nguyễn Trãi	1,02
		Đường Nguyễn Trãi	Đường Nguyễn Huệ	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
20.24	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	Kênh Cống Đá	Cầu Kênh Phú Lộc - Ngã Năm	1,02
		Cầu Kênh Phú Lộc - Ngã Năm	Kênh Bến Long	1,02
		Kênh Bến Long	Cầu Tư Bí	1,02
		Cầu Tư Bí	Hết ranh đất Trường THCS - Phường 2 cũ	1,02
		Giáp ranh đất Trường THCS - Phường 2 cũ	Cầu kênh Xáng Mỹ Phước	1,02
		Cầu kênh Xáng Mỹ Phước	Giáp ranh xã Long Hưng	1,02
20.25	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cống Lý Thanh	Đường Âu Cơ	1,02
		Cống Lý Thanh	Đường vào Trường THCS Long Tân	1,02
		Đường vào Trường THCS Long Tân	Cầu Tư Bí	1,02
20.26	Đường Lý Tự Trọng	Đường Âu Cơ	Kênh 8 Tháng 3	1,02
		Kênh 8 Tháng 3	Kênh Mỹ Lợi	1,02
		Kênh Mỹ Lợi	Cầu Kênh Bình Hưng	1,02
		Cầu Kênh Bình Hưng	Giáp ranh xã Tân Long	1,02
20.27	Đường Âu Cơ	Đường Lý Tự Trọng	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	1,02
20.28	Đường Khu vực Trà Cú	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Giáp ranh Trung tâm Thương Mại - Phường 2 cũ	1,02
20.29	Đường huyện 79B	Cầu Kênh Bình Hưng	Giáp ranh xã Mỹ Phước	1,02
20.30	Đường huyện 77	Cầu Đường Trâu (Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp)	Giáp ranh tỉnh Cà Mau	1,02
20.31	Đường huyện 73	Cầu Vú Sữa	Cầu Sóc Sải	1,03
		Cầu Sóc Sải	Cầu Đường Tắc	1,04
20.32	Đường huyện 72	Cầu ngang UBND xã Vĩnh Quới cũ	Cầu Đường Trâu (trong)	1,04
20.33	Đường Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp	Giáp ranh xã Long Hưng	Đầu ranh đất Cây xăng Trường Thịnh	1,02
		Đầu ranh đất Cây xăng Trường Thịnh	Cầu Treo	1,02
		Cầu Treo	Đường 1 Tháng 5	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
20.34	Đường N1 (Cụm công nghiệp khu vực 4)	Suốt tuyến		1,02
20.35	Đường số 4	Đường Nguyễn Trãi	Đường N11 (trường THCS phường Ngã Năm)	1,02
20.36	Đường N11	Đường số 4	Đường D14	1,02
20.37	Đường D14	Đường N11	Quốc lộ 61B	1,02
20.38	Đường D2	Đường 3 Tháng 2	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	1,02
20.39	Đường D3	Đường Phạm Hùng	Đường N1	1,02
20.40	Đường N1	Đường D3	Đường D2	1,02
20.41	Khu dân cư khu vực 3, phường Ngã Năm	Đường N1		1,02
		Đường N2		1,02
		Đường số 22		1,02
20.42	Các tuyến đường Trung tâm Phường 1 (cũ)			
	Đường N1	Đường Mai Thanh Thế	Đường D1	1,02
	Đường N2	Đường D4	Đường D1	1,02
	Đường D1	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Trung Trực	1,02
	Đường D2	Đường Nguyễn Huệ	Đường N1	1,02
	Đường D3	Đường N2	Đường Nguyễn Trung Trực	1,02
	Đường D4	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Trung Trực	1,02
20.43	Khu tái định cư phường 1 cũ			
	Đường Huỳnh Thị Tân	Đoạn thuộc phía Khu tái định cư		1,02
	Đường D1	Suốt tuyến trong Khu tái định cư		1,02
	Đường NB1	Suốt tuyến trong Khu tái định cư		1,02
21	**Phường Mỹ Quới**			
21.1	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	Cầu Cống Đá	Cống Tám Xưa	1,02
		Cống Tám Xưa	Cống Hai Cường	1,02
		Cống Hai Cường	Cầu Nàng Rền	1,02
		Cầu Nàng Rền	Giáp ranh tỉnh Cà Mau	1,02
21.2	Đường tỉnh 937B	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	Ngã ba Đường trục phát triển kinh tế Đông Tây	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
21.3	Đường trục phát triển kinh tế Đông Tây	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	Cầu Vượt Mỹ Bình	1,02
		Cầu Vượt Mỹ Bình	Giáp ranh xã Vĩnh Lợi	1,02
21.4	Đường nhựa ven Kênh Xáng Phụng Hiệp (Đường huyện 74)	Cầu Cống Đá	Hết ranh đất UBND phường 3 cũ	1,02
		Giáp ranh đất UBND phường 3 cũ	Hết cầu Chợ Vĩnh Biên	1,02
		Cầu Chợ Vĩnh Biên	Giáp ranh tỉnh Cà Mau	1,02
		Khu vực đất quy hoạch chợ Vĩnh Biên		1,02
21.5	Đường huyện 75 (Đường Mỹ Quới - Rộc Lá)	Cầu Mới	Giáp ranh Trường Mầm non Mỹ Quới	1,02
		Giáp ranh Trường Mầm non Mỹ Quới	Cầu 3 Si	1,02
		Cầu 3 Si	Cầu Mỹ Hưng	1,02
		Ngã ba Chợ đầu lộ (Điện máy xanh)	Hết ranh đất ông Phạm Văn Thực	1,02
		Giáp ranh đất ông Phạm Văn Thực	Đầu ranh đất Trường Mầm non Mỹ Bình	1,02
		Trường Mầm non Mỹ Bình	Đường trục phát triển kinh tế Đông Tây	1,02
		Cầu Nàng Rền (Mỹ Bình cũ)	Giáp ranh ấp Mỹ Hòa, xã Tân Long	1,02
21.6	Đường huyện 79A	Toàn tuyến (Cầu Mới đến giáp Đường trục phát triển kinh tế Đông Tây)		1,02
21.7	Đường huyện 79C	Cầu Chợ Mỹ Quới	Cầu Lung Sen	1,02
		Cầu Lung Sen	Giáp ranh xã Vĩnh Lợi	1,02
21.8	Đường huyện 76 (Đường tỉnh 937B)	Cầu chợ Mỹ Quới	Hết ranh đất Trường THPT Lê Văn Tám	1,02
		Giáp ranh đất Trường THPT Lê Văn Tám	Giáp ranh xã Vĩnh Lợi	1,02
21.9	Ấp Mỹ Thành	Đầu ranh đất ông Trần Văn Lắm	Cầu Mới	1,02
		Giáp ranh Đường Cống thoát nước (Hết ranh quy hoạch Chợ Mỹ Quới)	Ngã ba nhà ông Phạm Văn Thực	1,02
21.10	Ấp Mỹ Tây A - Mỹ Tường B (Chợ Mỹ Quới giai đoạn 2)	Cầu Mới (Cầu Sắt)	Hết ranh đất Đình Nguyễn Trung Trực	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
21.11	Ấp Mỹ Tường B	Giáp ranh đất Đình Nguyễn Trung Trực	Cầu Ông Xi	1,02
21.12	Ấp Mỹ Thọ	Cầu Năm Châu	Hết ranh đất Châu Thị Mỹ	1,02
21.13	Ấp Mỹ Tây A	Cầu Mới	Hết ranh đất ông Dương Huỳnh Long	1,02
		Đất ông Dương Huỳnh Long	Giáp ranh tỉnh Cà Mau	1,02
21.14	Lộ kênh Huỳnh Yến (2 bên)	Cầu Cống Đá cũ	Kênh Trà Chiên	1,02
		Kênh Trà Chiên	Hết tuyến	1,02
21.15	**Các tuyến đường trung Tâm Chợ Mỹ Quới**			
	Tuyến Số 1	Nhà ông Thường	Nhà ông Huệ	1,02
	Tuyến Số 2	Nhà ông Tường	Nhà bà Mai	1,02
	Tuyến Số 3	Nhà Kim Lý	Nhà ông Tân	1,02
	Tuyến Số 4	Nhà ông Khoa	Nhà ông Giang	1,02
	Tuyến Số 5	Từ ranh đất ông Đạt Em	Đường cống thoát nước (Đến hết ranh đất quy hoạch Chợ hướng cặp kênh Thầy Cai Nhâm)	1,02
	Tuyến Số 6	Hết ranh đất ông Đạt Em	Cầu Mới (Hướng về Cầu Mỹ Hưng)	1,02
	Tuyến Số 7	Giáp ranh đất ông Nguyễn Trung Tính	Hết ranh đất ông Trần Văn Lắm	1,02
22	**Phường Khánh Hòa**			
22.1	Đường tỉnh 935	Cầu Mỹ Thanh	Đường Đal Châu Khánh	1,02
		Đường Đal Châu Khánh	Giáp ranh phường Vĩnh Châu	1,02
22.2	Đường trục Phát triển kinh tế Đông Tây (Đường tỉnh 937B)	Đường tỉnh 935	Giáp sông Vĩnh Châu	1,02
		Cầu Vĩnh Châu	Giáp sông Cổ Cò	1,02
22.3	Đường tỉnh 936	Cầu Dù Há	Cầu Ngã tư	1,02
		Cầu Ngã tư	Trường THCS Vĩnh Hiệp	1,02
		Trường THCS Vĩnh Hiệp	Giáp sông Cổ Cò (đầu voi)	1,02
22.4	Đường huyện 45	Kênh Dâu	Đường huyện 40 (Đê cấp 1)	1,02
22.5	Đường huyện 46A	Đường tỉnh 936	Giáp rạch Trà Nho	1,02
22.6	Đường huyện 46B	Đường huyện 42	Đường huyện 40 (Đê cấp 1)	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
22.7	Đường huyện 40 (Đê cấp 1)	Đường tỉnh 936	Cống Trà Nho	1,02
		Giáp sông Mỹ Thanh	Hết ranh đất đình Hòa Giang	1,02
22.8	Đường huyện 42	Đường tỉnh 936	Giáp Rạch Trà Nho	1,02
22.9	Đường huyện 41	Đường tỉnh 935	Cầu Dù Hiên	1,02
		Cầu Dù Hiên	Ngã ba đường tránh điện gió	1,02
		Ngã ba đường tránh điện gió	Cầu Thanh Niên (Đường huyện 40)	1,02
22.10	Đường vào Trung tâm xã Hoà Đông	Ngã ba từ Chợ Hòa Đông (Đường huyện 41)	Giáp Rạch Trà Niên	1,02
22.11	Đường Đal Trà Teo Thạch Sao	Chùa Phước Trường An (Đường huyện 41)	Đê quốc phòng (Đường huyện 40)	1,02
22.12	Tuyến lộ đal trong khu vực chợ Hòa Đông	Suốt tuyến		1,02
23	**Phường Vĩnh Châu**			
23.1	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Giáp ranh phường Vĩnh Phước	Đường vào Chùa Cà Săng	1,02
		Giáp đường vào Chùa Cà Săng	Giáp ranh xã Vĩnh Hải	1,02
	Hẻm 2	Đường huyện 48	Đường Nam Sông Hậu	1,02
	Hẻm 239	Đường Nam Sông Hậu	Đường huyện 48	1,02
23.2	Đường tỉnh 935	Cầu Giồng Dú	Hết ranh đất Nghĩa trang Triều Châu	1,02
		Giáp ranh đất Nghĩa trang Triều Châu	Giáp ranh phường Khánh Hòa	1,02
23.3	Đê Quốc Phòng (Đường tỉnh 936C)	Giáp ranh xã Vĩnh Hải	Giáp ranh Cống số 10	1,02
		Giáp ranh Cống số 10	Giáp ranh phường Vĩnh Phước	1,02
23.4	Đường huyện 45	Đường Đồng Khởi	Giáp ranh đất Trại giam	1,02
		Giáp ranh đất Trại giam	Giáp ranh phường Khánh Hòa	1,02
23.5	Đường huyện 48 (Giồng Nhãn)	Giáp ranh phường Vĩnh Phước	Giáp ranh đường vào Tịnh Xá Ngọc Châu Như	1,02
		Giáp ranh đường vào Tịnh Xá Ngọc Châu Như	Giáp cổng Chùa Mới (Đường Nam Sông Hậu)	1,02
23.6	Đường huyện 43	Đường 30 Tháng 4	Hết ranh cầu Giồng Dú	1,02
		Cầu Giồng Dú	Giáp ranh đất Cây xăng Hữu Còn	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
23.6	Đường huyện 43	Ranh đất cây xăng Hữu Còn	Hết ranh đất Chùa Hải Phước An	1,02
		Ranh đất Chùa Hải Phước An	Giáp ranh xã Vĩnh Hải	1,02
23.7	Đường Lý Thường Kiệt	Suốt tuyến		1,02
23.8	Đường Trưng Trắc	Suốt tuyến		1,02
23.9	Đường Trưng Nhị	Suốt tuyến		1,02
23.10	Đường Trần Hưng Đạo	Ngã ba Đường Nam Sông Hậu	Cầu Ngang	1,02
		Cầu Ngang	Hết ranh đất Thiên Hậu Cổ Miếu	1,02
		Ranh đất Thiên Hậu Cổ Miếu	Ngã tư Đường Lê Lai	1,02
		Ngã tư Đường Lê Lai	Ngã tư Đường 30 Tháng 4	1,02
		Ngã tư Đường 30 Tháng 4	Đường Phan Thanh Giản	1,02
		Đường Phan Thanh Giản	Đường Thanh Niên	1,02
23.11	Đường Đề Thám	Suốt tuyến		1,02
23.12	Đường 30 Tháng 4	Đường Nam Sông Hậu	Ngã tư Nguyễn Huệ	1,02
		Ngã tư Nguyễn Huệ	Cầu Vĩnh Châu	1,02
		Cầu Vĩnh Châu	Hết đất Cây xăng Trương Tuấn Dũ	1,02
		Giáp đất Cây xăng Trương Tuấn Dũ	Cầu Giồng Dú	1,02
23.13	Hẻm 102 (Vào nhà trọ Huy Hoàng cũ)	Suốt tuyến		1,02
23.14	Đường 30 Tháng 4 nối dài	Đê Biển	Giáp ranh đất ông Châu Mền Xên (Thửa đất số 14, tờ bản đồ số 42)	1,04
23.15	Đường 1 Tháng 5	Đường 30 Tháng 4	Đường số 6	1,02
23.16	Đường Lê Lợi	Cầu Vĩnh Châu	Đường Lê Lai	1,02
		Cầu Vĩnh Châu	Đường Phan Thanh Giản	1,02
		Ngã ba Đường Phan Thanh Giản	Giáp ranh phường Vĩnh Phước	1,02
23.17	Đường Phan Thanh Giản	Đường Lê Lợi	Đường Nguyễn Huệ	1,02
23.18	Đường Phan Thanh Giản nối dài	Đường Nguyễn Huệ	Đường Châu Văn Đơ	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
23.19	Đường Nguyễn Huệ	Đầu ranh đất Thanh Minh Cổ Miếu	Ngã tư Đường 30 Tháng 4	1,02
		Ngã tư Đường 30 Tháng 4	Ngã tư Đường Phan Thanh Giản	1,02
		Ngã tư Đường Phan Thanh Giản	Đường Thanh Niên	1,02
		Đường Thanh Niên	Giáp ranh phường Vĩnh Phước	1,02
	Hẻm 375 (Cặp Trường Dân tộc Nội trú)	Suốt tuyến		1,02
23.20	Đường Thanh Niên	Suốt tuyến		1,02
23.21	Đường Đồng Khởi	Đường 30 Tháng 4	Giáp sông Vĩnh Châu	1,02
		Đường 30 Tháng 4	Cống Ông Trầm	1,02
		Cống Ông Trầm	Cầu Vĩnh Châu 2	1,02
23.22	Đường Nguyễn Trãi	Đường Đồng Khởi	Cầu Chợ mới	1,02
		Cầu Vĩnh Châu	Cống Ông Trầm	1,02
23.23	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Suốt tuyến		1,02
	Hẻm 35 (Trong Chợ mới)	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Sông Vĩnh Châu	1,02
23.24	Đường Lê Hồng Phong	Suốt tuyến		1,02
23.25	Đường Lê Hồng Phong nối dài	Đầu ranh đất Chợ cũ	Hết ranh đất Khu Thương mại mới xây dựng	1,02
23.26	Đường Châu Văn Đơ	Đường 30 Tháng 4	Đường Nguyễn Huệ	1,02
	Hẻm 8 (Vào Khu tập thể giáo viên)	Suốt tuyến		1,02
23.27	Đường số 1	Đường số 8	Đường Lê Hồng Phong	1,02
		Đường Lê Hồng Phong	Hết ranh đất Công an	1,02
23.28	Đường số 2	Đường 1 Tháng 5	Giáp ranh đất Khu Thương mại	1,02
		Đường 1 Tháng 5	Đường số 1	1,02
23.29	Đường số 3	Đường Lê Hồng Phong	Đường số 6	1,02
23.30	Đường số 6	Suốt tuyến		1,02
23.31	Đường số 7	Đường số 8	Đường Lê Hồng Phong	1,02
		Đường Lê Hồng Phong	Đường số 2	1,02
23.32	Đường số 8	Suốt tuyến		1,02
23.33	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Trưng Nhị	Đường Lê Lai	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
23.34	Đường Lê Lai	Cầu Mậu Thân (Cầu Nước Mắm)	Đường Nam Sông Hậu	1,02
		Đường Nam Sông Hậu	Đường huyện 48	1,02
		Đường huyện 48	Đê Biển	1,02
	Hẻm 70 (Cặp Ngân hàng Chính sách)	Đầu hẻm	Hết đất ông Quảng Thanh Cường	1,02
		Đoạn còn lại		1,02
	Hẻm 85 (Vào nhà ông Lâm Hoàng Viên)	Đầu hẻm	Hết ranh đất bà Lai Thị Xiếu Láo	1,02
		Giáp ranh đất bà Lai Thị Xiếu Láo	Hết ranh đất ông Trần Văn Thêm	1,02
		Đoạn còn lại		1,02
	Hẻm 99 (Vào nhà ông Trạng)	Đầu hẻm	Hết ranh đất ông Tạ Ngọc Trí	1,02
		Giáp ranh đất ông Tạ Ngọc Trí	Hết ranh đất bà Huỳnh Thị Thanh Liễu	1,02
23.35	Đường Giồng Giữa (khu 5)	Suốt tuyến		1,02
23.36	Đường Mậu Thân	Suốt tuyến		1,02
23.37	Đường Đinh Tiên Hoàng	Suốt tuyến		1,02
23.38	Đường Tăng Du	Suốt tuyến		1,02
23.39	Lộ Vĩnh Bình - Giồng Me	Suốt tuyến		1,02
23.40	Lộ Đol Chêl	Suốt tuyến		1,02
23.41	Lộ Đol Chát	Suốt tuyến		1,02
23.42	Lộ vô Chùa Cà Săng	Suốt tuyến		1,02
23.43	Đường Ca Lạc Đại Bái	Suốt tuyến		1,02
23.44	Đường vào Chùa Đại Bái	Lộ chùa Đại Bái	Đường Nam Sông Hậu	1,02
23.45	Đường trong Khu tái định cư Hải Ngư	Suốt tuyến		1,02
23.46	Khu tái định cư Lê Lai	Cả khu		1,02
24	**Phường Vĩnh Phước**			
24.1	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Giáp ranh phường Vĩnh Châu	Cống Wáth Pích	1,02
		Cống Wáth Pích	Hết ranh đất trường Tiểu học Vĩnh Phước 2	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
24.1	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Giáp ranh trường Tiểu học Vĩnh Phước 2	Cống PìPu	1,02
		Cống PìPu	Hết ranh UBND phường Vĩnh Phước	1,02
		Giáp ranh UBND phường Vĩnh Phước	Hết ranh Salatel khóm Sở Tại B	1,02
		Giáp ranh Salatel khóm Sở Tại B	Cống Xã Hạo	1,02
		Cống Xã Hạo	Cống Chùa Tham Chu	1,02
		Cống Chùa Tham Chu	Giáp ranh xã Lai Hòa	1,02
24.2	Đường tỉnh 936	Đường Nam Sông Hậu	Cầu Làng Mới	1,02
		Cầu Làng Mới	Giáp ranh phường Khánh Hòa	1,02
24.3	Đường tỉnh 940	Đường Nam Sông Hậu	Cầu 41	1,02
		Cầu 41	Cầu 47	1,02
		Cầu 47	Giáp ranh xã Hòa Tú	1,02
24.4	Đê Quốc Phòng (Đường tỉnh 936C)	Giáp ranh phường Vĩnh Châu	Giáp ranh xã Lai Hòa	1,02
24.5	Đường huyện 40	Giáp ranh xã Lai Hòa	Giáp ranh phường Khánh Hòa	1,02
24.6	Đường huyện 42	Suốt tuyến		1,02
24.7	Đường huyện 47	Đường Nam Sông Hậu	Cầu Chợ	1,02
		Cầu Chợ	Đường huyện 40	1,02
		Đường Nam Sông Hậu	Đường huyện 48	1,02
		Đường huyện 48	Đê Quốc Phòng (Đường tỉnh 936C)	1,02
24.8	Đường huyện 47B	Đường Nam Sông Hậu	Đê Quốc Phòng (Đường tỉnh 936C)	1,02
24.9	Đường huyện 48	Giáp ranh phường Vĩnh Châu	Đường vào Trạm khuyến nông	1,02
		Đường vào Trạm khuyến nông	Hết ranh Miếu Thượng Đế Cổ Miếu	1,02
		Giáp ranh Miếu Thượng Đế Cổ Miếu	Cống Nô Puôl	1,02
		Cống Nô Puôl	Giáp ranh xã Lai Hòa	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
24.10	Đường Nguyễn Huệ	Giáp ranh phường Vĩnh Châu	Ngã tư Đường Nam Sông Hậu	1,02
24.11	Hẻm trong chợ Xẻo Me	Suốt tuyến		1,02
24.12	Hẻm cặp Trường DT Nội trú	Suốt tuyến		1,02
24.13	Lộ Phước Tân	Đường huyện 47	Hết tuyến	1,02
24.14	Lộ Tà Lét	Đường Nam Sông Hậu	Đường huyện 48	1,02
24.15	Lộ Vĩnh Thành	Đường Nam Sông Hậu	Sông Vĩnh Thành (Hết tuyến)	1,02
		Đường Nam Sông Hậu	Chợ Vĩnh Thành	1,02
		Đoạn còn lại		1,02
24.16	Đường cống Wáth Pích	Cống Wáth Pích	Đường huyện 48	1,02
25	**Phường Vị Thanh**			
25.1	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu 2 Tháng 9	Cầu Cái Nhúc	1,04
		Cầu Cái Nhúc	Đường Nguyễn Viết Xuân	1,04
		Đường Nguyễn Viết Xuân	Cầu Chủ Chẹt	1,04
		Cầu Chủ Chẹt	Ngã ba Chợ (Đường Nguyễn Trung Trực)	1,04
		Ngã ba Chợ (Đường Nguyễn Trung Trực)	Cầu Rạch Gốc	1,04
25.2	Đường Châu Văn Liêm	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Công Trứ	1,04
25.3	Đường 30 Tháng 4	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Công Trứ	1,04
25.4	Đường Trưng Trắc	Đường 30 Tháng 4	Đường Nguyễn Thái Học	1,04
25.5	Đường Trưng Nhị	Đường 30 Tháng 4	Đường Nguyễn Thái Học	1,04
25.6	Đường Lê Lai	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Đoàn Thị Điểm	1,04
25.7	Đường Lê Lợi	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Đoàn Thị Điểm	1,04
25.8	Đường 1 Tháng 5	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Công Trứ	1,04
25.9	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Công Trứ	1,04
		Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Lưu Hữu Phước	1,04
25.10	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường Châu Văn Liêm	Đường Nguyễn Thái Học	1,04
25.11	Đường Nguyễn Công Trứ	Cầu Lữ Quán	Đường Nguyễn Thái Học	1,02
		Đường Nguyễn Thái Học	Cầu Nguyễn Công Trứ	1,02
		Cầu Nguyễn Công Trứ	Đường Lê Quý Đôn	1,02
		Đường Lê Quý Đôn	Đường Hồ Biểu Chánh	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
25.12	Đường Nguyễn Việt Hồng	Đường 30 Tháng 4	Đường Nguyễn Thái Học	1,02
25.13	Đường Cô Giang	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trưng Trắc	1,02
25.14	Đường Cô Bắc	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trưng Trắc	1,02
25.15	Đường Cai Thuyết	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trưng Trắc	1,02
25.16	Đường Cai Hoàng	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trưng Trắc	1,02
25.17	Đường Phó Đức Chính	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trưng Trắc	1,02
25.18	Đường Chiêm Thành Tấn	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Công Trứ	1,02
25.19	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Đường Lê Văn Tám	Kênh Quan Đế	1,02
25.20	Đường Lê Văn Tám	Đường 1 Tháng 5	Đường Hải Thượng Lãn Ông	1,02
25.21	Đường Kim Đồng	Đường 1 Tháng 5	Đường Hải Thượng Lãn Ông	1,02
25.22	Đường Trần Quang Diệu	Đường Nguyễn Công Trứ	Hết đường	1,02
25.23	Đường Hồ Xuân Hương	Đường Nguyễn Công Trứ	Hết vòng Hồ Sen	1,02
25.24	Đường Hoàng Hoa Thám	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Chiêm Thành Tấn	1,02
25.25	Đường Phan Bội Châu	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Chiêm Thành Tấn	1,02
25.26	Đường Phan Chu Trinh	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Chiêm Thành Tấn	1,02
25.27	Đường Trần Ngọc Quế	Đường Nguyễn Công Trứ	Cầu Bảy Tuốt	1,02
		Cầu Bảy Tuốt	Cầu Xáng Hậu	1,02
25.28	Đường Trần Quốc Toản	Đường 1 Tháng 5	Đường Châu Văn Liêm	1,02
25.29	Đường Trương Định	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường 30 Tháng 4	1,02
25.30	Đường Lý Tự Trọng	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Văn Trỗi	1,02
25.31	Đường Phạm Hồng Thái	Đường Lê Quý Đôn	Đường Võ Thị Sáu	1,02
25.32	Đường Huỳnh Phan Hộ	Đường Lê Quý Đôn	Đường Võ Thị Sáu	1,02
25.33	Đường Lê Văn Nhung	Đường Lê Quý Đôn	Đường Lý Tự Trọng	1,02
25.34	Đường Trần Hoàng Na	Đường Lê Quý Đôn	Đường Lý Tự Trọng	1,02
25.35	Đường Lê Bình	Đường Lê Quý Đôn	Đường Lý Tự Trọng	1,02
25.36	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Cầu Cái Nhúc 2	Đường Lê Quý Đôn	1,02
		Đường Lê Quý Đôn	Cống 1	1,02
25.37	Đường Võ Thị Sáu	Đường Huỳnh Phan Hộ	Đường Nguyễn Văn Trỗi	1,02
25.38	Đường Lê Quý Đôn	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Lê Quý Đôn	1,04
		Cầu Lê Quý Đôn	Đường ô tô về Trung tâm xã Hỏa Lựu	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
25.39	Đường Đồ Chiểu	Đường Nguyễn Công Trứ	Kênh Quan Đế	1,02
25.40	Đường Lưu Hữu Phước	Đường Đồ Chiểu	Đường Trần Ngọc Quế	1,02
25.41	Đường Ngô Hữu Hạnh	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Triệu Thị Trinh	1,02
25.42	Đường Nguyễn Trung Trực	Ngã ba chợ	Chùa Ông Bổn	1,02
25.43	Đường Phan Văn Trị	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Trung Trực	1,02
25.44	Đường Bùi Hữu Nghĩa	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Trung Trực	1,02
25.45	Đường Chu Văn An	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Hồ Sen	1,02
25.46	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Hồ Sen	1,02
25.47	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Văn Trỗi	1,02
25.48	Đường Cao Thắng	Đường Trần Hưng Đạo	Hết đường	1,02
25.49	Đường Trần Văn Hoài	Đường vào Khu dân cư khu vực 9	Hết đường	1,02
25.50	Đường Triệu Thị Trinh	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Nguyễn Công Trứ	1,02
25.51	Đường vào Khu dân cư khu vực 9	Đường Cao Thắng	Đường Cống 1	1,02
25.52	Đường Phan Đình Phùng	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường ô tô về trung tâm xã Hỏa Lựu	1,02
25.53	Đường Lương Đình Của	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Trường Tộ	1,04
25.54	Đường Cao Bá Quát	Đường Võ Văn Tần	Đường Võ Văn Kiệt	1,02
25.55	Đường Trần Văn Ơn	Đường Lê Quý Đôn	Đường Phan Đình Phùng	1,04
25.56	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Lê Quý Đôn	Đường Phan Đình Phùng	1,04
25.57	Đường Võ Văn Tần	Đường Lê Quý Đôn	Đường Phan Đình Phùng	1,04
25.58	Đường Nguyễn Trường Tộ	Đường Lê Quý Đôn	Đường Phan Đình Phùng	1,04
25.59	Đường Ngô Gia Tự	Đường Lê Quý Đôn	Hết đường	1,04
25.60	Đường Ngô Thì Nhậm	Đường Lê Quý Đôn	Hết đường	1,04
25.61	Đường Lê Văn Sĩ	Đường Lê Quý Đôn	Hết đường	1,04
25.62	Đường Nguyễn Thông	Đường Phan Đình Phùng	Đường Thi Sách	1,04
25.63	Đường Đặng Thùy Trâm	Đường Lê Văn Sĩ	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	1,04
25.64	Đường Phùng Khắc Khoan	Đường Trần Văn Ơn	Đường ô tô về Trung tâm xã Hỏa Lựu	1,04
25.65	Đường Lê Anh Xuân	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Du	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
25.66	Đường Nguyễn Hữu Cầu	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Du	1,04
25.67	Đường Nguyễn Văn Siêu	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Du	1,04
25.68	Đường Hồ Biểu Chánh	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Du	1,04
25.69	Đường Thi Sách	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Võ Văn Kiệt	1,04
25.70	Đường Thủ Khoa Huân	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Võ Văn Kiệt	1,04
25.71	Đường Nguyễn Khuyến	Đường Nguyễn Cư Trinh	Đường Võ Văn Kiệt	1,04
25.72	Đường Nguyễn Công Hoan	Đường Nguyễn Du	Đường Đặng Minh Khiêm	1,04
25.73	Đường Nguyễn Du	Đường Lê Quý Đôn	Đường Hồ Biểu Chánh	1,04
25.74	Đường Lương Thế Vinh	Đường Thi Sách	Đường Lê Anh Xuân	1,04
25.75	Đường Trương Vĩnh Ký	Đường Thi Sách	Đường Nguyễn Khuyến	1,04
25.76	Đường Nguyễn Biểu	Đường Thi Sách	Đường Nguyễn Khuyến	1,04
25.77	Đường Nguyễn Cư Trinh	Đường Lê Quý Đôn	Đường Hồ Biểu Chánh	1,04
25.78	Đường Đào Duy Từ	Đường Thi Sách	Hết đường	1,04
25.79	Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	Đường Trương Vĩnh Ký	Đường Nguyễn Biểu	1,04
25.80	Đường vào Cụm Công nghiệp - Tiểu thủ Công nghiệp	Đường Trần Hưng Đạo	Giáp ranh Cụm công nghiệp - Tiểu thủ Công nghiệp	1,04
25.81	Hai tuyến đường vào Khu dân cư - Thương mại phường VII (586)	Đường Trần Hưng Đạo	Giáp ranh Khu dân cư - Thương mại	1,02
25.82	Đường 1 Tháng 5 nối dài	Kênh Quan Đế	Kênh Xáng Hậu	1,02
		Kênh Xáng Hậu	Giáp ranh xã Vĩnh Thuận Đông	1,02
25.83	Đường Nguyễn Viết Xuân	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Nguyễn Viết Xuân	1,03
		Cầu Nguyễn Viết Xuân	Đường ô tô về Trung tâm xã Hỏa Lựu	1,03
25.84	Đường Vị Bình	Kênh Mương lộ Đường 3 Tháng 2	Giáp ranh xã Hỏa Lựu	1,02
25.85	Đường Vị Bình B	Kênh Vị Bình	Kênh ranh xã Vĩnh Thuận Đông	1,02
25.86	Đường Kênh Tắc Vị Bình	Cầu Xáng Hậu	Kênh Vị Bình	1,02
25.87	Đường Đồng Khởi	Ranh Cụm Công nghiệp - Tiểu thủ Công nghiệp	Giáp ranh xã Hỏa Lựu	1,02
25.88	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Trần Hưng Đạo	Giáp ranh xã Hỏa Lựu	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
25.89	Đường Ung Văn Khiêm	Đường Trần Hưng Đạo	Trung tâm phòng, chống bệnh xã hội	1,02
25.90	Quốc lộ 61C	Giáp ranh xã Vĩnh Thuận Đông	Giáp ranh xã Hỏa Lựu	1,04
25.91	Đường Cống 1	Đường Trần Hưng Đạo	Hết đường	1,02
25.92	Đường ô tô về Trung tâm xã Hỏa Lựu	Cầu Trần Ngọc Quế	Đường Lê Quý Đôn	1,02
		Đường Lê Quý Đôn	Đường Phan Đình Phùng	1,02
		Đường Phan Đình Phùng	Cầu Kênh Công (Cống 1)	1,02
		Cầu Kênh Công (Cống 1)	Đường Đồng Khởi	1,02
25.93	Đường Nguyễn Đắc Thắng	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Trung Trực	1,02
25.94	Đường Tạ Quang Tỷ	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Trung Trực	1,02
25.95	Khu đô thị mới Cát Tường	Đường Nguyễn Công Hoan		1,04
		Các đường còn lại theo quy hoạch chi tiết xây dựng (Gồm: Đường Thi Sách, Đường Hồ Thị Kỷ, Đường Cống Quỳnh, Đường Đặng Minh Khiêm, Đường Đặng Nguyên Cẩn, Đường Đinh Công Tráng, Đường Trần Nguyên Hãn, Đường Bùi Văn Ba, Đường Nguyễn Thị Du)		1,04
25.96	Đường Lê Quý Đôn nối dài	Đường ô tô về Trung tâm xã Hỏa Lựu	Quốc lộ 61C	1,02
25.97	Đường tỉnh 931	Quốc lộ 61C	Giáp ranh xã Vĩnh Thuận Đông	1,02
25.98	Khu dân cư 425 Trần Hưng Đạo	Cả khu (Trừ thửa đất tiếp giáp Đường Trần Hưng Đạo)		1,02
25.99	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Trần Ngọc Quế	Đường 1 Tháng 5 nối dài	1,02
		Đường Phan Đình Phùng	Đường Hồ Thị Kỷ	1,02
25.100	Hẻm 427, Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Triệu Thị Trinh	1,02
25.101	Hẻm 437, 451, 465, 481, 529 thuộc Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Triệu Thị Trinh	1,02
25.102	Hẻm 73, Đường Nguyễn Thái Học	Suốt hẻm		1,02
25.103	Hẻm 1, Đường Lưu Hữu Phước	Suốt hẻm		1,02
25.104	Hẻm 19, Đường Chiêm Thành Tấn	Suốt hẻm		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
25.105	Đường cặp kênh Hậu Bệnh Viện (Tỉnh Hậu Giang cũ)	Đường 1 Tháng 5	Đường Trần Ngọc Quế	1,02
25.106	Đường cặp Kênh Xáng Hậu	Đường 1 Tháng 5	Đường Trần Ngọc Quế	1,02
25.107	Đường cặp Kênh Trung Đoàn	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường ô tô về Trung tâm xã Hỏa Lựu	1,02
25.108	Đường Phan Huy Chú	Đường Mạc Đĩnh Chi	Kênh thủy lợi	1,02
25.109	Đường Trần Quý Cáp	Đường Mạc Đĩnh Chi	Kênh thủy lợi	1,02
25.110	Khu đô thị mới Cát Tường II	Các đường còn lại theo quy hoạch chi tiết xây dựng		1,02
		Đường số 1		1,02
		Các lô (nền) tái định cư		1,02
25.111	Hẻm 147 (3,5 mét)	Đường Trần Ngọc Quế	Kênh phân lô	1,02
25.112	Hai bên tuyến đường bê tông (4 mét; Kênh phân lô)	Kênh Hậu Bệnh Viện	Đường Võ Văn Kiệt	1,02
25.113	Hai bên tuyến đường bê tông (4 mét; Kênh phân lô)	Đường Võ Văn Kiệt	Đường cặp Kênh Xáng Hậu	1,02
26	**Phường Vị Tân**			
26.1	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu 2 Tháng 9	Đường Ngô Quốc Trị	1,04
		Đường Ngô Quốc Trị	Cầu Xà No	1,04
		Cầu Xà No	Cầu Ba Liên	1,04
26.2	Đại lộ Võ Nguyên Giáp	Giáp ranh xã Vị Thủy	Cầu Tràm Cửa	1,02
		Cầu Tràm Cửa	Cầu Mương lộ 62	1,02
26.3	Đường Lê Hồng Phong	Đường 3 Tháng 2	Cầu 30 Tháng 4	1,02
		Cầu 30 Tháng 4	Đường Nguyễn Trãi	1,02
		Đường Nguyễn Trãi	Hẻm 141	1,02
		Hẻm 141	Đường 19 Tháng 8	1,02
		Đường 19 Tháng 8	Giáp ranh tỉnh An Giang	1,02
26.4	Đường Nguyễn Huệ	Kênh Mương Lộ 62	Cầu Xà No	1,02
		Cầu Xà No	Giáp ranh xã Vị Thanh 1	1,02
		Kênh 59	Kênh Tắc Huyện Phương	1,02
		Kênh Tắc Huyện Phương	Cầu Bà Quyền	1,02
		Cầu Bà Quyền	Sông Ba Voi	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
26.5	Đường 3 Tháng 2	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Ngô Quốc Trị	1,02
		Đường Ngô Quốc Trị	Cầu Miếu	1,02
		Cầu Miếu	Giáp ranh xã Vị Thủy	1,02
		Cầu 2 Tháng 9	Cầu Xà No	1,02
		Đường Ngô Quốc Trị	Cầu Xà No	1,02
		Cầu Xà No	Cầu Ba Liên	1,02
26.6	Đường Võ Văn Kiệt	Đường 3 Tháng 2	Kênh Ba Liên	1,02
26.7	Đường Hùng Vương	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Võ Văn Kiệt	1,02
		Đường Võ Văn Kiệt	Giáp ranh xã Vị Thủy	1,02
26.8	Khu dân cư Phát triển Đô thị Khu vực 2 và 3 phường V	Các đường nội bộ (Trừ các vị trí Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt và Đại lộ Võ Nguyên Giáp)		1,02
26.9	Khu đô thị Cát Tường Western Pearl 2	Đường D6 lộ giới 27 mét (6 - 15 - 6) và Đường D13 lộ giới 35 mét (6 - 23 - 6) đấu nối vào đường Võ Văn Kiệt		1,02
		Đường D9, D10 có lộ giới 27 mét (6 - 15 - 6); Đường N9 có lộ giới 29 mét (7 - 15 - 7); Đường D21 có lộ giới 26 mét (5 - 16 - 5)		1,02
		Đường D9, D10 có lộ giới 22 mét (6 - 10 - 6)		1,02
		Đường N4A, N4B lộ giới 20,5 mét (5 - 10,5 - 5)		1,02
		Đường D8, D11, N1A, N1B lộ giới 17 mét (4 - 7 - 6; 5 - 7 - 5)		1,02
		Các tuyến đường còn lại có lộ giới từ 12 mét đến 15 mét		1,02
26.10	Khu đô thị Cát Tường Western Pearl	Cả khu (Trừ thửa đất tiếp giáp Đường Hòa Bình nối dài và Đường Trần Hưng Đạo)		1,02
26.11	Khu nhà ở xã hội thấp tầng liền kề tại Phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang	Đường số 1, 2, 3		1,02
26.12	Khu dân cư Thương mại Vị Thanh	Đối với phần đất được giao theo Phân kỳ 1 của dự án (Trừ thửa đất tiếp giáp Đại lộ Võ Nguyên Giáp)		1,02
		Đối với phần đất được giao theo Phân kỳ 2 của dự án (Trừ thửa đất tiếp giáp Đại lộ Võ Nguyên Giáp)		1,02
26.13	Khu tái định cư thành phố Vị Thanh - giai đoạn 1	Đường số 4 (Lộ giới 24 mét)		1,02
		Các đường còn lại theo quy hoạch chi tiết xây dựng (Gồm: Đường số 3 (lộ giới 17 mét) và các Tuyến đường 1, 13 (lộ giới 15 mét))		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
26.14	Khu tái định cư Tỉnh ủy - Giai đoạn 3	Đường D12, lộ giới 24 mét		1,02
		Các đường còn lại theo quy hoạch chi tiết xây dựng (Gồm: Đường số 1, 2, 4)		1,02
26.15	Đường Âu Cơ	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Nguyễn Thành Đô	1,02
26.16	Đường Nguyễn Thành Đô	Đường An Dương Vương	Đường Hùng Vương	1,02
26.17	Đường Lý Nam Đế	Đường Triệu Quang Phục	Đường Âu Cơ	1,02
26.18	Đường Tô Vĩnh Diện	Đường Triệu Quang Phục	Đường Âu Cơ	1,02
26.19	Đường Lạc Long Quân	Đường Hùng Vương	Đường D11 (Hết ranh Khu tái định cư giai đoạn 2)	1,02
26.20	Đường An Dương Vương	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Võ Văn Kiệt	1,02
26.21	Đường Triệu Quang Phục	Đường Lạc Long Quân	Đường Nguyễn Thành Đô	1,02
26.22	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Trần Thủ Độ	Đường Hùng Vương	1,02
26.23	Đường Bế Văn Đàn	Đường Âu Cơ	Đường Trần Quang Khải	1,02
26.24	Đường Hoàng Văn Thụ	Đường Trần Thủ Độ	Đường Hùng Vương	1,02
26.25	Đường Trần Thủ Độ	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Võ Văn Kiệt	1,02
26.26	Đường Trần Quang Khải	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Hoàng Văn Thụ	1,02
26.27	Đường Phạm Văn Nhờ	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Hoàng Văn Thụ	1,02
26.28	Đường Nguyễn Văn Quang	Đường Phạm Văn Nhờ	Đường Nguyễn Kim	1,02
26.29	Đường Nguyễn Kim	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Hoàng Văn Thụ	1,02
26.30	Đường Phan Đình Giót	Đường Lê Đại Hành	Đường Trần Thủ Độ	1,02
26.31	Đường Mạc Cửu	Đường Lê Đại Hành	Đường Trần Thủ Độ	1,02
26.32	Đường Trần Đại Nghĩa	Đường Trần Thủ Độ	Đường Hùng Vương	1,02
26.33	Đường Trần Bình Trọng	Đường Lê Đại Hành	Đường Trần Thủ Độ	1,02
26.34	Đường Trần Khánh Dư	Đường Lê Đại Hành	Đường D11 (Hết ranh Khu tái định cư giai đoạn 2)	1,02
26.35	Đường Lê Đại Hành	Đường Hoàng Văn Thụ	Đường Võ Văn Kiệt	1,02
26.36	Đường Nguyễn Ngọc Trai	Đường Lạc Long Quân	Đường Trần Khánh Dư	1,02
26.37	Đường Hoàng Diệu	Đường Nguyễn Hữu Trí	Đường Nguyễn Ngọc Trai	1,02
26.38	Đường Nguyễn Thị Sáu	Đường Hoàng Diệu	Đường Nguyễn Văn Tạo	1,02
26.39	Đường Nguyễn Văn Tạo	Đường Nguyễn Hữu Trí	Đường Nguyễn Ngọc Trai	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
26.40	Đường Đoàn Văn Chia	Đường Lạc Long Quân	Đường Võ Văn Kiệt	1,02
26.41	Đường Nguyễn Hữu Trí	Đường Lạc Long Quân	Đường Trần Khánh Dư	1,02
26.42	Đường Điện Biên Phủ	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Võ Văn Kiệt	1,02
26.43	Đường Hòa Bình	Đại lộ Võ Nguyên Giáp	Đường Điện Biên Phủ	1,02
26.44	Đường Hòa Bình nối dài	Đại lộ Võ Nguyên Giáp	Hết ranh dự án Khu đô thị Cát Tường Western Pearl	1,02
26.45	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Hòa Bình	Đường Võ Văn Kiệt	1,02
26.46	Đường Thống Nhất	Đường Hòa Bình	Đường Võ Văn Kiệt	1,02
26.47	Đường Ngô Quyền	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Võ Văn Kiệt	1,02
26.48	Đường Ngô Quốc Trị	Đường Trần Hưng Đạo	Đường 3 Tháng 2	1,02
26.49	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Ngô Quyền	Đường Điện Biên Phủ	1,02
26.50	Đường Nguyễn An Ninh	Đại lộ Võ Nguyên Giáp	Cầu Nguyễn An Ninh	1,02
26.51	Đường Nguyễn Trãi	Đường Lê Hồng Phong	Cầu Đen	1,02
		Cầu Đen	Kênh Tắc Huyện Phương	1,02
26.52	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Nguyễn Trãi	Đường Nguyễn Huệ	1,02
26.53	Đường Nguyễn Văn Quy	Đường Nguyễn Trãi	Đường Lê Hồng Phong	1,02
26.54	Đường 19 Tháng 8	Đường Lê Hồng Phong	Kênh 59	1,02
		Kênh 59	Cầu Sông Lá	1,02
		Cầu Sông Lá	Đường Chiến Thắng	1,02
26.55	Đường dự mở (Chợ Phường IV cũ)	Đường Nguyễn Văn Quy	Đường Lê Tấn Quốc	1,02
26.56	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Kênh Mương lộ 62	Cầu Mò Om	1,02
		Cầu Mò Om	Đại lộ Võ Nguyên Giáp	1,02
		Đại lộ Võ Nguyên Giáp	Đường Lê Hồng Phong	1,02
26.57	Đường Lê Thị Hồng Gấm	Kênh Mương Lộ 62	Đường Nguyễn Huệ nối dài	1,02
26.58	Đường Nội vi Trường phụ nữ	Các đường nội bộ theo quy hoạch chi tiết xây dựng		1,02
26.59	Đường Vị Nghĩa	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Kênh Mương lộ 62	1,02
26.60	Đường Nguyên Hồng	Đường Trừ Văn Thố	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	1,02
26.61	Đường Nguyễn Thi	Đường Nguyễn Sơn	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
26.62	Đường Nguyễn Sơn	Đường Nguyên Hồng	Đường Lê Hiền Tài	1,02
26.63	Đường Phạm Xuân Ẩn	Đường Nguyễn An Ninh	Đường Lê Hiền Tài	1,02
26.64	Đường Nguyễn Lữ	Đường Ngô Tất Tố	Đường Phạm Xuân Ẩn	1,02
26.65	Đường Ngô Tất Tố	Đường Nguyễn An Ninh	Đường Lê Hiền Tài	1,02
26.66	Đường Chu Cẩm Phong	Đường Nguyễn An Ninh	Đường Lê Hiền Tài	1,02
26.67	Đường Nguyễn Nhạc	Đường Trừ Văn Thố	Đường Chu Cẩm Phong	1,02
26.68	Đường Trừ Văn Thố	Đường Nguyễn An Ninh	Đường Lê Hiền Tài	1,02
26.69	Đường Lê Hiền Tài	Đại lộ Võ Nguyên Giáp	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	1,02
26.70	Đường Bùi Thị Cúc	Kênh 59	Kênh Ba Quảng	1,02
26.71	Đường Kênh Lộ 1 (phường IV cũ)	Kênh 59	Kênh Ba Quảng	1,02
26.72	Đường Lê Tấn Quốc	Đường Nguyễn Trãi	Đường Nguyễn Văn Nết	1,02
26.73	Đường Nguyễn Văn Nết	Đường Nguyễn Văn Quy	Đường Lê Tấn Quốc	1,02
26.74	Đường Chiến Thắng	Khu căn cứ Thị xã ủy	Đường Nguyễn Huệ	1,02
26.75	Đường Lung Nia - Vị Tân	Đường Lê Hồng Phong	Kênh 59	1,02
26.76	Khu dân cư Kho bạc Hậu Giang	Đường nội bộ (Mặt đường 5,5 mét)		1,02
26.77	Đường Kênh Tắc Huyện Phương	Đường Nguyễn Huệ	Đường 19 Tháng 8	1,02
26.78	Đường Nàng Chăng	Đường Kênh Tắc Huyện Phương	Kênh KH9	1,02
26.79	Đường kênh Mương Lộ 62 (4 mét)	Đại lộ Võ Nguyên Giáp	Rạch Tràm Cửa	1,02
		Cầu Nguyễn An Ninh	Rạch Mò Om	1,02
26.80	Hạng mục: LIA 3 của dự án Mở rộng, nâng cấp đô thị Việt Nam - Tiểu dự án thành phố Vị Thanh	Các hẻm còn lại thuộc địa bàn phường IV (cũ)		1,02
26.81	Hẻm 76, Đường Nguyễn Trãi	Đường Nguyễn Trãi	Kênh Tắc Huyện Phương	1,02
26.82	Đường giao thông nông thôn (Từ 3,5 mét trở lên)	Các khu vực trên địa bàn phường Vị Tân		1,02
27	**Phường Long Bình**			
27.1	Đường Nguyễn Huệ	Cầu Phú Xuyên	Đường Phạm Văn Nhờ	1,02
		Đường Phạm Văn Nhờ	Đường dự mở theo quy hoạch	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
27.2	Quốc lộ 61B	Ngã ba Vĩnh Tường	Cầu Long Bình	1,02
		Cầu Long Bình	Vòng xuyến	1,02
		Vòng xuyến	Cầu Long Mỹ	1,02
27.3	Đường tỉnh 927B	Ngã ba Vĩnh Tường	Đường tỉnh 927	1,02
27.4	Khu tái định cư khu vực Bình Thạnh B	Vòng xuyến	Ranh Khu dân cư thị xã Long Mỹ	1,02
		Các đường nội bộ khu vực đấu giá		1,02
		Các đường nội bộ còn lại		1,02
27.5	Đường vào Cầu Vịnh Rẫy	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Long Mỹ	1,02
		Cầu Long Mỹ	Cầu Vịnh Rẫy	1,02
27.6	Đường Trần Hưng Đạo	Vòng xuyến	Cầu Ba Ly	1,02
27.7	Đường Phạm Văn Nhờ	Đường Trần Hưng Đạo	Đập Bờ Dừa	1,02
		Đập Bờ Dừa	Cầu Nước Đục	1,02
27.8	Đường Khu vực Bình Thạnh B về Khu vực Bình An	Cầu Nước Đục	Khu vực Bình An	1,02
27.9	Đường Khu vực Bình Thạnh B	Cầu Ba Ly	Đường Phạm Văn Nhờ	1,02
27.10	Quốc lộ 61	Giáp ranh xã Vị Thủy	Kênh Sáu Điển	1,02
		Kênh Sáu Điển	Giáp ranh xã Hòa An (Cầu Xẻo Trâm)	1,02
27.11	Tuyến cặp Kênh Xáng Nàng Mau II ngang qua Cầu lộ Ba Suy đến Cầu Út Tiếu	Cầu Giồng Sao	Cầu Út Tiếu	1,02
27.12	Đường nối vào Trường Mẫu giáo Phượng Hồng	Quốc lộ 61	Rạch Giồng Sao	1,02
27.13	Tuyến Rạch Giồng Sao đến Cầu Nốc Mít	Cầu Giồng Sao	Cầu Nốc Mít	1,02
27.14	Tuyến cặp Kênh Xáng Nàng Mau II	Khu vực Bình Thạnh B	Cầu Ba Suy	1,02
27.15	Tuyến Kênh Tắc	Quốc lộ 61	Kênh Ông Cả	1,02
27.16	Tuyến Kênh Xáng Lái Hiếu	Cầu Vịnh Rẫy	Kênh Tắc	1,02
27.17	Tuyến cặp sông Cái Lớn	Cầu Vịnh Rẫy	Bến đò Chín Mun	1,02
27.18	Tuyến Lý Vàng	Quốc lộ 61B	Sông Cái Lớn	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
27.19	Tuyến Cựa Gà (Khu vực Bình An)	Quốc lộ 61B	Kênh Xáng Nàng Mau II	1,02
27.20	Tuyến Cựa Gà (Khu vực An Hòa)	Quốc lộ 61B	Kênh Xáng Nàng Mau II	1,02
27.21	Chợ Vĩnh Tường	Cả khu (Trừ thửa đất tiếp giáp Quốc lộ 61B)		1,02
27.22	Chợ Bình Tân	Các đường nội bộ theo quy hoạch chi tiết xây dựng		1,02
27.23	Chợ Bình Hiếu	Các đường nội bộ theo quy hoạch chi tiết xây dựng		1,02
27.24	Tuyến 4 Thước	Cầu Giồng Sao	Kênh Xáng Lái Hiếu	1,02
27.25	Khu tái định cư thị xã Long Mỹ	Đường số 1, 2, 3 theo quy hoạch xây dựng		1,02
		Đường số 4, 5, 6, 7 theo quy hoạch xây dựng		1,02
27.26	Đường về Trung tâm xã Long Bình	Giáp ranh xã Hòa An (Cầu Xẻo Trâm)	Cầu Vàm Xáng	1,02
27.27	Đường giao thông nông thôn về xã Long Bình	Quẹo Bào Muồng	Cầu Vàm Xáng	1,02
27.28	Tuyến cặp Kênh Ông Cả	Quốc lộ 61B	Sông Cái Lớn	1,02
27.29	Tuyến cặp Kênh Hồ Tỷ	Kênh Tắc	Quốc lộ 61B	1,02
27.30	Tuyến Chủ Mỹ	Sông Cái Lớn	Kênh Xáng Lái Hiếu	1,02
28	**Phường Long Mỹ**			
28.1	Đường 30 Tháng 4	Quốc lộ 61B	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1,02
		Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Nguyễn Huệ	1,02
		Đường Nguyễn Huệ	Đường tỉnh 930	1,02
28.2	Quốc lộ 61B	Đoạn tránh Trung tâm phường Long Mỹ		1,02
		Vòng xoay Quốc lộ 61B	Cống Năm Khai	1,02
		Cống Năm Khai	Cầu Hậu Giang 3	1,02
28.3	Đường Nguyễn Việt Hồng	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường 30 Tháng 4	1,02
		Đường 30 Tháng 4	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1,02
28.4	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Hai Bà Trưng	Đường tỉnh 930	1,02
		Đường tỉnh 930	Nhà thờ Thánh Tâm	1,02
		Nhà thờ Thánh Tâm	Cống Hai Thiên	1,02
28.5	Đường Hai Bà Trưng	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
28.6	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1,02
28.7	Đường Võ Thị Sáu	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1,02
28.8	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường 3 Tháng 2	Đường Trần Phú	1,02
		Đường Chiêm Thành Tấn	Đường tỉnh 930	1,02
		Đường tỉnh 930	Sông Cái Lớn	1,02
28.9	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Chiêm Thành Tấn	1,02
28.10	Đường 3 Tháng 2	Cầu Trà Ban	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1,02
		Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cầu Long Mỹ	1,02
		Cầu Long Mỹ	Kênh Ba Nghiệp	1,02
28.11	Đường Nguyễn Huệ	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cầu Phú Xuyên	1,02
28.12	Đường Trần Phú	Cầu Trà Ban 1	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1,02
		Đường Cách Mạng Tháng Tám	Vòng xoay Quốc lộ 61B	1,02
28.13	Đường tỉnh 930	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1,02
		Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cầu Trạm Bơm	1,02
		Cầu Trạm Bơm	Cầu Trắng	1,02
28.14	Lộ vòng cung khu vực 1	Bến đò sông Cái Lớn	Nhà máy điện sinh khối	1,02
		Nhà máy điện sinh khối	Cầu Trắng	1,02
28.15	Đường Chiêm Thành Tấn	Cầu Trà Ban	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1,02
		Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường vào Chùa Ba Cô	1,02
		Đường vào Chùa Ba Cô	Am Cô Năm	1,02
		Am Cô Năm	Cầu Quan Ba	1,02
28.16	Đường Nguyễn Quốc Thanh	Đường 3 Tháng 2	Đường 30 Tháng 4	1,02
		Đường 30 Tháng 4	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1,02
28.17	Khu dân cư khu vực 2, phường Thuận An	Các nền mặt tiền Đường Cách Mạng Tháng Tám		1,02
		Các nền vị trí còn lại		1,02
28.18	Tuyến đường song song Đường tỉnh 930	Đường Nguyễn Việt Hồng	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1,02
		Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cầu Trạm Bơm	1,02
		Cầu Trạm Bơm	Cầu Trắng	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
28.19	Dự án nhà ở cho người có thu nhập thấp tại khu vực 1, phường Long Mỹ	Cả khu (Trừ thửa đất tiếp giáp Đường Cách Mạng Tháng Tám)		1,02
28.20	Tuyến đường bê tông giáp Kênh Năm Tùng thuộc khu vực 1	Cầu Trạm bơm	Kênh ranh khu vực 1 - 3	1,02
28.21	Tuyến đường bê tông giáp hàng rào Nhà máy điện sinh khối thuộc khu vực 1	Đường tỉnh 930	Sông Cái Lớn	1,02
28.22	Tuyến đường bê tông giáp Rạch Cái Bần thuộc khu vực 1	Đường tỉnh 930	Ngã tư (Đất ông Trần Ngọc Anh)	1,02
28.23	Tuyến đường bê tông giáp Kênh Hậu thuộc khu vực 4	Đoạn tránh Trung tâm phường Long Mỹ	Kênh Năm Khai	1,02
		Kênh Năm Khai	Kênh Hậu Giang 3	1,02
28.24	Đường ô tô về Chợ Cái Nai	Kênh Ba Nghiệp	Cầu Cái Nai	1,02
28.25	Đường Lộ Tổng	Chợ Cái Nai	Cầu Lộ Tổng	1,02
28.26	Chợ Cái Nai	Các đường nội bộ theo quy hoạch chi tiết xây dựng		1,02
28.27	Đường Chùa Hưng Trị Tự	Cầu Cái Nai	Cầu Năm Tiển	1,02
28.28	Đường Cái Bần A	Cầu Cái Bần	Cầu Ngọn Đường Cày	1,02
28.29	Đường Cái Bần B	Cầu Cái Bần	Cầu Tư Hoe	1,02
28.30	Đường Sáu Hạnh	Đường Lộ Tổng	Đường cặp sông Cái Lớn	1,02
28.31	Đường Xẻo Xu A	Đường cặp sông Cái Lớn	Cầu Hậu Giang 3	1,02
28.32	Đường cặp sông Cái Lớn	Chợ Cái Nai	Cầu Lộ Tổng	1,02
		Cầu Lộ Tổng	Giáp ranh xã Phương Bình	1,02
29	**Phường Long Phú 1**			
29.1	Đường tỉnh 928B (Hiện hữu)	Quốc lộ 61B	Cầu Hào Bửu	1,02
		Cầu Hào Bửu	Cầu Tám Cựa	1,02
		Cầu Tám Cựa	Cầu Ván	1,02
		Ngã tư Long Khánh	Cầu Xẻo Xu (Giáp ranh xã Phương Bình)	1,02
		Đường tỉnh 928B	Ngã tư Long Khánh	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
29.2	Tuyến giáp Trung tâm phường Trà Lồng (cũ)	Kênh Nhà Thờ (Bưu Điện)	Kênh Tư Kiến (Cặp Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp)	1,02
		Kênh Tư Kiến	Giáp ranh xã Phương Phú (Cặp Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp)	1,02
		Kênh Tư Tiên	Giáp ranh phường Ngã Năm	1,02
		Cầu Tám Cựa	Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp	1,02
		Cầu Xẻo Xu	Cầu Ba Giáp	1,02
		Cầu Xẻo Xu	Cầu Tư Kiến	1,02
29.3	Chợ phường Trà Lồng	Chợ phường Trà Lồng theo quy hoạch chi tiết xây dựng		1,02
29.4	Đường Giữa	Kênh Tư Tiên	Ngã tư Đường về Trụ sở UBND phường Trà Lồng (cũ)	1,02
29.5	Đường Đê Năm Thước	Cầu Tám Cựa (Đường tỉnh lộ 928B)	Quốc lộ 61B	1,04
29.6	Quốc lộ 61B	Kênh Hậu Giang 3	Cảng Trà Ban	1,02
29.7	Các Chợ thuộc địa bàn xã Long Phú	Chợ Tân Bình 1 theo quy hoạch chi tiết xây dựng		1,02
		Chợ Long Hòa 1 theo quy hoạch chi tiết xây dựng		1,02
29.8	Đường ô tô về Trung tâm xã Tân Phú	Quốc lộ 61B	Kênh Thầy Phó	1,02
29.9	Tuyến Hào Bửu	Đường tỉnh 928B	Kênh Trà Cú	1,02
29.10	Tuyến Hào Hậu	Đường tỉnh 928B	Đường ô tô về xã Tân Phú (cũ)	1,02
29.11	Đường Xẻo Cỏ - Xẻo Su - Long Trị (Địa bàn phường Long Phú 1)	Ngã tư Xẻo Cỏ	Kênh Hậu Giang 3 (Giáp ranh phường Long Mỹ)	1,02
29.12	Tuyến Ngã năm Trụ đá	Ngã năm Trụ đá	Cầu Ba Giáp	1,04
29.13	Tuyến Kênh Trâm Bầu	Đường tỉnh 928B	Đường ô tô về xã Tân Phú (cũ)	1,04
29.14	Tuyến lộ phụ 928B	Cầu Tám Minh	Cầu Hào Bửu	1,04
29.15	Tuyến Kênh Ngang	Đường tỉnh 928B	Đường ô tô về xã Tân Phú (cũ)	1,04
29.16	Tuyến Kênh Mướp B	Ngả tư Xẻo Cỏ	Cầu Tám Giử	1,04
30	**Phường Đại Thành**			
30.1	Đường tỉnh 927C	Đường 3 Tháng 2	Kênh Ba Ngàn	1,02
		Kênh Ba Ngàn	Kênh Mái Dầm	1,02
		Kênh Mái Dầm	Kênh Đứng	1,02
		Kênh Đứng	Giáp ranh xã Phú Hữu	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
30.2	Đường 3 Tháng 2	Đường Hùng Vương	Cầu Kênh Mang Cá	1,02
30.3	Đường Trương Nguyệt Thu	Đường 3 Tháng 2	Đường Nguyễn Minh Quang	1,02
30.4	Đường Hùng Vương	Đường 3 Tháng 2	Đường Trần Văn Sơn	1,02
		Đường Trần Văn Sơn	Cống Hai Đào (Giáp ranh xã Thạnh Hòa)	1,02
30.5	Đường Nguyễn Truyền Thanh	Kênh Tám Nhái	Giáp ranh xã Thạnh Hòa	1,02
30.6	Đường Nguyễn Minh Quang	Giáp ranh phường Ngã Bảy	Cầu Ba Ngàn	1,02
		Cầu Ba Ngàn	Cầu Tân Thành	1,02
		Cầu Tân Thành	Giáp ranh xã Phú Hữu	1,02
30.7	Đoạn nhánh Nguyễn Minh Quang (Lộ cũ)	Ngã ba lộ mới (Đường tránh)	Cầu Tân Thành	1,02
		Ngã ba lộ mới (Đường tránh)	Cầu Ba Ngàn	1,02
30.8	Đường Trần Văn Sơn	Đường Hùng Vương	Cầu Kênh 500	1,02
		Cầu Kênh 500	Kênh Đào	1,02
30.9	Đường Nguyễn Thị Lượm	Cầu Kênh Đào (Đường 3 Tháng 2)	Giáp ranh xã Thạnh Hòa	1,02
30.10	Đường Lâm Thị Hai	Cơ sở cai nghiện ma túy thành phố Cần Thơ	Cầu Kênh Tám Nhái đầu trong giáp phường Ngã Bảy	1,02
30.11	Lộ Kênh Láng Sen - Láng Sen A	Vàm Láng Sen	Kênh Mười Ninh (Giáp ranh xã Phụng Hiệp)	1,02
30.12	Đường Bùi Duy Phấn	Đường 3 Tháng 2	Kênh Mười Lành	1,02
30.13	Tuyến dân cư vượt lũ Cái Côn	Kênh Mười Lành	Bưng Thầy Tầng	1,02
		Bưng Thầy Tầng	Hết tuyến dân cư vượt lũ Cái Côn	1,02
	Tuyến dân cư vượt lũ Cái Côn	Cầu Bưng Thầy Tầng	Giáp ranh xã Phú Hữu	1,02
30.14	Tuyến Kênh Ba Ngàn (Tuyến trái)	Cầu Ba Ngàn	Ngã tư Cả Mới (Giáp ranh xã Phú Hữu)	1,02
		Cầu Trạm Y tế	Chợ Ba Ngàn	1,02
30.15	Tuyến Kênh Ba Ngàn (Tuyến phải)	Trụ sở Công an phường Đại Thành	Ngã tư Cả Mới (Giáp ranh xã Phú Hữu)	1,02
		Vàm Kênh Mái Dầm	Vàm Kênh Ba Ngàn	1,02
30.16	Tuyến Kênh Tám Nhái	Vàm Kênh Tám Nhái	Đường Lâm Thị Hai	1,02
30.17	Tuyến Xẻo Tre - Sáu Cụt	Kênh Láng Sen	Đập Mười Ninh	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
30.18	Tuyến Xẻo Tre - Mương Khai	Kênh Láng Sen	Kênh Chín Khéo (Giáp ranh xã Thạnh Hòa)	1,02
30.19	Hẻm cặp Thành đội	Đường Hùng Vương	Cuối hẻm	1,02
30.20	Tuyến Kênh Mương Khai	Đường Nguyễn Truyền Thanh	Giáp ranh xã Phụng Hiệp	1,02
30.21	Tuyến Kênh Đứng (Tuyến trái)	Ngã tư Sơn Phú 2A	Sông Xáng Cái Côn	1,02
30.22	Tuyến Kênh Đứng (Tuyến phải)	Ngã tư Sơn Phú 2A	Cầu Sáu Tình	1,02
		Cầu Sáu Tình	Sông Xáng Cái Côn	1,02
30.23	Tuyến cặp sông Cái Côn (Tuyến phải)	Cầu Rạch Côn	Vàm Bưng Thầy Tầng	1,02
		Vàm Bưng Thầy Tầng	Giáp ranh xã Phú Hữu	1,02
30.24	Tuyến cặp sông Cái Côn (Tuyến trái)	Kênh Đứng	Giáp ranh xã Phú Hữu	1,02
		Cầu Rạch Côn	Kênh Đứng	1,02
30.25	Tuyến Kênh Bảy Thưa (Tuyến trái)	Cầu Tân Thành	Giáp ranh xã Phú Hữu	1,02
30.26	Tuyến Kênh Bảy Thưa (Tuyến phải)	Trường Trung học cơ sở Lê Hồng Phong	Giáp ranh xã Phú Hữu	1,02
30.27	Kênh Bờ Đê	Đường Hùng Vương	Kênh Đào	1,02
30.28	Tuyến Kênh Sơn Phú (Tuyến phải)	Cầu Trạm Y tế	Cầu Thanh Long	1,02
30.29	Tuyến Lộ Sơn Phú 2 dọc Kênh Thầy Cai (Tuyến phải)	Cầu Thanh Long	Giáp ranh xã Phú Hữu	1,02
30.30	Tuyến Kênh Ông (Tuyến trái)	Cầu Kênh Ông	Kênh Chữ T	1,02
30.31	Tuyến Kênh Mười Sơ	Cầu Mười Sơ (Tuyến phải và trái)	Kênh Ông	1,02
30.32	Tuyến Chín Rù Rì (Tuyến phải)	Cầu Chín Rù Rì	Kênh Ông	1,02
30.33	Tuyến Kênh Hoàng Anh	Vàm Kênh Ba Vũ (Ngang Kênh Chín Rù Rì, tuyến trái)	Giáp ranh xã Phú Hữu	1,02
30.34	Tuyến Kênh Chữ T	Vàm Kênh Chữ T (Tuyến phải)	Giáp ranh xã Phú Hữu (Tuyến phải)	1,02
		Vàm Kênh Chữ T (Tuyến trái)	Giáp ranh xã Phú Hữu (Tuyến trái)	1,02
30.35	Tuyến Kênh nhỏ dài	Cầu Chín Ẩn	Cầu Đoàn Thanh Niên	1,02
30.36	Tuyến Chín Ẩn - Rạch Ngây	Cầu Đoàn Thanh Niên	Vàm Rạch Ngây	1,02
		Vàm Rạch Ngây	Giáp ranh xã Phú Hữu	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
30.37	Tuyến Lộ Kênh Sáu Xinh	Vàm Rạch Ngây	Giáp ranh xã Phú Hữu	1,02
30.38	Lộ Cầu Tư Dồ - Cầu Rạch Ngây	Cầu Tư Dồ	Vàm Gạch Ngây (Nhà Văn hóa khu vực Đông An 2A)	1,02
30.39	Tuyến Kênh Út Quế (Tuyến trái và phải)	Cầu Kênh Út Quế	Kênh Bảy Thưa	1,02
30.40	Tuyến Kênh Rạch Ngây (Tuyến trái)	Bến đò Bảy Lực	Giáp ranh xã An Lạc Thôn	1,02
30.41	Tuyến Kênh Rạch Ngây (Tuyến phải)	Trường THCS Tân Thành 2 cũ	Giáp ranh xã An Lạc Thôn	1,02
30.42	Tuyến Kênh Thầy Tầng (Tuyến trái)	Vàm Bưng Thầy Tầng	Giáp ranh xã Đại Hải	1,02
30.43	Tuyến Kênh Thầy Tầng (Tuyến phải)	Vàm Bưng Thầy Tầng	Giáp ranh xã Đại Hải	1,02
30.44	Tuyến Kênh Cống Đá (Tuyến phải)	Vàm Kênh Cống Đá (Tuyến phải)	Giáp ranh xã An Lạc Thôn	1,02
30.45	Tuyến Kênh Tư Dương	Kênh Tư Dương	Đập Nhà Lẫm	1,02
30.46	Tuyến Kênh ranh xã Phú Hữu	Vàm Bưng Cây Sắn	Kênh Sáu Xinh	1,02
30.47	Tuyến Kênh Thái Tử (Tuyến trái)	Cầu Thái Tử	Kênh Cây Da	1,02
30.48	Tuyến Kênh Thái Tử (Tuyến phải)	Cầu Thái Tử	Kênh Cây Da	1,02
30.49	Tuyến Kênh Cây Da (Tuyến phải)	Cầu Út Quế	Kênh Cả Mới	1,02
30.50	Tuyến Kênh Cây Da (Tuyến trái)	Cầu Út Quế	Ngã Tư Cả Mới	1,02
30.51	Tuyến Kênh Chính Phinh	Cầu Chính Phinh	Giáp ranh xã Phú Hữu	1,02
30.52	Kênh Đám Tràm	Cầu Đoàn Thanh Niên	Giáp ranh xã Phú Hữu	1,02
30.53	Tuyến Kênh Bà Chồn (Tuyến trái và phải)	Kênh Ba Ngàn	Kênh Út Quế	1,02
30.54	Tuyến Lộ Hậu Đông An	Chợ Ba Ngàn	Kênh Ba Phấn (Lộ Hậu Đông An)	1,02
30.55	Tuyến Kênh Cà Ớt (Tuyến trái)	Kênh Ba Phấn (Tuyến kênh Cà Ớt)	Kênh Ba Phấn (Lộ Hậu Đông An)	1,02
30.56	Tuyến Kênh Mái Dầm (Tuyến phải)	Giáp ranh phường Ngã Bảy	Vàm Kênh Ba Ngàn	1,02
30.57	Tuyến Kênh Đào (Tuyến phải)	Giáp ranh phường Ngã Bảy	Ngã ba Cả Mới (Kênh Đào)	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
30.58	Tuyến Kênh Cả Mới (Tuyến phải)	Ngã ba Cả Mới (Kênh Đào)	Ngã tư Cả Mới	1,02
30.59	Tuyến Kênh Mang Cá (Tuyến trái)	Đường 3 Tháng 2 (Tuyến kênh Mang Cá)	Giáp ranh xã Đại Hải	1,02
30.60	Tuyến Kênh Quế Thụ (Tuyến trái)	Vàm Kênh Quế Thụ (Tuyến trái)	Cầu Út Quế (Đầu trong)	1,02
30.61	Tuyến Kênh Quế Thụ (Tuyến phải)	Vàm Kênh Quế Thụ (Tuyến trái)	Cầu Út Quế (Đầu trong)	1,02
30.62	Tuyến Kênh Đào (Ấp Mang Cá, tuyến trái)	Cầu Thanh Niên (Tuyến kênh Mang Cá)	Kênh Mười Lành (Tuyến phải)	1,02
30.63	Tuyến Kênh Bảy Chánh (Tuyến phải và trái)	Vàm Kênh Bảy Chánh (Tuyến phải và trái)	Giáp ranh xã Đại Hải	1,02
30.64	Tuyến Kênh Mười Lành (Tuyến phải)	Vàm kênh Mười Lành (Tuyến phải)	Giáp ranh xã Đại Hải	1,02
30.65	Tuyến Kênh Năm Ngày (Tuyến trái)	Vàm Kênh Năm Ngày (Tuyến trái)	Giáp ranh xã Đại Hải	1,02
30.66	Tuyến Kênh Tám Tỉnh (Tuyến phải và trái)	Vàm Kênh Tám Tỉnh (Tuyến phải và trái)	Giáp ranh xã Đại Hải	1,02
30.67	Khu dân cư nông thôn mới Đại Thành, thị xã Ngã Bảy (Nay là phường Đại Thành)	Cả khu (Trừ thửa đất tiếp giáp Đường 3 Tháng 2 và Đường tỉnh 927C)		1,02
		Các lô (nền) tái định cư		1,02
30.68	Khu tái định cư thành phố Ngã Bảy	Đường số 3 (13 mét)		1,02
		Đường số D2 (13 mét)		1,02
30.69	Khu tái định cư phường Hiệp Lợi	Đường Cao Thị Ngọ, Đường Lê Thị Thuyền, Đường Dương Thị Út, Đường Phạm Thị Nhàn, Đường Hà Thị Chấn		1,02
30.70	Tuyến lộ vượt đồng	Kênh đào	Kênh Ba Ngàn	1,02
31	**Phường Ngã Bảy**			
31.1	Đường Bạch Đằng	Đường Hùng Vương	Cầu Đen	1,02
31.2	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Hùng Vương	Đường Lê Lợi	1,02
31.3	Đường Lê Lợi	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Xẻo Vông	1,02
31.4	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Hùng Vương	Đường Lê Lợi	1,02
31.5	Đường Triệu Ẩu	Đường Hùng Vương	Đường Lê Lợi	1,02
31.6	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lý Thường Kiệt	1,02
		Đường Lê Lợi	Đường Hùng Vương	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
31.7	Đường Hùng Vương	Đường Bạch Đằng	Vòng xoay Ngã năm	1,02
		Vòng xoay Ngã năm (Đường Phạm Hùng)	Cầu Cái Đôi	1,02
		Cầu Cái Đôi	Đường 3 Tháng 2	1,02
		Đường Trương Thị Hoa	Đường 3 Tháng 2	1,02
		Đường 3 Tháng 2	Hết Trường Tiểu học Nguyễn Hiền	1,02
		Trường Tiểu học Nguyễn Hiền	Giáp ranh xã Đại Hải	1,02
31.8	Đường 3 Tháng 2	Đường Hùng Vương	Cầu Sóc Trăng (Gồm cả đường dẫn)	1,02
		Cầu Sóc Trăng	Cầu Hai Dưỡng	1,02
31.9	Đường Nguyễn Minh Quang	Đường Hùng Vương	Đường Lê Hồng Phong	1,02
		Đường Lê Hồng Phong	Giáp ranh phường Đại Thành	1,02
31.10	Đường 30 Tháng 4	Cầu Đen	Hết Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngã Bảy	1,02
		Hết Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngã Bảy	Đường tỉnh 927C	1,02
		Đường tỉnh 927C	Cầu Sậy Niếu	1,02
31.11	Đường Nguyễn Trãi	Cầu Xẻo Vông	Đường 30 Tháng 4	1,02
31.12	Đường Phạm Hùng	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Minh Quang	1,02
31.13	Đường Lê Hồng Phong	Đường Nguyễn Thị Én	Đường Phạm Hùng	1,02
		Đường Phạm Hùng	Đường cặp bờ kè Cái Côn	1,02
31.14	Đường Nguyễn Huệ	Đường Hùng Vương	Đường Lê Hồng Phong	1,02
		Đường Lê Hồng Phong	Cầu Kênh Đào (Đường Nguyễn Huệ)	1,02
		Cầu Kênh Đào (Đường Nguyễn Huệ)	Đường 3 Tháng 2	1,02
31.15	Đường Châu Văn Liêm	Đường Phạm Hùng	Đường Đoàn Văn Chia	1,02
31.16	Đường Đoàn Văn Chia	Đường Hùng Vương	Đường Lê Hồng Phong	1,02
31.17	Đường Phan Đình Phùng	Đường Hùng Vương	Đường Lê Hồng Phong	1,02
31.18	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường số 1 (Khu đô thị mới)	Siêu thị Co.opmart	1,02
31.19	Đường Nguyễn Văn Nết	Đường Phan Đình Phùng	Đường Nguyễn Huệ	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
31.20	Đường Nguyễn Thị Xem	Đường Phan Đình Phùng	Đường Nguyễn Huệ	1,02
31.21	Đường Phạm Thị Bảy	Đường Phạm Hùng	Đường Nguyễn Huệ	1,02
31.22	Đường Trương Thị Hoa	Cầu Phụng Hiệp	Đầu Doi Cát (Kênh Sóc Trăng)	1,02
31.23	Đường Trần Nam Phú	Đường Hùng Vương	Hết ranhTrụ sở Khu vực 2 (Phường Hiệp Thành cũ)	1,02
		Giáp ranh Trụ sở Khu vực 2 (Phường Hiệp Thành cũ)	Hết Trường Tiểu học Trần Quốc Toản (Cơ sở 2)	1,02
		Trường Tiểu học Trần Quốc Toản (Cơ sở 2)	Giáp ranh xã Đại Hải	1,02
31.24	Đường Ngô Quyền	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Nguyễn Trãi	1,02
31.25	Tuyến Cầu Đình - Giáp ranh phường Đại Thành	Cầu Đình	Cầu Xẻo Môn	1,02
		Cầu Xẻo Môn	Kênh Tám Nhái	1,02
31.26	Đường Lê Thị Tặng	Cầu Đình	Cầu Xẻo Vông	1,02
		Cầu Xẻo Vông	Cầu Kênh Tám Nhái	1,02
31.27	Đường Cao Thắng	Đường 1 Tháng 5	Cầu Sóc Trăng (Đường 3 Tháng 2)	1,02
		Cầu Sóc Trăng (Đường 3 Tháng 2)	Cầu số 1	1,02
		Cầu số 1	Giáp ranh xã Đại Hải	1,02
31.28	Đường 1 Tháng 5	Cầu 1 Tháng 5	Đường 3 Tháng 2	1,02
31.29	Đường Hoàng Hoa Thám	Cầu Chữ Y	Giáp ranh xã Tân Phước Hưng	1,02
31.30	Kênh Búng Tàu (Doi Chành)	Cầu 1 Tháng 5	Giáp ranh Cụm Công nghiệp, Tiểu thủ Công nghiệp thị xã Ngã Bảy	1,02
		Giáp ranh Cụm Công nghiệp, Tiểu thủ Công nghiệp thị xã Ngã Bảy	Giáp ranh xã Tân Phước Hưng	1,02
31.31	Lộ cặp nhà máy đường	Đường 3 Tháng 2	Kênh Búng Tàu	1,02
31.32	Đường Triệu Vĩnh Tường	Cầu Sậy Niếu	Trụ sở Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Ngã Bảy (UBND phường Lái Hiếu cũ)	1,02
31.33	Doi Tân Thới Hòa - Xã Hiệp Hưng	Đầu Doi (Nhà văn hóa khu vực 9)	Kênh Hậu Giang 3	1,02
31.34	Doi Tân Thới Hòa - Xã Tân Phước Hưng	Đầu Doi (Nhà văn hóa khu vực 9)	Cầu Mười Lê	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
31.35	Đường Kênh Cầu Cái Đôi	Cầu Cái Đôi (Tuyến trái - Khu vực V)	Cầu Cái Đôi Trong	1,02
		Cầu Cái Đôi Trong	Cầu Kênh Đào (Đường tỉnh 927C)	1,02
31.36	Đường Nguyễn Văn Thống	Cầu Cái Đôi (Tuyến phải - Khu vực III)	Hồ Xáng Thổi	1,02
		Hồ Xáng Thổi	Cầu Cái Đôi Trong	1,02
31.37	Đường Nguyễn Thị Định	Kênh Lái Hiếu	Cầu Mười Lê	1,02
31.38	Đường Lê Anh Xuân	Đường Hùng Vương	Trạm Y tế phường Hiệp Thành	1,02
31.39	Đường Trần Thị Năm	Đường Lê Anh Xuân	Đường D6 (12 mét)	1,02
31.40	Đường Đặng Thị Bảy	Đường Trần Thị Năm	Đường D7 (12,5 mét)	1,02
31.41	Tuyến Kênh Tám Nhái	Vàm Kênh Tám Nhái	Kênh Láng Sen	1,02
31.42	Lộ Kênh Sáu Mầu	Đường 3 Tháng 2 (Nút giao Cầu Sóc Trăng)	Đập Năm Để	1,02
31.43	Đường Nguyễn Du	Đường Hùng Vương	Đường Trần Nam Phú	1,02
31.44	Đường Nguyễn Trung Trực	Cầu Doi	Cầu Xẻo Môn	1,02
		Cầu Xẻo Môn	Đường Triệu Vĩnh Tường	1,02
31.45	Tuyến Đường Bùi Văn Hoành (Hẻm Tài Chính)	Đường Hùng Vương	Đường Lê Lợi	1,02
31.46	Tuyến Đường Nguyễn Văn Thạnh	Siêu Thị Co.opmart	Đường Nguyễn Minh Quang	1,02
31.47	Đường Kênh Sáu Láo	Đường 3 Tháng 2	Kênh Búng Tàu	1,02
31.48	Đường Lương Chí	Đường Phạm Hùng	Đường Nguyễn Huệ	1,02
31.49	Đường Nguyễn An Ninh	Đường Phạm Hùng	Đường Nguyễn Huệ	1,02
31.50	Đường Vũ Đình Liệu	Đường Phạm Hùng	Đường Nguyễn Huệ	1,02
31.51	Đường 2 Tháng 9	Đường Nguyễn Huệ	Đường Phạm Hùng	1,02
		Đường Phạm Hùng	Đường cặp bờ kè Cái Côn	1,02
31.52	Các tuyến đường trong Khu đô thị mới Hồng Phát	Đường Nguyễn Thị Én, Đường Trần Thị Nhị, Đường Bùi Thị Quới, Đường Huỳnh Thị Sáu, Đường Lê Thị Tư, Đường Trần Thị Vàng, Đường Trần Thị Mười		1,02
31.53	Các tuyến đường trong Khu đô thị trung tâm (Quy hoạch Khu A1, A2)	Đường số 7,8		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
31.54	Các tuyến đường trong Khu đô thị trung tâm (Quy hoạch Khu C2)	Đường số 2, 3, 6		1,02
31.55	Các tuyến đường trong Khu đô thị trung tâm (Quy hoạch khu C2)	Đường số 2, 4		1,02
31.56	Hẻm 3295 (Cặp Trường Cao đẳng Cộng Đồng Hậu Giang)	Đường Hùng Vương	Cuối hẻm	1,02
31.57	Tuyến cặp Kênh Mái Dầm	Cầu Tư Cảnh	Giáp ranh phường Đại Thành	1,02
31.58	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Hùng Vương	Đường 3 Tháng 2	1,02
31.59	Tuyến Kênh Mang Cá	Kênh Cái Côn	Đường 3 Tháng 2 (Cầu Mang Cá)	1,02
31.60	Tuyến Kênh Cái Côn	Kênh Mang Cá	Đường 3 Tháng 2 (Cầu Rạch Côn)	1,02
		Đường 2 Tháng 9	Cầu Rạch Côn (Giáp ranh phường Đại Thành)	1,02
31.61	Tuyến Kênh Mái Dầm - Kênh Rạch Côn	Đường Nguyễn Minh Quang	Đường 2 Tháng 9	1,02
31.62	Kênh 500 (Khu vực V)	Đường 3 Tháng 2	Kênh Cái Đôi	1,02
31.63	Khu Đô thị mới thị xã Ngã Bảy 2	Các lô (nền) tái định cư		1,02
31.64	Khu tái định cư phục vụ Dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A đoạn từ thị xã Ngã Bảy (Nay là thành phố Ngã Bảy), tỉnh Hậu Giang đến huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	Đường số 36 - Quy hoạch chi tiết (30 mét)		1,02
		Đường số 20 - Quy hoạch chi tiết (28 mét)		1,02
		Đường số 3 - Quy hoạch chi tiết (19 mét)		1,02
		Đường D1, D2, D5 (13 mét)		1,02
		Đường D6 (12 mét)		1,02
		Đường D7 (12,5 mét)		1,02
31.65	Khu dân cư thương mại phường Lái Hiếu	Đường số 1		1,02
		Đường số 2, 3, 4, 5, 6, 7		1,02
31.66	Tuyến Kênh Đào (Tuyến phải)	Cầu Kênh Đào (Nguyễn Minh Quang)	Cầu Kênh Đào (Đường 3 Tháng 2)	1,02
31.67	Đường tỉnh 927C	Đường 30 Tháng 4	Kênh Xẻo Vông	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
32	**Xã Phong Điền**			
32.1	Các Trục hành chính Trung tâm huyện Phong Điền	Trục số 4, 5, 8, 10, 14 Khu dân cư Thương mại, dịch vụ thị trấn (cũ)		1,02
		Trục Đường số 12		1,02
32.2	Đường Chiêm Thành Tấn (Trục số 7, Khu Trung tâm Thương mại - Hành chính huyện - nay là xã Phong Điền)	Đường tỉnh 923 (mới)	Đường Trương Duy Toản	1,02
32.3	Đường Trương Duy Toản	Đường Chiêm Thành Tấn	Trục số 4 (Khu Trung tâm Thương mại - Hành chính huyện - nay là xã Phong Điền)	1,02
32.4	Đường vào Khu mộ cụ Phan Văn Trị	Lộ Vòng Cung	Cầu Cái Tắc	1,02
		Cầu Cái Tắc	Hết ranh đất Khu mộ cụ Phan Văn Trị	1,02
		Ranh đất Khu mộ cụ Phan Văn Trị	Rạch Tre	1,02
32.5	Khu Trung tâm Thương mại huyện Phong Điền (nay là xã Phong Điền)	Trục chính		1,02
		Trục phụ		1,02
32.6	Lộ Vòng Cung (Đường tỉnh 923 cũ)	Giáp ranh phường An Bình	Cầu Trà Niền	1,02
		Cầu Trà Niền	Cầu Tây Đô	1,02
		Cầu Tây Đô	Cống Rạch Bần	1,02
		Cống Rạch Bần	Cầu Rạch Miếu	1,02
		Cầu Rạch Miếu	Giáp ranh phường Phước Thới	1,02
32.7	Đường Nguyễn Thái Bình	Lộ Vòng Cung (Đường tỉnh 923 cũ)	Đường tỉnh 923 (mới)	1,02
32.8	Đường Nguyễn Văn Cừ nối dài	Giáp ranh phường An Bình	Cầu Trà Niền (Đường tỉnh 923 mới)	1,02
		Cầu Trà Niền	Đường tỉnh 923 (mới)	1,02
32.9	Đường Phan Văn Trị (Trục số 2, Khu Trung tâm Thương mại - Hành chính huyện Phong Điền - nay là xã Phong Điền)	Lộ Vòng Cung (Đường tỉnh 923 cũ)	Đường Chiêm Thành Tấn	1,02
		Đường Chiêm Thành Tấn	Hết ranh Trung tâm Y tế dự phòng huyện Phong Điền (cũ)	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
32.10	Trục Đường số 26 và khu vực Đình Thần Nhơn Ái và các hẻm	Trục Đường số 26 và khu vực Đình Thần Nhơn Ái		1,02
		Các hẻm		1,02
32.11	Tuyến Đường nối từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Cầu Tây Đô	Đường Nguyễn Văn Cừ	Cầu Tây Đô	1,02
32.12	Đường vào Trường THPT Phan Văn Trị	Đường Nguyễn Văn Cừ nối dài	Trường THPT Phan Văn Trị	1,02
32.13	Tuyến Đường dẫn Cầu Vàm Xáng	Đường Nguyễn Văn Cừ nối dài	Lộ Vòng Cung (Đường tỉnh 923 cũ)	1,02
32.14	Đường tỉnh 918 (Hương lộ 28)	Lộ Vòng Cung (Đường tỉnh 923 cũ)	Giáp ranh phường Long Tuyền	1,12
		Cầu Xẻo Tre	Đường tỉnh 918 nâng cấp	1,12
32.15	Khu dân cư xã Tân Thới (cũ)	Cả khu		1,02
32.16	Tuyến Đường Cầu Nhiếm - Trường Thành	Cầu Nhiếm	Giáp ranh xã Trường Thành	1,02
32.17	Tuyến Đường Đê KH9 (Đường cấp 5 đồng bằng)	Giáp ranh phường Phước Thới	Tuyến Đường Cầu Nhiếm - Trường Thành	1,02
		Tuyến Đường Cầu Nhiếm - Trường Thành	Giáp ranh xã Nhơn Ái	1,02
32.18	Đường đi quanh Nhà khách Thành ủy	Lộ Vòng Cung (Đường tỉnh 923 cũ)	Hết ranh Nhà khách Thành ủy	1,02
32.19	Đường vào Trung tâm dạy nghề	Lộ Vòng Cung (Đường tỉnh 923 cũ)	Hết ranh Trung tâm dạy nghề	1,02
32.20	Đường Điêu Huyền (Trục đường 13, Khu Trung tâm Thương mại - Hành chính huyện Phong Điền - nay là xã Phong Điền)	Đường số 12	Đường Nguyễn Thái Bình	1,02
33	**Xã Nhơn Ái**			
33.1	Quốc lộ 61C	Giáp ranh phường Cái Răng	Cầu So Đũa	1,02
		Cầu So Đũa	Giáp ranh xã Tân Hòa	1,02
33.2	Đường tỉnh 926	Cầu Tây Đô	Cầu Cây Cẩm - Nhơn Ái	1,02
		Cầu Cây Cẩm - Nhơn Ái	Giáp ranh xã Trường Long	1,02
33.3	Đường tỉnh 932	Trường Trung học Nhơn Nghĩa	Ngã ba Trung tâm xã Nhơn Nghĩa (cũ)	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
33.3	Đường tỉnh 932	Khu tái định cư xã Nhơn Nghĩa (cũ)	Giáp ranh xã Tân Hòa	1,02
		Đường tỉnh 932	Giáp Khu tái định cư xã Nhơn Nghĩa (cũ)	1,02
33.4	Tuyến Đường Đê bao bảo vệ vườn cây ăn trái xã Nhơn Ái	Suốt tuyến		1,02
33.5	Tuyến Đường Đê KH9 (Đường cấp 5 đồng bằng)	Giáp ranh xã Phong Điền	Đường đầu nối cầu Tây Đô	1,02
		Đường tỉnh 926	Giáp ranh xã Tân Hòa	1,02
33.6	Tuyến Đường Nhơn Ái - Trường Long	Cống KH9	Giáp ranh xã Trường Long	1,02
33.7	Tuyến Đường dẫn Cầu Vàm Xáng đến Quốc lộ 61C	Giáp ranh phường An Bình (Cầu Vàm Xáng)	Quốc lộ 61C	1,02
		Ngã ba Đường dẫn Cầu Vàm Xáng	Đường tỉnh 932	1,02
33.8	Đường dẫn Cầu Tây Đô xã Nhơn Ái	Suốt tuyến		1,02
33.9	Đường Vàm Xáng - Ba Láng	Suốt tuyến		1,02
33.10	Đường vào Khu di tích lịch sử Giàn Gừa	Suốt tuyến		1,02
33.11	Khu tái định cư 7,24 ha xã Nhơn Nghĩa (cũ)	Trục chính (Đường số 01), Đường tỉnh 932		1,02
		Trục phụ (Các Trục Đường số 2, 3, 4, 5 và 6)		1,02
33.12	Khu tái định cư xã Nhơn Ái	Cả khu		1,02
33.13	Khu vực chợ Vàm Xáng	UBND xã Nhơn Nghĩa (cũ)	Đường tỉnh 932	1,02
34	**Xã Trường Long**			
34.1	Đường tỉnh 926	Cầu Mương Cao	Cầu Kinh Tắc	1,02
		Cầu Kinh Tắc	Cầu Ba Chu	1,02
		Cầu Càng Đước	Kênh Một Ngàn	1,02
34.2	Khu dân cư vượt lũ xã Trường Long (Ấp Trường Thuận)	Cả khu		1,02
34.3	Khu dân cư vượt lũ xã Trường Long (Ấp Trường Hòa)	Cả khu		1,02
34.4	Khu dân cư thương mại xã Trường Long (Giáp Đường tỉnh 926, xã Trường Long cũ)	Cả khu		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
34.5	Tuyến Đường Án Khám - Ông Hào	Suốt tuyến		1,02
34.6	Tuyến Đường Càng Đước - Vàm Bi	Suốt tuyến		1,08
34.7	Tuyến Đường Nhơn Ái - Trường Long	Cống KH9	Vàm Ông Hào	1,02
34.8	Tuyến Đường Trường Long - Vàm Bi	Cầu Ba Chu	Vàm Bi	1,02
34.9	Tuyến Đường Vàm Bi - Trường Hòa - Bốn Tổng	Suốt tuyến		1,08
35	**Xã Thới Lai**			
35.1	Khu Chợ Thới Lai (cũ)	Phía bên chợ và hai bên nhà lồng chợ (Thị trấn phía bên chợ và hai bên nhà lồng chợ cũ)		1,02
		Bên kia sông xáng Ô Môn Chợ Thới Lai từ Vàm Kinh Đứng (Bên kia sông chợ thị trấn Thới Lai từ Vàm Kinh Đứng cũ)	Vàm Nhà Thờ	1,02
35.2	Đường Hồ Thị Thưởng	Ngã ba Thới Lai - xã Trường Thắng cũ về Trung tâm xã Trường Xuân	Hết ranh Trường Cao đẳng nghề	1,02
			Ngã ba vào nhà lồng chợ Thới Lai hiện hữu	1,02
35.3	Khu dân cư Huệ Phát	Trục chính		1,02
		Trục phụ		1,02
35.4	Khu hành chính xã Thới Lai (Trừ phần tiếp giáp Đường tỉnh 922)	Cả khu		1,02
35.5	Đường Nguyễn Thị Huỳnh (Đường tỉnh 922)	Cầu Sắt Lớn	Cầu Cồn Chen (Bên trái)	1,02
			Cầu Cồn Chen (Bên phải)	1,02
35.6	Tuyến Lộ giao thông 4 mét cặp sông Xáng Ô Môn, trừ Khu dân cư Huệ Phát (Thị trấn Thới Lai (Trừ Khu dân cư Huệ Phát cũ))	Cầu Sắt Lớn	Cầu Bà Đầm (Ranh xã Trường Thắng cũ)	1,02
35.7	Tuyến Đường thị trấn Thới Lai - xã Đông Thuận (Tuyến Đường thị trấn Thới Lai - xã Đông Bình cũ)	Đường tỉnh 922	Cầu Đông Pháp	1,02
		Cầu Đông Pháp	Giáp ranh xã Đông Thuận	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
35.8	Tuyến đường thị trấn Thới Lai - Trường Thành (Tuyến đường thị trấn Thới Lai - xã Tân Thạnh cũ)	Cầu Kênh Đứng	Cầu Rạch Đình (Giáp ranh xã Trường Thành)	1,02
35.9	Đường huyện 21	Đường Hồ Thị Thưởng	Giáp ranh xã Trường Thành	1,02
35.10	Đường Võ Thị Diệp (Đường tỉnh 922)	Cầu Tắc Cà Đi	Cầu Xẻo Xào (Bên trái)	1,02
			Cầu Xẻo Xào (Bên phải)	1,02
		Cầu Xẻo Xào	Cầu Sắt Lớn	1,02
35.11	Đường nội bộ thuộc dự án Mở rộng, phát triển đô thị mới và nâng cấp chợ Thới Lai hiện hữu, thị trấn Thới Lai (cũ) (Giai đoạn 01 và 02)	Đường số 01		1,02
		Đường số 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15 và 16		1,02
35.12	Khu đô thị mới huyện Thới Lai (cũ) (Các vị trí đã Hòan thiện cơ sở hạ tầng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Đường số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13		1,02
35.13	Đường tỉnh 922 mới (Tuyến tránh Thới Lai)	Cầu Tắc Cà Đi	Cầu Cồn Chen	1,02
35.14	Đường tỉnh 922 mới	Ngã ba Tuyến tránh	Cầu Đường Xuồng (Giáp ranh xã Trường Thành)	1,02
35.15	Tuyến Đường Thới Lai - Trường Xuân (Tuyến Đường thị trấn Thới Lai - xã Trường Xuân A cũ)	Giáp ranh trường cao đẳng nghề	Cầu Búng lớn giáp ranh xã Trường Xuân (Bên trái)	1,02
			Cầu Búng lớn giáp ranh xã Trường Xuân (Bên phải)	1,02
36	**Xã Đông Thuận**			1,02
36.1	Đường tỉnh 919	Giáp ranh xã Cờ Đỏ	Hết ranh xã Đông Thuận	1,02
36.2	Tuyến Đường thị trấn Thới Lai - xã Đông Thuận	Giáp ranh xã Thới Lai	Giáp ranh tỉnh An Giang (Bên phải)	1,02
		Giáp ranh xã Thới Lai	Giáp ranh tỉnh An Giang (Bên trái)	1,02
36.3	Khu dân cư vượt lũ xã Đông Bình (cũ)	Trục chính		1,02
		Trục phụ		1,02
36.4	Khu dân cư xã Đông Thuận	Trục chính		1,02
		Trục phụ		1,02
36.5	Đường dẫn hai bên Cầu Đông Thuận	Bên phải		1,02
		Bên trái		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
37	**Xã Trường Xuân**			
37.1	Đường tỉnh 919	Giáp ranh xã Đông Thuận	Kênh Xáng Ô Môn	1,02
		Kênh Xáng Ô Môn	Giáp ranh xã Trường Long Tây	1,02
37.2	Khu Thương mại Trường Xuân	Cả khu		1,02
37.3	Tuyến Đường Thới Lai - Trường Xuân A (từ ranh xã Thới Lai đến Kênh Ranh)	Giáp ranh xã Thới Lai	Khu dân cư vượt lũ Trường Xuân	1,02
		Khu dân cư vượt lũ Trường Xuân	Hết ranh Khu Thương mại Trường Xuân	1,02
		Ranh Khu Thương mại Trường Xuân	Cống Sáu Sung	1,02
		Cống Sáu Sung	Kênh Ranh (Giáp ranh tỉnh An Giang)	1,02
37.4	Khu dân cư vượt lũ Trường Xuân (Ấp Phú Thọ)	Trục chính		1,12
		Trục phụ		1,12
37.5	Khu dân cư vượt lũ Trường Xuân A (Ấp Trường Ninh 1)	Trục chính		1,02
		Trục phụ		1,02
38	**Xã Trường Thành**			
38.1	Đường tỉnh 922 (cũ)	Giáp ranh phường Ô Môn (Cầu Vàm Nhon)	Giáp ranh xã Thới Lai (Cầu Tắc Cà Đi, Bên trái)	1,02
			Giáp ranh xã Thới Lai (Cầu Tắc Cà Đi, Bên phải)	1,02
38.2	Đường tỉnh 922 (mới)	Giáp ranh phường Phước Thới (Cầu KH8)	Giáp ranh xã Thới Lai (Cầu Đường Xuồng)	1,02
		Ngã ba Đường tỉnh 922 cũ	Giáp ranh xã Thới Lai (Cầu Tắc Cà Đi)	1,02
38.3	Tuyến Định Môn - Trường Thành	Cầu Mương Huyện	Cầu Ba Đá	1,02
38.4	Tuyến Đường Ba Mít - Cây Dầu (Trừ đoạn Cụm dân cư vượt lũ Trường Thành)	Cầu Ba Đá	Giáp ranh xã Phong Điền (Rạch Cây Dầu)	1,02
38.5	Tuyến Chợ Ba Mít (Trừ đoạn Cụm dân cư vượt lũ Trường Thành)	Ngã ba Cầu Ba Đá	Ngã ba tuyến Rạch Rừa	1,08
38.6	Tuyến Thới Lai - Tân Thạnh	Giáp ranh xã Thới Lai (Rạch Đình)	Hết Khu Trung tâm xã Tân Thạnh (cũ)	1,02
38.7	Tuyến Thới Lai - Trường Thành	Giáp ranh xã Thới Lai (Kênh KH8)	Giáp ranh Cụm dân cư vượt lũ Trường Thành	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
38.8	Tuyến Rạch Rừa	Rạch Cầu Nhiếm	Tuyến Đường Ba Mít - Cây Dầu	1,08
38.9	Cụm dân cư vượt lũ Định Môn (Ấp Định Mỹ)	Trục chính		1,02
		Trục phụ		1,02
38.10	Cụm dân cư vượt lũ Trường Thành (Ấp Trường Trung)	Trục chính		1,02
		Trục phụ		1,02
39	**Xã Cờ Đỏ**			
39.1	Chợ Cờ Đỏ	Cầu Cờ Đỏ	Kênh Đứng (Trừ Khu Chỉnh trang đô thị và cải thiện môi trường sống tại thị trấn Cờ Đỏ cũ)	1,02
		Cầu Cờ Đỏ	Kênh số 1 (Trừ Khu Chỉnh trang đô thị và cải thiện môi trường sống tại thị trấn Cờ Đỏ cũ)	1,02
		Kênh số 1	Giáp ranh Khu dân cư vượt lũ xã Thới Đông (cũ)	1,02
39.2	Đường vào Trường Tiểu học thị trấn Cờ Đỏ	Đường Hà Huy Giáp (Đường tỉnh 919)	Đường thị trấn Cờ Đỏ - xã Thới Đông	1,02
39.3	Đường Hà Huy Giáp (Đường tỉnh 919)	Giáp ranh xã Thạnh Phú	Cầu Cờ Đỏ	1,02
39.4	Khu Chỉnh trang đô thị và cải thiện môi trường sống tại thị trấn Cờ Đỏ (cũ)	Các lô nền tiếp giáp trục Đường Lê Đức Thọ và Hà Huy Giáp		1,02
		Trục chính (Chiều rộng 25 mét) (Đường số 4)		1,02
		Trục phụ (Chiều rộng 15 mét) (Đường số 12 và 13)		1,02
		Các trục còn lại		1,02
39.5	Khu dân cư Khmer, xã Cờ Đỏ	Cả khu		1,08
39.6	Khu hành chính xã Cờ Đỏ (Trừ phần tiếp giáp đường Hà Huy Giáp)	Cả khu		1,02
39.7	Khu tái định ấp Thới Hòa B, thị trấn Cờ Đỏ (cũ)	Đường số 01, Đường số 03, Đường số 04, Đường số 09		1,02
		Đường số 07, Đường số 02		1,02
		Đường số 05, Đường số 06		1,02
		Đường số 08		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
39.8	Đường Lê Đức Thọ (Đường tỉnh 922) (Bên phải tiếp giáp trục đường giao thông; Bên trái tiếp giáp mương lộ hướng từ huyện Thới Lai cũ đến thị trấn Cờ Đỏ cũ)	Ngã ba giao Đường Lê Đức Thọ - Hà Huy Giáp	Cầu Kênh Ngang	1,02
		Cầu Kênh Ngang	Giáp ranh xã Đông Hiệp (Bên trái)	1,02
		Cầu Kênh Ngang	Giáp ranh xã Đông Hiệp (Bên phải)	1,02
39.9	Đường Nguyễn Văn Nhung (Đường tỉnh 921)	Đường Hà Huy Giáp	Cầu Kinh Bốn Tổng (Thâm hậu tới sông Xáng Thốt Nốt)	1,02
		Cầu Kênh Bốn Tổng	Cầu Năm Châu (Giáp ranh xã Thạnh Phú)	1,02
39.10	Đường ô tô đến Trung Tâm xã Thới Xuân (cũ)	Đường tỉnh 919	Cầu Kênh Lồng Ống (Hai bên)	1,08
		Cầu Kênh Lồng Ống	Cầu Kênh Lò Thiêu (Hai bên)	1,08
		Cầu Kênh Lò Thiêu	Cầu số 4 (Sông Xáng Thốt Nốt) (Bên trái)	1,08
		Cầu số 4	Cầu Nóc Băng	1,08
39.11	Cụm dân cư vượt lũ xã Thới Đông (cũ)	Các lô nền tiếp giáp Đường Cờ Đỏ - xã Thới Đông		1,02
		Trục chính (Hai bên nhà lồng chợ)		1,02
		Các trục còn lại		1,02
40	**Xã Đông Hiệp**			
40.1	Đường tỉnh 922 (Bên phải tiếp giáp trục đường giao thông, Bên trái tiếp giáp mương lộ Hướng từ ranh xã Thới Lai đến xã Đông Hiệp)	Giáp ranh xã Thới Lai (Cầu Cồn Chen)	Giáp ranh Khu dân cư vượt lũ xã Đông Hiệp (Bên trái)	1,02
		Giáp ranh xã Thới Lai (Cầu Cồn Chen)	Giáp ranh Khu dân cư vượt lũ xã Đông Hiệp (Bên phải)	1,02
		Ranh Khu dân cư vượt lũ xã Đông Hiệp (Trừ Khu dân cư vượt lũ)	Hết ranh đất Trường THCS Đông Hiệp (Bên trái)	1,02
		Ranh Khu dân cư vượt lũ xã Đông Hiệp (Trừ Khu dân cư vượt lũ)	Hết ranh đất Trường THCS Đông Hiệp (Bên phải)	1,02
		Ranh Trường THCS Đông Hiệp	Giáp ranh xã Cờ Đỏ (Bên trái)	1,02
		Giáp ranh đất Trường THCS Đông Hiệp	Giáp ranh xã Cờ Đỏ (Bên phải)	1,02
40.2	Đường tỉnh 922 (mới)	Giáp ranh xã Thới Lai	Ngã ba giao Đường tỉnh 922 (cũ)	1,02
40.3	Đường vào Trường Mẫu giáo, Tiểu học Đông Hiệp 1	Đường tỉnh 922	Hết ranh đất Trường Tiểu học Đông Hiệp	1,08

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
40.4	Đường vào Trường Tiểu học Đông Thắng	Đường tỉnh 922	Hết ranh đất Trường Tiểu học Đông Thắng	1,08
40.5	Đường ô tô đến Trung tâm xã Thới Hưng	Đường tỉnh 922	Giáp ranh xã Thới Hưng	1,02
40.6	Khu Chợ Đông Hiệp	Cả khu		1,02
40.7	Cụm dân cư vượt lũ xã Đông Hiệp	Các lô nền tiếp giáp Đường tỉnh 922		1,12
		Đường nội bộ có lộ giới (4 - 7 - 4) mét		1,12
		Đường nội bộ có lộ giới (3 - 5 - 3) mét		1,12
		Các trục còn lại		1,12
41	**Xã Trung Hưng**			
41.1	Đường tỉnh 921	Cầu Xẻo Xây lớn	Cầu Cái He	1,02
		Cầu Cái He	Cầu Ngã Tư (Chợ xã) (Trừ Cụm dân cư vượt lũ)	1,02
		Cầu Ngã Tư	Giáp ranh xã Thạnh Phú	1,02
41.2	Đường tỉnh 921B	Giáp ranh phường Trung Nhứt	Đường tỉnh 921	1,08
41.3	Đường ô tô đến Trung tâm xã Trung Thạnh (cũ)	Cầu Bắc Đuông (Trừ Khu dân cư xã Trung Thạnh (cũ), Điểm Bắc Đuông)	Giáp ranh Cụm dân cư vượt lũ xã Trung Thạnh (cũ) (Điểm Lấp Vò)	1,12
41.4	Đường số 12 vào Trường Mầm non Trung Hưng 1	Cụm dân cư vượt lũ xã Trung Hưng (Điểm chợ Trung Hưng)	Rạch Ngã Tư	1,02
41.5	Cụm dân cư vượt lũ xã Trung Hưng	Các lô nền xung quanh chợ Trung Hưng (Điểm chợ xã Trung Hưng)		1,02
		Các lô nền tiếp giáp Đường tỉnh 921 (Điểm chợ xã Trung Hưng)		1,02
		Các lô nền còn lại (Điểm chợ xã Trung Hưng)		1,02
		Toàn cụm dân cư vượt lũ xã Trung Hưng (Điểm chợ Ba Đá)		1,02
41.6	Cụm dân cư vượt lũ xã Trung Thạnh (cũ)	Các lô nền tiếp giáp trục chính cặp sông Thốt Nốt và trục Đường từ Cầu Lấp Vò đến trục Đường số 2 Cụm dân cư vượt lũ		1,02
		Các lô nền còn lại		1,02
41.7	Khu tái định cư Bắc Đuông (Xã Trung Thạnh cũ)	Cả khu		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
42	**Xã Thạnh Phú**			
42.1	Đường tỉnh 921	Ranh xã Trung Hưng	Cầu Huyện Chơn	1,02
		Cầu Huyện Chơn	Cầu Hội Đồng Khương (Trừ Cụm dân cư vượt lũ)	1,02
		Cầu Hội Đồng Khương	Giáp ranh xã Cờ Đỏ (Cầu Năm Châu)	1,02
42.2	Đường Nông trường Cờ Đỏ (Trục Đường vào Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Cờ Đỏ) (Hai bên)	Đường tỉnh 919	Kênh 1	1,02
		Kênh 1	Kênh 4	1,02
		Kênh 4	Kênh 8 (Giáp ranh xã Thạnh An)	1,02
42.3	Đường tỉnh 919	Giáp ranh xã Cờ Đỏ	Giáp ranh xã Vĩnh Thạnh	1,02
42.4	Cụm dân cư vượt lũ xã Thạnh Phú	Các lô nền tiếp giáp Đường tỉnh 921		1,02
		Các lô nền còn lại		1,02
43	**Xã Thới Hưng**			
43.1	Đường ô tô đến Trung tâm xã Thới Hưng	Đường tỉnh 922 (Giáp ranh xã Đông Hiệp)	Cầu Kinh Ấp 3	1,02
		Cầu Kinh Ấp 3 (cầu số 5)	Kinh 200 (Giáp ranh phường Thới Long)	1,02
44	**Xã Vĩnh Thạnh**			
44.1	Quốc lộ 80	Giáp ranh tỉnh An Giang	Cống số 7,5	1,20
		Cống số 7,5	Cống số 9,5	1,20
		Cống số 9,5	Cống Lý Chiêu	1,20
		Cống Lý Chiêu	Cống Thầy Pháp (Trung tâm xã)	1,20
		Cống Thầy Pháp (Trung tâm xã)	Giáp ranh xã Thạnh Quới (Cống Nhà Thờ)	1,20
44.2	Trung tâm hành chính huyện Vĩnh Thạnh (Nay là Trung tâm hành chính xã)	Toàn bộ các tuyến Đường số: 34, 41, 43, 47, 53, 8, 7		1,02
		Tuyến Đường số 11 (Từ Đường số 41 đến Đường số 55)		1,02
44.3	Khu tái định cư Trung tâm Thương mại và Dân cư Thương mại huyện Vĩnh Thạnh (Nay là xã Vĩnh Thạnh)	Toàn bộ các tuyến Đường số: 38, 40		1,02
		Đường số 6 (Từ Đường số 37 đến Đường số 40)		1,02
		Đường số 8 (Từ Đường số 37 đến Đường số 40)		1,02
		Đường số 37 (Từ Đường số 6 đến Đường số 8)		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
44.4	Khu tái định cư và dân cư hành chính huyện Vĩnh Thạnh (Nay là xã Vĩnh Thạnh)	Các lô nền tiếp giáp Đường nội bộ song song với Đường Phù Đổng Thiên Vương		1,02
		Các lô nền còn lại		1,02
		Các lô nền đã có Quyết định giá đất cụ thể gồm: B2 - 11, B2 - 12, B2 - 13, B2 - 14. B2 - 15, B2 - 16, B2 - 17, B2 - 18, B2 - 19, B2 - 20, B2 - 21, B2 - 22, B2 - 23, B2 - 24, B2 - 25, B2 - 35, B2 - 36, B2 - 37, B2 - 38, B2 - 39, B2 - 40, B2 - 41, B2 - 42, B2 - 43, B2 - 44, B2 - 45, B2 - 46, B2 - 47, B2 - 48, B2 - 49, B5 - 21, B5 - 23, B5 - 24, B5 - 45, B2 - 27, B2 - 28, B2 - 29, B2 - 30, B2 - 31, B2 - 32, B2 - 33, B5 - 26, B5 - 27, B5 - 28, B5 - 29, B5 - 30, B5 - 31, C2 - 12, C2 - 13, C2 - 14, C2 - 15, C2 - 16, C2 - 17, C2 - 18, C2 - 19, C2 - 20.		1,02
		B2 - 27, B2 - 28, B2 - 29, B2 - 30, B2 - 31, B2 - 32, B2 - 33, B5 - 26, B5 - 27, B5 - 28, B5 - 29, B5 - 30, B5 - 31, C2 - 12, C2 - 13, C2 - 14, C2 - 15, C2 - 16, C2 - 17, C2 - 18, C2 - 19, C2 - 20.		1,02
		B5 - 25, B5 - 32, C2 - 01, C3 - 01, C3 - 20, B2 - 1, B2 - 26, B2 - 34.		1,02
44.5	Cụm dân cư vượt lũ thị trấn Vĩnh Thạnh (cũ)	Vị trí lô nền có mặt tiền tiếp giáp Quốc lộ 80		1,08
		Vị trí lô nền tiếp giáp các đường nội bộ trong cụm dân cư vượt lũ		1,08
		Các tuyến đường chính trong cụm Khu dân cư vượt lũ		1,08
44.6	Trung tâm Thương mại và Dân cư thương mại huyện Vĩnh Thạnh (Nay là xã Vĩnh Thạnh)	Vị trí lô nền cặp đường nội bộ song song đường Phù Đổng Thiên Vương		1,02
44.7	Đường Bờ Tràm	Kênh Thắng Lợi 1	Kênh Bốn Tổng	1,02
44.8	Đường ô tô vào Trung tâm xã Thạnh Lộc (T7) (Nay là xã Vĩnh Thạnh)	Sau 50 mét Quốc lộ 80	Kênh Thắng Lợi 1 (Hết Đường T7)	1,02
44.9	Đường Thắng Lợi 1	Ngã ba giao Đường T7 với Kênh Thắng Lợi 1	Đường Bờ Tràm	1,02
44.10	Đường Sĩ Cuông	Kênh Bà Chiêu	Giáp ranh phường Trung Nhứt	1,02
44.11	Tuyến Lộ Tẻ - Rạch Sỏi	Giáp ranh xã Vĩnh Trinh	Kênh Bốn Tổng (Kênh số 10)	1,02
44.12	Tuyến Đường nối lên Cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Sỏi	Đường Phù Đổng Thiên Vương (Đường tỉnh 919)	Cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Sỏi	1,02
44.13	Cụm dân cư vượt lũ xã Thạnh Lộc (cũ)	Suốt tuyến		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
44.14	Cụm dân cư vượt lũ xã Thạnh Lộc (Sáu Bọng) (cũ)	Suốt tuyến		1,02
44.15	Đường Phù Đổng Thiên Vương (Đường tỉnh 919)	Sau Quốc lộ 80	Cầu vượt Cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Sỏi	1,02
		Cầu vượt Cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Sỏi	Giáp ranh xã Thạnh Quới	1,02
44.16	Khu dân cư chợ Số 8	Các lô nền tiếp giáp Quốc lộ 80		1,02
		Các lô nền tiếp giáp các đường nội bộ		1,02
44.17	Cụm dân cư vượt lũ xã Thạnh Mỹ (số 8) (cũ)	Vị trí lô nền có mặt tiền tiếp giáp Quốc lộ 80		1,02
		Vị trí lô nền tiếp giáp các Đường nội bộ trong Cụm dân cư vượt lũ		1,02
45	**Xã Vĩnh Trinh**			
45.1	Quốc lộ 80	Cầu Đường Xuồng (Giáp phường Thốt Nốt)	Giáp ranh tỉnh An Giang (Trừ Cụm dân cư vượt lũ)	1,02
45.2	Đường T3 Bờ Ớt	Giáp ranh Cụm dân cư vượt lũ xã Vĩnh Trinh	Kênh Thắng Lợi 1	1,02
45.3	Tuyến Lộ Tẻ - Rạch Sỏi	Giáp ranh phường Thốt Nốt	Tuyến tránh thành phố Long Xuyên	1,02
45.4	Cụm dân cư vượt lũ xã Vĩnh Trinh	Vị trí lô nền có mặt tiền tiếp giáp Quốc lộ 80		1,02
		Vị trí lô nền tiếp giáp các đường nội bộ trong Cụm dân cư vượt lũ		1,02
		Vị trí các lô nền tiếp giáp từ đoạn Quốc lộ 80 đến đường T3 Bờ Ớt (Trong Cụm dân cư vượt lũ xã Vĩnh Trinh)		1,02
45.5	Khu tái định cư phục vụ Khu Công nghiệp Vĩnh Thạnh (Giai đoạn 1)	Trục chính		1,02
		Trục phụ		1,02
45.6	Đường Thới Thuận - Thạnh Lộc	Giáp ranh phường Thốt Nốt	Đường T3 Bờ Ớt	1,08
45.7	Tuyến tránh thành phố Long Xuyên	Trên địa bàn xã Vĩnh Trinh		1,02
45.8	Tuyến Đường nối từ đường dẫn vào Cầu Vàm Cống vào Khu Công nghiệp Vĩnh Thạnh (VSIP Cần Thơ)	Tuyến tránh thành phố Long Xuyên	Khu Công nghiệp Vĩnh Thạnh (VSIP Cần Thơ)	1,08
45.9	Tuyến Đường nối từ Quốc lộ 80 đến Khu Công nghiệp Vĩnh Thạnh (VSIP Cần Thơ)	Quốc lộ 80	Khu Công nghiệp Vĩnh Thạnh (VSIP Cần Thơ)	1,08

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
45.10	Tuyến Đường Rạch Ngã Chùa	Quốc lộ 80	Cầu Đình Vĩnh Trinh	1,08
		Cầu Ba Mao	Giáp ranh phường Thốt Nốt	1,08
45.11	Tuyến Đường Kênh Thắng Lợi 1	Đường T3 Bờ Ớt	Giáp ranh xã Vĩnh Thạnh	1,08
45.12	Tuyến Đường Kênh Bà Chiêu	Kênh Ông Xếp (Giáp ranh phường Thốt Nốt)	Giáp ranh xã Vĩnh Thạnh	1,08
45.13	Tuyến Đường Kênh Thắng Lợi 2	Giáp ranh phường Thốt Nốt	Giáp ranh xã Vĩnh Thạnh	1,08
45.14	Tuyến Đường Kênh Lộ Mới	Kênh Bà Chiêu	Giáp ranh phường Thốt Nốt	1,08
46	**Xã Thạnh An**			
46.1	Quốc lộ 80	Giáp ranh xã Thạnh Quới	Cống Sao Mai	1,02
		Cống Sao Mai	Cầu Thầy Ký	1,02
		Cầu Thầy Ký	Kênh B (Giáp ranh tỉnh An Giang)	1,02
46.2	Đường Kênh Thầy Ký (Bờ phía Đông)	Quốc lộ 80	Cầu Bờ Bao	1,02
46.3	Đường Kênh E (Đường tỉnh 916)	Bờ Kênh Cái Sắn	Kênh 600 (Giáp ranh xã Thạnh Quới)	1,02
		Kênh Đòn Dông (Giáp ranh xã Thạnh Quới)	Giáp ranh tỉnh An Giang	1,02
46.4	Cụm dân cư vượt lũ thị trấn Thạnh An (nay là xã Thạnh An)	Vị trí lô nền tiếp giáp các Đường nội bộ trong Cụm dân cư vượt lũ		1,08
46.5	Cụm dân cư vượt lũ xã Thạnh Thắng (nay là xã Thạnh An)	Cả khu		1,02
46.6	Đường tỉnh 921C	Giáp ranh xã Thạnh Quới	Cầu Kênh C1	1,08
46.7	Đường huyện 54	Đường tỉnh 916 (Ngã ba xã Thạnh Lợi (cũ))	Kênh C2	1,02
47	**Xã Thạnh Quới**			
47.1	Quốc lộ 80	Cống Nhà Thờ	Đầu cầu Láng Sen	1,02
		Đầu cầu Láng Sen	Giáp ranh xã Thạnh An (Cống số 15,5)	1,02
47.2	Đường tỉnh 919 (Bốn Tổng - Một Ngàn)	Giáp ranh xã Vĩnh Thạnh (Cầu Láng Chim)	Giáp ranh xã Thạnh Phú	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
47.3	Đường Kênh E (Đường tỉnh 916)	Kênh 600 (Giáp ranh xã Thạnh An)	Giáp ranh xã Thạnh An	1,02
		Quốc lộ 80	Cầu Cái Sắn	1,02
47.4	Đường Nam Kênh Đòn Dông (Đoạn D - H)	Giáp ranh xã Thạnh An	Hết ranh xã Thạnh Quới (Giáp ranh tỉnh An Giang)	1,02
47.5	Đường số 12 (Trung tâm hành chính xã Thạnh Quới)	Kênh Cống 12	Kênh FM (Nhà thờ)	1,02
47.6	Chợ Láng Sen và Dân cư nông thôn xã Thạnh Quới	Đường số 03, 09 và các lô nền tiếp giáp Quốc lộ 80		1,02
		Toàn bộ các tuyến Đường số 01, 02, 04, 05, 06, 07, 08		1,02
47.7	Cụm dân cư vượt lũ xã Thạnh An (cũ)	Cả khu		1,02
47.8	Cụm dân cư vượt lũ Thạnh Mỹ (mở rộng) xã Thạnh Quới	Vị trí lô nền có mặt tiền tiếp giáp đường nội bộ cặp Quốc lộ 80		1,02
		Vị trí lô nền tiếp giáp các đường nội bộ trong Cụm dân cư vượt lũ		1,02
48	**Xã Hòa Tú**			
48.1	Đường tỉnh 936B	Giáp ranh tỉnh Cà Mau	Trường THCS Hòa Tú 2	1,08
		Trường THCS Hòa Tú 2	Đường tỉnh 940	1,08
		Đường tỉnh 940	Giáp ranh xã Ngọc Tố	1,08
48.2	Đường tỉnh 940	Giáp ranh xã Nhu Gia	Kênh Thạnh Mỹ (Cầu Hữu Cận 2)	1,08
		Kênh Thạnh Mỹ (Cầu Hữu Cận 2)	Giáp ranh phường Vĩnh Phước	1,08
48.3	Đường tỉnh 940 (cũ)	Đường tỉnh 940	Giáp ranh phường Vĩnh Phước	1,12
48.4	Đường huyện 15	Đường tỉnh 940 (Vòng xoay ấp Hòa Phuông)	Giáp ranh xã Ngọc Tố	1,02
48.5	Đường huyện 50	Đường tỉnh 936B	Giáp ranh xã Nhu Gia	1,02
48.6	Đường huyện 54	Đường huyện 15	Đường Trục phát triển Tôm - Lúa huyện Mỹ Xuyên (cũ)	1,02
		Đường Trục phát triển Tôm - Lúa huyện Mỹ Xuyên (cũ)	Đường huyện 51	1,02
48.7	Đường huyện 51	Đường tỉnh 940	Giáp ranh xã Ngọc Tố	1,02
48.8	Đường huyện 52 (Dự án Đầu tư Cơ sở hạ tầng vùng sản xuất Tôm - Lúa hữu cơ)	Giáp ranh xã Nhu Gia	Đường đal Hòa Đê - Hòa Đức	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
48.9	Đường tỉnh 937 (Đường Trục phát triển Tôm - Lúa huyện Mỹ Xuyên (cũ))	Giáp ranh xã Nhu Gia	Giáp Sông Đình	1,02
		Giáp Sông Đình	Giáp ranh xã Ngọc Tố	1,02
48.10	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây (Đường tỉnh 937B)	Đường tỉnh 940	Giáp ranh xã Ngọc Tố	1,02
48.11	Khu trung tâm xã			1,02
48.11.1	Đường D2	Đường Trục phát triển Tôm - Lúa huyện Mỹ Xuyên (cũ) (Đường tỉnh 937)	Đường huyện 51	1,04
48.11.2	Đường D4; Đường D5	Đường tỉnh 940	Đường D1	1,04
48.12	Đường vào Trung tâm Văn hóa Thể thao Truyền thanh	Đường tỉnh 940	Trung tâm Văn hóa Thể thao Truyền thanh	1,02
48.13	Đường đal khu vực Chợ Dương Kiển	Đường tỉnh 936B	Đường tỉnh 940 cũ	1,08
48.14	Đường đal Dương Kiển (Cặp UBND xã)	Đường tỉnh 936B	Kênh Cô Hai	1,02
48.15	Đường đal (Hòa Nhờ A)	Đường tỉnh 940 (cũ)	Đường tỉnh 940	1,02
49	**Xã Gia Hòa**			
49.1	Quốc lộ 1	Cầu Xẻo Tra	Hết ranh đất Cửa hàng xăng dầu Vạn Xuân	1,02
		Giáp ranh đất Cửa hàng xăng dầu Vạn Xuân	Hết ranh đất Quán Cafe Thùy Trang	1,02
		Giáp ranh đất Quán Cafe Thùy Trang	Hết ranh đất Cơ sở sản xuất nước lọc Việt Thái	1,02
		Giáp ranh đất Cơ sở sản xuất nước lọc Việt Thái	Giáp ranh xã Nhu Gia	1,02
49.2	Đường huyện 53	Quốc lộ 1	Hết ranh đất Nhà máy nước đá Trường Hưng	1,02
		Giáp ranh đất Nhà máy nước đá Trường Hưng	Giáp ranh tỉnh Cà Mau (xã Vĩnh Lợi)	1,02
49.3	Đường huyện 52	Cầu Gia Hòa	Hết ranh đất Nhà ông Nguyễn Văn Trình	1,02
		Giáp ranh đất Nhà ông Nguyễn Văn Trình	Giáp ranh xã Nhu Gia	1,08
49.4	Đường huyện 50	Giáp ranh xã Nhu Gia	Giáp ranh tỉnh Cà Mau (xã Vĩnh Lợi)	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
49.5	Khu vực chợ Hòa Khanh	Quốc lộ 1	Chùa Trà Cuôn	1,02
		Chùa Trà Cuôn	Kênh Đê ngăn mặn	1,02
49.6	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	Giáp ranh xã Nhu Gia	Giáp ranh xã Phú Lộc	1,02
49.7	Đường đal Đào Viên	Quốc lộ 1	Hết đường	1,02
49.8	Đường đal Đất Đỏ	Quốc lộ 1	Cống Phú Lộc	1,02
49.9	Đường đal Trà É	Quốc lộ 1	Vào hết tuyến đường đal	1,02
49.10	Đường đal vào Đay sô	Quốc lộ 1	Giáp Đường đal Bưng Thum (Gần Nhà văn hóa)	1,02
49.11	Đường đal đi Bưng Thum	Quốc lộ 1	Trường Tiểu học Bưng Thum	1,02
		Trường Tiểu học Bưng Thum	Hết Đường đal giáp xã Lâm Tân	1,02
49.12	Đường đal ấp Nhơn Hòa - Thạnh Thới	Đường huyện 53	Giáp ranh xã Phú Lộc	1,02
49.13	Đường đal Thạnh Bình	Quốc lộ 1	Chùa Huệ Quang	1,02
49.14	Đường đal Lung Lá	Đường huyện 53	Đường huyện 50	1,02
50	**Xã Nhu Gia**			
50.1	Quốc lộ 1	Cầu Nhu Gia mới	Cầu Cần Đước	1,02
		Cầu Cần Đước	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	1,02
		Cầu Nhu Gia mới	Đường tỉnh 940	1,02
		Đường tỉnh 940	Hết ranh đất Trường Tiểu học Thạnh Phú 2	1,02
		Giáp ranh đất Trường Tiểu học Thạnh Phú 2	Giáp ranh xã Gia Hòa	1,02
50.2	Đường tỉnh 940	Quốc lộ 1	Cầu Kênh Nhất	1,08
		Cầu Kênh Nhất	Cầu Chàng Ré	1,08
		Cầu Chàng Ré	Giáp ranh xã Hòa Tú	1,08
		Quốc lộ 1	Giáp ranh xã Lâm Tân	1,08
50.3	Đường huyện 58	Quốc lộ 1	Đường huyện 57	1,02
50.4	Đường huyện 57	Đường huyện 58	Giáp ranh xã Ngọc Tố	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
50.5	Đường huyện 52	Giáp ranh xã Gia Hòa (Cống Tân Hòa)	Đường đal ấp Vĩnh A	1,08
		Đường đal ấp Vĩnh A	Ngã tư giao với Đường tỉnh 940	1,08
		Ngã tư giao với Đường tỉnh 940	Giáp ranh xã Hòa Tú	1,08
50.6	Đường huyện 50	Ngã tư Phước Hòa	Giáp ranh xã Hòa Tú	1,02
		Ngã tư Phước Hòa	Giáp ranh xã Gia Hòa	1,02
50.7	Đường huyện 56	Đường Trưng Nhị	Đường đal vào Trường Tiểu học Thạnh Phú 1	1,08
		Đường đal vào Trường Tiểu học Thạnh Phú 1	Hết ranh đất Nhà văn hóa ấp khu 2	1,08
		Giáp ranh đất Nhà văn hóa ấp khu 2	Giáp ranh xã Mỹ Tú	1,08
		Quốc lộ 1	Kênh Phú Thuận	1,08
		Kênh Phú Thuận	Ngã ba Đê ngăn mặn	1,08
		Ngã ba Đê ngăn mặn	Giáp ranh xã Ngọc Tố	1,08
50.8	Đường Trưng Nhị (Quốc lộ 1 (cũ))	Quốc lộ 1	Sông Nhu Gia	1,02
50.9	Đường Trưng Trắc (Quốc lộ 1 (cũ))	Sông Nhu Gia	Quốc lộ 1	1,20
50.10	Đường đal hẻm Chụng Ken	Đường Trưng Trắc	Kênh Chùa	1,02
50.11	Đường đal vào Chùa Nhu Gia	Đường Trưng Trắc	Giáp ranh xã Lâm Tân	1,02
50.12	Khu vực chợ Nhu Gia	Các tuyến đường nội bộ trong khu trung tâm chợ		1,02
50.13	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	Giáp ranh xã Hòa Tú	Cầu Long Hòa 1	1,02
		Cầu Long Hòa 1	Giáp ranh xã Gia Hòa	1,02
50.14	Đường đal vào Khu du lịch sinh thái Vườn Cò	Đường tỉnh 940	Hết đất Nhà ông Lê Minh Chính	1,02
50.15	Đường nhựa Vĩnh B - Phước Hòa	Đường huyện 52	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	1,02
		Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	Ngã tư Phước Hòa	1,02
50.16	Tuyến Cầu Cần Đước	Cầu Cần Đước	Kênh 19 Tháng 5	1,02
50.17	Đường đal vào Khu dân cư ấp Rạch Sên	Quốc lộ 1 (Đường loại 3)	Hết ranh đất Trường học Rạch Sên	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
50.18	Đường đal ấp Cần Đước	Quốc lộ 1	Cầu Chùa Cần Đước	1,02
		Cầu Chùa Cần Đước	Kênh 19 Tháng 5	1,02
50.19	Đường đal Trường Mẫu giáo Cần Đước (Hai bên)	Quốc lộ 1	Kênh Phú Thuận	1,02
		Kênh Phú Thuận	Đê ngăn mặn	1,02
50.20	Đường Đê ngăn mặn	Đường huyện 56	Giáp ranh xã Ngọc Tố	1,02
50.21	Đường nhựa Khu 4	Đường Trưng Trắc	Cống Tư Hơn	1,02
		Cống Tư Hơn	Ngã ba Cây xăng Đông Tú	1,02
		Ngã ba Cây xăng Đông Tú	Đường tỉnh 940	1,02
51	**Xã Ngọc Tố**			
51.1	Đường tỉnh 936	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	Ngã tư giao Đường huyện 56 với Đường tỉnh 937	1,08
		Ngã ba Đường tỉnh 937	Bến phà Dù Tho	1,08
		Bến phà Dù Tho	Ngã ba ấp Hòa Hinh (Tuyến nhánh nối với Đường tỉnh 936)	1,08
		Ngã ba ấp Hòa Hinh (Tuyến nhánh nối với Đường tỉnh 936)	Cống Đập Đá	1,08
51.2	Đường tỉnh 936B	Ngã ba ấp Hòa Hinh (Tuyến nhánh nối với Đường tỉnh 936)	Giáp ranh xã Hòa Tú	1,08
51.3	Đường huyện 51	Giáp ranh xã Hòa Tú	Đường tỉnh 936	1,02
51.4	Đường huyện 55 (Tuyến nhánh)	Đường huyện 51	Hết ranh đất Nhà ông Trần Văn Sang (Đoạn trải nhựa)	1,02
51.5	Đường huyện 15	Đường tỉnh 936	Hết ranh đất Trường Tiểu học Ngọc Đông 1	1,02
		Giáp ranh đất Trường Tiểu học Ngọc Đông 1	Hết ranh Trạm Y tế xã Ngọc Đông (cũ)	1,02
		Giáp ranh Trạm Y tế xã Ngọc Đông (cũ)	Giáp ranh xã Hòa Tú	1,02
51.6	Đường tỉnh 937 (Đường huyện 56 cũ)	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	Ngã tư giao Đường huyện 56 với Đường tỉnh 937	1,02
51.7	Đường huyện 56	Ngã tư giao Đường huyện 56 với Đường tỉnh 937	Ngã ba Đường huyện 56 (Cặp Khu Thể thao Đa năng Tham Đôn cũ)	1,08
		Ngã ba Đường huyện 56 (Cặp Khu Thể thao Đa năng Tham Đôn cũ)	Giáp ranh xã Nhu Gia	1,08

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
51.8	Đường huyện 56 (cũ)	Ngã ba Đường huyện 56 (Cặp Khu Thể thao Đa năng Tham Đôn cũ)	Ngã ba Đường huyện 56 (Hướng về xã Nhu Gia)	1,02
51.9	Đường huyện 57	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	Đường tỉnh 936	1,02
		Đường tỉnh 936	Giáp ranh xã Nhu Gia	1,02
51.10	Đường tỉnh 937 (Đường Trục phát triển Tôm - Lúa huyện Mỹ Xuyên (cũ))	Ngã tư giao Đường huyện 56 với Đường tỉnh 937	Cầu Dù Tho	1,02
		Cầu Dù Tho	Giáp ranh xã Hòa Tú	1,02
		Tuyến nhánh nối với Đường tỉnh 936		1,02
51.11	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	Giáp ranh phường Khánh Hòa (Sông Cổ Cò)	Giáp ranh xã Hòa Tú	1,02
51.12	Đường đal trước UBND xã Ngọc Tố (cũ)	Đường tỉnh 936	Hết ranh đất Trường THCS Ngọc Tố	1,12
51.13	Khu vực chợ Cổ Cò	Khu Trung tâm chợ (Giới hạn bởi: Cầu Hòa Lý, Sông Cổ Cò, Đường đal vào Cầu Miễu Lẩm, Đường tỉnh 936 và 936B)		1,02
51.14	Khu tái định cư Tham Đôn	Các tuyến đường trong Khu tái định cư		1,02
51.15	Đường nhựa Bưng Chụm - Trà Mẹt	Chùa Tắc Gồng	Cầu Trà Mẹt	1,02
		Cầu Trà Mẹt	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	1,02
52	**Xã Trường Khánh**			
52.1	Quốc lộ 60	Giáp ranh xã Đại Ngãi	Hết ranh đất Trường THCS Dương Kỳ Hiệp	1,02
		Giáp ranh đất Trường THCS Dương Kỳ Hiệp	Cầu Trường Khánh	1,02
		Cầu Trường Khánh	Giáp ranh phường Sóc Trăng	1,02
52.2	Đường tỉnh 932D	Quốc lộ 60	Cầu Thanh Niên Trường Thành B	1,02
		Cầu Thanh Niên Trường Thành B	Giáp ranh xã Phú Tâm	1,02
52.3	Đường tỉnh 935B	Giáp ranh xã Đại Ngãi	Giáp ranh xã Tân Thạnh	1,02
52.4	Đường huyện 21	Giáp ranh xã Nhơn Mỹ	Quốc lộ 60	1,08
		Quốc lộ 60	Cầu Kênh Cây Dương	1,02
		Cầu Kênh Cây Dương	Rạch Mây Hắt	1,02
52.5	Đường huyện 22 (Đê tả sông Saintard)	Giáp ranh xã Đại Ngãi	Giáp ranh xã Tân Thạnh	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
52.6	Đường huyện 23	Đường tỉnh 935B	Giáp ranh xã Đại Ngãi (Cầu Ngang)	1,02
52.7	Đường cặp hông Chợ	Quốc lộ 60	Kênh Cầu Đen	1,08
		Đầu ranh đất ông Ngoãn	Hết ranh đất ông Rết	1,08
		Đầu ranh đất Ký Tuôi	Hết ranh đất ông Nghĩa	1,08
52.8	Các Đường còn lại trong khu vực chợ Trường Khánh	Đầu ranh đất ông Bình	Hết ranh đất Năm Kha	1,02
		Quốc lộ 60	Cầu Bà Chín	1,02
		Quốc lộ 60	Cầu Ông Tích	1,02
		Cầu Trường Khánh	Cầu Năm Thắng	1,02
		Đầu ranh đất ông Kia	Hết ranh đất Trường Tiểu học Trường Khánh B	1,02
		Giáp ranh đất Trường Tiểu học Trường Khánh B	Suốt tuyến	1,02
		Cầu Bà Chín	Cầu Thanh Niên Trường Thành B	1,02
		Hẻm Bác Sĩ Năm	Hết ranh đất nhà ông Lót	1,02
		Hẻm Hai Tráng	Suốt hẻm	1,02
52.9	Đường đal ấp Trường Thọ	Suốt tuyến		1,02
52.10	Các Đường còn lại khu vực phía Nam sông Giăng Cơ	Lộ cặp Kênh Thầy Rùa: Quốc lộ 60	Cầu Chữ Y (ấp Trường An)	1,02
		Cầu Chữ Y (Ấp Trường An)	Cầu Rạch Cọt	1,02
52.11	Các Đường còn lại khu vực phía Bắc Sông Giăng Cơ	Hẻm nhà Út Bá (đối diện ông Thạch Ngọc Bình, thửa đất số 346, tờ bản đồ số 05)	Suốt hẻm	1,02
		Hẻm Đào Chức (đối diện ông Tăng Lang, thửa đất số 279, tờ bản đồ số 05)	Rạch Trường Bình	1,02
		Hẻm ông Trần Tốt (đối diện thửa 283,1128, tờ bản đồ số 05)	Rạch Trường Bình	1,02
		Đường cặp Kênh Ông Cả: Quốc lộ 60	Hết đất ông Diệu (đối diện đất bà Trần Thị Pho, thửa số 1103, tờ bản đồ số 01)	1,02
		Cầu Đen	Hết ranh đất ông Giỏi	1,02
		Cầu Đen	Hết ranh đất ông Són (đối diện thửa 407, 408, tờ bản đồ số 05)	1,02
52.12	Đường vào Trường Cấp 2 - 3	Quốc lộ 60	Hết đường	1,08

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
53	**Xã Đại Ngãi**			
53.1	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Giáp ranh xã Nhơn Mỹ	Cầu Đại Ngãi	1,12
		Cầu Đại Ngãi	Đường tỉnh 935B	1,12
		Đường tỉnh 935B	Giáp ranh xã Long Phú	1,12
53.2	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu) (cũ)	Giao Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu) và Đường tỉnh 935B	Hết ranh đất Trung tâm Điện lực Long Phú	1,08
		Giáp ranh đất Trung tâm Điện lực Long Phú	Hết ranh đất ông Đặng Văn Gỡ	1,08
53.3	Quốc lộ 60	Ngã tư Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Cầu Mương Điều	1,02
		Cầu Mương Điều	Giáp ranh xã Trường Khánh	1,02
53.4	Đường nối Quốc lộ 60 - Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Quốc lộ 60	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	1,02
53.5	Đường tỉnh 935B	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Giáp ranh xã Phú Hữu	1,08
53.6	Đường huyện 20	Cầu Mương Điều	Giáp ranh xã Nhơn Mỹ	1,02
53.7	Đường huyện 22 (Đê tả sông Saintard)	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Giáp ranh xã Trường Khánh	1,02
53.8	Đường huyện 23 (Đường đal cặp kinh mới cũ)	Kênh Bà Xẩm	Giáp Kênh Ông Chín Giàn Bầu	1,02
		Giáp Kênh Ông Chín Giàn Bầu	Đường đal liền 3 ấp	1,02
53.9	Đường huyện 27	Đường tỉnh 935B	Giáp ranh xã Tân Thạnh	1,02
53.10	Các tuyến đường nội bộ xã	Ngã ba Vĩnh Thuận	Hẻm Bưu điện	1,02
		Đường 2 bên nhà lồng chợ Đại Ngãi		1,02
		Ngã ba Vĩnh Thuận	Ngã tư ông Vui (Tên cũ Ngã tư ông Thép)	1,02
		Ngã tư ông Vui (Tên cũ Ngã tư ông Thép)	Hết ranh đất Trạm cấp nước	1,02
		Ngã ba Vĩnh Thuận	Ngã ba Năm Lân	1,02
		Ngã ba Năm Lân	Hết đất Bến phà cũ	1,02
		Đường cặp Nhà thờ Đại Ngãi	Suốt tuyến	1,02
		Đầu ranh đất Bến phà Đại Ngãi	Hết ranh đất UBND thị trấn cũ (Giáp lộ hai chiều)	1,02
		Các tuyến đường còn lại trong khu vực Nhà máy Lợi Dân (cũ)		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
53.10	Các tuyến đường nội bộ xã	Sông Hậu	Hết ranh đất ông Sĩ	1,02
		Giáp ranh đất ông Sĩ	Ngã tư Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	1,02
53.11	Đường cặp sông Saintard	Đầu ranh đất Bến phà cũ	Hẻm Tây Nam	1,02
		Hẻm Tây Nam	Hết ranh đất Tư Son	1,02
		Giáp ranh đất Tư Son	Hẻm Bảy Công	1,02
		Hẻm Bảy Công	Cầu An Đức	1,02
53.12	Đường xuống Bến phà Đại Ngãi	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Giáp Bến phà Đại Ngãi	1,02
53.13	Đường nối vào Khu tái định cư Trung tâm Điện lực Long Phú	Đường huyện 27	Giáp ranh Khu tái định cư Trung tâm Điện lực Long Phú	1,02
53.14	Khu tái định cư Trung tâm Điện lực Long Phú	Đường N2		1,02
		Đường D1; Đường N1		1,02
53.15	Các tuyến hẻm nội bộ xã	Hẻm cặp Tiệm vàng Di Long	Suốt hẻm	1,08
		Hẻm ông Chà	Suốt hẻm	1,08
		Hẻm ông Tỷ	Suốt hẻm	1,08
		Hẻm Ba Ánh	Suốt hẻm	1,08
		Hẻm Bảy Mol	Suốt hẻm	1,08
		Hẻm Năm Thắng	Suốt hẻm	1,08
		Hẻm ông Nu	Suốt hẻm	1,08
		Hẻm ông Huỳnh	Suốt hẻm	1,08
		Hẻm Bưu điện	Suốt hẻm	1,08
		Hẻm Thầy Nghĩa	Suốt hẻm	1,08
		Hẻm Ba Chấm	Suốt hẻm	1,08
		Hẻm Ngân hàng	Suốt hẻm	1,08
		Hẻm Tây Nam	Suốt hẻm	1,08
		Hẻm Lò Bún	Suốt hẻm	1,08
		Hẻm Cây Gòn	Suốt hẻm	1,08
		Hẻm Lợi Dân	Suốt hẻm	1,08
		Hẻm Bảy Công	Suốt hẻm	1,08

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
53.15	Các tuyến hẻm nội bộ xã	Hẻm Điện Thờ Phật Mẫu	Suốt hẻm	1,08
		Hẻm Tổ Điện Lực	Suốt hẻm	1,08
		Hẻm Thiên Hậu Cung	Suốt hẻm	1,08
		Hẻm Đội thuế	Suốt hẻm	1,08
		Hẻm ông Trạng	Suốt hẻm	1,08
		Hẻm Hai Mành	Suốt hẻm	1,08
		Hẻm ông Hợp	Suốt hẻm	1,08
		Hẻm nhà ông Bọ	Hết nhà ông Vũ	1,08
		Bến phà Đại Ngãi	Giáp ranh xã Nhơn Mỹ	1,08
		Hẻm Ba Ngọt	Suốt hẻm	1,08
		Hẻm Ba Ngọt	Đường vào Trường Mẫu giáo	1,08
		Đường vào Trường Mẫu giáo	Hết ranh đất Trường Tiểu học Đại Ngãi A (cũ)	1,08
		Giáp ranh Trường Tiểu học Đại Ngãi A (cũ)	Hết đất ông Võ Văn Hai	1,08
53.16	Các tuyến đường nông thôn ấp Thạnh Đức	Đầu ranh đất Bến phà Thạnh Đức (cũ)	Giáp ranh đất Nhà máy nhiệt điện	1,02
		Đầu Vàm Sông Hậu (Cặp sông Saintard)	Đầu Kênh Bà Xẩm	1,02
		Ngã ba Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Ngã ba Đường đal xuống Bến phà (cũ)	1,02
53.17	Đường ra Cống Bào Biển	Kênh Bà Xẩm	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	1,02
53.18	Đường đal	Tuyến đường vào Khu tái định cư và các tuyến đường trong Khu tái định cư (Trừ các tuyến N2, D1, N1)		1,02
54	**Xã Tân Thạnh**			
54.1	Đường tỉnh 933	Giáp ranh xã Long Phú	Cầu Saintard	1,02
54.2	Đường tỉnh 935B	Giáp ranh xã Trường Khánh	Cống Cái Xe (Cống số 1)	1,02
		Cống Cái Xe (Cống số 1)	Đường tỉnh 934B	1,02
54.3	Đường tỉnh 934B	Giáp ranh phường Phú Lợi	Giáp ranh xã Tài Văn	1,02
54.4	Đường huyện 22 (Đê tả sông Saintard)	Giáp ranh xã Trường Khánh	Giáp ranh phường Sóc Trăng	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
54.5	Đường huyện 24	Đường tỉnh 933	Đường tỉnh 935B	1,02
54.6	Đường huyện 25	Đường tỉnh 933	Cầu Xóm Rẫy	1,02
54.7	Đường huyện 26	Đầu cầu liên ấp Tân Qui A - Kokô	Giáp ranh xã Long Phú	1,02
54.8	Đường huyện 27	Sông Bào Biển	Giáp ranh xã Đại Ngãi	1,02
54.9	Đường huyện 28	Đường tỉnh 935B	Đường huyện 26	1,02
54.10	Khu vực chợ Tân Thạnh	Đường tỉnh 935B	Sông Saintard	1,02
54.11	Khu vực chợ Cái Quanh	Cầu Cái Quanh	Hết đất ông Út Tài	1,08
		Ngã ba chợ Cái Quanh	Cầu Nhà Thờ	1,08
54.12	Đường cặp sông Saintard	Cống Cái Quanh	Hết ranh đất Nhà quản lý Cống Cái Xe	1,02
54.13	Lộ Hàm Trinh	Sông Băng Long	Cống Bà Cầm	1,02
54.14	Đường đal còn lại	Đầu ranh đất ông Út Tài	Đập Hai Hải	1,02
		Cầu Sanitard	Hết ranh đất Nhà ông Đặng Văn Giữa	1,02
54.15	Đường đal ấp Nhất (Ấp Ba)	Giáp ranh phường Sóc Trăng	Cầu Thanh Niên Trường An	1,02
55	**Xã Long Phú**			
55.1	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Giáp ranh xã Đại Ngãi	Giáp ranh xã Trần Đề	1,12
55.2	Đường tỉnh 933	Giáp ranh xã Tân Thạnh	Cầu Khoan Tang	1,02
55.3	Đường tỉnh 933C	Đường nối Đường tỉnh 933 với Đường tỉnh 933C	Kênh Hai Bào	1,02
		Kênh Hai Bào	Giáp ranh xã Trần Đề	1,02
55.4	Đường tỉnh 934B (Mạc Đĩnh Chi - Trần Đề)	Giáp ranh xã Tài Văn	Giáp ranh xã Liêu Tú	1,02
55.5	Đường nối Đường tỉnh 933 với Đường tỉnh 933C	Đường Đặng Quang Minh	Ngã ba giao Đường Đoàn Thế Trung với Đường tỉnh 933C	1,02
55.6	Đường huyện 26	Giáp ranh xã Tân Thạnh	Giáp ranh xã Tài Văn	1,02
55.7	Đường huyện 27	Đường tỉnh 933	Cầu số 2	1,02
		Cầu số 2	Cầu qua sông Bào Biển	1,02
55.8	Đường huyện 29	Giáp ranh xã Trần Đề	Giáp ranh xã Tài Văn	1,02
55.9	Đường Đoàn Thế Trung	Cầu Khoan Tang	Ngã ba giao Đường tỉnh 933C và Đường nối Đường tỉnh 933 với Đường tỉnh 933C	1,20

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
55.10	Đường Đặng Quang Minh	Vòng xuyến Ngã ba giao Đường Đoàn Thế Trung	Ngã tư giao Đường Đặng Quang Minh nối dài với Đường Lương Định Của	1,02
		Ngã tư giao Đường Đặng Quang Minh nối dài với Đường Lương Định Của	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	1,02
55.11	Đường Đặng Quang Minh nối dài	Ngã tư giao Đường Đặng Quang Minh với Đường Lương Định Của	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	1,02
55.12	Các tuyến hẻm thuộc Đường Đặng Quang Minh	Đường Đặng Quang Minh	Giáp ranh Khu tái định cư Chợ Đập Ấp 2	1,02
		Đường nội ô khu chợ Đập còn lại		1,02
		Đường Đặng Quang Minh	Suốt tuyến (Đà Lạt 3 cũ)	1,02
		Hẻm cặp Trường Tiểu học Long Phú C	Suốt hẻm	1,02
55.13	Đường đal cặp Trường Trung học cơ sở thị trấn Long Phú	Đường Đặng Quang Minh	Suốt tuyến	1,02
55.14	Đường Lương Định Của	Ngã tư giao Đường Đặng Quang Minh với Đường Đặng Quang Minh nối dài	Ngã ba Đình Thần Năm Ông	1,02
		Ngã ba Đình Thần Năm Ông	Cầu Tân Lập	1,02
55.15	Các tuyến hẻm thuộc Đường Lương Định Của	Hẻm cặp nhà lồng chợ Long Phú (Ấp 3)	Đường Lương Định Của (Đối diện Đình Ông)	1,02
		Các tuyến đường Khu Chăn nuôi (cũ)		1,02
55.16	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Đặng Quang Minh	Cầu Ba Tre	1,02
		Cầu Ba Tre	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu) (Ấp 2)	1,02
55.17	Đường đal cặp Đình Nguyễn Trung Trực	Đường Đặng Quang Minh	Suốt tuyến	1,02
55.18	Các tuyến hẻm thuộc Đường Đoàn Thế Trung	Ngã ba giao Đường Đoàn Thế Trung	Khu tái định cư ấp Tân Lập	1,02
		Đường nội ô Chợ Tân Long (ấp 5)	Suốt hẻm	1,02
55.19	Các tuyến hẻm thuộc Đường Đoàn Thế Trung	Hẻm Trường Tiểu học Long Phú A	Suốt hẻm	1,02
		Hẻm Tiệm vàng Sơn	Suốt hẻm	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
55.20	Đường đal cặp Ban chỉ huy Quân sự huyện Long Phú (cũ)	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu) (Ngã tư)	Cổng vào Ban chỉ huy Quân sự huyện Long Phú (cũ)	1,02
		Cổng vào Ban chỉ huy Quân sự huyện Long Phú (cũ)	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu) (Ngã ba)	1,02
55.21	Đường xuống Bến phà (Ấp 1)	Đường cặp Ban chỉ huy quân sự huyện Long Phú (cũ)	Sông Hậu	1,08
55.22	Đường đal cặp sông Băng Long (Ấp 4)	Cầu Băng Long (Đường Đoàn Thế Trung)	Cầu Tân Lập	1,02
		Cầu Tân Lập	Cầu Khoan Tang	1,02
55.23	Đường đal cặp sông Băng Long (Ấp 5)	Cầu Băng Long (Đường nối Đường tỉnh 933 với Đường tỉnh 933C)	Cầu qua Chùa Hải Long Phước	1,02
55.24	Đường đal Ấp 5 (Đường vào Nhà máy Mậu Xương)	Đường nối Đường tỉnh 933 với Đường tỉnh 933C	Đường đal cặp sông Băng Long (Ấp 5)	1,02
55.25	Đường cặp Chùa Tứk - Pray	Đường nối Đường tỉnh 933 với Đường tỉnh 933C	Hết ranh đất Chùa Tứk - Pray	1,08
		Giáp ranh đất Chùa Tứk - Pray	Ngã ba Lò Rèn	1,08
55.26	Đường đal vào Ấp Khoan Tang	Cầu Khoan Tang	Hết ranh đất Nhà ông Thạch Cơm	1,02
55.27	Lộ Vành Đai Sóc Mới - Tân Lập	Cách cầu Tân Lập về hướng Tây 200 mét và hướng Bắc 200 mét		1,02
55.28	Khu tái định cư Chợ Đập Ấp 2	Các thửa đất có mặt tiếp giáp với đường rộng 5 mét		1,02
		Các thửa đất có mặt tiếp giáp với đường rộng 3,5 mét		1,02
55.29	Khu tái định cư Ấp Tân Lập	Các tuyến đường trong Khu tái định cư		1,02
55.30	Đường đal vào khu Tà Lời	Đường tỉnh 933	Đường huyện 27	1,02
55.31	Đường đal Xả Chỉ	Đường tỉnh 933C	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	1,02
55.32	Đường cặp UBND xã Long Phú (cũ)	Đường tỉnh 933C	Cầu qua Kênh Bà Xẩm	1,02
56	**Xã Nhơn Mỹ**			
56.1	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Giáp ranh xã Thới An Hội	Cầu Mương Khai 2	1,02
		Cầu Mương Khai 2	Cầu Rạch Mọp	1,12
		Cầu Rạch Mọp	Đập Lớn	1,12
		Đập Lớn	Giáp ranh xã Đại Ngãi	1,02
56.2	Đường huyện 5B	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Cầu Mỹ Hội (Giáp ranh xã Thới An Hội)	1,02
56.3	Đường huyện 6	Giáp ranh xã Kế Sách	Giáp ranh xã Trường Khánh	1,08

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
56.4	Đường huyện 6 (Tuyến tránh khắc phục sạt lỡ)	Cầu Ba Miễu	Bến phà Năm Liêm	1,08
56.5	Đường huyện 20 (Lộ Khu 4)	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Cầu Trường Tiền	1,02
		Cầu Trường Tiền	Giáp ranh xã Đại Ngãi	1,02
56.6	Đường xuống Bến phà	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Bến phà mới	1,02
56.7	Đường đal Cầu Trắng	Giáp ranh xã Thới An Hội	Cầu An Phú Đông	1,02
56.8	Đường đal	Cầu An Phú Đông	Cầu Kênh Tắc	1,02
		Cầu An Mỹ	Giáp đường đal Cầu Trắng	1,02
		Cầu An Phú Đông	Cầu Mương Khai 2 (Giáp Quốc lộ 91B (Đường Nam sông Hậu))	1,02
		Cầu số 4	Cống Năm Khù (Giáp Quốc lộ 91B (Đường Nam sông Hậu))	1,02
		Cầu số 6	Cầu Trâm Bầu (giáp Đường huyện 5B)	1,02
		Ngã tư Quốc lộ 91B (Ấp Mỹ Huề)	Cống Âu Rạch Mọp	1,02
		Giáp ranh xã Kế Sách (Bờ Sông Quán)	Cống Thầy Ba	1,02
		Giáp ranh xã Kế Sách	Cầu Hai Lép	1,02
56.9	Trục Đường giữa cồn Mỹ Phước	Cầu Khém	Đầu Cồn	1,02
56.10	Đường đal An Nghiệp	Giáp ranh xã Kế Sách	Cầu Sáu Hái	1,02
56.11	Đường đal Phụng An - An Nghiệp	Cầu Bảy Phuông	Đường huyện 6 (Cầu Ba Miễu)	1,02
56.12	Tuyến Đường khu vực Trung tâm xã	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Vàm Song Phụng	1,02
56.13	Đường đal Rạch Bần	Cầu Rạch Bần	Giáp ranh xã Đại Ngãi	1,02
56.14	Đường đal Năm Nhát	Đường huyện 20	Đường đal Rạch Bần	1,02
56.15	Đường đal Kênh Xáng	Giáp ranh Trụ sở Đảng ủy	Đập Lớn	1,02
56.16	Đường đal vào Cống Âu Rạch Mọp	Đường huyện 20 (Nhà bà Nguyễn Thị Nga)	Cống Âu Rạch Mọp	1,02
56.17	Đường khu vực Trung tâm xã An Mỹ (cũ)	Ranh đất Trụ sở Công an xã	Cầu Đình	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
56.18	Đường đal còn lại	Cầu Trường Tiền	Bến đò An Mỹ	1,02
56.19	Khu tái định cư	Quỹ đất tái định cư (04 tuyến đal khu vực chợ)		1,02
56.20	Đường đal Chợ Nhơn Mỹ	Ngã tư xuống Bến phà	Chợ Nhơn Mỹ	1,08
57	**Xã An Lạc Thôn**			
57.1	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Ngã tư Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Cầu Mương Khai	1,02
		Ngã tư Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Hết đất Trường cấp 2 - 3 (cũ)	1,02
		Ngã tư Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Hết ranh đất Mai Văn Dũng	1,02
		Cầu Mương Khai	Cầu Cái Cau	1,02
		Cầu Cái Cau	Cầu Cái Trâm	1,02
		Cầu Cái Trâm	Cầu Phèn Đen (Giáp ranh xã Thới An Hội)	1,02
57.2	Đường huyện 1	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Sông Hậu	1,02
57.3	Đường huyện 3	Cầu Lộ Đá	Cầu Lầu Bà	1,02
57.4	Đường huyện 3	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Kênh Lộ Đá	1,02
57.5	Đường huyện 4	Cầu Sóc Tổng (ranh xã Thới An Hội)	Giáp ranh xã Ba Trinh	1,08
57.6	Đường tỉnh 932	Giáp ranh xã Thới An Hội (Sông Rạch Vọp)	Giáp ranh Cầu Ấp Phèn Đen xã An Lạc Thôn	1,02
57.7	Đường tỉnh 932B	Ngã tư Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Cống Rạch Bối	1,02
		Cống Rạch Bối	Cầu Rạch Bần (Ranh xã Xuân Hòa cũ)	1,02
		Cầu Rạch Bần (Ranh thị trấn An Lạc Thôn cũ)	Cầu Bờ Dọc	1,02
		Cầu Bờ Dọc	Đập Chín La	1,02
		Đập Chín La	Giáp ranh xã Đại Hải	1,08
57.8	Tuyến tránh Đường tỉnh 932B	Rạch Bần	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	1,02
57.9	Đường chợ chính	Đầu ranh đất Hoàng Ba	Hết ranh đất ông Lê Trọng Lập	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
57.9	Đường chợ chính	Giáp ranh đất ông Lê Trọng Lập	Sông Hậu	1,02
		Đầu ranh đất ông Dư (Nước Đá)	Hết ranh đất Chùa Bà	1,02
		Đầu ranh đất ông Sành	Hết ranh đất ông Tư Minh	1,02
		Đầu ranh đất Tiệm vàng Hồng Nguyên	Cầu ông Lý Ớ	1,02
		Cầu ông Lý Ớ	Ngã tư Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	1,02
		Đầu ranh đất bà Bảy Lành (Giáp ranh Chùa Bà)	Cầu Kênh Đào	1,02
57.10	Đường Khu Hành Chính	Đường tỉnh 932B	Rạch Mương Khai	1,02
57.11	Đường bờ sông	Đầu ranh đất Nguyễn Văn Lượng	Ngã ba Tám Khải	1,02
		Đầu ranh đất bà Nguyễn Ngọc Thảo	Sông Cái Côn	1,02
57.12	Đường vô phân viện	Đầu ranh đất ông Quốc Lương	Hết ranh đất Mười Kết	1,02
57.13	Đường đal Trường Tiểu học	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Đường Khu Hành Chính	1,02
57.14	Đường đal Trường Trung học	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Đường Khu Hành Chính	1,02
57.15	Đường Dân Sinh Hàng Cau ấp An Ninh	Giáp ranh Xưởng tôn Hồng Cúc	Sông Hậu	1,12
57.16	Khu tái định cư An Lạc Thôn	Đường D4 (Đường trục chính)		1,02
		Đường D3; Đường N1; Đường N2 (Đường nội bộ)		1,02
57.17	Đường huyện 1 đến Nghĩa trang liệt sĩ	Suốt tuyến		1,02
57.18	Đường mới về UBND xã Trinh Phú (cũ)	Đường tỉnh 932	UBND xã Trinh Phú (cũ)	1,08
57.19	Đường đal mở rộng	Cầu Hai Nam	Cầu Thanh Niên Ấp 1	1,02
		Cầu Ba Chợ	Giáp ranh xã Đại Hải	1,02
57.20	Đường Thanh Tâm - Tha La (Ấp 1)	Cầu số 1	Cầu Tha La	1,02
57.21	Đường Cái Cau bờ Bắc	Giáp ranh thị trấn An Lạc Thôn (cũ)	Hết ranh Chùa Thiên Phước	1,02
57.22	Đường vào Khu căn cứ Huyện ủy (xã Xuân Hòa cũ)	Đường tỉnh 932B	Giáp ranh xã Đại Hải	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
57.23	Đường xã Nông Thôn Mới xã Xuân Hòa (cũ) nối Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Đường tỉnh 932B	Giáp ranh thị trấn An Lạc Thôn cũ	1,02
57.24	Đường Cầu Lộ Đất	Cầu Lộ Đất	Đường huyện 3	1,02
58	**Xã Kế Sách**			
58.1	Đường tỉnh 932	Đường Phan Văn Hùng	Hết ranh đất Nghĩa trang xã Kế Sách	1,02
		Giáp ranh đất Nghĩa trang xã Kế Sách	Cầu NaTưng	1,02
58.2	Đường tỉnh 932 (Đường Vòng cung cũ)	Trường Tiểu học Kế Sách 1	Cầu Trắng	1,02
58.3	Đường tỉnh 932C (Đường huyện 2 cũ)	Cầu Bưng Tiết	Cầu Kế Thành	1,08
58.4	Đường tỉnh 932C	Cầu Kế Thành	Cầu số 1	1,08
58.5	Đường huyện 7 (Ấp An Phú)	Đường tỉnh 932	Đường Vành Đai	1,02
58.6	Đường 30 Tháng 4	Đầu ranh đất Nhà Thầy Lén	Cầu sắt Kế Sách	1,02
58.7	Đường Ung Công Uẩn	Đầu cầu An Mỹ	Ngã tư Ung Công Uẩn	1,02
		Ngã Tư Ung Công Uẩn	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1,02
		Cầu An Mỹ	Ngã ba Bến đò	1,02
		Ngã ba Bến đò	Cống Mười Mót	1,02
		Cống Mười Mót	Sông Quán (Giáp ranh xã Nhơn Mỹ)	1,02
58.8	Đường Phan Văn Hùng	Đường tỉnh 932	Cầu sắt Kế Sách	1,02
		Cầu sắt Kế Sách	Hết ranh đất Trường Mẫu giáo	1,02
		Giáp ranh đất Trường Mẫu giáo	Cầu Trắng	1,02
58.9	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường tỉnh 932	Cầu Lò Gạch (Cầu kênh Nổi)	1,02
58.10	Đường 3 Tháng 2	Suốt tuyến		1,02
58.11	Đường Bạch Đằng	Suốt tuyến		1,02
58.12	Đường Nguyễn Văn Thơ	Suốt tuyến		1,02
58.13	Đường Lê Văn Lợi	Đường 30 Tháng 4	Đường Phan Văn Hùng	1,02
58.14	Đường Nguyễn Trung Tĩnh	Đường 30 Tháng 4	Đường Lê Văn Lợi	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
58.15	Đường Thiều Văn Chỏi	Đường Phan Văn Hùng	Cống 575	1,02
58.16	Đường Lê Lợi	Cầu Sắt	Đường Phan Văn Hùng	1,02
		Cầu Sắt	Kênh 8 mét	1,02
58.17	Đường Nguyễn Hoàng Huy	Cầu Suối Tiên	Bến đò cũ	1,02
58.18	Đường đal đi Kế Thành	Cầu Lò Gạch (Cầu kênh Nổi)	Cầu Bưng Tiết (Kế Thành)	1,02
58.19	Đường xuống Bến đò cũ	Bến đò	Đường huyện 6	1,02
58.20	Đường đal Khu tái định cư Phương Nam (Đường vô Trụ sở Công an cũ)	Đường Ung Công Uẩn	Đường Thiều Văn Chỏi	1,02
58.21	Đường Lê Văn Tám (Ấp An Thành)	Đường Phan Văn Hùng	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1,02
58.22	Đường đal An Ninh 2 (Dọc Sông số 1)	Bến đò	Cổng Trạm Xăng dầu	1,02
58.23	Đường Đấu Nối vào Trung tâm Thương mại	Đường Nguyễn Hoàng Huy	Giáp Trung tâm Thương mại	1,02
		Giáp Trung tâm Thương mại	Rạch An Nghiệp	1,02
58.24	Đường đal Khu tái định cư Trung tâm thương mại ấp An Ninh 2	Suốt tuyến		1,02
58.25	Hẻm 1 (Vũ Hùng - 6 Gấm)	Đường Bạch Đằng	Đường 30 Tháng 4	1,08
58.26	Hẻm 2 (Nhà Châu Văn Lâm)	Đường Bạch Đằng	Đường 30 Tháng 4	1,02
58.27	Hẻm 3 (Bà Giàu)	Giáp ranh nhà bà Giàu	Hết đất ông Hà Ngọc Em	1,02
58.28	Hẻm 4 (Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị)	Suốt tuyến		1,08
58.29	Đường trong Khu dân cư - Thương mại	Khu A, K1, K2, I1, I2, G1, G2, E1, F1, F2		1,02
		Khu H1, H2, E2		1,02
		Khu B, C, D		1,02
58.30	Đường N11 (ấp An Khương)	Đường tỉnh 932 (Đường vòng cung cũ)	Cầu Bưng Túc	1,02
59	**Xã Thới An Hội**			
59.1	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Cầu Trà Ếch (Giáp ranh xã Nhơn Mỹ)	Cống Hai Liềm	1,02
		Cống Hai Liềm	Cầu Rạch Vọp	1,02
		Cầu Rạch Vọp	Cầu Phèn Đen (Giáp ranh xã An Lạc Thôn)	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
59.2	Đường tỉnh 932	Trụ sở Đảng ủy xã	Cầu Ninh Thới	1,02
		Cầu Ninh Thới	Cầu Hai Vọng	1,02
		Cầu Hai Vọng	Cầu Chùa PôThiThLâng	1,02
		Cầu Chùa PôThiThLâng	Cầu Trắng	1,02
59.3	Đường Phan Văn Hùng	Cầu Trắng	Giáp ranh xã Kế Sách	1,02
59.4	Đường huyện 5B	Cầu Chùa PôThiThLâng	Cầu Mỹ Hội (Giáp ranh xã Nhơn Mỹ)	1,02
59.5	Đường huyện 4	Cầu Sóc Tổng (Giáp ranh xã An Lạc Thôn)	Cầu Xóm Đồng	1,08
		Cầu Xóm Đồng	Cống 8 Chanh	1,08
		Cống 8 Chanh	Hết ranh trụ sở Đảng ủy xã	1,08
		Cầu Ninh Thới	Cầu Thị Hồ	1,08
		Cầu Thị Hồ	Ngã tư Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	1,08
		Ngã tư Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Hết ranh Trụ sở UBND xã	1,08
59.6	Đường về cầu đi Trinh Phú (tuyến mới)	Đường huyện 4	Cầu Thới An Hội - Trinh Phú	1,02
59.7	Đường vòng cung Trường Mẫu giáo	Đường tỉnh 932	Đường huyện 4	1,02
59.8	Khu vực Chợ cũ	Cầu qua Chợ cũ	Nhà thờ Tin Lành	1,08
59.9	Đường đal Cầu Trắng	Cầu Trắng	Giáp ranh xã Nhơn Mỹ	1,02
59.10	Chợ Cầu Lộ	Các đường nội bộ trong Chợ		1,02
59.11	Chợ An Lạc Tây	Các đường nội bộ trong Chợ		1,02
60	**Xã Đại Hải**			
60.1	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Hồ Đắc Kiện	Giáp ranh phường Ngã Bảy	1,02
60.2	Đường tỉnh 932B (cũ)	Quốc lộ 1A	Cống Vũ Đảo	1,08
		Cống Vũ Đảo	Ngã ba đất bà Mạch Thị Quê	1,08
		Ngã ba đất bà Mạch Thị Quê	Cầu Mang Cá 1	1,08
		Cầu Mang Cá 1	Ngã ba giao Đường tỉnh 932B	1,08
		Ngã ba giao Đường tỉnh 932B	Giáp ranh xã An Lạc Thôn	1,08

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
60.3	Đường tỉnh 932B	Quốc lộ 1A	Kênh thủy lợi (Cống Vũ Đảo)	1,08
		Kênh thủy lợi (Cống Vũ Đảo)	Giáp Đường dẫn cầu Mang cá 1 và Mang cá 2	1,08
		Đường tỉnh 932B (cũ)	Đường tỉnh 932C	1,08
		Đường tỉnh 932C	Ngã ba giao Đường tỉnh 932B (cũ)	1,08
60.4	Đường tỉnh 932C	Giáp ranh Trụ sở UBND xã Đại Hải	Cầu Số 1 (Giáp ranh xã Kế Sách)	1,08
60.5	Đường huyện 3	Đường tỉnh 932B	Rạch Đường Độn (Giáp ranh xã An Lạc Thôn)	1,02
60.6	Đường huyện 4	Đường tỉnh 932B	Hết ranh Cửa hàng xăng dầu Tuấn Phát	1,08
		Cửa hàng xăng dầu Tuấn Phát	Hết ranh Trường Tiểu học Ba Trinh	1,08
		Giáp ranh Trường Tiểu học Ba Trinh	Giáp ranh xã An Lạc Thôn	1,08
60.7	Khu vực Chợ Mang Cá	Hết ranh Trụ sở UBND xã Đại Hải	Hết ranh Chùa Thánh Tịnh Phụng Thiên	1,02
		Khu vực nhà lồng Chợ Mang Cá		1,02
60.8	Đường Mang Cá - Đại Thành	Cầu Đen	Giáp ranh phường Ngã Bảy	1,02
60.9	Đường Kênh Lầu	Cầu Mang Cá 1	Hết ranh đất ông Đắc (Ấp Đông Hải)	1,08
		Ranh đất ông Đắc (Ấp Đông Hải)	Quốc lộ 1A	1,08
60.10	Đường cặp Kênh Nam Hải	Quốc lộ 1A	Hết lộ đal hiện hữu	1,02
		Quốc lộ 1A (Ranh Nhà thờ Đại Hải) hướng qua Nhà thờ Tân Hải	Hết lộ đal hiện hữu	1,02
60.11	Đường cặp Kênh 25 (Vnsat)	Trạm bơm Mang Cá	Quốc lộ 1A	1,02
60.12	Tuyến Đường Tập đoàn 2 ấp Đông Hải (Phía bên sông đối diện Quốc lộ1A)	Cống Tiếp Nhựt (Ấp Ba Rinh)	Giáp ranh xã Hồ Đắc Kiện	1,02
60.13	Khu Trung tâm Đảng ủy xã Đại Hải	Giáp ranh Trụ sở Đảng ủy xã Đại Hải	Cầu Mảnh Chi	1,02
		Cầu Mảnh Chi	Giáp ranh xã An Lạc Thôn	1,02
		Đường huyện 4	Hết ranh Đài tưởng niệm	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
60.14	Đường Đảng Ủy - Đường huyện 4 (Lầu Bà)	Hết đất Dương Phức Mãi	Cầu Lầu Bà 2 (Đường huyện 3)	1,02
60.15	Khu tái định cư Quốc lộ 1A, giai đoạn 1, 2	Suốt tuyến		1,02
61	**Xã Phú Tâm**			
61.1	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Hồ Đắc Kiện	Hết ranh đất Cây xăng Vạn Phúc Lộc (Hết thửa số 669, tờ bản đồ số 8)	1,02
		Giáp ranh đất Cây xăng Vạn Phúc Lộc (Giáp thửa số 669, tờ bản đồ số 8)	Hết ranh đất UBND thị trấn (cũ)	1,02
		Giáp ranh đất UBND thị trấn (cũ)	Giáp ranh xã Thuận Hòa	1,02
61.2	Đường tỉnh 932	Cầu Phú Tâm	Hết ranh đất Trạm Y tế	1,02
		Giáp ranh đất Trạm Y tế	Kênh Ống Bọng	1,02
		Kênh Ống Bọng	Giáp ranh xã Kế Sách	1,02
61.3	Đường tỉnh 932D	Đường tỉnh 939B	Giáp ranh xã Thuận Hòa	1,02
61.4	Đường tỉnh 939B	Giáp ranh xã Thuận Hòa	Hết ranh đất Cây xăng Quang Minh	1,02
		Giáp ranh đất Cây xăng Quang Minh	Cầu Chợ Thuận Hòa	1,02
61.5	Đường Trần Phú (Đường tỉnh 939B)	Quốc lộ 1A	Đường vào Khu tái định cư Xây Đá	1,20
		Đường vào Khu tái định cư Xây Đá	Đường Trần Hưng Đạo	1,20
61.6	Đường tỉnh 939B	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu 30 Tháng 4	1,02
		Cầu 30 Tháng 4	Cầu Bảy Quýt	1,02
61.7	Đường Hùng Vương	Quốc lộ 1A	Đường Phạm Ngũ Lão	1,02
		Đường Phạm Ngũ Lão	Đường Trần Hưng Đạo	1,02
61.8	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trần Phú (Đường tỉnh 939B)	Đường Hùng Vương	1,02
61.9	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Trần Phú (Đường tỉnh 939B)	Đường Hùng Vương	1,02
61.10	Đường Bạch Đằng	Đường Hùng Vương	Giáp ranh xã Thuận Hòa	1,02
61.11	Đường Ngô Quyền	Đường tỉnh 939B	Cống Ông Minh	1,02
		Cống Ông Minh	Giáp ranh xã Thuận Hòa	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
61.12	Đường huyện 93	Cống Thuận Hòa	Giáp ranh xã Hồ Đắc Kiện	1,02
61.13	Đường huyện 94	Đường tỉnh 932	Cầu Kênh 79	1,02
		Cầu Kênh 79	Cầu Bảy Quýt	1,02
61.14	Đường huyện 97	Đường huyện 94	Giáp ranh xã Thuận Hòa	1,08
61.15	Đường A4 (Đường vào UBND thị trấn)	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Trụ sở UBND thị trấn	1,02
61.16	Đường Miếu Quan Đế	Giáp ranh đất Miếu Quan Đế	Kênh Lương Sơn Bá	1,02
		Kênh Lương Sơn Bá	Đường Cầu Chùa đi xã Trường Khánh	1,02
61.17	Đường Giồng Cát đi Mỏ Neo	Cầu Giồng Cát	Mỏ Neo (Giáp ranh xã Đại Hải)	1,02
61.18	Đường Cầu Chùa đi xã Trường Khánh	Đường tỉnh 932	Kênh Lương Sơn Bá	1,02
		Kênh Lương Sơn Bá	Giáp ranh xã Trường Khánh	1,02
61.19	Chợ Thuận Hòa	Đường hai bên nhà lồng Chợ		1,02
		Các Đường nội bộ trong khu vực Chợ		1,02
61.20	Chợ Phú Tâm	Đường hai bên nhà lồng Chợ		1,02
		Các Đường nội bộ trong khu vực Chợ		1,02
61.21	Khu tái định cư Xây Đá	Khu tái định cư Xây Đá đã đầu tư cơ sở hạ tầng		1,02
		Vị trí tiếp giáp Khu tái định cư chưa đầu tư cơ sở hạ tầng		1,02
61.22	Khu tái định cư Quốc lộ 1A	Các đường khác trong Khu tái định cư		1,02
		Các vị trí tiếp giáp Khu tái định cư		1,02
62	**Xã An Ninh**			
62.1	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Thuận Hòa	Hết ranh đất Cây xăng Mỹ Trân	1,12
		Giáp ranh đất Cây xăng Mỹ Trân	Hết cống (Gần Nhà bà Lý Sà Nen)	1,12
		Giáp cống (Gần Nhà bà Lý Sà Nen)	Giáp ranh phường Sóc Trăng	1,12
62.2	Tuyến tránh Quốc lộ 60	Cầu Kênh 30 Tháng 4	Giáp ranh xã Thuận Hòa	1,02
62.3	Đường tỉnh 938	Giáp ranh phường Sóc Trăng	Đường tỉnh 932 nối dài (Đường đi Chông Nô cũ)	1,08
		Đường tỉnh 932 (Đường đi Chông Nô cũ)	Hết ranh đất Trường tiểu học An Ninh D	1,08
		Giáp ranh đất Trường Tiểu học An Ninh D	Đường tỉnh 939	1,08

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
62.4	Đường tỉnh 939	Đường tỉnh 938 (Cầu Trắng)	Hết ranh đất Nhà máy Ông Ba Chiến (Thửa số 1521, tờ bản đồ số 04)	1,02
		Giáp ranh đất Nhà máy ông Ba Chiến (Thửa số 1521, tờ bản đồ số 04)	Giáp ranh xã Mỹ Hương	1,02
62.5	Đường tỉnh 932 nối dài (Đường đi Chông Nô cũ)	Đường tỉnh 938	Cầu Kênh 76	1,02
		Cầu Kênh 76	Đường huyện 90	1,02
		Đường huyện 90	Cầu Bưng Tróp A	1,02
		Cầu Bưng Tróp A	Hết đất Chùa Peng Som Rath	1,02
		Chùa Peng Som Rath	Cầu An Trạch	1,02
		Cầu An Trạch	Quốc lộ 1A	1,02
62.6	Đường tỉnh 932	Quốc lộ 1A	Đường vào Trường Tiểu học An Hiệp A	1,02
		Đường vào Trường Tiểu học An Hiệp A	Giáp ranh xã Thuận Hòa	1,02
62.7	Đường huyện 90 (Đi Sóc Vồ)	Đường Sóc Vồ	Kênh 26 Tháng 3	1,02
		Kênh 26 Tháng 3	Kênh 77	1,02
		Kênh 77	Đường tỉnh 932 nối dài	1,02
62.8	Đường huyện 93	Đường Sóc Vồ	Đường tỉnh 932 nối dài	1,02
		Đường tỉnh 932 nối dài	Giáp ranh xã Thuận Hòa	1,02
62.9	Đường huyện 90 (Đi xã Hồ Đắc Kiện)	Đường tỉnh 932 nối dài	Cầu An Hiệp B	1,02
		Cầu An Hiệp B	Giáp ranh xã Hồ Đắc Kiện	1,02
62.10	Đường Sóc Vồ	Quốc lộ 1A	Cầu Sóc Vồ	1,02
		Cầu Sóc Vồ	Đường tỉnh 938	1,02
62.11	Hẻm Ấp Châu Thành	Các Hẻm xóm 1, 2, 3, 4 thuộc Ấp Châu Thành		1,02
62.12	Chợ An Trạch	Hai bên và dãy dưới nhà lồng chợ		1,02
62.13	Khu tái định cư	Cả khu		1,02
62.14	Đường vào Khu tái định cư	Suốt tuyến		1,08
62.15	Đường vào trường Tiểu học An Hiệp qua Khu tái định cư	Suốt tuyến		1,08

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
62.16	Hẻm Chợ Bố Thảo	Đầu ranh đất bà Léng (Thửa đất số 1176, tờ bản đồ số 06)	Hết ranh đất bà Nguyên (Thửa đất số 1195, tờ bản đồ số 6)	1,12
		Đầu ranh đất bà Dân (Thửa đất số 1178, tờ bản đồ số 6)	Hết ranh đất ông Xe (Thửa đất số 1226, tờ bản đồ số 6)	1,12
62.17	Các hẻm trung tâm xã An Ninh cũ (ấp Châu Thành, xã An Ninh mới)	Các hẻm thuộc ấp Châu Thành		1,02
		Hai bên nhà lồng Chợ cũ (Chợ Bố Thảo)		1,02
		Đường vào Sân bóng cũ		1,02
63	**Xã Thuận Hòa**			
63.1	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã An Ninh	Giáp ranh xã Phú Tâm	1,12
63.2	Quốc lộ 60	Giáp ranh xã An Ninh	Giáp ranh phường Sóc Trăng	1,02
63.3	Đường tỉnh 939B (Đường tỉnh 14)	Giáp ranh xã Phú Tâm	Giáp ranh xã Hồ Đắc Kiện	1,02
63.4	Đường tỉnh 932	Giáp ranh xã An Ninh	Hết ranh đất Trường Tiểu học Phú Tân A	1,02
		Giáp ranh đất Trường Tiểu học Phú Tân A	Hết ranh đất Tịnh Xá Ngọc Tâm	1,02
		Giáp ranh đất Tịnh Xá Ngọc Tâm	Giáp ranh xã Phú Tâm	1,02
63.5	Đường huyện 90	Đường tỉnh 939B (Đường tỉnh 14)	Giáp ranh xã Hồ Đắc Kiện	1,02
63.6	Tuyến Đê Bao Thuận Hòa (Đường huyện 93)	Giáp ranh xã Phú Tâm	Hết ranh đất Chùa Trà Quýt (cũ)	1,02
		Giáp ranh đất Chùa Trà Quýt (cũ)	Giáp ranh xã An Ninh	1,02
63.7	Đường huyện 95	Cầu Ông Cường	Giáp ranh xã Phú Tâm	1,02
63.8	Đường huyện 96	Đường đal Kênh 30 Tháng 4	Giáp ranh xã Trường Khánh	1,02
63.9	Đường huyện 97	Quốc lộ 1A	Kênh Hai Sum	1,08
		Kênh Hai Sum	Giáp ranh xã Phú Tâm	1,08
63.10	Đường vào Trại Giống	Quốc lộ 1A	Trại thực nghiệm giống vật nuôi	1,02
63.11	Đường bao quanh Đảng ủy xã Thuận Hòa	Đường huyện 97	Hết đất Trường Tiểu học Thuận Hòa B	1,02
		Suốt tuyến		1,02
		Đường huyện 97	Hết đất Trạm y tế xã Thuận Hòa	1,02
63.12	Đường vào UBND xã Thuận Hòa	Đường tỉnh 932	Hết ranh đất Trụ sở UBND xã Thuận Hòa	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
63.13	Đường vào Khu du lịch văn hoá Giếng Tiên	Đường tỉnh 932	Cổng vào Khu du lịch văn hóa Giếng Tiên	1,08
63.14	Đường đal Sa Bâu	Đường huyện 93	Đường đal Kênh Ông Ướng	1,02
63.15	Đường đal Kênh 6 A1	Quốc lộ 1A	Rạch Hàng Bần	1,02
63.16	Đường đal Kênh Ông Ướng	Đường huyện 93	Giáp ranh xã Hồ Đắc Kiện	1,02
63.17	Đường đal Tư Lung - Bảy Trang	Đường huyện 93	Giáp ranh xã An Ninh	1,02
63.18	Đường đal Kênh Cống 1	Đường tỉnh 939B (Đường tỉnh 14)	Đường đal Kênh Ông Ướng	1,02
63.19	Đường đal Rạch Trà Canh Ruộng	Đường đal Kênh 85, Ấp Trà Canh	Đường đal Tư Lung - Bảy Trang	1,02
63.20	Đường đal kênh 30 Tháng 4	Hết ranh đất ông Hoàng	Cầu 30 Tháng 4	1,02
		Cầu 30 Tháng 4	Giáp ranh phường Sóc Trăng	1,02
63.21	Đường đal	Đường tỉnh 932	Chùa Bốn Mặt	1,02
		Đường tỉnh 932	Đường đal 135	1,02
		Đường tỉnh 932	Đường vào Đình Phước Hưng	1,02
		Giáp ranh đất ông Hoàng	Cổng Chùa ChamPa	1,02
		Cổng chùa ChamPa	Hết ranh đất bà Hạnh	1,02
64	**Xã Hồ Đắc Kiện**			
64.1	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Đại Hải	Giáp ranh xã Phú Tâm	1,02
64.2	Đường huyện 92	Đường huyện 93	Cầu Kênh Cũ	1,08
		Cầu Kênh Cũ	Đường bê tông Phân Trường Phú Lợi	1,08
64.3	Đường đal	Đường huyện 92	Cầu Kênh Gòn (Phía trước UBND xã Hồ Đắc Kiện)	1,02
64.4	Đường huyện 93	Giáp ranh xã Đại Hải	Giáp ranh xã Phú Tâm	1,02
64.5	Tuyến Đường vào Trường Mẫu giáo Hồ Đắc Kiện	Đường huyện 93	Hết ranh đất Trường Mẫu giáo Hồ Đắc Kiện	1,02
64.6	Đường Kênh 12	Cầu Hai Giỏi	Cầu Đắc Thắng (Cầu phía trước Trụ sở Đảng ủy xã)	1,02
64.7	Đường Kênh Sáu Lái	Đường huyện 93	Đường Bờ tây Kênh Ba Rinh mới	1,02
64.8	Đường bờ Tây Kênh Ba Rinh mới (Ba Rinh mới A)	Cầu Kênh Gòn (Từ tâm 54) đi xã Mỹ Hương	Hết đoạn bờ kè, ấp Đắc Thắng	1,02
		Giáp ranh đất Trạm Y tế xã Hồ Đắc Kiện	Giáp ranh xã Đại Hải	1,02
		Hết đoạn bờ kè, ấp Đắc Thắng	Giáp ranh xã Mỹ Hương	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
64.9	Đường bờ Đông Kênh Ba Rinh mới "Ba Rinh mới B"	Giáp ranh xã Đại Hải	Giáp ranh xã Mỹ Hương	1,02
64.10	Đường bờ Đông Kênh Ba Rinh cũ	Giáp ranh xã Đại Hải	Đường Kênh 12 (Cầu Đắc Thắng)	1,02
64.11	Đường bờ Tây Kênh Ba Rinh cũ	Giáp ranh xã Đại Hải	Kênh Tân Phước	1,02
64.12	Đường Bờ bao Phân Trường	Giáp ranh xã Đại Hải	Giáp ranh xã Long Hưng	1,02
64.13	Đường tỉnh 939B	Giáp ranh xã Thuận Hòa	Cầu An Tập	1,02
		Cầu An Tập	Hết ranh đất Trụ sở VNPT	1,02
		Giáp ranh đất Trụ sở VNPT	Giáp ranh xã Mỹ Hương	1,02
64.14	Khu vực nhà lồng Chợ (Thiện Mỹ cũ)	Đường hai bên nhà lồng chợ		1,02
		Đường phía sau nhà lồng chợ		1,02
64.15	Đường huyện 90	Đường tỉnh 939B	Giáp ranh xã An Ninh	1,02
64.16	Đường Mỹ Phú - Mỹ Tân	Cầu Năm Thơi	Giáp ranh xã Long Hưng	1,02
64.17	Đường Điện Huyện B	Đường huyện 90	Giáp ranh xã An Ninh	1,02
64.18	Đường Tân Phước	Vật liệu xây dựng Sáu Long	Giáp ranh xã Long Hưng	1,02
64.19	Đường Kênh Ông Ướng	Suốt tuyến		1,02
64.20	Đường Kênh Ranh Mỹ An - Mỹ Đức	Suốt tuyến		1,02
64.21	Đường đal Giao Thông A	Mương Khai A	Đường bờ Tây Kênh Ba Rinh mới (Ba Rinh mới A)	1,02
64.22	Đường Mương Khai A	Cầu Đường Láng	Cầu Sắt	1,02
64.23	Đường Mương Khai B	Cầu Sắt	Giáp ranh xã Mỹ Hương	1,02
65	**Xã Mỹ Tú**			
65.1	Đường tỉnh 940	Cầu số 1	Cầu số 2	1,08
		Cầu số 2	Cống Mỹ Phước	1,08
		Cống Mỹ Phước	Cầu Cái Trầu mới	1,08
		Cầu Cái Trầu mới	Giáp ranh xã Lâm Tân	1,08
65.2	Đường tỉnh 938	Giáp ranh xã Mỹ Hương	Đường đal Ô Quên	1,08
		Đường đal Ô Quên	Rạch Lộ Bể	1,08
		Rạch Lộ Bể	Giáp ranh xã Lâm Tân	1,08
65.3	Đường ô tô Trung tâm xã Hưng Phú cũ (Đường tỉnh 939)	Kênh Ba Hữu	Cầu Tư Thành	1,02
		Cầu Tư Thành	Giáp ranh xã Mỹ Phước	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
65.4	Đường A1 (Đường tỉnh 939)	Giáp ranh xã Mỹ Hương	Đường Quang Trung	1,02
		Đường Quang Trung	Cầu Kênh 1 Tháng 5	1,02
		Cầu Kênh 1 Tháng 5	Kênh Ba Hữu	1,02
65.5	Đường huyện 82	Đường tỉnh 940	Giáp ranh xã Mỹ Phước (Cầu Kinh số 3)	1,02
65.6	Đường huyện 84	Cầu 1 Tháng 5 (Huyện đội cũ)	Giáp ranh Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng	1,02
		Giáp ranh Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng	Cầu Béc Trang	1,02
		Cầu Béc Trang	Giáp ranh xã Mỹ Phước	1,02
65.7	Đường huyện 86	Giáp ranh xã Long Hưng	Cầu Trà Cú Cạn	1,02
		Cầu Trà Cú Cạn	Hết ranh đất Trường Tiểu học Mỹ Tú A	1,02
		Giáp ranh đất Trường Tiểu học Mỹ Tú A	Đường tỉnh 940	1,02
65.8	Đường huyện 87 (Đường Rạch Rê)	Đường tỉnh 938	Giáp ranh xã Nhu Gia	1,02
65.9	Đường huyện 89	Đường huyện 87 (Đường Rạch Rê)	Giáp ranh xã Mỹ Hương	1,02
65.10	Đường Trần Hưng Đạo	Giáp ranh xã Long Hưng	Kênh Ba Vợi	1,02
		Kênh Ba Vợi	Hết ranh đất Nhà ông Sáu Cao	1,02
		Giáp ranh đất Nhà ông Sáu Cao	Đập Chín Lời	1,02
		Đập Chín Lời	Cầu Ba Thắng	1,02
		Cầu Ba Thắng	Đập Sáu Giúp	1,02
		Đập Sáu Giúp	Kênh số 1 (Ấp Mỹ Hòa)	1,02
65.11	Đường Phạm Ngũ Lão	Suốt tuyến		1,02
65.12	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Suốt tuyến		1,02
65.13	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Nhà bà Bé	1,02
65.14	Đường Hùng Vương	Đường Điện Biên Phủ	Đường Trần Phú	1,02
		Đường Trần Phú	Đường Quang Trung	1,02
		Đường Quang Trung	Cầu 1 Tháng 5 (Huyện đội cũ)	1,02
65.15	Đường Lê Thánh Tông	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Quang Trung	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
65.16	Đường Ngô Quyền	Cầu Ba Thắng (Đường Trần Hưng Đạo)	Cầu Đê Mỹ Phước (Đường Quang Trung)	1,02
65.17	Đường Võ Thị Sáu	Cầu Bệnh Viện	Đê Bé Bùi	1,02
65.18	Đường Trần Phú	Giáp ranh xã Long Hưng	Đường Đồng Khởi	1,02
		Đường Đồng Khởi	Đường Võ Thị Sáu	1,02
		Đường Võ Thị Sáu	Kênh Út Biện	1,02
		Kênh Út Biện	Kênh số 1 (Ấp Mỹ Hòa)	1,02
65.19	Đường Đồng Khởi	Đường Trần Phú	Giáp ranh xã Mỹ Hương	1,02
65.20	Đường 3 Tháng 2	Đường Trần Phú	Đường Điện Biên Phủ	1,02
65.21	Đường 30 Tháng 4	Đường Trần Phú	Đường Điện Biên Phủ	1,02
65.22	Đường Huỳnh Văn Triệu	Đường Trần Phú	Đường Điện Biên Phủ	1,02
65.23	Đường Lý Tự Trọng	Đường 3 Tháng 2	Đường 30 Tháng 4	1,02
65.24	Đường Quang Trung (Đường tỉnh 940)	Giáp ranh xã Long Hưng	Cầu Sáu Xôi	1,02
		Cầu Sáu Xôi	Kênh Hậu Huyện Đội (cũ)	1,02
		Kênh Hậu Huyện Đội (cũ)	Cầu Đê Mỹ Phước	1,02
		Cầu Đê Mỹ Phước	Hết ranh đất bà Hân	1,02
		Giáp ranh đất bà Hân	Cầu số 1	1,02
65.25	Đường Điện Biên Phủ	Đường 30 Tháng 4	Đường 3 Tháng 2	1,02
65.26	Đường Trung tâm Thương mại thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa (cũ)	Dãy E		1,02
65.27	Đường F12	Cầu Ba Thắng	Nhà lồng Chợ mới	1,02
65.28	Đường D7 (Đường Trung tâm xã Long Hưng)	Đường Đồng Khởi	Giáp ranh xã Long Hưng	1,02
65.29	Đường đal (Kho lương thực cũ)	Đường tỉnh 940	Đường Trần Hưng Đạo	1,08
65.30	Đường đal (Chợ Cá)	Đường tỉnh 940	Giáp ranh đất ông Thơm	1,02
65.31	Đường nhựa D9	Đường Hùng Vương	Đường 3 Tháng 2	1,12
65.32	Đường cũ Cầu Đồn	Đường Hùng Vương	Đường 3 Tháng 2	1,02
65.33	Đường đấu nối Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng	Đường tỉnh 940	Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng	1,08
65.34	Khu tái định cư Đường A1	Cả khu		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
66	**Xã Long Hưng**			
66.1	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	Giáp ranh xã Tân Phước Hưng	Cầu Mỹ Khánh	1,08
		Cầu Mỹ Khánh	Cầu 1 Tháng 5	1,08
		Cầu 1 Tháng 5	Cầu Đập Đá	1,08
		Kênh Đập Đá	Kênh Bắc Bộ	1,08
		Kênh Bắc Bộ	Kênh Miễu	1,08
		Kênh Miễu	Kênh Chín Mùi	1,08
		Kênh Chín Mùi	Kênh Tư Lang	1,08
		Kênh Tư Lang	Kênh Út Cứng	1,08
		Kênh Út Cứng	Kênh Ka Rê	1,08
66.2	Đường tỉnh 940	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	Kênh Hai Bá	1,02
		Kênh Hai Bá	Cầu Nhà Thờ	1,02
		Cầu Nhà Thờ	Giáp ranh xã Mỹ Tú	1,02
66.3	Đường huyện 32 (Đường huyện 87C)	Cầu qua Nhà Văn hóa xã	Cầu vượt Tân Phước	1,02
		Cầu vượt Tân Phước	Giáp ranh xã Hồ Đắc Kiện	1,02
66.4	Đường huyện 85	Đường huyện 87B	Đường tỉnh 940	1,08
		Đường tỉnh 940	Kênh Đập Đá	1,08
66.5	Đường huyện 86	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	Giáp ranh xã Mỹ Tú	1,02
66.6	Đường huyện 87	Giáp ranh xã Mỹ Tú	Cầu vượt Mỹ Khánh	1,02
		Cầu vượt Mỹ Khánh	Cầu qua Nhà Văn hóa xã và nhánh đến Hết đất Trường Trung học cơ sở Long Hưng A	1,02
66.7	Đường huyện 87B	Giáp ranh xã Mỹ Tú	Kênh Hai Bá	1,02
		Kênh Hai Bá	Cầu Vượt Mỹ Khánh	1,02
		Cầu vượt Mỹ Khánh	Cầu qua UBND xã	1,02
		Cầu qua UBND xã	Hết ranh Trung tâm Thương mại	1,02
		Giáp ranh Trung tâm Thương mại	Hết ranh đất ông Lê Việt Hùng	1,02
		Giáp ranh đất ông Lê Việt Hùng	Kênh 1 Tháng 5	1,02
		Kênh 1 Tháng 5	Kênh Đập Đá	1,02
		Kênh Đập Đá	Kênh Bắc Bộ	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
66.7	Đường huyện 87B	Kênh Bắc Bộ	Kênh Miễu	1,02
		Kênh Miễu	Kênh Chín Mùi	1,02
		Kênh Chín Mùi	Kênh Ka Rê	1,02
66.8	Đường huyện 80	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	Kênh Hai Cao	1,02
		Kênh Hai Cao	Giáp ranh xã Mỹ Tú	1,02
66.9	Trung tâm Thương mại Long Hưng	Dãy Khu phố 1		1,02
		Dãy Khu phố 2, 3, 4		1,02
		Dãy Khu phố 5, 6		1,02
66.10	Đường D3 - N6	Suốt tuyến		1,02
66.11	Đường D1 - N3	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	Hết đất Chợ Long Hưng	1,02
66.12	Đường Ô tô đến Trung tâm xã (Đường huyện 81)	Đầu ranh đất Trụ sở UBND xã	Cầu Kênh 1.000	1,02
		Cầu Kênh 1.000	Cầu Nguyễn Việt Hồng	1,02
		Cầu Nguyễn Việt Hồng	Giáp ranh xã Mỹ Phước	1,02
67	**Xã Mỹ Hương**			
67.1	Đường tỉnh 939	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	Cầu Phú Mỹ 2	1,02
		Cầu Phú Mỹ 2	Đường vào Chùa Bưng Cóc	1,02
		Đường vào Chùa Bưng Cóc	Cầu Trắng	1,02
		Cầu Trắng	Giáp ranh xã An Ninh (Trạm Bơm)	1,02
		Giáp ranh xã An Ninh (Trạm Bơm)	Đường vào Chợ Mỹ Hương	1,02
		Đường vào Chợ Mỹ Hương	Trường THPT Mỹ Hương	1,02
		Trường THPT Mỹ Hương	Cầu Bà Lui	1,02
		Cầu Bà Lui	Giáp ranh xã Mỹ Tú	1,02
67.2	Đường tỉnh 939B	Giáp ranh xã Mỹ Tú	Hết ranh đất Nghĩa trang liệt sĩ	1,02
		Giáp ranh đất Nghĩa trang liệt sĩ	Giáp ranh xã Hồ Đắc Kiện	1,02
67.3	Đường tỉnh 938	Đường tỉnh 939	Cầu Trà Lây 1	1,08
		Cầu Trà Lây 1	Cầu Thuận Hưng	1,08
		Cầu Thuận Hưng	Giáp ranh xã Mỹ Tú	1,08

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
67.4	Đường huyện 88	Đường tỉnh 938	Cầu Ngang	1,02
		Cầu Ngang	Giáp ranh xã Mỹ Tú	1,02
67.5	Đường huyện 88B	Đường huyện 88	Đường tỉnh 939	1,02
		Đường tỉnh 939	Giáp ranh xã Hồ Đắc Kiện	1,02
67.6	Đường huyện 89	Đường tỉnh 939	Kênh Phú Mỹ 1	1,02
		Kênh Phú Mỹ 1	Giáp ranh xã Mỹ Tú	1,02
67.7	Đường A1	Đường tỉnh 939B	Giáp ranh xã Mỹ Tú	1,02
67.8	Đường Chợ Cá	Đường Cầu Xẻo Gừa vào chợ và 2 dãy bên nhà lồng chợ		1,02
67.9	Đường vào sau Chợ mới	Đường tỉnh 939 (đường mới)	Đường cũ (vào chợ)	1,02
67.10	Đường đal	Cầu Xẻo Gừa	Hết ranh đất Trường Mẫu giáo (Xóm Lớn)	1,02
		Cầu Xẻo Gừa	Cầu Ông Tám Bầu	1,02
		Cầu Ông Tám Bầu	Giáp sông Xẻo Gừa	1,02
		Đường tỉnh 939	Hết ranh đất Kho phân Sáu Địa	1,02
		Giáp ranh Chợ Xẻo Gừa	Hết ranh đất ông Trịnh Ngọc Ba	1,02
		Cống ranh Chợ Xẻo Gừa	Hết ranh đất Trại cưa ông Trần Văn Vạng	1,02
67.11	Đường Chợ Thuận Hưng	Đường hai bên nhà lồng Chợ Thuận Hưng		1,08
67.12	Đường Chợ Cầu Trắng	Đường hai bên nhà lồng Chợ Cầu Trắng		1,08
67.13	Đường Chợ Phú Mỹ	Đường hai bên nhà lồng Chợ Phú Mỹ		1,08
		Đường tỉnh 939	Kênh 2	1,08
67.14	Đường đal Phú Tức	Giáp ranh phường Phú Lợi	Cống Thủy Lợi	1,02
		Cống Thủy Lợi	Hết đường đal	1,02
67.15	Khu dân cư Bà Lui	Cả khu		1,02
67.16	Khu tái định cư xã Mỹ Hương	Đường số 01		1,02
67.17	Khu tái định cư Thuận Hưng	Giáp ranh Cầu Ngang đến Đường tỉnh 938 (tiếp giáp Đường huyện 88)		1,02
		Đường số 01		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
68	**Xã Tân Long**			
68.1	Quốc lộ 61B (Đường tỉnh 937)	Giáp ranh xã Phú Lộc	Hết ranh đất Trường Mầm non Thạnh Tân	1,08
		Giáp ranh đất Trường Mầm non Thạnh Tân	Cầu 14 Tháng 9	1,08
		Cầu 14 Tháng 9	Cầu Ông Tàu	1,08
		Cầu Ông Tàu	Hết ranh đất Cây xăng Mười Biết	1,08
		Giáp ranh đất Cây xăng Mười Biết	Cầu Cái Trầu	1,08
		Cầu Cái Trầu	Hết ranh đất Trường Tiểu học Tân Long 1	1,08
		Giáp ranh đất Trường Tiểu học Tân Long 1	Cầu Ba Bọng	1,08
		Cầu Ba Bọng	Hết ranh đất Nhà văn hóa ấp Tân Bình	1,08
		Giáp ranh đất Nhà văn hóa ấp Tân Bình	Giáp ranh phường Ngã Năm	1,08
68.2	Đường tỉnh 938	Quốc lộ 61B	Kênh Cầu Xéo	1,02
		Kênh Cầu Xéo	Giáp ranh xã Lâm Tân	1,02
68.3	Đường huyện 61	Cầu treo Đường huyện 61	Giáp ranh xã Phú Lộc	1,02
		Quốc lộ 61B	Giáp ranh xã Lâm Tân	1,02
68.4	Đường huyện 71	Cầu Ba Bọng	Giáp ranh phường Ngã Năm	1,02
68.5	Đường huyện 75 (đoạn Mỹ Hòa - Mỹ Hiệp)	Giáp ranh phường Ngã Năm	Giáp ranh phường Mỹ Quới	1,02
68.6	Đường huyện 64	Đường huyện 61	Giáp ranh xã Lâm Tân	1,02
68.7	Đường huyện 60	Quốc lộ 61B	Giáp ranh xã Lâm Tân	1,02
68.8	Đường Ấp Long Thạnh	Cầu Cái Trầu	Cầu Xéo	1,02
68.9	Đường vào phố	Đầu ranh đất Nhà ông Ty	Hết ranh đất Nhà ông Hiệp	1,02
69	**Xã Phú Lộc**			
69.1	Quốc lộ 1	Cầu Xẻo Tra	Hết ranh đất UBND xã Phú Lộc	1,02
		Giáp ranh đất UBND xã Phú Lộc	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	1,02
		Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	Giáp ranh tỉnh Cà Mau (Cầu Nàng Rền)	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
69.2	Quốc lộ 61B	Quốc lộ 1	Kênh Hai Tài	1,02
		Kênh Hai Tài	Cầu Sa Di	1,02
		Cầu Sa Di	Giáp ranh xã Tân Long	1,02
69.3	Đường tỉnh 937B (cũ)	Quốc lộ 1	Đường Nguyễn Huệ	1,02
		Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	Cầu Cống	1,02
		Cầu Cống	Đường đal vào Miếu Bang Ngọc Bang Ngà	1,02
		Đường đal vào Miếu Bang Ngọc Bang Ngà	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	1,02
69.4	Đường huyện 64	Đầu cầu Xẻo Tra	Cống Thái Văn Ba	1,02
		Cống Thái Văn Ba	Giáp ranh xã Lâm Tân	1,02
69.5	Đường huyện 61	Đường huyện 66	Đường huyện 65	1,02
69.6	Đường huyện 63	Giáp ranh xã Lâm Tân	Quốc lộ 61B	1,02
69.7	Đường huyện 65	Đường huyện 61	Giáp ranh xã Tân Long	1,08
69.8	Đường huyện 66	Quốc lộ 61B	Đường huyện 65	1,02
69.9	Đường huyện 68 (Lộ Kinh Ngay)	Vòng xuyến Đường tỉnh 937B	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	1,08
		Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	Giáp ranh xã Vĩnh Lợi	1,08
69.10	Đường Văn Ngọc Chính	Cầu Phú Lộc	Đường Nguyễn Trung Trực	1,02
		Đường Nguyễn Trung Trực	Hết ranh thửa đất số 31, tờ bản đồ số 16	1,02
		Cầu Phú Lộc	Đường Nguyễn Văn Trỗi	1,02
69.11	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Quốc lộ 1	Cầu Bào Lớn	1,08
		Cầu Bào Lớn	Giáp ranh tỉnh Cà Mau	1,08
69.12	Đường 1 Tháng 5	Đường Văn Ngọc Chính	Đường 30 Tháng 4	1,02
69.13	Đường Nguyễn Đức Mạnh	Đường Văn Ngọc Chính	Đường 30 Tháng 4	1,20
69.14	Đường Trần Hưng Đạo	Quốc lộ 1	Đường Nguyễn Trung Trực	1,02
69.15	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Văn Ngọc Chính	Đường 30 Tháng 4	1,02
69.16	Đường Điện Biên Phủ	Đường Văn Ngọc Chính	Đường 30 Tháng 4	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
69.17	Đường cặp công Viên	Quốc lộ 1	Đường Trần Phú	1,02
69.18	Đường 30 Tháng 4	Quốc lộ 1	Đường Nguyễn Trung Trực	1,02
		Đường Nguyễn Trung Trực	Cầu 30 Tháng 4	1,02
		Cầu 30 Tháng 4	Đầu Lộ Rẫy Mới	1,02
69.19	Đường Lý Tự Trọng	Quốc lộ 1	Bệnh viện Đa khoa (cũ)	1,02
69.20	Đường Ngô Quyền	Cầu Phú Lộc	Đường Nguyễn Trung Trực	1,02
		Đường Nguyễn Trung Trực	Miếu Bà	1,02
69.21	Đường Nguyễn Trung Trực	Quốc lộ 61B	Đường 30 Tháng 4	1,02
69.22	Đường Trần Văn Bảy	Quốc lộ 61B	Đường huyện 64	1,02
69.23	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Quốc lộ 1	Giáp ranh ấp Thạnh Điền (hết tuyến)	1,02
69.24	Đường Trần Phú	Cầu Công viên	Đường Nguyễn Văn Trỗi	1,02
69.25	Đường Nguyễn Huệ	Cầu 30 Tháng 4	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	1,02
69.26	Đường nhà lồng Chợ	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Văn Ngọc Chính	1,02
		Đường Văn Ngọc Chính	Giáp Bờ kè sông Phú Lộc	1,02
69.27	Đường số 1	Đường Văn Ngọc Chính	Đường Trần Hưng Đạo	1,02
69.28	Đường số 2	Đường Trần Hưng Đạo	Đường 30 Tháng 4	1,02
69.29	Đường Khu dân cư ấp 2	Suốt tuyến		1,02
69.30	Đường đal (Phía sau nhà ông Hai Minh)	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường cặp Công viên	1,02
69.31	Đường số 1	Đầu ranh đất ông Nguyên	Hết ranh đất bà Đỏ	1,20
69.32	Đường số 2	Đầu ranh đất Bác sĩ Dũng	Hết ranh đất Nhà ông Quách Hưng Đại	1,02
69.33	Đường số 3	Đầu ranh đất Lý Phước Bình	Hết ranh đất Nhà ông Trần Ngọc Minh Thành	1,02
69.34	Đường số 4	Cầu Trương Từ	Hết ranh đất Nhà ông Hùng	1,20
69.35	Đường đal ấp Phú Tân	Giáp ranh xã Gia Hòa	Giáp ranh xã Lâm Tân	1,02
69.36	Đường đal ấp Thạnh Điền	Cầu Bào Lớn	Giáp ranh xã Gia Hòa	1,02
69.37	Đường đal cặp Nhà Văn Hóa	Quốc lộ 1	Đường Trần Văn Bảy	1,08
69.38	Hẻm 1 (Cầu Xẻo Tra)	Quốc lộ 1	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1,08

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
69.39	Hẻm 4 (Cặp nhà bà Mai)	Quốc lộ 61B	Đường Ngô Quyền	1,08
69.40	Đường đal (Nhà ông Hòa)	Đường 30 Tháng 4	Hẻm 8	1,08
69.41	Đường đal (Nhà ông Kiểm)	Đường 30 Tháng 4	Hẻm 8	1,02
69.42	Đường đal (Cặp Chùa Xa Mau 2)	Quốc lộ 1	Đường Nguyễn Huệ	1,02
69.43	Đường đal (Cặp Nhà ông Tây)	Đường huyện 64	Đường Trần Văn Bảy	1,02
69.44	Hẻm 6 (Cặp Kênh Trạm Thủy Nông)	Suốt hẻm		1,02
69.45	Hẻm 7 (Cặp Huyện đội cũ)	Quốc lộ 1	Suốt hẻm	1,08
69.46	Hẻm 8 (Cặp UBND huyện cũ)	Quốc lộ 1	Đường Nguyễn Huệ	1,08
69.47	Hẻm 9 (Cặp Nhà ông Lai)	Suốt hẻm		1,08
69.48	Hẻm 10	Quốc lộ 1	Đường Nguyễn Huệ	1,08
69.49	Hẻm 11	Quốc lộ 1	Chùa Phật	1,08
69.50	Hẻm 12	Quốc lộ 1	Đường Nguyễn Huệ	1,02
69.51	Hẻm 13 (Cầu Đình)	Suốt hẻm		1,02
69.52	Đường cặp Trạm Y tế	Đường huyện 68	Suốt tuyến	1,02
69.53	Đường Chợ	Đường tỉnh 937B	Cầu Bà Kía	1,23
		Đầu ranh đất ông Hấu (Lý Đông)	Hết ranh đất Tiêu Thanh Đức	1,23
		Đầu ranh đất ông Lý Bạc Hó	Hết đất ông Ngô Ìa	1,23
		Đầu ranh đất Nhà ông Lý Hún	Cầu Trương Từ	1,02
		Đầu ranh đất Nhà ông Quách Hùng Thương	Hết ranh đất Nhà ông Trịnh Thành Công	1,02
69.54	Đường đal (Kênh Ba Huê)	Đầu ranh đất Nhà ông Tăng Dươl	Hết ranh đất Nhà ông Đinh Công Hùng	1,08
69.55	Đường cặp sông	Đường tỉnh 937B	Hết ranh đất Nhà ông Bành Thiệu Văn (ông Só)	1,08
		Đầu ranh đất Nhà bà Lâm Thị Thủy	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	1,08
		Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	Hết ranh đất Nhà bà Lệ ấp Kinh Ngay	1,08

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
69.56	Kênh Giồng Chùa	Đầu ranh đất Nhà ông Lý Chấn Thạnh	Hết ranh đất Chùa Lộc Hòa	1,08
		Giáp ranh đất Nhà ông Lý Chấn Thạnh	Hết ranh đất Nhà ông Lâm Ngọc Giàu	1,08
69.57	Lộ ấp Công Điền	Quốc lộ 1	Giáp ranh tỉnh Cà Mau	1,02
69.58	Đường đal cặp Trạm Thủy nông	Quốc lộ 61B	Đường đal ấp Trương Hiền	1,02
69.59	Đường đal ấp Xóm Tro 1	Đường tỉnh 937B (cũ)	Hết đất Nhà ông Dương Hoàng Đăng	1,08
		Giáp ranh Trạm cấp nước phía sau	Hết ranh đất Tô Nam Tin	1,08
69.60	Đường ấp số 8	Đầu ranh đất ông Tấn Cang	Hết ranh đất ông Trịnh Phol	1,08
		Đầu ranh đất ông Vũ Văn Hoàng	Hết ranh đất ông Tiền Buộl	1,08
		Đầu ranh đất ông Dương Phal	Hết ranh đất Ngô Văn Thắng	1,08
		Đường tỉnh 937B (cũ)	Hết ranh đất Nhà máy Lý Khoa	1,08
		Cầu Bà Kía	Hết ranh đất Nhà máy Lý Khoa	1,08
		Đầu ranh đất ông Ngô Sang	Hết ranh đất ông Danh Hiền	1,08
69.61	Đường ấp số 9	Đầu ranh đất ông Nguyễn Minh Luận	Hết ranh đất ông Húa Đen	1,02
		Giáp ranh đất ông Húa Đen	Hết đất Nhà máy Kim Hưng	1,02
69.62	Đường Bào Cát - Quang Vinh	Đường tỉnh 937B (cũ)	Giáp ranh xã Vĩnh Lợi	1,02
69.63	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	Giáp ranh xã Gia Hòa	Quốc lộ 1	1,08
		Quốc lộ 1	Đường tỉnh 937B (cũ)	1,08
		Đường tỉnh 937B (cũ)	Đường huyện 68	1,08
		Đường huyện 68	Đường tỉnh 937B (cũ) (Ngã ba Kênh thủy lợi)	1,08
		Đường tỉnh 937B (cũ) (Ngã ba Kênh thủy lợi)	Giáp ranh xã Vĩnh Lợi	1,08
70	**Xã Vĩnh Lợi**			
70.1	Đường tỉnh 937B	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	Cầu Chợ	1,08
		Cầu Chợ	Hết ranh đất ông Hà Văn Đường	1,08

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
70.1	Đường tỉnh 937B	Giáp ranh đất ông Hà Văn Đường	Giáp ranh phường Mỹ Quới (Cầu Bờ Tây)	1,08
70.2	Đường huyện 61 (Đường huyện 5 cũ)	Đầu ranh đất ông Bì (Đường tỉnh 937B)	Hết ranh đất bà Muồi	1,08
		Giáp ranh đất Bà Muồi	Hết ranh đất bà Lê Thị Nhung	1,08
		Giáp ranh đất bà Lê Thị Nhung	Hết ranh đất Trường Tiểu học Vĩnh Thành cũ	1,08
		Giáp ranh đất Trường Tiểu học Vĩnh Thành cũ	Giáp ranh xã Phú Lộc	1,08
70.3	Đường huyện 65	Giáp ranh xã Tân Long	Giáp ranh xã Phú Lộc	1,08
70.4	Đường huyện 68	Giáp ranh phường Mỹ Quới (Đầu ranh đất ông Khẩn)	Cầu Bảy Âm	1,08
		Cầu Bảy Âm	Giáp ranh xã Phú Lộc	1,08
70.5	Đường huyện 67	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây (cầu ông Oanh)	Cầu số 8	1,08
		Cầu số 8	Cầu số 9 (Hết ranh đất ông Hòa)	1,08
		Cầu số 9 (Hết ranh đất ông Hòa)	Hết ranh đất ông Bành Phong (Ấp Quang Vinh)	1,08
70.6	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	Giáp ranh phường Mỹ Quới	Đường tỉnh 937B	1,08
		Đường tỉnh 937B	Ngã ba giao với Đường tỉnh 937B (Cây xăng Hai Dương)	1,08
		Ngã ba giao với Đường tỉnh 937B (Cây xăng Hai Dương)	Giáp ranh xã Phú Lộc	1,08
70.7	Đường giao thông nông thôn Vĩnh Thành - Vĩnh Lợi	Đường tỉnh 937B	Hết ranh đất Thánh Thất Hư Vô Cảnh	1,08
		Giáp ranh Thánh Thất Hư Vô Cảnh	Kênh 30 mét (Kênh Xáng Nàng Rền)	1,08
70.8	Khu Chợ trung tâm	Các tuyến đường bộ trong khu vực chợ		1,08
70.9	Đường đal ấp 15	Đầu ranh đất ông Trần Văn Đạt (Chân Cầu Chợ)	Kênh Nàng Rền	1,08
		Đầu ranh đất ông Sang	Cầu Tây Nhỏ	1,08
		Đường tỉnh 937B	Cầu Treo (Cầu Ông Xe)	1,08
70.10	Đường đal ấp 17	Cầu Bà Út Đồn	Đường huyện 65	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
71	**Xã Lâm Tân**			
71.1	Đường tỉnh 938	Giáp ranh xã Tân Long	Giáp ranh xã Mỹ Tú	1,08
71.2	Đường tỉnh 940 (mới)	Giáp ranh xã Nhu Gia	Cống Tuân Tức	1,08
		Cống Tuân Tức	Giáp ranh xã Mỹ Tú	1,08
71.3	Đường tỉnh 940 (cũ)	Cống Tuân Tức	Giáp ranh xã Nhu Gia (Chùa Thạnh Phú)	1,02
71.4	Đường huyện 69	Giáp ranh xã Tân Long (Cầu Rạch Chóc)	Kênh 85	1,02
71.5	Đường huyện 64 (Huyện 1 cũ)	Giáp ranh xã Phú Lộc	Hết ranh đất Nhà máy Lai Thành	1,02
		Giáp ranh đất Nhà máy Lai Thành	Giáp ranh xã Tân Long	1,02
71.6	Đường huyện 63 (Huyện 5 cũ)	Giáp ranh xã Phú Lộc	Cầu Tân Định	1,02
		Cầu Tân Định	Đường huyện 61	1,02
71.7	Đường huyện 61 (Huyện 2 cũ)	Giáp ranh xã Tân Long	Kênh Mương Điều Chắc Tức	1,02
		Kênh Mương Điều Chắc Tức	Kênh Rạch Trúc	1,02
		Kênh Rạch Trúc	Đường đal Kiết Thắng - Kiết Thống	1,02
		Đường đal Kiết Thắng - Kiết Thống	Đường huyện 63	1,02
		Đường huyện 63	Đường tỉnh 940	1,02
71.8	Đường huyện 62	Đường huyện 61	Giáp ranh xã Gia Hòa	1,02
71.9	Đường huyện 60 (Đường 14 Tháng 9 cũ)	Giáp ranh xã Tân Long	Kênh Rạch Trúc	1,02
71.10	Đường ấp Trung Hòa	Đường huyện 63	Cầu giáp ranh ấp Trung Bình	1,02
71.11	Đường Trung Thống - Tân Định	Đường huyện 63	Đường huyện 61	1,08
71.12	Khu vực Xóm Phố	Đầu đất Chùa Trà É (Chùa Muni Srăs Keo)	Đường huyện 61	1,08
71.13	Đường đal Kiết Lợi - Trà Do (Trung tâm xã)	Đường huyện 61	Đường tỉnh 940	1,02
71.14	Đường đal Kiết Thống - Kiết Thắng (Đường liên xã)	Đường huyện 61 (Ngã tư Kiết Thắng - Kiết Lợi)	Đường huyện 61 (Ngã ba Kiết Thống)	1,02
71.15	Đường đal ấp Kiết Hòa	Cống Mương Coi	Kênh Rạch Trúc	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
71.16	Đường đal ông Thái (Đoạn 1)	Kênh Mương Điều Chắc Tức	Kênh Hai Trường	1,02
71.17	Đường đal Kiết Lợi - Trà Do (Trung tâm xã)	Đường đal Kiết Lợi - Trà Do	Đường huyện 61	1,02
72	**Xã Thạnh Thới An**			
72.1	Đường tỉnh 935	Giáp ranh xã Tài Văn	Cầu An Nô	1,08
		Cầu An Nô	Cầu So Đũa	1,08
		Cầu So Đũa	Cầu Mỹ Thanh (Giáp ranh phường Khánh Hòa)	1,08
72.2	Đường tỉnh 936B	Giáp ranh xã Liêu Tú	Đường huyện 35	1,02
72.3	Đường huyện 35	Đường tỉnh 936B	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	1,02
72.4	Đường huyện 36	Đường tỉnh 935	Cầu Thạnh Thới An	1,02
		Cầu Thạnh Thới An	Giáp ranh xã Liêu Tú	1,02
73	**Xã Tài Văn**			
73.1	Đường tỉnh 934	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	Hết ranh đất Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp Hà Bô (cũ)	1,02
		Giáp ranh đất Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp Hà Bô (cũ)	Cầu Tài Văn	1,02
		Cầu Tài Văn	Hết ranh đất Trụ sở UBND xã Tài Văn	1,02
		Giáp ranh đất Trụ sở UBND xã Tài Văn	Cầu Trà Đức	1,02
		Cầu Trà Đức	Giáp ranh xã Liêu Tú	1,02
73.2	Đường tỉnh 935	Đường tỉnh 934 (Ngã ba Tài Văn)	Hết ranh đất Cây xăng Châu Khoa	1,08
		Giáp ranh đất Cây xăng Châu Khoa	Giáp ranh xã Thạnh Thới An	1,08
73.3	Đường tỉnh 934B	Giáp ranh xã Tân Thạnh	Cầu Bưng Chông	1,02
		Cầu Bưng Chông	Giáp ranh xã Long Phú	1,02
73.4	Đường huyện 32 (Đường vào chùa Lao Vên)	Đoạn trên địa bàn xã Tài Văn		1,08
73.5	Đường huyện 31	Đường tỉnh 934B	Cầu Trịnh Sương	1,08
		Cầu Trịnh Sương	Ranh Kênh Tiếp Nhựt	1,08
73.6	Khu vực chợ Tài Văn	Suốt tuyến		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
73.7	Đường đal	Kênh Tiếp Nhựt (cầu đối diện chùa Bâng Tone Sa)	Ngã ba (gần đường vào Chùa Chông Prek)	1,02
		Đường tỉnh 934	Cầu Bưng Sa Trong (cầu ông Lùng)	1,02
		Đường đal vào ấp Bưng Chông	Hết ranh đất ông Trần Văn Khải	1,02
		Kênh Tiếp Nhựt	Hết ranh đất Trường Trung học cơ sở Tài Văn	1,02
		Salatel ấp Chắc Tưng (Xóm Giữa)	Đường đal vào ấp Bưng Chông	1,02
		Cầu Tài Công	Đường tỉnh 934B	1,02
		Kênh Tiếp Nhựt (Cầu Chợ cũ)	Cầu ông Sóc (Xóm Ngọn)	1,02
73.8	Đường đal cặp kênh 96 Long Hưng (phía đông)	Suốt tuyến		1,02
73.9	Đường đal phía Tây kênh 96 Long Hưng	Kênh Tiếp Nhựt	Đường tỉnh 934B	1,02
73.10	Đường đê bao Phú Hữu - Mỹ Thanh	Suốt tuyến		1,02
73.11	Đường đal (Cặp Kênh Tiếp Nhựt)	Kênh Ông Liếm	Cầu Tài Công	1,02
74	**Xã Liêu Tú**			
74.1	Đường tỉnh 934	Giáp ranh xã Lịch Hội Thượng	Đường đal Giồng Chát (Trạm Y tế xã Liêu Tú)	1,02
		Đường đal Giồng Chát (Trạm Y tế xã Liêu Tú)	Hết ranh Trường Trung học cơ sở Liêu Tú	1,02
		Giáp ranh Trường Trung học cơ sở Liêu Tú	Cầu Trà Mơn	1,02
		Cầu Trà Mơn	Hết ranh đất Cây xăng Thuận An	1,02
		Giáp ranh đất Cây xăng Thuận An	Giáp ranh xã Tài Văn	1,02
74.2	Đường tỉnh 936B	Giáp ranh xã Lịch Hội Thượng	Cống Tổng Cáng	1,02
		Cống Tổng Cáng	Giáp ranh xã Thạnh Thới An	1,02
74.3	Đường tỉnh 934B	Giáp ranh xã Trần Đề	Giáp ranh xã Long Phú	1,02
74.4	Khu vực chợ Viên Bình	Đường hai bên hông chợ Viên Bình		1,08

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
74.5	Đường huyện 32	Đường tỉnh 934	Chùa Lao Vên (Cầu Chùa Lao Vên)	1,02
		Trường Mẫu giáo (Cầu Chùa Lao Vên)	Đường tỉnh 936B	1,02
74.6	Đường huyện 36	Suốt tuyến		1,02
74.7	Đường Đại Nôn - Tổng Cáng	Đường tỉnh 934	Kênh Chệt Yệu	1,02
		Kênh Chệt Yệu	Cầu Tổng Cáng	1,02
		Cầu Tổng Cáng	Cống Tổng Cáng (Đường tỉnh 936B)	1,02
74.8	Đường đal	Đầu ranh đất ông Trịnh Hữu Bình (Thầy Đức)	Cầu Ông Đáo	1,02
		Bến đò cũ Tổng Cáng qua đất ông Hái	Hết ranh đất ông Tám Tạo	1,02
		Cầu sắt ông Thại	Hết ranh đất ông Lâm Phel	1,02
		Giáp ranh đất ông Tám Tạo	Đê ngăn mặn	1,02
		Giáp ranh đất ông Tô Văn Tĩnh	Hết ranh đất ông Trần Phước Tâm	1,02
		Đầu ranh đất ông Châu Ngọc Tân	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Cơ	1,02
		Đầu ranh đất Nhà ông Lưu Quốc Phong	Cống Tổng Cáng (Đường tỉnh 936B)	1,02
		Chùa Bâng Phniết	Giáp ranh xã Trần Đề	1,02
		Đường tỉnh 934	Hết ranh Trường Mầm non Liêu Tú	1,02
74.9	Đường đal chợ Viên Bình	Chợ Viên Bình	Trường Mẫu giáo	1,02
75	**Xã Lịch Hội Thượng**			
75.1	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Giáp ranh xã Trần Đề	Giáp ranh xã Vĩnh Hải (Cầu Mỹ Thanh 2)	1,02
75.2	Đường tỉnh 936B	Giáp ranh xã Liêu Tú	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	1,02
75.3	Đường tỉnh 934	Giáp ranh xã Trần Đề	Cầu Hội Trung	1,02
		Cầu Hội Trung	Cầu Huyện Đội	1,02
		Cầu Huyện Đội	Hết ranh đất Trần Huy làm bãi chứa vật liệu xây dựng	1,02
		Giáp ranh đất ông Trần Huy làm bãi chứa vật liệu xây dựng	Giáp ranh xã Liêu Tú	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
75.4	Đường tỉnh 933C	Giáp ranh xã Trần Đề	Kênh Ba Mới	1,02
		Kênh Ba Mới	Kênh Tư Mới	1,02
		Kênh Tư Mới	Cầu Nhà máy Khánh Hưng	1,02
		Đường tỉnh 934 (Lộ Sóc Giữa)	Ngã ba Chùa Pôthi Prứk	1,02
		Ngã tư Hòa Đức	Ngã tư cây Vông	1,02
		Ngã tư cây Vông	Ngã ba Chùa Hai Ông Cọp	1,02
		Ngã ba Chùa Hai Ông Cọp	Đường Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng	1,02
		Đường Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng	Hết ranh đất chùa Sóc Tia	1,02
		Giáp ranh đất chùa Sóc Tia	Giáp ranh xã Trần Đề (Kênh Sáu Quế 1)	1,02
75.5	Đường Hai Bà Trưng	Đường tỉnh 934	Hết ranh đất Trường Trung học cơ sở Lịch Hội Thượng A	1,02
		Giáp ranh đất Trường Trung học cơ sở Lịch Hội Thượng A	Hết ranh đất Chợ mới xã Lịch Hội Thượng	1,02
		Giáp ranh đất Chợ mới xã Lịch Hội Thượng	Ngã tư Phố Dưới	1,02
75.6	Khu tái định cư Lịch Hội Thượng	Đường trong Khu tái định cư		1,02
75.7	Đường nhựa	Đầu ranh Nhà ông Ngô Văn Nguyên	Hết ranh đất Nhà ông Trần Văn Cam	1,02
		Đầu ranh đất Nhà bà Trần Huyền Trang	Hết ranh đất Nhà ông La Văn Trung	1,02
		Ngã tư Ông Xưa	Ngã tư Hòa Đức	1,02
		Ngã tư Thanh Vân	Hết ranh đất Nhà ông Hấu	1,02
		Ngã tư ông Nía	Hết ranh quán cafe ông Nỉ	1,02
		Ngã tư Hòa Thành	Hết ranh đất Trường Tiểu học A	1,02
		Ngã tư Hòa Đức	Hết ranh đất nhà bà Yến Ông Dín	1,02
		Đầu quán Thanh Vân	Cống Ông Hiệp	1,02
		Sân trước Chùa Ông Bổn	Giáp nhà lồng Chợ	1,02
		Sân trước Chùa Ông Bổn	Cầu Hội Đồng	1,02
		Ngã tư Phố Dưới	Hết ranh đất Nhà ông Xía	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
75.7	Đường nhựa	Giáp ranh đất Nhà ông Xía	Đường Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng	1,02
		Cống Ông Hiệp	Cầu Vĩnh Tường	1,02
		Đầu ranh đất Chùa Phước Đức Cổ Miếu	Cầu Vĩnh Tường	1,02
75.8	Các tuyến Hẻm	Hẻm cặp Nhà ông Liên Tấn	Trường Tiểu học B	1,02
		Hẻm cặp Trường Tiểu học B	Suốt hẻm	1,02
		Hẻm nhà ông Tám Điếc	Suốt hẻm	1,02
		Hẻm nhà ông Lâm Sướng	Suốt hẻm	1,02
		Hẻm Quán Thanh Vân (cặp nhà ông Hấu)	Giáp nhà lồng Chợ	1,02
		Hẻm Nhà ông Huỳnh Chứ	Suốt hẻm	1,02
75.9	Đường đal	Kênh Ông Thầy Pháp	Kênh Ông Vinh	1,02
		Đầu ranh đất Huyện Đội	Kênh Ông Vinh	1,02
		Đường Sóc Bìa Hội Trung từ Đường tỉnh 934	Đường tỉnh 933C (Ngã tư Cây Vông)	1,02
		Kênh Thầy Pháp	Kênh Giồng Chát	1,02
		Đường đal cặp Nhà ông Dên	Suốt tuyến	1,02
		Cầu Vĩnh Tường	Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng	1,02
		Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng	Ngã ba Bằng Lăng	1,02
		Ngã tư Chùa Hội Phước	Quốc lộ 936B	1,02
75.10	Đường gom Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng	Giáp ranh xã Trần Đề	Giáp ranh xã Liêu Tú	1,02
75.11	Đường tránh Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng	Ngã ba Đường tỉnh 933C (Chùa Hai Ông Cọp)	Ngã ba Đường tỉnh 933C (Ngã ba Bằng Lăng)	1,08
76	**Xã Trần Đề**			
76.1	Đường vào Khu tái định cư Nam Sông Hậu	Đường tỉnh 934	Đường Trục Đê bao An ninh Quốc phòng	1,23
76.2	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Cầu Ngan Rô (Ranh Đại Ân 2)	Kênh 1 (Ranh Khu Công nghiệp)	1,02
		Kênh 1 (Ranh Khu Công nghiệp)	Hết ranh đất Trạm biến áp 110 điện lực	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
76.2	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Giáp ranh đất Trạm biến áp 110 điện lực	Ngã ba đèn xanh, đèn đỏ (Đường tỉnh 934)	1,02
		Ngã ba đèn xanh, đèn đỏ (Đường tỉnh 934)	Cống Bãy Giá	1,02
		Cống Bãy Giá	Cống Tầm Vu	1,02
		Cống Tầm Vu	Hết ranh đất Trạm cấp nước Mỏ Ó	1,02
		Giáp ranh đất Trạm cấp nước Mỏ Ó	Cầu Sáu Quế 2	1,02
		Cầu Sáu Quế 2	Giáp ranh xã Lịch Hội Thượng	1,02
		Cầu Ngan Rô	Kênh Quốc Hội	1,02
		Kênh Quốc Hội	Kênh Xả Chỉ - Long Phú	1,02
76.3	Quốc lộ Nam Sông Hậu (Phía Tây không giáp kênh)	Cầu Ngan Rô (Ranh Đại Ân 2)	Đường đal (Giáp ranh đất ông Huỳnh Tấn Phát)	1,02
76.4	Quốc lộ Nam Sông Hậu (Phía Tây, giáp kênh thủy lợi cũ)	Đầu ranh đất ông Huỳnh Tấn Phát	Ngã ba Đường tỉnh 934B	1,02
		Ngã ba Đường tỉnh 934B	Kênh 2 Mới	1,02
		Kênh 2 Mới	Hết ranh đất ông Trương Văn Đắng	1,02
76.5	Đường tỉnh 933C	Giáp ranh xã Lịch Hội Thượng	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	1,02
		Giáp ranh xã Long Phú	Giáp ranh xã Lịch Hội Thượng (Kênh 1 mới)	1,02
76.6	Đường tỉnh 934	Cầu Bãy Giá	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu) (Ngã ba đèn xanh đèn đỏ)	1,02
		Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu) (Nhà ông Nghiêm)	Đường 19 Tháng 5	1,02
		Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Cầu Đen	1,02
		Cầu Đen	Giáp ranh xã Lịch Hội Thượng	1,02
76.7	Đường tỉnh 934B	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Kênh Bồn Bồn	1,02
		Kênh Bồn Bồn	Đường tỉnh 933C	1,02
		Đường tỉnh 933C	Giáp ranh xã Liêu Tú	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
76.8	Đường huyện 34	Đầu ranh đất Nhà ông Chính Phương (Đối diện Thánh Thất Đại Ân 2)	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	1,02
		Cầu Bưng Cốc	Cống Ông Til	1,02
		Cống Ông Til	Đường tỉnh 933C	1,02
		Cầu Bưng Cốc	Đập Ngan Rô	1,02
76.9	Đường 30 Tháng 4	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Đường vào Cảng cá Trần Đề	1,02
76.10	Đường 19 Tháng 5	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Hết ranh đất Trạm Biên phòng Trần Đề	1,02
76.11	Đường vào Khu hành chính	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Đường Lăng Ông	1,02
76.12	Đường 27 Tháng 7	Đường tỉnh 934	Đường Lăng Ông	1,02
76.13	Đường 22 Tháng 12	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Giáp ranh đất Công an huyện (cũ)	1,02
76.14	Đường Lăng Ông	Đường 19 Tháng 5 (Đi Lăng Ông)	Đường vào Khu tái định cư	1,02
76.15	Đường Võ Thị Sáu (N1)	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Trục Đê bao An ninh Quốc phòng	1,02
76.16	Đường từ Kênh Tư đến Cống Bãy Giá	Cầu Kênh Tư	Đê ngăn mặn	1,02
76.17	Đường vào Khu tái định cư Khu Công nghiệp Trần Đề	Suốt tuyến		1,20
76.18	Đường đal nối bến phà Cù Lao Dung	Đầu ranh nhà ông Phan Văn Minh	Bến Phà đi Cù Lao Dung	1,02
76.19	Đê ngăn mặn	Đường 30 Tháng 4	Kênh 2	1,02
		Kênh 2	Hết ranh Khu công nghiệp	1,02
		Giáp ranh Khu công nghiệp	Hết ranh đất bà Trần Thị Thanh Trinh	1,02
		Giáp ranh Trung tâm thương mại	Ngã tư Khu hành chính	1,02
		Ngã tư Khu hành chính	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	1,02
76.20	Đường Trục Đê bao và An ninh Quốc Phòng	Đầu ranh Bến tàu SuperDong	Ngã tư Khu hành chính	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
76.21	Khu vực trong Cảng cá Trần Đề	Khu vực dịch vụ gồm 02 khu vực: 4, 5		1,02
		Khu vực sản xuất gồm 03 khu vực: 1, 2, 3		1,02
76.22	Đường phía sau Công an huyện (cũ)	Đường 22 Tháng 12	Đường Đê ngăn mặn	1,02
76.23	Đường đal (Hướng đi Nhà ông Hóa)	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Cuối đường (Kênh Bạc Hia)	1,08
76.24	Đường đal Kinh 3	Suốt tuyến		1,08
76.25	Đường đal	Đường tỉnh 934	Hết ranh đất Trường Tiểu học Trần Đề A	1,02
		Giáp ranh đất Trụ sở Đảng Uỷ (cũ)	Hết ranh đất Nhà Thầy Hòa	1,02
		Giáp ranh Nhà Thầy Hòa	Cổng sau Nhà thờ Bãy Giá	1,02
		Đường Quân khu từ Đường tỉnh 934	Hết ranh đất Nhà ông Mười Sọ	1,02
		Giáp ranh đất Nhà ông Mười Sọ	Cầu 30 Tháng 4	1,02
		Đường Mỏ Ó Tuyến 2	Suốt tuyến	1,02
76.26	Đường đal (Cặp Kênh 01)	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Đường đal Đê ngăn mặn	1,08
76.27	Đường đal (Cặp Kênh Tiếp Nhựt)	Suốt tuyến		1,08
76.28	Đường đal trong Khu dân cư ấp Chợ	Đầu ranh Nhà ông Thầy Nhu (Đường huyện 34)	Suốt tuyến giáp Sông Ngan Rô (Đường huyện 34)	1,02
		Đầu ranh đất Nhà ông Trí Nguyện	Hết ranh quán Cafe Ông Vinh (Đường huyện 34)	1,02
76.29	Đường cặp Chợ Bãy Giá (Hai bên)	Đường tỉnh 934	Hết ranh Chợ Bãy Giá	1,02
76.30	Đường trong Khu dân cư ấp Mỏ Ó	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Đường tỉnh 933C	1,02
		Các tuyến đường còn lại trong Khu dân cư		1,02
76.31	Đường đal Cống 2 (Ông Khinh)	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Kênh Sáu Quế 1	1,02
76.32	Đường đal (Cặp kênh 6 Quế 2)	Đường tỉnh 933C	Kênh 80	1,02
76.33	Đường Kênh Ông Phực	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Kênh Sáu Quế 1	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
76.34	Đường đal Kênh Hai Dao	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Đường tỉnh 934	1,02
76.35	Đường đal cặp Trường Tiểu học Trần Đề B (mới)	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Đường tỉnh 934	1,02
76.36	Đường đal (sau Đường 19 Tháng 5)	Đường đal Lăng Ông	Ranh đất ông Nguyễn Văn Cờ	1,02
76.37	Đường đal Kênh 2	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Đường Đê ngăn mặn	1,02
76.38	Đường đal Kênh 1 trong	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Đường đal cặp Kênh Bồn Bồn	1,02
76.39	Đường đal (Đê ngăn mặn cũ)	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Đường tỉnh 934	1,02
76.40	Đường đal cặp Nhà ông Triệu Sự	Đường tỉnh 934	Kênh Tiếp Nhựt	1,02
76.41	Đường đal cặp Nhà ông Châu Văn Liền	Đê ngăn mặn	Hết ranh đất Nhà ông Hứa Văn Dũng	1,02
76.42	Đường đal Khu 3	Đường tỉnh 934 (cũ)	Đường đal cặp Kênh Tiếp Nhựt	1,02
76.43	Đường đal trong Khu dân cư ấp Chợ	Ngã ba Trụ sở UBND xã Trần Đề	Hết ranh đất Nhà bà Nguyễn Thị Liễu	1,02
		Giáp ranh đất Nhà bà Nguyễn Thị Khánh	Hết ranh Nhà ông Dư Văn Lập (Đường huyện 34)	1,02
76.44	Đường đal	Giáp ranh Nhà thờ Bãy Giá (Nhà ông Tây)	Hết ranh đất Nhà ông Năm Mẫn	1,02
		Cầu 30 Tháng 4	Cống Tầm Vu	1,02
		Đường Quân Khu	Đường nhựa vào Nhà thờ	1,02
		Đê ngăn mặn từ Cống Bãy Giá	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu) (Hướng Mỏ Ó)	1,02
		Đập Ngan Rô (cũ)	Miếu Bà	1,02
		Kênh Bồn Bồn qua đầu cầu Chợ	Cầu Nhà Ông Mó	1,02
		Cầu Thanh Niên (Kênh Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu))	Kênh 1	1,02
		Ngã ba Kênh Tiếp Nhựt	Chùa Đon Kđôn	1,02
		Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Chùa Đon Kđôn	1,02
		Đường tỉnh 934	Chùa Đon Kđôn	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
76.45	Đường N2	Suốt tuyến		1,02
77	**Xã An Thạnh**			
77.1	Quốc lộ 60 (Phà Đại Ngãi)	Bến phà phía sông Đại Ngãi	Bến phà phía sông Trà Vinh	1,00
77.2	Quốc lộ 60 (Cầu Đại Ngãi)	Cầu Đại Ngãi 1 (Thuộc ấp Đặng Trung Tiến)	Cầu Đại Ngãi 2 (Thuộc ấp An Phú A)	1,00
77.3	Đường tỉnh 933B	Bến phà Kênh Đào	Đường giao thông nông thôn Rạch Su	1,00
		Đường giao thông nông thôn Rạch Su	Ấp An Lạc (Ngã tư Chợ Rạch Sâu)	1,00
		Ấp An Lạc (Ngã tư Chợ Rạch Sâu)	Quốc lộ 60 (Nút giao cầu Đại Ngãi)	1,00
		Quốc lộ 60 (Nút giao cầu Đại Ngãi)	Đường Hùng Vương	1,00
77.4	Đường huyện 10	Ngã ba Đường tỉnh 933B (Nhà bà Lê Thị Nguyệt)	Hết ranh đất Cơ sở giáo dục Cồn Cát	1,00
		Cầu Cồn Cát	Giáp ranh xã Cù Lao Dung (Cầu Khém Sâu)	1,00
77.5	Đường nhựa dẫn ra đê Tả Hữu (Đường huyện 10)	Đường huyện 10 (Cồn Cát)	Đê Tả Hữu	1,00
77.6	Đường huyện 11	Nhà ông Mạnh Ngọc Phong	Quốc lộ 60 (Cầu Đại Ngãi 1)	1,00
		Quốc lộ 60 (Cầu Đại Ngãi 1)	Cầu Ông Út Quận + 80 mét	1,04
		Cầu ông Út Quận + 80 mét	Cầu Rạch Giữa	1,00
		Cầu Rạch Giữa	Cầu Tư Giáo (Ông Thầy Nhỏ)	1,00
77.7	Đường huyện 12A	Cầu Đoàn Thế Trung	Cầu Bần Cầu (giáp xã Cù Lao Dung)	1,12
77.8	Đường huyện 12B	Đường Hùng Vương	Cầu Bến Bạ	1,00
		Cầu Bến Bạ	Đường huyện 11	1,00
		Ngã ba ấp Trương Công Nhựt	Cầu Lòng Đầm	1,00
77.9	Đường huyện 13	Đường huyện 11	Giáp ranh xã Cù Lao Dung (Sông Bến Bạ)	1,00
77.10	Đường Đồng Khởi	Đường Xóm Củi	Hết ranh đất Nhà văn hóa thị trấn Cù Lao Dung (cũ)	1,00
		Giáp ranh đất Nhà văn hóa thị trấn Cù Lao Dung (cũ)	Đường huyện 12B	1,00
		Đường Xóm Củi	Cầu Bến Bạ nhỏ	1,00

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
77.11	Đường Xóm Củi	Đường Đồng Khởi	Ngã ba giao Đường đal với Đường Lương Định Của nối dài	1,00
		Ngã ba giao Đường đal với Đường Lương Định Của nối dài	Đường số 1	1,00
77.12	Đường Đoàn Thế Trung	Chợ Bến Bạ	Ngã tư giao Đường Hùng Vương	1,00
		Ngã tư giao Đường Hùng Vương	Cầu Đoàn Thế Trung	1,00
77.13	Đường Hùng Vương	Đường tỉnh 933B	Đường 3 Tháng 2	1,00
		Đường 3 Tháng 2	Hết ranh đất Cây xăng Lê Vũ	1,00
		Giáp ranh đất Cây xăng Lê Vũ	Cầu Kinh Đình Trụ (Giáp xã Cù Lao Dung)	1,00
77.14	Đường 30 Tháng 4	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Bệnh viện mới	1,00
		Giáp ranh đất Bệnh viện mới	Sông Cồn Tròn	1,00
77.15	Đường 3 Tháng 2	Đường Đồng Khởi	Đường Hùng Vương	1,00
77.16	Đường số 1	Đường Đoàn Thế Trung	Đường Đoàn Văn Tố	1,00
77.17	Đường Lương Định Của (Đường 20 Tháng 11) (cũ)	Đường 3 Tháng 2	Đường Đoàn Văn Tố	1,00
		Đường Đoàn Văn Tố	Ngã ba giao Đường đal với Đường Xóm Củi	1,00
77.18	Đường Đoàn Văn Tố	Đường Đồng Khởi	Đường Hùng Vương	1,00
77.19	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Đoàn Thế Trung	Hết ranh đất Trường Tiểu học Cù Lao Dung	1,00
77.20	Đường hai bên hông Chợ Bến Bạ	Suốt tuyến		1,00
77.21	Đường N2	Đường Đoàn Thế Trung	Giáp ranh đất Đình Nguyễn Trung Trực	1,00
77.22	Đường N4	Đường Nguyễn Trung Trực nối dài	Đường 30 Tháng 4	1,00
77.23	Đường N6	Đường 3 Tháng 2	Hết ranh đất Nhà mẹ Việt Nam Anh Hùng Phan Thị Tình (Ấp Chợ)	1,00
77.24	Đường D3	Đường tỉnh 933B	Đường Rạch Lá	1,00
77.25	Đường D4	Đường tỉnh 933B	Đường 1 Tháng 5	1,00
77.26	Đường Xóm 5	Đường Đoàn Thế Trung	Đường huyện 12B	1,00

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
77.27	Đường 1 Tháng 5	Đường 3 Tháng 2	Đường Hùng Vương	1,12
		Cầu Bến Bạ nhỏ	Ngã ba Đường 1 Tháng 5	1,00
77.28	Đường nhánh rẽ Rạch Vẹt - Rạch Sung	Đường 1 Tháng 5	Rạch Sung	1,00
		Ngã ba Đường nhánh rẽ Rạch Vẹt - Rạch Sung	Đê sông Bến Bạ	1,00
77.29	Đường đal (Đất Nhà ông Út Phiếu)	Đường bên hông Chợ Bến Bạ	Rạch Thông Hảo	1,00
77.30	Hẻm (Đất ông Mau)	Đường Đoàn Thế Trung	Rạch Thông Hảo	1,00
77.31	Hẻm (Đất ông 9 Mỹ)	Đường Đoàn Thế Trung	Rạch Thông Hảo	1,00
77.32	Hẻm (Đất ông Diệp Thanh Tùng)	Đường Đoàn Thế Trung	Rạch Thông Hảo	1,00
77.33	Đường giao thông nông thôn (Đường 3 Tháng 2 nối dài)	Đường Hùng Vương	Sông Cồn Tròn	1,00
77.34	Đường Rạch Lá	Đường 3 Tháng 2	Đường Rạch Già lớn	1,00
77.35	Đường đal (Cầu Bến Bạ - Trại cưa Ông Điệu)	Cầu Bến Bạ	Hết ranh đất Trại cưa Ông Điệu	1,00
		Giáp ranh đất Trại cưa Ông Điệu	Kênh Đình Trụ	1,00
77.36	Đường Rạch Già Lớn	Đường Hùng Vương	Sông Cồn Tròn	1,00
77.37	Đường giao thông nông thôn Kênh Đào - Đầu Cù Lao	Cầu Kênh Đào (Đầu ranh đất ông Hồ Văn Mạnh)	Đê Tả Hữu	1,00
77.38	Khu tái định cư An Thạnh Tây	Đường trong Khu tái định cư		1,00
77.39	Đường giao thông ra khu bố trí ổn định dân cư phòng, chống thiên tai	Đường trong Khu tái định cư		1,00
77.40	Đường giao thông ra khu bố trí ổn định dân cư phòng, chống thiên tai	Đường trong Khu tái định cư		1,00
77.41	Đường giao thông nông thôn Rạch Đôi	Đường tỉnh 933B (Nhà Hà Văn Thoàn)	Đê Tả Hữu	1,00
77.42	Đường đal Rạch Trầu	Đường tỉnh 933B (Đầu ranh đất Hồng Văn Y)	Đê Tả Hữu	1,00
77.43	Đường đal Rạch Su	Đường tỉnh 933B (Đầu ranh đất Tư Kiệt)	Đê Tả Hữu	1,00

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
77.44	Đường Trường Tiền Nhỏ (Phía trên)	Đường tỉnh 933B (Đầu ranh đất ông Lê Quốc Tửng)	Quốc lộ 60	1,00
77.45	Đường Trường Tiền Nhỏ (Phía dưới)	Đường tỉnh 933B (Cầu Phong Lưu)	Đường Trường Tiền Nhỏ (Phía trên)	1,00
77.46	Đường giao thông nông thôn Rạch Vượt (Phía trên)	Đường tỉnh 933B (Đầu ranh đất ông Huỳnh Quốc Hoàng)	Đê Tả Hữu	1,00
77.47	Đường giao thông nông thôn Rạch Vượt (phía dưới)	Đường tỉnh 933B (Nhà ông Trần Văn Hùng)	Đê Tả Hữu	1,00
77.48	Đường đal Xóm Chùa	Đầu đất ông Đào Văn Oanh	Đường huyện 10 (chợ Long Ẩn)	1,00
77.49	Đường giao thông nông thôn Mương Củi	Đường huyện 10 (Đầu ranh đất Nhà ông Huỳnh Văn Điền)	Hết ranh đất Nhà ông Huỳnh Văn Kịch	1,00
		Đường huyện 10 (Đầu ranh đất Nhà ông Huỳnh Văn Điền)	Hết ranh đất Nhà ông Đào Văn Quyện	1,00
77.50	Đường giao thông nông thôn Rạch Trê (Phía trên)	Đường tỉnh 933B (Đầu ranh đất Nhà ông Huỳnh Văn Cần)	Đê Tả Hữu (Hết đất Nhà ông Nguyễn Văn Trong)	1,00
77.51	Đường giao thông nông thôn Rạch Trê (Phía dưới)	Đường tỉnh 933B (Đầu ranh đất bà Tự)	Cầu Rạch Trê (hết đất ông On)	1,00
77.52	Đường giao thông nông thôn Rạch Ông Cột	Đường tỉnh 933B (Cầu Rạch Ông Cột)	Hết ranh đất ông Võ Văn Phong	1,00
77.53	Đường giao thông nông thôn Rạch Sâu	Đường tỉnh 933B (Đầu ranh đất ông Huỳnh)	Giáp ranh Cầu nhà Út Gia	1,00
77.54	Đường Rạch sâu (Lộ giao thông nông thôn Rạch Sâu)	Đường tỉnh 933B (nhà ông Trương Hoàng Vân)	Cầu Chín Khánh	1,00
77.55	Đường đal trước UBND xã An Thạnh Đông cũ	Đường huyện 11 (Cầu Lòng Đầm)	Hết ranh đất Trạm Y tế xã An Thạnh Đông (cũ)	1,00
77.56	Đường đền thờ Bác	Đường huyện 11 (Cầu Lòng Đầm)	Hết ranh đất Đền thờ Bác	1,00
77.57	Lộ Tẻ Vàm Tắc	Đường huyện 11 (Cầu Lòng Đầm)	Bến phà Vàm Tắc	1,00
77.58	Đường nhánh rẽ Quốc lộ 60 - Rạch Su	Quốc lộ 60 (Đầu ranh đất ông Thịnh)	Đường giao thông nông thôn Rạch Su	1,00
77.59	Đường nối giữa đường Đoàn Thế Trung với Đường 3 Tháng 2 qua nhà Sinh hoạt cộng đồng	Đường Đoàn Thế Trung	Đường 3 Tháng 2	1,00
77.60	Đường Bình Linh - Đầu Lá	Đường Bình Linh phía dưới	Đường Rạch Đầu Lá	1,00

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
77.61	Đường Rạch Đầu Lá	Đường tỉnh 933B (Chín Lâm)	Út Xứ	1,00
77.62	Đường Bình Linh (Phía trên)	Đường tỉnh 933B	Bến đò Bình Linh	1,00
77.63	Đường vào Bến đò Bình Linh	Đường Cồn Chính Liên Vai trước (Nhà Mười Hưu)	Bến đò Bình Linh	1,00
78	**Xã Cù Lao Dung**			
78.1	Đường tỉnh 933B	Cầu Kinh Đình Trụ (Giáp ranh xã An Thạnh)	Đường tỉnh 933	1,08
		Đường tỉnh 933	Đường đal ông Sáu	1,08
		Đường đal Ông Sáu	Cầu Rạch Tráng	1,08
		Cầu Rạch Tráng	Đê biển	1,08
		Cầu Rạch Tráng	Cầu Năm Lèn	1,08
		Cầu Năm Lèn	Đê biển	1,08
78.2	Đường tỉnh 933	Đường tỉnh 933B	Bến phà Đại Ân 1	1,08
78.3	Tuyến tránh Đường tỉnh 933B	Ngã ba Vòng xuyến (Giáp UBND xã)	Đường tỉnh 933B	1,02
78.4	Đường huyện 10	Cầu Khém Sâu	Rạch Đôi	1,08
		Rạch Đôi	Đê bao Tả Hữu (Đường huyện 10)	1,08
		Cầu Mười Kính	Đê bao Tả Hữu	1,08
78.5	Đường huyện 12A	Đường huyện 10	Giáp ranh xã An Thạnh (Cầu Bần Cầu)	1,08
78.6	Đường huyện 13	Đường huyện 10	Đê bao sông Cồn Tròn	1,08
		Đường huyện 10	Đê bao sông Bến Bạ	1,08
78.7	Đường huyện 14	Đường huyện 10	Đê bao Tả Hữu	1,08
		Đường tỉnh 933B	Đường huyện 10	1,08
78.8	Đường bên hông chợ Rạch Tráng	Đầu ranh đất Nhà ông Út Nhịn	Hết ranh đất Nhà ông Trang Văn Gầm	1,02
		Đầu ranh đất Nhà ông Ửng	Hết ranh đất Nhà ông Lương Hoàng Thiện	1,02
78.9	Đường giao thông nông thôn vòng quanh chợ Rạch Tráng	Đầu ranh đất Nhà ông Nguyễn Văn Ẩn	Hết ranh đất Nhà ông Được	1,02
78.10	Đường đal mé sông	Đầu ranh đất Nhà ông Sáu Cứng	Xẻo Ông Đồng	1,23

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
78.11	Đường giao thông nông thôn	Cầu Sáu Cứng	Hết ranh đất Nhà ông Gầm	1,02
		Giáp ranh đất Nhà ông Gầm	Đường tỉnh 933B	1,02
78.12	Đường đal	Cầu Mười Kính	Đê bao Tả Hữu	1,02
		Đường đal Trạm Y tế	Đường tỉnh 933B (Rạch Mương Cột)	1,02
78.13	Đường đal Trạm Y tế	Đường tỉnh 933B (Rạch Tráng)	Rạch Mương Cột	1,02
78.14	Đường đal Ông Tám	Đường tỉnh 933B	Cầu Bà Hời	1,08
78.15	Đường giao thông nông thôn Ba Hùm	Đường tỉnh 933B	Đường giao thông nông thôn vòng quanh chợ Rạch Tráng	1,02
79	**Xã Phong Nẫm**			
79.1	Đường huyện 1	Giáp ranh đất Tổ Điện lực	Bến phà đầu cồn hết ranh đất Nhà ông Huỳnh Văn Khoa, ấp Phong Thạnh	1,02
79.2	Khu vực xã	Đầu ranh đất Trụ sở UBND xã	Hết ranh đất Tổ Điện lực (Qua Ngã ba Trường THCS Phong Nẫm)	1,02
		Giáp ranh đất Trụ sở UBND xã	Hết ranh đất Tư Suôl	1,02
		Giáp ranh đất Tư Suôl	Cầu Bà Xe	1,02
		Ngã ba Trường THCS Phong Nẫm	Cầu Bà Xe	1,02
80	**Xã Mỹ Phước**			
80.1	Đường tỉnh 939 (Đường Lâm Trường Phước Thọ)	Suốt tuyến		1,02
80.2	Đường huyện 81	Đường huyện 84	Giáp ranh xã Long Hưng	1,02
80.3	Đường huyện 82	Kênh số 3 (Giáp ranh xã Mỹ Tú)	Hết ranh đất Trạm Y tế	1,02
		Giáp ranh đất Trạm Y tế	Cầu Ba Trí	1,02
		Cầu Ba Trí	Giáp ranh phường Ngã Năm	1,02
80.4	Đường huyện 84	Suốt tuyến		1,02
80.5	Khu vực chợ	Các Đường bên dãy nhà lồng chợ		1,08
80.6	Đường vào Khu căn cứ	Đường huyện 82	Khu căn cứ	1,02
80.7	Đường Bắc Quản lộ Nhu Gia	Suốt tuyến		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
81	**Xã Lai Hòa**			
81.1	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Giáp ranh tỉnh Cà Mau	Đầu ranh đất ông Nguyễn Hoàng Chánh và bà Lê Thị Thương	1,02
		Nhà ông Nguyễn Hoàng Chánh và bà Lê Thị Thương	Cống Xẻo Cốc	1,02
		Cống Xẻo Cốc	Giáp ranh phường Vĩnh Phước	1,02
81.2	Đường huyện 48	Giáp ranh tỉnh Cà Mau	Giáp ranh Chùa Prey Chóp B và ranh đất bà Triệu Thị Thanh Thúy	1,02
		Giáp ranh Chùa Prey Chóp B và ranh đất bà Triệu Thị Thanh Thúy	Hết ranh đất Nhà ông Trần Lưu và bà Sơn Thị Sà Phươl	1,02
		Giáp ranh đất Nhà ông Trần Lưu và bà Sơn Thị Sà Phươl	Giáp ranh phường Vĩnh Phước	1,02
81.3	Đường huyện 47C	Đường huyện 40 (Đê sông)	Hết ranh đất Miếu Ông Bổn	1,02
		Giáp ranh đất Miếu Ông Bổn	Hết ranh đất ông Thạch Váth	1,02
		Giáp ranh đất ông Thạch Váth	Cầu Kênh KN2	1,02
		Cầu Kênh KN2	Đường huyện 48	1,02
81.4	Đường huyện 40	Kênh Bảy Túc (Giáp ranh phường Vĩnh Phước)	Giáp ranh tỉnh Cà Mau	1,02
81.5	Đường huyện 42	Kênh Bảy Túc (Giáp ranh phường Vĩnh Phước)	Đường huyện 47C	1,02
81.6	Đê Quốc Phòng (Đường tỉnh 936C)	Giáp ranh phường Vĩnh Phước	Giáp ranh tỉnh Cà Mau	1,02
81.7	Đường đal Tà Bôn	Suốt tuyến		1,08
81.8	Đường đal Khu 5 Lai Hòa	Suốt tuyến		1,08
81.9	Đường đal Prey Chóp - Xung Thum A	Đường huyện 47C	Đường đal Prey Chóp (Hòa Hiệp đoạn trong)	1,08
		Đường đal Prey Chóp (Hòa Hiệp đoạn trong)	Giáp ranh Nhà bà Phan Thúy Mừng	1,08
		Giáp ranh Nhà bà Phan Thúy Mừng	Hết ranh Chùa Xung Thum	1,08
81.10	Đường đal Prey Chóp - Prey Chóp A	Đường huyện 47C	Hết ranh đất ông Đào Hên và ông Thạch Khêl	1,02
		Giáp ranh đất ông Đào Hên và ông Thạch Khêl	Giáp ranh tỉnh Cà Mau	1,02
81.11	Đường chợ Lai Hòa	Hai bên nhà lồng chợ Lai Hòa		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
82	**Xã Vĩnh Hải**			
82.1	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Cầu Mỹ Thanh	Hết ranh đất Trường Tiểu học Vĩnh Hải 4	1,02
		Giáp ranh đất Trường Tiểu học Vĩnh Hải 4	Đường vào Trường Mầm non Vĩnh Hải	1,02
		Đường vào Trường Mầm non Vĩnh Hải	Hết ranh đất Trường Tiểu học Vĩnh Hải 3	1,02
		Giáp ranh đất Trường Tiểu học Vĩnh Hải 3	Giáp ranh phường Vĩnh Châu	1,02
82.2	Đường tỉnh 113 (cũ)	Miếu Hên Vũ (Đường Nam Sông Hậu)	Hết ranh đất Công ty Ông Chái	1,08
		Giáp ranh đất Công ty Ông Chái	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	1,08
82.3	Đường huyện 43	Suốt tuyến		1,08
82.4	Đê Quốc Phòng (Đường tỉnh 936C)	Cầu Giồng Chùa	Cống 17	1,02
		Cống 17	Khu dân cư An Lạc	1,02
		Khu dân cư An Lạc	Giáp ranh phường Vĩnh Châu	1,02
82.5	Lộ Bà Len	Đường huyện 43	Đường Nam Sông Hậu	1,08
		Đường Nam Sông Hậu	Đường đal Khu dân cư An Lạc	1,08
82.6	Lộ vào Khu du lịch Hồ Bể	Đường Nam Sông Hậu	Đường đal giáp nước	1,08
		Đường đal giáp nước	Giáp Chùa Quan Âm Đông Hải	1,08
83	**Xã Hỏa Lựu**			
83.1	Quốc lộ 61	Cầu Rạch Gốc	Cầu Cái Tư	1,02
83.2	Đường Đồng Khởi	Cầu Xáng Hậu	Cầu Vườn Cò	1,02
83.3	Đường Giải Phóng	Cầu Vườn Cò	Đường Phạm Hùng	1,02
83.4	Đường Rạch Gốc (Kênh mới)	Quốc lộ 61	Kênh Đê	1,02
83.5	Đường Phạm Hùng	Quốc lộ 61	Cầu Hốc Hỏa	1,02
		Cầu Hốc Hỏa	Đường Kênh 5	1,02
83.6	Đường Thanh Niên	Đường Kênh 5	Đường Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh (Giai đoạn 2)	1,08
83.7	Đường Độc Lập	Đường Thanh Niên	Đường Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh (Giai đoạn 2)	1,08
83.8	Đường Nguyễn Chí Thanh	Kênh Xáng Hậu	Quốc lộ 61C	1,08

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
83.9	Khu dân cư xã Tân Tiến (cũ)	Đường số 1, 2		1,02
		Đường số 3		1,02
83.10	Quốc lộ 61C	Giáp ranh phường Vị Thanh	Quốc lộ 61	1,02
83.11	Quốc lộ 61 (cũ)	Quốc lộ 61	Bến phà Cái Tư (cũ)	1,02
83.12	Khu dân cư nông thôn mới và chợ xã Hỏa Lựu	Đường số 1, số 2, số 3, số 4	Đường Phạm Hùng	1,23
83.13	Đường Sông Cái Lớn	Quốc lộ 61 (cũ)	Đường Phạm Hùng	1,02
83.14	Đường Hóc Hỏa	Cầu Hóc Hỏa	Cầu Hai Tường	1,08
84	**Xã Vị Thủy**			
84.1	Quốc lộ 61C	Kênh Ba Liên	Giáp ranh xã Vĩnh Thuận Đông	1,02
		Kênh Ba Liên	Ranh xã Vị Thanh 1	1,02
84.2	Đại lộ Võ Nguyên Giáp	Giáp ranh phường Vị Tân	Vòng xoay cầu Mương Lộ	1,02
84.3	Quốc lộ 61	Giáp ranh phường Vị Tân (Đường 3 Tháng 2)	Vòng xoay cầu Mương Lộ	1,02
		Vòng xoay Cầu Mương Lộ	Cầu thủy lợi	1,02
		Cầu thủy lợi	Cống Hai Lai	1,02
		Đường 3 Tháng 2	Giáp ranh phường Long Bình	1,02
84.4	Đường tỉnh 925D	Cầu Thủ Bổn	Giáp ranh xã Vĩnh Tường	1,02
84.5	Đường 30 Tháng 4	Cống Hai Lai	Hết ranh Trạm Biến Điện	1,20
		Giáp ranh Trạm Biến Điện	Cầu Nàng Mau	1,20
		Cầu Nàng Mau	Đường 3 Tháng 2	1,20
84.6	Đường Ngô Quốc Trị	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Chí Thanh	1,02
84.7	Đường Hùng Vương	Đường Ngô Quốc Trị	Đường Nguyễn Tri Phương	1,02
84.8	Đường Lê Quý Đôn	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Trung Trực	1,02
		Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Nguyễn Trung Trực	1,02
84.9	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Chí Thanh	1,02
84.10	Đường Lê Hồng Phong	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Trung Trực	1,20
		Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Nguyễn Chí Thanh	1,20
84.11	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Quốc Trị	Đường Nguyễn Tri Phương	1,20

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
84.12	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Ngô Quốc Trị	Đường Nguyễn Tri Phương	1,20
84.13	Đường 3 Tháng 2	Đường 30 Tháng 4	Cầu Kênh Hậu	1,02
		Cầu Kênh Hậu	Cầu Nàng Mau 2	1,02
		Cầu Nàng Mau 2	Đường 30 Tháng 4	1,02
84.14	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Lê Hồng Phong	1,20
84.15	Đường Nguyễn Du	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Lê Quý Đôn	1,02
84.16	Đường Phan Bội Châu	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Du	1,02
84.17	Đường Phan Chu Trinh	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Du	1,02
84.18	Đường Tạ Quang Tỷ	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Đình Chiểu	1,02
84.19	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Đình Chiểu	1,02
84.20	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Lê Hồng Phong	1,20
84.21	Đường Nguyễn Văn Trỗi (Khu A - B)	Đường Lê Quý Đôn	Đường Nguyễn Tri Phương	1,02
84.22	Đường Nguyễn Hữu Trí (Khu A - B)	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Trung Trực	1,02
84.23	Đường Trần Ngọc Quế (Khu A - B)	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Trung Trực	1,02
84.24	Đường Trần Văn Sơn (Khu A - B)	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Trung Trực	1,02
84.25	Đường Phan Đình Phùng	Đường 30 Tháng 4	Đường số 1A (Khu Thương mại thị trấn Nàng Mau)	1,02
		Đường số 1A (Khu Thương mại thị trấn Nàng Mau)	Cầu Thủ Bổn	1,02
84.26	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Quốc Trị	Cầu Tư Tiềm	1,08
84.27	Đường Võ Thị Sáu	Đường 30 Tháng 4	Đường Nguyễn Tri Phương	1,02
84.28	Đường Nguyễn Thị Định	Đường 30 Tháng 4	Rạch Phong Lưu	1,02
84.29	Đường Hùng Vương nối dài	Giáp ranh đất ông Nguyễn Văn Tiềm	Hết ranh Khu dân cư Giáo viên	1,02
84.30	Đường Kênh Lộ Làng	Đường Nguyễn Tri Phương	Giáp ranh xã Vĩnh Thuận Đông	1,08
84.31	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Ngô Quốc Trị	Đường Nguyễn Tri Phương	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
84.32	Tuyến mương lộ song song Đường 30 Tháng 4 (Hướng về phường Vị Tân)	Đường Nguyễn Chí Thanh	Giáp ranh xã Vĩnh Thuận Đông	1,02
84.33	Tuyến mương lộ song song Đường 30 Tháng 4 (Hướng về phường Long Bình)	Kênh Xáng Nàng Mau	Đường 3 Tháng 2	1,02
84.34	Tuyến mương lộ song song Quốc lộ 61 (Hướng về phường Long Bình)	Đường 3 Tháng 2	Giáp ranh phường Long Bình	1,02
84.35	Đường Ba Liên - Ông Tà	Giáp ranh phường Vị Tân	Kênh 9 Thước	1,08
		Kênh 9 Thước	Đường tỉnh 925D	1,08
84.36	Đường ô tô về Trung tâm xã Vị Trung	Đường 30 Tháng 4	Đường Kênh Chín Thước	1,02
84.37	Đường vào Nông Trường Tràm	Quốc lộ 61	Giáp ranh xã Vĩnh Tường	1,02
84.38	Đường Kênh Xáng Nàng Mau 2	Quốc lộ 61	Giáp ranh xã Vĩnh Tường	1,02
84.39	Đường công vụ Kênh Ba Liên	Giáp ranh phường Vị Tân	Quốc lộ 61C	1,02
84.40	Đường Kênh Chín Thước	Đường ô tô về Trung tâm xã Vị Trung	Giáp ranh xã Vĩnh Tường	1,08
84.41	Đoạn nối Quốc lộ 61C đến Quốc lộ 61 (cả 02 đoạn)	Quốc lộ 61	Quốc lộ 61C	1,02
84.42	Lộ nhựa 3,5 mét tuyến Kênh Xáng Nàng Mau	Đường Võ Thị Sáu	Giáp ranh xã Vĩnh Thuận Đông	1,02
84.43	Đường bờ xáng Nàng Mau	Tuyến mương lộ song song Đường 30 Tháng 4 (Hướng về phường Long Bình)	Giáp ranh xã Vĩnh Tường	1,02
84.44	Đường vào Đình Nguyễn Trung Trực	Tuyến mương lộ song song Quốc lộ 61 (Hướng về phường Long Bình)	Lộ nhựa 3,5 mét tuyến kênh Xáng Nàng Mau	1,08
84.45	Tuyến đường cặp kênh 9 Thước	Kênh Ba Liên	Kênh Hội Đồng	1,08
84.46	Đường Kênh Hội Đồng	Kênh Chín Thước	Giáp ranh xã Vị Thanh 1	1,08
84.47	Đường Kênh Tràng Tiền	Đường ô tô về Trung tâm xã Vị Trung	Cầu Năm Đằng	1,08

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
84.48	Đường Kênh Nàng Bèn	Cầu Năm Đằng	Giáp ranh xã Vĩnh Tường	1,08
84.49	Dãy phố cặp nhà lồng chợ Nàng Mau (Chợ cũ)	Đường 30 Tháng 4	Kênh Hậu	1,02
84.50	Khu Thương mại thị trấn Nàng Mau (Khu 1)	Các nền mặt tiền: Đường số 1A; Đường Phan Đình Phùng		1,02
		Các đường nội bộ theo quy hoạch chi tiết xây dựng (Không áp dụng các nền mặt tiền Đường số 1A; Đường Phan Đình Phùng)		1,02
84.51	Khu Thương mại thị trấn Nàng Mau (Khu 2)	Các nền mặt tiền Đường số 11		1,02
		Các đường nội bộ theo quy hoạch chi tiết xây dựng (Không áp dụng các nền mặt tiền Đường số 11)		1,02
84.52	Khu dân cư tự cải tạo phù hợp quy hoạch đất ở liền kề Khu tái định cư thị trấn Nàng Mau, huyện Vị Thủy	Đường Nguyễn Chí Thanh (Đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường số D1)		1,02
		Đường số D1 (Đoạn từ Đường Nguyễn Chí Thanh đến Đường số N10)		1,02
84.53	Khu tái định cư thị trấn Nàng Mau, huyện Vị Thủy	Đường Nguyễn Chí Thanh (Đoạn từ Đường số D14 đến Đường Nguyễn Tri Phương)		1,02
		Đường Nguyễn Tri Phương (Đoạn từ Đường Nguyễn Chí Thanh đến Đường số N8)		1,02
		Đường số D14 (Đoạn từ Đường số N8 đến Đường số N10)		1,02
		Đường số N8 (Đoạn từ Đường số D14 đến Đường Nguyễn Tri Phương)		1,02
		Đường số N10 (Đoạn từ Đường số D14 đến Đường số D1)		1,02
		Đường số D1, D2 (Đoạn từ Đường số N8 đến Đường số N10)		1,02
84.54	Khu tái định cư thị trấn Nàng Mau phục vụ Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021 - 2025	Đường Nguyễn Chí Thanh (Đoạn từ Đường số D14 đến Đường số N1)		1,02
		Đường số D14		1,02
		Đường số N1		1,02
		Đường số N2 (Đoạn từ Đường số D14 đến Đường số N1)		1,02
84.55	Khu dân cư Giáo viên	Các Đường nội bộ trong khu		1,02
84.56	Khu dân cư và tái định cư xã Vị Trung	Cả khu		1,02
84.57	Tuyến Đường Ấp 5, thị trấn Nàng Mau	Đường Nguyễn Thị Định	Ngã ba Phong Lưu	1,12

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
85	**Xã Vĩnh Thuận Đông**			
85.1	Tuyến Đường Nước Đục - Bến Ruộng - Đường Đào	Cầu Nước Đục (Nhà máy Phong Nga)	Hết ranh đất Trường Tiểu học Vĩnh Thuận Đông 3	1,08
85.2	Tuyến Đường Nước Đục - Vịnh Chèo - Đường Đào	Cầu Nước Đục	Cầu cao tốc	1,08
		Cầu cao tốc	Ngã năm Đường Đào	1,08
85.3	Chợ Vĩnh Thuận Đông	Các đường nội bộ khu vực chợ		1,23
85.4	Tuyến Kênh Đồn	Kênh Đồn	Chợ Vĩnh Thuận Đông	1,08
85.5	Tuyến Đường Năm Trăm - Ấp 1	Cầu 500	Cầu Trạm Bơm	1,08
85.6	Tuyến Đường kênh Ba Doi - Quản Tấn	Trạm Y tế xã Vĩnh Thuận Đông	Cầu Sáu Thêm	1,08
85.7	Tuyến Đường Cầu Trường THCS Vĩnh Thuận Đông - Trạm Bơm Bàu Năng (Phía Nam)	Cầu Trường Học	Ngã ba Bàu Năng (Bảy Hè)	1,08
85.8	Tuyến Đông Kênh Lý Nết	Cầu Lý Nết	Giáp ranh Ấp 7	1,08
85.9	Tuyến lộ Trà Lồng	Cầu Trà Lồng	Cầu Hai Hoa	1,08
85.10	Quốc lộ 61C	Giáp ranh xã Vị Thủy	Giáp ranh phường Vị Thanh	1,02
85.11	Đường Kênh Lộ Làng	Giáp ranh xã Vị Thủy	Cầu Đập Đá	1,08
85.12	Đường Kênh Lò Heo	Đường tỉnh 925D	Kênh Hai Cừ	1,08
85.13	Tuyến Đường cặp Trạm Y tế xã Vị Thủy (cũ)	Đường tỉnh 925D	Ngã tư Vườn Cò	1,08
85.14	Đường tỉnh 925D	Giáp ranh xã Vị Thủy	Hết ranh Trạm Y tế xã Vị Thủy (cũ)	1,08
		Giáp ranh Trạm Y tế xã Vị Thủy (cũ)	Đường tỉnh 931	1,08
85.15	Đường đi Trung tâm Thương mại Vĩnh Thuận Tây	Đường tỉnh 925D (Trạm Y tế Vĩnh Thuận Tây cũ)	Cầu Kênh Trường Học	1,02
		Cầu Kênh Trường Học	Kênh Nhà Thờ	1,02
		Kênh Nhà Thờ	Kênh Giải Phóng	1,02
85.16	Tuyến Đường Trà sắt	Đường tỉnh 925D	Kênh Ngang	1,08
85.17	Tuyến Đường Trường học	Đường đi Trung tâm Thương mại Vĩnh Thuận Tây	Kênh Ngang	1,08

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
85.18	Tuyến Đường Vàm Cái Su - Vườn Cò	Vàm Cái Su	Cầu Vườn Cò	1,08
85.19	Đường trục giữa	Kênh Trường Học	Giáp ranh Khu Thương mại Vĩnh Thuận Tây	1,02
85.20	Đường đi về xã Vĩnh Thuận Đông	Trường Tiểu học Vĩnh Thuận Đông 3	Hết Chợ xã Vĩnh Thuận Đông	1,02
		Chợ xã Vĩnh Thuận Đông	Giáp ranh Chợ Vịnh Chèo	1,02
85.21	Tuyến mương lộ song song Quốc lộ 61 (hướng về phường Vị Thanh)	Ranh xã Vị Thủy	Quốc lộ 61C	1,02
		Quốc lộ 61C	Giáp ranh phường Vị Thanh	1,02
85.22	Khu Thương mại Vĩnh Thuận Tây	Lô A1, A2, A7		1,02
		Các lô (nền) còn lại (Không áp dụng đối với các lô (nền) tái định cư)		1,02
		Các lô (nền) tái định cư		1,02
85.23	Đường tỉnh 931	Đường đi Trung tâm Thương mại Vĩnh Thuận Tây	Kênh Nhà Thờ	1,02
		Kênh Nhà Thờ	Giáp ranh phường Vị Thanh	1,02
86	**Xã Vị Thanh 1**			
86.1	Quốc lộ 61C	Giáp ranh xã Vị Thủy	Kênh 8.000	1,02
86.2	Đường tỉnh 931B	Cầu Ba Liên	Hết ranh đất Trụ sở UBND xã Vị Đông (cũ)	1,02
		Giáp ranh đất Trụ sở UBND xã Vị Đông (cũ)	Hết ranh đất Nhà Văn hóa xã Vị Đông (cũ)	1,02
		Giáp ranh Nhà Văn hóa xã Vị Đông (cũ)	Kênh 15.000	1,02
		Kênh 15.000	Kênh 13.000	1,02
		Kênh 13.000	Kênh 8.000	1,02
86.3	Đường tỉnh 927B	Đường tỉnh 931B	Quốc lộ 61C	1,02
		Quốc lộ 61C	Kênh Chín thước (Giáp ranh xã Vĩnh Tường)	1,12
86.4	Đường tỉnh 926	Đê bao Ô Môn - Xà No	Kênh Cây Dông	1,23
		Kênh Cây Dông	Giáp ranh xã Trường Long Tây	1,23
86.5	Đê bao Ô Môn - Xà No	Giáp ranh phường Vị Tân	Kênh 8.000	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
86.6	Chợ xã Vị Đông (cũ)	Khu vực trong chợ		1,08
86.7	Chợ xã Vị Thanh (cũ)	Mặt tiền Đường tỉnh 931B		1,02
		Khu vực trong chợ		1,02
86.8	Đường công vụ kênh 3 Hiếu	Đường tỉnh 931B	Giáp ranh xã Vị Thủy	1,02
86.9	Cụm dân cư vượt lũ xã Vị Thanh (cũ)	Các lô nền mặt tiền Đường tỉnh 927B		1,02
		Các lô nền còn lại		1,02
86.10	Cụm dân cư vượt lũ xã Vị Đông (cũ)	Các lô nền mặt tiền đường công vụ kênh 3 Hiếu		1,02
		Các lô nền còn lại		1,02
86.11	Đường Kênh Ông Hai	Đê bao Ô Môn - Xà No	Kênh Ranh (ranh xã Hòa Hưng - tỉnh An Giang)	1,02
86.12	Đường Kênh 43.000	Đê bao Ô Môn - Xà No	Kênh Ba Thước	1,02
86.13	Đường Kênh 14.000	Kênh Thống Nhất	Kênh Chín Thước (Giáp ranh xã Vĩnh Tường)	1,02
86.14	Đường Kênh Hội Đồng	Đường tỉnh 931B	Giáp ranh xã Vị Thủy	1,08
86.15	Đường Kênh 8.000	Đường tỉnh 931B	Kênh Chín Thước (Giáp ranh xã Vĩnh Tường)	1,02
86.16	Đường 9.500	Đê bao Ô Môn - Xà No	Đường tỉnh 926	1,02
87	**Xã Vĩnh Tường**			
87.1	Đường tỉnh 925D	Giáp ranh xã Vị Thủy	Hết ranh Trụ sở Đảng ủy xã Vĩnh Tường	1,02
		Giáp ranh Trụ sở Đảng ủy xã Vĩnh Tường	Cầu Kênh Xóm Huế	1,02
		Cầu Kênh Xóm Huế	Cầu Sáu Nhàn	1,02
		Cầu Sáu Nhàn	Hết ranh Trụ sở UBND xã Vĩnh Tường	1,02
		Giáp ranh Trụ sở UBND xã Vĩnh Tường	Kênh Xáng Nàng Mau 2	1,02
87.2	Đường tỉnh 927B	Đường tỉnh 925D	Giáp ranh xã Vị Thanh 1	1,12
87.3	Tuyến Kênh Xáng Nàng Mau (Song song Đường tỉnh 925D)	Kênh Long Điền	Giáp ranh Trạm Y tế xã Vĩnh Tường	1,02
87.4	Chợ xã Vĩnh Tường (cũ)	Giáp ranh Trạm Y tế xã Vĩnh Tường	Cầu Chợ	1,02
		Khu vực trong chợ		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
87.5	Chợ xã Vĩnh Trung (cũ)	Khu vực trong chợ		1,08
87.6	Đường nhựa Kênh Giữa	Cầu Chợ	Kênh Xáng Nàng Mau 2	1,12
87.7	Tuyến Kênh 13.000 nhỏ (Song song tuyến Đường tỉnh 927B)	Kênh Ba Què	Giáp ranh Trường THCS Vĩnh Trung	1,02
87.8	Đường vào Nông Trường Tràm (Lộ nhựa 3,5 mét)	Giáp ranh xã Vị Thuỷ	Ngã tư Kênh Long Điền	1,02
87.9	Đường Kênh Xáng Nàng Mau 2	Giáp ranh xã Vị Thuỷ	Giáp ranh Khu du lịch sinh thái Việt Úc - Hậu Giang	1,02
87.10	Đường Kênh Chín Thước	Đường tỉnh 927B	Ranh xã Vị Thuỷ	1,08
87.11	Tuyến Kênh Hãn (Bên trái)	Đường tỉnh 925D	Kênh 8.000	1,02
87.12	Đường Kênh 8.000	Kênh Chín Thước (Giáp ranh xã Vị Thanh 1)	Kênh Xáng Nàng Mau 2 (Giáp ranh xã Hòa An)	1,02
88	**Xã Vĩnh Viễn**			
88.1	Chợ Trực Thăng	Các đường nội bộ theo quy hoạch xây dựng chi tiết		1,02
88.2	Chợ Thanh Thủy	Các đường nội bộ theo quy hoạch xây dựng chi tiết		1,02
88.3	Đường huyện 4	Ngã tư Thanh Thủy	Sông Nước Đục	1,12
88.4	Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh	Cống Trực Thăng	Cầu Thanh Thủy 1	1,08
88.5	Đường Kênh Mười Thước B	Cầu Vĩnh Thuận Thôn	Cống chào Ấp 9	1,08
		Cống chào Ấp 9	Cầu Thanh Thủy 1	1,08
88.6	Đường ô tô về Trung tâm xã Vĩnh Viễn A	Kênh Trực Thăng	Đường huyện 4	1,02
88.7	Đường Tây Kênh Trực Thăng (Đường nhựa, ấp 6)	Đường ô tô về Trung tâm xã Vĩnh Viễn A	Giáp ranh Chợ Trực Thăng	1,02
88.8	Tuyến Đường Kênh Thanh Thủy (hai bên Đông, Tây)	Sông Nước Trong	Ngã tư Thanh Thủy	1,08
88.9	Đường Đông Kênh Năm	Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh	Kênh Mương Cừ	1,08
88.10	Đường Nam Kênh Lò Than	Kênh Trổ	Cống Long Mỹ 1	1,08
88.11	Tuyến Kênh Thủy lợi 6	Kênh Mười Thước	Sông Nước Trong	1,08
88.12	Đường tỉnh 930	Giáp ranh xã Xà Phiên	Vòng xoay Trụ sở Công an xã	1,02
		Vòng xoay Trụ sở Công an xã	Cầu Hai Quyền	1,02
		Cầu Hai Quyền	Kênh Trực Thăng	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
88.13	Đường Kênh Cái Nhào	Đường tỉnh 930	Sông Nước Đục (Bến đò Năm Điền)	1,02
88.14	Tuyến giáp Trung tâm xã	Chợ Kênh 13	Ngã ba Bảy Kỹ	1,02
		Chợ Kênh 13	Kênh Trạm Bơm	1,02
		Kênh Trạm Bơm	Nhà văn hóa ấp 11	1,02
		Trường THPT Tây Đô	Cống Ngăn Mặn (Sông Nước Trong)	1,02
		Kênh Mười Thước	Sông Nước Đục (Vàm 13)	1,02
		Khu di tích Chiến Thắng Chương Thiện	Kênh Chín Quyền	1,02
88.15	Chợ Vĩnh Viễn	Các đường nội bộ theo quy hoạch chi tiết xây dựng		1,02
88.16	Đường Lương Tâm - Vĩnh Thuận Đông (Ấp 12)	Đường nội ô Trung tâm xã	Giáp ranh xã Xà Phiên	1,02
88.17	Tuyến Kênh Trực Thăng	Cầu Trực Thăng	Cống Trực thăng	1,02
88.18	Đường nội ô Trung tâm xã	Vòng xoay Trụ sở Công an xã	Đường tỉnh 930	1,02
88.19	Khu dân cư Thương mại xã Vĩnh Viễn	Đường nội ô Trung tâm xã		1,02
		Các tuyến đường nội bộ còn lại		1,02
88.20	Đường Kênh Củ Tre	Đường nội ô Trung tâm xã	Đường tỉnh 930	1,02
		Đường tỉnh 930	Sông Nước Đục	1,02
88.21	Đường tỉnh 931	Cầu Vịnh Chèo	Cầu Trâm Bầu	1,02
		Cầu Trâm Bầu	Kênh Mười Thước	1,02
		Kênh Mười Thước	Sông Nước Trong	1,02
88.22	Khu tái định cư ấp 3, thị trấn Vĩnh Viễn (cũ)	Đường số 1, lộ giới 30 mét		1,02
		Đường số B2, lộ giới 17,5 mét		1,02
		Đường số NB1, NB2, NB3, NB4, lộ giới 13 mét		1,02
88.23	Tuyến Đường sông Nước Đục (ấp 3)	Vàm Kênh 13	Ngã Ba Kênh Cái Dứa	1,02
88.24	Tuyến Đường sông Nước Đục (ấp 2)	Đầu Kênh Chín Quyền	Đường nuôi trồng thủy sản (Ranh xã Xà Phiên)	1,02
88.25	Tuyến Kênh Mười Thước	Trường THPT Tây Đô	Kênh Ngang	1,02
88.26	Đường dẫn lên Cầu số 1 vào Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Hậu Giang	Suốt tuyến		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
88.27	Tuyến Đường Kênh Lộ Lớn	Đường nội ô Trung tâm xã	Đường tỉnh 930	1,08
88.28	Tuyến Đường nuôi trồng thủy sản	Kênh 13	Giáp ranh xã Xà Phiên	1,02
88.29	Đường Tây Kênh Củ Tre	Đường nội ô Trung tâm xã	Đường tỉnh 930	1,08
88.30	Tuyến Sông Nước Đục	Cống Kênh Trực Thăng	Bến đò Kênh Mới	1,02
88.31	Đường Bắc Kênh Ngang	Kênh 13	Kênh Sốc Miên	1,02
88.32	Đường Nam Cây Điệp (Ấp 3)	Kênh 13	Ngã tư Củ Tre	1,02
88.33	Tuyến Đê Kênh Trâm Bầu	Ngã tư Cái Nhào	Cầu Lộ Lớn	1,02
88.34	Khu tái định cư thị trấn Vĩnh Viễn phục vụ dự án thành phần đoạn Hậu Giang - Cà Mau thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam, phía Đông giai đoạn 2021 - 2025	Đường tỉnh 931 (Áp dụng trong phạm vi Khu tái định cư)		1,02
		Đường số 1 (Lộ giới 15 mét)		1,02
		Đường số 2 (Lộ giới 14,5 mét)		1,02
		Đường số 3, đường số 4 (Lộ giới 13 mét)		1,02
88.35	Tuyến Đường Cái Dứa	Cầu Đầu Lá	Sông Nước Đục (Đình Thần Nguyễn Trung Trực)	1,02
88.36	Đường Tây Kênh Năm, ấp 7, 8	Cầu Kênh 5 (Đường ô tô về Trung tâm xã Vĩnh Viễn A)	Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh	1,08
89	**Xã Xà Phiên**			
89.1	Đường tỉnh 930	Cầu Trắng	Giáp ranh xã Vĩnh Viễn	1,02
89.2	Đường huyện 14	Cầu Miễu, ấp 7, xã Xà Phiên	Giáp ranh Chợ Xà Phiên	1,02
89.3	Chợ Xà Phiên	Các đường theo quy hoạch xây dựng chi tiết		1,20
89.4	Đường ô tô về Trung tâm xã Thuận Hòa	Cảng Trà Ban	Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh (Kênh Cao Hột Lớn)	1,02
		Cống Hai Tho	UBND xã Thuận Hòa (cũ)	1,02
89.5	Đường huyện 15	Đường tỉnh 930	Đường ô tô về Trung tâm xã Thuận Hòa	1,02
89.6	Tuyến Đường Kênh Cái Rắn	Cầu Trạm Y tế xã	Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh	1,02
89.7	Tuyến Đường Kênh Cái Rắn	Cầu Đình	Chùa ấp 4	1,02
89.8	Tuyến Đường Kênh Cái Rắn (Phía Tây)	Xã Đội	Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh	1,08

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
89.9	Tuyến Đường Kênh Cái Rắn (Phía Đông)	Cầu Châu	Sông Cái Trầu	1,08
89.10	Đường Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh	Cảng Trà Ban	Giáp ranh xã Lương Tâm	1,02
89.11	Tuyến Đường Kênh Long Mỹ 2	Cầu Trạm Y tế xã	Cầu Nhật Tảo	1,02
		Cầu Nhật Tảo	Bến đò Xí nghiệp	1,02
89.12	Đường Đê bao nuôi trồng thủy sản	Cầu Sáu Phước	Kênh Cái Nhàu	1,02
89.13	Đường Kênh Tràm Chóc	Đường tỉnh 930	Cầu Thuận Hưng	1,02
89.14	Tuyến Đường Kênh Tràm Chóc (phía Tây)	Cầu Thuận Hưng	Sông Nước Đục	1,12
89.15	Tuyến Đường Kênh Trà Ban	Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh	Kênh Quan Ba	1,02
89.16	Đường rẽ vào Chợ Xà Phiên tiếp nối Đường tỉnh 930B	Đường tỉnh 930B	Chợ Xà Phiên	1,02
89.17	Tuyến Kênh Chống Mỹ	Đường tỉnh 930B	Sông Cái Trầu	1,02
89.18	Tuyến Đường Kênh Cây Me	Đầu Kênh Cây Me Ngoài	Chùa Ấp 5	1,02
89.19	Tuyến Đường Kênh Cây Me (Ấp 5)	Đầu Kênh Xẻo Đìa	Cầu Kênh Cây Me Ngoài	1,08
89.20	Đường Lương Tâm - Vĩnh Thuận Đông	Đường tỉnh 930B	Giáp ranh xã Vĩnh Viễn	1,02
89.21	Tuyến Kênh Xã Hội	Đầu Kênh Giao Đu	Đầu Kênh Xã Hội	1,08
89.22	Tuyến Đường Kênh 4 Thước	Giáp ranh Ấp 4	Cầu Kênh Cây Me	1,08
89.23	Tuyến Đường Kênh Giao Đu	Cầu Đình	Cầu Kênh Cây Me Trong	1,08
89.24	Tuyến Đường Kênh Mười Thước B	Cầu nhà bà Lê Thị Bết	Cầu Mười Nhiều	1,02
89.25	Tuyến Đường Kênh Xẻo Ráng	Cầu Tư Thuẩn	Đường tỉnh 930	1,12
89.26	Truyến Đường Ba Phát	Cầu Ba Phát	Cầu Trạm bơm ấp 10	1,12
89.27	Đường Hội Đồng	Đường tỉnh 930	Sông Nước Đục	1,12
89.28	Đường Hậu Giang 3	Cầu Tư Nhi, đầu Kênh Ngay	Tuyến Đường Lương Tâm - Vĩnh Thuận Đông	1,02
89.29	Đường Kênh Cống Điền	Đầu Kênh Cây Me Ngoài	Đầu Kênh Đê ngăn mặn	1,02
89.30	Đường tỉnh 930B	Cầu Xà Phiên	Giáp ranh xã Lương Tâm	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
90	**Xã Lương Tâm**			
90.1	Đường tỉnh 930B	Giáp ranh xã Xà Phiên	Giáp ranh tỉnh An Giang	1,02
90.2	Đường tỉnh 931	Sông Nước Trong	Cầu Xẻo Vẹt	1,02
90.3	Đường Sông Ngan Dừa	Bến đò Hai Học	Cống Hóc Pó	1,12
90.4	Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh	Giáp ranh xã Xà Phiên	Cống Hóc Pó	1,02
90.5	Tuyến Đường Kênh Xẻo Vẹt	Đường tỉnh 931	Kênh Đê ngăn mặn	1,02
90.6	Đường về Chợ Lương Nghĩa	Cầu Chùa, ấp 7	Giáp ranh đầu Chợ Lương Nghĩa	1,12
		Giáp ranh Khu dân cư Thương mại xã Lương Nghĩa	Bến đò Hai Học	1,12
90.7	Tuyến Đường Kênh Trà Ban	Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh	Kênh Quan Ba	1,02
90.8	Tuyến Năm Căn (Đông)	Kênh Long Mỹ II	Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh	1,08
90.9	Tuyến Long Mỹ II B	Kênh Năm Căn	Đường tỉnh 931	1,02
90.10	Tuyến Xẻo Mão Tây	Kênh Long Mỹ II	Sông Nước Trong	1,02
90.11	Tuyến Ngan Mồ - Tô Ma	Đường tỉnh 930B	Cầu Tô Ma	1,02
90.12	Tuyến Sông Cái	Bến phà cũ	Cầu Bần Quỳ	1,08
90.13	Đường Nam Thủy Lợi 3	Cầu Chín Trung	Cầu Ba Kha	1,08
90.14	Đường Đông Thủy Lợi 6	Cầu Xóm Tiệm	Kênh Thủy Lợi 3	1,08
90.15	Đường Tây Thủy Lợi 6	Trường Tiểu học Lương Nghĩa 3	Kênh Thủy Lợi 3	1,08
90.16	Đường Nam Tô Ma	Đường tỉnh 930B	Kênh Năm Biếc	1,08
90.17	Đường Kênh Ngan Mồ - Kênh Đê ngăn mặn	Kênh Long Mỹ II	Kênh Đê ngăn mặn	1,08
90.18	Đường Kênh Hóc Pó	Đường tỉnh 930B	Hết ranh Công ty TNHH Công nghệ cao Hậu Giang	1,08
90.19	Chợ Lương Nghĩa	Các đường theo quy hoạch xây dựng chi tiết (Không áp dụng đối với Khu dân cư thương mại)		1,20
90.20	Khu dân cư Thương mại xã Lương Nghĩa	Các nền vị trí mặt tiền đường cặp sông		1,02
		Các nền vị trí mặt tiền đường có lộ giới 7 mét		1,02
		Các nền vị trí mặt tiền đường có lộ giới 3,5 mét		1,02
90.21	Khu dân cư Thương mại xã Lương Tâm	Các đường D1, D2, D3, D4, D5 theo quy hoạch xây dựng chi tiết		1,02
90.22	Đường Kênh Ngan Mồ	Kênh Long Mỹ II	Kênh Đê ngăn mặn	1,08

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
91	**Xã Thạnh Xuân**			
91.1	Quốc lộ 1A	Giáp ranh phường Cái Răng	Giáp ranh xã Đông Phước	1,02
91.2	Quốc lộ 61	Cầu Cái Tắc	Giáp ranh ấp Láng Hầm (Hết Công ty TNHH Trí Hưng)	1,02
91.3	Đường Trần Hưng Đạo	Giáp ranh ấp Láng Hầm C	Cầu Ba Láng	1,02
91.4	Đường tỉnh 925	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Đông Phước	1,02
91.5	Tuyến cặp Sông Ba Láng (Hướng về Quốc lộ 1A)	Cầu số 10	Cầu Rạch Vong	1,02
91.6	Hẻm Quán Thi Thơ	Quốc lộ 1A	Cuối hẻm	1,02
91.7	Khu dân cư Thương mại đa chức năng Tây Đô	Cả khu		1,02
91.8	Đường ô tô về Trung tâm xã Tân Phú Thạnh	Giáp ranh xã Đông Phước	Hết đường	1,02
91.9	Khu tái định cư phục vụ Cụm công nghiệp tập trung Tân Phú Thạnh (Nay là Khu Công nghiệp Tân Phú Thạnh) do DNTN Vạn Phong đầu tư	Cả khu		1,02
91.10	Khu tái định cư và dân cư thương mại phục vụ Khu Công nghiệp Tân Phú Thạnh (Công ty Cổ phần Thiên Lộc - HG làm chủ đầu tư)	Cả khu		1,02
91.11	Khu tái định cư xã Tân Phú Thạnh	Đường số 5 (12 mét)		1,02
		Đường NB1, NB2, NB3, NB4 (12 mét)		1,02
		Đường NB5 (9 mét)		1,02
91.12	Khu tái định cư xã Tân Phú Thạnh - giai đoạn 2	Đường số 4 (6,5 mét)		1,02
		Đường số 5 (13 mét)		1,02
		Đường NB3, NB4 (12 mét)		1,02
91.13	Khu tái định cư xã Tân Phú Thạnh - giai đoạn 2	Đường NB5, NB6, NB8 (13 mét)		1,02
		Đường NB7 (15 mét)		1,02
91.14	Đường ô tô về Trung tâm xã Thạnh Xuân (đường Nguyễn Việt Hồng)	Quốc lộ 61	Sông Láng Hầm	1,02
		Sông Láng Hầm	Hết Ấp Trầu Hôi	1,02
		Ấp Trầu Hôi	Giáp ranh xã Tân Hòa	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
91.15	Đường vào Khu di tích lịch sử "Địa điểm thành lập Ủy ban mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam tỉnh Cần Thơ"	Suốt tuyến		1,23
91.16	Lộ mới Ba Ngoan	Suốt tuyến		1,02
91.17	Đường Nguyễn Trung Trực	Quốc lộ 61C	Giáp ranh xã Tân Hòa	1,02
91.18	Đường Huỳnh Thúc Kháng (Đường nội bộ chợ)	Đường Nguyễn Thị Định	Đường Trần Hưng Đạo	1,02
91.19	Đường Bùi Hữu Nghĩa (Đường nội bộ chợ Rạch Gòi)	Đường Nguyễn Thị Định (Cầu sắt cũ)	Cầu Vinh 1	1,02
91.20	Đường Phan Văn Trị (Đường nội bộ chợ Rạch Gòi)	Nguyễn Thị Định (Cầu sắt cũ)	Cầu Vinh 2	1,02
91.21	Đường Nguyễn Thị Định (Đường nội bộ chợ Rạch Gòi)	Cầu Sắt Cũ	Ngã ba Chợ Rạch Gòi	1,02
91.22	Chợ Rạch Gòi	Các đường nội bộ chưa có tên đường		1,02
91.23	Quốc lộ 61C	Suốt tuyến		1,02
91.24	Tuyến lộ nông thôn 3,5 mét (Tuyến cặp sông Ba Láng, bên UBND xã Tân Phú Thạnh)	Rạch Bàng (Giáp ranh phường Cái Răng)	Cầu So Đũa Bé	1,02
92	**Xã Tân Hòa**			
92.1	Quốc lộ 61C	Kênh Trầu Hôi	Giáp ranh xã Thạnh Xuân	1,02
		Kênh Tân Hiệp	Kênh 2.000	1,02
		Kênh 2.000	Kênh 8.000	1,02
92.2	Đường Lê Hồng Phong (Đường tỉnh 926B)	Giáp ranh xã Tân Bình	Quốc lộ 61C	1,02
		Quốc lộ 61C	Kênh Xáng Xà No	1,02
92.3	Đường tỉnh 931B	Kênh Xáng Mới	Kênh Trầu Hôi	1,02
		Kênh 1.000	Kênh 5.000	1,02
92.4	Đường 30 Tháng 4 (Đường tỉnh 931B)	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Nguyễn Việt Dũng	1,02
		Đường Nguyễn Việt Dũng	Kênh 1.000	1,02
92.5	Đường 3 Tháng 2 (Lộ 37)	Đường Tầm Vu	Kênh 1.000	1,02
		Cầu Tân Hiệp	Đường Nguyễn Trung Trực	1,02
92.6	Đường 3 Tháng 2 (Đoạn nối dài)	Kênh 1.000	Đường Công Vụ (Trung tâm Y tế Châu Thành A)	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
92.7	Đường Công Vụ (Trung tâm Y tế Châu Thành A)	Đường tỉnh 931B	Kênh Xáng Xà No	1,02
92.8	Đường Chiêm Thành Tấn	Đầu Kênh Tân Hiệp (Bưu điện Châu Thành A)	Đường Nguyễn Việt Dũng (Cầu Bốn Tổng)	1,02
92.9	Đường Tầm Vu	Đầu Kênh Tân Hiệp (Bưu điện Châu Thành A)	Đường 30 Tháng 4	1,02
		Đường 30 Tháng 4	Giáp ranh xã Tân Bình	1,02
92.10	Đường Nguyễn Trung Trực (Đường Công vụ Một Ngàn)	Cầu Xáng Mới	Đường 30 Tháng 4	1,02
		Đường 30 Tháng 4	Giáp ranh xã Thạnh Xuân	1,02
92.11	Đường Nguyễn Việt Dũng	Quốc lộ 61C	Đường 30 Tháng 4	1,02
		Đường 30 Tháng 4	Đường Chiêm Thành Tấn (Kênh Xáng Xà No)	1,02
		Kênh Xáng Xà No	Giáp ranh xã Trường Long Tây	1,02
		Quốc lộ 61C	Giáp ranh xã Tân Bình	1,02
92.12	Đường Võ Thị Sáu (Đường huyện 12 cũ)	Kênh 5.000	Kênh 6.500	1,02
		Kênh 6.500	Kênh 7.000	1,02
92.13	Đê bao Ô Môn - Xà No	Kênh Mương Đình	Kênh Xẻo Trầm	1,02
		Kênh Xẻo Trầm	Kênh 1.000	1,02
		Kênh 1.000	Kênh 8.000	1,02
92.14	Đường huyện 12	Kênh 7.000	Kênh 8.000	1,02
		Đường Nguyễn Việt Dũng (Cầu Bốn Tổng)	Kênh 5.000	1,02
92.15	Đường Nguyễn Việt Hồng	Đường tỉnh 931B	Giáp ranh xã Thạnh Xuân	1,02
92.16	Đường Công Vụ 4.000	Kênh Xà No	Quốc lộ 61C	1,02
92.17	Đường Võ Minh Thiết	Đường 3 Tháng 2	Đường 30 Tháng 4	1,20
92.18	Đường dẫn ra Quốc lộ 61C (Bến xe Châu Thành A)	Quốc lộ 61C	Đường Tầm Vu	1,02
92.19	Đường Cách Mạng Tháng Tám (Đường tỉnh 931B cũ)	Kênh 5.000	Kênh 8.000	1,02
92.20	Đường Nguyễn An Ninh (Trung tâm chợ)	Đường Cách Mạng Tháng Tám (Đường tỉnh 931B cũ)	Đường Võ Thị Sáu	1,02
92.21	Đường Nguyễn Viết Xuân (Trung tâm chợ)	Đường Cách Mạng Tháng Tám (Đường tỉnh 931B cũ)	Đường Võ Thị Sáu	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
92.22	Đường Ngô Hữu Hạnh (Trung tâm chợ)	Đường Lê Thị Chơi	Đường Nguyễn An Ninh	1,02
92.23	Đường Lý Tự Trọng (Trung tâm chợ)	Đường Lê Thị Chơi	Đường Nguyễn An Ninh	1,02
92.24	Đường Lê Thị Chơi (Trung tâm chợ)	Đường Võ Thị Sáu	Đường Lý Tự Trọng	1,02
92.25	Khu dân cư huyện Châu Thành A (Đường Lê Bình, Đường Trương Thị Bình, Đường Kim Đồng, Đường Nguyễn Ngọc Trai)	Cả khu		1,02
92.26	Khu vượt lũ xã Tân Hòa	Cả khu		1,02
92.27	Khu vượt lũ xã Nhơn Nghĩa A	Cả khu		1,02
92.28	Khu dân cư vượt lũ 7.000	Cả khu		1,02
92.29	Khu tái định cư Tân Hòa	Đường gom Quốc lộ 61C (14 mét)		1,02
		Đường D1 (Đoạn từ Đường gom Quốc lộ 61C đến Đường N1) (14,5 mét)		1,02
		Đường D1 (Đoạn từ Đường N1 đến Đường N2) (14,5 mét)		1,02
		Đường D1 (Đoạn từ Đường N2 đến Đường N3) (14,5 mét)		1,02
		Đường D2 (Đoạn từ Đường gom Quốc lộ 61C đến Đường N1) (17,5 mét)		1,02
		Đường D2 (Đoạn từ Đường N1 đến Đường N2) (17,5 mét)		1,02
		Đường D2 (Đoạn từ Đường N2 đến Đường N3) (17,5 mét)		1,02
		Đường D3 (Đoạn từ Đường gom Quốc lộ 61C đến Đường N1) (14 mét)		1,02
		Đường D3 (Đoạn từ Đường N1 đến Đường N2) (14 mét)		1,02
		Đường D3 (Đoạn từ Đường N2 đến Đường N3) (14 mét)		1,02
		Đường N1 (14 mét)		1,02
		Đường N2 (14 mét)		1,02
		Đường N3 (14 mét)		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
92.30	Khu tái định cư Bảy Ngàn phục vụ Dự án thành phần 3 thuộc Dự án đầu tư xây dựng Đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1	Đường gom Quốc lộ 61C (14 mét)		1,02
		Đường D1 (Đoạn từ Đường gom Quốc lộ 61C đến Đường N1) (6,5 mét)		1,02
		Đường D1 (Đoạn từ Đường N1 đến Đường N2) (6,5 mét)		1,02
		Đường D1 (Đoạn từ Đường N2 đến Đường N3) (6,5 mét)		1,02
		Đường D2 (Đoạn từ Đường gom Quốc lộ 61C đến Đường N1) (13 mét)		1,02
		Đường D2 (Đoạn từ Đường N1 đến Đường N2) (13 mét)		1,02
92.31	Khu tái định cư Bảy Ngàn phục vụ Dự án thành phần 3 thuộc Dự án đầu tư xây dựng Đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1	Đường D2 (Đoạn từ Đường N2 đến Đường N3) (13 mét)		1,02
		Đường N1 (14 mét)		1,02
		Đường N2 (14 mét)		1,02
		Đường N3 (14 mét)		1,02
92.32	Lộ nông thôn 3,5 mét cặp Kênh 4.000 ấp 3B, 5B	Kênh Xáng Xà No	Giáp ranh xã Trường Long Tây	1,08
92.33	Lộ nông thôn 3,5 mét thuộc ấp Nhơn Xuân	Kênh Xáng Xà No	Kênh Trà Ếch	1,08
		Kênh Trà Ếch	Giáp ranh xã Nhơn Ái	1,08
92.34	Lộ nông thôn 3,5 mét cặp Kênh 5.500 (Ấp 2A)	Quốc lộ 61C	Giáp ranh xã Tân Bình	1,08
92.35	Lộ nông thôn 3,5 mét cặp Kênh 7.000 (Ấp 3B)	Kênh Xáng Xà No	Giáp ranh xã Trường Long Tây	1,08
92.36	Lộ nông thôn 3,5 cặp Kênh 2.000 (Ấp 1B)	Kênh Xáng Xà No	Giáp ranh xã Trường Long Tây	1,08
93	**Xã Trường Long Tây**			
93.1	Đường ô tô về trung tâm xã Trường Long Tây (Đường tỉnh 926 cũ)	Cầu 1.000	Giáp ranh xã Trường Long Tây (Kênh số 14 hay còn gọi Kênh Mười Thảo)	1,23
		Giáp ranh xã Trường Long A cũ (Kênh số 14 hay còn gọi Kênh Mười Thảo)	Kênh 5.500	1,23
		Cầu 4.000	Cầu 5.500	1,23
		Kênh 5.500	Kênh 8.000 (Giáp ranh xã Vị Bình cũ)	1,23

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
93.2	Đường Bốn Tổng Một Ngàn	Giáp ranh xã Tân Hòa	Kênh Bờ Tràm	1,02
		Kênh Bờ Tràm	Kênh KH9	1,02
		Kênh KH9	Giáp ranh xã Trường Xuân	1,02
93.3	Khu vượt lũ xã Trường Long Tây	Cả khu		1,02
93.4	Khu vực Chợ Trường Long Tây	Đường giáp UBND xã Trường Long Tây đến Kênh 4.000 (Các nền đấu giá quyền sử dụng đất)		1,02
		Đường giáp UBND xã Trường Long Tây đến Kênh 4.000; Đường từ đường 926 đến Kênh KH9		1,02
		Đường số D1, lộ giới 13 mét (3 - 7 - 3)		1,02
		Đường số 4, lộ giới 12 mét (3 - 6 - 3)		1,02
		Đường số 5, lộ giới 12 mét (3,5 - 7 - 3,5)		1,02
93.5	Khu vượt lũ Trường Long A	Phần đất sinh lợi		1,02
		Cả khu (Trừ phần đất sinh lợi)		1,02
93.6	Tuyến lộ nông thôn 3,5 mét xã Trường Long Tây	Các tuyến		1,02
93.7	Tuyến lộ nông thôn 3,5 mét xã Trường Long A	Các tuyến		1,02
94	**Xã Châu Thành**			
94.1	Đường Hùng Vương	Giáp ranh xã Đông Phước	Mốc 1,5 km	1,02
		Mốc 1,5 km	Ngã tư Cái Dầu	1,02
		Ngã tư Cái Dầu	Cầu Ngã Cạy	1,02
		Cầu Ngã Cạy	Cầu Cơ Ba	1,02
94.2	Đường 30 Tháng 4	Đường Hùng Vương	Khu dân cư (Đường Võ Thị Sáu)	1,02
94.3	Đường 3 Tháng 2	Đường 30 Tháng 4	Cầu Cái Dầu	1,02
		Ngã tư Cái Dầu	Cầu Cái Dầu	1,02
		Cầu Cái Dầu	Cổng chào Phú Hữu	1,02
94.4	Đường Lê Văn Tám	Đường Hùng Vương	Đường Đồng Khởi	1,02
94.5	Đường Nguyễn Văn Quy	Cầu Xẻo Chồi	Cầu Tràm Bông	1,02
94.6	Đường Nguyễn Việt Hồng	Đường Nguyễn Văn Quy	Đường 3 Tháng 2	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
94.7	Đường Kim Đồng	Ngã ba Đường Nguyễn Việt Hồng	Hết ranh Trường Mầm non Ánh Dương	1,02
94.8	Đường Đồng Khởi	Cầu Xẻo Chồi	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	1,02
		Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Cầu Kênh Tân Quới	1,02
94.9	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Cầu Cái Muồng (mới)	Đường Đồng Khởi	1,02
		Đường 3 Tháng 2	Đường Hùng Vương	1,02
94.10	Đường Nguyễn Việt Dũng	Đường 30 Tháng 4	Đường Hùng Vương	1,02
94.11	Đường Ngô Hữu Hạnh	Suốt tuyến		1,02
94.12	Đường Lý Tự Trọng	Suốt tuyến		1,02
94.13	Đường Võ Thị Sáu	Suốt tuyến		1,02
94.14	Khu dân cư vượt lũ Ngã Sáu - giai đoạn 1	Cả khu		1,02
		Các thửa đất tiếp giáp Khu dân cư vượt lũ Ngã Sáu - giai đoạn 1 (Không thuộc các lô nền Khu dân cư vượt lũ Ngã Sáu - giai đoạn 1)		1,02
94.15	Khu dân cư vượt lũ Ngã Sáu - giai đoạn 2	Cả khu		1,02
		Các thửa đất tiếp giáp Khu dân cư vượt lũ Ngã Sáu - giai đoạn 2 (Không thuộc các lô nền Khu dân cư vượt lũ Ngã Sáu - giai đoạn 2)		1,02
94.16	Khu dân cư - Thương mại Thiện Phúc (Gồm khu cũ và khu mới)	Cả khu (Không áp dụng đối với các lô nền mặt tiền Đường Hùng Vương)		1,02
94.17	Khu tái định cư và dân cư thị trấn Ngã Sáu	Cả khu		1,02
94.18	Khu tái định cư Ngã Sáu - giai đoạn 2	Đường Võ Thị Sáu (Suốt tuyến) - Đường hiện hữu có lộ giới 14 mét; Đường số 9 có lộ giới 22 mét		1,02
		Đường số 22 có lộ giới 19 mét		1,02
		Đường số 1, Đường số 2, Đường số 3 có lộ giới 13 mét		1,02
		Các thửa đất tiếp giáp Khu tái định cư Ngã Sáu - giai đoạn 2 (Không thuộc các lô nền Khu tái định cư Ngã Sáu - giai đoạn 2)		1,02
94.19	Khu tái định cư Ngã Sáu phục vụ Dự án xây dựng công trình Đường bộ cao tốc Bắc - Nam	Đường Võ Thị Sáu (Suốt tuyến) - Đường hiện hữu có lộ giới 14 mét		1,02
		Đường số 22 có lộ giới 19 mét; Đường Lý Tự Trọng có lộ giới 19 mét		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
94.19	Khu tái định cư Ngã Sáu phục vụ Dự án xây dựng công trình Đường bộ cao tốc Bắc - Nam	Đường số 1, Đường số 2, Đường số 4, Đường số 5 có lộ giới 13 mét		1,02
		Các thửa đất tiếp giáp Khu tái định cư Ngã Sáu phục vụ Dự án xây dựng công trình Đường bộ cao tốc Bắc Nam (Không thuộc các lô nền Khu tái định cư Ngã Sáu - giai đoạn 2)		1,02
94.20	Khu Trung tâm Thương mại Ngã Sáu	Cả khu		1,02
94.21	Đường về xã Phú An (Cũ)	Cầu Cơ Ba (Cầu Bảy Mộc cũ)	Giáp ranh xã Đông Phước	1,02
94.22	Đường về xã Đông Phú	Cầu Cơ Ba (Cầu Bảy Mộc cũ)	Khu tái định cư phục vụ Khu Công nghiệp Sông Hậu - giai đoạn 1	1,02
94.23	Đường ra Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu) (Chỉ áp dụng cho lộ đal)	Cầu Bảy Ca	Cầu Cái Dầu	1,02
94.24	Lộ Cái Chanh - Phú An - Đông Phú	Giáp ranh xã Đông Phước	Cầu Cái Cui Bé	1,02
94.25	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Cầu Cái Cui	Cầu Cái Côn	1,02
94.26	Đường nối Ngã Sáu đến Nam Sông Hậu (Đối với các vị trí đã Hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng)	Cầu Cơ Ba (Cầu Bảy Mộc cũ)	Cầu Phú Hưng	1,20
94.27	Khu tái định cư phục vụ Khu Công nghiệp Sông Hậu - giai đoạn 1 (Đợt 1, đợt 2 và đợt 3)	Các nền tiếp giáp mặt tiền Đường số 2 (Song song với Đường Nam Sông Hậu)		1,02
		Các lô nền còn lại		1,02
94.28	Khu tái định cư Đông Phú phục vụ Khu Công nghiệp Sông Hậu	Đường số 3, lộ giới 32 mét (Từ nền 1 - 3 của lô N1; Từ nền 1 - 3 của lô N2)		1,02
		Đường N1, lộ giới 24 mét (Từ nền số 4 - 21 của lô N1; Từ nền số 4 - 20 của lô N2), đường N2, N3 lộ giới 15 mét (Từ nền số 1 - 58 của lô N3; Từ nền số 1 - 58 của lô N4), đường D2 lộ giới 15 mét (Từ nền số 1 - 6 của lô N5)		1,02
		Đường N2, N3, D3, D4, D5, lộ giới 15 mét (Từ nền số 59 - 163 của lô N3; Từ nền số 59 - 165 của lô N4)		1,02
94.29	Khu tái định cư phục vụ Khu Công nghiệp Sông Hậu đợt 2 - giai đoạn 1, huyện Châu Thành (do Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh làm chủ đầu tư)	Đường số 5, gồm các lô nền: A1, A2 và A3 (Từ nền số 01 đến nền số 29)		1,02
		Đường số 4: gồm các lô nền A3 (Từ nền số 30 đến nền số 66) và A4		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
94.30	Đường tỉnh 927C	Giáp ranh xã Phú Hữu	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	1,02
94.31	Khu dân cư Thương mại, dịch vụ Mái Dầm	Thửa mặt tiền Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)		1,02
		Cả khu (Trừ thửa đất tiếp giáp Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu))		1,02
94.32	Khu tái định cư cho Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 2	Đường số 2, 3, 4, 5, 6 có lộ giới 16 mét (4 - 8 - 4)		1,02
		Đường số 7, 8 có lộ giới 15 mét (4 - 7 - 4)		1,02
		Đường số 9, 10, 11, 12, 13 có lộ giới 14 mét (4 - 6 - 4)		1,02
94.33	Trung tâm thương mại và Khu dân cư Thương mại thị trấn Mái Dầm	Cả khu (Trừ các lô giáp Đường Nam Sông Hậu và Đường tỉnh 925)		1,02
94.34	Khu tái định cư thị trấn Mái Dầm	Đường số 1 lộ giới 26 mét (4,5 - 17 - 4,5); Đường D5 lộ giới 24 mét (4 - 14 - 4)		1,02
		Đường số 2A, 3, 6, 8, 9A, D7 lộ giới 16 mét (4 - 8 - 4); Đường số 10 lộ giới 16 mét (4 - 8 - 4) và lộ giới 21 mét (5 - 11 - 5)		1,02
		Đường N1, N2, N3, N4, N5, D1, D2, D3, D4, D6, D8 lộ giới 15 mét (4 - 7 - 4)		1,02
94.35	Đường tỉnh 925	Cầu Thông Thuyền	Bến khách ngang sông Mái Dầm	1,02
94.36	Khu dân cư vượt lũ thị trấn Mái Dầm	Cả khu (Không áp dụng đối với các lô nền mặt tiền Đường tỉnh 925)		1,02
		Các thửa đất tiếp giáp Khu dân cư vượt lũ thị trấn Mái Dầm (Không thuộc các lô nền Khu dân cư vượt lũ thị trấn Mái Dầm)		1,02
94.37	Đường cặp sông Cái Dầu, Cái Muồng (Phía chợ Ngã Sáu)	Mốc 1,5 km	Cầu Cái Dầu	1,02
95	**Xã Đông Phước**			
95.1	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Thạnh Xuân (Cầu Rạch Vong)	Cầu Đất Sét	1,02
95.2	Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1A)	Cầu Đất Sét	Hết Nhà thờ Cái Tắc	1,02
		Hết Nhà thờ Cái Tắc	Giáp ranh xã Thạnh Hòa	1,02
95.3	Đường Lê Văn Nhung (Quốc lộ 1A cũ)	Đường Nguyễn Tri Phương (Quốc lộ 61)	Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1A)	1,02
95.4	Đường Nguyễn Tri Phương (Quốc lộ 61)	Ngã ba Cái Tắc (Quốc lộ 1A)	Cầu Cái Tắc	1,02
95.5	Đường tỉnh 925 (cũ) và Đường tỉnh 925 (mới)	Giáp ranh xã Thạnh Xuân	Cầu Cái Chanh và giáp ranh phường Cái Răng	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
95.5	Đường tỉnh 925 (cũ) và Đường tỉnh 925 (mới)	Cầu Cái Chanh (mới) và Cầu Cái Chanh (cũ)	Giáp ranh xã Châu Thành	1,02
		Trường Mẫu giáo Họa Mi	Đường tỉnh 925 (Giáp ranh Trụ sở UBND xã Đông Phước A cũ)	1,02
95.6	Đường Nguyễn Văn Quang (Đường ô tô về Trung tâm xã Tân Phú Thạnh)	Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1A)	Cầu Ba Láng	1,02
95.7	Đường Đỗ Trạng Văn	Đường Nguyễn Tri Phương (Quốc lộ 61)	Cầu Mới (Đường Chùa Khmer)	1,02
95.8	Đường Đoàn Văn Chia (Đường nội bộ Chợ Cái tắc)	Bưu điện thị trấn Cái Tắc	Cầu Tàu	1,02
95.9	Đường nội bộ Chợ Cái Tắc	Các đoạn còn lại trong Chợ Cái Tắc		1,02
95.10	Đường Chùa Khmer	Đường Nguyễn Tri Phương (Quốc lộ 61)	Cống Cả Bảo	1,02
95.11	Đường cặp sông Cái Chanh	Đường tỉnh 925 (cũ)	Cầu Cái Chanh (mới)	1,02
95.12	Đường về xã Đông Phước (Đường huyện 35)	Cầu Cái Chanh (cũ)	Đường dẫn Cầu Ông Hoạch	1,02
95.13	Lộ Cái Chanh - Phú An - Đông Phú	Đường tỉnh 925	Giáp ranh xã Châu Thành	1,02
95.14	Đường dẫn cầu Ông Hoạch	Đường về xã Đông Phước	Trụ sở UBND xã Đông Phước	1,02
95.15	Đường ô tô về Trung tâm xã Đông Phước A	Đường tỉnh 925	Trường Mẫu giáo Họa Mi	1,02
		Trường Mẫu giáo Họa Mi	Giáp ranh xã Thạnh Hòa	1,02
95.16	Tuyến cặp sông Ba Láng (Hướng về Đường Hùng Vương)	Cầu Đất Sét (Giáp ranh xã Tân Phú Thạnh)	Đường Hùng Vương	1,02
95.17	Khu dân cư Cái Tắc (Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Vạn Phát đầu tư)	Cả khu		1,20
95.18	Khu dân cư ấp Tân Phú A, thị trấn Cái Tắc (Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Bảo Trân đầu tư)	Cả khu		1,02
95.19	Khu nhà ở kết hợp với Thương mại dịch vụ tại thị trấn Cái Tắc	Cả khu (Trừ thửa đất tiếp giáp Quốc lộ 1A)		1,20
95.20	Đường dẫn đi vào Trường Tiểu học thị trấn Cái Tắc (cũ)	Suốt tuyến		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
95.21	Tuyến Đường cặp sông Ba Láng	Cầu Móng	Cống Cả Bảo	1,02
95.22	Tuyến Đường cặp sông Cái Răng (hiện trạng lộ 3,5 mét)	Rạch Bà Nhen	Rạch Chùa	1,02
95.23	Đường vào Khu tập thể Cầu Đường	Suốt tuyến		1,02
96	**Xã Phú Hữu**			
96.1	Đường tỉnh 925	Cổng chào Phú Hữu	Cầu Thông Thuyền	1,02
96.2	Đường tỉnh 925B	Cầu Tràm Bông	Giáp ranh xã Thạnh Hòa	1,02
96.3	Đường tỉnh 927C	Giáp ranh phường Đại Thành	Giáp ranh xã Châu Thành	1,02
96.4	Đường ô tô về Trung tâm xã Phú Hữu	Đường tỉnh 925	Đường tỉnh 927C	1,12
96.5	Đường Ngã tư Đông Sơn - Bưng Cây Sắn	Cầu BOT Đông Phước	Cầu Kênh thủy lợi Phú Tân (cũ)	1,08
96.6	Tuyến Đường bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai và xây dựng tuyến Đê bao bờ Nam sông Mái Dầm, huyện Châu Thành	Giáp ranh xã Thạnh Hòa	Đường ô tô về Trung tâm xã Phú Hữu	1,08
96.7	Khu dân cư vượt lũ xã Đông Phước (cũ)	Các lô nền mặt tiền Đường tỉnh 925B		1,02
		Các lô nền còn lại		1,02
96.8	Cụm dân cư vượt lũ xã Phú Hữu	Các lô nền mặt tiền Đường tỉnh 927C		1,02
		Các lô nền còn lại		1,02
96.9	Đường Căn cứ liên Tỉnh ủy	Cầu BOT Phú Hữu	Cầu Chữ Y Vàm Đường Gỗ	1,02
96.10	Các tuyến Đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã	Suốt tuyến		1,02
97	**Xã Tân Bình**			
97.1	Quốc lộ 61	Cầu Ba Láng	Hết ranh Xí nghiệp nước đá	1,02
		Giáp ranh Xí nghiệp nước đá	Hết ranh Cây xăng Hòa Hà	1,02
		Giáp ranh Cây xăng Hòa Hà	Cống Tám An	1,02
		Cống Tám An	Hết ranh Cây xăng Hồng Quân	1,02
		Giáp ranh Cây xăng Hồng Quân	Bến xe Kinh Cùng	1,02
		Bến xe Kinh Cùng	Giáp ranh xã Hòa An	1,02
97.2	Đường tỉnh 929 (cũ)	Cầu Tân Hiệp	Giáp ranh xã Tân Hòa	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
97.3	Đường tỉnh 929	Quốc lộ 61	Kênh Đường Láng	1,02
		Kênh Đường Láng	Giáp ranh xã Tân Hòa	1,02
97.4	Đường ô tô về Trung tâm xã Bình Thành (Đường tỉnh 925B)	Quốc lộ 61	Cầu Hai Hòe	1,02
		Cầu Hai Hòe	Cầu Bình Thành	1,02
97.5	Đường vào Khu dân cư vượt lũ Cầu Xáng, Tân Bình	Quốc lộ 61	Giáp ranh Khu dân cư vượt lũ Cầu Xáng	1,02
		Các đường nội bộ		1,02
97.6	Chợ Rạch Gòi	Quốc lộ 61	Cầu sắt cũ Rạch Gòi	1,02
		Cầu Ba Láng	Cầu sắt cũ Rạch Gòi	1,02
97.7	Khu tái định cư xã Bình Thành phục vụ dự án xây dựng công trình Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025	Đường ô tô về Trung tâm xã Bình Thành (Đoạn từ kênh Hai Hòe đến UBND xã Bình Thành); Đường tỉnh 925B dự kiến có lộ giới 18 mét (5 - 8 - 5)		1,02
		Đường D1, D2 có cùng lộ giới 14 mét (3,5 - 7 - 3,5)		1,02
		Đường N1, N2 có cùng lộ giới 13 mét (3,5 - 6 - 3,5)		1,02
98	**Xã Hòa An**			
98.1	Quốc lộ 61	Cây xăng Mỹ Tân	Hết kho vũ khí Quân sự	1,02
		Hết kho vũ khí quân sự	Giáp ranh phường Long Bình (Cầu Xẻo Trâm)	1,20
98.2	Đường Võ Văn Kiệt (Quốc lộ 61)	Giáp ranh xã Tân Bình	Hết Cây xăng Mỹ Tân	1,02
98.3	Đường tỉnh 927	Giáp ranh xã Hiệp Hưng (Cầu Xáng Bộ)	Cầu Rạch Cửu	1,02
98.4	Đường tỉnh 927B (Đường tỉnh 927 cũ)	Giáp ranh phường Phương Bình (Cầu Xẻo Sành)	Quốc lộ 61	1,02
98.5	Đường 26 Tháng 3 (Đường ô tô Kinh Cùng - Phương Phú)	Quốc lộ 61	Cầu Kênh Bảy Chồn	1,02
98.6	Đường ô tô Kinh Cùng - Phương Phú	Cầu Kênh Bảy Chồn	Đường tỉnh 927	1,02
98.7	Tuyến Kênh Nhà Nước	Kênh Tổng Năng	Giáp ranh xã Phương Bình	1,02
98.8	Đường vào Kênh Tám Ngàn cụt	Đường Võ Văn Kiệt (Quốc lộ 61)	Cầu Kênh Tám Ngàn cụt	1,02
98.9	Đường Nguyễn Thị Thơ	Đường Võ Văn Kiệt (Quốc lộ 61)	Cầu sắt Chợ Hồng Phát	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
98.10	Đường Nguyễn Thị Bông	Đường Võ Văn Kiệt (Quốc lộ 61)	Cầu bê tông Chợ Hồng Phát	1,02
98.11	Đường Lâm Thị Sáu	Đường Võ Văn Kiệt (Quốc lộ 61)	Giáp Kênh Năm Phú	1,02
98.12	Tuyến Đường Lâm Thị Hai	Giáp ranh xã Phụng Hiệp	Đường Kinh Cùng - Phương Phú	1,02
98.13	Đường vào bãi rác Hòa An	Đường tỉnh 927B (Đường tỉnh 927 cũ)	Bãi rác Hòa An	1,08
98.14	Khu dân cư và Trung tâm Thương mại Hồng Phát tại thị trấn Kinh Cùng	Đường số 29 (Từ cầu Xáng Thổi đến đường dự mở số 1)		1,02
		Đường số 25 (Từ Đường số 29 đến Đường số 4)		1,02
		Đường số 2 (Từ Đường số 29 đến Đường số 4)		1,02
		Đường số 3 (Từ Đường số 29 đến Đường số 6)		1,02
		Đường số 4 (Từ Đường số 2 đến Đường số 25)		1,02
		Đường số 5 (Từ Đường số 2 đến Đường số 25)		1,02
		Đường số 6 (Từ Đường số 2 đến Đường số 25)		1,02
98.15	Khu dân cư - Tái định cư Kênh Tám Ngàn, thị trấn Kinh Cùng, huyện Phụng Hiệp	Cả khu		1,02
98.16	Chợ Kinh Cùng (Chợ thị trấn Kinh Cùng)	Cả khu		1,02
99	**Xã Phương Bình**			
99.1	Đường tỉnh 928B	Giáp ranh xã Tân Phước Hưng (Cầu Ranh Án)	Hết ranh Trường Tiểu học Phương Phú 1	1,08
		Giáp ranh Trường Tiểu học Phương Phú 1	Hết ranh Trung tâm Văn hóa Thể thao xã Phương Phú (cũ)	1,08
		Giáp ranh Trung Tâm Văn hóa Thể thao xã Phương Phú (cũ)	Giáp ranh phường Long Phú 1 (Cầu Xẻo Xu)	1,08
99.2	Đường tỉnh 927	Giáp ranh xã Hòa An (Cầu Rạch Cửu)	Cầu Ông Cò	1,02
		Cầu Ông Cò	Cầu Cả Cường	1,02
		Cầu Cả Cường	Cầu Kênh Bà Bái	1,02
		Cầu Kênh Bà Bái	Giáp ranh xã Hòa An (Cầu Xẻo Sành)	1,02
		Kênh Bà Bái	Kênh Xẻo Cao	1,02
99.3	Đường tỉnh 926B	Giáp ranh xã Hòa An (Cầu rạch cũ)	Giáp ranh phường Long Phú 1	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
99.4	Đường ô tô Kinh Cùng - Phương Phú	Cầu Lâm Trường Phương Ninh	Giáp ranh Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng (Hết ranh đất Hai Vính)	1,08
99.5	Đường cặp Kênh Đức Bà	Cầu Đức Bà	Hết Nhà thờ Đức Bà	1,02
99.6	Đường cặp Kênh Xáng Lái Hiếu	Cầu Kênh Cây Mướp	Cầu Kênh Tư So	1,02
		Đường dẫn lên Cầu Cái Sơn	Cầu Kênh Giải Phóng	1,02
		Cầu Kênh Giải Phóng	Kênh Lái Hiếu nhỏ (Giáp ranh phường Long Mỹ)	1,02
99.7	Đường dẫn Cầu Cái Sơn (Hai bên cầu)	Đường tỉnh 927	Đường cặp Kênh Xáng Lái Hiếu	1,08
99.8	Tuyến Kênh Nhà Nước	Cầu Cái Sơn (Giáp ranh đất Đỗ Thanh Bình)	Giáp ranh xã Hòa An (Cầu Kênh Bờ Chuối)	1,02
99.9	Chợ Cái Sơn	Đường cặp Kênh Tư So		1,02
		Các tuyến đường nội bộ chợ		1,02
99.10	Khu tái định cư Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng	Đường số 1, lộ giới 21 mét (5,5 - 10 - 5,5)		1,02
		Đường số 2, 3, 4, 5, 6, 7, lộ giới 11,5 mét (3,0 - 5,5 - 3,0)		1,02
99.11	Chợ Phương Phú	Các tuyến đường nội bộ chợ		1,12
100	**Xã Tân Phước Hưng**			
100.1	Đường Quản lộ - Phụng Hiệp	Giáp ranh phường Ngã Bảy (Cầu Hai Dưỡng)	Kênh Cây Mận	1,08
		Kênh Cây Mận	Giáp ranh xã Long Hưng	1,08
100.2	Đường ô tô về xã Tân Phước Hưng (Đường tỉnh 928B)	Giáp ranh phường Ngã Bảy (Cầu Mười Lê)	Đường tỉnh 928	1,02
100.3	Đường tỉnh 928B	Đường tỉnh 928	Giáp ranh xã Phương Bình	1,08
100.4	Đường tỉnh 928	Giáp rang đất Trụ sở Công an xã	Giáp ranh xã Hiệp Hưng	1,02
100.5	Đường Chợ Búng Tàu	Giáp ranh móng Cầu cũ Búng Tàu	Giáp ranh đất Nhị Tỳ (Đường cặp Kênh Xáng Búng Tàu)	1,02
		Giáp chân móng Cầu cũ Búng Tàu (Nhà anh Tiên)	Hết ranh đất Nhà anh Nguyễn Văn Mỹ	1,02
		Giáp ranh móng Cầu cũ Búng Tàu	Cầu mới Mười Biếu (Đường cặp Kênh Ngang)	1,02
100.6	Hai đường song song sau Nhà lồng Chợ Búng Tàu	Ranh nhà lồng chợ	Ranh đất Hai Thành	1,23

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
101	**Xã Hiệp Hưng**			
101.1	Đường tỉnh 927	Cầu Sậy Niếu	Cầu Kênh Tây	1,02
		Cầu Kênh 82	Giáp ranh xã Hòa An (Cầu Xáng Bộ)	1,02
101.2	Đường 30 Tháng 4 (Đường tỉnh 927 cũ)	Cầu Kênh Tây	Đường 26 Tháng 3	1,02
		Đường 26 Tháng 3	Cầu vượt Cây Dương (Đường 3 Tháng 2)	1,02
		Cầu vượt Cây Dương	Đường Đoàn Văn Chia	1,02
		Đường số 5 (Đường Nguyễn Thị Điền)	Đường Hùng Vương (Đường Lê Thị Tư)	1,02
		Đường Hùng Vương (Đường Lê Thị Tư)	Cầu Kênh T82	1,02
101.3	Đường tỉnh 928	Kênh Châu Bộ	Giáp ranh xã Tân Phước Hưng	1,02
101.4	Đường Đoàn Văn Chia (Đường tỉnh 928)	Đường 30 Tháng 4 (Đường tỉnh 927 cũ)	Đường Võ Thị Tẩu	1,02
		Đường Võ Thị Tẩu	Kênh Trường học	1,02
101.5	Đường 3 Tháng 2	Đường Nguyễn Văn Nết	Cầu Lái Hiếu (Cầu vượt Cây Dương)	1,02
		Đường 30 Tháng 4 (Đường tỉnh 927 cũ)	Đường Võ Thị Tẩu	1,02
101.6	Đường Nguyễn Thị Phấn (Đường số 3)	Đường 30 Tháng 4 (Đường tỉnh 927 cũ)	Đường số 1	1,20
101.7	Đường Trần Văn Sơn (Đường số 19)	Đường 30 Tháng 4 (Đường tỉnh 927 cũ)	Đường Võ Thị Tẩu	1,02
101.8	Đường Nguyễn Văn Quang (Đường số 17)	Đường 30 Tháng 4 (Đường tỉnh 927 cũ)	Đường Võ Thị Tẩu	1,02
		Đường Võ Thị Tẩu	Đường số 20	1,02
101.9	Đường Nguyễn Minh Quang	Đường 30 Tháng 4 (Đường tỉnh 927 cũ)	Đường số 1	1,20
101.10	Đường Nguyễn Văn Nết (Đường số 9)	Kênh Lái Hiếu	Đường vào Khu tái định cư Cây Dương phục vụ Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng Đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
101.10	Đường Nguyễn Văn Nết (Đường số 9)	Đường vào Khu tái định cư Cây Dương phục vụ Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng Đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1	Cầu Kênh Châu Bộ	1,02
101.11	Đường Triệu Vĩnh Tường (Đường số 30)	Đường 3 Tháng 2	Đường số 22	1,02
101.12	Đường Hùng Vương (Đường số 31)	Đường 30 Tháng 4 (Trụ sở Công an xã)	Đường 3 Tháng 2	1,02
		Đường 3 Tháng 2	Đường Đoàn Văn Chia	1,02
		Đường Nguyễn Thị Điền	Đường 30 Tháng 4	1,02
101.13	Đường Võ Thị Tẩu	Đường Đoàn Văn Chia	Đường số 22	1,02
101.14	Đường Trương Thị Hoa	Đường Võ Thị Tẩu	Đường số 20	1,02
101.15	Khu dân cư vượt lũ thị trấn Cây Dương	Đường 30 Tháng 4	Hết ranh Khu dân cư	1,02
		Các đường nội bộ		1,02
101.16	Đường vào khu Bờ Tràm	Ranh Khu dân cư vượt lũ Cây Dương	Lộ Kênh Bờ Tràm	1,02
101.17	Đường Nguyễn Thị Ba	Cầu Ranh Án	Cầu Kênh Bùi Kiệm	1,02
101.18	Đường ô tô về xã Hiệp Hưng	Đường tỉnh 928	Cầu Mười Hùng	1,02
101.19	Đường số 22	Đường Võ Thị Tẩu	Đường Hùng Vương	1,02
101.20	Đường số 20	Đường Trương Thị Hoa	Đường Nguyễn Văn Quang	1,02
101.21	Đường số 23	Đường Trương Thị Hoa	Đường Nguyễn Văn Quang	1,02
101.22	Đường số 25	Đường Trương Thị Hoa	Đường Nguyễn Văn Quang	1,02
101.23	Đường Lê Thị Bông	Đường Trương Thị Hoa	Đường Nguyễn Văn Quang	1,02
101.24	Đường Nguyễn Văn Thép	Đường Trương Thị Hoa	Đường Nguyễn Văn Quang	1,20
101.25	Đường Phạm Thị Dần (Đường D1 (Khu dân cư thương mại thị trấn Cây Dương))	Đường 3 Tháng 2	Đường Đoàn Văn Chia	1,02
101.26	Đường Lê Thị Nương (Đường D2 (Khu dân cư thương mại thị trấn Cây Dương))	Đường 3 Tháng 2	Đường Đoàn Văn Chia	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
101.27	Đường Bùi Thị Chăm (Đường D3 (Khu dân cư thương mại thị trấn Cây Dương))	Đường 3 Tháng 2	Đường Đoàn Văn Chia	1,02
101.28	Đường Lê Thị Cảnh (Đường D4 (Khu dân cư thương mại thị trấn Cây Dương))	Đường D3	Đường 3 Tháng 2	1,02
101.29	Đường Nguyễn Thị Hóa (Đường số 10 (Khu dân cư thương mại thị trấn Cây Dương))	Đường D3	Đường 3 Tháng 2	1,02
101.30	Đường số 1	Đường Nguyễn Thị Điền (Đường số 5)	Đường Lê Thị Tư (Đường số 6)	1,20
101.31	Đường Nguyễn Thị Điền (Đường số 5)	Đường 30 Tháng 4	Hết đường nhựa	1,20
101.32	Đường Lê Thị Tư (Đường số 6)	Đường Hùng Vương	Đường số 1	1,20
101.33	Đường số 3 Khu dân cư Phụng Hiệp	Đường số 22	Đường số 4	1,02
101.34	Đường số 4 Khu dân cư Phụng Hiệp	Đường số 5 dự mở	Hết lộ nhựa	1,02
101.35	Khu tái định cư tại thị trấn Cây Dương	Đường số 12 (25 mét)		1,02
		Đường số 10 (17 mét)		1,02
		Đường số 23 (17 mét)		1,02
		Đường số 25 (17 mét)		1,02
		Đường Lê Thị Bông (Đường số 27 (17 mét))		1,02
101.36	Khu tái định cư Cây Dương phục vụ Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng Đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1	Đường số 1 (Lộ giới 18 mét)		1,02
		Đường số 2 (Lộ giới 15 mét)		1,02
		Đường số 3 (Lộ giới 14 mét)		1,02
		Đường số 4 (Lộ giới 14 mét)		1,02
		Đường số 5 (Lộ giới 14 mét)		1,02
		Đường số 6 (Lộ giới 14 mét)		1,02
		Đường số 7 (Lộ giới 14 mét)		1,02
102	**Xã Phụng Hiệp**			
102.1	Đường tỉnh 927	Cầu Sậy Niếu	Cầu Đất Sét	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
102.2	Đường tỉnh 928	Giáp ranh xã Thạnh Hòa	Cầu Cây Dương (Ngã tư Máy Cháy)	1,02
		Cầu Cây Dương (Ngã tư Máy Cháy)	Cầu La Bách	1,02
		Cầu La Bách	Đường ô tô về Trung tâm xã Hòa Mỹ	1,02
		Đường ô tô về Trung tâm xã Hòa Mỹ	Giáp ranh xã Hiệp Hưng (cầu Trường học)	1,02
102.3	Đường ô tô về Trung tâm xã Hòa Mỹ	Đường tỉnh 928	Cầu Kênh Tây (Họa Đồ)	1,02
102.4	Đường về Trung tâm xã Phụng Hiệp	Cầu Kênh Tây (Họa Đồ)	Cầu Ngã tư Đất Sét	1,02
		Cầu ngã tư Đất Sét	Giáp ranh phường Ngã Bảy (Cầu UBND phường Lái Hiếu)	1,02
		Đường tỉnh 927 (Cầu Sậy Niếu)	Giáp ranh Lộ Xẻo Môn	1,02
102.5	Chợ Hòa Mỹ	Đường tỉnh 928	Các đường nội ô chợ	1,02
103	**Xã Thạnh Hòa**			
103.1	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Đông Phước	Cầu Nàng Mau (Cầu Trắng Lớn)	1,02
		Cầu Nàng Mau (Cầu Trắng Lớn)	Giáp ranh phường Đại Thành	1,02
103.2	Quốc lộ 61	Cầu Cái Tắc	Cống Mâm Thao	1,02
		Cống Mâm Thao	Đường rẽ vào Đường tỉnh 928	1,02
		Đường rẽ vào Đường tỉnh 928	Cầu Ba Láng	1,02
103.3	Đường tỉnh 925B	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Phú Hữu	1,02
103.4	Đường tỉnh 928	Cầu Ba Láng	Kênh Mụ Thể	1,02
		Kênh Mụ Thể	Cầu Cây	1,02
		Cầu Cây	Giáp ranh xã Phụng Hiệp	1,02
103.5	Đường tránh Đường tỉnh 928	Quốc lộ 61	Đường tỉnh 928	1,02
103.6	Đường vào Khu tái định cư xã Long Thạnh (Dự án Quốc lộ 1A giai đoạn 2) ấp Trường Khánh 1	Quốc lộ 1A	Khu tái định cư xã Thạnh Hòa (Dự án Quốc lộ 1A giai đoạn 1) ấp Trường Khánh 1	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
103.7	Khu tái định cư xã Long Thạnh (Dự án Quốc lộ 1A giai đoạn 1) ấp Trường Khánh 1	Các đường nội bộ		1,02
103.8	Đường song song Quốc lộ 1A (Không áp dụng đối với các thửa đất mặt tiền Quốc lộ 1A)	Cầu Cái Đinh	Giáp ranh xã Đông Phước	1,02
103.9	Đường ô tô về Trung tâm xã Thạnh Hòa (Ấp Trường Khánh 1)	Quốc lộ 1A	Hết ranh Trụ sở UBND xã Thạnh Hòa	1,02
		Giáp ranh Trụ sở UBND xã Thạnh Hòa	Ngã tư Vàm Xẻo Đon	1,02
103.10	Đường về xã Thạnh Hòa (Đường cũ)	Quốc lộ 1A	Đường về xã Thạnh Hòa	1,02
103.11	Đường đi xã Đông Phước	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Đông Phước	1,02
103.12	Đường về Cầu Nhị Hồng	Kênh mương lộ Quốc lộ 1A	Đầu Cầu Nhị Hồng	1,02
103.13	Đường đi Phố 10 căn	Cầu Bà Triệu	Cầu Xáng Bộ	1,02
103.14	Đường Tha La	Quốc lộ 61	Cầu Sơn Đài	1,04
		Cầu Sơn Đài	Cầu Tha La	1,04
103.15	Lộ Thanh Niên	Quốc lộ 61	Sông Tầm Vu	1,02
103.16	Lộ Rạch Chanh - Ranh Làng	Quốc lộ 61	Cầu Rạch Chanh	1,08
103.17	Đường dẫn vào Khu tái định cư Tân Long (Giai đoạn 1)	Quốc lộ 1A	Khu tái định cư Tân Long (Giai đoạn 1)	1,02
103.18	Khu tái định cư Tân Long (Giai đoạn 1)	Cả khu		1,02
103.19	Khu dân cư - Thương mại - Dịch vụ đa chức năng Minh Trí	Các tuyến đường nội bộ theo quy hoạch chi tiết xây dựng		1,02
103.20	Khu Thương mại Chợ Cầu Trắng	Đường số 1; Lộ giới 13 mét (3 - 7 - 3)		1,02
		Đường số 2, số 8; Lộ giới 13 mét (3 - 7 - 3); Đường số 9; Lộ giới 12 mét (2 - 7 - 3)		1,02
		Đường số 3, số 4, số 6, số 7; Lộ giới 13 mét (3 - 7 - 3)		1,02
103.21	Khu tái định cư xã Tân Long (Sạt lở)	Đường nhựa đấu nối vào Đường tỉnh 925B		1,02
103.22	Chợ Thạnh Hòa	Các đường nội bộ trong chợ		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
103.23	Chợ Phú Khởi	Các đường nội bộ trong chợ		1,02
103.24	Chợ Long Thạnh	Quốc lộ 1A	Cầu qua Trường Trung học cơ sở Long Thạnh	1,02
		Các đường nội ô trong chợ		1,02
103.25	Chợ Tân Long (cũ)	Cả khu		1,02

Phụ lục VI

HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH MỨC BIẾN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG ĐỐI VỚI ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
1	**Phường Ninh Kiều**			
1.1	Đường Bà Huyện Thanh Quan	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Phan Đăng Lưu	1,04
1.2	Đường Bà Triệu	Đường Ngô Gia Tự	Cuối đường	1,04
1.3	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Phan Đăng Lưu	Đường Đinh Tiên Hoàng	1,04
1.4	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Vòng xoay Bến xe	Đường Phạm Ngũ Lão	1,04
1.5	Đường Cao Bá Quát	Đường Phan Đình Phùng	Đường Điện Biên Phủ	1,04
		Đường Điện Biên Phủ	Đường Đồng Khởi	1,04
1.6	Đường Châu Văn Liêm	Đường Hai Bà Trưng	Đường Hòa Bình	1,02
1.7	Đường Đề Thám	Đường Hòa Bình	Đường Nguyễn Khuyến	1,04
		Đường Nguyễn Khuyến	Đường Huỳnh Cương	1,04
1.8	Đường Điện Biên Phủ	Đường Võ Văn Tần	Đường Ngô Đức Kế	1,04
		Đường Ngô Đức Kế	Cuối đường	1,04
1.9	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Hùng Vương	Cầu Xô Viết Nghệ Tĩnh	1,04
1.10	Đường Đồng Khởi	Đường Hòa Bình	Đường Châu Văn Liêm	1,04
		Đường Châu Văn Liêm	Cuối đường	1,04
1.11	Đường 3 Tháng 2	Đường Mậu Thân	Giáp ranh phường Tân An	1,04
1.12	Đường 30 Tháng 4	Đường Hòa Bình	Đường Trần Ngọc Quế	1,02
1.13	Đường cặp bờ kè Hồ Búng Xáng	Hẻm 51, Đường 3 Tháng 2	Giáp ranh Trường Đại học Cần Thơ (Khu II)	1,04
1.14	Đường cặp bờ kè Rạch Khai Luông	Giáp ranh Nhà khách Đoàn 30	Cầu Ninh Kiều	1,04
1.15	Đường nội bộ Vincom Xuân Khánh	Cả khu		1,04
1.16	Đường Hai Bà Trưng	Nhà hàng Ninh Kiều	Đường Nguyễn An Ninh	1,02
		Đường Nguyễn An Ninh	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	1,02
1.17	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Đường Phan Đình Phùng	Đường Hai Bà Trưng	1,04
1.18	Đường Hồ Xuân Hương	Đường Hùng Vương	Đường Bùi Thị Xuân	1,04
		Đường Hùng Vương	Hẻm 67, Đường Phan Đăng Lưu	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
1.19	Đường Hòa Bình	Đường Nguyễn Trãi	Đường 30 Tháng 4	1,02
1.20	Đường Hoàng Văn Thụ	Đường Nguyễn Trãi	Đường Trần Hưng Đạo	1,04
1.21	Đường Hùng Vương	Cầu Nhị Kiều	Vòng xoay Bến xe	1,04
1.22	Đường Huỳnh Cương	Đường Hoàng Văn Thụ - quanh Hồ Xáng Thổi	Đường Hoàng Văn Thụ	1,04
1.23	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Mậu Thân	1,04
1.24	Đường Lê Anh Xuân (Hẻm 132 - Đường Hùng Vương)	Cầu Nhị Kiều	Đường Yết Kiêu	1,04
1.25	Đường Lê Lai	Các đoạn trải nhựa, giáp Đường Phan Văn Trị		1,04
1.26	Đường Lê Thánh Tôn	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Ngô Quyền	1,04
1.27	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Ngô Quyền	Đường Ngô Gia Tự	1,04
1.28	Đường Phan Văn Trị	Trường Đại học Cần Thơ (Khu III)	Đường 30 Tháng 4	1,04
1.29	Đường Lý Tự Trọng	Đường Trần Hưng Đạo	Trường Đại học Cần Thơ (Khu III) - Đường Trương Định	1,04
		Đường Trương Định	Đường Hòa Bình	1,04
1.30	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Trương Định	Cuối đường	1,04
1.31	Đường Mạc Thiên Tích (Đường cặp Rạch Bần)	Đường Mậu Thân	Đường 3 Tháng 2	1,04
1.32	Đường Mạc Thiên Tích (Đường cặp Rạch Tham Tướng)	Sông Cần Thơ	Đường Mậu Thân	1,04
1.33	Đường Mậu Thân	Đường Tầm Vu	Đường 30 Tháng 4	1,04
		Đường 30 Tháng 4	Đường Trần Hưng Đạo	1,04
		Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Rạch Ngỗng 1	1,04
1.34	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Đường Phan Đình Phùng	Đường Hòa Bình	1,04
1.35	Đường Ngô Đức Kế	Đường Hai Bà Trưng	Đường Phan Đình Phùng	1,04
		Đường Phan Đình Phùng	Đường Điện Biên Phủ	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
1.35	Đường Ngô Đức Kế	Đường Điện Biên Phủ	Đường Đồng Khởi	1,04
1.36	Đường Ngô Gia Tự	Đường Hai Bà Trưng	Đường Nguyễn Trãi	1,04
		Đường Nguyễn Trãi	Đường Võ Thị Sáu	1,04
1.37	Đường Ngô Hữu Hạnh	Đường Hòa Bình	Đường Trương Định	1,04
		Đường Hòa Bình	Đường Lý Thường Kiệt	1,04
1.38	Đường Ngô Quyền	Bờ sông Cần Thơ	Đường Hòa Bình	1,02
		Đường Hòa Bình	Đường Trương Định	1,02
1.39	Đường Ngô Văn Sở	Đường Hòa Bình	Đường Phan Đình Phùng	1,04
1.40	Đường Nguyễn An Ninh	Đường Hai Bà Trưng	Đường Hòa Bình	1,02
1.41	Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	Đường Nguyễn Trãi	Đường Hùng Vương	1,04
1.42	Đường Nguyễn Du	Đường Châu Văn Liêm	Đường Ngô Đức Kế	1,04
1.43	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Đường Nguyễn Trãi	Đường Ngô Hữu Hạnh	1,04
1.44	Đường Nguyễn Khuyến	Đường Ngô Quyền	Đường Đề Thám	1,04
1.45	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Hai Bà Trưng	Đường Hòa Bình	1,02
1.46	Đường Nguyễn Thần Hiến	Đường Lý Tự Trọng	Cuối đường	1,04
1.47	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Phan Đình Phùng	Cầu Quang Trung	1,04
		Cầu Quang Trung	Đường Tầm Vu	1,04
1.48	Đường Nguyễn Trãi	Đường Hòa Bình	Vòng xoay Bến xe	1,04
1.49	Đường Nguyễn Việt Hồng	Đường Phan Văn Trị	Đường Mậu Thân	1,04
1.50	Đường Phạm Ngũ Lão	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Hẻm 85	1,04
		Hẻm 85	Cuối đường	1,04
1.51	Đường Phan Bội Châu	Đường Phan Đình Phùng	Đường Hai Bà Trưng	1,04
1.52	Đường Phan Chu Trinh	Đường Phan Đình Phùng	Đường Hai Bà Trưng	1,04
1.53	Đường Phan Đăng Lưu	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Bà Huyện Thanh Quan	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
1.54	Đường Phan Đình Phùng	Đường Hòa Bình	Đường Ngô Đức Kế	1,02
		Đường Ngô Đức Kế	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	1,02
1.55	Đường Quang Trung	Đường 30 Tháng 4	Hẻm 33 và Hẻm 50	1,04
		Hẻm 33 và Hẻm 50	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	1,04
1.56	Đường Tầm Vu	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Vincom Xuân Khánh	1,04
		Vincom Xuân Khánh	Đường Trần Ngọc Quế	1,04
1.57	Đường Tân Trào	Đường Phan Đình Phùng	Đường Hai Bà Trưng	1,04
1.58	Đường Thủ Khoa Huân	Đường Hai Bà Trưng	Đường Phan Đình Phùng	1,04
1.59	Đường Trần Bình Trọng	Đường Lý Tự Trọng	Đường Trần Hưng Đạo	1,04
1.60	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Nhị Kiều	Đường Mậu Thân	1,04
1.61	Đường Trần Ngọc Quế	Đường 3 Tháng 2	Đường 30 Tháng 4	1,04
		Đường 30 Tháng 4	Đường Tầm Vu	1,04
1.62	Đường Trần Quốc Toản	Đường Hai Bà Trưng	Đường Hòa Bình	1,04
1.63	Đường Trần Văn Hoài	Đường 30 Tháng 4	Đường 3 Tháng 2	1,04
1.64	Đường Trương Định	Đường Ngô Hữu Hạnh	Đường Ngô Quyền	1,04
		Đường Ngô Quyền	Đường Đề Thám	1,04
		Đường Đề Thám	Đường Lý Tự Trọng	1,04
1.65	Đường Võ Thị Sáu	Đường Nguyễn Trãi	Đường Ngô Quyền	1,04
1.66	Đường Võ Văn Tần	Đường Hai Bà Trưng	Đường Hòa Bình	1,02
1.67	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Hòa Bình	Đường Hoàng Văn Thụ	1,04
1.68	Đường Yết Kiêu	Đường Phạm Ngũ Lão	Đường Lê Anh Xuân	1,04
1.69	Khu nội bộ Mậu Thân	Đường Cao Thắng		1,04
		Đường Đinh Công Tráng		1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
1.69	Khu nội bộ Mậu Thân	Đường Nguyễn Cư Trinh		1,04
		Đường Nguyễn Ngọc Trai		1,04
		Đường Nguyễn Văn Trỗi		1,04
1.70	Đường nội bộ Khu Tập thể Công ty Cấp thoát nước, khu công viên cây xanh (cũ) Đường 30 Tháng 4 (Khu dân cư số 5)	Các trục đường chính		1,04
1.71	Khu dân cư (Kế Chi cục Thú y) 30 Tháng 4 (Khu dân cư số 9)	Các trục đường chính		1,04
1.72	Khu dân cư Búng Xáng	Đường nội bộ		1,04
1.73	Khu dân cư Trần Khánh Dư	Đường 30 Tháng 4	Ngã ba hẻm	1,04
		Các trục chính còn lại		1,04
1.74	Hẻm 54, Đường Hùng Vương	Đường Hùng Vương	Hết trục đường chính	1,04
1.75	Hẻm 14; Hẻm 86, Đường Lý Tự Trọng	Đường Lý Tự Trọng	Đường Đề Thám	1,04
1.76	Hẻm 95, Đường Mậu Thân	Đường Mậu Thân	Trạm Y tế (cũ)	1,04
1.77	Hẻm 72B, Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Cuối hẻm	1,04
1.78	Hẻm 88, Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Cuối hẻm	1,04
1.79	Hẻm 93, Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trần Hưng Đạo	Cuối hẻm	1,04
1.80	Hẻm 218, Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trần Hưng Đạo	Cuối hẻm	1,04
1.81	Hẻm 50, Đường Quang Trung	Đường Quang Trung	Cuối hẻm	1,04
1.82	Hẻm 108, Đường 30 Tháng 4	Đường 30 Tháng 4	Đường Nguyễn Việt Hồng	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
2	**Phường Cái Khế**			
2.1	Đường Bế Văn Đàn	Đường Nguyễn Văn Cừ	Cuối đường	1,04
2.2	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Vòng xoay Bến xe	Hẻm 86, Đường Cách Mạng Tháng Tám (Bên phải)	1,04
		Đường Phạm Ngũ Lão	Đường Nguyễn Đệ (Bên trái)	1,04
2.3	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Ngã ba	1,04
		Ngã ba	Cuối đường	1,04
2.4	Đường nội bộ Khu dân cư Quân khu 9	Đường Trần Quang Khải	Đường Lý Hồng Thanh	1,04
2.5	Đường Sông Hậu và các trục đường quanh Công viên nước	Đường Trần Phú	Đường Lê Lợi (Khách sạn Victoria)	1,04
2.6	Đường vào Công an quận Ninh Kiều (cũ)	Đường Nguyễn Văn Cừ	Cuối đường	1,04
2.7	Đường Hồ Tùng Mậu	Đường Trần Phú	Đường Trần Văn Khéo	1,04
2.8	Đường Lê Anh Xuân (Hẻm 132 - Đường Hùng Vương)	Đường Yết Kiêu	Cầu Rạch Ngỗng 1	1,04
		Cầu Rạch Ngỗng 1	Cầu Rạch Ngỗng 2	1,04
2.9	Đường Lê Lợi	Đường Trần Phú	Đường Trần Văn Khéo	1,04
		Đường Trần Văn Khéo	Khách sạn Victoria	1,04
2.10	Đường Lương Định Của	Đường Trần Văn Khéo	Cuối đường	1,04
2.11	Đường Lý Hồng Thanh	Khu chung cư	Bờ kè Cái Khế	1,04
2.12	Đường Mậu Thân	Chân cầu Rạch Ngỗng 1	Đường Nguyễn Văn Cừ	1,04
		Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Nguyễn Đệ	1,04
2.13	Đường Nguyễn Bình	Đường Lê Lợi	Đường Ung Văn Khiêm	1,04
2.14	Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	Đường Nguyễn Trãi	Đường Ung Văn Khiêm	1,04
2.15	Đường Nguyễn Đệ (Vành đai Phi trường)	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Võ Văn Kiệt	1,04
2.16	Đường Nguyễn Đức Cảnh	Đường Trần Phú	Đường Trần Văn Khéo	1,04
2.17	Đường Nguyễn Hữu Cầu (Đường số 1, Khu dân cư Hoàn Mỹ)	Đường Nguyễn Văn Cừ	Cuối đường	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
2.18	Đường Nguyễn Hữu Trí (Đường số 5, Khu dân cư Vạn Phát)	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường số 7, Khu dân cư Vạn Phát	1,04
2.19	Đường Nguyễn Trãi	Cầu Nguyễn Trãi	Vòng xoay Bến xe	1,02
2.20	Đường Nguyễn Văn Cừ	Cầu Rạch Ngỗng 2	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1,04
		Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cầu Cồn Khương	1,04
		Chân cầu Cồn Khương	Rạch Khai Luông (Đường hai bên chân cầu)	1,04
		Cầu Cồn Khương	Sông Hậu	1,04
2.21	Đường Phạm Công Trứ (Đường số 2, Khu dân cư Vạn Phát)	Đường Trần Văn Giàu	Cuối đường	1,04
2.22	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Trần Văn Khéo	Cuối đường	1,04
2.23	Đường Phạm Ngũ Lão	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Yết Kiêu	1,04
2.24	Đường Trần Đại Nghĩa	Đường Trần Văn Khéo	Cuối đường	1,04
2.25	Đường Trần Phú	Đường Nguyễn Trãi	Đường Lê Lợi	1,04
		Đường Lê Lợi	Hai bến phà Cần Thơ	1,04
2.26	Đường Trần Quang Khải	Đường Nguyễn Trãi	Đường Ung Văn Khiêm	1,04
		Đường Ung Văn Khiêm	Đường Lê Lợi	1,04
2.27	Đường Trần Văn Giàu (Đường Khu dân cư Linh Thành)	Đường Nguyễn Văn Cừ	Cuối đường	1,04
2.28	Đường Trần Văn Khéo	Đường Nguyễn Trãi	Đường Lê Lợi	1,04
2.29	Đường Trần Văn Ơn	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Nguyễn Đệ	1,04
2.30	Đường Trần Việt Châu	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Phạm Ngũ Lão	1,04
2.31	Đường Ung Văn Khiêm	Đường Trần Phú	Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	1,04
2.32	Đường Võ Trường Toản	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Nguyễn Đệ	1,04
2.33	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Nguyễn Văn Cừ	Giáp ranh phường Bình Thủy	1,04
2.34	Khu chung cư C Mậu Thân	Cả khu		1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
2.35	Khu chung cư Cơ Khí	Cả khu		1,04
2.36	Khu dân cư Miền Tây - Cần Đô	Cả khu		1,04
2.37	Khu dân cư Vạn Phát (Giai đoạn 1); Khu dân cư Hoàn Mỹ (Trừ trục đường đã được đặt tên)	Cả khu		1,04
2.38	Khu tái định cư Trường Tiểu học Cái Khế	Cả khu		1,04
2.39	Đường Yết Kiêu	Đường Lê Anh Xuân	Đường Phạm Ngũ Lão	1,04
2.40	Đường Tôn Thất Tùng	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cuối đường	1,04
2.41	Hẻm 86, Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cuối đường	1,04
2.42	Hẻm 38, Đường Trần Việt Châu	Đường Trần Việt Châu	Hết đoạn trải nhựa	1,04
2.43	Hẻm 42, Đường Trần Việt Châu	Đường Trần Việt Châu	Hết đoạn trải nhựa	1,04
2.44	Hẻm 54, Đường Trần Việt Châu	Đường Trần Việt Châu	Hết đoạn trải nhựa	1,02
2.45	Hẻm 62, Đường Trần Việt Châu	Đường Trần Việt Châu	Hết đoạn trải nhựa	1,04
3	**Phường Tân An**			
3.1	Đường 30 Tháng 4	Đường Trần Ngọc Quế	Đường 3 Tháng 2	1,02
3.2	Đường Nguyễn Văn Cừ	Cầu Rạch Ngỗng 2	Cầu Cái Sơn 2	1,04
3.3	Đường Quản Trọng Hoàng	Đường 3 Tháng 2	Tập thể Tỉnh ủy (cũ)	1,04
3.4	Đường Tầm Vu	Đường Trần Ngọc Quế	Chợ Tầm Vu	1,04
		Chợ Tầm Vu	Cầu Mương Lộ	1,04
		Cầu Mương Lộ	Cuối đường	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
3.5	Đường 3 Tháng 2	Giáp ranh phường Ninh Kiều	Cầu Đầu Sấu (Giáp ranh phường An Bình)	1,04
3.6	Đường Trần Hoàng Na	Đường Tầm Vu (Đường dân sinh hai bên cầu)	Chân cầu Trần Hoàng Na	1,04
		Chân cầu Trần Hoàng Na	Đường 3 Tháng 2	1,04
		Đường 3 Tháng 2	Cầu Đầu Sấu (Giáp ranh phường An Bình)	1,04
3.7	Đường Lê Văn Thuấn (Hẻm 132, Đường 3 Tháng 2)	Đường 3 Tháng 2	Nhánh hẻm 25, Đường Nguyễn Văn Linh	1,04
3.8	Đường Nam Cao (Đường B12 - Khu dân cư 91B)	Đường Lê Chân	Đường A3	1,04
3.9	Đường Ngô Tất Tố (Đường B26 - Khu dân cư 91B)	Đường Lê Chân	Đường A3	1,04
3.10	Đường Chu Văn An (Đường số 4 - Khu tái định cư Thới Nhựt 2)	Đường số 5	Đường Trần Minh Sơn (Đường số 04 - Khu tái định cư Đại học Y Dược Cần Thơ)	1,04
3.11	Đường Phạm Sơn Khai (Trừ các tuyến đường thuộc Khu nhà ở cán bộ giáo viên Đại học Cần Thơ)	Quốc lộ 91B	Đường Búng Xáng	1,04
3.12	Đường Búng Xáng	Hẻm 51, Đường 3 Tháng 2	Cầu Rạch Ngỗng	1,04
3.13	Đường cặp bờ kè Rạch Ngỗng	Đường Búng Xáng	Cầu Rạch Ngỗng 2	1,04
3.14	Đường Lê Bình	Đường 3 Tháng 2	Đường 30 Tháng 4	1,04
3.15	Đường Lê Chân (Đường A2 - Khu dân cư 91B)	Đường số B21	Đường số 23	1,04
3.16	Đường Lý Chính Thắng	Đường 3 Tháng 2	Đường Nguyễn Văn Linh	1,04
3.17	Đường Ngô Sĩ Liên (Đường số 01 - Khu dân cư Metro)	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường số 3	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
3.18	Đường Ngô Thì Nhậm (Trục phụ Khu dân cư Thới Nhựt 1)	Đường số 6	Đường Trần Minh Sơn	1,04
3.19	Đường Nguyễn Hiền	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Trần Hoàng Na	1,04
		Đường Trần Hoàng Na	Cuối đường	1,04
3.20	Đường Nguyễn Minh Quang (Đường số 24 - Khu dân cư Thới Nhựt 1)	Đường Ngô Thì Nhậm	Đường Nguyễn Minh Quang	1,04
3.21	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Nguyễn Văn Cừ	Cuối đường	1,04
3.22	Đường Phạm Thế Hiển (Đường 11A, Khu dân cư dự án Nâng cấp đô thị)	Đường Trần Minh Sơn	Đường Nguyễn Minh Quang	1,04
3.23	Đường Phan Huy Chú (Trục phụ Khu dân cư Thới Nhựt 1)	Đường Trần Minh Sơn	Đường Nguyễn Minh Quang	1,04
3.24	Đường Trần Bạch Đằng (Trục chính Khu dân cư nâng cấp đô thị)	Đường Nguyễn Văn Cừ	Giáp ranh phường Long Tuyền	1,04
3.25	Đường Trần Minh Sơn (Đường số 04 - Khu tái định cư Đại học Y Dược Cần Thơ)	Đường Trần Bạch Đằng	Đường số 05 - Khu tái định cư Đại học Y Dược Cần Thơ	1,04
3.26	Đường Trần Nam Phú	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường cặp Hồ Búng Xáng	1,04
3.27	Đường Trần Ngọc Quế	Đường 3 Tháng 2	Đường 30 Tháng 4	1,04
		Đường 30 Tháng 4	Đường Tầm Vu	1,04
3.28	Đường Trần Văn Long	Đường số 5 - Khu dân cư Thới Nhựt 2	Đường cặp Rạch Bà Bộ	1,04
3.29	Đường Tô Hiến Thành	Đường Trần Bạch Đằng	Đường số 6, Khu dân cư Thới Nhựt 2	1,04
3.30	Đường Nguyễn Văn Hưởng	Đường Nguyễn Minh Quang	Đường Trần Minh Sơn	1,04
3.31	Đường Đặng Văn Ngữ	Đường Nguyễn Minh Quang	Đường Trần Minh Sơn	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
3.32	Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh)	Chân cầu Hưng Lợi	Đường Nguyễn Văn Cừ	1,04
		Đường Nguyễn Văn Cừ	Rạch Bà Bộ	1,04
		Hai bên chân cầu Hưng Lợi	Sông Cần Thơ	1,04
3.33	Khu dân cư 91B - Giai đoạn 3 (Trừ các tuyến đường đã đặt tên)	Trục chính		1,04
		Trục phụ		1,04
3.34	Khu chung cư Đường 3 Tháng 2 (Trừ các tuyến đường đã đặt tên)	Trục đường chính dẫn vào khu chung cư A, B, C, D, do Nhà nước đầu tư		1,04
		Trục phụ		1,04
3.35	Khu dân cư 91B (Giai đoạn 1, tính từ Quốc lộ 91B - Trần Hoàng Na dự mở (Trừ các tuyến đường đã đặt tên)	Trục chính		1,04
		Trục phụ		1,04
3.36	Khu dân cư 148, Đường 3 Tháng 2	Đường 3 Tháng 2	Hết đường trải nhựa	1,04
3.37	Khu dân cư 351, Đường 30 Tháng 4	Các trục đường chính		1,04
3.38	Khu dân cư 274, Đường 30 Tháng 4	Đường nội bộ		1,04
3.39	Khu dân cư 515, Đường 30 Tháng 4	Đường 30 Tháng 4	Hết đường trải nhựa	1,04
3.40	Khu dân cư dự án Nâng cấp đô thị	Các đường còn lại		1,04
3.41	Khu dân cư Hàng Bàng	Cả khu		1,04
3.42	Khu dân cư Metro Cash (Trừ Đường số 1)	Trục chính		1,04
		Trục phụ		1,04
3.43	Khu dân cư Phước Kiến, Tầm Vu	Đường nội bộ		1,04
3.44	Khu tái định cư Thới Nhựt 2 (Giai đoạn 1 và 2)	Cả khu		1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
3.45	Khu tái định cư Thới Nhựt - Lô 1A (Công ty Hồng Quang làm chủ đầu tư)	Phần tiếp giáp Đường Trần Bạch Đằng		1,04
		Các trục đường còn lại		1,04
3.46	Khu tái định cư Trường Đại học Y Dược (Giai đoạn 1)	Trục chính		1,04
		Trục phụ		1,04
3.47	Hẻm 12, Đường 3 Tháng 2	Đường 3 Tháng 2	Hết đoạn trải nhựa	1,04
3.48	Hẻm 483, Đường 30 Tháng 4	Đường 30 Tháng 4	Hẻm 17, Đường Trần Hoàng Na	1,04
3.49	Hẻm 577, Đường 30 Tháng 4	Đường 30 Tháng 4	Đường Tầm Vu	1,04
4	**Phường An Bình**			
4.1	Đường 3 Tháng 2	Cầu Đầu Sấu	Chân cầu Cái Răng	1,04
		Hai bên chân cầu Cái Răng	Sông Cần Thơ	1,04
4.2	Đường Trần Hoàng Na	Cầu Đầu Sấu	Đường Nguyễn Văn Cừ	1,02
4.3	Đường Hậu Giang	Đường 3 Tháng 2	Cuối đường	1,04
4.4	Đường Nguyễn Văn Cừ	Cầu Rạch Ngỗng 2	Cầu Cái Sơn 2	1,04
		Cầu Cái Sơn 2	Đường Mỹ Khánh - Bông Vang	1,04
		Đường Mỹ Khánh - Bông Vang	Giáp ranh xã Phong Điền	1,04
4.5	Đường Tú Xương (Đường số 6, Khu dân cư Hồng Phát)	Đường Xuân Thủy	Cuối đường	1,04
4.6	Đường Xuân Thủy (Đường số 7 và Đường số 15, Khu dân cư Hồng Phát)	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Hoàng Quốc Việt	1,04
4.7	Đường Hoàng Quốc Việt	Lộ Vòng Cung	Cầu Hàng Bàng	1,02
4.8	Đường Nguyễn Văn Trường	Lộ Vòng Cung	Cầu Ngã Cái	1,04
4.9	Đường Trần Vĩnh Kiết	Đường 3 Tháng 2	Đường Nguyễn Văn Cừ	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
4.10	Lộ Vòng Cung	Cầu Cái Răng	Cầu Rau Răm	1,04
		Cầu Rau Răm	Giáp ranh xã Phong Điền	1,04
4.11	Khu dân cư Cái Sơn - Hàng Bàng (Khu B)	Phần mở rộng		1,04
4.12	Khu dân cư Hồng Phát (Các trục đường nội bộ chưa có tên trong bảng giá đất)	Trục chính		1,02
		Trục phụ		1,04
4.13	Khu đô thị mới An Bình	Cả khu		1,04
4.14	Khu tái định cư Đường tỉnh 923	Cả khu		1,04
4.15	Khu tái định cư Rạch Ngã Ngay	Cả khu		1,04
4.16	Khu chợ Mỹ Khánh và XD Thương mại thuộc Khu tái định cư hai bên Đường Nguyễn Văn Cừ (Công ty Mặt Trời Đỏ trúng đấu giá)	Cặp Đường Nguyễn Văn Cừ		1,02
4.17	Khu tái định cư xã Mỹ Khánh (Thuộc dự án khai thác quỹ đất)	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Trường Tiền - Bông Vang	1,03
4.18	Đường Trường Tiền - Bông Vang (Trừ đoạn qua Khu tái định cư xã Mỹ Khánh)	Lộ Vòng Cung	Cầu Rạch Dinh	1,04
		Cầu Rạch Dinh	Cầu Rạch Nhum	1,04
		Các trục đường nội bộ Khu nhà ở cán bộ Học viện chính trị hành chính khu vực 4		1,04
4.19	Đường Rạch Kè - Bờ Hồ	Rạch Kè	Rạch Bờ Hồ	1,04
4.20	Đường cặp Rạch Cái Sơn (Hai bên)	Đường Nguyễn Văn Cừ	Vòng Cung	1,04
4.21	Hẻm 234, Đường Hoàng Quốc Việt	Đường Hoàng Quốc Việt	Cuối đường	1,02
4.22	Hẻm 170, Đường Hoàng Quốc Việt	Đường Hoàng Quốc Việt	Cuối đường	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
4.23	Hẻm 36, Đường Hoàng Quốc Việt	Đường Hoàng Quốc Việt	Cuối đường	1,02
4.24	Đường Rau Mui - Mỹ Hòa	Cầu Rau Mui	Giáp ranh khu vực Mỹ Hòa	1,04
4.25	Đường cặp Rạch Sao	Cầu Trường Tiền	Giáp ranh xã Phong Điền	1,04
4.26	Khu tái định cư An Bình	Trục chính		1,02
		Trục phụ		1,02
4.27	Khu tái định cư Ninh Kiều	Trục chính		1,02
		Trục phụ		1,02
4.28	Khu tái định cư Phong Điền (Giai đoạn 1)	Trục chính		1,02
		Trục phụ		1,02
5	**Phường Bình Thủy**			
5.1	Đường Lê Hồng Phong	Cầu Bình Thủy	Đường Huỳnh Phan Hộ (Bên trái)	1,04
			Hết ranh Cảng Cần Thơ (Bên phải)	1,04
5.2	Đường Bùi Hữu Nghĩa (Đường tỉnh 918)	Đường Lê Hồng Phong	Đường Nguyễn Truyền Thanh	1,04
		Đường Nguyễn Truyền Thanh	Cầu Ngã Tư	1,04
		Cầu Ngã Tư	Cầu Rạch Chanh	1,04
5.3	Đường Lạc Long Quân (Đường số 13, Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301))	Đường Lê Hồng Phong	Đường Võ Văn Kiệt	1,04
5.4	Đường Nguyễn Chánh Tâm (Đường số 6, Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301))	Đường Lê Hồng Phong	Đường Kinh Dương Vương	1,04
5.5	Đường Kinh Dương Vương	Đường Đặng Văn Dầy	Đường số 25, Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301)	1,04
5.6	Đường Đặng Thùy Trâm	Đường Đặng Văn Dầy	Đường số 7, Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301)	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
5.7	Đường Đỗ Trọng Văn (Đường số 13, Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301))	Đường Lê Hồng Phong	Hết trục Đường số 13, Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301)	1,04
5.8	Đường Đặng Văn Dầy (Trục Đường số 1, Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301))	Đường Lê Hồng Phong	Cuối đường	1,04
5.9	Đường Đinh Công Trứ (Trục Đường số 29, Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301))	Đường Đặng Văn Dầy	Đường số 20, Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301)	1,04
5.10	Đường Trần Nhật Duật (Đường số 36, 37, Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301))	Đường Đặng Văn Dầy	Trục Đường số 15, Khu dân cư phường Bình Thủy (Kho 301)	1,04
5.11	Đường Huỳnh Phan Hộ (Phía bên trái hướng Đường Lê Hồng Phong vào)	Đường Lê Hồng Phong	Giáp ranh phường Long Tuyền	1,04
5.12	Đường Nguyễn Truyền Thanh	Đường Lê Hồng Phong	Đường Bùi Hữu Nghĩa	1,04
5.13	Đường Võ Văn Kiệt	Giáp ranh phường Cái Khế	Cầu Bà Bộ	1,04
		Cầu Bình Thủy 2	Cầu Rạch Chanh	1,04
5.14	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Nguyễn Đệ, Hẻm 86 Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cầu Bình Thủy	1,04
5.15	Đường Lê Phước Thọ	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cống Rạch Sao (Giáp phường Long Tuyền)	1,04
5.16	Đường Đồng Ngọc Sứ	Đường Trần Quang Diệu	Ngã ba	1,04
		Ngã ba	Đường Phạm Hữu Lầu	1,04
5.17	Đường Đồng Văn Cống	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Trần Quang Diệu	1,04
5.18	Đường Lê Quang Chiểu	Đường Lê Văn Sô	Đường Nguyễn Thông	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
5.19	Đường Lê Văn Bì	Đường Lê Văn Sô	Đường Lê Phước Thọ	1,04
5.20	Đường Lê Văn Sô	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Trần Quang Diệu	1,04
5.21	Đường Nguyễn Đệ	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Võ Văn Kiệt	1,04
5.22	Đường Nguyễn Thông	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Trần Quang Diệu	1,04
5.23	Đường Nguyễn Việt Dũng	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Trần Quang Diệu	1,04
5.24	Đường Phạm Hữu Lầu	Đường Trần Quang Diệu	Đường Đồng Văn Cống	1,04
5.25	Đường Phạm Ngọc Hưng	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Võ Văn Kiệt	1,04
5.26	Đường Thái Thị Nhạn	Suốt tuyến		1,04
5.27	Đường Trần Quang Diệu	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cầu Ván	1,04
		Cầu Ván	Chợ Ngã Tư	1,04
		Chợ Ngã Tư	Cầu Bình Thủy	1,04
5.28	Đường Trần Văn Nghiêm	Đường Trần Quang Diệu	Cuối hẻm 172, Đường Trần Quang Diệu	1,04
5.29	Đường Đặng Thị Nhường	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Rạch Khai Luông	1,04
5.30	Đường Huỳnh Mẫn Đạt	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Rạch Khai Luông	1,04
5.31	Đường Nguyễn Thị Tính	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cuối đường	1,04
5.32	Khu tập thể Cầu Đường 675	Cả khu		1,04
5.33	Khu dân cư phường Bình Thủy (kho 301), dự án chủ đầu tư Ngân Thuận (Trừ các trục đường đã đặt tên và có giá cụ thể trong bảng giá đất)	Trục chính		1,04
		Trục phụ		1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
5.34	Khu tái định cư công trình bồi thường, giải phóng mặt bằng cơ sở hạ tầng Khu hành chính và Trung tâm thể dục thể thao quận Bình Thủy	Đường trục chính trên 10 mét		1,04
		Đường trục phụ dưới 10 mét		1,04
5.35	Khu dân cư Công ty Cổ phần Xây lắp PTKD nhà đầu tư	Đường nội bộ toàn khu		1,04
5.36	Khu dân cư An Thới	Trục chính		1,04
		Trục phụ		1,04
5.37	Khu tái định cư Hẻm 115, Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cả khu		1,04
5.38	Khu tái định cư Bành Văn Khuê, Đường Trần Quang Diệu	Suốt tuyến		1,04
5.39	Hẻm 180, Đường Cách Mạng Tháng Tám	Suốt tuyến		1,04
5.40	Hẻm 412, Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Hết đoạn trải nhựa	1,04
5.41	Hẻm 512, Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Khu dân cư An Thới	1,04
6	**Phường Long Tuyền**			
6.1	Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh)	Rạch Bà Bộ	Giáp ranh phường Thới An Đông	1,04
6.2	Đường Bùi Hữu Nghĩa (Đường tỉnh 918)	Cầu Rạch Chanh	Ngã ba Đường Nguyễn Văn Trường	1,04
		Ngã ba Đường Nguyễn Văn Trường	Hết ranh phường Long Tuyền	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
6.3	Đường Võ Văn Kiệt	Cầu Bà Bộ	Cầu Bình Thủy 2	1,04
		Cầu Rạch Chanh	Hết ranh phường Long Tuyền	1,04
6.4	Đường Huỳnh Phan Hộ	Đường Võ Văn Kiệt	Rạch Chanh	1,04
6.5	Đường Đinh Công Chánh	Chợ Phó Thọ	Đường Võ Văn Kiệt	1,04
		Đường Võ Văn Kiệt	Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh)	1,04
6.6	Đường Lê Phước Thọ	Cống Rạch Sao	Đường tỉnh 918 (Bờ kè rạch Cái Sơn - Hàng Bàng)	1,04
6.7	Đường Xuân Hồng (Đường số 1 - Khu tái định cư phường Long Tuyền và Đường số 36 - Khu đô thị hai bên Đường Nguyễn Văn Cừ)	Đường Tô Vĩnh Diện	Đường số 5 - Khu đô thị mới hai bên Đường Nguyễn Văn Cừ	1,03
6.8	Khu dân cư P2 (Đối diện chợ Bà Bộ)	Cả khu		1,04
6.9	Khu dân cư Cái Sơn - Hàng Bàng	Cả khu		1,04
6.10	Khu tái định cư Bình Nhựt (12,8 ha)	Trục chính		1,04
		Trục phụ		1,04
6.11	Khu tái định cư phường Long Tuyền	Cả khu		1,04
6.12	Khu tái định cư Bình Thủy (Khu 1)	Đường trục chính trên 10 mét		1,02
		Đường trục phụ dưới 10 mét		1,02
6.13	Khu đô thị tái định cư Cửu Long (Các vị trí đã hoàn thiện CSHT và được cấp GCN QSDĐ)	Trục chính		1,04
		Trục phụ		1,04
6.14	Đường Nguyễn Thanh Sơn	Đường Bùi Hữu Nghĩa (Đường tỉnh 918)	Đường Võ Văn Kiệt	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
6.15	Đường Nguyễn Thị Tạo	Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh)	Đường Võ Văn Kiệt	1,04
6.16	Đường Nguyễn Văn Trường	Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh)	Hết ranh phường Long Tuyền	1,04
6.17	Đường Tạ Thị Phi	Đường Nguyễn Văn Trường	Khu dân cư đường Nguyễn Văn Cừ	1,04
6.18	Đường Tô Vĩnh Diện	Đường Nguyễn Văn Trường	Khu tái định cư phường Long Tuyền	1,04
6.19	Đường Rạch Chanh	Đường Bùi Hữu Nghĩa (Đường tỉnh 918)	Rạch Bà Cầu	1,04
		Đường Võ Văn Kiệt	Đường Hồ Trung Thành	1,04
6.20	Bờ kè Rạch Cam	Đường Bùi Hữu Nghĩa (Đường tỉnh 918)	Hết đoạn bờ kè	1,02
6.21	Đường vào Làng hoa kiểng Bà Bộ	Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh)	Ranh Khu đô thị tái định cư Cửu Long (Các vị trí đã hoàn thiện CSHT và được cấp GCN QSDĐ)	1,04
6.22	Đường Trường Tiền - Bông Vang	Đường Bùi Hữu Nghĩa (Đường tỉnh 918)	Hết ranh phường Long Tuyền	1,04
6.23	Đường Nguyễn Văn Cừ (Dự án khai thác quỹ đất)	Cầu Cái Sơn 2 (Phường Long Tuyền)	Hết ranh phường Long Tuyền	1,04
6.24	Đường Kè Cái Sơn - Mương Khai	Đường Lê Phước Thọ	Đường Âu Thuyền Hàng Bàng	1,04
6.25	Đường Rạch Hàng Bàng	Cầu Bà Bộ (Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh))	Đường Âu Thuyền Hàng Bàng	1,04
7	**Phường Thới An Đông**			
7.1	Đường Lê Hồng Phong	Đường Huỳnh Phan Hộ	Cầu Trà Nóc	1,04
		Cầu Trà Nóc	Cầu Sang Trắng 1	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
7.2	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Lê Hồng Phong	Cầu Rạch Gừa	1,02
		Cầu Rạch Gừa	Cầu Trà Nóc 2	1,02
		Cầu Trà Nóc 2	Quốc lộ 91B	1,02
7.3	Đường Hồ Trung Thành (Đường Công Bình)	Đường Lê Hồng Phong	Đường Huỳnh Phan Hộ - Rạch Chanh	1,04
7.4	Đường Huỳnh Phan Hộ (Bên phải)	Đường Lê Hồng Phong	Giáp ranh phường Long Tuyền	1,04
7.5	Đường Lê Thị Hồng Gấm	Đường Lê Hồng Phong	Cầu Xẻo Mây	1,01
7.6	Đường kè chống sạt lở sông Trà Nóc	Cầu Xẻo Mây	Rạch Chùa	1,01
7.7	Đường Âu Cơ	Đường Lê Hồng Phong	Đường Võ Văn Kiệt	1,04
7.8	Đường Nguyễn Viết Xuân	Đường Lê Hồng Phong	Rạch Xẻo Mây - Lê Thị Hồng Gấm	1,02
		Rạch Xẻo Mây	Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh)	1,02
		Ngã ba Trạm y tế phường Thới An Đông	Hết ranh Trạm Y tế phường Thới An Đông	1,02
7.9	Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh)	Giáp ranh phường Long Tuyền	Giáp ranh phường Phước Thới (Cầu Giáo Dẫn)	1,04
7.10	Đường Phạm Thị Ban (Tuyến Ngã Ba - ông Tư Lợi, phường Thới An Đông)	Cầu Trà Nóc 2 (Đường Nguyễn Chí Thanh)	Cầu Giáo Dẫn (Quốc lộ 91B)	1,02
7.11	Đường Trần Thị Mười	Quốc lộ 91B	Kênh Ông Tường	1,01
7.12	Khu dân cư vượt lũ phường Trà Nóc (cũ)	Cả khu		1,04
7.13	Khu tái định cư Vành Đai Sân bay	Đường Âu Cơ	Hết đoạn trải nhựa	1,02
7.14	Khu tái định cư Bình Thủy (Khu 1)	Đường trục phụ dưới 10 mét		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
7.15	Hẻm 19, Đường Lê Hồng Phong	Suốt tuyến		1,02
7.16	Hẻm 29, Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Hồng Phong	Cuối hẻm	1,02
7.17	Hẻm 44, Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Hồng Phong	Hẻm 36, Đường Nguyễn Chí Thanh	1,01
7.18	Hẻm 65, Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Hồng Phong	Cuối đường	1,01
7.19	Hẻm liên tổ 2, 3, 4, Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Hồng Phong	Cuối hẻm	1,01
7.20	Hẻm 71, Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Hồng Phong	Hẻm 18, Đường Hồ Trung Thành	1,02
7.21	Hẻm 3, Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Hồng Phong	Hết đoạn trải nhựa (Nhà văn hóa khu vực 4)	1,02
7.22	Hẻm 129, Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Hồng Phong	Cuối hẻm	1,01
7.23	Hẻm 40, Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Hồng Phong	Cuối hẻm	1,01
7.24	Hẻm Khu Tập thể Hóa chất và Cơ điện Công nghiệp (Hẻm liên tổ 6, 7, 8)	Đường Lê Hồng Phong	Toàn khu	1,02
7.25	Đường vào Tổng Công ty phát điện 2, phường Trà Nóc (cũ)	Đường Nguyễn Chí Thanh	Cổng vào Tổng Công ty phát điện 2	1,01
7.26	Hẻm 18, Đường Hồ Trung Thành	Đường Hồ Trung Thành	Hết đoạn trải nhựa	1,01
7.27	Hẻm 32, Đường Hồ Trung Thành	Đường Hồ Trung Thành	Cuối hẻm	1,02
7.28	Hẻm 54, Đường Hồ Trung Thành	Đường Hồ Trung Thành	Đường Âu Cơ	1,01
7.29	Hẻm 72, Đường Hồ Trung Thành	Đường Hồ Trung Thành	Cuối hẻm	1,01

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
7.30	Hẻm 149, Đường Hồ Trung Thành	Đường Hồ Trung Thành	Cuối hẻm	1,01
7.31	Các nhánh hẻm 54, Đường Hồ Trung Thành	Đường Hồ Trung Thành	Hết đoạn trải nhựa	1,01
7.32	Hẻm 90, Đường Huỳnh Phan Hộ	Đường Huỳnh Phan Hộ	Cuối hẻm	1,01
7.33	Hẻm 48, Đường Huỳnh Phan Hộ	Đường Huỳnh Phan Hộ	Rạch Chanh	1,01
7.34	Hẻm 28, Đường Huỳnh Phan Hộ	Đường Huỳnh Phan Hộ	Cuối hẻm	1,01
7.35	Hẻm 38, Đường Huỳnh Phan Hộ	Đường Huỳnh Phan Hộ	Hết đoạn trải nhựa	1,02
7.36	Đường cặp Rạch Xẻo Khế (Bên trái)	Đường Phạm Thị Ban	Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh)	1,01
7.37	Đường cặp Rạch Miễu Trắng	Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh)	Kênh Ông Tường	1,01
7.38	Hẻm 1, Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Nguyễn Chí Thanh	Cuối hẻm	1,02
7.39	Hẻm 1A, Đường Nguyễn Chí Thanh (Khu vực 2)	Đường Nguyễn Chí Thanh	Cuối hẻm	1,02
7.40	Hẻm 2, Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Nguyễn Chí Thanh	Cuối hẻm	1,02
7.41	Hẻm 1A, Đường Nguyễn Chí Thanh (Khu vực 1)	Đường Nguyễn Chí Thanh	Hẻm Khu Tập thể Hóa chất và Cơ điện Công nghiệp (Hẻm liên tổ 6,7,8)	1,02
7.42	Hẻm 36, Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Nguyễn Chí Thanh	Hẻm 44, Đường Lê Hồng Phong	1,02
7.43	Đường vào chợ Trà Nóc	Khu vực chợ Trà Nóc	Rạch ông Táo	1,02
7.44	Hẻm 18, Đường Hồ Trung Thành	Đường Hồ Trung Thành	Hết đoạn trải nhựa	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
7.45	Hẻm 44, Đường Huỳnh Phan Hộ	Đường Huỳnh Phan Hộ	Cuối hẻm	1,02
7.46	Hẻm 38, Đường Nguyễn Viết Xuân	Đường Nguyễn Viết Xuân	Cuối hẻm	1,04
7.47	Hẻm 95, Đường Âu Cơ	Đường Âu Cơ	Hẻm 18, Đường Hồ Trung Thành	1,04
7.48	Đường cặp Rạch Xẻo Khế (Bên phải)	Đường Phạm Thị Ban	Đường Nguyễn Văn Linh	1,04
7.49	Đường bờ trái Rạch Xéo Điều	Đường Phạm Thị Ban	Đường Nguyễn Văn Linh	1,04
7.50	Đường bờ trái Rạch Mương Khai	Đường Nguyễn Viết Xuân	Đường Trần Thị Mười	1,04
7.51	Đường cặp sông Trà Nóc	Rạch ông Bền	Giáp ranh phường Ô Môn	1,04
7.52	Đường vào chợ Ngã Tư	Cầu Thới Ninh	Kinh ông Huyện	1,04
8	**Phường Cái Răng**			
8.1	Quốc lộ 1	Quốc lộ 61C (Nút giao IC4)	Cầu Số 10 (Giáp ranh xã Thạnh Xuân)	1,04
8.2	Quốc lộ 61C	Quốc lộ 1	Sông Ba Láng	1,02
		Sông Ba Láng	Giáp ranh xã Nhơn Ái	1,02
8.3	Đường Phạm Hùng (Quốc lộ 1)	Đường Võ Tánh	Đường Nguyễn Trãi	1,04
		Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Nguyễn Trãi	1,04
		Đường Nguyễn Trãi	Đường Lê Bình	1,04
		Đường Lê Bình	Đường Hàng Gòn	1,04
		Đường Hàng Gòn	Nút giao IC4	1,04
8.4	Đường dẫn cầu Cần Thơ (Đường 2 Tháng 9)	Giáp ranh phường Hưng Phú	Cầu Cái Da	1,04
		Cầu Cái Da	Quốc lộ 61C (Nút giao IC4)	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
8.5	Lộ Cái Chanh (Đường tỉnh 925)	Quốc lộ 1	Hết ranh Trụ sở UBND phường Thường Thạnh (cũ)	1,04
		Trụ sở UBND phường Thường Thạnh (cũ)	Giáp ranh Trường học và các đường Khu Thương mại Cái Chanh	1,04
8.6	Đường Võ Nguyên Giáp (Đường Nam Sông Hậu)	Cầu Hưng Lợi	Vòng xoay Đường dẫn cầu Cần Thơ	1,04
		Vòng xoay Đường dẫn cầu Cần Thơ	Giáp ranh phường Hưng Phú	1,04
8.7	Đường Duy Tân	Đường Ngô Quyền	Đường Trần Hưng Đạo	1,04
8.8	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Phạm Hùng	Đường Ngô Quyền	1,04
8.9	Đường Hàm Nghi	Đường Ngô Quyền	Đường Trần Hưng Đạo	1,04
8.10	Đường Hàng Gòn	Đường Phạm Hùng	Đường dẫn cầu Cần Thơ (Đường 2 Tháng 9)	1,04
		Đường dẫn cầu Cần Thơ (Đường 2 Tháng 9)	Đường cặp sông Cái Răng Bé - Yên Hạ	1,04
8.11	Đường Hàng Xoài	Đường Phạm Hùng	Đường cặp sông Cái Răng Bé - Yên Hạ	1,03
8.12	Đường Lê Bình	Đường Phạm Hùng	Trường THPT Nguyễn Việt Dũng	1,04
8.13	Đường Lê Hồng Nhi	Đường Phạm Hùng	Đường Nhật Tảo	1,04
		Đường Nhật Tảo	Chùa Ông Một	1,04
8.14	Đường Lê Tấn Quốc (Đường số 29, Khu dân cư Công ty Đầu tư và Xây dựng số 8)	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường số 15, Khu dân cư Công ty Đầu tư và Xây dựng số 8	1,04
8.15	Đường Lê Thái Tổ	Đường Hàm Nghi	Đường Nguyễn Trãi	1,04
8.16	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Ngô Quyền	Cầu Cái Răng	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
8.16	Đường Lý Thường Kiệt	Cầu Cái Răng	Đại Chủng Viện	1,04
8.17	Đường Ngô Quyền	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Nguyễn Trãi	1,04
8.18	Đường Nguyễn Trãi	Đường Ngô Quyền	Đường Phạm Hùng	1,04
8.19	Đường Nguyễn Trãi nối dài	Đường Phạm Hùng	Đường Nhật Tảo	1,04
		Đường Nhật Tảo	Ngã ba Rạch Ranh	1,04
8.20	Đường Nguyễn Văn Quang (Đường số 7B, Khu dân cư Nam Long)	Đường Võ Nguyên Giáp	Giáp ranh Khu dân cư Nam Long - Hồng Phát	1,04
8.21	Đường Nguyễn Việt Dũng	Đường Phạm Hùng	Đường Võ Tánh	1,04
8.22	Đường Nhật Tảo	Đường Võ Tánh	Đường Lê Hồng Nhi (Đường Trường Chính trị)	1,04
8.23	Đường Trần Chiên (Lộ Hậu Thạnh Mỹ)	Cầu Cái Răng Bé	Đường dẫn cầu Cần Thơ (Đường 2 Tháng 9)	1,04
		Đường Trần Chiên (Lộ Hậu Thạnh Mỹ)	Cầu Nước Vận	1,04
8.24	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Nguyễn Trãi	1,04
		Đường Nguyễn Trãi	Đường Lê Bình	1,04
		Đường Lê Bình	Đường Hàng Gòn	1,04
8.25	Đường Huỳnh Thị Nở	Đường Vành Đai phía Tây	Đường Nguyễn Thị Trâm	1,03
		Đường Nguyễn Thị Trâm	Lộ Cái Chanh (Đường tỉnh 925)	1,03
8.26	Đường Trưng Nữ Vương	Đường Phạm Hùng	Đường Ngô Quyền	1,04
8.27	Đường Võ Tánh	Đường Phạm Hùng	Hết ranh Đại Chủng Viện	1,04
		Giáp ranh Đại Chủng Viện	Đường Nguyễn Việt Dũng	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
8.27	Đường Võ Tánh	Đường Nguyễn Việt Dũng	Vàm Ba Láng	1,04
8.28	Đường Vũ Đình Liệu (Đường số 10, Khu dân cư Nam Long)	Đường Võ Nguyên Giáp	Giáp Khu dân cư Nam Long - Hồng Phát	1,04
8.29	Các Khu dân cư thuộc Khu đô thị mới Nam sông Cần Thơ nằm trong giới hạn từ sông Cần Thơ đến ranh phường Hưng Phú (Trừ các tuyến đã đặt tên trong Bảng giá đất)	Trục đường chính đường A		1,04
		Trục đường chính đường B		1,04
8.30	Đường Lê Trọng Tấn	Đường Võ Nguyên Giáp	Giáp Bộ chỉ huy Quân sự thành phố (Đường số 6)	1,04
8.31	Đường Nguyễn Văn Lưu	Đường dẫn cầu Cần Thơ	Đường Lê Trọng Tấn (Dự án TTVH Tây Đô)	1,04
8.32	Khu dân cư Thạnh Mỹ	Trục chính		1,04
		Trục phụ		1,04
8.33	Khu dân cư Hoàng Quân - An Phú - Thạnh Mỹ A	Trục chính		1,04
		Trục phụ		1,04
8.34	Dự án Chỉnh trang và Phát triển đô thị An Phú Cần Thơ	Cả khu		1,04
8.35	Khu Nhà ở phường Thường Thạnh - An Phú Eco City	Cả khu		1,02
8.36	Khu tái định cư cầu Cần Thơ (Phường Ba Láng cũ)	Cả khu		1,03
8.37	Khu tập thể số 9 (Ba Láng cũ)	Cả khu		1,02
8.38	Khu dân cư Quân đội (Yên Hạ A)	Cả khu		1,02
8.39	Khu tái định cư Thường Thạnh (Kế Nhà tạm giữ)	Cả khu		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
8.40	Đường Trương Vĩnh Nguyên (Lê Bình - Thường Thạnh)	Cầu Lê Bình	Đường dẫn cầu Cần Thơ (Đường 2 Tháng 9)	1,04
		Đường dẫn cầu Cần Thơ (Đường 2 Tháng 9)	Cầu Ngã Bát	1,04
8.41	Đường cặp sông Cái Răng Bé - Yên Hạ	Cầu Cái Răng Bé	Trường THPT Nguyễn Việt Dũng	1,03
		Trường THPT Nguyễn Việt Dũng	Hết ranh Trường THCS Thường Thạnh	1,03
8.42	Đường cặp sông Cái Răng Bé - Thạnh Mỹ	Ngã ba Vàm Nước Vận	Giáp ranh phường Hưng Phú	1,02
8.43	Lộ Chợ số 10	Quốc lộ 1	Bến đò số 10	1,04
		Bến đò số 10	Đường Lê Hồng Nhi	1,04
8.44	Đường Đình Nước Vận	Đường Trương Vĩnh Nguyên	Cầu Nước Vận	1,04
8.45	Đường Nguyễn Thị Trâm (Lộ mới 10 mét)	Quốc lộ 1	Đường Trần Hưng Đạo	1,04
8.46	Đường Nguyên Hồng	Quốc lộ 1	Lộ Chợ số 10	1,04
8.47	Đường cặp sông Cái Răng Bé	Đình Nước Vận	Hết cầu Mù U	1,04
8.48	Tuyến Lộ Hậu Tân Thạnh Tây (Toàn tuyến)	Đường cặp Rạch Cái Đôi	Đường cặp Rạch Bàng	1,04
9	**Phường Hưng Phú**			
9.1	Đường dẫn cầu Cần Thơ (Đường 2 Tháng 9)	Cầu Cần Thơ	Nút giao thông IC3	1,04
9.2	Đường Võ Nguyên Giáp (Đường Nam Sông Hậu)	Cầu Hưng Lợi	Nút giao thông IC3	1,04
		Giáp ranh phường Cái Răng	Cầu Cái Cui	1,04
9.3	Đường Quang Trung	Cầu Quang Trung	Nút giao thông IC3	1,04
9.4	Đường Cái Cui	Đường Võ Nguyên Giáp (Đường Nam Sông Hậu)	Cảng Cái Cui	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
9.5	Đường số 1A	Đường Võ Nguyên Giáp	Sông Hậu	1,02
9.6	Đường Chí Sinh (Lộ Hậu Tân Phú)	Đường Võ Nguyên Giáp	Cầu Ba Dầu	1,02
		Cầu Ba Dầu	Lộ Rạch Cây Tràm	1,02
9.7	Đường Nguyễn Văn Quy	Đường Chí Sinh	Đường Trương Vĩnh Nguyên	1,02
9.8	Đường Trương Vĩnh Nguyên	Cầu Ngã Bát	Rạch Cái Tắc	1,02
9.9	Đường Bùi Quang Trinh (Đường số 8, Khu dân cư 586)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đường Nam Sông Hậu)	Đường số 15 (Khu dân cư 586)	1,04
9.10	Đường Cao Minh Lộc (Đường số 10, Khu dân cư 586)	Đường số 46 (Khu dân cư 586)	Đường số 61 (Khu dân cư 586)	1,04
9.11	Đường Hoàng Thế Thiện (Đường B7 - Khu dân cư Hưng Phú 1)	Đường Quang Trung	Đường A5 - Khu dân cư Hưng Phú 1	1,04
9.12	Đường Hoàng Văn Thái (Đường A5 - Khu dân cư Hưng Phú 1)	Đường Lý Thái Tổ	Đường dân sinh cặp Đường dẫn cầu Cần Thơ	1,04
9.13	Đường Lâm Văn Phận (Đường số 9, Khu dân cư 586)	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Lê Nhựt Tảo	1,04
9.14	Đường Lê Nhựt Tảo (Đường số 14, Khu dân cư 586)	Đường số 1 (Khu dân cư 586)	Đường số 9 (Khu dân cư 586)	1,04
9.15	Đường Lê Văn Tưởng (Đường số 47 - Khu dân cư Phú An)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đường Nam Sông Hậu)	Đường số 12 - Khu dân cư Phú An	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
9.16	Đường Lý Thái Tổ (Đường A1 - Khu dân cư Hưng Phú 1)	Đường Quang Trung	Đường A10 - Khu dân cư Hưng Phú 1	1,04
9.17	Đường Nguyễn Thái Sơn (Đường A6 - Khu dân cư Hưng Phú 1)	Đường dẫn Cầu Cần Thơ	Đường A6	1,04
9.18	Đường Đoàn Văn Chia (Đường B3-Khu dân cư Hưng Phú 1)	Đường B18	Đường A9	1,04
9.19	Đường Nguyễn Hùng Minh (Đường B26 - Khu tái định cư Hưng Phú)	Đường A12	Đường A15	1,04
9.20	Đường Mai Chí Thọ (Đường số 1, Khu dân cư 586)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đường Nam Sông Hậu)	Sông Hậu	1,04
9.21	Đường Nguyễn Chánh (Đường số 12 - Khu dân cư Phú An)	Đường Mai Chí Thọ	Đường Nguyễn Thị Sáu	1,04
9.22	Đường Nguyễn Ngọc Bích (Đường B6 - Khu dân cư Hưng Phú 1)	Đường Quang Trung	Đường B20 - Khu dân cư Hưng Phú 1	1,04
9.23	Đường Nguyễn Thị Sáu (Đường số 6, Khu dân cư 586)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đường Nam Sông Hậu)	Đường số 15, Khu dân cư 586	1,04
9.24	Đường Phạm Văn Nhờ (Đường số 9A, Khu dân cư Diệu Hiền)	Đường Võ Nguyên Giáp	Giáp ranh phường Cái Răng	1,04
9.25	Đường Phan Trọng Tuệ (Đường số 1, Khu dân cư Diệu Hiền)	Đường Võ Nguyên Giáp	Giáp ranh phường Cái Răng	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
9.26	Đường Trần Văn Sắc (Đường số 1, Khu dân cư Nông Thổ Sản)	Đường Võ Nguyên Giáp	Giáp ranh phường Cái Răng	1,04
9.27	Đường Trần Văn Trà (Đường A3 - Khu dân cư Hưng Phú 1)	Đường Quang Trung	Đường A6 - Khu dân cư Hưng Phú 1	1,04
9.28	Đường Trần Văn Việt (Đường số 7 - Khu dân cư Công an)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đường Nam Sông Hậu)	Đường số 5 - Khu dân cư Công an	1,04
9.29	Khu tái định cư phường Hưng Phú (Lô số 3B)	Cả khu		1,04
9.30	Khu dân cư Điện lực	Cả khu		1,04
9.31	Khu Novaland Group	Cả khu		1,04
9.32	Các Khu dân cư thuộc Khu đô thị mới Nam sông Cần Thơ từ sông Cần Thơ đến Đường 2 Tháng 9, giáp ranh phường Cái Răng (Trừ các đường đã đặt tên)	Trục đường chính đường A		1,04
		Trục đường chính đường B		1,04
9.33	Các Khu dân cư thuộc Khu đô thị mới Nam sông Cần Thơ từ Ranh phường Cái Răng đến ranh xã Châu Thành (Trừ các đường đã đặt tên)	Trục đường chính đường A		1,04
		Trục đường chính đường B		1,04
9.34	Lộ cặp sông Bùng Binh	Sông Hậu	Kênh Thạnh Đông	1,02
9.35	Lộ cặp sông Bến Bạ	Sông Hậu	Kênh Thạnh Đông	1,02
9.36	Lộ cặp sông Cái Cui	Sông Hậu	BCH Quân sự phường	1,04
9.37	Đường liên khu vực Phú Thuận - Phú Thành	Cầu Ba Dầu	Sông Cái Cui	1,04
9.38	Tuyến lộ Rạch Cây Tràm	Sông Bến Bạ	Sông Cái Cui	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
9.39	Tuyến lộ cặp sông Cần Thơ	Cầu Hưng Lợi	Miếu Bà	1,04
9.40	Tuyến lộ cặp sông Hậu	Miếu Bà	Quảng trường 586	1,04
9.41	Tuyến Đường Kênh Thạnh Đông (Nối Mù U - Bến Bạ)	Rạch Mù U	Sông Bến Bạ	1,02
9.42	Tuyến hai bên Rạch Ngã Bát	Cầu Ngã Bát	Kênh Thạnh Đông	1,04
9.43	Tuyến hai bên Rạch Xẻo Lá	Cầu Xẻo Lá	Kênh Thạnh Đông	1,04
9.44	Tuyến Rạch Mật Cật	Cầu Mật Cật tại Rạch Xẻo Lá	Ngã tư Rạch (Mật Cật-Đường Gỗ - Lòng Óng - Hàng Bần)	1,04
9.45	Tuyến hai bên Rạch Hàng Bần	Cầu Hàng Bần	Rạch Xẻo Gừa	1,04
9.46	Tuyến Đường Rạch Đường Gỗ	Kênh Thạnh Đông	Đường Nguyễn Văn Quy	1,04
9.47	Tuyến Rạch Cái Đôi	Cầu Cái Đôi	Đường Mai Chí Thọ	1,04
9.48	Tuyến Rạch Lòng Óng	Ngã tư Rạch (Mật Cật - Đường Gỗ - Lòng Óng - Hàng Bần)	Rạch Giồng Ổi	1,04
9.49	Tuyến Rạch Xẻo Gừa	Cầu Ngã Bát	Ngã ba Phú Trung	1,04
9.50	Tuyến Rạch Cái Tắc	Ngã ba Phú Trung	Ngã ba Bùng Binh	1,04
9.51	Rạch Giồng Ổi	Cầu Giồng Ổi	Kênh Thạnh Đông	1,04
9.52	Lộ Quận (Lò Mổ)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đường Nam Sông Hậu)	Rạch Cái Tắc	1,02
9.53	Đường dẫn Cao tốc Bắc - Nam	Đường Võ Nguyên Giáp	Rạch Ngã Bát	1,02
10	**Phường Ô Môn**			
10.1	Quốc lộ 91	Cầu Ô Môn	Giáp ranh phường Thới Long	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
10.1	Quốc lộ 91	Giáp ranh phường Phước Thới	Cầu Tắc Ông Thục	1,04
		Cầu Tắc Ông Thục	Cầu Ông Tành	1,04
10.2	Đường Tôn Đức Thắng (Quốc lộ 91)	Cầu Ông Tành	Cầu Ô Môn (Bên phải)	1,04
			Cầu Ô Môn (Bên trái)	1,04
10.3	Đường tỉnh 922	Quốc lộ 91	Cầu Rạch Nhum (Bên phải)	1,04
		Quốc lộ 91	Cầu Rạch Nhum (Bên trái)	1,04
		Cầu Rạch Nhum	Giáp ranh xã Trường Thành (Bên trái)	1,04
		Cầu Rạch Nhum	Giáp ranh xã Trường Thành (Bên phải)	1,04
10.4	Đường Trần Kiết Tường (Đường tỉnh 920B)	Quốc lộ 91	Cầu Ba Rích (Bên phải)	1,04
		Quốc lộ 91	Cầu Ba Rích (Bên trái)	1,04
		Cầu Ba Rích	Cầu Tầm Vu (Bên phải)	1,04
		Cầu Ba Rích	Cầu Tầm Vu (Bên trái)	1,04
		Cầu Tầm Vu	Đình Thới An (Bên phải)	1,04
		Cầu Tầm Vu	Đình Thới An (Bên trái)	1,04
		Trường Tiểu học Nguyễn Hữu Cảnh	Hết ranh UBND phường Thới An cũ (Bên phải)	1,04
		Trường Tiểu học Nguyễn Hữu Cảnh	Hết ranh UBND phường Thới An cũ (Bên trái)	1,04
		UBND phường Thới An cũ	Cầu Cái Đâu (Bên phải)	1,04
		UBND phường Thới An cũ	Cầu Cái Đâu (Bên trái)	1,04
10.5	Đường Bến Bạch Đằng	Đầu vàm Tắc Ông Thục	Hết dãy phố 06 căn	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
10.6	Đường Bến Bạch Đằng nối dài	Cầu Ô Môn	Giáp dãy phố 06 căn	1,04
10.7	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Trần Quốc Toản	Cổng Bệnh viện Ô Môn	1,04
10.8	Đường Châu Văn Liêm	Quốc lộ 91	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1,04
10.9	Đường Đắc Nhẫn (Đường vào Trường Dân tộc Nội trú)	Đường Tôn Đức Thắng	Rạch Sáu Thước	1,04
10.10	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Bến Bạch Đằng	1,04
10.11	Đường 26 Tháng 3	Quốc lộ 91	Đường Kim Đồng	1,04
10.12	Đường 3 Tháng 2	Đường Kim Đồng	Đường Huỳnh Thị Giang	1,04
10.13	Đường 30 Tháng 4	Đường Trần Hưng Đạo	Giáp Bệnh viện Ô Môn	1,04
10.14	Đường Huỳnh Thị Giang	Đường Châu Văn Liêm	Đường 26 Tháng 3	1,04
10.15	Đường Kim Đồng	Đường 26 Tháng 3	Rạch Cây Me	1,04
10.16	Đường Lê Quý Đôn	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Bến Bạch Đằng	1,04
10.17	Đường Lê Văn Tám	Đường 26 Tháng 3	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1,04
10.18	Đường Lưu Hữu Phước	Đường 26 Tháng 3	Đường Châu Văn Liêm	1,04
10.19	Đường Lý Thường Kiệt	Đường 26 Tháng 3	Đường Bến Bạch Đằng	1,04
10.20	Đường Ngô Quyền	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Bến Bạch Đằng	1,04
10.21	Đường Nguyễn Du	Đường Lưu Hữu Phước	Đường Nguyễn Trãi	1,04
10.22	Đường Nguyễn Trãi	Đường 3 Tháng 2	Đường Trần Phú	1,04
10.23	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường 26 Tháng 3	Chợ Ô Môn	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
10.24	Đường Phan Đình Phùng	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Trần Quốc Toản	1,04
10.25	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Kim Đồng	Cầu Huyện đội	1,04
10.26	Đường Trần Nguyên Hãn	Đường 26 Tháng 3	Đường Bến Bạch Đằng	1,04
10.27	Đường Trần Quốc Toản	Đường 26 Tháng 3	Đường Châu Văn Liêm	1,04
10.28	Đường Lê Lợi	Đường Trần Hưng Đạo	Hết Xưởng cưa Quốc Doanh (cũ)	1,04
		Xưởng cưa Quốc Doanh (cũ)	Hết Thánh Thất Cao Đài	1,04
10.29	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Huyện đội	Trường Lương Định Của	1,04
		Trường Lương Định Của	Cổng chào	1,04
10.30	Đường Trưng Nữ Vương	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Cây Me	1,04
		Cầu Cây Me	Đường Tôn Đức Thắng (Quốc lộ 91)	1,04
10.31	Đường nội bộ Khu Dân tộc Nội trú (Trừ tuyến đường đã đặt tên)	Toàn bộ các tuyến đường		1,04
10.32	Đường Bến Hoa Viên	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu đúc ngang Nhà máy Liên Hiệp	1,04
		Cầu đúc ngang Nhà máy Liên Hiệp	Cầu đúc vào Chùa Long Châu	1,04
10.33	Chợ Thới An	Hẻm nhà Thương	Đình Thới An	1,04
10.34	Đường vào Trung tâm Y tế dự phòng	Đường Tôn Đức Thắng	Hết ranh đất Cơ quan Quản lý thị trường	1,04
10.35	Tuyến tránh sạt lở Quốc lộ 91	Đường Trần Kiết Tường (Đường tỉnh 920B)	Giáp ranh phường Thới Long	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
10.36	Đường Viện Lúa Đồng Bằng Sông Cửu Long (Bên trái)	Quốc lộ 91 (cũ)	Giáp ranh xã Trường Thành	1,02
10.37	Khu phố Thương mại Thịnh Vượng	Trục số 1 tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo		1,04
		Các trục đường còn lại		1,04
10.38	Khu tái định cư Đường tỉnh 920B	Cả khu		1,04
10.39	Khu tái định cư Trung tâm văn hóa quận Ô Môn (cũ)	Cả khu		1,04
10.40	Khu tái định cư quận Ô Môn (Khu 1)	Cả khu		1,02
10.41	Khu tái định cư sau Trường Dân tộc Nội trú quận Ô Môn (Do Công ty TNHH MTV Xây dựng Sao Vàng Tây Đô làm chủ đầu tư)	Cả khu		1,03
11	**Phường Phước Thới**			
11.1	Đường tỉnh 922	Cầu Bà Cai	Cầu Mương Huyện	1,02
11.2	Khu dân cư phường Phước Thới	Cả khu		1,04
11.3	Khu tái định cư và nhà ở công nhân Khu công nghiệp Trà Nóc II	Cả khu		1,03
11.4	Khu dân cư Công đoàn Giáo Viên	Cả khu		1,02
11.5	Chợ Phước Thới	Đường Tôn Đức Thắng	Cầu Chùa (Trừ hành lang đường sông)	1,04
11.6	Đường Đặng Thanh Sử (Đường số 2, Nhà máy Nhiệt điện Ô Môn)	Đường Tôn Đức Thắng	Nhà máy Nhiệt điện Ô Môn	1,04
11.7	Đường tỉnh 920B	Rạch Cái Chôm	Đường Đặng Thanh Sử	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
11.8	Hai bên Chợ Ba Se	Sông Tắc Ông Thục	Lộ Vòng Cung (Đường tỉnh 923)	1,04
11.9	Lộ Vòng Cung (Đường tỉnh 923)	Đường Tôn Đức Thắng	Cầu Giáo Dẫn	1,04
		Cầu Giáo Dẫn	Giáp ranh xã Phong Điền	1,04
11.10	Quốc lộ 91B (Đường Nguyễn Văn Linh)	Đoạn thuộc phường Phước Thới		1,04
11.11	Đường Tôn Đức Thắng (Quốc lộ 91)	Cầu Sang Trắng I	Nút giao Quốc lộ 91B	1,04
		Nút giao Quốc lộ 91B	Chợ bến đò Đu Đủ	1,04
		Chợ bến đò Đu Đủ	Giáp ranh phường Ô Môn (Trạm thu phí)	1,04
11.12	Đường Trương Văn Diễn (Đường tỉnh 920C)	Đường Tôn Đức Thắng	Nhà máy xi măng Tây Đô	1,04
12	**Phường Thới Long**			
12.1	Khu dân cư Thương mại Bằng Tăng	Quốc lộ 91 trở vào		1,04
12.2	Lộ chùa	Đường Thái Thị Hạnh	Cầu Dì Tho	1,04
12.3	Quốc lộ 91	Giáp ranh phường Ô Môn	Cầu Bánh Tét (Bên phải)	1,04
		Giáp ranh phường Ô Môn	Đường Trần Ngọc Hoằng (Bên trái)	1,04
		Đường Trần Ngọc Hoằng	Cầu Bánh Tét (Bên trái)	1,04
		Cầu Bánh Tét	Cầu Thơm Rơm	1,04
		Cầu Thơm Rơm	Giáp ranh phường Thuận Hưng (Bên trái)	1,04
		Cầu Thơm Rơm	Giáp ranh phường Thuận Hưng (Bên phải)	1,04
		Quốc lộ 91	Cầu Rạch Sung	1,04
		Cầu Rạch Sung	Kênh Thủy lợi Lò Gạch	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
12.4	Tuyến tránh sạt lở Quốc lộ 91	Giáp ranh phường Ô Môn	Quốc lộ 91	1,04
12.5	Chợ Thới Long	Rạch Bà Kiểu	Rạch Ông Hiền	1,02
12.6	Đường Viện Lúa Đồng Bằng Sông Cửu Long	Quốc lộ 91	Giáp ranh xã Trường Thành (Bên phải)	1,02
13	**Phường Trung Nhứt**			
13.1	Đường tỉnh 921	Cầu Trà Bay	Cầu Rạch Rích	1,04
		Cầu Rạch Rích	Cầu Ông Tùng	1,04
		Cầu Ông Tùng	Cầu Mương Trâu	1,04
		Cầu Mương Trâu	Cầu Xẻo Cách	1,04
		Cầu Xẻo Cách	Cầu Xẻo Chàm	1,04
		Cầu Xẻo Chàm	Giáp ranh xã Trung Hưng (Rạch Xẻo Xây Lớn)	1,04
13.2	Đường Sĩ Cuông (Bên trái)	Đường tỉnh 921	Đường tỉnh 921E	1,04
		Đường tỉnh 921E	Giáp ranh xã Vĩnh Thạnh	1,04
13.3	Đường số 14 vào Trường THCS Trung An	Đường tỉnh 921	Trường THCS Trung An	1,04
13.4	Khu dân cư Chợ Phúc Lộc 1	Cả khu		1,04
13.5	Tuyến tránh Quốc lộ 91	Cầu Thốt Nốt	Cầu Tràng Thọ	1,04
13.6	Đường tỉnh 921E	Tuyến tránh Quốc lộ 91	Rạch Mương Chuối	1,04
		Rạch Mương Chuối	Giáp ranh xã Trung Hưng	1,04
13.7	Đường Trà Bay	Cầu Trà Bay	Cầu Tràng Thọ	1,04
14	**Phường Thuận Hưng**			
14.1	Đường Lê Thị Tạo	Quốc lộ 91	Cầu 3 Tháng 2	1,04
14.2	Đường Lộ mới (Cặp Kênh Thốt Nốt)	Cầu Thốt Nốt	Kho Mai Anh	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
14.3	Đường Lộ Chùa	Quốc lộ 91	Sông Hậu	1,04
14.4	Đường Lộ Rẫy	Quốc lộ 91	Sông Hậu	1,04
14.5	Đường Lộ Ông Ba	Quốc lộ 91	Sông Hậu	1,04
14.6	Đường Sân Banh	Quốc lộ 91	Sông Hậu	1,04
14.7	Quốc lộ 91	Giáp ranh phường Thới Long	Đường Mai Văn Bộ (Bên phải)	1,04
		Giáp ranh phường Thới Long	Đường Mai Văn Bộ (Bên trái kênh lộ)	1,04
		Đường Mai Văn Bộ	Cầu Cần Thơ Bé	1,04
		Cầu Cần Thơ Bé	Cầu Cái Ngãi	1,04
		Cầu Cần Thơ Bé	Tịnh Thất Thường Tịnh (Kênh lộ)	1,04
		Cầu Ngãi	Lộ Cai Tư	1,04
		Lộ Cai Tư	Lộ Sân Banh	1,04
		Lộ Sân Banh	Lộ Ông Ba	1,04
		Lộ Ông Ba	Cầu Thốt Nốt	1,04
		Khu dân cư khu vực Phụng Thạnh 1 (Ngang lộ Ông Ba)		1,04
		Cầu Cái Ngãi	Giáp ranh phường Thới Long	1,04
14.8	Đường Mai Văn Bộ	Quốc lộ 91	Ranh Trung tâm Chợ Thuận Hưng	1,02
		Hết ranh Trung tâm Chợ Thuận Hưng	Sông Hậu	1,02
14.9	Đường Nguyễn Trọng Quyền	Quốc lộ 91	Cầu Thủy Lợi	1,04
		Cầu Thủy Lợi	Giáp ranh xã Trung Hưng	1,04
14.10	Khu dân cư phường Thuận Hưng (phường Trung Kiên cũ)	Khu dân cư chợ dân lập khu vực Lân Thạnh 2		1,04
		Quốc lộ 91 - Bến đò Tân Lộc (Đường bến đò Trung Kiên - Tân Lộc) khu vực Qui Thạnh 1		1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
14.11	Khu tái định cư phường Thuận Hưng (Khu tái định cư phường Thuận Hưng cũ)	Cả khu		1,04
14.12	Khu tái định cư phường Thuận Hưng (Khu tái định cư phường Trung Kiên cũ)	Cả khu		1,04
14.13	Khu tái định cư phường Thuận Hưng (Khu tái định cư quận Thốt Nốt cũ)	Cả khu (Khu 1)		1,02
14.14	Các Khu dân cư còn lại của khu vực Qui Thạnh 1			1,04
14.15	Trung tâm cầu Cần Thơ Bé - Chợ cầu Cần Thơ Bé	Từ cầu vào 157 mét		1,04
14.16	Trung tâm chợ Thuận Hưng (Trung tâm Chợ Thuận Hưng cũ)	Ranh chợ ra 4 phía (mỗi phía 200 mét)		1,04
14.17	Tuyến đường khu vực Phụng Thạnh 2	Cầu Thốt Nốt	Cầu Trà Cui	1,04
14.18	Tuyến tránh Quốc lộ 91	Quốc lộ 91	Cầu Thốt Nốt 2	1,04
14.19	Ven Sông Hậu (Tính thâm hậu 50m)	Gáp ranh phường Thới Long	Vàm Cai Tư	1,04
		Vàm Cai Tư	Lộ Sân Banh	1,04
		Lộ Sân Banh	Vàm Kênh Thốt Nốt (Góc Kênh Thốt Nốt tiếp giáp Sông Hậu)	1,04
14.20	Ven Kênh Thốt Nốt	Cầu Thốt Nốt	Cầu Trà Cui	1,04
15	**Phường Thốt Nốt**			
15.1	Quốc lộ 91	Cầu Thốt Nốt	Đường Sư Vạn Hạnh	1,04
		Đường Sư Vạn Hạnh	Đường tái định cư Mũi Tàu	1,04
		Đường tái định cư Mũi Tàu	Rạch Cái Sơn	1,04
		Rạch Cái Sơn	Cầu Trà Uối	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
15.1	Quốc lộ 91	Cầu Trà Uối	Đường Thới Thuận - Thạnh Lộc	1,04
		Đường Thới Thuận - Thạnh Lộc	Cầu Bò Ót	1,04
		Cầu Bò Ót	Đường vào Công ty Vạn Lợi	1,04
		Đường vào Công ty Vạn Lợi	Cống Rạch Rạp	1,04
		Cống Rạch Rạp	Hết ranh phường Thốt Nốt (Cầu Cái Sắn)	1,04
15.2	Tuyến tránh Quốc lộ 91	Cầu Tràng Thọ	Đường Nguyễn Thị Lưu	1,04
		Đường Nguyễn Thị Lưu	Quốc lộ 91 (Khu vực Thới An 1)	1,04
15.3	Đường cặp Quốc lộ 80	Trung tâm Ngã ba Lộ Tẻ	Cầu Ngã ba đình	1,04
		Cầu Ngã ba đình	Cầu số 1 (Hết ranh phường Thốt Nốt)	1,04
15.4	Tuyến đường nối Quốc lộ 80 đến tuyến Đường Lộ Tẻ - Rạch Sỏi	Quốc lộ 80	Giáp ranh xã Vĩnh Trinh	1,04
15.5	Đường tỉnh 921	Cầu Chùa	Hết ranh phường Thốt Nốt (Cầu Trà Bay)	1,04
15.6	Đường Bờ Kè	Cầu Thốt Nốt	Sông Hậu	1,04
15.7	Đường Bạch Đằng	Quốc lộ 91	Đường Lê Thị Tạo	1,04
15.8	Đường Lê Lợi	Quốc lộ 91	Sông Hậu	1,04
		Quốc lộ 91	Cầu Chùa	1,04
15.9	Đường Hòa Bình	Đường Bờ Kè	Đường Nguyễn Thái Học	1,04
15.10	Đường Tự Do	Đường Bờ Kè	Đường Nguyễn Thái Học	1,04
15.11	Đường Nguyễn Thái Học	Quốc lộ 91	Đường Lê Thị Tạo	1,04
15.12	Đường Nguyễn Thái Học nối dài	Quốc lộ 91	Đường Nguyễn Văn Kim	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
15.13	Đường Nguyễn Văn Kim	Đường Lê Lợi	Đường Sư Vạn Hạnh nối dài	1,04
15.14	Đường Trưng Nữ Vương	Quốc lộ 91	Đường Nguyễn Văn Kim	1,04
15.15	Đường 30 Tháng 4	Quốc lộ 91	Đường Nguyễn Văn Kim	1,04
15.16	Đường Sư Vạn Hạnh	Quốc lộ 91	Đường Nguyễn Văn Kim	1,04
15.17	Đường Sư Vạn Hạnh nối dài	Đường Nguyễn Văn Kim	Hết ranh Trường Mầm non Thốt Nốt	1,04
15.18	Đường Nguyễn Trung Trực	Quốc lộ 91	Đường Lê Thị Tạo	1,04
15.19	Đường Thoại Ngọc Hầu	Các tuyến đường thuộc Khu Trung tâm dân cư Thương mại Thốt Nốt		1,04
15.20	Đường Huỳnh Năng Nhiêu	Quốc lộ 91	Cổng Trường Tiểu học Thốt Nốt 1	1,04
		Đường Nguyễn Thái Học	Đường Nguyễn Công Trứ	1,04
15.21	Đường Nguyễn Công Trứ	Quốc lộ 91	Đường Lê Thị Tạo	1,04
15.22	Đường Nhà máy Ngô Nguyên Thạnh	Đường Lê Thị Tạo	Sông Hậu (Nhà máy Ngô Nguyên Thạnh)	1,04
15.23	Đường Phan Đình Giót	Quốc lộ 91	Đường Lê Thị Tạo	1,04
15.24	Đường Vàm Rạch Chùa (Cặp Trường Trung học Cơ sở Thốt Nốt)	Đường Lê Thị Tạo	Sông Hậu	1,04
15.25	Đường Lê Thị Tạo	Cầu 3 Tháng 2	Đường Phan Đình Giót	1,04
		Đường Phan Đình Giót	Mũi Tàu	1,04
15.26	Đường Kênh Rạch Nhà thờ	Đường Lê Thị Tạo	Sông Hậu	1,04
15.27	Đường vào Trụ sở Công an phường	Đường Lê Thị Tạo	Sông Hậu	1,02
15.28	Hai bên Đường tái định cư Mũi Tàu	Đường Lê Thị Tạo	Sông Hậu	1,04
15.29	Đường Thanh Niên	Quốc lộ 91	Cầu Thanh Niên	1,04
15.30	Đường Thanh Niên nối dài	Cầu Thanh Niên	Tuyến tránh Quốc lộ 91	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
15.31	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Quốc lộ 91	Đường Thanh Niên	1,04
15.32	Đường Nguyễn Hữu Cảnh nối dài (Khu Hoàng Gia)	Đường Thanh Niên	Tuyến tránh Quốc lộ 91	1,04
15.33	Khu tái định cư Long Thạnh 2	Đường Nguyễn Tuân (Đường số 2)		1,02
		Đường Trịnh Hoài Đức (Đường số 3)		1,02
		Đường Lương Thế Vinh (Đường số 6)		1,02
		Đường Võ Duy Dương (Đường số 7)		1,02
		Đường số 8		1,02
		Đường Sông Hành (Đường số 10)		1,02
		Các đường còn lại		1,02
15.34	Đường Nguyễn Thị Lưu	Quốc lộ 91	Rạch Mương Miễu	1,02
15.35	Đường Thới Thuận -Thạnh Lộc	Quốc lộ 91	Cầu Rạch Rầy	1,02
		Cầu Rạch Rầy	Hết ranh phường Thốt Nốt	1,02
15.36	Khu dân cư phường Thuận An (cũ)	Cả khu		1,04
15.37	Khu dân cư Chợ Bò Ót và phần mở rộng	Cả khu		1,04
15.38	Khu tái định cư phường Thới Thuận (cũ), giai đoạn 2	Cả khu		1,04
15.39	Khu dân cư Chợ Gạo	Cả khu		1,04
15.40	Tuyến Đường Lộ Tẻ - Rạch Sỏi	Cầu Vàm Cống	Hết ranh phường Thốt Nốt	1,04
15.41	Ven sông Hậu	Vàm Cái Sắn	Vàm lò gạch Mũi Tàu	1,03
		Vàm lò gạch Mũi Tàu	Sông Thốt Nốt	1,03
15.42	Ven sông Thốt Nốt	Cầu Thốt Nốt	Cầu Chùa	1,04
		Cầu Chùa	Rạch Trà Bay	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
15.43	Ven sông Cái Sắn	Vàm Cái Sắn	Cầu Cái Sắn	1,04
		Cầu Cái Sắn	Cầu Ngã ba đình	1,04
16	**Phường Tân Lộc**			
16.1	Hương Lộ Tân Lộc	Điểm đầu Hương Lộ (Bến đò Long Châu)	Điểm cuối Hương Lộ (Cầu Ông Nghị)	1,04
16.2	Khu dân cư Phước Lộc - Lai Vung	Cả khu		1,04
16.3	Tuyến đường giao thông (Trái tuyến)	Cầu Ông Nghị	Cầu Chùa (KV Đông Bình)	1,02
16.4	Tuyến đường giao thông	Cầu Chùa (KV Đông Bình)	Vườn sinh thái Tân Lộc (KV Tân Mỹ 2)	1,02
16.5	Tuyến đường giao thông	Cầu Chùa (KV Đông Bình)	Bến đò Tắc Cây Bàng	1,02
17	**Phường Phú Lợi**			
17.1	Đường Hai Bà Trưng	Suốt tuyến		1,02
17.2	Đường Đồng Khởi	Suốt tuyến		1,02
	Hẻm 122	Suốt hẻm		1,02
17.3	Đường 3 Tháng 2	Suốt tuyến		1,02
17.4	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Suốt tuyến		1,02
	Hẻm 33	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 45	Suốt hẻm		1,02
17.5	Đường Đào Duy Từ	Suốt tuyến		1,03
17.6	Đường Phạm Ngũ Lão	Đường Hai Bà Trưng	Đường 3 Tháng 2	1,02
		Đường Hai Bà Trưng	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	1,02
	Hẻm 36	Suốt hẻm		1,02
17.7	Đường Phan Chu Trinh	Đường Hai Bà Trưng	Đường 3 Tháng 2	1,02
		Đường Hai Bà Trưng	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	1,02
		Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Đề Thám	1,02
	Hẻm 124	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 118	Suốt hẻm		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
17.8	Đường Hàm Nghi	Suốt tuyến		1,02
17.9	Đường Hoàng Diệu	Suốt tuyến		1,02
17.10	Các hẻm vào khu vực Chợ Bàn Cờ Đường Hoàng Diệu	Suốt hẻm		1,03
17.11	Đường Nguyễn Hùng Phước	Suốt tuyến		1,02
17.12	Đường Ngô Quyền	Suốt tuyến		1,01
17.13	Đường Đinh Tiên Hoàng	Suốt tuyến		1,02
17.14	Đường Nguyễn Văn Cừ	Suốt tuyến		1,02
	Hẻm 12	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 49	Suốt hẻm		1,02
17.15	Đường Trần Minh Phú	Suốt tuyến		1,02
17.16	Đường Nguyễn Huệ	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	1,02
		Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Hai Bà Trưng	1,02
		Đường Hai Bà Trưng	Đường Nguyễn Du	1,02
		Đường Nguyễn Du	Hết đất Chùa Đại Giác	1,02
		Giáp đất Chùa Đại Giác	Đường Lê Duẩn	1,02
	Hẻm 103 (P1)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 155 (P1)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 79 (P1)	Suốt hẻm		1,02
17.17	Đường Nguyễn Du	Suốt tuyến		1,02
17.18	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Suốt tuyến		1,02
	Hẻm 89, 113	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 129	Suốt hẻm		1,02
17.19	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Lê Lợi	Đường 30 Tháng 4 - Cổng Bộ Đội Biên Phòng	1,02
	Hẻm 93	Suốt hẻm		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
17.19	Hẻm 83	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 98	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 76	Suốt hẻm		1,02
17.20	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Hai Bà Trưng	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	1,02
		Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Nguyễn Văn Hữu	1,02
	Hẻm 58	Suốt hẻm		1,02
17.21	Đường Lý Thường Kiệt	Đầu Voi	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	1,02
		Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Đồng Khởi	1,02
		Đường Đồng Khởi	Đường Lê Duẩn	1,02
		Đường Lê Duẩn	Chợ Sông Đinh	1,02
	Hẻm 176 (P1)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 168 (P1)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 306B, 730 (P4)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 310 (P4)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 584, 730, 764, 944 (P4)	Suốt hẻm		1,02
17.22	Đường Trần Hưng Đạo	Đường 30 Tháng 4	Đường Phú Lợi	1,02
		Đường Phú Lợi - Lê Duẩn	Đường Nguyễn Văn Linh - Dương Minh Quan	1,02
		Đường Nguyễn Văn Linh - Dương Minh Quan	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	1,02
	Hẻm 174, 98, 144 (P2)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 45, 51 (P3)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 357 (Đường vào Trường Quân Sự tỉnh)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 449 (P3)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 27, 71, 101, 137 (P3)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 191, 199, 227, 249, 265, 285, 427, 491 (P3)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 140	Suốt hẻm		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
17.22	Hẻm 567	Đường Trần Hưng Đạo	Hết thửa đất số 82, tờ bản đồ số 51	1,02
		Giáp thửa đất số 82, tờ bản đồ số 51	Đường Vành Đai II (đoạn 2)	1,02
17.23	Tuyến tránh Quốc lộ 1A	Đường Dương Kỳ Hiệp	Đường Phú Tức	1,02
17.24	Đường Lê Hồng Phong	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	1,02
		Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Đoàn Thị Điểm	1,02
		Đường Đoàn Thị Điểm	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	1,02
	Hẻm 90 (P3)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 33 (P3)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 508 (P3)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 604 (P3)	Đường Lê Hồng Phong	Hết thửa đất 214, tờ bản đồ 60	1,02
	Hẻm 585 (P3)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 462	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 655 (P3)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 639, 673	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 719	Đường Lê Hồng Phong	Hết thửa đất 185, tờ bản đồ số 56	1,02
		Giáp thửa đất 185, tờ bản đồ số 56	Đường 30 Tháng 4	1,02
17.25	Đường Phú Lợi	Suốt tuyến		1,02
	Hẻm 263, 244, 155, 333	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 73	Đường Phú Lợi	Cuối hẻm (Giáp đất bà Lâm Thị Mười)	1,02
	Hẻm 73/26	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 188	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 99	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 293	Suốt hẻm		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
17.26	Đường Lê Duẩn	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Hồng Phong	1,02
		Đường Lê Hồng Phong	Đường 30 Tháng 4	1,02
		Đường 30 Tháng 4	Đường Mạc Đĩnh Chi	1,02
		Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Lý Thường Kiệt	1,02
	Hẻm 24 (P3)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 546 (P4)	Suốt hẻm		1,02
17.27	Đường dân sinh cặp chân cầu qua sông Maspero	Đường Lê Duẩn	Đường Lý Thường Kiệt	1,02
17.28	Đường Võ Văn Kiệt (Quốc lộ 1A cũ)	Cầu Kênh Xáng	Cổng Trắng	1,02
		Cổng Trắng	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	1,02
	Hẻm 472, 389, 526 (P2)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 417, 448, 538, 607, 547, 638, 699, 757, 825, 726, 882; 789, 901 (P2)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 416 (P2)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 437 (P2)	Đường Võ Văn Kiệt	Hết thửa đất số 15, tờ bản đồ 04 của ông Dương Văn Thâm	1,02
		Cả Khu dân cư 437		1,02
	Hẻm 792 (P2)	Đường Võ Văn Kiệt	Hết thửa đất số 23, tờ bản đồ số 24	1,02
		Đầu ranh thửa đất số 25, tờ bản đồ số 24	Hết thửa đất số 2234, tờ bản đồ số 53	1,02
17.29	Đường Trần Nhân Tông (P2)	Đường Võ Văn Kiệt	Giáp ranh Thiền viện Trúc Lâm Sóc Trăng	1,02
17.30	Đường 30 Tháng 4	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Nguyễn Du	1,02
		Đường Nguyễn Du	Ngã tư Đường Lê Duẩn	1,02
		Ngã tư đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
17.30	Hẻm 290 (P3)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm từ Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh đến hẻm 278, Đường Trương Công Định	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 496 (P3)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 625	Suốt hẻm		1,02
17.31	Đường Hồ Minh Luân	Suốt tuyến		1,02
17.32	Đường Trần Phú	Suốt tuyến		1,02
17.33	Đường Trần Văn Sắc	Suốt tuyến		1,02
17.34	Đường Hồ Hoàng Kiếm	Suốt tuyến		1,02
17.35	Đường Quảng Trường Bạch Đằng	Suốt tuyến		1,02
17.36	Đường Trương Công Định	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Nguyễn Văn Linh	1,02
		Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Võ Văn Kiệt	1,02
	Hẻm 9, 93 (P2)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 267, 278 (P2)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 37 (P2)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 46, 56, 86, 98, 140, 246, 292, 109 (P2)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 195 (P2)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 109 nối dài (Cặp Chùa Hương Sơn)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 167 (P2)	Suốt hẻm		1,02
17.37	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Phú Lợi	Đường 30 Tháng 4 - Cổng Biên Phòng	1,02
17.38	Đường Trần Bình Trọng	Suốt tuyến		1,02
	Hẻm 31, 59	Suốt hẻm		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
17.39	Đường Lý Tự Trọng	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trần Bình Trọng	1,02
	Hẻm 25	Suốt hẻm		1,02
17.40	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Lý Tự Trọng	Đường Trương Văn Quới	1,02
17.41	Đường Trương Văn Quới	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Trung Trực	1,02
17.42	Đường Nhật Lệ (Đường Nhánh Phú Lợi)	Đường Phú Lợi	Đường Trương Văn Quới	1,02
17.43	Đường Nguyễn Trãi	Suốt tuyến		1,02
17.44	Đường Bạch Đằng	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Mạc Đĩnh Chi	1,02
		Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường 30 Tháng 4	1,02
	Hẻm 22, 66, 196, 255, 88, 118 (P4)	Suốt hẻm		1,02
17.45	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Đồng Khởi	Ngã tư Đường Lê Duẩn	1,02
		Ngã tư Đường Lê Duẩn	Đường Bạch Đằng	1,02
	Hẻm 9, 45, 233 (P4)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 119	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 33 (P4)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 537, 539, 759 (P4)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 70 (P9)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 80 (P9)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 218 (P9)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 230 (P9)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 266 (P9)	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Nguyễn Huệ	1,02
	Hẻm 456 (P9)	Đường Mạc Đĩnh Chi	Kênh 3 Tháng 2	1,02
	Hẻm 548 (P9)	Đường Mạc Đĩnh Chi	Hết ranh thửa đất số 590 tờ bản đồ 20	1,02
17.46	Đường Mạc Đĩnh Chi nối dài (Đê bao ngăn mặn)	Cầu Mạc Đĩnh Chi	Giáp ranh xã Tân Thạnh	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
17.47	Đường Võ Nguyên Giáp (P4)	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Lý Thường Kiệt	1,02
17.48	Đường Phan Đình Phùng	Đường Nguyễn Huệ	Đường Mạc Đĩnh Chi	1,02
		Đường Mạc Đĩnh Chi	Hẻm 150, Đường Phan Đình Phùng	1,02
17.49	Đường Vành Đai II (P3)	Đường Dương Minh Quan	Hết ranh đất Công ty Satraco	1,02
		Giáp ranh đất Công ty Satraco	Đường Văn Ngọc Chính	1,02
17.50	Đường dân sinh cặp chân cầu Khánh Hưng (Bên phải)	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Trương Công Định	1,02
	Đường dân sinh cặp chân cầu Khánh Hưng (Bên trái)	Suốt tuyến		1,02
17.51	Đường Mai Thanh Thế	Suốt tuyến		1,02
	Hẻm 1, 12	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 64, 76, 152	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm cuối Đường Mai Thanh Thế	Thửa đất số 65, tờ bản đồ số 05	Hết thửa đất số 29, tờ bản đồ số 05 (P9)	1,02
	Hẻm cuối Đường Mai Thanh Thế thông qua Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Mai Thanh Thế	Đường Mạc Đĩnh Chi	1,02
17.52	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Lê Hồng Phong	Đường 30 Tháng 4	1,02
	Hẻm 65, 143, 181	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 83	Suốt hẻm		1,02
17.53	Đường Phan Bội Châu	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	1,02
17.54	Đường Thủ Khoa Huân	Đường Phan Bội Châu	Đường 30 Tháng 4	1,02
17.55	Đường Trần Quang Diệu	Suốt tuyến		1,02
17.56	Đường Nguyễn Văn Thêm	Suốt tuyến		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
17.57	Đường Nguyễn Văn Hữu	Suốt tuyến		1,02
17.58	Đường Bùi Viện	Suốt tuyến		1,02
	Hẻm 2	Suốt hẻm		1,02
17.59	Đường Đề Thám	Suốt tuyến		1,02
	Hẻm 6	Suốt hẻm		1,02
17.60	Đường Lê Văn Tám	Suốt tuyến		1,02
	Hẻm 68	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 122	Suốt hẻm		1,02
17.61	Đường Châu Văn Tiếp	Suốt tuyến		1,02
17.62	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Phú Lợi	1,02
		Đường Phú Lợi	Cầu Chữ Y	1,02
	Hẻm 160, 222	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 48, 366, 358, 414, 468	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 44	Đường Nguyễn Văn Linh	Hết thửa số 433, tờ bản đồ số 12	1,02
	Hẻm 175	Đường Nguyễn Văn Linh	Hết thửa đất số 99, tờ bản đồ số 37	1,02
	Hẻm 206	Đường Nguyễn Văn Linh	Hẻm 244, Đường Phú Lợi	1,02
	Hẻm 305	Đường Nguyễn Văn Linh	Hết ranh đất Lương Thanh Hải (Thửa 226, tờ bản đồ số 44)	1,02
	Hẻm 367	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 468	Suốt hẻm		1,02
17.63	Đường Dương Kỳ Hiệp	Đường Nguyễn Văn Linh	Kênh 16 mét	1,02
		Kênh 16 mét	Tuyến tránh Quốc lộ 1A	1,02
		Tuyến tránh Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Mỹ Hương	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
17.63	Hẻm 197	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 75	Đường Dương Kỳ Hiệp	Hết thửa đất 594, tờ bản đồ số 53	1,02
	Hẻm 189 (P2)	Suốt hẻm		1,02
17.64	Đường Dương Minh Quan	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Văn Ngọc Chính	1,02
	Hẻm 243	Đường Dương Minh Quan	Giáp thửa đất số 52, tờ bản đồ số 16	1,02
	Hẻm 175	Suốt hẻm		1,02
17.65	Đường Văn Ngọc Chính	Đường Lê Hồng Phong (Đầu ranh thửa 75, tờ bản đồ 31)	Đường Vành Đai II	1,02
		Đường Vành Đai II	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	1,02
	Hẻm 10, 26, 120, 69, 91	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 153 (Hẻm 135 cũ)	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 259, 295	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 237	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 279, 312, 420, 384, 434	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 217	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 185	Suốt hẻm		1,02
17.66	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường Lê Hồng Phong	Đường 30 Tháng 4	1,02
	Hẻm 122	Đường Đoàn Thị Điểm	Hết thửa đất số 17, tờ bản đồ số 57	1,02
		Đầu ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 57	Bờ kênh Thủy lợi (Phường Mỹ Xuyên)	1,02
	Hẻm 179	Đường Đoàn Thị Điểm	Hết thửa đất số 146, tờ bản đồ số 37	1,02
	Hẻm 152, 194, 204	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 30, 74	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 157	Suốt hẻm		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
17.67	Đường Trần Văn Bảy	Đường 30 Tháng 4	Đường Lê Hồng Phong	1,02
	Hẻm 99, 134	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 163	Suốt hẻm		1,02
17.68	Đường Phú Tức	Cống Trắng (Đường Võ Văn Kiệt)	Giáp ranh xã Mỹ Hương	1,02
17.69	Đường Võ Thị Sáu	Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Duẩn	1,02
17.70	Đường Trần Quang Khải	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Sương Nguyệt Anh	1,02
17.71	Đường Sương Nguyệt Anh	Đường Dương Kỳ Hiệp	Giáp ranh phường Sóc Trăng	1,02
		Đoạn còn lại (Đường nhựa cặp kênh 8 mét - Phường 2 cũ)		1,02
17.72	Đường Triệu Quang Phục (Đường Cổng Trắng)	Đường Võ Văn Kiệt	Đường nhựa Quân Khu IX	1,02
	Hẻm 12	Suốt hẻm		1,02
17.73	Đường dân sinh trước Bệnh viện Đa khoa Tỉnh song song với Đường Lê Duẩn (Đường Kênh Nhân Lực)	Kênh Cô Bắc	Kênh 3 Tháng 2	1,02
17.74	Đường cặp Kênh 3 Tháng 2 (P9)	Đường Kênh Nhân Lực	Đường Bạch Đằng	1,03
17.75	Đường Lê Đại Hành	Suốt tuyến		1,02
17.76	Đường Phan Văn Chiêu (Đường Kênh Quảng Khuôl cũ)	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường 30 Tháng 4	1,02
17.77	Đường Trần Thủ Độ	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Võ Văn Kiệt	1,02
17.78	Đường Lưu Khánh Đức (Lộ nhựa cặp Quân Khu IX cũ) P2	Suốt tuyến		1,02
17.79	Đường đất 2 bên kênh 16 mét (P2)	Suốt tuyến		1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
17.80	Các tuyến thuộc dự án LIA 1 (P4)	Suốt tuyến		1,02
17.81	Đường nhánh các cơ quan tư pháp tuyến Đường Võ Nguyên Giáp (P4)	Phía dãy các cơ quan hiện hữu Đường N2 trong quy hoạch phân khu hướng Đông		1,02
17.82	Đường N3	Suốt tuyến		1,02
17.83	Đường D7	Suốt tuyến		1,02
17.84	Đường D2	Suốt tuyến		1,02
17.85	Khu tái định cư số 01			
	Đường N2	Suốt tuyến		1,02
	Các tuyến đường còn lại trong Khu tái định cư	Suốt tuyến		1,02
17.86	Lộ đá khu dân cư Bình An	Suốt tuyến		1,02
17.87	Khu dân cư Hạnh Phúc	Cả khu		1,02
17.88	Khu dân cư của Hẻm 357 (Điểm dân cư Trường Quân Sự tỉnh)	Cả khu		1,03
17.89	Khu dân cư Sáng Quang (Phường 2 cũ)	Cả khu		1,02
17.90	Khu dân cư xung quanh trường Quân sự Quân Khu 9 (Khu dân cư 586)			
	Khu A	Các lô nền A5, A8, A12		1,02
	Khu B	Có mặt tiền giáp Đường Trần Hưng Đạo		1,02
	Đường số 1	Đường Trần Hưng Đạo	Đường số 9	1,02
		Đường số 9	Đường số 7	1,02
	Đường số 2, 3, 4, 5, 6, 6A, 7, 8, 9, 10	Suốt tuyến		1,02
17.91	Dự án Phát triển đô thị và tái định cư khu 5A			
	Đường 14, 20, 22 và 23	Suốt tuyến		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
17.91	Đường 9A, 9B	Suốt tuyến		1,02
	Đường số 5, 6, 16	Suốt tuyến		1,02
	Đường số 2, 3, 4, 7, 8, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 17, 18, 19, 21, N24	Suốt tuyến		1,02
	Các đường còn lại trong Khu dân cư	Suốt tuyến		1,02
17.92	Khu nhà ở thương mại Trần Quang Diệu (P2)	Đường số 1		1,02
		Các đường còn lại trong khu nhà ở thương mại Trần Quang Diệu		1,02
17.93	Khu nhà phố Thương mại VinCom ShopHouse Sóc Trăng (P2)	Suốt tuyến		1,02
18	**Phường Sóc Trăng**			
18.1	Đường Lê Lợi	Đường Tôn Đức Thắng	Nút giao thông Tượng Đài Trung Tâm	1,02
	Hẻm 63	Suốt hẻm		1,02
18.2	Đường Hùng Vương	Bên phải tuyến hết ranh Hồ Nước Ngọt; Bên trái tuyến giáp Đường Dã Tượng	Đường Trần Quốc Toản	1,02
	Hẻm 28	Đường Hùng Vương	Hẻm 2, Đường Huỳnh Phan Hộ	1,02
	Hẻm 63	Đường Hùng Vương	Rạch Trà Men	1,02
	Hẻm 93	Đường Hùng Vương	Hẻm 63, Đường Hùng Vương	1,02
	Hẻm 3	Đường Hùng Vương	Hẻm 42, Đường Yết Kiêu	1,02
	Hẻm 7	Đường Hùng Vương	Đường Điện Biên Phủ	1,02
	Hẻm 101, 121, 149	Đường Hùng Vương	Rạch Trà Men	1,02
	Hẻm 129	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 135	Suốt hẻm		1,04
	Hẻm 159	Đường Hùng Vương	Rạch Trà Men	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
18.3	Đường Lý Thánh Tông	Đường Hùng Vương	Đường Điện Biên Phủ	1,02
		Đường Hùng Vương	Kênh Trường Thọ	1,02
	Hẻm 29 (P6 cũ)	Đường Lý Thánh Tông	Đường Kênh 30 Tháng 4	1,02
18.4	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Lê Lợi	Đường Điện Biên Phủ	1,02
	Hẻm 145 (P6 cũ)	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Hẻm 81, Đường Ngô Gia Tự	1,02
18.5	Tuyến tránh Quốc lộ 1A	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	1,02
		Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Đường Dương Kỳ Hiệp	1,02
18.6	Đường Lê Duẩn	Cầu Lê Duẩn (Sông Maspero)	Đường Phạm Hùng	1,02
18.7	Quốc lộ 1	Giáp ranh xã An Ninh	Giao điểm giữa Tuyến tránh Quốc lộ 1 và Tuyến tránh Quốc lộ 60	1,04
18.8	Đường Võ Văn Kiệt	Giao điểm giữa Tuyến tránh Quốc lộ 1 và Tuyến tránh Quốc lộ 60	Bên trái giáp hẻm 121; Bên phải hết ranh Viện Kiểm sát	1,02
		Bên trái giáp hẻm 121; Bên phải hết ranh Viện Kiểm sát	Bên trái giáp Đường Trần Quốc Toản; Bên phải hết ranh hẻm 298	1,02
		Bên trái giáp Đường Trần Quốc Toản; Bên phải hết ranh hẻm 298	Cầu Kênh Xáng	1,02
	Hẻm 54	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Lê Hoàng Chu	1,02
	Hẻm 367 (P6 cũ)	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Điện Biên Phủ	1,02
	Hẻm 121	Đường Võ Văn Kiệt	Hết ranh thửa đất số 819, tờ bản đồ 103 (16 cũ)	1,02
	Hẻm 170	Đường Võ Văn Kiệt	Cuối hẻm	1,02
	Hẻm 222	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Lê Hoàng Chu	1,02
	Hẻm 238	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 298	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 334	Suốt hẻm		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
18.9	Đường Nguyễn Trường Tộ	Đường Sóc Vồ	Hết ranh thửa đất số 122, tờ bản đồ 112 (25 cũ)	1,04
18.10	Đường Điện Biên Phủ	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Yết Kiêu	1,02
		Đường Yết Kiêu	Đường Lý Thánh Tông	1,02
		Đường Lý Thánh Tông	Đường Võ Văn Kiệt	1,02
18.11	Đường Kênh 19 Tháng 5	Đường Tôn Đức Thắng	Kênh Thanh Niên	1,02
		Kênh Thanh Niên	Kênh 30 Tháng 4	1,02
18.12	Đường Kênh 22 Tháng 3	Đường Lương Định Của	Cuối Kênh (Hết thửa 106, tờ bản đồ 49)	1,02
18.13	Đường Kênh Liêu Sên	Đường đá Kênh Cầu Xéo	Kênh 2 Tháng 9	1,02
18.14	Đường Ngô Gia Tự	Ngã ba Đường Dã Tượng	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	1,02
		Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Lê Lai	1,02
	Hẻm 81	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 95	Suốt hẻm		1,02
18.15	Đường Lê Vĩnh Hoà	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Pasteur - Bà Triệu	1,02
	Hẻm 2	Đường Lê Vĩnh Hòa	Hết ranh thửa 107, tờ bản đồ số 155 (30)	1,02
		Giáp ranh thửa 107, tờ bản đồ số 30	Hết ranh thửa số 80, tờ bản đồ số 29	1,02
18.16	Đường Lê Lai	Đường Ngô Gia Tự	Đường Lê Lợi	1,02
18.17	Đường Calmette	Đường Ngô Gia Tự	Đường Nguyễn Chí Thanh	1,02
	Hẻm 33	Từ Calmette	Đường Lai Văn Tửng	1,02
18.18	Đường Yết Kiêu	Đường Điện Biên Phủ	Đường Yết Kiêu	1,02
	Hẻm 42	Đường Yết Kiêu	Hẻm 218, Đường Điện Biên Phủ	1,02
18.19	Đường Dã Tượng	Đường Điện Biên Phủ	Đường Ngô Gia Tự	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
18.20	Đường Võ Đình Sâm	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Bà Triệu	1,02
	Hẻm 5	Đường Võ Đình Sâm	Hết thửa đất số 112, tờ bản đồ số 154 (29)	1,02
	Hẻm 9	Đường Võ Đình Sâm	Đường Trần Văn Hòa	1,02
18.21	Đường Đặng Văn Viễn	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Bà Triệu	1,02
18.22	Đường Pasteur	Đường Lê Vĩnh Hòa	Hẻm 196, Đường Tôn Đức Thắng	1,02
	Hẻm 50	Suốt hẻm		1,02
18.23	Đường Nguyễn Chí Thanh	Ranh Hồ Nước Ngọt	Đường Tôn Đức Thắng	1,02
	Hẻm 4	Đường Nguyễn Chí Thanh	Hết thửa đất số 57, tờ bản đồ 28	1,02
	Hẻm 79	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Lai Văn Tửng	1,02
18.24	Đường Trần Văn Hòa	Đường Lê Vĩnh Hòa	Đường Võ Đình Sâm	1,02
	Hẻm 36, 74	Đường Trần Văn Hòa	Đường Bà Triệu	1,02
	Hẻm 12	Đường Trần Văn Hòa	Hết thửa đất số 113, tờ bản đồ số 162 (37)	1,02
18.25	Đường Bà Triệu	Đường Lê Vĩnh Hòa	Đường Võ Đình Sâm	1,02
18.26	Đường Sơn Đê	Suốt tuyến		1,02
18.27	Đường Lai Văn Tửng	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Sơn Đê	1,02
	Hẻm 2	Suốt hẻm		1,02
18.28	Đường Dương Kỳ Hiệp	Kênh 16 mét	Tuyến tránh Quốc lộ 1A	1,02
		Tuyến tránh Quốc lộ 1A	Giáp lộ giao thông khu vực 24 phường Sóc Trăng	1,02
18.29	Đường Kênh 30 Tháng 4 (Nhánh phía Đông)	Đường Lý Thánh Tông	Đường Vành Đai I	1,02
		Đường Vành Đai I	Kênh 19 Tháng 5	1,02
18.30	Đường Kênh 30 Tháng 4 (Nhánh phía Tây)	Đường Lý Thánh Tông	Đường Vành Đai I	1,02
		Đường Vành Đai I	Giáp khu công nghiệp Minh Châu	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
18.31	Đường Sóc Vồ	Giao điểm giữa tuyến tránh Quốc lộ 1 và tuyến tránh Quốc Lộ 60	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	1,02
18.32	Đường Lê Hoàng Chu	Cầu Kênh Xáng (Quốc lộ 1A)	Hẻm 222, Đường Võ Văn Kiệt	1,04
		Hẻm 222, Đường Võ Văn Kiệt	Đường Sóc Vồ	1,04
18.33	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Cầu Đen (Quốc lộ 1A)	Tuyến tránh Quốc lộ 1A	1,02
		Tuyến tránh Quốc lộ 1A	Bia tưởng niệm - Hết thửa đất số 13 tờ bản đồ số 105	1,02
		Bia tưởng niệm - Hết thửa đất số 13 tờ bản đồ số 105	Giáp ranh xã An Ninh	1,02
	Hẻm 91	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Hết ranh thửa đất số 3; Thửa 64 tờ bản đồ 126	1,02
18.34	Đường Lý Đạo Thành	Đường Tôn Đức Thắng	Trung tâm phòng chống bệnh xã hội (cũ)	1,02
	Hẻm 8	Suốt hẻm		1,02
18.35	Đường Huỳnh Phan Hộ	Đường Hùng Vương	Đường Trần Quốc Toản	1,02
	Hẻm 2	Đường Huỳnh Phan Hộ	Kênh 30 Tháng 4	1,02
	Hẻm 36	Đường Huỳnh Phan Hộ	Kênh 30 Tháng 4	1,02
	Hẻm 64, 76, 110, 117	Suốt hẻm		1,02
18.36	Đường Trần Quốc Toản	Đường Hùng Vương	Đường Huỳnh Phan Hộ	1,02
	Hẻm 46, 104, 109	Suốt hẻm		1,02
18.37	Lộ giao thông khu vực 24 phường Sóc Trăng	Đường Trương Vĩnh Ký	Đường Dương Kỳ Hiệp	1,02
18.38	Tuyến tránh Quốc lộ 60	Đường Võ Văn Kiệt	Cổng sau Khu Công nghiệp An Nghiệp (Khu Thiết chế Công Đoàn)	1,02
		Cổng sau Khu Công nghiệp An Nghiệp (Khu Thiết chế Công Đoàn)	Giáp ranh xã An Ninh	1,02
		Giáp ranh xã Thuận Hòa	Đường Lương Định Của	1,02
	Hẻm 192	Tuyến tránh Quốc lộ 60	Hết thửa đất số 91 và 350, tờ bản đồ số 94	1,02
	Hẻm 334	Tuyến tránh Quốc lộ 60	Hết thửa đất số 98, tờ bản đồ số 43	1,02
18.39	Đường Trương Vĩnh Ký	Đường Sương Nguyệt Anh	Giáp ranh xã An Ninh	1,02
18.40	Đường Phan Đăng Lưu	Giáp hẻm 91, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa (thửa đất số 22, tờ bản đồ số 126 (40))	Giáp ranh xã An Ninh	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
18.41	Đường Nguyễn Văn Khuynh	Đường Phạm Hùng	Cầu Thanh Niên (Giáp Đường Chông Chác)	1,04
18.42	Đường Sóc Mồ Côi	Đường Phạm Hùng	Giáp ranh xã Tân Thạnh	1,02
18.43	Đường Trần Đại Nghĩa	Đường Phạm Hùng	Giáp ranh xã Tân Thạnh	1,02
18.44	Đường Lộ Châu Khánh	Đường Trần Đại Nghĩa	Giáp ranh xã Tân Thạnh	1,03
18.45	Đường Tôn Đức Thắng	Cầu C247	Đường Lê Vĩnh Hòa	1,02
		Đường Lê Vĩnh Hòa	Hẻm Chùa Phước Nghiêm	1,02
		Hẻm Chùa Phước Nghiêm	Đường Vành Đai I	1,02
		Đường Vành Đai I	Đường Vành Đai II	1,02
	Hẻm 87	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 163	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 189	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 196	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 222	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 250	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 278, 322, 352	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 354A	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 283	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 368	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 580	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 49	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 55	Đường Tôn Đức Thắng	Hẻm 4, Đường Nguyễn Chí Thanh	1,02
	Hẻm 74	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 146	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Trần Văn Hòa	1,02
	Hẻm 166	Đường Tôn Đức Thắng	Hẻm 2, Đường Lê Vĩnh Hòa	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
18.45	Hẻm 178	Đường Tôn Đức Thắng	Hẻm 2, Đường Lê Vĩnh Hòa	1,02
	Hẻm 311, 319, 337, 389, 398, 472, 498	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 382	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 420, 452, 532, 542, 552, 589, 573, 596, 638, 726, 744, 762, 780, 788, 792	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 525, 593, 674, 708, 716, 806, 814	Suốt hẻm		1,02
18.46	Đường Phạm Hùng	Đường Bà Triệu	Đường Vành Đai I	1,02
		Đường Vành Đai I	Đường Vành Đai II	1,02
		Đường Vành Đai II	Cầu Saintard	1,02
	Hẻm 5	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 117	Đường Phạm Hùng	Cuối hẻm	1,02
	Hẻm 54	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 98	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 112	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 126	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 158	Suốt hẻm		1,02
18.47	Đường Cao Thắng	Đường Coluso	Đường Huỳnh Cương	1,02
		Đường Huỳnh Cương	Cụm Công nghiệp Tân Phú	1,02
		Cụm Công nghiệp Tân Phú	Đường Phạm Hùng	1,02
18.48	Đường vào Cảng Sông	Đường Phạm Hùng	Đường Cao Thắng	1,04
18.49	Đường Chông Chác	Đường Nguyễn Văn Khuynh (Cầu Thanh Niên)	Đường Tôn Đức Thắng	1,04
18.50	Đường Lương Định Của	Đường Vành Đai II	Giáp ranh xã Trường Khánh	1,02
	Hẻm 131	Đường Lương Định Của	Giáp thửa đất số 89, tờ bản đồ 44 (4)	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
18.51	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Bà Triệu	Đường Coluso	1,02
18.52	Đường Cầu Đen	Thửa đất số 39, tờ bản đồ 156 (31)	Thửa đất số 51, tờ bản đồ 163 (38)	1,03
18.53	Đường Kênh Xáng	Thửa 189, 227, tờ bản đồ 163 (38)	Thửa 87, tờ bản đồ 163 (38)	1,02
18.54	Đường Coluso	Đường Phạm Hùng	Đường Phạm Ngọc Thạch	1,02
		Đường Phạm Hùng	Lộ đá cặp kênh Cầu Xéo	1,02
18.55	Đường Huỳnh Cương	Đường Cao Thắng	Cụm Công nghiệp Tân Phú	1,02
		Cụm Công nghiệp Tân Phú	Hết ranh phường Sóc Trăng	1,02
18.56	Lộ đá cặp kênh Cầu Xéo	Hẻm 5 Đường Phạm Hùng	Đường Vành Đai II	1,02
18.57	Đường đê bao Trà Quýt	Giáp ranh phường Phú Lợi	Đường Nguyễn Trường Tộ	1,02
18.58	Lộ nhựa 7 mét	Cầu Maspero	Khán đài đua Ghe Ngo	1,04
18.59	Lộ Kênh Trường Thọ	Kênh 30 Tháng 4	Đường Kênh 19 Tháng 5	1,02
18.60	Khu dân cư Hưng Thịnh	Cả khu		1,02
18.61	Khu dân cư Tuấn Lan (P6 cũ)	Cả khu		1,02
18.62	Khu dân cư Đức Nguyên (Khu dân cư Nguyên Hưng Phát)	Các tuyến Đường nội bộ trong Khu dân cư (Trừ các thửa đất có cạnh tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ)		1,02
		Các thửa đất có cạnh tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ (Đoạn từ Đường Yết Kiêu đến Đường Lý Thánh Tông)		1,02
18.63	Khu dân cư Minh Châu:			
	Đường A1, A2	Suốt tuyến		1,02
	Đường B	Đường Võ Văn Kiệt	Đường A2	1,02
		Đường A2	Đường A1	1,02
		Đường A1	Kênh 30 Tháng 4	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
18.63	Đường C1, C2, C3, C4, C5, C6, C7	Suốt tuyến		1,02
	Đường C8, C9, C10, C11	Suốt tuyến		1,02
	Đường D1, D2, D3, D4, D5, D6, D7, D8, D9, D10, D11, D12, D13, D14, D15, D16, D17, D18, D19	Suốt tuyến		1,02
19	**Phường Mỹ Xuyên**			
19.1	Quốc lộ 1A	Ngã ba Trà Tim	Hết ranh Chùa Chén Kiểu (Chùa Sà lôn)	1,02
		Giáp ranh Chùa Chén Kiểu (Chùa Sà Lôn)	Cống Sà Lôn	1,02
		Cống Sà Lôn	Giáp ranh xã Nhu Gia	1,02
19.2	Tuyến tránh Quốc lộ 60	Quốc lộ 1A	Giáp ranh phường Phú Lợi	1,02
19.3	Đường tỉnh 934	Đường Đoàn Minh Bảy	Cầu Cái Xe (Kênh Tiếp Nhựt)	1,02
		Cầu Cái Xe (Kênh Tiếp Nhựt)	Giáp ranh xã Tài Văn	1,02
	Hẻm 108 (Nghĩa trang)	Đường tỉnh 934	Kênh Xáng	1,02
	Hẻm 111	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 1 (Thạnh Lợi)	Suốt hẻm (Đường tỉnh 934 đến hết ranh đất ông Tạ Kim Sủng)		1,02
	Hẻm 2 (Chùa Xén Cón)	Đường tỉnh 934	Đường Huỳnh Văn Chính	1,02
19.4	Đường tỉnh 939 (Đại Tâm - Phú Mỹ)	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Mỹ Hương	1,02
19.5	Đường tỉnh 936 (Đại Tâm - Tham Đôn)	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Ngọc Tố	1,02
19.6	Đường huyện 56	Ngã tư Phước Kiện	Giáp ranh xã Ngọc Tố	1,02
19.7	Đường Trần Hưng Đạo (Phường 10 cũ)	Giáp ranh phường Phú Lợi	Nút giao Ngã ba Trà Tim	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
19.8	Đường Võ Văn Kiệt	Giáp ranh phường Phú Lợi	Ngã ba Trà Tim	1,02
	Hẻm 962 (Phường Mỹ Xuyên)	Đường Võ Văn Kiệt	Hết tuyến	1,02
19.9	Đường Lê Hồng Phong (Đường tỉnh 934 cũ)	Giáp ranh phường Phú Lợi (Cầu Trắng)	Ngã tư Phước Kiện	1,02
19.10	Đường Văn Ngọc Chính	Giáp ranh phường Phú Lợi (Cầu Tà Lách)	Giáp ranh xã Ngọc Tố	1,02
19.11	Đường An Dương Vương	Nút giao Ngã ba Trà Tim	Ngã tư Phước Kiện	1,02
19.12	Đường Trần Thủ Độ	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Võ Văn Kiệt	1,02
19.13	Đường Trưng Vương 1	Đường Phan Đình Phùng	Đường Hoàng Diệu	1,02
19.14	Đường Trưng Vương 2	Đường Phan Đình Phùng	Đường Hoàng Diệu	1,02
19.15	Đường Lê Lợi	Đường Lê Hồng Phong	Đường Phan Đình Phùng	1,02
	Hẻm 1, Đường Lê Lợi	Suốt hẻm		1,02
	Hẻm 2, Đường Lê Lợi	Suốt hẻm		1,02
19.16	Đường Phan Đình Phùng	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Triệu Nương	1,02
19.17	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Triệu Nương	1,02
19.18	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Hoàng Diệu	Đường Phan Đình Phùng	1,02
19.19	Đường đi Tài Công	Đường tỉnh 934	Giáp ranh xã Tài Văn	1,02
19.20	Đường đê bao Phú Hữu	Đường tỉnh 934	Giáp ranh xã Thạnh Thới An	1,02
19.21	Đường Triệu Nương	Ngã tư Phước Kiện	Đường Đoàn Minh Bảy	1,02
19.22	Đường Ngô Quyền	Cầu Bà Thủy	Cống thủy lợi	1,02
19.23	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Hoàng Diệu	Hẻm 2, Đường Lê Lợi	1,02
		Đoạn còn lại		1,02
19.24	Đường Trần Hưng Đạo (Thị trấn Mỹ Xuyên cũ)	Cầu Chà Và	Cống gần nhà Mẹ Việt Nam Anh Hùng Trần Thị Năm	1,02
		Cống gần nhà Mẹ Việt Nam Anh Hùng Trần Thị Năm	Giáp ranh phường Phú Lợi	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
19.25	Đường Phan Chu Trinh	Đường Ngô Quyền	Hết ranh Miếu Thành Hoàng (Miếu Ông Hổ)	1,02
		Đoạn còn lại		1,02
19.26	Đường Phan Thanh Giản	Đường Triệu Nương	Hết tuyến	1,02
19.27	Đường Văn Ngọc Tố	Rạch Chà Và	Rạch Bà Thủy	1,02
19.28	Đường Đoàn Minh Bảy	Rạch Chà Và	Rạch Bà Thủy	1,02
19.29	Đường Huỳnh Văn Chính	Đường tỉnh 934 (Dưới chân cầu Ông Điệp)	Đường vào cống Bà Thủy	1,02
		Đoạn còn lại		1,02
19.30	Đường Thầy Cùi	Đường Triệu Nương	Cầu Đình Thần	1,02
19.31	Đường Lê Văn Duyệt	Đường Hoàng Diệu	Hẻm 5, Đường Triệu Nương	1,02
19.32	Đường Hoàng Diệu	Cầu Chà Và	Cầu Bà Thủy	1,02
19.33	Đường Phan Bội Châu	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Lò Heo	1,02
		Đoạn còn lại		1,02
19.34	Đường Bạch Đằng	Đường Lê Hồng Phong	Cống Hitech	1,02
		Cống Hitech	Giáp ranh phường Phú Lợi	1,02
19.35	Đường vào Trường Tiểu học Mỹ Xuyên 2	Suốt tuyến		1,02
19.36	Đường vào Khu dân cư Điện Lực	Đường Lê Hồng Phong	Khu dân cư Điện lực	1,02
19.37	Khu dân cư Sáng Quang (Phường Mỹ Xuyên)	Cả khu		1,02
19.38	Khu dân cư Lê Thìn (Phường Mỹ Xuyên)			
	Đường số 01	Suốt tuyến		1,02
	Các đường còn lại trong khu dân cư	Suốt tuyến		1,02
19.39	Khu dân cư Điện lực	Cả khu		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
19.40	Khu dân cư Đại Thành	Cả khu		1,02
19.41	Khu dân cư Hồng Phát			
	Đường D1	Suốt tuyến		1,02
	Đường D2, D3; Đường N5	Suốt tuyến		1,02
	Các tuyến đường nội bộ còn lại	Suốt tuyến		1,02
19.42	Khu dân cư Hòa Mỹ	Cả khu		1,02
20	**Phường Ngã Năm**			
20.1	Quốc lộ 61B	Giáp ranh xã Tân Long	Cầu Đỏ mới	1,02
		Cầu Đỏ mới	Đường 30 Tháng 4	1,02
		Đường 30 Tháng 4	Cầu Trà Ban	1,02
20.2	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường 3 Tháng 2	Đường D4	1,04
		Đường D4	Cầu Thanh Niên (Khu vực 1)	1,04
		Cầu Thanh Niên (Khu vực 1)	Cầu Quản Lộ - Phụng Hiệp (Khu vực 7)	1,04
		Cầu Quản Lộ - Phụng Hiệp (Khu vực 7)	Kênh 90	1,04
		Kênh 90	Cầu ngã ba Chệch Cẩm	1,04
20.3	Đường 3 Tháng 2	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Trần Văn Bảy	1,02
		Đường Trần Văn Bảy	Hết ranh Chùa Phật Mẫu	1,02
		Giáp ranh Chùa Phật Mẫu	Hết ranh đất Cây xăng số 1 (Hoàng Nhung)	1,02
		Giáp ranh đất Cây xăng số 1 (Hoàng Nhung)	Cầu Cống đá	1,02
20.4	Đường Lê Hồng Phong	Đường Mai Thanh Thế	Đường 3 Tháng 2	1,02
20.5	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Mai Thanh Thế	Đường 3 Tháng 2	1,02
20.6	Đường Võ Thị Sáu	Đường Mai Thanh Thế	Đường 3 Tháng 2	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
20.7	Đường Trần Văn Bảy	Đường Mai Thanh Thế	Đường 3 Tháng 2	1,02
20.8	Đường Mai Thanh Thế	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Trần Văn Bảy	1,02
		Đường Trần Văn Bảy	Đường Phạm Hùng	1,02
20.9	Đường Hùng Vương	Cầu Ngã Năm mới (Ngang Khu hành chính)	Đường Nguyễn Trãi (Cầu Đỏ cũ)	1,02
		Đường Nguyễn Trãi (Cầu Đỏ cũ)	Cầu Đỏ mới	1,02
		Cầu Đỏ mới	Cầu Bến Long	1,02
20.10	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Bến Long	Cầu Tư Bí	1,02
		Cầu Bến Long	Giáp ranh xã Tân Long	1,02
20.11	Đường 30 Tháng 4	Đường 1 Tháng 5	Hết ranh đất ông Năm Miên	1,02
		Giáp ranh đất ông Năm Miên	Quốc lộ 61B	1,02
20.12	Đường 1 Tháng 5	Đường 30 Tháng 4	Rạch Xẻo Cạy	1,02
		Rạch Xẻo Cạy	Cầu Trà Kết	1,02
20.13	Đường Lê Văn Tám	Cầu Chùa Ông Bổn đến Đầu Voi	Hết ranh đất bà Ba Đê	1,02
		Giáp ranh đất bà Ba Đê	Cầu Bào Nhum (Cầu Vú Sữa)	1,02
20.14	Đường Lê Văn Tám (Đoạn mới làm)	Cầu Chùa Ông Bổn	Hết ranh đất Hai Thời	1,02
20.15	Đường Lạc Long Quân	Đường Mậu Thân	Hết ranh cầu Ông Bổn cũ	1,02
		Giáp ranh cầu Ông Bổn cũ	Cầu Đường Trâu (trong)	1,02
20.16	Đường Mậu Thân	Đường Lạc Long Quân	Cầu Treo	1,02
		Cầu Treo	Cầu Đường Trâu (ngoài)	1,02
20.17	Đường Nguyễn Trãi	Đường Hùng Vương (mố cầu Đỏ cũ)	Đường Phạm Văn Đồng (vòng xoay)	1,02
		Đường Phạm Văn Đồng (vòng xoay)	Quốc lộ 61B	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
20.18	Đường Lê Hoàng Chu	Cầu ngã ba Chệch Cẩm	Giáp ranh xã Tân Long	1,02
20.19	Đường Huỳnh Thị Tân	Đường Nguyễn Huệ	Đường Phạm Hùng	1,02
		Đường Phạm Hùng	Rạch Cống Đá (Trừ phía Khu tái định cư)	1,02
20.20	Đường Phạm Hùng	Đường Nguyễn Huệ	Đường 3 Tháng 2	1,02
20.21	Đường Nguyễn Huệ	Đường Mai Thanh Thế	Cầu bệnh viện	1,02
		Cầu bệnh viện	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	1,02
20.22	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Hùng Vương	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	1,02
		Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	Quốc lộ 61B	1,02
20.23	Đường Phạm Văn Đồng	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Nguyễn Trãi	1,02
		Đường Nguyễn Trãi	Đường Nguyễn Huệ	1,02
20.24	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	Kênh Cống Đá	Cầu Kênh Phú Lộc - Ngã Năm	1,02
		Cầu Kênh Phú Lộc - Ngã Năm	Kênh Bến Long	1,02
		Kênh Bến Long	Cầu Tư Bí	1,02
		Cầu Tư Bí	Hết ranh đất Trường THCS - Phường 2 cũ	1,02
		Giáp ranh đất Trường THCS - Phường 2 cũ	Cầu kênh Xáng Mỹ Phước	1,02
		Cầu kênh Xáng Mỹ Phước	Giáp ranh xã Long Hưng	1,02
20.25	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cống Lý Thanh	Đường Âu Cơ	1,02
		Cống Lý Thanh	Đường vào Trường THCS Long Tân	1,02
		Đường vào Trường THCS Long Tân	Cầu Tư Bí	1,02
20.26	Đường Lý Tự Trọng	Đường Âu Cơ	Kênh 8 Tháng 3	1,02
		Kênh 8 Tháng 3	Kênh Mỹ Lợi	1,02
		Kênh Mỹ Lợi	Cầu Kênh Bình Hưng	1,02
		Cầu Kênh Bình Hưng	Giáp ranh xã Tân Long	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
20.27	Đường Âu Cơ	Đường Lý Tự Trọng	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	1,02
20.28	Đường Khu vực Trà Cú	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Giáp ranh Trung tâm Thương Mại - Phường 2 cũ	1,02
20.29	Đường huyện 79B	Cầu Kênh Bình Hưng	Giáp ranh xã Mỹ Phước	1,02
20.30	Đường huyện 77	Cầu Đường Trâu (Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp)	Giáp ranh tỉnh Cà Mau	1,02
20.31	Đường huyện 73	Cầu Vú Sữa	Cầu Sóc Sải	1,03
		Cầu Sóc Sải	Cầu Đường Tắc	1,04
20.32	Đường huyện 72	Cầu ngang UBND xã Vĩnh Quới cũ	Cầu Đường Trâu (trong)	1,04
20.33	Đường Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp	Giáp ranh xã Long Hưng	Đầu ranh đất Cây xăng Trường Thịnh	1,02
		Đầu ranh đất Cây xăng Trường Thịnh	Cầu Treo	1,02
		Cầu Treo	Đường 1 Tháng 5	1,02
20.34	Đường N1 (Cụm công nghiệp khu vực 4)	Suốt tuyến		1,02
20.35	Đường số 4	Đường Nguyễn Trãi	Đường N11 (trường THCS phường Ngã Năm)	1,02
20.36	Đường N11	Đường số 4	Đường D14	1,02
20.37	Đường D14	Đường N11	Quốc lộ 61B	1,02
20.38	Đường D2	Đường 3 Tháng 2	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	1,02
20.39	Đường D3	Đường Phạm Hùng	Đường N1	1,02
20.40	Đường N1	Đường D3	Đường D2	1,02
20.41	Khu dân cư khu vực 3, phường Ngã Năm	Đường N1		1,02
		Đường N2		1,02
		Đường số 22		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
20.42	Các tuyến đường Trung tâm Phường 1 (cũ)			
	Đường N1	Đường Mai Thanh Thế	Đường D1	1,02
	Đường N2	Đường D4	Đường D1	1,02
	Đường D1	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Trung Trực	1,02
	Đường D2	Đường Nguyễn Huệ	Đường N1	1,02
	Đường D3	Đường N2	Đường Nguyễn Trung Trực	1,02
	Đường D4	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Trung Trực	1,02
20.43	Khu tái định cư phường 1 cũ			
	Đường Huỳnh Thị Tân	Đoạn thuộc phía Khu tái định cư		1,02
	Đường D1	Suốt tuyến trong Khu tái định cư		1,02
	Đường NB1	Suốt tuyến trong Khu tái định cư		1,02
21	**Phường Mỹ Quới**			
21.1	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	Cầu Cống Đá	Cống Tám Xưa	1,02
		Cống Tám Xưa	Cống Hai Cường	1,02
		Cống Hai Cường	Cầu Nàng Rền	1,02
		Cầu Nàng Rền	Giáp ranh tỉnh Cà Mau	1,02
21.2	Đường tỉnh 937B	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	Ngã ba Đường trục phát triển kinh tế Đông Tây	1,02
21.3	Đường trục phát triển kinh tế Đông Tây	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	Cầu Vượt Mỹ Bình	1,02
		Cầu Vượt Mỹ Bình	Giáp ranh xã Vĩnh Lợi	1,02
21.4	Đường nhựa ven Kênh Xáng Phụng Hiệp (Đường huyện 74)	Cầu Cống Đá	Hết ranh đất UBND phường 3 cũ	1,02
		Giáp ranh đất UBND phường 3 cũ	Hết cầu Chợ Vĩnh Biên	1,02
		Cầu Chợ Vĩnh Biên	Giáp ranh tỉnh Cà Mau	1,02
		Khu vực đất quy hoạch chợ Vĩnh Biên		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
21.5	Đường huyện 75 (Đường Mỹ Quới - Rộc Lá)	Cầu Mới	Giáp ranh Trường Mầm non Mỹ Quới	1,02
		Giáp ranh Trường Mầm non Mỹ Quới	Cầu 3 Si	1,02
		Cầu 3 Si	Cầu Mỹ Hưng	1,02
		Ngã ba Chợ đầu lộ (Điện máy xanh)	Hết ranh đất ông Phạm Văn Thực	1,02
		Giáp ranh đất ông Phạm Văn Thực	Đầu ranh đất Trường Mầm non Mỹ Bình	1,02
		Trường Mầm non Mỹ Bình	Đường trục phát triển kinh tế Đông Tây	1,02
		Cầu Nàng Rền (Mỹ Bình cũ)	Giáp ranh ấp Mỹ Hòa, xã Tân Long	1,02
21.6	Đường huyện 79A	Toàn tuyến (Cầu Mới đến giáp Đường trục phát triển kinh tế Đông Tây)		1,02
21.7	Đường huyện 79C	Cầu Chợ Mỹ Quới	Cầu Lung Sen	1,02
		Cầu Lung Sen	Giáp ranh xã Vĩnh Lợi	1,02
21.8	Đường huyện 76 (Đường tỉnh 937B)	Cầu chợ Mỹ Quới	Hết ranh đất Trường THPT Lê Văn Tám	1,02
		Giáp ranh đất Trường THPT Lê Văn Tám	Giáp ranh xã Vĩnh Lợi	1,02
21.9	Ấp Mỹ Thành	Đầu ranh đất ông Trần Văn Lắm	Cầu Mới	1,02
		Giáp ranh Đường Cống thoát nước (Hết ranh quy hoạch Chợ Mỹ Quới)	Ngã ba nhà ông Phạm Văn Thực	1,02
21.10	Ấp Mỹ Tây A - Mỹ Tường B (Chợ Mỹ Quới giai đoạn 2)	Cầu Mới (Cầu Sắt)	Hết ranh đất Đình Nguyễn Trung Trực	1,02
21.11	Ấp Mỹ Tường B	Giáp ranh đất Đình Nguyễn Trung Trực	Cầu Ông Xi	1,02
21.12	Ấp Mỹ Thọ	Cầu Năm Châu	Hết ranh đất Châu Thị Mỹ	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
21.13	Ấp Mỹ Tây A	Cầu Mới	Hết ranh đất ông Dương Huỳnh Long	1,02
		Đất ông Dương Huỳnh Long	Giáp ranh tỉnh Cà Mau	1,02
21.14	Lộ kênh Huỳnh Yến (2 bên)	Cầu Cống Đá cũ	Kênh Trà Chiên	1,02
		Kênh Trà Chiên	Hết tuyến	1,02
21.15	**Các tuyến đường trung Tâm Chợ Mỹ Quới**			
	Tuyến Số 1	Nhà ông Thường	Nhà ông Huệ	1,02
	Tuyến Số 2	Nhà ông Tường	Nhà bà Mai	1,02
	Tuyến Số 3	Nhà Kim Lý	Nhà ông Tân	1,02
	Tuyến Số 4	Nhà ông Khoa	Nhà ông Giang	1,02
	Tuyến Số 5	Từ ranh đất ông Đạt Em	Đường cống thoát nước (Đến hết ranh đất quy hoạch Chợ hướng cặp kênh Thầy Cai Nhâm)	1,02
	Tuyến Số 6	Hết ranh đất ông Đạt Em	Cầu Mới (Hướng về Cầu Mỹ Hưng)	1,02
	Tuyến Số 7	Giáp ranh đất ông Nguyễn Trung Tính	Hết ranh đất ông Trần Văn Lắm	1,02
22	**Phường Khánh Hòa**			
22.1	Đường tỉnh 935	Cầu Mỹ Thanh	Đường Đal Châu Khánh	1,02
		Đường Đal Châu Khánh	Giáp ranh phường Vĩnh Châu	1,02
22.2	Đường trục Phát triển kinh tế Đông Tây (Đường tỉnh 937B)	Đường tỉnh 935	Giáp sông Vĩnh Châu	1,02
		Cầu Vĩnh Châu	Giáp sông Cổ Cò	1,02
22.3	Đường tỉnh 936	Cầu Dù Há	Cầu Ngã tư	1,02
		Cầu Ngã tư	Trường THCS Vĩnh Hiệp	1,02
		Trường THCS Vĩnh Hiệp	Giáp sông Cổ Cò (đầu voi)	1,02
22.4	Đường huyện 45	Kênh Dâu	Đường huyện 40 (Đê cấp 1)	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
22.5	Đường huyện 46A	Đường tỉnh 936	Giáp rạch Trà Nho	1,02
22.6	Đường huyện 46B	Đường huyện 42	Đường huyện 40 (Đê cấp 1)	1,02
22.7	Đường huyện 40 (Đê cấp 1)	Đường tỉnh 936	Cống Trà Nho	1,02
		Giáp sông Mỹ Thanh	Hết ranh đất đình Hòa Giang	1,02
22.8	Đường huyện 42	Đường tỉnh 936	Giáp Rạch Trà Nho	1,02
22.9	Đường huyện 41	Đường tỉnh 935	Cầu Dù Hiên	1,02
		Cầu Dù Hiên	Ngã ba đường tránh điện gió	1,02
		Ngã ba đường tránh điện gió	Cầu Thanh Niên (Đường huyện 40)	1,02
22.10	Đường vào Trung tâm xã Hoà Đông	Ngã ba từ Chợ Hòa Đông (Đường huyện 41)	Giáp Rạch Trà Niên	1,02
22.11	Đường Đal Trà Teo Thạch Sao	Chùa Phước Trường An (Đường huyện 41)	Đê quốc phòng (Đường huyện 40)	1,02
22.12	Tuyến lộ đal trong khu vực chợ Hòa Đông	Suốt tuyến		1,02
23	**Phường Vĩnh Châu**			
23.1	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Giáp ranh phường Vĩnh Phước	Đường vào Chùa Cà Săng	1,02
		Giáp đường vào Chùa Cà Săng	Giáp ranh xã Vĩnh Hải	1,02
	Hẻm 2	Đường huyện 48	Đường Nam Sông Hậu	1,02
	Hẻm 239	Đường Nam Sông Hậu	Đường huyện 48	1,02
23.2	Đường tỉnh 935	Cầu Giồng Dú	Hết ranh đất Nghĩa trang Triều Châu	1,02
		Giáp ranh đất Nghĩa trang Triều Châu	Giáp ranh phường Khánh Hòa	1,02
23.3	Đê Quốc Phòng (Đường tỉnh 936C)	Giáp ranh xã Vĩnh Hải	Giáp ranh Cống số 10	1,02
		Giáp ranh Cống số 10	Giáp ranh phường Vĩnh Phước	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
23.4	Đường huyện 45	Đường Đồng Khởi	Giáp ranh đất Trại giam	1,02
		Giáp ranh đất Trại giam	Giáp ranh phường Khánh Hòa	1,02
23.5	Đường huyện 48 (Giồng Nhãn)	Giáp ranh phường Vĩnh Phước	Giáp ranh đường vào Tịnh Xá Ngọc Châu Như	1,02
		Giáp ranh đường vào Tịnh Xá Ngọc Châu Như	Giáp cổng Chùa Mới (Đường Nam Sông Hậu)	1,02
23.6	Đường huyện 43	Đường 30 Tháng 4	Hết ranh cầu Giồng Dú	1,02
		Cầu Giồng Dú	Giáp ranh đất Cây xăng Hữu Còn	1,02
		Ranh đất cây xăng Hữu Còn	Hết ranh đất Chùa Hải Phước An	1,02
		Ranh đất Chùa Hải Phước An	Giáp ranh xã Vĩnh Hải	1,02
23.7	Đường Lý Thường Kiệt	Suốt tuyến		1,02
23.8	Đường Trưng Trắc	Suốt tuyến		1,02
23.9	Đường Trưng Nhị	Suốt tuyến		1,02
23.10	Đường Trần Hưng Đạo	Ngã ba Đường Nam Sông Hậu	Cầu Ngang	1,02
		Cầu Ngang	Hết ranh đất Thiên Hậu Cổ Miếu	1,02
		Ranh đất Thiên Hậu Cổ Miếu	Ngã tư Đường Lê Lai	1,02
		Ngã tư Đường Lê Lai	Ngã tư Đường 30 Tháng 4	1,02
		Ngã tư Đường 30 Tháng 4	Đường Phan Thanh Giản	1,02
		Đường Phan Thanh Giản	Đường Thanh Niên	1,02
23.11	Đường Đề Thám	Suốt tuyến		1,02
23.12	Đường 30 Tháng 4	Đường Nam Sông Hậu	Ngã tư Nguyễn Huệ	1,02
		Ngã tư Nguyễn Huệ	Cầu Vĩnh Châu	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
23.12	Đường 30 Tháng 4	Cầu Vĩnh Châu	Hết đất Cây xăng Trương Tuấn Dũ	1,02
		Giáp đất Cây xăng Trương Tuấn Dũ	Cầu Giồng Dú	1,02
23.13	Hẻm 102 (Vào nhà trọ Huy Hoàng cũ)	Suốt tuyến		1,02
23.14	Đường 30 Tháng 4 nối dài	Đê Biển	Giáp ranh đất ông Châu Mền Xên (Thửa đất số 14, tờ bản đồ số 42)	1,04
23.15	Đường 1 Tháng 5	Đường 30 Tháng 4	Đường số 6	1,02
23.16	Đường Lê Lợi	Cầu Vĩnh Châu	Đường Lê Lai	1,02
		Cầu Vĩnh Châu	Đường Phan Thanh Giản	1,02
		Ngã ba Đường Phan Thanh Giản	Giáp ranh phường Vĩnh Phước	1,02
23.17	Đường Phan Thanh Giản	Đường Lê Lợi	Đường Nguyễn Huệ	1,02
23.18	Đường Phan Thanh Giản nối dài	Đường Nguyễn Huệ	Đường Châu Văn Đơ	1,02
23.19	Đường Nguyễn Huệ	Đầu ranh đất Thanh Minh Cổ Miếu	Ngã tư Đường 30 Tháng 4	1,02
		Ngã tư Đường 30 Tháng 4	Ngã tư Đường Phan Thanh Giản	1,02
		Ngã tư Đường Phan Thanh Giản	Đường Thanh Niên	1,02
		Đường Thanh Niên	Giáp ranh phường Vĩnh Phước	1,02
	Hẻm 375 (Cặp Trường Dân tộc Nội trú)	Suốt tuyến		1,02
23.20	Đường Thanh Niên	Suốt tuyến		1,02
23.21	Đường Đồng Khởi	Đường 30 Tháng 4	Giáp sông Vĩnh Châu	1,02
		Đường 30 Tháng 4	Cống Ông Trầm	1,02
		Cống Ông Trầm	Cầu Vĩnh Châu 2	1,02
23.22	Đường Nguyễn Trãi	Đường Đồng Khởi	Cầu Chợ mới	1,02
		Cầu Vĩnh Châu	Cống Ông Trầm	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
23.23	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Suốt tuyến		1,02
	Hẻm 35 (Trong Chợ mới)	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Sông Vĩnh Châu	1,02
23.24	Đường Lê Hồng Phong	Suốt tuyến		1,02
23.25	Đường Lê Hồng Phong nối dài	Đầu ranh đất Chợ cũ	Hết ranh đất Khu Thương mại mới xây dựng	1,02
23.26	Đường Châu Văn Đơ	Đường 30 Tháng 4	Đường Nguyễn Huệ	1,02
	Hẻm 8 (Vào Khu tập thể giáo viên)	Suốt tuyến		1,02
23.27	Đường số 1	Đường số 8	Đường Lê Hồng Phong	1,02
		Đường Lê Hồng Phong	Hết ranh đất Công an	1,02
23.28	Đường số 2	Đường 1 Tháng 5	Giáp ranh đất Khu Thương mại	1,02
		Đường 1 Tháng 5	Đường số 1	1,02
23.29	Đường số 3	Đường Lê Hồng Phong	Đường số 6	1,02
23.30	Đường số 6	Suốt tuyến		1,02
23.31	Đường số 7	Đường số 8	Đường Lê Hồng Phong	1,02
		Đường Lê Hồng Phong	Đường số 2	1,02
23.32	Đường số 8	Suốt tuyến		1,02
23.33	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Trưng Nhị	Đường Lê Lai	1,02
23.34	Đường Lê Lai	Cầu Mậu Thân (Cầu Nước Mắm)	Đường Nam Sông Hậu	1,02
		Đường Nam Sông Hậu	Đường huyện 48	1,02
		Đường huyện 48	Đê Biển	1,02
	Hẻm 70 (Cặp Ngân hàng Chính sách)	Đầu hẻm	Hết đất ông Quảng Thanh Cường	1,02
		Đoạn còn lại		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
23.34	Hẻm 85 (Vào nhà ông Lâm Hoàng Viên)	Đầu hẻm	Hết ranh đất bà Lai Thị Xiếu Láo	1,02
		Giáp ranh đất bà Lai Thị Xiếu Láo	Hết ranh đất ông Trần Văn Thêm	1,02
		Đoạn còn lại		1,02
	Hẻm 99 (Vào nhà ông Trạng)	Đầu hẻm	Hết ranh đất ông Tạ Ngọc Trí	1,02
		Giáp ranh đất ông Tạ Ngọc Trí	Hết ranh đất bà Huỳnh Thị Thanh Liễu	1,02
23.35	Đường Giồng Giữa (khu 5)	Suốt tuyến		1,02
23.36	Đường Mậu Thân	Suốt tuyến		1,02
23.37	Đường Đinh Tiên Hoàng	Suốt tuyến		1,02
23.38	Đường Tăng Du	Suốt tuyến		1,02
23.39	Lộ Vĩnh Bình - Giồng Me	Suốt tuyến		1,02
23.40	Lộ Đol Chêl	Suốt tuyến		1,02
23.41	Lộ Đol Chát	Suốt tuyến		1,02
23.42	Lộ vô Chùa Cà Săng	Suốt tuyến		1,02
23.43	Đường Ca Lạc Đại Bái	Suốt tuyến		1,02
23.44	Đường vào Chùa Đại Bái	Lộ chùa Đại Bái	Đường Nam Sông Hậu	1,02
23.45	Đường trong Khu tái định cư Hải Ngư	Suốt tuyến		1,02
23.46	Khu tái định cư Lê Lai	Cả khu		1,02
24	**Phường Vĩnh Phước**			
24.1	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Giáp ranh phường Vĩnh Châu	Cống Wáth Pích	1,02
		Cống Wáth Pích	Hết ranh đất trường Tiểu học Vĩnh Phước 2	1,02
		Giáp ranh trường Tiểu học Vĩnh Phước 2	Cống PiPu	1,02
		Cống PiPu	Hết ranh UBND phường Vĩnh Phước	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
24.1	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Giáp ranh UBND phường Vĩnh Phước	Hết ranh Salatel khóm Sở Tại B	1,02
		Giáp ranh Salatel khóm Sở Tại B	Cống Xã Hạo	1,02
		Cống Xã Hạo	Cống Chùa Tham Chu	1,02
		Cống Chùa Tham Chu	Giáp ranh xã Lai Hòa	1,02
24.2	Đường tỉnh 936	Đường Nam Sông Hậu	Cầu Làng Mới	1,02
		Cầu Làng Mới	Giáp ranh phường Khánh Hòa	1,02
24.3	Đường tỉnh 940	Đường Nam Sông Hậu	Cầu 41	1,02
		Cầu 41	Cầu 47	1,02
		Cầu 47	Giáp ranh xã Hòa Tú	1,02
24.4	Đê Quốc Phòng (Đường tỉnh 936C)	Giáp ranh phường Vĩnh Châu	Giáp ranh xã Lai Hòa	1,02
24.5	Đường huyện 40	Giáp ranh xã Lai Hòa	Giáp ranh phường Khánh Hòa	1,02
24.6	Đường huyện 42	Suốt tuyến		1,02
24.7	Đường huyện 47	Đường Nam Sông Hậu	Cầu Chợ	1,02
		Cầu Chợ	Đường huyện 40	1,02
		Đường Nam Sông Hậu	Đường huyện 48	1,02
		Đường huyện 48	Đê Quốc Phòng (Đường tỉnh 936C)	1,02
24.8	Đường huyện 47B	Đường Nam Sông Hậu	Đê Quốc Phòng (Đường tỉnh 936C)	1,02
24.9	Đường huyện 48	Giáp ranh phường Vĩnh Châu	Đường vào Trạm khuyến nông	1,02
		Đường vào Trạm khuyến nông	Hết ranh Miếu Thượng Đế Cổ Miếu	1,02
		Giáp ranh Miếu Thượng Đế Cổ Miếu	Cống Nô Puôl	1,02
		Cống Nô Puôl	Giáp ranh xã Lai Hòa	1,02
24.10	Đường Nguyễn Huệ	Giáp ranh phường Vĩnh Châu	Ngã tư Đường Nam Sông Hậu	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
24.11	Hẻm trong chợ Xẻo Me	Suốt tuyến		1,02
24.12	Hẻm cặp Trường DT Nội trú	Suốt tuyến		1,02
24.13	Lộ Phước Tân	Đường huyện 47	Hết tuyến	1,02
24.14	Lộ Tà Lét	Đường Nam Sông Hậu	Đường huyện 48	1,02
24.15	Lộ Vĩnh Thành	Đường Nam Sông Hậu	Sông Vĩnh Thành (Hết tuyến)	1,02
		Đường Nam Sông Hậu	Chợ Vĩnh Thành	1,02
		Đoạn còn lại		1,02
24.16	Đường cống Wáth Pích	Cống Wáth Pích	Đường huyện 48	1,02
25	**Phường Vị Thanh**			
25.1	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu 2 Tháng 9	Cầu Cái Nhúc	1,04
		Cầu Cái Nhúc	Đường Nguyễn Viết Xuân	1,04
		Đường Nguyễn Viết Xuân	Cầu Chủ Chẹt	1,04
		Cầu Chủ Chẹt	Ngã ba Chợ (Đường Nguyễn Trung Trực)	1,04
		Ngã ba Chợ (Đường Nguyễn Trung Trực)	Cầu Rạch Gốc	1,04
		Cầu 2 Tháng 9	Đường Ngô Quốc Trị	1,04
		Đường Ngô Quốc Trị	Cầu Xà No	1,04
		Cầu Xà No	Cầu Ba Liên	1,04
25.2	Đường Châu Văn Liêm	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Công Trứ	1,04
25.3	Đường 30 Tháng 4	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Công Trứ	1,04
25.4	Đường Trưng Trắc	Đường 30 Tháng 4	Đường Nguyễn Thái Học	1,04
25.5	Đường Trưng Nhị	Đường 30 Tháng 4	Đường Nguyễn Thái Học	1,04
25.6	Đường Lê Lai	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Đoàn Thị Điểm	1,04
25.7	Đường Lê Lợi	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Đoàn Thị Điểm	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
25.8	Đường 1 Tháng 5	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Công Trứ	1,04
25.9	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Công Trứ	1,04
		Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Lưu Hữu Phước	1,04
25.10	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường Châu Văn Liêm	Đường Nguyễn Thái Học	1,04
25.11	Đường Nguyễn Công Trứ	Cầu Lữ Quán	Đường Nguyễn Thái Học	1,02
		Đường Nguyễn Thái Học	Cầu Nguyễn Công Trứ	1,02
		Cầu Nguyễn Công Trứ	Đường Lê Quý Đôn	1,02
		Đường Lê Quý Đôn	Đường Hồ Biểu Chánh	1,02
25.12	Đường Nguyễn Việt Hồng	Đường 30 Tháng 4	Đường Nguyễn Thái Học	1,02
25.13	Đường Cô Giang	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trưng Trắc	1,02
25.14	Đường Cô Bắc	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trưng Trắc	1,02
25.15	Đường Cai Thuyết	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trưng Trắc	1,02
25.16	Đường Cai Hoàng	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trưng Trắc	1,02
25.17	Đường Phó Đức Chính	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trưng Trắc	1,02
25.18	Đường Chiêm Thành Tấn	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Công Trứ	1,02
25.19	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Đường Lê Văn Tám	Kênh Quan Đế	1,02
25.20	Đường Lê Văn Tám	Đường 1 Tháng 5	Đường Hải Thượng Lãn Ông	1,02
25.21	Đường Kim Đồng	Đường 1 Tháng 5	Đường Hải Thượng Lãn Ông	1,02
25.22	Đường Trần Quang Diệu	Đường Nguyễn Công Trứ	Hết đường	1,02
25.23	Đường Hồ Xuân Hương	Đường Nguyễn Công Trứ	Hết vòng Hồ Sen	1,02
25.24	Đường Hoàng Hoa Thám	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Chiêm Thành Tấn	1,02
25.25	Đường Phan Bội Châu	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Chiêm Thành Tấn	1,02
25.26	Đường Phan Chu Trinh	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Chiêm Thành Tấn	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
25.27	Đường Trần Ngọc Quế	Đường Nguyễn Công Trứ	Cầu Bảy Tuốt	1,02
		Cầu Bảy Tuốt	Cầu Xáng Hậu	1,02
25.28	Đường Trần Quốc Toản	Đường 1 Tháng 5	Đường Châu Văn Liêm	1,02
25.29	Đường Trương Định	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường 30 Tháng 4	1,02
25.30	Đường Lý Tự Trọng	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Văn Trỗi	1,02
25.31	Đường Phạm Hồng Thái	Đường Lê Quý Đôn	Đường Võ Thị Sáu	1,02
25.32	Đường Huỳnh Phan Hộ	Đường Lê Quý Đôn	Đường Võ Thị Sáu	1,02
25.33	Đường Lê Văn Nhung	Đường Lê Quý Đôn	Đường Lý Tự Trọng	1,02
25.34	Đường Trần Hoàng Na	Đường Lê Quý Đôn	Đường Lý Tự Trọng	1,02
25.35	Đường Lê Bình	Đường Lê Quý Đôn	Đường Lý Tự Trọng	1,02
25.36	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Cầu Cái Nhúc 2	Đường Lê Quý Đôn	1,02
		Đường Lê Quý Đôn	Cống 1	1,02
25.37	Đường Võ Thị Sáu	Đường Huỳnh Phan Hộ	Đường Nguyễn Văn Trỗi	1,02
25.38	Đường Lê Quý Đôn	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Lê Quý Đôn	1,04
		Cầu Lê Quý Đôn	Đường ô tô về Trung tâm xã Hỏa Lựu	1,04
25.39	Đường Đồ Chiểu	Đường Nguyễn Công Trứ	Kênh Quan Đế	1,02
25.40	Đường Lưu Hữu Phước	Đường Đồ Chiểu	Đường Trần Ngọc Quế	1,02
25.41	Đường Ngô Hữu Hạnh	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Triệu Thị Trinh	1,02
25.42	Đường Nguyễn Trung Trực	Ngã ba chợ	Chùa Ông Bổn	1,02
25.43	Đường Phan Văn Trị	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Trung Trực	1,02
25.44	Đường Bùi Hữu Nghĩa	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Trung Trực	1,02
25.45	Đường Chu Văn An	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Hồ Sen	1,02
25.46	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Hồ Sen	1,02
25.47	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Văn Trỗi	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
25.48	Đường Cao Thắng	Đường Trần Hưng Đạo	Hết đường	1,02
25.49	Đường Trần Văn Hoài	Đường vào Khu dân cư khu vực 9	Hết đường	1,02
25.50	Đường Triệu Thị Trinh	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Nguyễn Công Trứ	1,02
25.51	Đường vào Khu dân cư khu vực 9	Đường Cao Thắng	Đường Cống 1	1,02
25.52	Đường Phan Đình Phùng	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường ô tô về trung tâm xã Hỏa Lựu	1,02
25.53	Đường Lương Đình Của	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Trường Tộ	1,04
25.54	Đường Cao Bá Quát	Đường Võ Văn Tần	Đường Võ Văn Kiệt	1,02
25.55	Đường Trần Văn Ơn	Đường Lê Quý Đôn	Đường Phan Đình Phùng	1,04
25.56	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Lê Quý Đôn	Đường Phan Đình Phùng	1,04
25.57	Đường Võ Văn Tần	Đường Lê Quý Đôn	Đường Phan Đình Phùng	1,04
25.58	Đường Nguyễn Trường Tộ	Đường Lê Quý Đôn	Đường Phan Đình Phùng	1,04
25.59	Đường Ngô Gia Tự	Đường Lê Quý Đôn	Hết đường	1,04
25.60	Đường Ngô Thì Nhậm	Đường Lê Quý Đôn	Hết đường	1,04
25.61	Đường Lê Văn Sĩ	Đường Lê Quý Đôn	Hết đường	1,04
25.62	Đường Nguyễn Thông	Đường Phan Đình Phùng	Đường Thi Sách	1,04
25.63	Đường Đặng Thùy Trâm	Đường Lê Văn Sĩ	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	1,04
25.64	Đường Phùng Khắc Khoan	Đường Trần Văn Ơn	Đường ô tô về Trung tâm xã Hỏa Lựu	1,04
25.65	Đường Lê Anh Xuân	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Du	1,04
25.66	Đường Nguyễn Hữu Cầu	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Du	1,04
25.67	Đường Nguyễn Văn Siêu	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Du	1,04
25.68	Đường Hồ Biểu Chánh	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Du	1,04
25.69	Đường Thi Sách	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Võ Văn Kiệt	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
25.70	Đường Thủ Khoa Huân	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Võ Văn Kiệt	1,04
25.71	Đường Nguyễn Khuyến	Đường Nguyễn Cư Trinh	Đường Võ Văn Kiệt	1,04
25.72	Đường Nguyễn Công Hoan	Đường Nguyễn Du	Đường Đặng Minh Khiêm	1,04
25.73	Đường Nguyễn Du	Đường Lê Quý Đôn	Đường Hồ Biểu Chánh	1,04
25.74	Đường Lương Thế Vinh	Đường Thi Sách	Đường Lê Anh Xuân	1,04
25.75	Đường Trương Vĩnh Ký	Đường Thi Sách	Đường Nguyễn Khuyến	1,04
25.76	Đường Nguyễn Biểu	Đường Thi Sách	Đường Nguyễn Khuyến	1,04
25.77	Đường Nguyễn Cư Trinh	Đường Lê Quý Đôn	Đường Hồ Biểu Chánh	1,04
25.78	Đường Đào Duy Từ	Đường Thi Sách	Hết đường	1,04
25.79	Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	Đường Trương Vĩnh Ký	Đường Nguyễn Biểu	1,04
25.80	Đường vào Cụm Công nghiệp - Tiểu thủ Công nghiệp	Đường Trần Hưng Đạo	Giáp ranh Cụm công nghiệp - Tiểu thủ Công nghiệp	1,04
25.81	Hai tuyến đường vào Khu dân cư - Thương mại phường VII (586)	Đường Trần Hưng Đạo	Giáp ranh Khu dân cư - Thương mại	1,02
25.82	Đường 1 Tháng 5 nối dài	Kênh Quan Đế	Kênh Xáng Hậu	1,02
		Kênh Xáng Hậu	Giáp ranh xã Vĩnh Thuận Đông	1,02
25.83	Đường Nguyễn Viết Xuân	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Nguyễn Viết Xuân	1,03
		Cầu Nguyễn Viết Xuân	Đường ô tô về Trung tâm xã Hỏa Lựu	1,03
25.84	Đường Vị Bình	Kênh Mương lộ Đường 3 Tháng 2	Giáp ranh xã Hỏa Lựu	1,02
25.85	Đường Vị Bình B	Kênh Vị Bình	Kênh ranh xã Vĩnh Thuận Đông	1,02
25.86	Đường Kênh Tắc Vị Bình	Cầu Xáng Hậu	Kênh Vị Bình	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
25.87	Đường Đồng Khởi	Ranh Cụm Công nghiệp - Tiểu thủ Công nghiệp	Giáp ranh xã Hỏa Lựu	1,02
25.88	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Trần Hưng Đạo	Giáp ranh xã Hỏa Lựu	1,02
25.89	Đường Ung Văn Khiêm	Đường Trần Hưng Đạo	Trung tâm phòng, chống bệnh xã hội	1,02
25.90	Quốc lộ 61C	Giáp ranh xã Vĩnh Thuận Đông	Giáp ranh xã Hỏa Lựu	1,04
25.91	Đường Cống 1	Đường Trần Hưng Đạo	Hết đường	1,02
25.92	Đường ô tô về Trung tâm xã Hỏa Lựu	Cầu Trần Ngọc Quế	Đường Lê Quý Đôn	1,02
		Đường Lê Quý Đôn	Đường Phan Đình Phùng	1,02
		Đường Phan Đình Phùng	Cầu Kênh Công (Cống 1)	1,02
		Cầu Kênh Công (Cống 1)	Đường Đồng Khởi	1,02
25.93	Đường Nguyễn Đắc Thắng	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Trung Trực	1,02
25.94	Đường Tạ Quang Tỷ	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Trung Trực	1,02
25.95	Khu đô thị mới Cát Tường	Đường Nguyễn Công Hoan		1,04
		Các đường còn lại theo quy hoạch chi tiết xây dựng (Gồm: Đường Thi Sách, Đường Hồ Thị Kỷ, Đường Cống Quỳnh, Đường Đặng Minh Khiêm, Đường Đặng Nguyên Cẩn, Đường Đinh Công Tráng, Đường Trần Nguyên Hãn, Đường Bùi Văn Ba, Đường Nguyễn Thị Du)		1,04
25.96	Đường Lê Quý Đôn nối dài	Đường ô tô về Trung tâm xã Hỏa Lựu	Quốc lộ 61C	1,02
25.97	Đường tỉnh 931	Quốc lộ 61C	Giáp ranh xã Vĩnh Thuận Đông	1,02
25.98	Khu dân cư 425 Trần Hưng Đạo	Cả khu (Trừ thửa đất tiếp giáp Đường Trần Hưng Đạo)		1,02
25.99	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Trần Ngọc Quế	Đường 1 Tháng 5 nối dài	1,02
		Đường Phan Đình Phùng	Đường Hồ Thị Kỷ	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
25.100	Hẻm 427, Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Triệu Thị Trinh	1,02
25.101	Hẻm 437, 451, 465, 481, 529 thuộc Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Triệu Thị Trinh	1,02
25.102	Hẻm 73, Đường Nguyễn Thái Học	Suốt hẻm		1,02
25.103	Hẻm 1, Đường Lưu Hữu Phước	Suốt hẻm		1,02
25.104	Hẻm 19, Đường Chiêm Thành Tấn	Suốt hẻm		1,02
25.105	Đường cặp kênh Hậu Bệnh Viện (Tỉnh Hậu Giang cũ)	Đường 1 Tháng 5	Đường Trần Ngọc Quế	1,02
25.106	Đường cặp Kênh Xáng Hậu	Đường 1 Tháng 5	Đường Trần Ngọc Quế	1,02
25.107	Đường cặp Kênh Trung Đoàn	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường ô tô về Trung tâm xã Hỏa Lựu	1,02
25.108	Đường Phan Huy Chú	Đường Mạc Đĩnh Chi	Kênh thủy lợi	1,02
25.109	Đường Trần Quý Cáp	Đường Mạc Đĩnh Chi	Kênh thủy lợi	1,02
25.110	Khu đô thị mới Cát Tường II	Các đường còn lại theo quy hoạch chi tiết xây dựng		1,02
		Đường số 1		1,02
		Các lô (nền) tái định cư		1,02
25.111	Hẻm 147 (3,5 mét)	Đường Trần Ngọc Quế	Kênh phân lô	1,02
25.112	Hai bên tuyến đường bê tông (4 mét; Kênh phân lô)	Kênh Hậu Bệnh Viện	Đường Võ Văn Kiệt	1,02
25.113	Hai bên tuyến đường bê tông (4 mét; Kênh phân lô)	Đường Võ Văn Kiệt	Đường cặp Kênh Xáng Hậu	1,02
26	**Phường Vị Tân**			
26.1	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu 2 Tháng 9	Đường Ngô Quốc Trị	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
26.1	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Ngô Quốc Trị	Cầu Xà No	1,04
		Cầu Xà No	Cầu Ba Liên	1,04
26.2	Đại lộ Võ Nguyên Giáp	Giáp ranh xã Vị Thủy	Cầu Tràm Cửa	1,02
		Cầu Tràm Cửa	Cầu Mương lộ 62	1,02
26.3	Đường Lê Hồng Phong	Đường 3 Tháng 2	Cầu 30 Tháng 4	1,02
		Cầu 30 Tháng 4	Đường Nguyễn Trãi	1,02
		Đường Nguyễn Trãi	Hẻm 141	1,02
		Hẻm 141	Đường 19 Tháng 8	1,02
		Đường 19 Tháng 8	Giáp ranh tỉnh An Giang	1,02
26.4	Đường Nguyễn Huệ	Kênh Mương Lộ 62	Cầu Xà No	1,02
		Cầu Xà No	Giáp ranh xã Vị Thanh 1	1,02
		Kênh 59	Kênh Tắc Huyện Phương	1,02
		Kênh Tắc Huyện Phương	Cầu Bà Quyền	1,02
		Cầu Bà Quyền	Sông Ba Voi	1,02
26.5	Đường 3 Tháng 2	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Ngô Quốc Trị	1,02
		Đường Ngô Quốc Trị	Cầu Miếu	1,02
		Cầu Miếu	Giáp ranh xã Vị Thủy	1,02
		Cầu 2 Tháng 9	Cầu Xà No	1,02
		Đường Ngô Quốc Trị	Cầu Xà No	1,02
		Cầu Xà No	Cầu Ba Liên	1,02
26.6	Đường Võ Văn Kiệt	Đường 3 Tháng 2	Kênh Ba Liên	1,02
26.7	Đường Hùng Vương	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Võ Văn Kiệt	1,02
		Đường Võ Văn Kiệt	Giáp ranh xã Vị Thủy	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
26.8	Khu dân cư Phát triển Đô thị Khu vực 2 và 3 phường V	Các đường nội bộ (Trừ các vị trí Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt và Đại lộ Võ Nguyên Giáp)		1,02
26.9	Khu đô thị Cát Tường Western Pearl 2	Đường D6 lộ giới 27 mét (6 - 15 - 6) và Đường D13 lộ giới 35 mét (6 - 23 - 6) đấu nối vào đường Võ Văn Kiệt		1,02
		Đường D9, D10 có lộ giới 27 mét (6 - 15 - 6); Đường N9 có lộ giới 29 mét (7 - 15 - 7); Đường D21 có lộ giới 26 mét (5 - 16 - 5)		1,02
		Đường D9, D10 có lộ giới 22 mét (6 - 10 - 6)		1,02
		Đường N4A, N4B lộ giới 20,5 mét (5 - 10,5 - 5)		1,02
		Đường D8, D11, N1A, N1B lộ giới 17 mét (4 - 7 - 6; 5 - 7 - 5)		1,02
		Các tuyến đường còn lại có lộ giới từ 12 mét đến 15 mét		1,02
26.10	Khu đô thị Cát Tường Western Pearl	Cả khu (Trừ thửa đất tiếp giáp Đường Hòa Bình nối dài và Đường Trần Hưng Đạo)		1,02
26.11	Khu nhà ở xã hội thấp tầng liền kề tại Phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang	Đường số 1, 2, 3		1,02
26.12	Khu dân cư Thương mại Vị Thanh	Đối với phần đất được giao theo Phân kỳ 1 của dự án (Trừ thửa đất tiếp giáp Đại lộ Võ Nguyên Giáp)		1,02
		Đối với phần đất được giao theo Phân kỳ 2 của dự án (Trừ thửa đất tiếp giáp Đại lộ Võ Nguyên Giáp)		1,02
26.13	Khu tái định cư thành phố Vị Thanh - giai đoạn 1	Đường số 4 (Lộ giới 24 mét)		1,02
		Các đường còn lại theo quy hoạch chi tiết xây dựng (Gồm: Đường số 3 (lộ giới 17 mét) và các Tuyến đường 1, 13 (lộ giới 15 mét))		1,02
26.14	Khu tái định cư Tỉnh ủy - Giai đoạn 3	Đường D12, lộ giới 24 mét		1,02
		Các đường còn lại theo quy hoạch chi tiết xây dựng (Gồm: Đường số 1, 2, 4)		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
26.15	Đường Âu Cơ	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Nguyễn Thành Đô	1,02
26.16	Đường Nguyễn Thành Đô	Đường An Dương Vương	Đường Hùng Vương	1,02
26.17	Đường Lý Nam Đế	Đường Triệu Quang Phục	Đường Âu Cơ	1,02
26.18	Đường Tô Vĩnh Diện	Đường Triệu Quang Phục	Đường Âu Cơ	1,02
26.19	Đường Lạc Long Quân	Đường Hùng Vương	Đường D11 (Hết ranh Khu tái định cư giai đoạn 2)	1,02
26.20	Đường An Dương Vương	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Võ Văn Kiệt	1,02
26.21	Đường Triệu Quang Phục	Đường Lạc Long Quân	Đường Nguyễn Thành Đô	1,02
26.22	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Trần Thủ Độ	Đường Hùng Vương	1,02
26.23	Đường Bế Văn Đàn	Đường Âu Cơ	Đường Trần Quang Khải	1,02
26.24	Đường Hoàng Văn Thụ	Đường Trần Thủ Độ	Đường Hùng Vương	1,02
26.25	Đường Trần Thủ Độ	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Võ Văn Kiệt	1,02
26.26	Đường Trần Quang Khải	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Hoàng Văn Thụ	1,02
26.27	Đường Phạm Văn Nhờ	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Hoàng Văn Thụ	1,02
26.28	Đường Nguyễn Văn Quang	Đường Phạm Văn Nhờ	Đường Nguyễn Kim	1,02
26.29	Đường Nguyễn Kim	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Hoàng Văn Thụ	1,02
26.30	Đường Phan Đình Giót	Đường Lê Đại Hành	Đường Trần Thủ Độ	1,02
26.31	Đường Mạc Cửu	Đường Lê Đại Hành	Đường Trần Thủ Độ	1,02
26.32	Đường Trần Đại Nghĩa	Đường Trần Thủ Độ	Đường Hùng Vương	1,02
26.33	Đường Trần Bình Trọng	Đường Lê Đại Hành	Đường Trần Thủ Độ	1,02
26.34	Đường Trần Khánh Dư	Đường Lê Đại Hành	Đường D11 (Hết ranh Khu tái định cư giai đoạn 2)	1,02
26.35	Đường Lê Đại Hành	Đường Hoàng Văn Thụ	Đường Võ Văn Kiệt	1,02
26.36	Đường Nguyễn Ngọc Trai	Đường Lạc Long Quân	Đường Trần Khánh Dư	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
26.37	Đường Hoàng Diệu	Đường Nguyễn Hữu Trí	Đường Nguyễn Ngọc Trai	1,02
26.38	Đường Nguyễn Thị Sáu	Đường Hoàng Diệu	Đường Nguyễn Văn Tạo	1,02
26.39	Đường Nguyễn Văn Tạo	Đường Nguyễn Hữu Trí	Đường Nguyễn Ngọc Trai	1,02
26.40	Đường Đoàn Văn Chia	Đường Lạc Long Quân	Đường Võ Văn Kiệt	1,02
26.41	Đường Nguyễn Hữu Trí	Đường Lạc Long Quân	Đường Trần Khánh Dư	1,02
26.42	Đường Điện Biên Phủ	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Võ Văn Kiệt	1,02
26.43	Đường Hòa Bình	Đại lộ Võ Nguyên Giáp	Đường Điện Biên Phủ	1,02
26.44	Đường Hòa Bình nối dài	Đại lộ Võ Nguyên Giáp	Hết ranh dự án Khu đô thị Cát Tường Western Pearl	1,02
26.45	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Hòa Bình	Đường Võ Văn Kiệt	1,02
26.46	Đường Thống Nhất	Đường Hòa Bình	Đường Võ Văn Kiệt	1,02
26.47	Đường Ngô Quyền	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Võ Văn Kiệt	1,02
26.48	Đường Ngô Quốc Trị	Đường Trần Hưng Đạo	Đường 3 Tháng 2	1,02
26.49	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Ngô Quyền	Đường Điện Biên Phủ	1,02
26.50	Đường Nguyễn An Ninh	Đại lộ Võ Nguyên Giáp	Cầu Nguyễn An Ninh	1,02
26.51	Đường Nguyễn Trãi	Đường Lê Hồng Phong	Cầu Đen	1,02
		Cầu Đen	Kênh Tắc Huyện Phương	1,02
26.52	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Nguyễn Trãi	Đường Nguyễn Huệ	1,02
26.53	Đường Nguyễn Văn Quy	Đường Nguyễn Trãi	Đường Lê Hồng Phong	1,02
26.54	Đường 19 Tháng 8	Đường Lê Hồng Phong	Kênh 59	1,02
		Kênh 59	Cầu Sông Lá	1,02
		Cầu Sông Lá	Đường Chiến Thắng	1,02
26.55	Đường dự mở (Chợ Phường IV cũ)	Đường Nguyễn Văn Quy	Đường Lê Tấn Quốc	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
26.56	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Kênh Mương lộ 62	Cầu Mò Om	1,02
		Cầu Mò Om	Đại lộ Võ Nguyên Giáp	1,02
		Đại lộ Võ Nguyên Giáp	Đường Lê Hồng Phong	1,02
26.57	Đường Lê Thị Hồng Gấm	Kênh Mương Lộ 62	Đường Nguyễn Huệ nối dài	1,02
26.58	Đường Nội vi Trường phụ nữ	Các đường nội bộ theo quy hoạch chi tiết xây dựng		1,02
26.59	Đường Vị Nghĩa	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Kênh Mương lộ 62	1,02
26.60	Đường Nguyên Hồng	Đường Trừ Văn Thố	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	1,02
26.61	Đường Nguyễn Thi	Đường Nguyễn Sơn	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	1,02
26.62	Đường Nguyễn Sơn	Đường Nguyên Hồng	Đường Lê Hiền Tài	1,02
26.63	Đường Phạm Xuân Ẩn	Đường Nguyễn An Ninh	Đường Lê Hiền Tài	1,02
26.64	Đường Nguyễn Lữ	Đường Ngô Tất Tố	Đường Phạm Xuân Ẩn	1,02
26.65	Đường Ngô Tất Tố	Đường Nguyễn An Ninh	Đường Lê Hiền Tài	1,02
26.66	Đường Chu Cẩm Phong	Đường Nguyễn An Ninh	Đường Lê Hiền Tài	1,02
26.67	Đường Nguyễn Nhạc	Đường Trừ Văn Thố	Đường Chu Cẩm Phong	1,02
26.68	Đường Trừ Văn Thố	Đường Nguyễn An Ninh	Đường Lê Hiền Tài	1,02
26.69	Đường Lê Hiền Tài	Đại lộ Võ Nguyên Giáp	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	1,02
26.70	Đường Bùi Thị Cúc	Kênh 59	Kênh Ba Quảng	1,02
26.71	Đường Kênh Lộ 1 (phường IV cũ)	Kênh 59	Kênh Ba Quảng	1,02
26.72	Đường Lê Tấn Quốc	Đường Nguyễn Trãi	Đường Nguyễn Văn Nết	1,02
26.73	Đường Nguyễn Văn Nết	Đường Nguyễn Văn Quy	Đường Lê Tấn Quốc	1,02
26.74	Đường Chiến Thắng	Khu căn cứ Thị xã ủy	Đường Nguyễn Huệ	1,02
26.75	Đường Lung Nia - Vị Tân	Đường Lê Hồng Phong	Kênh 59	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
26.76	Khu dân cư Kho bạc Hậu Giang	Đường nội bộ (Mặt đường 5,5 mét)		1,02
26.77	Đường Kênh Tắc Huyện Phương	Đường Nguyễn Huệ	Đường 19 Tháng 8	1,02
26.78	Đường Nàng Chăng	Đường Kênh Tắc Huyện Phương	Kênh KH9	1,02
26.79	Đường kênh Mương Lộ 62 (4 mét)	Đại lộ Võ Nguyên Giáp	Rạch Tràm Cửa	1,02
		Cầu Nguyễn An Ninh	Rạch Mò Om	1,02
26.80	Hạng mục: LIA 3 của dự án Mở rộng, nâng cấp đô thị Việt Nam - Tiểu dự án thành phố Vị Thanh	Các hẻm còn lại thuộc địa bàn phường IV (cũ)		1,02
26.81	Hẻm 76, Đường Nguyễn Trãi	Đường Nguyễn Trãi	Kênh Tắc Huyện Phương	1,02
26.82	Đường giao thông nông thôn (Từ 3,5 mét trở lên)	Các khu vực trên địa bàn phường Vị Tân		1,02
27	**Phường Long Bình**			
27.1	Đường Nguyễn Huệ	Cầu Phú Xuyên	Đường Phạm Văn Nhờ	1,02
		Đường Phạm Văn Nhờ	Đường dự mở theo quy hoạch	1,02
27.2	Quốc lộ 61B	Ngã ba Vĩnh Tường	Cầu Long Bình	1,02
		Cầu Long Bình	Vòng xuyến	1,02
		Vòng xuyến	Cầu Long Mỹ	1,02
27.3	Đường tỉnh 927B	Ngã ba Vĩnh Tường	Đường tỉnh 927	1,02
27.4	Khu tái định cư khu vực Bình Thạnh B	Vòng xuyến	Ranh Khu dân cư thị xã Long Mỹ	1,02
		Các đường nội bộ khu vực đấu giá		1,02
		Các đường nội bộ còn lại		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
27.5	Đường vào Cầu Vịnh Rẫy	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Long Mỹ	1,02
		Cầu Long Mỹ	Cầu Vịnh Rẫy	1,02
27.6	Đường Trần Hưng Đạo	Vòng xuyến	Cầu Ba Ly	1,02
27.7	Đường Phạm Văn Nhờ	Đường Trần Hưng Đạo	Đập Bờ Dừa	1,02
		Đập Bờ Dừa	Cầu Nước Đục	1,02
27.8	Đường Khu vực Bình Thạnh B về Khu vực Bình An	Cầu Nước Đục	Khu vực Bình An	1,02
27.9	Đường Khu vực Bình Thạnh B	Cầu Ba Ly	Đường Phạm Văn Nhờ	1,02
27.10	Quốc lộ 61	Giáp ranh xã Vị Thủy	Kênh Sáu Điển	1,02
		Kênh Sáu Điển	Giáp ranh xã Hòa An (Cầu Xẻo Trâm)	1,02
27.11	Tuyến cặp Kênh Xáng Nàng Mau II ngang qua Cầu lộ Ba Suy đến Cầu Út Tiếu	Cầu Giồng Sao	Cầu Út Tiếu	1,02
27.12	Đường nối vào Trường Mẫu giáo Phượng Hồng	Quốc lộ 61	Rạch Giồng Sao	1,02
27.13	Tuyến Rạch Giồng Sao đến Cầu Nốc Mít	Cầu Giồng Sao	Cầu Nốc Mít	1,02
27.14	Tuyến cặp Kênh Xáng Nàng Mau II	Khu vực Bình Thạnh B	Cầu Ba Suy	1,02
27.15	Tuyến Kênh Tắc	Quốc lộ 61	Kênh Ông Cả	1,02
27.16	Tuyến Kênh Xáng Lái Hiếu	Cầu Vịnh Rẫy	Kênh Tắc	1,02
27.17	Tuyến cặp sông Cái Lớn	Cầu Vịnh Rẫy	Bến đò Chín Mun	1,02
27.18	Tuyến Lý Vàng	Quốc lộ 61B	Sông Cái Lớn	1,02
27.19	Tuyến Cựa Gà (Khu vực Bình An)	Quốc lộ 61B	Kênh Xáng Nàng Mau II	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
27.20	Tuyến Cựa Gà (Khu vực An Hòa)	Quốc lộ 61B	Kênh Xáng Nàng Mau II	1,02
27.21	Chợ Vĩnh Tường	Cả khu (Trừ thửa đất tiếp giáp Quốc lộ 61B)		1,02
27.22	Chợ Bình Tân	Các đường nội bộ theo quy hoạch chi tiết xây dựng		1,02
27.23	Chợ Bình Hiếu	Các đường nội bộ theo quy hoạch chi tiết xây dựng		1,02
27.24	Tuyến 4 Thước	Cầu Giồng Sao	Kênh Xáng Lái Hiếu	1,02
27.25	Khu tái định cư thị xã Long Mỹ	Đường số 1, 2, 3 theo quy hoạch xây dựng		1,02
		Đường số 4, 5, 6, 7 theo quy hoạch xây dựng		1,02
27.26	Đường về Trung tâm xã Long Bình	Giáp ranh xã Hòa An (Cầu Xẻo Trâm)	Cầu Vàm Xáng	1,02
27.27	Đường giao thông nông thôn về xã Long Bình	Quẹo Bào Muồng	Cầu Vàm Xáng	1,02
27.28	Tuyến cặp Kênh Ông Cả	Quốc lộ 61B	Sông Cái Lớn	1,02
27.29	Tuyến cặp Kênh Hồ Tỷ	Kênh Tắc	Quốc lộ 61B	1,02
27.30	Tuyến Chủ Mỹ	Sông Cái Lớn	Kênh Xáng Lái Hiếu	1,02
28	**Phường Long Mỹ**			
28.1	Đường 30 Tháng 4	Quốc lộ 61B	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1,02
		Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Nguyễn Huệ	1,02
		Đường Nguyễn Huệ	Đường tỉnh 930	1,02
28.2	Quốc lộ 61B	Đoạn tránh Trung tâm phường Long Mỹ		1,02
		Vòng xoay Quốc lộ 61B	Cống Năm Khai	1,02
		Cống Năm Khai	Cầu Hậu Giang 3	1,02
28.3	Đường Nguyễn Việt Hồng	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường 30 Tháng 4	1,02
		Đường 30 Tháng 4	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
28.4	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Hai Bà Trưng	Đường tỉnh 930	1,02
		Đường tỉnh 930	Nhà thờ Thánh Tâm	1,02
		Nhà thờ Thánh Tâm	Cống Hai Thiên	1,02
28.5	Đường Hai Bà Trưng	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1,02
28.6	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1,02
28.7	Đường Võ Thị Sáu	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1,02
28.8	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường 3 Tháng 2	Đường Trần Phú	1,02
		Đường Chiêm Thành Tấn	Đường tỉnh 930	1,02
		Đường tỉnh 930	Sông Cái Lớn	1,02
28.9	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Chiêm Thành Tấn	1,02
28.10	Đường 3 Tháng 2	Cầu Trà Ban	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1,02
		Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cầu Long Mỹ	1,02
		Cầu Long Mỹ	Kênh Ba Nghiệp	1,02
28.11	Đường Nguyễn Huệ	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cầu Phú Xuyên	1,02
28.12	Đường Trần Phú	Cầu Trà Ban 1	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1,02
		Đường Cách Mạng Tháng Tám	Vòng xoay Quốc lộ 61B	1,02
28.13	Đường tỉnh 930	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1,02
		Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cầu Trạm Bơm	1,02
		Cầu Trạm Bơm	Cầu Trắng	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
28.14	Lộ vòng cung khu vực 1	Bến đò sông Cái Lớn	Nhà máy điện sinh khối	1,02
		Nhà máy điện sinh khối	Cầu Trắng	1,02
28.15	Đường Chiêm Thành Tấn	Cầu Trà Ban	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1,02
		Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường vào Chùa Ba Cô	1,02
		Đường vào Chùa Ba Cô	Am Cô Năm	1,02
		Am Cô Năm	Cầu Quan Ba	1,02
28.16	Đường Nguyễn Quốc Thanh	Đường 3 Tháng 2	Đường 30 Tháng 4	1,02
		Đường 30 Tháng 4	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1,02
28.17	Khu dân cư khu vực 2, phường Thuận An	Các nền mặt tiền Đường Cách Mạng Tháng Tám		1,02
		Các nền vị trí còn lại		1,02
28.18	Tuyến đường song song Đường tỉnh 930	Đường Nguyễn Việt Hồng	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1,02
		Đường Cách Mạng Tháng Tám	Cầu Trạm Bơm	1,02
		Cầu Trạm Bơm	Cầu Trắng	1,02
28.19	Dự án nhà ở cho người có thu nhập thấp tại khu vực 1, phường Long Mỹ	Cả khu (Trừ thửa đất tiếp giáp Đường Cách Mạng Tháng Tám)		1,02
28.20	Tuyến đường bê tông giáp Kênh Năm Tùng thuộc khu vực 1	Cầu Trạm bơm	Kênh ranh khu vực 1 - 3	1,02
28.21	Tuyến đường bê tông giáp hàng rào Nhà máy điện sinh khối thuộc khu vực 1	Đường tỉnh 930	Sông Cái Lớn	1,02
28.22	Tuyến đường bê tông giáp Rạch Cái Bần thuộc khu vực 1	Đường tỉnh 930	Ngã tư (Đất ông Trần Ngọc Anh)	1,02
28.23	Tuyến đường bê tông giáp Kênh Hậu thuộc khu vực 4	Đoạn tránh Trung tâm phường Long Mỹ	Kênh Năm Khai	1,02
		Kênh Năm Khai	Kênh Hậu Giang 3	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
28.24	Đường ô tô về Chợ Cái Nai	Kênh Ba Nghiệp	Cầu Cái Nai	1,02
28.25	Đường Lộ Tổng	Chợ Cái Nai	Cầu Lộ Tổng	1,02
28.26	Chợ Cái Nai	Các đường nội bộ theo quy hoạch chi tiết xây dựng		1,02
28.27	Đường Chùa Hưng Trị Tự	Cầu Cái Nai	Cầu Năm Tiển	1,02
28.28	Đường Cái Bần A	Cầu Cái Bần	Cầu Ngọn Đường Cày	1,02
28.29	Đường Cái Bần B	Cầu Cái Bần	Cầu Tư Hoe	1,02
28.30	Đường Sáu Hạnh	Đường Lộ Tổng	Đường cặp sông Cái Lớn	1,02
28.31	Đường Xẻo Xu A	Đường cặp sông Cái Lớn	Cầu Hậu Giang 3	1,02
28.32	Đường cặp sông Cái Lớn	Chợ Cái Nai	Cầu Lộ Tổng	1,02
		Cầu Lộ Tổng	Giáp ranh xã Phương Bình	1,02
29	**Phường Long Phú 1**			
29.1	Đường tỉnh 928B (Hiện hữu)	Quốc lộ 61B	Cầu Hào Bửu	1,02
		Cầu Hào Bửu	Cầu Tám Cựa	1,02
		Cầu Tám Cựa	Cầu Ván	1,02
		Ngã tư Long Khánh	Cầu Xẻo Xu (Giáp ranh xã Phương Bình)	1,02
		Đường tỉnh 928B	Ngã tư Long Khánh	1,02
29.2	Tuyến giáp Trung tâm phường Trà Lồng (cũ)	Kênh Nhà Thờ (Bưu Điện)	Kênh Tư Kiến (Cặp Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp)	1,02
		Kênh Tư Kiến	Giáp ranh xã Phương Phú (Cặp Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp)	1,02
		Kênh Tư Tiên	Giáp ranh phường Ngã Năm	1,02
		Cầu Tám Cựa	Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp	1,02
		Cầu Xẻo Xu	Cầu Ba Giáp	1,02
		Cầu Xẻo Xu	Cầu Tư Kiến	1,02
29.3	Chợ phường Trà Lồng	Chợ phường Trà Lồng theo quy hoạch chi tiết xây dựng		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
29.4	Đường Giữa	Kênh Tư Tiên	Ngã tư Đường về Trụ sở UBND phường Trà Lồng (cũ)	1,02
29.5	Đường Đê Năm Thước	Cầu Tám Cựa (Đường tỉnh lộ 928B)	Quốc lộ 61B	1,04
29.6	Quốc lộ 61B	Kênh Hậu Giang 3	Cảng Trà Ban	1,02
29.7	Các Chợ thuộc địa bàn xã Long Phú	Chợ Tân Bình 1 theo quy hoạch chi tiết xây dựng		1,02
		Chợ Long Hòa 1 theo quy hoạch chi tiết xây dựng		1,02
29.8	Đường ô tô về Trung tâm xã Tân Phú	Quốc lộ 61B	Kênh Thầy Phó	1,02
29.9	Tuyến Hào Bửu	Đường tỉnh 928B	Kênh Trà Cú	1,02
29.10	Tuyến Hào Hậu	Đường tỉnh 928B	Đường ô tô về xã Tân Phú (cũ)	1,02
29.11	Đường Xẻo Cỏ - Xẻo Su - Long Trị (Địa bàn phường Long Phú 1)	Ngã tư Xẻo Cỏ	Kênh Hậu Giang 3 (Giáp ranh phường Long Mỹ)	1,02
29.12	Tuyến Ngã năm Trụ đá	Ngã năm Trụ đá	Cầu Ba Giáp	1,04
29.13	Tuyến Kênh Trâm Bầu	Đường tỉnh 928B	Đường ô tô về xã Tân Phú (cũ)	1,04
29.14	Tuyến lộ phụ 928B	Cầu Tám Minh	Cầu Hào Bửu	1,04
29.15	Tuyến Kênh Ngang	Đường tỉnh 928B	Đường ô tô về xã Tân Phú (cũ)	1,04
29.16	Tuyến Kênh Mướp B	Ngả tư Xẻo Cỏ	Cầu Tám Giử	1,04
30	**Phường Đại Thành**			
30.1	Đường tỉnh 927C	Đường 3 Tháng 2	Kênh Ba Ngàn	1,02
		Kênh Ba Ngàn	Kênh Mái Dầm	1,02
		Kênh Mái Dầm	Kênh Đứng	1,02
		Kênh Đứng	Giáp ranh xã Phú Hữu	1,02
30.2	Đường 3 Tháng 2	Đường Hùng Vương	Cầu Kênh Mang Cá	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
30.3	Đường Trương Nguyệt Thu	Đường 3 Tháng 2	Đường Nguyễn Minh Quang	1,02
30.4	Đường Hùng Vương	Đường 3 Tháng 2	Đường Trần Văn Sơn	1,02
		Đường Trần Văn Sơn	Cống Hai Đào (Giáp ranh xã Thạnh Hòa)	1,02
30.5	Đường Nguyễn Truyền Thanh	Kênh Tám Nhái	Giáp ranh xã Thạnh Hòa	1,02
30.6	Đường Nguyễn Minh Quang	Giáp ranh phường Ngã Bảy	Cầu Ba Ngàn	1,02
		Cầu Ba Ngàn	Cầu Tân Thành	1,02
		Cầu Tân Thành	Giáp ranh xã Phú Hữu	1,02
30.7	Đoạn nhánh Nguyễn Minh Quang (Lộ cũ)	Ngã ba lộ mới (Đường tránh)	Cầu Tân Thành	1,02
		Ngã ba lộ mới (Đường tránh)	Cầu Ba Ngàn	1,02
30.8	Đường Trần Văn Sơn	Đường Hùng Vương	Cầu Kênh 500	1,02
		Cầu Kênh 500	Kênh Đào	1,02
30.9	Đường Nguyễn Thị Lượm	Cầu Kênh Đào (Đường 3 Tháng 2)	Giáp ranh xã Thạnh Hòa	1,02
30.10	Đường Lâm Thị Hai	Cơ sở cai nghiện ma túy thành phố Cần Thơ	Cầu Kênh Tám Nhái đầu trong giáp phường Ngã Bảy	1,02
30.11	Lộ Kênh Láng Sen - Láng Sen A	Vàm Láng Sen	Kênh Mười Ninh (Giáp ranh xã Phụng Hiệp)	1,02
30.12	Đường Bùi Duy Phấn	Đường 3 Tháng 2	Kênh Mười Lành	1,02
30.13	Tuyến dân cư vượt lũ Cái Côn	Kênh Mười Lành	Bưng Thầy Tầng	1,02
		Bưng Thầy Tầng	Hết tuyến dân cư vượt lũ Cái Côn	1,02
	Tuyến dân cư vượt lũ Cái Côn	Cầu Bưng Thầy Tầng	Giáp ranh xã Phú Hữu	1,02
30.14	Tuyến Kênh Ba Ngàn (Tuyến trái)	Cầu Ba Ngàn	Ngã tư Cả Mới (Giáp ranh xã Phú Hữu)	1,02
		Cầu Trạm Y tế	Chợ Ba Ngàn	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
30.15	Tuyến Kênh Ba Ngàn (Tuyến phải)	Trụ sở Công an phường Đại Thành	Ngã tư Cả Mới (Giáp ranh xã Phú Hữu)	1,02
		Vàm Kênh Mái Dầm	Vàm Kênh Ba Ngàn	1,02
30.16	Tuyến Kênh Tám Nhái	Vàm Kênh Tám Nhái	Đường Lâm Thị Hai	1,02
30.17	Tuyến Xẻo Tre - Sáu Cụt	Kênh Láng Sen	Đập Mười Ninh	1,02
30.18	Tuyến Xẻo Tre - Mương Khai	Kênh Láng Sen	Kênh Chín Khéo (Giáp ranh xã Thạnh Hòa)	1,02
30.19	Hẻm cặp Thành đội	Đường Hùng Vương	Cuối hẻm	1,02
30.20	Tuyến Kênh Mương Khai	Đường Nguyễn Truyền Thanh	Giáp ranh xã Phụng Hiệp	1,02
30.21	Tuyến Kênh Đứng (Tuyến trái)	Ngã tư Sơn Phú 2A	Sông Xáng Cái Côn	1,02
30.22	Tuyến Kênh Đứng (Tuyến phải)	Ngã tư Sơn Phú 2A	Cầu Sáu Tình	1,02
		Cầu Sáu Tình	Sông Xáng Cái Côn	1,02
30.23	Tuyến cặp sông Cái Côn (Tuyến phải)	Cầu Rạch Côn	Vàm Bưng Thầy Tầng	1,02
		Vàm Bưng Thầy Tầng	Giáp ranh xã Phú Hữu	1,02
30.24	Tuyến cặp sông Cái Côn (Tuyến trái)	Kênh Đứng	Giáp ranh xã Phú Hữu	1,02
		Cầu Rạch Côn	Kênh Đứng	1,02
30.25	Tuyến Kênh Bảy Thưa (Tuyến trái)	Cầu Tân Thành	Giáp ranh xã Phú Hữu	1,02
30.26	Tuyến Kênh Bảy Thưa (Tuyến phải)	Trường Trung học cơ sở Lê Hồng Phong	Giáp ranh xã Phú Hữu	1,02
30.27	Kênh Bờ Đê	Đường Hùng Vương	Kênh Đào	1,02
30.28	Tuyến Kênh Sơn Phú (Tuyến phải)	Cầu Trạm Y tế	Cầu Thanh Long	1,02
30.29	Tuyến Lộ Sơn Phú 2 dọc Kênh Thầy Cai (Tuyến phải)	Cầu Thanh Long	Giáp ranh xã Phú Hữu	1,02
30.30	Tuyến Kênh Ông (Tuyến trái)	Cầu Kênh Ông	Kênh Chữ T	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
30.31	Tuyến Kênh Mười Sơ	Cầu Mười Sơ (Tuyến phải và trái)	Kênh Ông	1,02
30.32	Tuyến Chín Rù Rì (Tuyến phải)	Cầu Chín Rù Rì	Kênh Ông	1,02
30.33	Tuyến Kênh Hoàng Anh	Vàm Kênh Ba Vũ (Ngang Kênh Chín Rù Rì, tuyến trái)	Giáp ranh xã Phú Hữu	1,02
30.34	Tuyến Kênh Chữ T	Vàm Kênh Chữ T (Tuyến phải)	Giáp ranh xã Phú Hữu (Tuyến phải)	1,02
		Vàm Kênh Chữ T (Tuyến trái)	Giáp ranh xã Phú Hữu (Tuyến trái)	1,02
30.35	Tuyến Kênh nhỏ dài	Cầu Chín Ẩn	Cầu Đoàn Thanh Niên	1,02
30.36	Tuyến Chín Ẩn - Rạch Ngây	Cầu Đoàn Thanh Niên	Vàm Rạch Ngây	1,02
		Vàm Rạch Ngây	Giáp ranh xã Phú Hữu	1,02
30.37	Tuyến Lộ Kênh Sáu Xinh	Vàm Rạch Ngây	Giáp ranh xã Phú Hữu	1,02
30.38	Lộ Cầu Tư Dồ - Cầu Rạch Ngây	Cầu Tư Dồ	Vàm Gạch Ngây (Nhà Văn hóa khu vực Đông An 2A)	1,02
30.39	Tuyến Kênh Út Quế (Tuyến trái và phải)	Cầu Kênh Út Quế	Kênh Bảy Thưa	1,02
30.40	Tuyến Kênh Rạch Ngây (Tuyến trái)	Bến đò Bảy Lực	Giáp ranh xã An Lạc Thôn	1,02
30.41	Tuyến Kênh Rạch Ngây (Tuyến phải)	Trường THCS Tân Thành 2 cũ	Giáp ranh xã An Lạc Thôn	1,02
30.42	Tuyến Kênh Thầy Tầng (Tuyến trái)	Vàm Bưng Thầy Tầng	Giáp ranh xã Đại Hải	1,02
30.43	Tuyến Kênh Thầy Tầng (Tuyến phải)	Vàm Bưng Thầy Tầng	Giáp ranh xã Đại Hải	1,02
30.44	Tuyến Kênh Cống Đá (Tuyến phải)	Vàm Kênh Cống Đá (Tuyến phải)	Giáp ranh xã An Lạc Thôn	1,02
30.45	Tuyến Kênh Tư Dương	Kênh Tư Dương	Đập Nhà Lẫm	1,02
30.46	Tuyến Kênh ranh xã Phú Hữu	Vàm Bưng Cây Sắn	Kênh Sáu Xinh	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
30.47	Tuyến Kênh Thái Tử (Tuyến trái)	Cầu Thái Tử	Kênh Cây Da	1,02
30.48	Tuyến Kênh Thái Tử (Tuyến phải)	Cầu Thái Tử	Kênh Cây Da	1,02
30.49	Tuyến Kênh Cây Da (Tuyến phải)	Cầu Út Quế	Kênh Cả Mới	1,02
30.50	Tuyến Kênh Cây Da (Tuyến trái)	Cầu Út Quế	Ngã Tư Cả Mới	1,02
30.51	Tuyến Kênh Chính Phinh	Cầu Chính Phinh	Giáp ranh xã Phú Hữu	1,02
30.52	Kênh Đám Tràm	Cầu Đoàn Thanh Niên	Giáp ranh xã Phú Hữu	1,02
30.53	Tuyến Kênh Bà Chồn (Tuyến trái và phải)	Kênh Ba Ngàn	Kênh Út Quế	1,02
30.54	Tuyến Lộ Hậu Đông An	Chợ Ba Ngàn	Kênh Ba Phấn (Lộ Hậu Đông An)	1,02
30.55	Tuyến Kênh Cà Ớt (Tuyến trái)	Kênh Ba Phấn (Tuyến kênh Cà Ớt)	Kênh Ba Phấn (Lộ Hậu Đông An)	1,02
30.56	Tuyến Kênh Mái Dầm (Tuyến phải)	Giáp ranh phường Ngã Bảy	Vàm Kênh Ba Ngàn	1,02
30.57	Tuyến Kênh Đào (Tuyến phải)	Giáp ranh phường Ngã Bảy	Ngã ba Cả Mới (Kênh Đào)	1,02
30.58	Tuyến Kênh Cả Mới (Tuyến phải)	Ngã ba Cả Mới (Kênh Đào)	Ngã tư Cả Mới	1,02
30.59	Tuyến Kênh Mang Cá (Tuyến trái)	Đường 3 Tháng 2 (Tuyến kênh Mang Cá)	Giáp ranh xã Đại Hải	1,02
30.60	Tuyến Kênh Quế Thụ (Tuyến trái)	Vàm Kênh Quế Thụ (Tuyến trái)	Cầu Út Quế (Đầu trong)	1,02
30.61	Tuyến Kênh Quế Thụ (Tuyến phải)	Vàm Kênh Quế Thụ (Tuyến trái)	Cầu Út Quế (Đầu trong)	1,02
30.62	Tuyến Kênh Đào (Ấp Mang Cá, tuyến trái)	Cầu Thanh Niên (Tuyến kênh Mang Cá)	Kênh Mười Lành (Tuyến phải)	1,02
30.63	Tuyến Kênh Bảy Chánh (Tuyến phải và trái)	Vàm Kênh Bảy Chánh (Tuyến phải và trái)	Giáp ranh xã Đại Hải	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
30.64	Tuyến Kênh Mười Lành (Tuyến phải)	Vàm kênh Mười Lành (Tuyến phải)	Giáp ranh xã Đại Hải	1,02
30.65	Tuyến Kênh Năm Ngày (Tuyến trái)	Vàm Kênh Năm Ngày (Tuyến trái)	Giáp ranh xã Đại Hải	1,02
30.66	Tuyến Kênh Tám Tỉnh (Tuyến phải và trái)	Vàm Kênh Tám Tỉnh (Tuyến phải và trái)	Giáp ranh xã Đại Hải	1,02
30.67	Khu dân cư nông thôn mới Đại Thành, thị xã Ngã Bảy (Nay là phường Đại Thành)	Cả khu (Trừ thửa đất tiếp giáp Đường 3 Tháng 2 và Đường tỉnh 927C)		1,02
		Các lô (nền) tái định cư		1,02
30.68	Khu tái định cư thành phố Ngã Bảy	Đường số 3 (13 mét)		1,02
		Đường số D2 (13 mét)		1,02
30.69	Khu tái định cư phường Hiệp Lợi	Đường Cao Thị Ngọ, Đường Lê Thị Thuyền, Đường Dương Thị Út, Đường Phạm Thị Nhàn, Đường Hà Thị Chấn		1,02
30.70	Tuyến lộ vượt đồng	Kênh đào	Kênh Ba Ngàn	1,02
31	**Phường Ngã Bảy**			
31.1	Đường Bạch Đằng	Đường Hùng Vương	Cầu Đen	1,02
31.2	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Hùng Vương	Đường Lê Lợi	1,02
31.3	Đường Lê Lợi	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Xẻo Vông	1,02
31.4	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Hùng Vương	Đường Lê Lợi	1,02
31.5	Đường Triệu Ẩu	Đường Hùng Vương	Đường Lê Lợi	1,02
31.6	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lý Thường Kiệt	1,02
		Đường Lê Lợi	Đường Hùng Vương	1,02
31.7	Đường Hùng Vương	Đường Bạch Đằng	Vòng xoay Ngã năm	1,02
		Vòng xoay Ngã năm (Đường Phạm Hùng)	Cầu Cái Đôi	1,02
		Cầu Cái Đôi	Đường 3 Tháng 2	1,02
		Đường Trương Thị Hoa	Đường 3 Tháng 2	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
31.7	Đường Hùng Vương	Đường 3 Tháng 2	Hết Trường Tiểu học Nguyễn Hiền	1,02
		Trường Tiểu học Nguyễn Hiền	Giáp ranh xã Đại Hải	1,02
31.8	Đường 3 Tháng 2	Đường Hùng Vương	Cầu Sóc Trăng (Gồm cả đường dẫn)	1,02
		Cầu Sóc Trăng	Cầu Hai Dưỡng	1,02
31.9	Đường Nguyễn Minh Quang	Đường Hùng Vương	Đường Lê Hồng Phong	1,02
		Đường Lê Hồng Phong	Giáp ranh phường Đại Thành	1,02
31.10	Đường 30 Tháng 4	Cầu Đen	Hết Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngã Bảy	1,02
		Hết Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngã Bảy	Đường tỉnh 927C	1,02
		Đường tỉnh 927C	Cầu Sậy Niếu	1,02
31.11	Đường Nguyễn Trãi	Cầu Xẻo Vông	Đường 30 Tháng 4	1,02
31.12	Đường Phạm Hùng	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Minh Quang	1,02
31.13	Đường Lê Hồng Phong	Đường Nguyễn Thị Én	Đường Phạm Hùng	1,02
		Đường Phạm Hùng	Đường cặp bờ kè Cái Côn	1,02
31.14	Đường Nguyễn Huệ	Đường Hùng Vương	Đường Lê Hồng Phong	1,02
		Đường Lê Hồng Phong	Cầu Kênh Đào (Đường Nguyễn Huệ)	1,02
		Cầu Kênh Đào (Đường Nguyễn Huệ)	Đường 3 Tháng 2	1,02
31.15	Đường Châu Văn Liêm	Đường Phạm Hùng	Đường Đoàn Văn Chia	1,02
31.16	Đường Đoàn Văn Chia	Đường Hùng Vương	Đường Lê Hồng Phong	1,02
31.17	Đường Phan Đình Phùng	Đường Hùng Vương	Đường Lê Hồng Phong	1,02
31.18	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường số 1 (Khu đô thị mới)	Siêu thị Co.opmart	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
31.19	Đường Nguyễn Văn Nết	Đường Phan Đình Phùng	Đường Nguyễn Huệ	1,02
31.20	Đường Nguyễn Thị Xem	Đường Phan Đình Phùng	Đường Nguyễn Huệ	1,02
31.21	Đường Phạm Thị Bảy	Đường Phạm Hùng	Đường Nguyễn Huệ	1,02
31.22	Đường Trương Thị Hoa	Cầu Phụng Hiệp	Đầu Doi Cát (Kênh Sóc Trăng)	1,02
31.23	Đường Trần Nam Phú	Đường Hùng Vương	Hết ranhTrụ sở Khu vực 2 (Phường Hiệp Thành cũ)	1,02
		Giáp ranh Trụ sở Khu vực 2 (Phường Hiệp Thành cũ)	Hết Trường Tiểu học Trần Quốc Toản (Cơ sở 2)	1,02
		Trường Tiểu học Trần Quốc Toản (Cơ sở 2)	Giáp ranh xã Đại Hải	1,02
31.24	Đường Ngô Quyền	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Nguyễn Trãi	1,02
31.25	Tuyến Cầu Đình - Giáp ranh phường Đại Thành	Cầu Đình	Cầu Xẻo Môn	1,02
		Cầu Xẻo Môn	Kênh Tám Nhái	1,02
31.26	Đường Lê Thị Tặng	Cầu Đình	Cầu Xẻo Vông	1,02
		Cầu Xẻo Vông	Cầu Kênh Tám Nhái	1,02
31.27	Đường Cao Thắng	Đường 1 Tháng 5	Cầu Sóc Trăng (Đường 3 Tháng 2)	1,02
		Cầu Sóc Trăng (Đường 3 Tháng 2)	Cầu số 1	1,02
		Cầu số 1	Giáp ranh xã Đại Hải	1,02
31.28	Đường 1 Tháng 5	Cầu 1 Tháng 5	Đường 3 Tháng 2	1,02
31.29	Đường Hoàng Hoa Thám	Cầu Chữ Y	Giáp ranh xã Tân Phước Hưng	1,02
31.30	Kênh Búng Tàu (Doi Chành)	Cầu 1 Tháng 5	Giáp ranh Cụm Công nghiệp, Tiểu thủ Công nghiệp thị xã Ngã Bảy	1,02
		Giáp ranh Cụm Công nghiệp, Tiểu thủ Công nghiệp thị xã Ngã Bảy	Giáp ranh xã Tân Phước Hưng	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
31.31	Lộ cặp nhà máy đường	Đường 3 Tháng 2	Kênh Búng Tàu	1,02
31.32	Đường Triệu Vĩnh Tường	Cầu Sậy Niếu	Trụ sở Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Ngã Bảy (UBND phường Lái Hiếu cũ)	1,02
31.33	Doi Tân Thới Hòa - Xã Hiệp Hưng	Đầu Doi (Nhà văn hóa khu vực 9)	Kênh Hậu Giang 3	1,02
31.34	Doi Tân Thới Hòa - Xã Tân Phước Hưng	Đầu Doi (Nhà văn hóa khu vực 9)	Cầu Mười Lê	1,02
31.35	Đường Kênh Cầu Cái Đôi	Cầu Cái Đôi (Tuyến trái - Khu vực V)	Cầu Cái Đôi Trong	1,02
		Cầu Cái Đôi Trong	Cầu Kênh Đào (Đường tỉnh 927C)	1,02
31.36	Đường Nguyễn Văn Thống	Cầu Cái Đôi (Tuyến phải - Khu vực III)	Hồ Xáng Thổi	1,02
		Hồ Xáng Thổi	Cầu Cái Đôi Trong	1,02
31.37	Đường Nguyễn Thị Định	Kênh Lái Hiếu	Cầu Mười Lê	1,02
31.38	Đường Lê Anh Xuân	Đường Hùng Vương	Trạm Y tế phường Hiệp Thành	1,02
31.39	Đường Trần Thị Năm	Đường Lê Anh Xuân	Đường D6 (12 mét)	1,02
31.40	Đường Đặng Thị Bảy	Đường Trần Thị Năm	Đường D7 (12,5 mét)	1,02
31.41	Tuyến Kênh Tám Nhái	Vàm Kênh Tám Nhái	Kênh Láng Sen	1,02
31.42	Lộ Kênh Sáu Mầu	Đường 3 Tháng 2 (Nút giao Cầu Sóc Trăng)	Đập Năm Để	1,02
31.43	Đường Nguyễn Du	Đường Hùng Vương	Đường Trần Nam Phú	1,02
31.44	Đường Nguyễn Trung Trực	Cầu Doi	Cầu Xẻo Môn	1,02
		Cầu Xẻo Môn	Đường Triệu Vĩnh Tường	1,02
31.45	Tuyến Đường Bùi Văn Hoành (Hẻm Tài Chính)	Đường Hùng Vương	Đường Lê Lợi	1,02
31.46	Tuyến Đường Nguyễn Văn Thạnh	Siêu Thị Co.opmart	Đường Nguyễn Minh Quang	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
31.47	Đường Kênh Sáu Láo	Đường 3 Tháng 2	Kênh Búng Tàu	1,02
31.48	Đường Lương Chí	Đường Phạm Hùng	Đường Nguyễn Huệ	1,02
31.49	Đường Nguyễn An Ninh	Đường Phạm Hùng	Đường Nguyễn Huệ	1,02
31.50	Đường Vũ Đình Liệu	Đường Phạm Hùng	Đường Nguyễn Huệ	1,02
31.51	Đường 2 Tháng 9	Đường Nguyễn Huệ	Đường Phạm Hùng	1,02
		Đường Phạm Hùng	Đường cặp bờ kè Cái Côn	1,02
31.52	Các tuyến đường trong Khu đô thị mới Hồng Phát	Đường Nguyễn Thị Én, Đường Trần Thị Nhị, Đường Bùi Thị Quới, Đường Huỳnh Thị Sáu, Đường Lê Thị Tư, Đường Trần Thị Vàng, Đường Trần Thị Mười		1,02
31.53	Các tuyến đường trong Khu đô thị trung tâm (Quy hoạch Khu A1, A2)	Đường số 7,8		1,02
31.54	Các tuyến đường trong Khu đô thị trung tâm (Quy hoạch Khu C2)	Đường số 2, 3, 6		1,02
31.55	Các tuyến đường trong Khu đô thị trung tâm (Quy hoạch khu C2)	Đường số 2, 4		1,02
31.56	Hẻm 3295 (Cặp Trường Cao đẳng Cộng Đồng Hậu Giang)	Đường Hùng Vương	Cuối hẻm	1,02
31.57	Tuyến cặp Kênh Mái Dầm	Cầu Tư Cảnh	Giáp ranh phường Đại Thành	1,02
31.58	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Hùng Vương	Đường 3 Tháng 2	1,02
31.59	Tuyến Kênh Mang Cá	Kênh Cái Côn	Đường 3 Tháng 2 (Cầu Mang Cá)	1,02
31.60	Tuyến Kênh Cái Côn	Kênh Mang Cá	Đường 3 Tháng 2 (Cầu Rạch Côn)	1,02
		Đường 2 Tháng 9	Cầu Rạch Côn (Giáp ranh phường Đại Thành)	1,02
31.61	Tuyến Kênh Mái Dầm - Kênh Rạch Côn	Đường Nguyễn Minh Quang	Đường 2 Tháng 9	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
31.62	Kênh 500 (Khu vực V)	Đường 3 Tháng 2	Kênh Cái Đôi	1,02
31.63	Khu Đô thị mới thị xã Ngã Bảy 2	Các lô (nền) tái định cư		1,02
31.64	Khu tái định cư phục vụ Dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A đoạn từ thị xã Ngã Bảy (Nay là thành phố Ngã Bảy), tỉnh Hậu Giang đến huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	Đường số 36 - Quy hoạch chi tiết (30 mét)		1,02
		Đường số 20 - Quy hoạch chi tiết (28 mét)		1,02
		Đường số 3 - Quy hoạch chi tiết (19 mét)		1,02
		Đường D1, D2, D5 (13 mét)		1,02
		Đường D6 (12 mét)		1,02
		Đường D7 (12,5 mét)		1,02
31.65	Khu dân cư thương mại phường Lái Hiếu	Đường số 1		1,02
		Đường số 2, 3, 4, 5, 6, 7		1,02
31.66	Tuyến Kênh Đào (Tuyến phải)	Cầu Kênh Đào (Nguyễn Minh Quang)	Cầu Kênh Đào (Đường 3 Tháng 2)	1,02
31.67	Đường tỉnh 927C	Đường 30 Tháng 4	Kênh Xẻo Vông	1,02
32	**Xã Phong Điền**			
32.1	Các Trục hành chính Trung tâm huyện Phong Điền	Trục số 4, 5, 8, 10, 14 Khu dân cư Thương mại, dịch vụ thị trấn (cũ)		1,02
		Trục Đường số 12		1,02
32.2	Đường Chiêm Thành Tấn (Trục số 7, Khu Trung tâm Thương mại - Hành chính huyện - nay là xã Phong Điền)	Đường tỉnh 923 (mới)	Đường Trương Duy Toản	1,02
32.3	Đường Trương Duy Toản	Đường Chiêm Thành Tấn	Trục số 4 (Khu Trung tâm Thương mại - Hành chính huyện - nay là xã Phong Điền)	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
32.4	Đường vào Khu mộ cụ Phan Văn Trị	Lộ Vòng Cung	Cầu Cái Tắc	1,02
		Cầu Cái Tắc	Hết ranh đất Khu mộ cụ Phan Văn Trị	1,02
		Ranh đất Khu mộ cụ Phan Văn Trị	Rạch Tre	1,02
32.5	Khu Trung tâm Thương mại huyện Phong Điền (nay là xã Phong Điền)	Trục chính		1,02
		Trục phụ		1,02
32.6	Lộ Vòng Cung (Đường tỉnh 923 cũ)	Giáp ranh phường An Bình	Cầu Trà Niền	1,02
		Cầu Trà Niền	Cầu Tây Đô	1,02
		Cầu Tây Đô	Cống Rạch Bần	1,02
		Cống Rạch Bần	Cầu Rạch Miếu	1,02
		Cầu Rạch Miếu	Giáp ranh phường Phước Thới	1,02
32.7	Đường Nguyễn Thái Bình	Lộ Vòng Cung (Đường tỉnh 923 cũ)	Đường tỉnh 923 (mới)	1,02
32.8	Đường Nguyễn Văn Cừ nối dài	Giáp ranh phường An Bình	Cầu Trà Niền (Đường tỉnh 923 mới)	1,02
		Cầu Trà Niền	Đường tỉnh 923 (mới)	1,02
32.9	Đường Phan Văn Trị (Trục số 2, Khu Trung tâm Thương mại - Hành chính huyện Phong Điền - nay là xã Phong Điền)	Lộ Vòng Cung (Đường tỉnh 923 cũ)	Đường Chiêm Thành Tấn	1,02
		Đường Chiêm Thành Tấn	Hết ranh Trung tâm Y tế dự phòng huyện Phong Điền (cũ)	1,02
32.10	Trục Đường số 26 và khu vực Đình Thần Nhơn Ái và các hẻm	Trục Đường số 26 và khu vực Đình Thần Nhơn Ái		1,02
		Các hẻm		1,02
32.11	Tuyến Đường nối từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Cầu Tây Đô	Đường Nguyễn Văn Cừ	Cầu Tây Đô	1,02
32.12	Đường vào Trường THPT Phan Văn Trị	Đường Nguyễn Văn Cừ nối dài	Trường THPT Phan Văn Trị	1,02
32.13	Tuyến Đường dẫn Cầu Vàm Xáng	Đường Nguyễn Văn Cừ nối dài	Lộ Vòng Cung (Đường tỉnh 923 cũ)	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
32.14	Đường tỉnh 918 (Hương lộ 28)	Lộ Vòng Cung (Đường tỉnh 923 cũ)	Giáp ranh phường Long Tuyền	1,12
		Cầu Xẻo Tre	Đường tỉnh 918 nâng cấp	1,12
32.15	Khu dân cư xã Tân Thới (cũ)	Cả khu		1,02
32.16	Tuyến Đường Cầu Nhiếm - Trường Thành	Cầu Nhiếm	Giáp ranh xã Trường Thành	1,02
32.17	Tuyến Đường Đê KH9 (Đường cấp 5 đồng bằng)	Giáp ranh phường Phước Thới	Tuyến Đường Cầu Nhiếm - Trường Thành	1,02
		Tuyến Đường Cầu Nhiếm - Trường Thành	Giáp ranh xã Nhơn Ái	1,02
32.18	Đường đi quanh Nhà khách Thành ủy	Lộ Vòng Cung (Đường tỉnh 923 cũ)	Hết ranh Nhà khách Thành ủy	1,02
32.19	Đường vào Trung tâm dạy nghề	Lộ Vòng Cung (Đường tỉnh 923 cũ)	Hết ranh Trung tâm dạy nghề	1,02
32.20	Đường Điêu Huyền (Trục đường 13, Khu Trung tâm Thương mại - Hành chính huyện Phong Điền - nay là xã Phong Điền)	Đường số 12	Đường Nguyễn Thái Bình	1,02
33	**Xã Nhơn Ái**			
33.1	Quốc lộ 61C	Giáp ranh phường Cái Răng	Cầu So Đũa	1,02
		Cầu So Đũa	Giáp ranh xã Tân Hòa	1,02
33.2	Đường tỉnh 926	Cầu Tây Đô	Cầu Cây Cẩm - Nhơn Ái	1,02
		Cầu Cây Cẩm - Nhơn Ái	Giáp ranh xã Trường Long	1,02
33.3	Đường tỉnh 932	Trường Trung học Nhơn Nghĩa	Ngã ba Trung tâm xã Nhơn Nghĩa (cũ)	1,02
		Khu tái định cư xã Nhơn Nghĩa (cũ)	Giáp ranh xã Tân Hòa	1,02
		Đường tỉnh 932	Giáp Khu tái định cư xã Nhơn Nghĩa (cũ)	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
33.4	Tuyến Đường Đê bao bảo vệ vườn cây ăn trái xã Nhơn Ái	Suốt tuyến		1,02
33.5	Tuyến Đường Đê KH9 (Đường cấp 5 đồng bằng)	Giáp ranh xã Phong Điền	Đường đầu nối cầu Tây Đô	1,02
		Đường tỉnh 926	Giáp ranh xã Tân Hòa	1,02
33.6	Tuyến Đường Nhơn Ái - Trường Long	Cống KH9	Giáp ranh xã Trường Long	1,02
33.7	Tuyến Đường dẫn Cầu Vàm Xáng đến Quốc lộ 61C	Giáp ranh phường An Bình (Cầu Vàm Xáng)	Quốc lộ 61C	1,02
		Ngã ba Đường dẫn Cầu Vàm Xáng	Đường tỉnh 932	1,02
33.8	Đường dẫn Cầu Tây Đô xã Nhơn Ái	Suốt tuyến		1,02
33.9	Đường Vàm Xáng - Ba Láng	Suốt tuyến		1,02
33.10	Đường vào Khu di tích lịch sử Giàn Gừa	Suốt tuyến		1,02
33.11	Khu tái định cư 7,24 ha xã Nhơn Nghĩa (cũ)	Trục chính (Đường số 01), Đường tỉnh 932		1,02
		Trục phụ (Các Trục Đường số 2, 3, 4, 5 và 6)		1,02
33.12	Khu tái định cư xã Nhơn Ái	Cả khu		1,02
33.13	Khu vực chợ Vàm Xáng	UBND xã Nhơn Nghĩa (cũ)	Đường tỉnh 932	1,02
34	**Xã Trường Long**			
34.1	Đường tỉnh 926	Cầu Mương Cao	Cầu Kinh Tắc	1,02
		Cầu Kinh Tắc	Cầu Ba Chu	1,02
		Cầu Càng Đước	Kênh Một Ngàn	1,02
34.2	Khu dân cư vượt lũ xã Trường Long (Ấp Trường Thuận)	Cả khu		1,02
34.3	Khu dân cư vượt lũ xã Trường Long (Ấp Trường Hòa)	Cả khu		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
34.4	Khu dân cư thương mại xã Trường Long (Giáp Đường tỉnh 926, xã Trường Long cũ)	Cả khu		1,02
34.5	Tuyến Đường Án Khám - Ông Hào	Suốt tuyến		1,02
34.6	Tuyến Đường Càng Đước - Vàm Bi	Suốt tuyến		1,08
34.7	Tuyến Đường Nhơn Ái - Trường Long	Cống KH9	Vàm Ông Hào	1,02
34.8	Tuyến Đường Trường Long - Vàm Bi	Cầu Ba Chu	Vàm Bi	1,02
34.9	Tuyến Đường Vàm Bi - Trường Hòa - Bốn Tổng	Suốt tuyến		1,08
35	**Xã Thới Lai**			
35.1	Khu Chợ Thới Lai (cũ)	Phía bên chợ và hai bên nhà lồng chợ (Thị trấn phía bên chợ và hai bên nhà lồng chợ cũ)		1,02
		Bên kia sông xáng Ô Môn Chợ Thới Lai từ Vàm Kinh Đứng (Bên kia sông chợ thị trấn Thới Lai từ Vàm Kinh Đứng cũ)	Vàm Nhà Thờ	1,02
35.2	Đường Hồ Thị Thưởng	Ngã ba Thới Lai - xã Trường Thắng cũ về Trung tâm xã Trường Xuân	Hết ranh Trường Cao đẳng nghề	1,02
			Ngã ba vào nhà lồng chợ Thới Lai hiện hữu	1,02
35.3	Khu dân cư Huệ Phát	Trục chính		1,02
		Trục phụ		1,02
35.4	Khu hành chính xã Thới Lai (Trừ phần tiếp giáp Đường tỉnh 922)	Cả khu		1,02
35.5	Đường Nguyễn Thị Huỳnh (Đường tỉnh 922)	Cầu Sắt Lớn	Cầu Cồn Chen (Bên trái)	1,02
			Cầu Cồn Chen (Bên phải)	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
35.6	Tuyến Lộ giao thông 4 mét cặp sông Xáng Ô Môn, trừ Khu dân cư Huệ Phát (Thị trấn Thới Lai (Trừ Khu dân cư Huệ Phát cũ))	Cầu Sắt Lớn	Cầu Bà Đầm (Ranh xã Trường Thắng cũ)	1,02
35.7	Tuyến Đường thị trấn Thới Lai - xã Đông Thuận (Tuyến Đường thị trấn Thới Lai - xã Đông Bình cũ)	Đường tỉnh 922	Cầu Đông Pháp	1,02
		Cầu Đông Pháp	Giáp ranh xã Đông Thuận	1,02
35.8	Tuyến đường thị trấn Thới Lai - Trường Thành (Tuyến đường thị trấn Thới Lai - xã Tân Thạnh cũ)	Cầu Kênh Đứng	Cầu Rạch Đình (Giáp ranh xã Trường Thành)	1,02
35.9	Đường huyện 21	Đường Hồ Thị Thưởng	Giáp ranh xã Trường Thành	1,02
35.10	Đường Võ Thị Diệp (Đường tỉnh 922)	Cầu Tắc Cà Đi	Cầu Xẻo Xào (Bên trái)	1,02
			Cầu Xẻo Xào (Bên phải)	1,02
		Cầu Xẻo Xào	Cầu Sắt Lớn	1,02
35.11	Đường nội bộ thuộc dự án Mở rộng, phát triển đô thị mới và nâng cấp chợ Thới Lai hiện hữu, thị trấn Thới Lai (cũ) (Giai đoạn 01 và 02)	Đường số 01		1,02
		Đường số 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15 và 16		1,02
35.12	Khu đô thị mới huyện Thới Lai (cũ) (Các vị trí đã Hoàn thiện cơ sở hạ tầng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Đường số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13		1,02
35.13	Đường tỉnh 922 mới (Tuyến tránh Thới Lai)	Cầu Tắc Cà Đi	Cầu Cồn Chen	1,02
35.14	Đường tỉnh 922 mới	Ngã ba Tuyến tránh	Cầu Đường Xuồng (Giáp ranh xã Trường Thành)	1,02
35.15	Tuyến Đường Thới Lai - Trường Xuân (Tuyến Đường thị trấn Thới Lai - xã Trường Xuân A cũ)	Giáp ranh trường cao đẳng nghề	Cầu Búng lớn giáp ranh xã Trường Xuân (Bên trái)	1,02
			Cầu Búng lớn giáp ranh xã Trường Xuân (Bên phải)	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
36	**Xã Đông Thuận**			
36.1	Đường tỉnh 919	Giáp ranh xã Cờ Đỏ	Hết ranh xã Đông Thuận	1,02
36.2	Tuyến Đường thị trấn Thới Lai - xã Đông Thuận	Giáp ranh xã Thới Lai	Giáp ranh tỉnh An Giang (Bên phải)	1,02
		Giáp ranh xã Thới Lai	Giáp ranh tỉnh An Giang (Bên trái)	1,02
36.3	Khu dân cư vượt lũ xã Đông Bình (cũ)	Trục chính		1,02
		Trục phụ		1,02
36.4	Khu dân cư xã Đông Thuận	Trục chính		1,02
		Trục phụ		1,02
36.5	Đường dẫn hai bên Cầu Đông Thuận	Bên phải		1,02
		Bên trái		1,02
37	**Xã Trường Xuân**			
37.1	Đường tỉnh 919	Giáp ranh xã Đông Thuận	Kênh Xáng Ô Môn	1,02
		Kênh Xáng Ô Môn	Giáp ranh xã Trường Long Tây	1,02
37.2	Khu Thương mại Trường Xuân	Cả khu		1,02
37.3	Tuyến Đường Thới Lai - Trường Xuân A (từ ranh xã Thới Lai đến Kênh Ranh)	Giáp ranh xã Thới Lai	Khu dân cư vượt lũ Trường Xuân	1,02
		Khu dân cư vượt lũ Trường Xuân	Hết ranh Khu Thương mại Trường Xuân	1,02
		Ranh Khu Thương mại Trường Xuân	Cống Sáu Sung	1,02
		Cống Sáu Sung	Kênh Ranh (Giáp ranh tỉnh An Giang)	1,02
37.4	Khu dân cư vượt lũ Trường Xuân (Ấp Phú Thọ)	Trục chính		1,12
		Trục phụ		1,12
37.5	Khu dân cư vượt lũ Trường Xuân A (Ấp Trường Ninh 1)	Trục chính		1,02
		Trục phụ		1,02
38	**Xã Trường Thành**			
38.1	Đường tỉnh 922 (cũ)	Giáp ranh phường Ô Môn (Cầu Vàm Nhon)	Giáp ranh xã Thới Lai (Cầu Tắc Cà Đi, Bên trái)	1,02
			Giáp ranh xã Thới Lai (Cầu Tắc Cà Đi, Bên phải)	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
38.2	Đường tỉnh 922 (mới)	Giáp ranh phường Phước Thới (Cầu KH8)	Giáp ranh xã Thới Lai (Cầu Đường Xuồng)	1,02
		Ngã ba Đường tỉnh 922 cũ	Giáp ranh xã Thới Lai (Cầu Tắc Cà Đi)	1,02
38.3	Tuyến Định Môn - Trường Thành	Cầu Mương Huyện	Cầu Ba Đá	1,02
38.4	Tuyến Đường Ba Mít - Cây Dầu (Trừ đoạn Cụm dân cư vượt lũ Trường Thành)	Cầu Ba Đá	Giáp ranh xã Phong Điền (Rạch Cây Dầu)	1,02
38.5	Tuyến Chợ Ba Mít (Trừ đoạn Cụm dân cư vượt lũ Trường Thành)	Ngã ba Cầu Ba Đá	Ngã ba tuyến Rạch Rừa	1,08
38.6	Tuyến Thới Lai - Tân Thạnh	Giáp ranh xã Thới Lai (Rạch Đình)	Hết Khu Trung tâm xã Tân Thạnh (cũ)	1,02
38.7	Tuyến Thới Lai - Trường Thành	Giáp ranh xã Thới Lai (Kênh KH8)	Giáp ranh Cụm dân cư vượt lũ Trường Thành	1,02
38.8	Tuyến Rạch Rừa	Rạch Cầu Nhiếm	Tuyến Đường Ba Mít - Cây Dầu	1,08
38.9	Cụm dân cư vượt lũ Định Môn (Ấp Định Mỹ)	Trục chính		1,02
		Trục phụ		1,02
38.10	Cụm dân cư vượt lũ Trường Thành (Ấp Trường Trung)	Trục chính		1,02
		Trục phụ		1,02
39	**Xã Cờ Đỏ**			
39.1	Chợ Cờ Đỏ	Cầu Cờ Đỏ	Kênh Đứng (Trừ Khu Chỉnh trang đô thị và cải thiện môi trường sống tại thị trấn Cờ Đỏ cũ)	1,02
		Cầu Cờ Đỏ	Kênh số 1 (Trừ Khu Chỉnh trang đô thị và cải thiện môi trường sống tại thị trấn Cờ Đỏ cũ)	1,02
		Kênh số 1	Giáp ranh Khu dân cư vượt lũ xã Thới Đông (cũ)	1,02
39.2	Đường vào Trường Tiểu học thị trấn Cờ Đỏ	Đường Hà Huy Giáp (Đường tỉnh 919)	Đường thị trấn Cờ Đỏ - xã Thới Đông	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
39.3	Đường Hà Huy Giáp (Đường tỉnh 919)	Giáp ranh xã Thạnh Phú	Cầu Cờ Đỏ	1,02
39.4	Khu Chỉnh trang đô thị và cải thiện môi trường sống tại thị trấn Cờ Đỏ (cũ)	Các lô nền tiếp giáp trục Đường Lê Đức Thọ và Hà Huy Giáp		1,02
		Trục chính (Chiều rộng 25 mét) (Đường số 4)		1,02
		Trục phụ (Chiều rộng 15 mét) (Đường số 12 và 13)		1,02
		Các trục còn lại		1,02
39.5	Khu dân cư Khmer, xã Cờ Đỏ	Cả khu		1,08
39.6	Khu hành chính xã Cờ Đỏ (Trừ phần tiếp giáp đường Hà Huy Giáp)	Cả khu		1,02
39.7	Khu tái định ấp Thới Hòa B, thị trấn Cờ Đỏ (cũ)	Đường số 01, Đường số 03, Đường số 04, Đường số 09		1,02
		Đường số 07, Đường số 02		1,02
		Đường số 05, Đường số 06		1,02
		Đường số 08		1,02
39.8	Đường Lê Đức Thọ (Đường tỉnh 922) (Bên phải tiếp giáp trục đường giao thông; Bên trái tiếp giáp mương lộ hướng từ huyện Thới Lai cũ đến thị trấn Cờ Đỏ cũ)	Ngã ba giao Đường Lê Đức Thọ - Hà Huy Giáp	Cầu Kênh Ngang	1,02
		Cầu Kênh Ngang	Giáp ranh xã Đông Hiệp (Bên trái)	1,02
		Cầu Kênh Ngang	Giáp ranh xã Đông Hiệp (Bên phải)	1,02
39.9	Đường Nguyễn Văn Nhung (Đường tỉnh 921)	Đường Hà Huy Giáp	Cầu Kinh Bốn Tổng (Thâm hậu tới sông Xáng Thốt Nốt)	1,02
		Cầu Kênh Bốn Tổng	Cầu Năm Châu (Giáp ranh xã Thạnh Phú)	1,02
39.10	Đường ô tô đến Trung Tâm xã Thới Xuân (cũ)	Đường tỉnh 919	Cầu Kênh Lồng Ống (Hai bên)	1,08
		Cầu Kênh Lồng Ống	Cầu Kênh Lò Thiêu (Hai bên)	1,08
		Cầu Kênh Lò Thiêu	Cầu số 4 (Sông Xáng Thốt Nốt) (Bên trái)	1,08
		Cầu số 4	Cầu Nóc Băng	1,08

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
39.11	Cụm dân cư vượt lũ xã Thới Đông (cũ)	Các lô nền tiếp giáp Đường Cờ Đỏ - xã Thới Đông		1,02
		Trục chính (Hai bên nhà lồng chợ)		1,02
		Các trục còn lại		1,02
40	**Xã Đông Hiệp**			
40.1	Đường tỉnh 922 (Bên phải tiếp giáp trục đường giao thông, Bên trái tiếp giáp mương lộ Hướng từ ranh xã Thới Lai đến xã Đông Hiệp)	Giáp ranh xã Thới Lai (Cầu Cồn Chen)	Giáp ranh Khu dân cư vượt lũ xã Đông Hiệp (Bên trái)	1,02
		Giáp ranh xã Thới Lai (Cầu Cồn Chen)	Giáp ranh Khu dân cư vượt lũ xã Đông Hiệp (Bên phải)	1,02
		Ranh Khu dân cư vượt lũ xã Đông Hiệp (Trừ Khu dân cư vượt lũ)	Hết ranh đất Trường THCS Đông Hiệp (Bên trái)	1,02
		Ranh Khu dân cư vượt lũ xã Đông Hiệp (Trừ Khu dân cư vượt lũ)	Hết ranh đất Trường THCS Đông Hiệp (Bên phải)	1,02
		Ranh Trường THCS Đông Hiệp	Giáp ranh xã Cờ Đỏ (Bên trái)	1,02
		Giáp ranh đất Trường THCS Đông Hiệp	Giáp ranh xã Cờ Đỏ (Bên phải)	1,02
40.2	Đường tỉnh 922 (mới)	Giáp ranh xã Thới Lai	Ngã ba giao Đường tỉnh 922 (cũ)	1,02
40.3	Đường vào Trường Mẫu giáo, Tiểu học Đông Hiệp 1	Đường tỉnh 922	Hết ranh đất Trường Tiểu học Đông Hiệp	1,08
40.4	Đường vào Trường Tiểu học Đông Thắng	Đường tỉnh 922	Hết ranh đất Trường Tiểu học Đông Thắng	1,08
40.5	Đường ô tô đến Trung tâm xã Thới Hưng	Đường tỉnh 922	Giáp ranh xã Thới Hưng	1,02
40.6	Khu Chợ Đông Hiệp	Cả khu		1,02
40.7	Cụm dân cư vượt lũ xã Đông Hiệp	Các lô nền tiếp giáp Đường tỉnh 922		1,12
		Đường nội bộ có lộ giới (4 - 7 - 4) mét		1,12
		Đường nội bộ có lộ giới (3 - 5 - 3) mét		1,12
		Các trục còn lại		1,12

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
41	**Xã Trung Hưng**			
41.1	Đường tỉnh 921	Cầu Xẻo Xây lớn	Cầu Cái He	1,02
		Cầu Cái He	Cầu Ngã Tư (Chợ xã) (Trừ Cụm dân cư vượt lũ)	1,02
		Cầu Ngã Tư	Giáp ranh xã Thạnh Phú	1,02
41.2	Đường tỉnh 921B	Giáp ranh phường Trung Nhứt	Đường tỉnh 921	1,08
41.3	Đường ô tô đến Trung tâm xã Trung Thạnh (cũ)	Cầu Bắc Đuông (Trừ Khu dân cư xã Trung Thạnh (cũ), Điểm Bắc Đuông)	Giáp ranh Cụm dân cư vượt lũ xã Trung Thạnh (cũ) (Điểm Lấp Vò)	1,12
41.4	Đường số 12 vào Trường Mầm non Trung Hưng 1	Cụm dân cư vượt lũ xã Trung Hưng (Điểm chợ Trung Hưng)	Rạch Ngã Tư	1,02
41.5	Cụm dân cư vượt lũ xã Trung Hưng	Các lô nền xung quanh chợ Trung Hưng (Điểm chợ xã Trung Hưng)		1,02
		Các lô nền tiếp giáp Đường tỉnh 921 (Điểm chợ xã Trung Hưng)		1,02
		Các lô nền còn lại (Điểm chợ xã Trung Hưng)		1,02
		Toàn cụm dân cư vượt lũ xã Trung Hưng (Điểm chợ Ba Đá)		1,02
41.6	Cụm dân cư vượt lũ xã Trung Thạnh (cũ)	Các lô nền tiếp giáp trục chính cặp sông Thốt Nốt và trục Đường từ Cầu Lấp Vò đến trục Đường số 2 Cụm dân cư vượt lũ		1,02
		Các lô nền còn lại		1,02
41.7	Khu tái định cư Bắc Đuông (Xã Trung Thạnh cũ)	Cả khu		1,02
42	**Xã Thạnh Phú**			
42.1	Đường tỉnh 921	Ranh xã Trung Hưng	Cầu Huyện Chơn	1,02
		Cầu Huyện Chơn	Cầu Hội Đồng Khương (Trừ Cụm dân cư vượt lũ)	1,02
		Cầu Hội Đồng Khương	Giáp ranh xã Cờ Đỏ (Cầu Năm Châu)	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
42.2	Đường Nông trường Cờ Đỏ (Trục Đường vào Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Cờ Đỏ) (Hai bên)	Đường tỉnh 919	Kênh 1	1,02
		Kênh 1	Kênh 4	1,02
		Kênh 4	Kênh 8 (Giáp ranh xã Thạnh An)	1,02
42.3	Đường tỉnh 919	Giáp ranh xã Cờ Đỏ	Giáp ranh xã Vĩnh Thạnh	1,02
42.4	Cụm dân cư vượt lũ xã Thạnh Phú	Các lô nền tiếp giáp Đường tỉnh 921		1,02
		Các lô nền còn lại		1,02
43	**Xã Thới Hưng**			
43.1	Đường ô tô đến Trung tâm xã Thới Hưng	Đường tỉnh 922 (Giáp ranh xã Đông Hiệp)	Cầu Kinh Ấp 3	1,02
		Cầu Kinh Ấp 3 (cầu số 5)	Kinh 200 (Giáp ranh phường Thới Long)	1,02
44	**Xã Vĩnh Thạnh**			
44.1	Quốc lộ 80	Giáp ranh tỉnh An Giang	Cống số 7,5	1,2
		Cống số 7,5	Cống số 9,5	1,2
		Cống số 9,5	Cống Lý Chiêu	1,2
		Cống Lý Chiêu	Cống Thầy Pháp (Trung tâm xã)	1,2
		Cống Thầy Pháp (Trung tâm xã)	Giáp ranh xã Thạnh Quới (Cống Nhà Thờ)	1,2
44.2	Trung tâm hành chính huyện Vĩnh Thạnh (Nay là Trung tâm hành chính xã)	Toàn bộ các tuyến Đường số: 34, 41, 43, 47, 53, 8, 7		1,02
		Tuyến Đường số 11 (Từ Đường số 41 đến Đường số 55)		1,02
44.3	Khu tái định cư Trung tâm Thương mại và Dân cư Thương mại huyện Vĩnh Thạnh (Nay là xã Vĩnh Thạnh)	Toàn bộ các tuyến Đường số: 38, 40		1,02
		Đường số 6 (Từ Đường số 37 đến Đường số 40)		1,02
		Đường số 8 (Từ Đường số 37 đến Đường số 40)		1,02
		Đường số 37 (Từ Đường số 6 đến Đường số 8)		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
44.4	Khu tái định cư và dân cư hành chính huyện Vĩnh Thạnh (Nay là xã Vĩnh Thạnh)	Các lô nền tiếp giáp Đường nội bộ song song với Đường Phù Đổng Thiên Vương		1,02
		Các lô nền còn lại		1,02
		Các lô nền đã có Quyết định giá đất cụ thể gồm: B2 - 11, B2 - 12, B2 - 13, B2 - 14. B2 - 15, B2 - 16, B2 - 17, B2 - 18, B2 - 19, B2 - 20, B2 - 21, B2 - 22, B2 - 23, B2 - 24, B2 - 25, B2 - 35, B2 - 36, B2 - 37, B2 - 38, B2 - 39, B2 - 40, B2 - 41, B2 - 42, B2 - 43, B2 - 44, B2 - 45, B2 - 46, B2 - 47, B2 - 48, B2 - 49, B5 - 21, B5 - 23, B5 - 24, B5 - 45, B2 - 27, B2 - 28, B2 - 29, B2 - 30, B2 - 31, B2 - 32, B2 - 33, B5 - 26, B5 - 27, B5 - 28, B5 - 29, B5 - 30, B5 - 31, C2 - 12, C2 - 13, C2 - 14, C2 - 15, C2 - 16, C2 - 17, C2 - 18, C2 - 19, C2 - 20.		1,02
		B2 - 27, B2 - 28, B2 - 29, B2 - 30, B2 - 31, B2 - 32, B2 - 33, B5 - 26, B5 - 27, B5 - 28, B5 - 29, B5 - 30, B5 - 31, C2 - 12, C2 - 13, C2 - 14, C2 - 15, C2 - 16, C2 - 17, C2 - 18, C2 - 19, C2 - 20.		1,02
		B5 - 25, B5 - 32, C2 - 01, C3 - 01, C3 - 20, B2 - 1, B2 - 26, B2 - 34.		1,02
44.5	Cụm dân cư vượt lũ thị trấn Vĩnh Thạnh (cũ)	Vị trí lô nền có mặt tiền tiếp giáp Quốc lộ 80		1,08
		Vị trí lô nền tiếp giáp các đường nội bộ trong cụm dân cư vượt lũ		1,08
		Các tuyến đường chính trong cụm Khu dân cư vượt lũ		1,08
44.6	Trung tâm Thương mại và Dân cư thương mại huyện Vĩnh Thạnh (Nay là xã Vĩnh Thạnh)	Vị trí lô nền cặp đường nội bộ song song đường Phù Đổng Thiên Vương		1,02
44.7	Đường Bờ Tràm	Kênh Thắng Lợi 1	Kênh Bốn Tổng	1,02
44.8	Đường ô tô vào Trung tâm xã Thạnh Lộc (T7) (Nay là xã Vĩnh Thạnh)	Sau 50 mét Quốc lộ 80	Kênh Thắng Lợi 1 (Hết Đường T7)	1,02
44.9	Đường Thắng Lợi 1	Ngã ba giao Đường T7 với Kênh Thắng Lợi 1	Đường Bờ Tràm	1,02
44.10	Đường Sĩ Cuông	Kênh Bà Chiêu	Giáp ranh phường Trung Nhứt	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
44.11	Tuyến Lộ Tẻ - Rạch Sỏi	Giáp ranh xã Vĩnh Trinh	Kênh Bốn Tổng (Kênh số 10)	1,02
44.12	Tuyến Đường nối lên Cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Sỏi	Đường Phù Đổng Thiên Vương (Đường tỉnh 919)	Cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Sỏi	1,02
44.13	Cụm dân cư vượt lũ xã Thạnh Lộc (cũ)	Suốt tuyến		1,02
44.14	Cụm dân cư vượt lũ xã Thạnh Lộc (Sáu Bọng) (cũ)	Suốt tuyến		1,02
44.15	Đường Phù Đổng Thiên Vương (Đường tỉnh 919)	Sau Quốc lộ 80	Cầu vượt Cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Sỏi	1,02
		Cầu vượt Cao tốc Lộ Tẻ - Rạch Sỏi	Giáp ranh xã Thạnh Quới	1,02
44.16	Khu dân cư chợ Số 8	Các lô nền tiếp giáp Quốc lộ 80		1,02
		Các lô nền tiếp giáp các đường nội bộ		1,02
44.17	Cụm dân cư vượt lũ xã Thạnh Mỹ (số 8) (cũ)	Vị trí lô nền có mặt tiền tiếp giáp Quốc lộ 80		1,02
		Vị trí lô nền tiếp giáp các Đường nội bộ trong Cụm dân cư vượt lũ		1,02
45	**Xã Vĩnh Trinh**			
45.1	Quốc lộ 80	Cầu Đường Xuồng (Giáp phường Thốt Nốt)	Giáp ranh tỉnh An Giang (Trừ Cụm dân cư vượt lũ)	1,02
45.2	Đường T3 Bờ Ớt	Giáp ranh Cụm dân cư vượt lũ xã Vĩnh Trinh	Kênh Thắng Lợi 1	1,02
45.3	Tuyến Lộ Tẻ - Rạch Sỏi	Giáp ranh phường Thốt Nốt	Tuyến tránh thành phố Long Xuyên	1,02
45.4	Cụm dân cư vượt lũ xã Vĩnh Trinh	Vị trí lô nền có mặt tiền tiếp giáp Quốc lộ 80		1,02
		Vị trí lô nền tiếp giáp các đường nội bộ trong Cụm dân cư vượt lũ		1,02
		Vị trí các lô nền tiếp giáp từ đoạn Quốc lộ 80 đến đường T3 Bờ Ớt (Trong Cụm dân cư vượt lũ xã Vĩnh Trinh)		1,02
45.5	Khu tái định cư phục vụ Khu Công nghiệp Vĩnh Thạnh (Giai đoạn 1)	Trục chính		1,02
		Trục phụ		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
45.6	Đường Thới Thuận - Thạnh Lộc	Giáp ranh phường Thốt Nốt	Đường T3 Bờ Ớt	1,08
45.7	Tuyến tránh thành phố Long Xuyên	Trên địa bàn xã Vĩnh Trinh		1,02
45.8	Tuyến Đường nối từ đường dẫn vào Cầu Vàm Cống vào Khu Công nghiệp Vĩnh Thạnh (VSIP Cần Thơ)	Tuyến tránh thành phố Long Xuyên	Khu Công nghiệp Vĩnh Thạnh (VSIP Cần Thơ)	1,08
45.9	Tuyến Đường nối từ Quốc lộ 80 đến Khu Công nghiệp Vĩnh Thạnh (VSIP Cần Thơ)	Quốc lộ 80	Khu Công nghiệp Vĩnh Thạnh (VSIP Cần Thơ)	1,08
45.10	Tuyến Đường Rạch Ngã Chùa	Quốc lộ 80	Cầu Đình Vĩnh Trinh	1,08
		Cầu Ba Mao	Giáp ranh phường Thốt Nốt	1,08
45.11	Tuyến Đường Kênh Thắng Lợi 1	Đường T3 Bờ Ớt	Giáp ranh xã Vĩnh Thạnh	1,08
45.12	Tuyến Đường Kênh Bà Chiêu	Kênh Ông Xếp (Giáp ranh phường Thốt Nốt)	Giáp ranh xã Vĩnh Thạnh	1,08
45.13	Tuyến Đường Kênh Thắng Lợi 2	Giáp ranh phường Thốt Nốt	Giáp ranh xã Vĩnh Thạnh	1,08
45.14	Tuyến Đường Kênh Lộ Mới	Kênh Bà Chiêu	Giáp ranh phường Thốt Nốt	1,08
46	**Xã Thạnh An**			
46.1	Quốc lộ 80	Giáp ranh xã Thạnh Quới	Cống Sao Mai	1,02
		Cống Sao Mai	Cầu Thầy Ký	1,02
		Cầu Thầy Ký	Kênh B (Giáp ranh tỉnh An Giang)	1,02
46.2	Đường Kênh Thầy Ký (Bờ phía Đông)	Quốc lộ 80	Cầu Bờ Bao	1,02
46.3	Đường Kênh E (Đường tỉnh 916)	Bờ Kênh Cái Sắn	Kênh 600 (Giáp ranh xã Thạnh Quới)	1,02
		Kênh Đòn Dông (Giáp ranh xã Thạnh Quới)	Giáp ranh tỉnh An Giang	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
46.4	Cụm dân cư vượt lũ thị trấn Thạnh An (nay là xã Thạnh An)	Vị trí lô nền tiếp giáp các Đường nội bộ trong Cụm dân cư vượt lũ		1,08
46.5	Cụm dân cư vượt lũ xã Thạnh Thắng (nay là xã Thạnh An)	Cả khu		1,02
46.6	Đường tỉnh 921C	Giáp ranh xã Thạnh Quới	Cầu Kênh C1	1,08
46.7	Đường huyện 54	Đường tỉnh 916 (Ngã ba xã Thạnh Lợi (cũ))	Kênh C2	1,02
47	**Xã Thạnh Quới**			
47.1	Quốc lộ 80	Cống Nhà Thờ	Đầu cầu Láng Sen	1,02
		Đầu cầu Láng Sen	Giáp ranh xã Thạnh An (Cống số 15,5)	1,02
47.2	Đường tỉnh 919 (Bốn Tổng - Một Ngàn)	Giáp ranh xã Vĩnh Thạnh (Cầu Láng Chim)	Giáp ranh xã Thạnh Phú	1,02
47.3	Đường Kênh E (Đường tỉnh 916)	Kênh 600 (Giáp ranh xã Thạnh An)	Giáp ranh xã Thạnh An	1,02
		Quốc lộ 80	Cầu Cái Sắn	1,02
47.4	Đường Nam Kênh Đòn Dông (Đoạn D - H)	Giáp ranh xã Thạnh An	Hết ranh xã Thạnh Quới (Giáp ranh tỉnh An Giang)	1,02
47.5	Đường số 12 (Trung tâm hành chính xã Thạnh Quới)	Kênh Cống 12	Kênh FM (Nhà thờ)	1,02
47.6	Chợ Láng Sen và Dân cư nông thôn xã Thạnh Quới	Đường số 03, 09 và các lô nền tiếp giáp Quốc lộ 80		1,02
		Toàn bộ các tuyến Đường số 01, 02, 04, 05, 06, 07, 08		1,02
47.7	Cụm dân cư vượt lũ xã Thạnh An (cũ)	Cả khu		1,02
47.8	Cụm dân cư vượt lũ Thạnh Mỹ (mở rộng) xã Thạnh Quới	Vị trí lô nền có mặt tiền tiếp giáp đường nội bộ cặp Quốc lộ 80		1,02
		Vị trí lô nền tiếp giáp các đường nội bộ trong Cụm dân cư vượt lũ		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
48	**Xã Hòa Tú**			
48.1	Đường tỉnh 936B	Giáp ranh tỉnh Cà Mau	Trường THCS Hòa Tú 2	1,08
		Trường THCS Hòa Tú 2	Đường tỉnh 940	1,08
		Đường tỉnh 940	Giáp ranh xã Ngọc Tố	1,08
48.2	Đường tỉnh 940	Giáp ranh xã Nhu Gia	Kênh Thạnh Mỹ (Cầu Hữu Cận 2)	1,08
		Kênh Thạnh Mỹ (Cầu Hữu Cận 2)	Giáp ranh phường Vĩnh Phước	1,08
48.3	Đường tỉnh 940 (cũ)	Đường tỉnh 940	Giáp ranh phường Vĩnh Phước	1,12
48.4	Đường huyện 15	Đường tỉnh 940 (Vòng xoay ấp Hòa Phuông)	Giáp ranh xã Ngọc Tố	1,02
48.5	Đường huyện 50	Đường tỉnh 936B	Giáp ranh xã Nhu Gia	1,02
48.6	Đường huyện 54	Đường huyện 15	Đường Trục phát triển Tôm - Lúa huyện Mỹ Xuyên (cũ)	1,02
		Đường Trục phát triển Tôm - Lúa huyện Mỹ Xuyên (cũ)	Đường huyện 51	1,02
48.7	Đường huyện 51	Đường tỉnh 940	Giáp ranh xã Ngọc Tố	1,02
48.8	Đường huyện 52 (Dự án Đầu tư Cơ sở hạ tầng vùng sản xuất Tôm - Lúa hữu cơ)	Giáp ranh xã Nhu Gia	Đường đal Hòa Đê - Hòa Đức	1,02
48.9	Đường tỉnh 937 (Đường Trục phát triển Tôm - Lúa huyện Mỹ Xuyên (cũ))	Giáp ranh xã Nhu Gia	Giáp Sông Đình	1,02
		Giáp Sông Đình	Giáp ranh xã Ngọc Tố	1,02
48.10	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây (Đường tỉnh 937B)	Đường tỉnh 940	Giáp ranh xã Ngọc Tố	1,02
48.11	Khu trung tâm xã			1,02
48.11.1	Đường D2	Đường Trục phát triển Tôm - Lúa huyện Mỹ Xuyên (cũ) (Đường tỉnh 937)	Đường huyện 51	1,04

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
48.11.2	Đường D4; Đường D5	Đường tỉnh 940	Đường D1	1,04
48.12	Đường vào Trung tâm Văn hóa Thể thao Truyền thanh	Đường tỉnh 940	Trung tâm Văn hóa Thể thao Truyền thanh	1,02
48.13	Đường đal khu vực Chợ Dương Kiển	Đường tỉnh 936B	Đường tỉnh 940 cũ	1,08
48.14	Đường đal Dương Kiển (Cặp UBND xã)	Đường tỉnh 936B	Kênh Cô Hai	1,02
48.15	Đường đal (Hòa Nhờ A)	Đường tỉnh 940 (cũ)	Đường tỉnh 940	1,02
49	**Xã Gia Hòa**			
49.1	Quốc lộ 1	Cầu Xẻo Tra	Hết ranh đất Cửa hàng xăng dầu Vạn Xuân	1,02
		Giáp ranh đất Cửa hàng xăng dầu Vạn Xuân	Hết ranh đất Quán Cafe Thùy Trang	1,02
		Giáp ranh đất Quán Cafe Thùy Trang	Hết ranh đất Cơ sở sản xuất nước lọc Việt Thái	1,02
		Giáp ranh đất Cơ sở sản xuất nước lọc Việt Thái	Giáp ranh xã Nhu Gia	1,02
49.2	Đường huyện 53	Quốc lộ 1	Hết ranh đất Nhà máy nước đá Trường Hưng	1,02
		Giáp ranh đất Nhà máy nước đá Trường Hưng	Giáp ranh tỉnh Cà Mau (xã Vĩnh Lợi)	1,02
49.3	Đường huyện 52	Cầu Gia Hòa	Hết ranh đất Nhà ông Nguyễn Văn Trình	1,02
		Giáp ranh đất Nhà ông Nguyễn Văn Trình	Giáp ranh xã Nhu Gia	1,08
49.4	Đường huyện 50	Giáp ranh xã Nhu Gia	Giáp ranh tỉnh Cà Mau (xã Vĩnh Lợi)	1,02
49.5	Khu vực chợ Hòa Khanh	Quốc lộ 1	Chùa Trà Cuôn	1,02
		Chùa Trà Cuôn	Kênh Đê ngăn mặn	1,02
49.6	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	Giáp ranh xã Nhu Gia	Giáp ranh xã Phú Lộc	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
49.7	Đường đal Đào Viên	Quốc lộ 1	Hết đường	1,02
49.8	Đường đal Đất Đỏ	Quốc lộ 1	Cống Phú Lộc	1,02
49.9	Đường đal Trà É	Quốc lộ 1	Vào hết tuyến đường đal	1,02
49.10	Đường đal vào Đay sô	Quốc lộ 1	Giáp Đường đal Bưng Thum (Gần Nhà văn hóa)	1,02
49.11	Đường đal đi Bưng Thum	Quốc lộ 1	Trường Tiểu học Bưng Thum	1,02
		Trường Tiểu học Bưng Thum	Hết Đường đal giáp xã Lâm Tân	1,02
49.12	Đường đal ấp Nhơn Hòa - Thạnh Thới	Đường huyện 53	Giáp ranh xã Phú Lộc	1,02
49.13	Đường đal Thạnh Bình	Quốc lộ 1	Chùa Huệ Quang	1,02
49.14	Đường đal Lung Lá	Đường huyện 53	Đường huyện 50	1,02
50	**Xã Nhu Gia**			
50.1	Quốc lộ 1	Cầu Nhu Gia mới	Cầu Cần Đước	1,02
		Cầu Cần Đước	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	1,02
		Cầu Nhu Gia mới	Đường tỉnh 940	1,02
		Đường tỉnh 940	Hết ranh đất Trường Tiểu học Thạnh Phú 2	1,02
		Giáp ranh đất Trường Tiểu học Thạnh Phú 2	Giáp ranh xã Gia Hòa	1,02
50.2	Đường tỉnh 940	Quốc lộ 1	Cầu Kênh Nhất	1,08
		Cầu Kênh Nhất	Cầu Chàng Ré	1,08
		Cầu Chàng Ré	Giáp ranh xã Hòa Tú	1,08
		Quốc lộ 1	Giáp ranh xã Lâm Tân	1,08
50.3	Đường huyện 58	Quốc lộ 1	Đường huyện 57	1,02
50.4	Đường huyện 57	Đường huyện 58	Giáp ranh xã Ngọc Tố	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
50.5	Đường huyện 52	Giáp ranh xã Gia Hòa (Cống Tân Hòa)	Đường đal ấp Vĩnh A	1,08
		Đường đal ấp Vĩnh A	Ngã tư giao với Đường tỉnh 940	1,08
		Ngã tư giao với Đường tỉnh 940	Giáp ranh xã Hòa Tú	1,08
50.6	Đường huyện 50	Ngã tư Phước Hòa	Giáp ranh xã Hòa Tú	1,02
		Ngã tư Phước Hòa	Giáp ranh xã Gia Hòa	1,02
50.7	Đường huyện 56	Đường Trưng Nhị	Đường đal vào Trường Tiểu học Thạnh Phú 1	1,08
		Đường đal vào Trường Tiểu học Thạnh Phú 1	Hết ranh đất Nhà văn hóa ấp khu 2	1,08
		Giáp ranh đất Nhà văn hóa ấp khu 2	Giáp ranh xã Mỹ Tú	1,08
		Quốc lộ 1	Kênh Phú Thuận	1,08
		Kênh Phú Thuận	Ngã ba Đê ngăn mặn	1,08
		Ngã ba Đê ngăn mặn	Giáp ranh xã Ngọc Tố	1,08
50.8	Đường Trưng Nhị (Quốc lộ 1 (cũ))	Quốc lộ 1	Sông Nhu Gia	1,02
50.9	Đường Trưng Trắc (Quốc lộ 1 (cũ))	Sông Nhu Gia	Quốc lộ 1	1,2
50.10	Đường đal hẻm Chụng Ken	Đường Trưng Trắc	Kênh Chùa	1,02
50.11	Đường đal vào Chùa Nhu Gia	Đường Trưng Trắc	Giáp ranh xã Lâm Tân	1,02
50.12	Khu vực chợ Nhu Gia	Các tuyến đường nội bộ trong khu trung tâm chợ		1,02
50.13	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	Giáp ranh xã Hòa Tú	Cầu Long Hòa 1	1,02
		Cầu Long Hòa 1	Giáp ranh xã Gia Hòa	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
50.14	Đường đal vào Khu du lịch sinh thái Vườn Cò	Đường tỉnh 940	Hết đất Nhà ông Lê Minh Chính	1,02
50.15	Đường nhựa Vĩnh B - Phước Hòa	Đường huyện 52	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	1,02
		Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	Ngã tư Phước Hòa	1,02
50.16	Tuyến Cầu Cần Đước	Cầu Cần Đước	Kênh 19 Tháng 5	1,02
50.17	Đường đal vào Khu dân cư ấp Rạch Sên	Quốc lộ 1 (Đường loại 3)	Hết ranh đất Trường học Rạch Sên	1,02
50.18	Đường đal ấp Cần Đước	Quốc lộ 1	Cầu Chùa Cần Đước	1,02
		Cầu Chùa Cần Đước	Kênh 19 Tháng 5	1,02
50.19	Đường đal Trường Mẫu giáo Cần Đước (Hai bên)	Quốc lộ 1	Kênh Phú Thuận	1,02
		Kênh Phú Thuận	Đê ngăn mặn	1,02
50.20	Đường Đê ngăn mặn	Đường huyện 56	Giáp ranh xã Ngọc Tố	1,02
50.21	Đường nhựa Khu 4	Đường Trưng Trắc	Cống Tư Hơn	1,02
		Cống Tư Hơn	Ngã ba Cây xăng Đông Tú	1,02
		Ngã ba Cây xăng Đông Tú	Đường tỉnh 940	1,02
51	**Xã Ngọc Tố**			
51.1	Đường tỉnh 936	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	Ngã tư giao Đường huyện 56 với Đường tỉnh 937	1,08
		Ngã ba Đường tỉnh 937	Bến phà Dù Tho	1,08
		Bến phà Dù Tho	Ngã ba ấp Hòa Hinh (Tuyến nhánh nối với Đường tỉnh 936)	1,08
		Ngã ba ấp Hòa Hinh (Tuyến nhánh nối với Đường tỉnh 936)	Cống Đập Đá	1,08

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
51.2	Đường tỉnh 936B	Ngã ba ấp Hòa Hinh (Tuyến nhánh nối với Đường tỉnh 936)	Giáp ranh xã Hòa Tú	1,08
51.3	Đường huyện 51	Giáp ranh xã Hòa Tú	Đường tỉnh 936	1,02
51.4	Đường huyện 55 (Tuyến nhánh)	Đường huyện 51	Hết ranh đất Nhà ông Trần Văn Sang (Đoạn trải nhựa)	1,02
51.5	Đường huyện 15	Đường tỉnh 936	Hết ranh đất Trường Tiểu học Ngọc Đông 1	1,02
		Giáp ranh đất Trường Tiểu học Ngọc Đông 1	Hết ranh Trạm Y tế xã Ngọc Đông (cũ)	1,02
		Giáp ranh Trạm Y tế xã Ngọc Đông (cũ)	Giáp ranh xã Hòa Tú	1,02
51.6	Đường tỉnh 937 (Đường huyện 56 cũ)	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	Ngã tư giao Đường huyện 56 với Đường tỉnh 937	1,02
51.7	Đường huyện 56	Ngã tư giao Đường huyện 56 với Đường tỉnh 937	Ngã ba Đường huyện 56 (Cặp Khu Thể thao Đa năng Tham Đôn cũ)	1,08
		Ngã ba Đường huyện 56 (Cặp Khu Thể thao Đa năng Tham Đôn cũ)	Giáp ranh xã Nhu Gia	1,08
51.8	Đường huyện 56 (cũ)	Ngã ba Đường huyện 56 (Cặp Khu Thể thao Đa năng Tham Đôn cũ)	Ngã ba Đường huyện 56 (Hướng về xã Nhu Gia)	1,02
51.9	Đường huyện 57	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	Đường tỉnh 936	1,02
		Đường tỉnh 936	Giáp ranh xã Nhu Gia	1,02
51.10	Đường tỉnh 937 (Đường Trục phát triển Tôm - Lúa huyện Mỹ Xuyên (cũ))	Ngã tư giao Đường huyện 56 với Đường tỉnh 937	Cầu Dù Tho	1,02
		Cầu Dù Tho	Giáp ranh xã Hòa Tú	1,02
		Tuyến nhánh nối với Đường tỉnh 936		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
51.11	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	Giáp ranh phường Khánh Hòa (Sông Cổ Cò)	Giáp ranh xã Hòa Tú	1,02
51.12	Đường đal trước UBND xã Ngọc Tố (cũ)	Đường tỉnh 936	Hết ranh đất Trường THCS Ngọc Tố	1,12
51.13	Khu vực chợ Cổ Cò	Khu Trung tâm chợ (Giới hạn bởi: Cầu Hòa Lý, Sông Cổ Cò, Đường đal vào Cầu Miễu Lẩm, Đường tỉnh 936 và 936B)		1,02
51.14	Khu tái định cư Tham Đôn	Các tuyến đường trong Khu tái định cư		1,02
51.15	Đường nhựa Bưng Chụm - Trà Mẹt	Chùa Tắc Gồng	Cầu Trà Mẹt	1,02
		Cầu Trà Mẹt	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	1,02
52	**Xã Trường Khánh**			
52.1	Quốc lộ 60	Giáp ranh xã Đại Ngãi	Hết ranh đất Trường THCS Dương Kỳ Hiệp	1,02
		Giáp ranh đất Trường THCS Dương Kỳ Hiệp	Cầu Trường Khánh	1,02
		Cầu Trường Khánh	Giáp ranh phường Sóc Trăng	1,02
52.2	Đường tỉnh 932D	Quốc lộ 60	Cầu Thanh Niên Trường Thành B	1,02
		Cầu Thanh Niên Trường Thành B	Giáp ranh xã Phú Tâm	1,02
52.3	Đường tỉnh 935B	Giáp ranh xã Đại Ngãi	Giáp ranh xã Tân Thạnh	1,02
52.4	Đường huyện 21	Giáp ranh xã Nhơn Mỹ	Quốc lộ 60	1,08
		Quốc lộ 60	Cầu Kênh Cây Dương	1,02
		Cầu Kênh Cây Dương	Rạch Mây Hắt	1,02
52.5	Đường huyện 22 (Đê tả sông Saintard)	Giáp ranh xã Đại Ngãi	Giáp ranh xã Tân Thạnh	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
52.6	Đường huyện 23	Đường tỉnh 935B	Giáp ranh xã Đại Ngãi (Cầu Ngang)	1,02
52.7	Đường cặp hông Chợ	Quốc lộ 60	Kênh Cầu Đen	1,08
		Đầu ranh đất ông Ngoãn	Hết ranh đất ông Rết	1,08
		Đầu ranh đất Ký Tuôi	Hết ranh đất ông Nghĩa	1,08
52.8	Các Đường còn lại trong khu vực chợ Trường Khánh	Đầu ranh đất ông Bình	Hết ranh đất Năm Kha	1,02
		Quốc lộ 60	Cầu Bà Chín	1,02
		Quốc lộ 60	Cầu Ông Tích	1,02
		Cầu Trường Khánh	Cầu Năm Thắng	1,02
		Đầu ranh đất ông Kia	Hết ranh đất Trường Tiểu học Trường Khánh B	1,02
		Giáp ranh đất Trường Tiểu học Trường Khánh B	Suốt tuyến	1,02
		Cầu Bà Chín	Cầu Thanh Niên Trường Thành B	1,02
		Hẻm Bác Sĩ Năm	Hết ranh đất nhà ông Lót	1,02
		Hẻm Hai Tráng	Suốt hẻm	1,02
52.9	Đường đal ấp Trường Thọ	Suốt tuyến		1,02
52.10	Các Đường còn lại khu vực phía Nam sông Giăng Cơ	Lộ cặp Kênh Thầy Rùa: Quốc lộ 60	Cầu Chữ Y (ấp Trường An)	1,02
		Cầu Chữ Y (Ấp Trường An)	Cầu Rạch Cọt	1,02
52.11	Các Đường còn lại khu vực phía Bắc Sông Giăng Cơ	Hẻm nhà Út Bá (đối diện ông Thạch Ngọc Bình, thửa đất số 346, tờ bản đồ số 05)	Suốt hẻm	1,02
		Hẻm Đào Chức (đối diện ông Tăng Lang, thửa đất số 279, tờ bản đồ số 05)	Rạch Trường Bình	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
52.11	Các Đường còn lại khu vực phía Bắc Sông Giăng Cơ	Hẻm ông Trần Tốt (đối diện thửa 283,1128, tờ bản đồ số 05)	Rạch Trường Bình	1,02
		Đường cặp Kênh Ông Cả: Quốc lộ 60	Hết đất ông Diệu (đối diện đất bà Trần Thị Pho, thửa số 1103, tờ bản đồ số 01)	1,02
		Cầu Đen	Hết ranh đất ông Giỏi	1,02
		Cầu Đen	Hết ranh đất ông Són (đối diện thửa 407, 408, tờ bản đồ số 05)	1,02
52.12	Đường vào Trường Cấp 2 - 3	Quốc lộ 60	Hết đường	1,08
53	**Xã Đại Ngãi**			
53.1	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Giáp ranh xã Nhơn Mỹ	Cầu Đại Ngãi	1,12
		Cầu Đại Ngãi	Đường tỉnh 935B	1,12
		Đường tỉnh 935B	Giáp ranh xã Long Phú	1,12
53.2	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu) (cũ)	Giao Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu) và Đường tỉnh 935B	Hết ranh đất Trung tâm Điện lực Long Phú	1,08
		Giáp ranh đất Trung tâm Điện lực Long Phú	Hết ranh đất ông Đặng Văn Gỡ	1,08
53.3	Quốc lộ 60	Ngã tư Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Cầu Mương Điều	1,02
		Cầu Mương Điều	Giáp ranh xã Trường Khánh	1,02
53.4	Đường nối Quốc lộ 60 - Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Quốc lộ 60	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	1,02
53.5	Đường tỉnh 935B	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Giáp ranh xã Phú Hữu	1,08
53.6	Đường huyện 20	Cầu Mương Điều	Giáp ranh xã Nhơn Mỹ	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
53.7	Đường huyện 22 (Đê tả sông Saintard)	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Giáp ranh xã Trường Khánh	1,02
53.8	Đường huyện 23 (Đường đal cặp kinh mới cũ)	Kênh Bà Xẩm	Giáp Kênh Ông Chín Giàn Bầu	1,02
		Giáp Kênh Ông Chín Giàn Bầu	Đường đal liền 3 ấp	1,02
53.9	Đường huyện 27	Đường tỉnh 935B	Giáp ranh xã Tân Thạnh	1,02
53.10	Các tuyến đường nội bộ xã	Ngã ba Vĩnh Thuận	Hẻm Bưu điện	1,02
		Đường 2 bên nhà lồng chợ Đại Ngãi		1,02
		Ngã ba Vĩnh Thuận	Ngã tư ông Vui (Tên cũ Ngã tư ông Thép)	1,02
		Ngã tư ông Vui (Tên cũ Ngã tư ông Thép)	Hết ranh đất Trạm cấp nước	1,02
		Ngã ba Vĩnh Thuận	Ngã ba Năm Lân	1,02
		Ngã ba Năm Lân	Hết đất Bến phà cũ	1,02
		Đường cặp Nhà thờ Đại Ngãi	Suốt tuyến	1,02
		Đầu ranh đất Bến phà Đại Ngãi	Hết ranh đất UBND thị trấn cũ (Giáp lộ hai chiều)	1,02
		Các tuyến đường còn lại trong khu vực Nhà máy Lợi Dân (cũ)		1,02
		Sông Hậu	Hết ranh đất ông Sĩ	1,02
		Giáp ranh đất ông Sĩ	Ngã tư Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	1,02
53.11	Đường cặp sông Saintard	Đầu ranh đất Bến phà cũ	Hẻm Tây Nam	1,02
		Hẻm Tây Nam	Hết ranh đất Tư Son	1,02
		Giáp ranh đất Tư Son	Hẻm Bảy Công	1,02
		Hẻm Bảy Công	Cầu An Đức	1,02
53.12	Đường xuống Bến phà Đại Ngãi	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Giáp Bến phà Đại Ngãi	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
53.13	Đường nối vào Khu tái định cư Trung tâm Điện lực Long Phú	Đường huyện 27	Giáp ranh Khu tái định cư Trung tâm Điện lực Long Phú	1,02
53.14	Khu tái định cư Trung tâm Điện lực Long Phú	Đường N2		1,02
		Đường D1; Đường N1		1,02
53.15	Các tuyến hẻm nội bộ xã	Hẻm cặp Tiệm vàng Di Long	Suốt hẻm	1,08
		Hẻm ông Chà	Suốt hẻm	1,08
		Hẻm ông Tỷ	Suốt hẻm	1,08
		Hẻm Ba Ánh	Suốt hẻm	1,08
		Hẻm Bảy Mol	Suốt hẻm	1,08
		Hẻm Năm Thắng	Suốt hẻm	1,08
		Hẻm ông Nu	Suốt hẻm	1,08
		Hẻm ông Huỳnh	Suốt hẻm	1,08
		Hẻm Bưu điện	Suốt hẻm	1,08
		Hẻm Thầy Nghĩa	Suốt hẻm	1,08
		Hẻm Ba Chấm	Suốt hẻm	1,08
		Hẻm Ngân hàng	Suốt hẻm	1,08
		Hẻm Tây Nam	Suốt hẻm	1,08
		Hẻm Lò Bún	Suốt hẻm	1,08
		Hẻm Cây Gòn	Suốt hẻm	1,08
		Hẻm Lợi Dân	Suốt hẻm	1,08
		Hẻm Bảy Công	Suốt hẻm	1,08
		Hẻm Điện Thờ Phật Mẫu	Suốt hẻm	1,08
		Hẻm Tổ Điện Lực	Suốt hẻm	1,08
		Hẻm Thiên Hậu Cung	Suốt hẻm	1,08

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
53.15	Các tuyến hẻm nội bộ xã	Hẻm Đội thuế	Suốt hẻm	1,08
		Hẻm ông Trạng	Suốt hẻm	1,08
		Hẻm Hai Mành	Suốt hẻm	1,08
		Hẻm ông Hợp	Suốt hẻm	1,08
		Hẻm nhà ông Bọ	Hết nhà ông Vũ	1,08
		Bến phà Đại Ngãi	Giáp ranh xã Nhơn Mỹ	1,08
		Hẻm Ba Ngọt	Suốt hẻm	1,08
		Hẻm Ba Ngọt	Đường vào Trường Mẫu giáo	1,08
		Đường vào Trường Mẫu giáo	Hết ranh đất Trường Tiểu học Đại Ngãi A (cũ)	1,08
		Giáp ranh Trường Tiểu học Đại Ngãi A (cũ)	Hết đất ông Võ Văn Hai	1,08
53.16	Các tuyến đường nông thôn ấp Thạnh Đức	Đầu ranh đất Bến phà Thạnh Đức (cũ)	Giáp ranh đất Nhà máy nhiệt điện	1,02
		Đầu Vàm Sông Hậu (Cặp sông Saintard)	Đầu Kênh Bà Xẩm	1,02
		Ngã ba Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Ngã ba Đường đal xuống Bến phà (cũ)	1,02
53.17	Đường ra Cống Bào Biển	Kênh Bà Xẩm	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	1,02
53.18	Đường đal	Tuyến đường vào Khu tái định cư và các tuyến đường trong Khu tái định cư (Trừ các tuyến N2, D1, N1)		1,02
54	**Xã Tân Thạnh**			
54.1	Đường tỉnh 933	Giáp ranh xã Long Phú	Cầu Saintard	1,02
54.2	Đường tỉnh 935B	Giáp ranh xã Trường Khánh	Cống Cái Xe (Cống số 1)	1,02
		Cống Cái Xe (Cống số 1)	Đường tỉnh 934B	1,02
54.3	Đường tỉnh 934B	Giáp ranh phường Phú Lợi	Giáp ranh xã Tài Văn	1,02
54.4	Đường huyện 22 (Đê tả sông Saintard)	Giáp ranh xã Trường Khánh	Giáp ranh phường Sóc Trăng	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
54.5	Đường huyện 24	Đường tỉnh 933	Đường tỉnh 935B	1,02
54.6	Đường huyện 25	Đường tỉnh 933	Cầu Xóm Rẫy	1,02
54.7	Đường huyện 26	Đầu cầu liên ấp Tân Qui A - Kokô	Giáp ranh xã Long Phú	1,02
54.8	Đường huyện 27	Sông Bào Biển	Giáp ranh xã Đại Ngãi	1,02
54.9	Đường huyện 28	Đường tỉnh 935B	Đường huyện 26	1,02
54.10	Khu vực chợ Tân Thạnh	Đường tỉnh 935B	Sông Saintard	1,02
54.11	Khu vực chợ Cái Quanh	Cầu Cái Quanh	Hết đất ông Út Tài	1,08
		Ngã ba chợ Cái Quanh	Cầu Nhà Thờ	1,08
54.12	Đường cặp sông Saintard	Cống Cái Quanh	Hết ranh đất Nhà quản lý Cống Cái Xe	1,02
54.13	Lộ Hàm Trinh	Sông Băng Long	Cống Bà Cầm	1,02
54.14	Đường đal còn lại	Đầu ranh đất ông Út Tài	Đập Hai Hải	1,02
		Cầu Sanitard	Hết ranh đất Nhà ông Đặng Văn Giữa	1,02
54.15	Đường đal ấp Nhất (Ấp Ba)	Giáp ranh phường Sóc Trăng	Cầu Thanh Niên Trường An	1,02
55	**Xã Long Phú**			
55.1	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Giáp ranh xã Đại Ngãi	Giáp ranh xã Trần Đề	1,12
55.2	Đường tỉnh 933	Giáp ranh xã Tân Thạnh	Cầu Khoan Tang	1,02
55.3	Đường tỉnh 933C	Đường nối Đường tỉnh 933 với Đường tỉnh 933C	Kênh Hai Bào	1,02
		Kênh Hai Bào	Giáp ranh xã Trần Đề	1,02
55.4	Đường tỉnh 934B (Mạc Đĩnh Chi - Trần Đề)	Giáp ranh xã Tài Văn	Giáp ranh xã Liêu Tú	1,02
55.5	Đường nối Đường tỉnh 933 với Đường tỉnh 933C	Đường Đặng Quang Minh	Ngã ba giao Đường Đoàn Thế Trung với Đường tỉnh 933C	1,02
55.6	Đường huyện 26	Giáp ranh xã Tân Thạnh	Giáp ranh xã Tài Văn	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
55.7	Đường huyện 27	Đường tỉnh 933	Cầu số 2	1,02
		Cầu số 2	Cầu qua sông Bào Biển	1,02
55.8	Đường huyện 29	Giáp ranh xã Trần Đề	Giáp ranh xã Tài Văn	1,02
55.9	Đường Đoàn Thế Trung	Cầu Khoan Tang	Ngã ba giao Đường tỉnh 933C và Đường nối Đường tỉnh 933 với Đường tỉnh 933C	1,2
55.10	Đường Đặng Quang Minh	Vòng xuyến Ngã ba giao Đường Đoàn Thế Trung	Ngã tư giao Đường Đặng Quang Minh nối dài với Đường Lương Định Của	1,02
		Ngã tư giao Đường Đặng Quang Minh nối dài với Đường Lương Định Của	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	1,02
55.11	Đường Đặng Quang Minh nối dài	Ngã tư giao Đường Đặng Quang Minh với Đường Lương Định Của	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	1,02
55.12	Các tuyến hẻm thuộc Đường Đặng Quang Minh	Đường Đặng Quang Minh	Giáp ranh Khu tái định cư Chợ Đập Ấp 2	1,02
		Đường nội ô khu chợ Đập còn lại		1,02
		Đường Đặng Quang Minh	Suốt tuyến (Đà Lạt 3 cũ)	1,02
		Hẻm cặp Trường Tiểu học Long Phú C	Suốt hẻm	1,02
55.13	Đường đal cặp Trường Trung học cơ sở thị trấn Long Phú	Đường Đặng Quang Minh	Suốt tuyến	1,02
55.14	Đường Lương Định Của	Ngã tư giao Đường Đặng Quang Minh với Đường Đặng Quang Minh nối dài	Ngã ba Đình Thần Năm Ông	1,02
		Ngã ba Đình Thần Năm Ông	Cầu Tân Lập	1,02
55.15	Các tuyến hẻm thuộc Đường Lương Định Của	Hẻm cặp nhà lồng chợ Long Phú (Ấp 3)	Đường Lương Định Của (Đối diện Đình Ông)	1,02
		Các tuyến đường Khu Chăn nuôi (cũ)		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
55.16	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Đặng Quang Minh	Cầu Ba Tre	1,02
		Cầu Ba Tre	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu) (Ấp 2)	1,02
55.17	Đường đal cặp Đình Nguyễn Trung Trực	Đường Đặng Quang Minh	Suốt tuyến	1,02
55.18	Các tuyến hẻm thuộc Đường Đoàn Thế Trung	Ngã ba giao Đường Đoàn Thế Trung	Khu tái định cư ấp Tân Lập	1,02
		Đường nội ô Chợ Tân Long (ấp 5)	Suốt hẻm	1,02
55.19	Các tuyến hẻm thuộc Đường Đoàn Thế Trung	Hẻm Trường Tiểu học Long Phú A	Suốt hẻm	1,02
		Hẻm Tiệm vàng Sơn	Suốt hẻm	1,02
55.20	Đường đal cặp Ban chỉ huy Quân sự huyện Long Phú (cũ)	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu) (Ngã tư)	Cổng vào Ban chỉ huy Quân sự huyện Long Phú (cũ)	1,02
		Cổng vào Ban chỉ huy Quân sự huyện Long Phú (cũ)	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu) (Ngã ba)	1,02
55.21	Đường xuống Bến phà (Ấp 1)	Đường cặp Ban chỉ huy quân sự huyện Long Phú (cũ)	Sông Hậu	1,08
55.22	Đường đal cặp sông Băng Long (Ấp 4)	Cầu Băng Long (Đường Đoàn Thế Trung)	Cầu Tân Lập	1,02
		Cầu Tân Lập	Cầu Khoan Tang	1,02
55.23	Đường đal cặp sông Băng Long (Ấp 5)	Cầu Băng Long (Đường nối Đường tỉnh 933 với Đường tỉnh 933C)	Cầu qua Chùa Hải Long Phước	1,02
55.24	Đường đal Ấp 5 (Đường vào Nhà máy Mậu Xương)	Đường nối Đường tỉnh 933 với Đường tỉnh 933C	Đường đal cặp sông Băng Long (Ấp 5)	1,02
55.25	Đường cặp Chùa Tứk - Pray	Đường nối Đường tỉnh 933 với Đường tỉnh 933C	Hết ranh đất Chùa Tứk - Pray	1,08
		Giáp ranh đất Chùa Tứk - Pray	Ngã ba Lò Rèn	1,08

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
55.26	Đường đal vào Ấp Khoan Tang	Cầu Khoan Tang	Hết ranh đất Nhà ông Thạch Cơm	1,02
55.27	Lộ Vành Đai Sóc Mới - Tân Lập	Cách cầu Tân Lập về hướng Tây 200 mét và hướng Bắc 200 mét		1,02
55.28	Khu tái định cư Chợ Đập Ấp 2	Các thửa đất có mặt tiếp giáp với đường rộng 5 mét		1,02
		Các thửa đất có mặt tiếp giáp với đường rộng 3,5 mét		1,02
55.29	Khu tái định cư Ấp Tân Lập	Các tuyến đường trong Khu tái định cư		1,02
55.30	Đường đal vào khu Tà Lời	Đường tỉnh 933	Đường huyện 27	1,02
55.31	Đường đal Xả Chỉ	Đường tỉnh 933C	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	1,02
55.32	Đường cặp UBND xã Long Phú (cũ)	Đường tỉnh 933C	Cầu qua Kênh Bà Xẩm	1,02
56	**Xã Nhơn Mỹ**			
56.1	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Giáp ranh xã Thới An Hội	Cầu Mương Khai 2	1,02
		Cầu Mương Khai 2	Cầu Rạch Mọp	1,12
		Cầu Rạch Mọp	Đập Lớn	1,12
		Đập Lớn	Giáp ranh xã Đại Ngãi	1,02
56.2	Đường huyện 5B	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Cầu Mỹ Hội (Giáp ranh xã Thới An Hội)	1,02
56.3	Đường huyện 6	Giáp ranh xã Kế Sách	Giáp ranh xã Trường Khánh	1,08
56.4	Đường huyện 6 (Tuyến tránh khắc phục sạt lỡ)	Cầu Ba Miễu	Bến phà Năm Liêm	1,08
56.5	Đường huyện 20 (Lộ Khu 4)	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Cầu Trường Tiền	1,02
		Cầu Trường Tiền	Giáp ranh xã Đại Ngãi	1,02
56.6	Đường xuống Bến phà	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Bến phà mới	1,02
56.7	Đường đal Cầu Trắng	Giáp ranh xã Thới An Hội	Cầu An Phú Đông	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
56.8	Đường đal	Cầu An Phú Đông	Cầu Kênh Tắc	1,02
		Cầu An Mỹ	Giáp đường đal Cầu Trắng	1,02
		Cầu An Phú Đông	Cầu Mương Khai 2 (Giáp Quốc lộ 91B (Đường Nam sông Hậu))	1,02
		Cầu số 4	Cống Năm Khù (Giáp Quốc lộ 91B (Đường Nam sông Hậu))	1,02
		Cầu số 6	Cầu Trâm Bầu (giáp Đường huyện 5B)	1,02
		Ngã tư Quốc lộ 91B (Ấp Mỹ Huề)	Cống Âu Rạch Mọp	1,02
		Giáp ranh xã Kế Sách (Bờ Sông Quán)	Cống Thầy Ba	1,02
		Giáp ranh xã Kế Sách	Cầu Hai Lép	1,02
56.9	Trục Đường giữa cồn Mỹ Phước	Cầu Khém	Đầu Cồn	1,02
56.10	Đường đal An Nghiệp	Giáp ranh xã Kế Sách	Cầu Sáu Hái	1,02
56.11	Đường đal Phụng An - An Nghiệp	Cầu Bảy Phuông	Đường huyện 6 (Cầu Ba Miễu)	1,02
56.12	Tuyến Đường khu vực Trung tâm xã	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Vàm Song Phụng	1,02
56.13	Đường đal Rạch Bần	Cầu Rạch Bần	Giáp ranh xã Đại Ngãi	1,02
56.14	Đường đal Năm Nhát	Đường huyện 20	Đường đal Rạch Bần	1,02
56.15	Đường đal Kênh Xáng	Giáp ranh Trụ sở Đảng ủy	Đập Lớn	1,02
56.16	Đường đal vào Cống Âu Rạch Mọp	Đường huyện 20 (Nhà bà Nguyễn Thị Nga)	Cống Âu Rạch Mọp	1,02
56.17	Đường khu vực Trung tâm xã An Mỹ (cũ)	Ranh đất Trụ sở Công an xã	Cầu Đình	1,02
56.18	Đường đal còn lại	Cầu Trường Tiền	Bến đò An Mỹ	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
56.19	Khu tái định cư	Quỹ đất tái định cư (04 tuyến đal khu vực chợ)		1,02
56.20	Đường đal Chợ Nhơn Mỹ	Ngã tư xuống Bến phà	Chợ Nhơn Mỹ	1,08
57	**Xã An Lạc Thôn**			
57.1	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Ngã tư Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Cầu Mương Khai	1,02
		Ngã tư Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Hết đất Trường cấp 2 - 3 (cũ)	1,02
		Ngã tư Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Hết ranh đất Mai Văn Dũng	1,02
		Cầu Mương Khai	Cầu Cái Cau	1,02
		Cầu Cái Cau	Cầu Cái Trâm	1,02
		Cầu Cái Trâm	Cầu Phèn Đen (Giáp ranh xã Thới An Hội)	1,02
57.2	Đường huyện 1	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Sông Hậu	1,02
57.3	Đường huyện 3	Cầu Lộ Đá	Cầu Lầu Bà	1,02
57.4	Đường huyện 3	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Kênh Lộ Đá	1,02
57.5	Đường huyện 4	Cầu Sóc Tổng (ranh xã Thới An Hội)	Giáp ranh xã Ba Trinh	1,08
57.6	Đường tỉnh 932	Giáp ranh xã Thới An Hội (Sông Rạch Vọp)	Giáp ranh Cầu Ấp Phèn Đen xã An Lạc Thôn	1,02
57.7	Đường tỉnh 932B	Ngã tư Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Cống Rạch Bối	1,02
		Cống Rạch Bối	Cầu Rạch Bần (Ranh xã Xuân Hòa cũ)	1,02
		Cầu Rạch Bần (Ranh thị trấn An Lạc Thôn cũ)	Cầu Bờ Dọc	1,02
		Cầu Bờ Dọc	Đập Chín La	1,02
		Đập Chín La	Giáp ranh xã Đại Hải	1,08

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
57.8	Tuyến tránh Đường tỉnh 932B	Rạch Bần	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	1,02
57.9	Đường chợ chính	Đầu ranh đất Hoàng Ba	Hết ranh đất ông Lê Trọng Lập	1,02
		Giáp ranh đất ông Lê Trọng Lập	Sông Hậu	1,02
		Đầu ranh đất ông Dư (Nước Đá)	Hết ranh đất Chùa Bà	1,02
		Đầu ranh đất ông Sành	Hết ranh đất ông Tư Minh	1,02
57.9	Đường chợ chính	Đầu ranh đất Tiệm vàng Hồng Nguyên	Cầu ông Lý Ớ	1,02
		Cầu ông Lý Ớ	Ngã tư Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	1,02
		Đầu ranh đất bà Bảy Lành (Giáp ranh Chùa Bà)	Cầu Kênh Đào	1,02
57.10	Đường Khu Hành Chính	Đường tỉnh 932B	Rạch Mương Khai	1,02
57.11	Đường bờ sông	Đầu ranh đất Nguyễn Văn Lượng	Ngã ba Tám Khải	1,02
		Đầu ranh đất bà Nguyễn Ngọc Thảo	Sông Cái Côn	1,02
57.12	Đường vô phân viện	Đầu ranh đất ông Quốc Lương	Hết ranh đất Mười Kết	1,02
57.13	Đường đal Trường Tiểu học	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Đường Khu Hành Chính	1,02
57.14	Đường đal Trường Trung học	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Đường Khu Hành Chính	1,02
57.15	Đường Dân Sinh Hàng Cau ấp An Ninh	Giáp ranh Xưởng tôn Hồng Cúc	Sông Hậu	1,12
57.16	Khu tái định cư An Lạc Thôn	Đường D4 (Đường trục chính)		1,02
		Đường D3; Đường N1; Đường N2 (Đường nội bộ)		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
57.17	Đường huyện 1 đến Nghĩa trang liệt sĩ	Suốt tuyến		1,02
57.18	Đường mới về UBND xã Trinh Phú (cũ)	Đường tỉnh 932	UBND xã Trinh Phú (cũ)	1,08
57.19	Đường đal mở rộng	Cầu Hai Nam	Cầu Thanh Niên Ấp 1	1,02
		Cầu Ba Chợ	Giáp ranh xã Đại Hải	1,02
57.20	Đường Thanh Tâm - Tha La (Ấp 1)	Cầu số 1	Cầu Tha La	1,02
57.21	Đường Cái Cau bờ Bắc	Giáp ranh thị trấn An Lạc Thôn (cũ)	Hết ranh Chùa Thiên Phước	1,02
57.22	Đường vào Khu căn cứ Huyện ủy (xã Xuân Hòa cũ)	Đường tỉnh 932B	Giáp ranh xã Đại Hải	1,02
57.23	Đường xã Nông Thôn Mới xã Xuân Hòa (cũ) nối Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Đường tỉnh 932B	Giáp ranh thị trấn An Lạc Thôn cũ	1,02
57.24	Đường Cầu Lộ Đất	Cầu Lộ Đất	Đường huyện 3	1,02
58	**Xã Kế Sách**			
58.1	Đường tỉnh 932	Đường Phan Văn Hùng	Hết ranh đất Nghĩa trang xã Kế Sách	1,02
		Giáp ranh đất Nghĩa trang xã Kế Sách	Cầu NaTưng	1,02
58.2	Đường tỉnh 932 (Đường Vòng cung cũ)	Trường Tiểu học Kế Sách 1	Cầu Trắng	1,02
58.3	Đường tỉnh 932C (Đường huyện 2 cũ)	Cầu Bưng Tiết	Cầu Kế Thành	1,08
58.4	Đường tỉnh 932C	Cầu Kế Thành	Cầu số 1	1,08
58.5	Đường huyện 7 (Ấp An Phú)	Đường tỉnh 932	Đường Vành Đai	1,02
58.6	Đường 30 Tháng 4	Đầu ranh đất Nhà Thầy Lén	Cầu sắt Kế Sách	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
58.7	Đường Ung Công Uẩn	Đầu cầu An Mỹ	Ngã tư Ung Công Uẩn	1,02
		Ngã Tư Ung Công Uẩn	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1,02
		Cầu An Mỹ	Ngã ba Bến đò	1,02
		Ngã ba Bến đò	Cống Mười Mót	1,02
		Cống Mười Mót	Sông Quán (Giáp ranh xã Nhơn Mỹ)	1,02
58.8	Đường Phan Văn Hùng	Đường tỉnh 932	Cầu sắt Kế Sách	1,02
		Cầu sắt Kế Sách	Hết ranh đất Trường Mẫu giáo	1,02
		Giáp ranh đất Trường Mẫu giáo	Cầu Trắng	1,02
58.9	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường tỉnh 932	Cầu Lò Gạch (Cầu kênh Nổi)	1,02
58.10	Đường 3 Tháng 2	Suốt tuyến		1,02
58.11	Đường Bạch Đằng	Suốt tuyến		1,02
58.12	Đường Nguyễn Văn Thơ	Suốt tuyến		1,02
58.13	Đường Lê Văn Lợi	Đường 30 Tháng 4	Đường Phan Văn Hùng	1,02
58.14	Đường Nguyễn Trung Tĩnh	Đường 30 Tháng 4	Đường Lê Văn Lợi	1,02
58.15	Đường Thiều Văn Chỏi	Đường Phan Văn Hùng	Cống 575	1,02
58.16	Đường Lê Lợi	Cầu Sắt	Đường Phan Văn Hùng	1,02
		Cầu Sắt	Kênh 8 mét	1,02
58.17	Đường Nguyễn Hoàng Huy	Cầu Suối Tiên	Bến đò cũ	1,02
58.18	Đường đal đi Kế Thành	Cầu Lò Gạch (Cầu kênh Nổi)	Cầu Bưng Tiết (Kế Thành)	1,02
58.19	Đường xuống Bến đò cũ	Bến đò	Đường huyện 6	1,02
58.20	Đường đal Khu tái định cư Phương Nam (Đường vô Trụ sở Công an cũ)	Đường Ung Công Uẩn	Đường Thiều Văn Chỏi	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
58.21	Đường Lê Văn Tám (Ấp An Thành)	Đường Phan Văn Hùng	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1,02
58.22	Đường đal An Ninh 2 (Dọc Sông số 1)	Bến đò	Cổng Trạm Xăng dầu	1,02
58.23	Đường Đấu Nối vào Trung tâm Thương mại	Đường Nguyễn Hoàng Huy	Giáp Trung tâm Thương mại	1,02
		Giáp Trung tâm Thương mại	Rạch An Nghiệp	1,02
58.24	Đường đal Khu tái định cư Trung tâm thương mại ấp An Ninh 2	Suốt tuyến		1,02
58.25	Hẻm 1 (Vũ Hùng - 6 Gấm)	Đường Bạch Đằng	Đường 30 Tháng 4	1,08
58.26	Hẻm 2 (Nhà Châu Văn Lâm)	Đường Bạch Đằng	Đường 30 Tháng 4	1,02
58.27	Hẻm 3 (Bà Giàu)	Giáp ranh nhà bà Giàu	Hết đất ông Hà Ngọc Em	1,02
58.28	Hẻm 4 (Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị)	Suốt tuyến		1,08
58.29	Đường trong Khu dân cư - Thương mại	Khu A, K1, K2, I1, I2, G1, G2, E1, F1, F2		1,02
		Khu H1, H2, E2		1,02
		Khu B, C, D		1,02
58.30	Đường N11 (ấp An Khương)	Đường tỉnh 932 (Đường vòng cung cũ)	Cầu Bưng Túc	1,02
59	**Xã Thới An Hội**			
59.1	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Cầu Trà Ếch (Giáp ranh xã Nhơn Mỹ)	Cống Hai Liềm	1,02
		Cống Hai Liềm	Cầu Rạch Vọp	1,02
		Cầu Rạch Vọp	Cầu Phèn Đen (Giáp ranh xã An Lạc Thôn)	1,02
59.2	Đường tỉnh 932	Trụ sở Đảng ủy xã	Cầu Ninh Thới	1,02
		Cầu Ninh Thới	Cầu Hai Vọng	1,02
		Cầu Hai Vọng	Cầu Chùa PôThiThLâng	1,02
		Cầu Chùa PôThiThLâng	Cầu Trắng	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
59.3	Đường Phan Văn Hùng	Cầu Trắng	Giáp ranh xã Kế Sách	1,02
59.4	Đường huyện 5B	Cầu Chùa PôThiThLâng	Cầu Mỹ Hội (Giáp ranh xã Nhơn Mỹ)	1,02
59.5	Đường huyện 4	Cầu Sóc Tổng (Giáp ranh xã An Lạc Thôn)	Cầu Xóm Đồng	1,08
		Cầu Xóm Đồng	Cống 8 Chanh	1,08
		Cống 8 Chanh	Hết ranh trụ sở Đảng ủy xã	1,08
		Cầu Ninh Thới	Cầu Thị Hồ	1,08
		Cầu Thị Hồ	Ngã tư Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	1,08
		Ngã tư Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Hết ranh Trụ sở UBND xã	1,08
59.6	Đường về cầu đi Trinh Phú (tuyến mới)	Đường huyện 4	Cầu Thới An Hội - Trinh Phú	1,02
59.7	Đường vòng cung Trường Mẫu giáo	Đường tỉnh 932	Đường huyện 4	1,02
59.8	Khu vực Chợ cũ	Cầu qua Chợ cũ	Nhà thờ Tin Lành	1,08
59.9	Đường đal Cầu Trắng	Cầu Trắng	Giáp ranh xã Nhơn Mỹ	1,02
59.10	Chợ Cầu Lộ	Các đường nội bộ trong Chợ		1,02
59.11	Chợ An Lạc Tây	Các đường nội bộ trong Chợ		1,02
60	**Xã Đại Hải**			
60.1	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Hồ Đắc Kiện	Giáp ranh phường Ngã Bảy	1,02
60.2	Đường tỉnh 932B (cũ)	Quốc lộ 1A	Cống Vũ Đảo	1,08
		Cống Vũ Đảo	Ngã ba đất bà Mạch Thị Quê	1,08
		Ngã ba đất bà Mạch Thị Quê	Cầu Mang Cá 1	1,08
		Cầu Mang Cá 1	Ngã ba giao Đường tỉnh 932B	1,08
		Ngã ba giao Đường tỉnh 932B	Giáp ranh xã An Lạc Thôn	1,08

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
60.3	Đường tỉnh 932B	Quốc lộ 1A	Kênh thủy lợi (Cống Vũ Đảo)	1,08
		Kênh thủy lợi (Cống Vũ Đảo)	Giáp Đường dẫn cầu Mang cá 1 và Mang cá 2	1,08
		Đường tỉnh 932B (cũ)	Đường tỉnh 932C	1,08
		Đường tỉnh 932C	Ngã ba giao Đường tỉnh 932B (cũ)	1,08
60.4	Đường tỉnh 932C	Giáp ranh Trụ sở UBND xã Đại Hải	Cầu Số 1 (Giáp ranh xã Kế Sách)	1,08
60.5	Đường huyện 3	Đường tỉnh 932B	Rạch Đường Độn (Giáp ranh xã An Lạc Thôn)	1,02
60.6	Đường huyện 4	Đường tỉnh 932B	Hết ranh Cửa hàng xăng dầu Tuấn Phát	1,08
		Cửa hàng xăng dầu Tuấn Phát	Hết ranh Trường Tiểu học Ba Trinh	1,08
		Giáp ranh Trường Tiểu học Ba Trinh	Giáp ranh xã An Lạc Thôn	1,08
60.7	Khu vực Chợ Mang Cá	Hết ranh Trụ sở UBND xã Đại Hải	Hết ranh Chùa Thánh Tịnh Phụng Thiên	1,02
		Khu vực nhà lồng Chợ Mang Cá		1,02
60.8	Đường Mang Cá - Đại Thành	Cầu Đen	Giáp ranh phường Ngã Bảy	1,02
60.9	Đường Kênh Lầu	Cầu Mang Cá 1	Hết ranh đất ông Đắc (Ấp Đông Hải)	1,08
		Ranh đất ông Đắc (Ấp Đông Hải)	Quốc lộ 1A	1,08
60.10	Đường cặp Kênh Nam Hải	Quốc lộ 1A	Hết lộ đal hiện hữu	1,02
		Quốc lộ 1A (Ranh Nhà thờ Đại Hải) hướng qua Nhà thờ Tân Hải	Hết lộ đal hiện hữu	1,02
60.11	Đường cặp Kênh 25 (Vnsat)	Trạm bơm Mang Cá	Quốc lộ 1A	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
60.12	Tuyến Đường Tập đoàn 2 ấp Đông Hải (Phía bên sông đối diện Quốc lộ1A)	Cống Tiếp Nhựt (Ấp Ba Rinh)	Giáp ranh xã Hồ Đắc Kiện	1,02
60.13	Khu Trung tâm Đảng ủy xã Đại Hải	Giáp ranh Trụ sở Đảng ủy xã Đại Hải	Cầu Mảnh Chi	1,02
		Cầu Mảnh Chi	Giáp ranh xã An Lạc Thôn	1,02
		Đường huyện 4	Hết ranh Đài tưởng niệm	1,02
60.14	Đường Đảng Ủy - Đường huyện 4 (Lầu Bà)	Hết đất Dương Phức Mãi	Cầu Lầu Bà 2 (Đường huyện 3)	1,02
60.15	Khu tái định cư Quốc lộ 1A, giai đoạn 1, 2	Suốt tuyến		1,02
61	**Xã Phú Tâm**			
61.1	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Hồ Đắc Kiện	Hết ranh đất Cây xăng Vạn Phúc Lộc (Hết thửa số 669, tờ bản đồ số 8)	1,02
		Giáp ranh đất Cây xăng Vạn Phúc Lộc (Giáp thửa số 669, tờ bản đồ số 8)	Hết ranh đất UBND thị trấn (cũ)	1,02
		Giáp ranh đất UBND thị trấn (cũ)	Giáp ranh xã Thuận Hòa	1,02
61.2	Đường tỉnh 932	Cầu Phú Tâm	Hết ranh đất Trạm Y tế	1,02
		Giáp ranh đất Trạm Y tế	Kênh Ống Bọng	1,02
		Kênh Ống Bọng	Giáp ranh xã Kế Sách	1,02
61.3	Đường tỉnh 932D	Đường tỉnh 939B	Giáp ranh xã Thuận Hòa	1,02
61.4	Đường tỉnh 939B	Giáp ranh xã Thuận Hòa	Hết ranh đất Cây xăng Quang Minh	1,02
		Giáp ranh đất Cây xăng Quang Minh	Cầu Chợ Thuận Hòa	1,02
61.5	Đường Trần Phú (Đường tỉnh 939B)	Quốc lộ 1A	Đường vào Khu tái định cư Xây Đá	1,2
		Đường vào Khu tái định cư Xây Đá	Đường Trần Hưng Đạo	1,2

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
61.6	Đường tỉnh 939B	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu 30 Tháng 4	1,02
		Cầu 30 Tháng 4	Cầu Bảy Quýt	1,02
61.7	Đường Hùng Vương	Quốc lộ 1A	Đường Phạm Ngũ Lão	1,02
		Đường Phạm Ngũ Lão	Đường Trần Hưng Đạo	1,02
61.8	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trần Phú (Đường tỉnh 939B)	Đường Hùng Vương	1,02
61.9	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Trần Phú (Đường tỉnh 939B)	Đường Hùng Vương	1,02
61.10	Đường Bạch Đằng	Đường Hùng Vương	Giáp ranh xã Thuận Hòa	1,02
61.11	Đường Ngô Quyền	Đường tỉnh 939B	Cống Ông Minh	1,02
		Cống Ông Minh	Giáp ranh xã Thuận Hòa	1,02
61.12	Đường huyện 93	Cống Thuận Hòa	Giáp ranh xã Hồ Đắc Kiện	1,02
61.13	Đường huyện 94	Đường tỉnh 932	Cầu Kênh 79	1,02
		Cầu Kênh 79	Cầu Bảy Quýt	1,02
61.14	Đường huyện 97	Đường huyện 94	Giáp ranh xã Thuận Hòa	1,08
61.15	Đường A4 (Đường vào UBND thị trấn)	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Trụ sở UBND thị trấn	1,02
61.16	Đường Miếu Quan Đế	Giáp ranh đất Miếu Quan Đế	Kênh Lương Sơn Bá	1,02
		Kênh Lương Sơn Bá	Đường Cầu Chùa đi xã Trường Khánh	1,02
61.17	Đường Giồng Cát đi Mỏ Neo	Cầu Giồng Cát	Mỏ Neo (Giáp ranh xã Đại Hải)	1,02
61.18	Đường Cầu Chùa đi xã Trường Khánh	Đường tỉnh 932	Kênh Lương Sơn Bá	1,02
		Kênh Lương Sơn Bá	Giáp ranh xã Trường Khánh	1,02
61.19	Chợ Thuận Hòa	Đường hai bên nhà lồng Chợ		1,02
		Các Đường nội bộ trong khu vực Chợ		1,02
61.20	Chợ Phú Tâm	Đường hai bên nhà lồng Chợ		1,02
		Các Đường nội bộ trong khu vực Chợ		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
61.21	Khu tái định cư Xây Đá	Khu tái định cư Xây Đá đã đầu tư cơ sở hạ tầng		1,02
		Vị trí tiếp giáp Khu tái định cư chưa đầu tư cơ sở hạ tầng		1,02
61.22	Khu tái định cư Quốc lộ 1A	Các đường khác trong Khu tái định cư		1,02
		Các vị trí tiếp giáp Khu tái định cư		1,02
62	**Xã An Ninh**			
62.1	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Thuận Hòa	Hết ranh đất Cây xăng Mỹ Trân	1,12
		Giáp ranh đất Cây xăng Mỹ Trân	Hết cống (Gần Nhà bà Lý Sà Nen)	1,12
		Giáp cống (Gần Nhà bà Lý Sà Nen)	Giáp ranh phường Sóc Trăng	1,12
62.2	Tuyến tránh Quốc lộ 60	Cầu Kênh 30 Tháng 4	Giáp ranh xã Thuận Hòa	1,02
62.3	Đường tỉnh 938	Giáp ranh phường Sóc Trăng	Đường tỉnh 932 nối dài (Đường đi Chông Nô cũ)	1,08
		Đường tỉnh 932 (Đường đi Chông Nô cũ)	Hết ranh đất Trường tiểu học An Ninh D	1,08
		Giáp ranh đất Trường Tiểu học An Ninh D	Đường tỉnh 939	1,08
62.4	Đường tỉnh 939	Đường tỉnh 938 (Cầu Trắng)	Hết ranh đất Nhà máy Ông Ba Chiến (Thửa số 1521, tờ bản đồ số 04)	1,02
		Giáp ranh đất Nhà máy ông Ba Chiến (Thửa số 1521, tờ bản đồ số 04)	Giáp ranh xã Mỹ Hương	1,02
62.5	Đường tỉnh 932 nối dài (Đường đi Chông Nô cũ)	Đường tỉnh 938	Cầu Kênh 76	1,02
		Cầu Kênh 76	Đường huyện 90	1,02
		Đường huyện 90	Cầu Bưng Tróp A	1,02
		Cầu Bưng Tróp A	Hết đất Chùa Peng Som Rath	1,02
		Chùa Peng Som Rath	Cầu An Trạch	1,02
		Cầu An Trạch	Quốc lộ 1A	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
62.6	Đường tỉnh 932	Quốc lộ 1A	Đường vào Trường Tiểu học An Hiệp A	1,02
		Đường vào Trường Tiểu học An Hiệp A	Giáp ranh xã Thuận Hòa	1,02
62.7	Đường huyện 90 (Đi Sóc Vồ)	Đường Sóc Vồ	Kênh 26 Tháng 3	1,02
		Kênh 26 Tháng 3	Kênh 77	1,02
		Kênh 77	Đường tỉnh 932 nối dài	1,02
62.8	Đường huyện 93	Đường Sóc Vồ	Đường tỉnh 932 nối dài	1,02
		Đường tỉnh 932 nối dài	Giáp ranh xã Thuận Hòa	1,02
62.9	Đường huyện 90 (Đi xã Hồ Đắc Kiện)	Đường tỉnh 932 nối dài	Cầu An Hiệp B	1,02
		Cầu An Hiệp B	Giáp ranh xã Hồ Đắc Kiện	1,02
62.10	Đường Sóc Vồ	Quốc lộ 1A	Cầu Sóc Vồ	1,02
		Cầu Sóc Vồ	Đường tỉnh 938	1,02
62.11	Hẻm Ấp Châu Thành	Các Hẻm xóm 1, 2, 3, 4 thuộc Ấp Châu Thành		1,02
62.12	Chợ An Trạch	Hai bên và dãy dưới nhà lồng chợ		1,02
62.13	Khu tái định cư	Cả khu		1,02
62.14	Đường vào Khu tái định cư	Suốt tuyến		1,08
62.15	Đường vào trường Tiểu học An Hiệp qua Khu tái định cư	Suốt tuyến		1,08
62.16	Hẻm Chợ Bố Thảo	Đầu ranh đất bà Léng (Thửa đất số 1176, tờ bản đồ số 06)	Hết ranh đất bà Nguyên (Thửa đất số 1195, tờ bản đồ số 6)	1,12
		Đầu ranh đất bà Dân (Thửa đất số 1178, tờ bản đồ số 6)	Hết ranh đất ông Xe (Thửa đất số 1226, tờ bản đồ số 6)	1,12
62.17	Các hẻm trung tâm xã An Ninh cũ (ấp Châu Thành, xã An Ninh mới)	Các hẻm thuộc ấp Châu Thành		1,02
		Hai bên nhà lồng Chợ cũ (Chợ Bố Thảo)		1,02
		Đường vào Sân bóng cũ		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
63	**Xã Thuận Hòa**			
63.1	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã An Ninh	Giáp ranh xã Phú Tâm	1,12
63.2	Quốc lộ 60	Giáp ranh xã An Ninh	Giáp ranh phường Sóc Trăng	1,02
63.3	Đường tỉnh 939B (Đường tỉnh 14)	Giáp ranh xã Phú Tâm	Giáp ranh xã Hồ Đắc Kiện	1,02
63.4	Đường tỉnh 932	Giáp ranh xã An Ninh	Hết ranh đất Trường Tiểu học Phú Tân A	1,02
		Giáp ranh đất Trường Tiểu học Phú Tân A	Hết ranh đất Tịnh Xá Ngọc Tâm	1,02
		Giáp ranh đất Tịnh Xá Ngọc Tâm	Giáp ranh xã Phú Tâm	1,02
63.5	Đường huyện 90	Đường tỉnh 939B (Đường tỉnh 14)	Giáp ranh xã Hồ Đắc Kiện	1,02
63.6	Tuyến Đê Bao Thuận Hòa (Đường huyện 93)	Giáp ranh xã Phú Tâm	Hết ranh đất Chùa Trà Quýt (cũ)	1,02
		Giáp ranh đất Chùa Trà Quýt (cũ)	Giáp ranh xã An Ninh	1,02
63.7	Đường huyện 95	Cầu Ông Cường	Giáp ranh xã Phú Tâm	1,02
63.8	Đường huyện 96	Đường đal Kênh 30 Tháng 4	Giáp ranh xã Trường Khánh	1,02
63.9	Đường huyện 97	Quốc lộ 1A	Kênh Hai Sum	1,08
		Kênh Hai Sum	Giáp ranh xã Phú Tâm	1,08
63.10	Đường vào Trại Giống	Quốc lộ 1A	Trại thực nghiệm giống vật nuôi	1,02
63.11	Đường bao quanh Đảng ủy xã Thuận Hòa	Đường huyện 97	Hết đất Trường Tiểu học Thuận Hòa B	1,02
		Suốt tuyến		1,02
		Đường huyện 97	Hết đất Trạm y tế xã Thuận Hòa	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
63.12	Đường vào UBND xã Thuận Hòa	Đường tỉnh 932	Hết ranh đất Trụ sở UBND xã Thuận Hòa	1,02
63.13	Đường vào Khu du lịch văn hoá Giếng Tiên	Đường tỉnh 932	Cổng vào Khu du lịch văn hóa Giếng Tiên	1,08
63.14	Đường đal Sa Bâu	Đường huyện 93	Đường đal Kênh Ông Ướng	1,02
63.15	Đường đal Kênh 6 A1	Quốc lộ 1A	Rạch Hàng Bần	1,02
63.16	Đường đal Kênh Ông Ướng	Đường huyện 93	Giáp ranh xã Hồ Đắc Kiện	1,02
63.17	Đường đal Tư Lung - Bảy Trang	Đường huyện 93	Giáp ranh xã An Ninh	1,02
63.18	Đường đal Kênh Cống 1	Đường tỉnh 939B (Đường tỉnh 14)	Đường đal Kênh Ông Ướng	1,02
63.19	Đường đal Rạch Trà Canh Ruộng	Đường đal Kênh 85, Ấp Trà Canh	Đường đal Tư Lung - Bảy Trang	1,02
63.20	Đường đal kênh 30 Tháng 4	Hết ranh đất ông Hoàng	Cầu 30 Tháng 4	1,02
		Cầu 30 Tháng 4	Giáp ranh phường Sóc Trăng	1,02
63.21	Đường đal	Đường tỉnh 932	Chùa Bốn Mặt	1,02
		Đường tỉnh 932	Đường đal 135	1,02
		Đường tỉnh 932	Đường vào Đình Phước Hưng	1,02
		Giáp ranh đất ông Hoàng	Cổng Chùa ChamPa	1,02
		Cổng chùa ChamPa	Hết ranh đất bà Hạnh	1,02
64	**Xã Hồ Đắc Kiện**			
64.1	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Đại Hải	Giáp ranh xã Phú Tâm	1,02
64.2	Đường huyện 92	Đường huyện 93	Cầu Kênh Cũ	1,08
		Cầu Kênh Cũ	Đường bê tông Phân Trường Phú Lợi	1,08
64.3	Đường đal	Đường huyện 92	Cầu Kênh Gòn (Phía trước UBND xã Hồ Đắc Kiện)	1,02
64.4	Đường huyện 93	Giáp ranh xã Đại Hải	Giáp ranh xã Phú Tâm	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
64.5	Tuyến Đường vào Trường Mẫu giáo Hồ Đắc Kiện	Đường huyện 93	Hết ranh đất Trường Mẫu giáo Hồ Đắc Kiện	1,02
64.6	Đường Kênh 12	Cầu Hai Giỏi	Cầu Đắc Thắng (Cầu phía trước Trụ sở Đảng ủy xã)	1,02
64.7	Đường Kênh Sáu Lái	Đường huyện 93	Đường Bờ tây Kênh Ba Rinh mới	1,02
64.8	Đường bờ Tây Kênh Ba Rinh mới (Ba Rinh mới A)	Cầu Kênh Gòn (Từ tâm 54) đi xã Mỹ Hương	Hết đoạn bờ kè, ấp Đắc Thắng	1,02
		Giáp ranh đất Trạm Y tế xã Hồ Đắc Kiện	Giáp ranh xã Đại Hải	1,02
		Hết đoạn bờ kè, ấp Đắc Thắng	Giáp ranh xã Mỹ Hương	1,02
64.9	Đường bờ Đông Kênh Ba Rinh mới "Ba Rinh mới B"	Giáp ranh xã Đại Hải	Giáp ranh xã Mỹ Hương	1,02
64.10	Đường bờ Đông Kênh Ba Rinh cũ	Giáp ranh xã Đại Hải	Đường Kênh 12 (Cầu Đắc Thắng)	1,02
64.11	Đường bờ Tây Kênh Ba Rinh cũ	Giáp ranh xã Đại Hải	Kênh Tân Phước	1,02
64.12	Đường Bờ bao Phân Trường	Giáp ranh xã Đại Hải	Giáp ranh xã Long Hưng	1,02
64.13	Đường tỉnh 939B	Giáp ranh xã Thuận Hòa	Cầu An Tập	1,02
		Cầu An Tập	Hết ranh đất Trụ sở VNPT	1,02
		Giáp ranh đất Trụ sở VNPT	Giáp ranh xã Mỹ Hương	1,02
64.14	Khu vực nhà lồng Chợ (Thiện Mỹ cũ)	Đường hai bên nhà lồng chợ		1,02
		Đường phía sau nhà lồng chợ		1,02
64.15	Đường huyện 90	Đường tỉnh 939B	Giáp ranh xã An Ninh	1,02
64.16	Đường Mỹ Phú - Mỹ Tân	Cầu Năm Thơi	Giáp ranh xã Long Hưng	1,02
64.17	Đường Điện Huyện B	Đường huyện 90	Giáp ranh xã An Ninh	1,02
64.18	Đường Tân Phước	Vật liệu xây dựng Sáu Long	Giáp ranh xã Long Hưng	1,02
64.19	Đường Kênh Ông Ướng	Suốt tuyến		1,02
64.20	Đường Kênh Ranh Mỹ An - Mỹ Đức	Suốt tuyến		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
64.21	Đường đal Giao Thông A	Mương Khai A	Đường bờ Tây Kênh Ba Rinh mới (Ba Rinh mới A)	1,02
64.22	Đường Mương Khai A	Cầu Đường Láng	Cầu Sắt	1,02
64.23	Đường Mương Khai B	Cầu Sắt	Giáp ranh xã Mỹ Hương	1,02
65	**Xã Mỹ Tú**			
65.1	Đường tỉnh 940	Cầu số 1	Cầu số 2	1,08
		Cầu số 2	Cống Mỹ Phước	1,08
		Cống Mỹ Phước	Cầu Cái Trầu mới	1,08
		Cầu Cái Trầu mới	Giáp ranh xã Lâm Tân	1,08
65.2	Đường tỉnh 938	Giáp ranh xã Mỹ Hương	Đường đal Ô Quên	1,08
		Đường đal Ô Quên	Rạch Lộ Bể	1,08
		Rạch Lộ Bể	Giáp ranh xã Lâm Tân	1,08
65.3	Đường ô tô Trung tâm xã Hưng Phú cũ (Đường tỉnh 939)	Kênh Ba Hữu	Cầu Tư Thành	1,02
		Cầu Tư Thành	Giáp ranh xã Mỹ Phước	1,02
65.4	Đường A1 (Đường tỉnh 939)	Giáp ranh xã Mỹ Hương	Đường Quang Trung	1,02
		Đường Quang Trung	Cầu Kênh 1 Tháng 5	1,02
		Cầu Kênh 1 Tháng 5	Kênh Ba Hữu	1,02
65.5	Đường huyện 82	Đường tỉnh 940	Giáp ranh xã Mỹ Phước (Cầu Kinh số 3)	1,02
65.6	Đường huyện 84	Cầu 1 Tháng 5 (Huyện đội cũ)	Giáp ranh Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng	1,02
		Giáp ranh Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng	Cầu Béc Trang	1,02
		Cầu Béc Trang	Giáp ranh xã Mỹ Phước	1,02
65.7	Đường huyện 86	Giáp ranh xã Long Hưng	Cầu Trà Cú Cạn	1,02
		Cầu Trà Cú Cạn	Hết ranh đất Trường Tiểu học Mỹ Tú A	1,02
		Giáp ranh đất Trường Tiểu học Mỹ Tú A	Đường tỉnh 940	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
65.8	Đường huyện 87 (Đường Rạch Rê)	Đường tỉnh 938	Giáp ranh xã Nhu Gia	1,02
65.9	Đường huyện 89	Đường huyện 87 (Đường Rạch Rê)	Giáp ranh xã Mỹ Hương	1,02
65.10	Đường Trần Hưng Đạo	Giáp ranh xã Long Hưng	Kênh Ba Vợi	1,02
		Kênh Ba Vợi	Hết ranh đất Nhà ông Sáu Cao	1,02
		Giáp ranh đất Nhà ông Sáu Cao	Đập Chín Lời	1,02
		Đập Chín Lời	Cầu Ba Thắng	1,02
		Cầu Ba Thắng	Đập Sáu Giúp	1,02
		Đập Sáu Giúp	Kênh số 1 (Ấp Mỹ Hòa)	1,02
65.11	Đường Phạm Ngũ Lão	Suốt tuyến		1,02
65.12	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Suốt tuyến		1,02
65.13	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Nhà bà Bé	1,02
65.14	Đường Hùng Vương	Đường Điện Biên Phủ	Đường Trần Phú	1,02
		Đường Trần Phú	Đường Quang Trung	1,02
		Đường Quang Trung	Cầu 1 Tháng 5 (Huyện đội cũ)	1,02
65.15	Đường Lê Thánh Tông	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Quang Trung	1,02
65.16	Đường Ngô Quyền	Cầu Ba Thắng (Đường Trần Hưng Đạo)	Cầu Đê Mỹ Phước (Đường Quang Trung)	1,02
65.17	Đường Võ Thị Sáu	Cầu Bệnh Viện	Đê Bé Bùi	1,02
65.18	Đường Trần Phú	Giáp ranh xã Long Hưng	Đường Đồng Khởi	1,02
		Đường Đồng Khởi	Đường Võ Thị Sáu	1,02
		Đường Võ Thị Sáu	Kênh Út Biện	1,02
		Kênh Út Biện	Kênh số 1 (Ấp Mỹ Hòa)	1,02
65.19	Đường Đồng Khởi	Đường Trần Phú	Giáp ranh xã Mỹ Hương	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
65.20	Đường 3 Tháng 2	Đường Trần Phú	Đường Điện Biên Phủ	1,02
65.21	Đường 30 Tháng 4	Đường Trần Phú	Đường Điện Biên Phủ	1,02
65.22	Đường Huỳnh Văn Triệu	Đường Trần Phú	Đường Điện Biên Phủ	1,02
65.23	Đường Lý Tự Trọng	Đường 3 Tháng 2	Đường 30 Tháng 4	1,02
65.24	Đường Quang Trung (Đường tỉnh 940)	Giáp ranh xã Long Hưng	Cầu Sáu Xôi	1,02
		Cầu Sáu Xôi	Kênh Hậu Huyện Đội (cũ)	1,02
		Kênh Hậu Huyện Đội (cũ)	Cầu Đê Mỹ Phước	1,02
		Cầu Đê Mỹ Phước	Hết ranh đất bà Hân	1,02
		Giáp ranh đất bà Hân	Cầu số 1	1,02
65.25	Đường Điện Biên Phủ	Đường 30 Tháng 4	Đường 3 Tháng 2	1,02
65.26	Đường Trung tâm Thương mại thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa (cũ)	Dãy E		1,02
65.27	Đường F12	Cầu Ba Thắng	Nhà lồng Chợ mới	1,02
65.28	Đường D7 (Đường Trung tâm xã Long Hưng)	Đường Đồng Khởi	Giáp ranh xã Long Hưng	1,02
65.29	Đường đal (Kho lương thực cũ)	Đường tỉnh 940	Đường Trần Hưng Đạo	1,08
65.30	Đường đal (Chợ Cá)	Đường tỉnh 940	Giáp ranh đất ông Thơm	1,02
65.31	Đường nhựa D9	Đường Hùng Vương	Đường 3 Tháng 2	1,12
65.32	Đường cũ Cầu Đồn	Đường Hùng Vương	Đường 3 Tháng 2	1,02
65.33	Đường đấu nối Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng	Đường tỉnh 940	Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng	1,08
65.34	Khu tái định cư Đường A1	Cả khu		1,02
66	**Xã Long Hưng**			
66.1	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	Giáp ranh xã Tân Phước Hưng	Cầu Mỹ Khánh	1,08
		Cầu Mỹ Khánh	Cầu 1 Tháng 5	1,08

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
66.1	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	Cầu 1 Tháng 5	Cầu Đập Đá	1,08
		Kênh Đập Đá	Kênh Bắc Bộ	1,08
		Kênh Bắc Bộ	Kênh Miễu	1,08
		Kênh Miễu	Kênh Chín Mùi	1,08
		Kênh Chín Mùi	Kênh Tư Lang	1,08
		Kênh Tư Lang	Kênh Út Cứng	1,08
		Kênh Út Cứng	Kênh Ka Rê	1,08
66.2	Đường tỉnh 940	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	Kênh Hai Bá	1,02
		Kênh Hai Bá	Cầu Nhà Thờ	1,02
		Cầu Nhà Thờ	Giáp ranh xã Mỹ Tú	1,02
66.3	Đường huyện 32 (Đường huyện 87C)	Cầu qua Nhà Văn hóa xã	Cầu vượt Tân Phước	1,02
		Cầu vượt Tân Phước	Giáp ranh xã Hồ Đắc Kiện	1,02
66.4	Đường huyện 85	Đường huyện 87B	Đường tỉnh 940	1,08
		Đường tỉnh 940	Kênh Đập Đá	1,08
66.5	Đường huyện 86	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	Giáp ranh xã Mỹ Tú	1,02
66.6	Đường huyện 87	Giáp ranh xã Mỹ Tú	Cầu vượt Mỹ Khánh	1,02
		Cầu vượt Mỹ Khánh	Cầu qua Nhà Văn hóa xã và nhánh đến Hết đất Trường Trung học cơ sở Long Hưng A	1,02
66.7	Đường huyện 87B	Giáp ranh xã Mỹ Tú	Kênh Hai Bá	1,02
		Kênh Hai Bá	Cầu Vượt Mỹ Khánh	1,02
		Cầu vượt Mỹ Khánh	Cầu qua UBND xã	1,02
		Cầu qua UBND xã	Hết ranh Trung tâm Thương mại	1,02
		Giáp ranh Trung tâm Thương mại	Hết ranh đất ông Lê Việt Hùng	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
66.7	Đường huyện 87B	Giáp ranh đất ông Lê Việt Hùng	Kênh 1 Tháng 5	1,02
		Kênh 1 Tháng 5	Kênh Đập Đá	1,02
		Kênh Đập Đá	Kênh Bắc Bộ	1,02
		Kênh Bắc Bộ	Kênh Miễu	1,02
		Kênh Miễu	Kênh Chín Mùi	1,02
		Kênh Chín Mùi	Kênh Ka Rê	1,02
66.8	Đường huyện 80	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	Kênh Hai Cao	1,02
		Kênh Hai Cao	Giáp ranh xã Mỹ Tú	1,02
66.9	Trung tâm Thương mại Long Hưng	Dãy Khu phố 1		1,02
		Dãy Khu phố 2, 3, 4		1,02
		Dãy Khu phố 5, 6		1,02
66.10	Đường D3 - N6	Suốt tuyến		1,02
66.11	Đường D1 - N3	Đường Quản Lộ - Phụng Hiệp	Hết đất Chợ Long Hưng	1,02
66.12	Đường Ô tô đến Trung tâm xã (Đường huyện 81)	Đầu ranh đất Trụ sở UBND xã	Cầu Kênh 1.000	1,02
		Cầu Kênh 1.000	Cầu Nguyễn Việt Hồng	1,02
		Cầu Nguyễn Việt Hồng	Giáp ranh xã Mỹ Phước	1,02
67	**Xã Mỹ Hương**			
67.1	Đường tỉnh 939	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	Cầu Phú Mỹ 2	1,02
		Cầu Phú Mỹ 2	Đường vào Chùa Bưng Cóc	1,02
		Đường vào Chùa Bưng Cóc	Cầu Trắng	1,02
		Cầu Trắng	Giáp ranh xã An Ninh (Trạm Bơm)	1,02
		Giáp ranh xã An Ninh (Trạm Bơm)	Đường vào Chợ Mỹ Hương	1,02
		Đường vào Chợ Mỹ Hương	Trường THPT Mỹ Hương	1,02
		Trường THPT Mỹ Hương	Cầu Bà Lui	1,02
		Cầu Bà Lui	Giáp ranh xã Mỹ Tú	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
67.2	Đường tỉnh 939B	Giáp ranh xã Mỹ Tú	Hết ranh đất Nghĩa trang liệt sĩ	1,02
		Giáp ranh đất Nghĩa trang liệt sĩ	Giáp ranh xã Hồ Đắc Kiện	1,02
67.3	Đường tỉnh 938	Đường tỉnh 939	Cầu Trà Lây 1	1,08
		Cầu Trà Lây 1	Cầu Thuận Hưng	1,08
		Cầu Thuận Hưng	Giáp ranh xã Mỹ Tú	1,08
67.4	Đường huyện 88	Đường tỉnh 938	Cầu Ngang	1,02
		Cầu Ngang	Giáp ranh xã Mỹ Tú	1,02
67.5	Đường huyện 88B	Đường huyện 88	Đường tỉnh 939	1,02
		Đường tỉnh 939	Giáp ranh xã Hồ Đắc Kiện	1,02
67.6	Đường huyện 89	Đường tỉnh 939	Kênh Phú Mỹ 1	1,02
		Kênh Phú Mỹ 1	Giáp ranh xã Mỹ Tú	1,02
67.7	Đường A1	Đường tỉnh 939B	Giáp ranh xã Mỹ Tú	1,02
67.8	Đường Chợ Cá	Đường Cầu Xẻo Gừa vào chợ và 2 dãy bên nhà lồng chợ		1,02
67.9	Đường vào sau Chợ mới	Đường tỉnh 939 (đường mới)	Đường cũ (vào chợ)	1,02
67.10	Đường đal	Cầu Xẻo Gừa	Hết ranh đất Trường Mẫu giáo (Xóm Lớn)	1,02
		Cầu Xẻo Gừa	Cầu Ông Tám Bầu	1,02
		Cầu Ông Tám Bầu	Giáp sông Xẻo Gừa	1,02
		Đường tỉnh 939	Hết ranh đất Kho phân Sáu Địa	1,02
		Giáp ranh Chợ Xẻo Gừa	Hết ranh đất ông Trịnh Ngọc Ba	1,02
		Cống ranh Chợ Xẻo Gừa	Hết ranh đất Trại cưa ông Trần Văn Vạng	1,02
67.11	Đường Chợ Thuận Hưng	Đường hai bên nhà lồng Chợ Thuận Hưng		1,08
67.12	Đường Chợ Cầu Trắng	Đường hai bên nhà lồng Chợ Cầu Trắng		1,08

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
67.13	Đường Chợ Phú Mỹ	Đường hai bên nhà lồng Chợ Phú Mỹ		1,08
		Đường tỉnh 939	Kênh 2	1,08
67.14	Đường đal Phú Tức	Giáp ranh phường Phú Lợi	Cống Thủy Lợi	1,02
		Cống Thủy Lợi	Hết đường đal	1,02
67.15	Khu dân cư Bà Lui	Cả khu		1,02
67.16	Khu tái định cư xã Mỹ Hương	Đường số 01		1,02
67.17	Khu tái định cư Thuận Hưng	Giáp ranh Cầu Ngang đến Đường tỉnh 938 (tiếp giáp Đường huyện 88)		1,02
		Đường số 01		1,02
68	**Xã Tân Long**			
68.1	Quốc lộ 61B (Đường tỉnh 937)	Giáp ranh xã Phú Lộc	Hết ranh đất Trường Mầm non Thạnh Tân	1,08
		Giáp ranh đất Trường Mầm non Thạnh Tân	Cầu 14 Tháng 9	1,08
		Cầu 14 Tháng 9	Cầu Ông Tàu	1,08
		Cầu Ông Tàu	Hết ranh đất Cây xăng Mười Biết	1,08
		Giáp ranh đất Cây xăng Mười Biết	Cầu Cái Trầu	1,08
		Cầu Cái Trầu	Hết ranh đất Trường Tiểu học Tân Long 1	1,08
		Giáp ranh đất Trường Tiểu học Tân Long 1	Cầu Ba Bọng	1,08
		Cầu Ba Bọng	Hết ranh đất Nhà văn hóa ấp Tân Bình	1,08
		Giáp ranh đất Nhà văn hóa ấp Tân Bình	Giáp ranh phường Ngã Năm	1,08
68.2	Đường tỉnh 938	Quốc lộ 61B	Kênh Cầu Xéo	1,02
		Kênh Cầu Xéo	Giáp ranh xã Lâm Tân	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
68.3	Đường huyện 61	Cầu treo Đường huyện 61	Giáp ranh xã Phú Lộc	1,02
		Quốc lộ 61B	Giáp ranh xã Lâm Tân	1,02
68.4	Đường huyện 71	Cầu Ba Bọng	Giáp ranh phường Ngã Năm	1,02
68.5	Đường huyện 75 (đoạn Mỹ Hòa - Mỹ Hiệp)	Giáp ranh phường Ngã Năm	Giáp ranh phường Mỹ Quới	1,02
68.6	Đường huyện 64	Đường huyện 61	Giáp ranh xã Lâm Tân	1,02
68.7	Đường huyện 60	Quốc lộ 61B	Giáp ranh xã Lâm Tân	1,02
68.8	Đường Ấp Long Thạnh	Cầu Cái Trầu	Cầu Xéo	1,02
68.9	Đường vào phố	Đầu ranh đất Nhà ông Ty	Hết ranh đất Nhà ông Hiệp	1,02
69	**Xã Phú Lộc**			
69.1	Quốc lộ 1	Cầu Xẻo Tra	Hết ranh đất UBND xã Phú Lộc	1,02
		Giáp ranh đất UBND xã Phú Lộc	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	1,02
		Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	Giáp ranh tỉnh Cà Mau (Cầu Nàng Rền)	1,02
69.2	Quốc lộ 61B	Quốc lộ 1	Kênh Hai Tài	1,02
		Kênh Hai Tài	Cầu Sa Di	1,02
		Cầu Sa Di	Giáp ranh xã Tân Long	1,02
69.3	Đường tỉnh 937B (cũ)	Quốc lộ 1	Đường Nguyễn Huệ	1,02
		Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	Cầu Cống	1,02
		Cầu Cống	Đường đal vào Miếu Bang Ngọc Bang Ngà	1,02
		Đường đal vào Miếu Bang Ngọc Bang Ngà	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	1,02
69.4	Đường huyện 64	Đầu cầu Xẻo Tra	Cống Thái Văn Ba	1,02
		Cống Thái Văn Ba	Giáp ranh xã Lâm Tân	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
69.5	Đường huyện 61	Đường huyện 66	Đường huyện 65	1,02
69.6	Đường huyện 63	Giáp ranh xã Lâm Tân	Quốc lộ 61B	1,02
69.7	Đường huyện 65	Đường huyện 61	Giáp ranh xã Tân Long	1,08
69.8	Đường huyện 66	Quốc lộ 61B	Đường huyện 65	1,02
69.9	Đường huyện 68 (Lộ Kinh Ngay)	Vòng xuyến Đường tỉnh 937B	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	1,08
		Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	Giáp ranh xã Vĩnh Lợi	1,08
69.10	Đường Văn Ngọc Chính	Cầu Phú Lộc	Đường Nguyễn Trung Trực	1,02
		Đường Nguyễn Trung Trực	Hết ranh thửa đất số 31, tờ bản đồ số 16	1,02
		Cầu Phú Lộc	Đường Nguyễn Văn Trỗi	1,02
69.11	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Quốc lộ 1	Cầu Bào Lớn	1,08
		Cầu Bào Lớn	Giáp ranh tỉnh Cà Mau	1,08
69.12	Đường 1 Tháng 5	Đường Văn Ngọc Chính	Đường 30 Tháng 4	1,02
69.13	Đường Nguyễn Đức Mạnh	Đường Văn Ngọc Chính	Đường 30 Tháng 4	1,2
69.14	Đường Trần Hưng Đạo	Quốc lộ 1	Đường Nguyễn Trung Trực	1,02
69.15	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Văn Ngọc Chính	Đường 30 Tháng 4	1,02
69.16	Đường Điện Biên Phủ	Đường Văn Ngọc Chính	Đường 30 Tháng 4	1,02
69.17	Đường cặp công Viên	Quốc lộ 1	Đường Trần Phú	1,02
69.18	Đường 30 Tháng 4	Quốc lộ 1	Đường Nguyễn Trung Trực	1,02
		Đường Nguyễn Trung Trực	Cầu 30 Tháng 4	1,02
		Cầu 30 Tháng 4	Đầu Lộ Rẫy Mới	1,02
69.19	Đường Lý Tự Trọng	Quốc lộ 1	Bệnh viện Đa khoa (cũ)	1,02
69.20	Đường Ngô Quyền	Cầu Phú Lộc	Đường Nguyễn Trung Trực	1,02
		Đường Nguyễn Trung Trực	Miếu Bà	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
69.21	Đường Nguyễn Trung Trực	Quốc lộ 61B	Đường 30 Tháng 4	1,02
69.22	Đường Trần Văn Bảy	Quốc lộ 61B	Đường huyện 64	1,02
69.23	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Quốc lộ 1	Giáp ranh ấp Thạnh Điền (hết tuyến)	1,02
69.24	Đường Trần Phú	Cầu Công viên	Đường Nguyễn Văn Trỗi	1,02
69.25	Đường Nguyễn Huệ	Cầu 30 Tháng 4	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	1,02
69.26	Đường nhà lồng Chợ	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Văn Ngọc Chính	1,02
		Đường Văn Ngọc Chính	Giáp Bờ kè sông Phú Lộc	1,02
69.27	Đường số 1	Đường Văn Ngọc Chính	Đường Trần Hưng Đạo	1,02
69.28	Đường số 2	Đường Trần Hưng Đạo	Đường 30 Tháng 4	1,02
69.29	Đường Khu dân cư ấp 2	Suốt tuyến		1,02
69.30	Đường đal (Phía sau nhà ông Hai Minh)	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường cặp Công viên	1,02
69.31	Đường số 1	Đầu ranh đất ông Nguyên	Hết ranh đất bà Đỏ	1,2
69.32	Đường số 2	Đầu ranh đất Bác sĩ Dũng	Hết ranh đất Nhà ông Quách Hưng Đại	1,02
69.33	Đường số 3	Đầu ranh đất Lý Phước Bình	Hết ranh đất Nhà ông Trần Ngọc Minh Thành	1,02
69.34	Đường số 4	Cầu Trương Từ	Hết ranh đất Nhà ông Hùng	1,2
69.35	Đường đal ấp Phú Tân	Giáp ranh xã Gia Hòa	Giáp ranh xã Lâm Tân	1,02
69.36	Đường đal ấp Thạnh Điền	Cầu Bào Lớn	Giáp ranh xã Gia Hòa	1,02
69.37	Đường đal cặp Nhà Văn Hóa	Quốc lộ 1	Đường Trần Văn Bảy	1,08
69.38	Hẻm 1 (Cầu Xẻo Tra)	Quốc lộ 1	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1,08
69.39	Hẻm 4 (Cặp nhà bà Mai)	Quốc lộ 61B	Đường Ngô Quyền	1,08
69.40	Đường đal (Nhà ông Hòa)	Đường 30 Tháng 4	Hẻm 8	1,08
69.41	Đường đal (Nhà ông Kiểm)	Đường 30 Tháng 4	Hẻm 8	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
69.42	Đường đal (Cặp Chùa Xa Mau 2)	Quốc lộ 1	Đường Nguyễn Huệ	1,02
69.43	Đường đal (Cặp Nhà ông Tây)	Đường huyện 64	Đường Trần Văn Bảy	1,02
69.44	Hẻm 6 (Cặp Kênh Trạm Thủy Nông)	Suốt hẻm		1,02
69.45	Hẻm 7 (Cặp Huyện đội cũ)	Quốc lộ 1	Suốt hẻm	1,08
69.46	Hẻm 8 (Cặp UBND huyện cũ)	Quốc lộ 1	Đường Nguyễn Huệ	1,08
69.47	Hẻm 9 (Cặp Nhà ông Lai)	Suốt hẻm		1,08
69.48	Hẻm 10	Quốc lộ 1	Đường Nguyễn Huệ	1,08
69.49	Hẻm 11	Quốc lộ 1	Chùa Phật	1,08
69.50	Hẻm 12	Quốc lộ 1	Đường Nguyễn Huệ	1,02
69.51	Hẻm 13 (Cầu Đình)	Suốt hẻm		1,02
69.52	Đường cặp Trạm Y tế	Đường huyện 68	Suốt tuyến	1,02
69.53	Đường Chợ	Đường tỉnh 937B	Cầu Bà Kía	1,23
		Đầu ranh đất ông Hấu (Lý Đông)	Hết ranh đất Tiêu Thanh Đức	1,23
		Đầu ranh đất ông Lý Bạc Hó	Hết đất ông Ngô Ìa	1,23
		Đầu ranh đất Nhà ông Lý Hún	Cầu Trương Từ	1,02
		Đầu ranh đất Nhà ông Quách Hùng Thương	Hết ranh đất Nhà ông Trịnh Thành Công	1,02
69.54	Đường đal (Kênh Ba Huê)	Đầu ranh đất Nhà ông Tăng Dươl	Hết ranh đất Nhà ông Đinh Công Hùng	1,08
69.55	Đường cặp sông	Đường tỉnh 937B	Hết ranh đất Nhà ông Bành Thiệu Văn (ông Só)	1,08
		Đầu ranh đất Nhà bà Lâm Thị Thủy	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	1,08
		Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	Hết ranh đất Nhà bà Lệ ấp Kinh Ngay	1,08

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
69.56	Kênh Giồng Chùa	Đầu ranh đất Nhà ông Lý Chấn Thạnh	Hết ranh đất Chùa Lộc Hòa	1,08
		Giáp ranh đất Nhà ông Lý Chấn Thạnh	Hết ranh đất Nhà ông Lâm Ngọc Giàu	1,08
69.57	Lộ ấp Công Điền	Quốc lộ 1	Giáp ranh tỉnh Cà Mau	1,02
69.58	Đường đal cặp Trạm Thủy nông	Quốc lộ 61B	Đường đal ấp Trương Hiền	1,02
69.59	Đường đal ấp Xóm Tro 1	Đường tỉnh 937B (cũ)	Hết đất Nhà ông Dương Hoàng Đăng	1,08
		Giáp ranh Trạm cấp nước phía sau	Hết ranh đất Tô Nam Tin	1,08
69.60	Đường ấp số 8	Đầu ranh đất ông Tấn Cang	Hết ranh đất ông Trịnh Phol	1,08
		Đầu ranh đất ông Vũ Văn Hoàng	Hết ranh đất ông Tiền Buộl	1,08
		Đầu ranh đất ông Dương Phal	Hết ranh đất Ngô Văn Thắng	1,08
		Đường tỉnh 937B (cũ)	Hết ranh đất Nhà máy Lý Khoa	1,08
		Cầu Bà Kía	Hết ranh đất Nhà máy Lý Khoa	1,08
		Đầu ranh đất ông Ngô Sang	Hết ranh đất ông Danh Hiền	1,08
69.61	Đường ấp số 9	Đầu ranh đất ông Nguyễn Minh Luận	Hết ranh đất ông Húa Đen	1,02
		Giáp ranh đất ông Húa Đen	Hết đất Nhà máy Kim Hưng	1,02
69.62	Đường Bào Cát - Quang Vinh	Đường tỉnh 937B (cũ)	Giáp ranh xã Vĩnh Lợi	1,02
69.63	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	Giáp ranh xã Gia Hòa	Quốc lộ 1	1,08
		Quốc lộ 1	Đường tỉnh 937B (cũ)	1,08

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
69.63	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	Đường tỉnh 937B (cũ)	Đường huyện 68	1,08
		Đường huyện 68	Đường tỉnh 937B (cũ) (Ngã ba Kênh thủy lợi)	1,08
		Đường tỉnh 937B (cũ) (Ngã ba Kênh thủy lợi)	Giáp ranh xã Vĩnh Lợi	1,08
70	**Xã Vĩnh Lợi**			
70.1	Đường tỉnh 937B	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	Cầu Chợ	1,08
		Cầu Chợ	Hết ranh đất ông Hà Văn Đường	1,08
		Giáp ranh đất ông Hà Văn Đường	Giáp ranh phường Mỹ Quới (Cầu Bờ Tây)	1,08
70.2	Đường huyện 61 (Đường huyện 5 cũ)	Đầu ranh đất ông Bì (Đường tỉnh 937B)	Hết ranh đất bà Muồi	1,08
		Giáp ranh đất Bà Muồi	Hết ranh đất bà Lê Thị Nhung	1,08
		Giáp ranh đất bà Lê Thị Nhung	Hết ranh đất Trường Tiểu học Vĩnh Thành cũ	1,08
		Giáp ranh đất Trường Tiểu học Vĩnh Thành cũ	Giáp ranh xã Phú Lộc	1,08
70.3	Đường huyện 65	Giáp ranh xã Tân Long	Giáp ranh xã Phú Lộc	1,08
70.4	Đường huyện 68	Giáp ranh phường Mỹ Quới (Đầu ranh đất ông Khẩn)	Cầu Bảy Âm	1,08
		Cầu Bảy Âm	Giáp ranh xã Phú Lộc	1,08
70.5	Đường huyện 67	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây (cầu ông Oanh)	Cầu số 8	1,08
		Cầu số 8	Cầu số 9 (Hết ranh đất ông Hòa)	1,08
		Cầu số 9 (Hết ranh đất ông Hòa)	Hết ranh đất ông Bành Phong (Ấp Quang Vinh)	1,08

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
70.6	Đường Trục phát triển kinh tế Đông Tây	Giáp ranh phường Mỹ Quới	Đường tỉnh 937B	1,08
		Đường tỉnh 937B	Ngã ba giao với Đường tỉnh 937B (Cây xăng Hai Dương)	1,08
		Ngã ba giao với Đường tỉnh 937B (Cây xăng Hai Dương)	Giáp ranh xã Phú Lộc	1,08
70.7	Đường giao thông nông thôn Vĩnh Thành - Vĩnh Lợi	Đường tỉnh 937B	Hết ranh đất Thánh Thất Hư Vô Cảnh	1,08
		Giáp ranh Thánh Thất Hư Vô Cảnh	Kênh 30 mét (Kênh Xáng Nàng Rền)	1,08
70.8	Khu Chợ trung tâm	Các tuyến đường bộ trong khu vực chợ		1,08
70.9	Đường đal ấp 15	Đầu ranh đất ông Trần Văn Đạt (Chân Cầu Chợ)	Kênh Nàng Rền	1,08
		Đầu ranh đất ông Sang	Cầu Tây Nhỏ	1,08
		Đường tỉnh 937B	Cầu Treo (Cầu Ông Xe)	1,08
70.10	Đường đal ấp 17	Cầu Bà Út Đồn	Đường huyện 65	1,02
71	**Xã Lâm Tân**			
71.1	Đường tỉnh 938	Giáp ranh xã Tân Long	Giáp ranh xã Mỹ Tú	1,08
71.2	Đường tỉnh 940 (mới)	Giáp ranh xã Nhu Gia	Cống Tuân Tức	1,08
		Cống Tuân Tức	Giáp ranh xã Mỹ Tú	1,08
71.3	Đường tỉnh 940 (cũ)	Cống Tuân Tức	Giáp ranh xã Nhu Gia (Chùa Thạnh Phú)	1,02
71.4	Đường huyện 69	Giáp ranh xã Tân Long (Cầu Rạch Chóc)	Kênh 85	1,02
71.5	Đường huyện 64 (Huyện 1 cũ)	Giáp ranh xã Phú Lộc	Hết ranh đất Nhà máy Lai Thành	1,02
		Giáp ranh đất Nhà máy Lai Thành	Giáp ranh xã Tân Long	1,02
71.6	Đường huyện 63 (Huyện 5 cũ)	Giáp ranh xã Phú Lộc	Cầu Tân Định	1,02
		Cầu Tân Định	Đường huyện 61	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
71.7	Đường huyện 61 (Huyện 2 cũ)	Giáp ranh xã Tân Long	Kênh Mương Điều Chắc Tức	1,02
		Kênh Mương Điều Chắc Tức	Kênh Rạch Trúc	1,02
		Kênh Rạch Trúc	Đường đal Kiết Thắng - Kiết Thống	1,02
		Đường đal Kiết Thắng - Kiết Thống	Đường huyện 63	1,02
		Đường huyện 63	Đường tỉnh 940	1,02
71.8	Đường huyện 62	Đường huyện 61	Giáp ranh xã Gia Hòa	1,02
71.9	Đường huyện 60 (Đường 14 Tháng 9 cũ)	Giáp ranh xã Tân Long	Kênh Rạch Trúc	1,02
71.10	Đường ấp Trung Hòa	Đường huyện 63	Cầu giáp ranh ấp Trung Bình	1,02
71.11	Đường Trung Thống - Tân Định	Đường huyện 63	Đường huyện 61	1,08
71.12	Khu vực Xóm Phố	Đầu đất Chùa Trà É (Chùa Muni Srăs Keo)	Đường huyện 61	1,08
71.13	Đường đal Kiết Lợi - Trà Do (Trung tâm xã)	Đường huyện 61	Đường tỉnh 940	1,02
71.14	Đường đal Kiết Thống - Kiết Thắng (Đường liên xã)	Đường huyện 61 (Ngã tư Kiết Thắng - Kiết Lợi)	Đường huyện 61 (Ngã ba Kiết Thống)	1,02
71.15	Đường đal ấp Kiết Hòa	Cống Mương Coi	Kênh Rạch Trúc	1,02
71.16	Đường đal ông Thái (Đoạn 1)	Kênh Mương Điều Chắc Tức	Kênh Hai Trường	1,02
71.17	Đường đal Kiết Lợi - Trà Do (Trung tâm xã)	Đường đal Kiết Lợi - Trà Do	Đường huyện 61	1,02
72	**Xã Thạnh Thới An**			
72.1	Đường tỉnh 935	Giáp ranh xã Tài Văn	Cầu An Nô	1,08
		Cầu An Nô	Cầu So Đũa	1,08
		Cầu So Đũa	Cầu Mỹ Thanh (Giáp ranh phường Khánh Hòa)	1,08

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
72.2	Đường tỉnh 936B	Giáp ranh xã Liêu Tú	Đường huyện 35	1,02
72.3	Đường huyện 35	Đường tỉnh 936B	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	1,02
72.4	Đường huyện 36	Đường tỉnh 935	Cầu Thạnh Thới An	1,02
		Cầu Thạnh Thới An	Giáp ranh xã Liêu Tú	1,02
73	**Xã Tài Văn**			
73.1	Đường tỉnh 934	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	Hết ranh đất Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp Hà Bô (cũ)	1,02
		Giáp ranh đất Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp Hà Bô (cũ)	Cầu Tài Văn	1,02
		Cầu Tài Văn	Hết ranh đất Trụ sở UBND xã Tài Văn	1,02
		Giáp ranh đất Trụ sở UBND xã Tài Văn	Cầu Trà Đức	1,02
		Cầu Trà Đức	Giáp ranh xã Liêu Tú	1,02
73.2	Đường tỉnh 935	Đường tỉnh 934 (Ngã ba Tài Văn)	Hết ranh đất Cây xăng Châu Khoa	1,08
		Giáp ranh đất Cây xăng Châu Khoa	Giáp ranh xã Thạnh Thới An	1,08
73.3	Đường tỉnh 934B	Giáp ranh xã Tân Thạnh	Cầu Bưng Chông	1,02
		Cầu Bưng Chông	Giáp ranh xã Long Phú	1,02
73.4	Đường huyện 32 (Đường vào chùa Lao Vên)	Đoạn trên địa bàn xã Tài Văn		1,08
73.5	Đường huyện 31	Đường tỉnh 934B	Cầu Trịnh Sương	1,08
		Cầu Trịnh Sương	Ranh Kênh Tiếp Nhựt	1,08
73.6	Khu vực chợ Tài Văn	Suốt tuyến		1,02
73.7	Đường đal	Kênh Tiếp Nhựt (cầu đối diện chùa Bâng Tone Sa)	Ngã ba (gần đường vào Chùa Chông Prek)	1,02
		Đường tỉnh 934	Cầu Bưng Sa Trong (cầu ông Lùng)	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
73.7	Đường đal	Đường đal vào ấp Bưng Chông	Hết ranh đất ông Trần Văn Khải	1,02
		Kênh Tiếp Nhựt	Hết ranh đất Trường Trung học cơ sở Tài Văn	1,02
		Salatel ấp Chắc Tưng (Xóm Giữa)	Đường đal vào ấp Bưng Chông	1,02
		Cầu Tài Công	Đường tỉnh 934B	1,02
		Kênh Tiếp Nhựt (Cầu Chợ cũ)	Cầu ông Sóc (Xóm Ngọn)	1,02
73.8	Đường đal cặp kênh 96 Long Hưng (phía đông)	Suốt tuyến		1,02
73.9	Đường đal phía Tây kênh 96 Long Hưng	Kênh Tiếp Nhựt	Đường tỉnh 934B	1,02
73.10	Đường đê bao Phú Hữu - Mỹ Thanh	Suốt tuyến		1,02
73.11	Đường đal (Cặp Kênh Tiếp Nhựt)	Kênh Ông Liếm	Cầu Tài Công	1,02
74	**Xã Liêu Tú**			
74.1	Đường tỉnh 934	Giáp ranh xã Lịch Hội Thượng	Đường đal Giồng Chát (Trạm Y tế xã Liêu Tú)	1,02
		Đường đal Giồng Chát (Trạm Y tế xã Liêu Tú)	Hết ranh Trường Trung học cơ sở Liêu Tú	1,02
		Giáp ranh Trường Trung học cơ sở Liêu Tú	Cầu Trà Mơn	1,02
		Cầu Trà Mơn	Hết ranh đất Cây xăng Thuận An	1,02
		Giáp ranh đất Cây xăng Thuận An	Giáp ranh xã Tài Văn	1,02
74.2	Đường tỉnh 936B	Giáp ranh xã Lịch Hội Thượng	Cống Tổng Cáng	1,02
		Cống Tổng Cáng	Giáp ranh xã Thạnh Thới An	1,02
74.3	Đường tỉnh 934B	Giáp ranh xã Trần Đề	Giáp ranh xã Long Phú	1,02
74.4	Khu vực chợ Viên Bình	Đường hai bên hông chợ Viên Bình		1,08

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
74.5	Đường huyện 32	Đường tỉnh 934	Chùa Lao Vên (Cầu Chùa Lao Vên)	1,02
		Trường Mẫu giáo (Cầu Chùa Lao Vên)	Đường tỉnh 936B	1,02
74.6	Đường huyện 36	Suốt tuyến		1,02
74.7	Đường Đại Nôn - Tổng Cáng	Đường tỉnh 934	Kênh Chệt Yệu	1,02
		Kênh Chệt Yệu	Cầu Tổng Cáng	1,02
		Cầu Tổng Cáng	Cống Tổng Cáng (Đường tỉnh 936B)	1,02
74.8	Đường đal	Đầu ranh đất ông Trịnh Hữu Bình (Thầy Đức)	Cầu Ông Đáo	1,02
		Bến đò cũ Tổng Cáng qua đất ông Hái	Hết ranh đất ông Tám Tạo	1,02
		Cầu sắt ông Thại	Hết ranh đất ông Lâm Phel	1,02
		Giáp ranh đất ông Tám Tạo	Đê ngăn mặn	1,02
		Giáp ranh đất ông Tô Văn Tĩnh	Hết ranh đất ông Trần Phước Tâm	1,02
		Đầu ranh đất ông Châu Ngọc Tân	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Cơ	1,02
		Đầu ranh đất Nhà ông Lưu Quốc Phong	Cống Tổng Cáng (Đường tỉnh 936B)	1,02
		Chùa Bâng Phniết	Giáp ranh xã Trần Đề	1,02
		Đường tỉnh 934	Hết ranh Trường Mầm non Liêu Tú	1,02
74.9	Đường đal chợ Viên Bình	Chợ Viên Bình	Trường Mẫu giáo	1,02
75	**Xã Lịch Hội Thượng**			
75.1	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Giáp ranh xã Trần Đề	Giáp ranh xã Vĩnh Hải (Cầu Mỹ Thanh 2)	1,02
75.2	Đường tỉnh 936B	Giáp ranh xã Liêu Tú	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
75.3	Đường tỉnh 934	Giáp ranh xã Trần Đề	Cầu Hội Trung	1,02
		Cầu Hội Trung	Cầu Huyện Đội	1,02
		Cầu Huyện Đội	Hết ranh đất Trần Huy làm bãi chứa vật liệu xây dựng	1,02
		Giáp ranh đất ông Trần Huy làm bãi chứa vật liệu xây dựng	Giáp ranh xã Liêu Tú	1,02
75.4	Đường tỉnh 933C	Giáp ranh xã Trần Đề	Kênh Ba Mới	1,02
		Kênh Ba Mới	Kênh Tư Mới	1,02
		Kênh Tư Mới	Cầu Nhà máy Khánh Hưng	1,02
		Đường tỉnh 934 (Lộ Sóc Giữa)	Ngã ba Chùa Pôthi Prứk	1,02
		Ngã tư Hòa Đức	Ngã tư cây Vông	1,02
		Ngã tư cây Vông	Ngã ba Chùa Hai Ông Cọp	1,02
		Ngã ba Chùa Hai Ông Cọp	Đường Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng	1,02
		Đường Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng	Hết ranh đất chùa Sóc Tia	1,02
		Giáp ranh đất chùa Sóc Tia	Giáp ranh xã Trần Đề (Kênh Sáu Quế 1)	1,02
75.5	Đường Hai Bà Trưng	Đường tỉnh 934	Hết ranh đất Trường Trung học cơ sở Lịch Hội Thượng A	1,02
		Giáp ranh đất Trường Trung học cơ sở Lịch Hội Thượng A	Hết ranh đất Chợ mới xã Lịch Hội Thượng	1,02
		Giáp ranh đất Chợ mới xã Lịch Hội Thượng	Ngã tư Phố Dưới	1,02
75.6	Khu tái định cư Lịch Hội Thượng	Đường trong Khu tái định cư		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
75.7	Đường nhựa	Đầu ranh Nhà ông Ngô Văn Nguyên	Hết ranh đất Nhà ông Trần Văn Cam	1,02
		Đầu ranh đất Nhà bà Trần Huyền Trang	Hết ranh đất Nhà ông La Văn Trung	1,02
		Ngã tư Ông Xưa	Ngã tư Hòa Đức	1,02
		Ngã tư Thanh Vân	Hết ranh đất Nhà ông Hấu	1,02
		Ngã tư ông Nía	Hết ranh quán cafe ông Nỉ	1,02
		Ngã tư Hòa Thành	Hết ranh đất Trường Tiểu học A	1,02
		Ngã tư Hòa Đức	Hết ranh đất nhà bà Yến Ông Dín	1,02
		Đầu quán Thanh Vân	Cống Ông Hiệp	1,02
		Sân trước Chùa Ông Bổn	Giáp nhà lồng Chợ	1,02
		Sân trước Chùa Ông Bổn	Cầu Hội Đồng	1,02
		Ngã tư Phố Dưới	Hết ranh đất Nhà ông Xía	1,02
		Giáp ranh đất Nhà ông Xía	Đường Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng	1,02
		Cống Ông Hiệp	Cầu Vĩnh Tường	1,02
		Đầu ranh đất Chùa Phước Đức Cổ Miếu	Cầu Vĩnh Tường	1,02
75.8	Các tuyến Hẻm	Hẻm cặp Nhà ông Liên Tấn	Trường Tiểu học B	1,02
		Hẻm cặp Trường Tiểu học B	Suốt hẻm	1,02
		Hẻm nhà ông Tám Điếc	Suốt hẻm	1,02
		Hẻm nhà ông Lâm Sướng	Suốt hẻm	1,02
		Hẻm Quán Thanh Vân (cặp nhà ông Hấu)	Giáp nhà lồng Chợ	1,02
		Hẻm Nhà ông Huỳnh Chứ	Suốt hẻm	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
75.9	Đường đal	Kênh Ông Thầy Pháp	Kênh Ông Vinh	1,02
		Đầu ranh đất Huyện Đội	Kênh Ông Vinh	1,02
		Đường Sóc Bìa Hội Trung từ Đường tỉnh 934	Đường tỉnh 933C (Ngã tư Cây Vông)	1,02
		Kênh Thầy Pháp	Kênh Giồng Chát	1,02
		Đường đal cặp Nhà ông Dên	Suốt tuyến	1,02
		Cầu Vĩnh Tường	Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng	1,02
		Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng	Ngã ba Bằng Lăng	1,02
		Ngã tư Chùa Hội Phước	Quốc lộ 936B	1,02
75.10	Đường gom Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng	Giáp ranh xã Trần Đề	Giáp ranh xã Liêu Tú	1,02
75.11	Đường tránh Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng	Ngã ba Đường tỉnh 933C (Chùa Hai Ông Cọp)	Ngã ba Đường tỉnh 933C (Ngã ba Bằng Lăng)	1,08
76	**Xã Trần Đề**			
76.1	Đường vào Khu tái định cư Nam Sông Hậu	Đường tỉnh 934	Đường Trục Đê bao An ninh Quốc phòng	1,23
76.2	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Cầu Ngan Rô (Ranh Đại Ân 2)	Kênh 1 (Ranh Khu Công nghiệp)	1,02
		Kênh 1 (Ranh Khu Công nghiệp)	Hết ranh đất Trạm biến áp 110 điện lực	1,02
		Giáp ranh đất Trạm biến áp 110 điện lực	Ngã ba đèn xanh, đèn đỏ (Đường tỉnh 934)	1,02
		Ngã ba đèn xanh, đèn đỏ (Đường tỉnh 934)	Cống Bãy Giá	1,02
		Cống Bãy Giá	Cống Tầm Vu	1,02
		Cống Tầm Vu	Hết ranh đất Trạm cấp nước Mỏ Ó	1,02
		Giáp ranh đất Trạm cấp nước Mỏ Ó	Cầu Sáu Quế 2	1,02
		Cầu Sáu Quế 2	Giáp ranh xã Lịch Hội Thượng	1,02
		Cầu Ngan Rô	Kênh Quốc Hội	1,02
		Kênh Quốc Hội	Kênh Xả Chỉ - Long Phú	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
76.3	Quốc lộ Nam Sông Hậu (Phía Tây không giáp kênh)	Cầu Ngan Rô (Ranh Đại Ân 2)	Đường đal (Giáp ranh đất ông Huỳnh Tấn Phát)	1,02
76.4	Quốc lộ Nam Sông Hậu (Phía Tây, giáp kênh thủy lợi cũ)	Đầu ranh đất ông Huỳnh Tấn Phát	Ngã ba Đường tỉnh 934B	1,02
		Ngã ba Đường tỉnh 934B	Kênh 2 Mới	1,02
		Kênh 2 Mới	Hết ranh đất ông Trương Văn Đắng	1,02
76.5	Đường tỉnh 933C	Giáp ranh xã Lịch Hội Thượng	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	1,02
		Giáp ranh xã Long Phú	Giáp ranh xã Lịch Hội Thượng (Kênh 1 mới)	1,02
76.6	Đường tỉnh 934	Cầu Bãy Giá	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu) (Ngã ba đèn xanh đèn đỏ)	1,02
		Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu) (Nhà ông Nghiêm)	Đường 19 Tháng 5	1,02
		Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Cầu Đen	1,02
		Cầu Đen	Giáp ranh xã Lịch Hội Thượng	1,02
76.7	Đường tỉnh 934B	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Kênh Bồn Bồn	1,02
		Kênh Bồn Bồn	Đường tỉnh 933C	1,02
		Đường tỉnh 933C	Giáp ranh xã Liêu Tú	1,02
76.8	Đường huyện 34	Đầu ranh đất Nhà ông Chính Phương (Đối diện Thánh Thất Đại Ân 2)	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	1,02
		Cầu Bưng Cốc	Cống Ông Til	1,02
		Cống Ông Til	Đường tỉnh 933C	1,02
		Cầu Bưng Cốc	Đập Ngan Rô	1,02
76.9	Đường 30 Tháng 4	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Đường vào Cảng cá Trần Đề	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
76.10	Đường 19 Tháng 5	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Hết ranh đất Trạm Biên phòng Trần Đề	1,02
76.11	Đường vào Khu hành chính	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Đường Lăng Ông	1,02
76.12	Đường 27 Tháng 7	Đường tỉnh 934	Đường Lăng Ông	1,02
76.13	Đường 22 Tháng 12	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Giáp ranh đất Công an huyện (cũ)	1,02
76.14	Đường Lăng Ông	Đường 19 Tháng 5 (Đi Lăng Ông)	Đường vào Khu tái định cư	1,02
76.15	Đường Võ Thị Sáu (N1)	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Trục Đê bao An ninh Quốc phòng	1,02
76.16	Đường từ Kênh Tư đến Cống Bãy Giá	Cầu Kênh Tư	Đê ngăn mặn	1,02
76.17	Đường vào Khu tái định cư Khu Công nghiệp Trần Đề	Suốt tuyến		1,2
76.18	Đường đal nối bến phà Cù Lao Dung	Đầu ranh nhà ông Phan Văn Minh	Bến Phà đi Cù Lao Dung	1,02
76.19	Đê ngăn mặn	Đường 30 Tháng 4	Kênh 2	1,02
		Kênh 2	Hết ranh Khu công nghiệp	1,02
		Giáp ranh Khu công nghiệp	Hết ranh đất bà Trần Thị Thanh Trinh	1,02
		Giáp ranh Trung tâm thương mại	Ngã tư Khu hành chính	1,02
		Ngã tư Khu hành chính	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	1,02
76.20	Đường Trục Đê bao và An ninh Quốc Phòng	Đầu ranh Bến tàu SuperDong	Ngã tư Khu hành chính	1,02
76.21	Khu vực trong Cảng cá Trần Đề	Khu vực dịch vụ gồm 02 khu vực: 4, 5		1,02
		Khu vực sản xuất gồm 03 khu vực: 1, 2, 3		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
76.22	Đường phía sau Công an huyện (cũ)	Đường 22 Tháng 12	Đường Đê ngăn mặn	1,02
76.23	Đường đal (Hướng đi Nhà ông Hóa)	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Cuối đường (Kênh Bạc Hia)	1,08
76.24	Đường đal Kinh 3	Suốt tuyến		1,08
76.25	Đường đal	Đường tỉnh 934	Hết ranh đất Trường Tiểu học Trần Đề A	1,02
		Giáp ranh đất Trụ sở Đảng Uỷ (cũ)	Hết ranh đất Nhà Thầy Hòa	1,02
		Giáp ranh Nhà Thầy Hòa	Cổng sau Nhà thờ Bãy Giá	1,02
		Đường Quân khu từ Đường tỉnh 934	Hết ranh đất Nhà ông Mười Sọ	1,02
		Giáp ranh đất Nhà ông Mười Sọ	Cầu 30 Tháng 4	1,02
		Đường Mỏ Ó Tuyến 2	Suốt tuyến	1,02
76.26	Đường đal (Cặp Kênh 01)	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Đường đal Đê ngăn mặn	1,08
76.27	Đường đal (Cặp Kênh Tiếp Nhựt)	Suốt tuyến		1,08
76.28	Đường đal trong Khu dân cư ấp Chợ	Đầu ranh Nhà ông Thầy Nhu (Đường huyện 34)	Suốt tuyến giáp Sông Ngan Rô (Đường huyện 34)	1,02
		Đầu ranh đất Nhà ông Trí Nguyện	Hết ranh quán Cafe Ông Vinh (Đường huyện 34)	1,02
76.29	Đường cặp Chợ Bãy Giá (Hai bên)	Đường tỉnh 934	Hết ranh Chợ Bãy Giá	1,02
76.30	Đường trong Khu dân cư ấp Mỏ Ó	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Đường tỉnh 933C	1,02
		Các tuyến đường còn lại trong Khu dân cư		1,02
76.31	Đường đal Cống 2 (Ông Khinh)	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Kênh Sáu Quế 1	1,02
76.32	Đường đal (Cặp kênh 6 Quế 2)	Đường tỉnh 933C	Kênh 80	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
76.33	Đường Kênh Ông Phực	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Kênh Sáu Quế 1	1,02
76.34	Đường đal Kênh Hai Dao	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Đường tỉnh 934	1,02
76.35	Đường đal cặp Trường Tiểu học Trần Đề B (mới)	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Đường tỉnh 934	1,02
76.36	Đường đal (sau Đường 19 Tháng 5)	Đường đal Lăng Ông	Ranh đất ông Nguyễn Văn Cờ	1,02
76.37	Đường đal Kênh 2	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Đường Đê ngăn mặn	1,02
76.38	Đường đal Kênh 1 trong	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Đường đal cặp Kênh Bồn Bồn	1,02
76.39	Đường đal (Đê ngăn mặn cũ)	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Đường tỉnh 934	1,02
76.40	Đường đal cặp Nhà ông Triệu Sự	Đường tỉnh 934	Kênh Tiếp Nhựt	1,02
76.41	Đường đal cặp Nhà ông Châu Văn Liền	Đê ngăn mặn	Hết ranh đất Nhà ông Hứa Văn Dũng	1,02
76.42	Đường đal Khu 3	Đường tỉnh 934 (cũ)	Đường đal cặp Kênh Tiếp Nhựt	1,02
76.43	Đường đal trong Khu dân cư ấp Chợ	Ngã ba Trụ sở UBND xã Trần Đề	Hết ranh đất Nhà bà Nguyễn Thị Liễu	1,02
		Giáp ranh đất Nhà bà Nguyễn Thị Khánh	Hết ranh Nhà ông Dư Văn Lập (Đường huyện 34)	1,02
76.44	Đường đal	Giáp ranh Nhà thờ Bãy Giá (Nhà ông Tây)	Hết ranh đất Nhà ông Năm Mẫn	1,02
		Cầu 30 Tháng 4	Cống Tầm Vu	1,02
		Đường Quân Khu	Đường nhựa vào Nhà thờ	1,02
		Đê ngăn mặn từ Cống Bãy Giá	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu) (Hướng Mỏ Ó)	1,02
		Đập Ngan Rô (cũ)	Miếu Bà	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
76.44	Đường đal	Kênh Bồn Bồn qua đầu cầu Chợ	Cầu Nhà Ông Mó	1,02
		Cầu Thanh Niên (Kênh Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu))	Kênh 1	1,02
		Ngã ba Kênh Tiếp Nhựt	Chùa Đon Kđôn	1,02
		Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Chùa Đon Kđôn	1,02
		Đường tỉnh 934	Chùa Đon Kđôn	1,02
76.45	Đường N2	Suốt tuyến		1,02
77	**Xã An Thạnh**			
77.1	Quốc lộ 60 (Phà Đại Ngãi)	Bến phà phía sông Đại Ngãi	Bến phà phía sông Trà Vinh	1,00
77.2	Quốc lộ 60 (Cầu Đại Ngãi)	Cầu Đại Ngãi 1 (Thuộc ấp Đặng Trung Tiến)	Cầu Đại Ngãi 2 (Thuộc ấp An Phú A)	1,00
77.3	Đường tỉnh 933B	Bến phà Kênh Đào	Đường giao thông nông thôn Rạch Su	1,00
		Đường giao thông nông thôn Rạch Su	Ấp An Lạc (Ngã tư Chợ Rạch Sâu)	1,00
		Ấp An Lạc (Ngã tư Chợ Rạch Sâu)	Quốc lộ 60 (Nút giao cầu Đại Ngãi)	1,00
		Quốc lộ 60 (Nút giao cầu Đại Ngãi)	Đường Hùng Vương	1,00
77.4	Đường huyện 10	Ngã ba Đường tỉnh 933B (Nhà bà Lê Thị Nguyệt)	Hết ranh đất Cơ sở giáo dục Cồn Cát	1,00
		Cầu Cồn Cát	Giáp ranh xã Cù Lao Dung (Cầu Khém Sâu)	1,00
77.5	Đường nhựa dẫn ra đê Tả Hữu (Đường huyện 10)	Đường huyện 10 (Cồn Cát)	Đê Tả Hữu	1,00
77.6	Đường huyện 11	Nhà ông Mạnh Ngọc Phong	Quốc lộ 60 (Cầu Đại Ngãi 1)	1,00
		Quốc lộ 60 (Cầu Đại Ngãi 1)	Cầu Ông Út Quận + 80 mét	1,04
		Cầu ông Út Quận + 80 mét	Cầu Rạch Giữa	1,00
		Cầu Rạch Giữa	Cầu Tư Giáo (Ông Thầy Nhỏ)	1,00

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
77.7	Đường huyện 12A	Cầu Đoàn Thế Trung	Cầu Bần Cầu (giáp xã Cù Lao Dung)	1,12
77.8	Đường huyện 12B	Đường Hùng Vương	Cầu Bến Bạ	1,00
		Cầu Bến Bạ	Đường huyện 11	1,00
		Ngã ba ấp Trương Công Nhựt	Cầu Lòng Đầm	1,00
77.9	Đường huyện 13	Đường huyện 11	Giáp ranh xã Cù Lao Dung (Sông Bến Bạ)	1,00
77.10	Đường Đồng Khởi	Đường Xóm Củi	Hết ranh đất Nhà văn hóa thị trấn Cù Lao Dung (cũ)	1,00
		Giáp ranh đất Nhà văn hóa thị trấn Cù Lao Dung (cũ)	Đường huyện 12B	1,00
		Đường Xóm Củi	Cầu Bến Bạ nhỏ	1,00
77.11	Đường Xóm Củi	Đường Đồng Khởi	Ngã ba giao Đường đal với Đường Lương Định Của nối dài	1,00
		Ngã ba giao Đường đal với Đường Lương Định Của nối dài	Đường số 1	1,00
77.12	Đường Đoàn Thế Trung	Chợ Bến Bạ	Ngã tư giao Đường Hùng Vương	1,00
		Ngã tư giao Đường Hùng Vương	Cầu Đoàn Thế Trung	1,00
77.13	Đường Hùng Vương	Đường tỉnh 933B	Đường 3 Tháng 2	1,00
		Đường 3 Tháng 2	Hết ranh đất Cây xăng Lê Vũ	1,00
		Giáp ranh đất Cây xăng Lê Vũ	Cầu Kinh Đình Trụ (Giáp xã Cù Lao Dung)	1,00
77.14	Đường 30 Tháng 4	Đường Hùng Vương	Hết ranh đất Bệnh viện mới	1,00
		Giáp ranh đất Bệnh viện mới	Sông Cồn Tròn	1,00
77.15	Đường 3 Tháng 2	Đường Đồng Khởi	Đường Hùng Vương	1,00
77.16	Đường số 1	Đường Đoàn Thế Trung	Đường Đoàn Văn Tố	1,00
77.17	Đường Lương Định Của (Đường 20 Tháng 11) (cũ)	Đường 3 Tháng 2	Đường Đoàn Văn Tố	1,00
		Đường Đoàn Văn Tố	Ngã ba giao Đường đal với Đường Xóm Củi	1,00

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
77.18	Đường Đoàn Văn Tố	Đường Đồng Khởi	Đường Hùng Vương	1,00
77.19	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Đoàn Thế Trung	Hết ranh đất Trường Tiểu học Cù Lao Dung	1,00
77.20	Đường hai bên hông Chợ Bến Bạ	Suốt tuyến		1,00
77.21	Đường N2	Đường Đoàn Thế Trung	Giáp ranh đất Đình Nguyễn Trung Trực	1,00
77.22	Đường N4	Đường Nguyễn Trung Trực nối dài	Đường 30 Tháng 4	1,00
77.23	Đường N6	Đường 3 Tháng 2	Hết ranh đất Nhà mẹ Việt Nam Anh Hùng Phan Thị Tình (Ấp Chợ)	1,00
77.24	Đường D3	Đường tỉnh 933B	Đường Rạch Lá	1,00
77.25	Đường D4	Đường tỉnh 933B	Đường 1 Tháng 5	1,00
77.26	Đường Xóm 5	Đường Đoàn Thế Trung	Đường huyện 12B	1,00
77.27	Đường 1 Tháng 5	Đường 3 Tháng 2	Đường Hùng Vương	1,12
		Cầu Bến Bạ nhỏ	Ngã ba Đường 1 Tháng 5	1,00
77.28	Đường nhánh rẽ Rạch Vẹt - Rạch Sung	Đường 1 Tháng 5	Rạch Sung	1,00
		Ngã ba Đường nhánh rẽ Rạch Vẹt - Rạch Sung	Đê sông Bến Bạ	1,00
77.29	Đường đal (Đất Nhà ông Út Phiếu)	Đường bên hông Chợ Bến Bạ	Rạch Thông Hảo	1,00
77.30	Hẻm (Đất ông Mau)	Đường Đoàn Thế Trung	Rạch Thông Hảo	1,00
77.31	Hẻm (Đất ông 9 Mỹ)	Đường Đoàn Thế Trung	Rạch Thông Hảo	1,00
77.32	Hẻm (Đất ông Diệp Thanh Tùng)	Đường Đoàn Thế Trung	Rạch Thông Hảo	1,00
77.33	Đường giao thông nông thôn (Đường 3 Tháng 2 nối dài)	Đường Hùng Vương	Sông Cồn Tròn	1,00
77.34	Đường Rạch Lá	Đường 3 Tháng 2	Đường Rạch Già lớn	1,00

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
77.35	Đường đal (Cầu Bến Bạ - Trại cưa Ông Điệu)	Cầu Bến Bạ	Hết ranh đất Trại cưa Ông Điệu	1,00
		Giáp ranh đất Trại cưa Ông Điệu	Kênh Đình Trụ	1,00
77.36	Đường Rạch Già Lớn	Đường Hùng Vương	Sông Cồn Tròn	1,00
77.37	Đường giao thông nông thôn Kênh Đào - Đầu Cù Lao	Cầu Kênh Đào (Đầu ranh đất ông Hồ Văn Mạnh)	Đê Tả Hữu	1,00
77.38	Khu tái định cư An Thạnh Tây	Đường trong Khu tái định cư		1,00
77.39	Đường giao thông ra khu bố trí ổn định dân cư phòng, chống thiên tai	Đường trong Khu tái định cư		1,00
77.40	Đường giao thông ra khu bố trí ổn định dân cư phòng, chống thiên tai	Đường trong Khu tái định cư		1,00
77.41	Đường giao thông nông thôn Rạch Đôi	Đường tỉnh 933B (Nhà Hà Văn Thoàn)	Đê Tả Hữu	1,00
77.42	Đường đal Rạch Trầu	Đường tỉnh 933B (Đầu ranh đất Hồng Văn Y)	Đê Tả Hữu	1,00
77.43	Đường đal Rạch Su	Đường tỉnh 933B (Đầu ranh đất Tư Kiệt)	Đê Tả Hữu	1,00
77.44	Đường Trường Tiền Nhỏ (Phía trên)	Đường tỉnh 933B (Đầu ranh đất ông Lê Quốc Tửng)	Quốc lộ 60	1,00
77.45	Đường Trường Tiền Nhỏ (Phía dưới)	Đường tỉnh 933B (Cầu Phong Lưu)	Đường Trường Tiền Nhỏ (Phía trên)	1,00
77.46	Đường giao thông nông thôn Rạch Vượt (Phía trên)	Đường tỉnh 933B (Đầu ranh đất ông Huỳnh Quốc Hoàng)	Đê Tả Hữu	1,00
77.47	Đường giao thông nông thôn Rạch Vượt (phía dưới)	Đường tỉnh 933B (Nhà ông Trần Văn Hùng)	Đê Tả Hữu	1,00
77.48	Đường đal Xóm Chùa	Đầu đất ông Đào Văn Oanh	Đường huyện 10 (chợ Long Ấn)	1,00

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
77.49	Đường giao thông nông thôn Mương Củi	Đường huyện 10 (Đầu ranh đất Nhà ông Huỳnh Văn Điền)	Hết ranh đất Nhà ông Huỳnh Văn Kịch	1,00
		Đường huyện 10 (Đầu ranh đất Nhà ông Huỳnh Văn Điền)	Hết ranh đất Nhà ông Đào Văn Quyện	1,00
77.50	Đường giao thông nông thôn Rạch Trê (Phía trên)	Đường tỉnh 933B (Đầu ranh đất Nhà ông Huỳnh Văn Cần)	Đê Tả Hữu (Hết đất Nhà ông Nguyễn Văn Trong)	1,00
77.51	Đường giao thông nông thôn Rạch Trê (Phía dưới)	Đường tỉnh 933B (Đầu ranh đất bà Tự)	Cầu Rạch Trê (hết đất ông On)	1,00
77.52	Đường giao thông nông thôn Rạch Ông Cột	Đường tỉnh 933B (Cầu Rạch Ông Cột)	Hết ranh đất ông Võ Văn Phong	1,00
77.53	Đường giao thông nông thôn Rạch Sâu	Đường tỉnh 933B (Đầu ranh đất ông Huỳnh)	Giáp ranh Cầu nhà Út Gia	1,00
77.54	Đường Rạch sâu (Lộ giao thông nông thôn Rạch Sâu)	Đường tỉnh 933B (nhà ông Trương Hoàng Vân)	Cầu Chín Khánh	1,00
77.55	Đường đal trước UBND xã An Thạnh Đông cũ	Đường huyện 11 (Cầu Lòng Đầm)	Hết ranh đất Trạm Y tế xã An Thạnh Đông (cũ)	1,00
77.56	Đường đền thờ Bác	Đường huyện 11 (Cầu Lòng Đầm)	Hết ranh đất Đền thờ Bác	1,00
77.57	Lộ Tẻ Vàm Tắc	Đường huyện 11 (Cầu Lòng Đầm)	Bến phà Vàm Tắc	1,00
77.58	Đường nhánh rẽ Quốc lộ 60 - Rạch Su	Quốc lộ 60 (Đầu ranh đất ông Thịnh)	Đường giao thông nông thôn Rạch Su	1,00
77.59	Đường nối giữa đường Đoàn Thế Trung với Đường 3 Tháng 2 qua nhà Sinh hoạt cộng đồng	Đường Đoàn Thế Trung	Đường 3 Tháng 2	1,00
77.60	Đường Bình Linh - Đầu Lá	Đường Bình Linh phía dưới	Đường Rạch Đầu Lá	1,00
77.61	Đường Rạch Đầu Lá	Đường tỉnh 933B (Chín Lâm)	Út Xứ	1,00
77.62	Đường Bình Linh (Phía trên)	Đường tỉnh 933B	Bến đò Bình Linh	1,00
77.63	Đường vào Bến đò Bình Linh	Đường Cồn Chính Liên Vai trước (Nhà Mười Hưu)	Bến đò Bình Linh	1,00

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
78	**Xã Cù Lao Dung**			
78.1	Đường tỉnh 933B	Cầu Kinh Đình Trụ (Giáp ranh xã An Thạnh)	Đường tỉnh 933	1,08
		Đường tỉnh 933	Đường đal ông Sáu	1,08
		Đường đal Ông Sáu	Cầu Rạch Tráng	1,08
		Cầu Rạch Tráng	Đê biển	1,08
		Cầu Rạch Tráng	Cầu Năm Lèn	1,08
		Cầu Năm Lèn	Đê biển	1,08
78.2	Đường tỉnh 933	Đường tỉnh 933B	Bến phà Đại Ân 1	1,08
78.3	Tuyến tránh Đường tỉnh 933B	Ngã ba Vòng xuyến (Giáp UBND xã)	Đường tỉnh 933B	1,02
78.4	Đường huyện 10	Cầu Khém Sâu	Rạch Đôi	1,08
		Rạch Đôi	Đê bao Tả Hữu (Đường huyện 10)	1,08
		Cầu Mười Kính	Đê bao Tả Hữu	1,08
78.5	Đường huyện 12A	Đường huyện 10	Giáp ranh xã An Thạnh (Cầu Bần Cầu)	1,08
78.6	Đường huyện 13	Đường huyện 10	Đê bao sông Cồn Tròn	1,08
		Đường huyện 10	Đê bao sông Bến Bạ	1,08
78.7	Đường huyện 14	Đường huyện 10	Đê bao Tả Hữu	1,08
		Đường tỉnh 933B	Đường huyện 10	1,08
78.8	Đường bên hông chợ Rạch Tráng	Đầu ranh đất Nhà ông Út Nhịn	Hết ranh đất Nhà ông Trang Văn Gầm	1,02
		Đầu ranh đất Nhà ông Ửng	Hết ranh đất Nhà ông Lương Hoàng Thiện	1,02
78.9	Đường giao thông nông thôn vòng quanh chợ Rạch Tráng	Đầu ranh đất Nhà ông Nguyễn Văn Ẩn	Hết ranh đất Nhà ông Được	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
78.10	Đường đal mé sông	Đầu ranh đất Nhà ông Sáu Cứng	Xẻo Ông Đồng	1,23
78.11	Đường giao thông nông thôn	Cầu Sáu Cứng	Hết ranh đất Nhà ông Gầm	1,02
		Giáp ranh đất Nhà ông Gầm	Đường tỉnh 933B	1,02
78.12	Đường đal	Cầu Mười Kính	Đê bao Tả Hữu	1,02
		Đường đal Trạm Y tế	Đường tỉnh 933B (Rạch Mương Cột)	1,02
78.13	Đường đal Trạm Y tế	Đường tỉnh 933B (Rạch Tráng)	Rạch Mương Cột	1,02
78.14	Đường đal Ông Tám	Đường tỉnh 933B	Cầu Bà Hời	1,08
78.15	Đường giao thông nông thôn Ba Hùm	Đường tỉnh 933B	Đường giao thông nông thôn vòng quanh chợ Rạch Tráng	1,02
79	**Xã Phong Nẫm**			
79.1	Đường huyện 1	Giáp ranh đất Tổ Điện lực	Bến phà đầu cồn hết ranh đất Nhà ông Huỳnh Văn Khoa, ấp Phong Thạnh	1,02
79.2	Khu vực xã	Đầu ranh đất Trụ sở UBND xã	Hết ranh đất Tổ Điện lực (Qua Ngã ba Trường THCS Phong Nẫm)	1,02
		Giáp ranh đất Trụ sở UBND xã	Hết ranh đất Tư Suôl	1,02
		Giáp ranh đất Tư Suôl	Cầu Bà Xe	1,02
		Ngã ba Trường THCS Phong Nẫm	Cầu Bà Xe	1,02
80	**Xã Mỹ Phước**			
80.1	Đường tỉnh 939 (Đường Lâm Trường Phước Thọ)	Suốt tuyến		1,02
80.2	Đường huyện 81	Đường huyện 84	Giáp ranh xã Long Hưng	1,02
80.3	Đường huyện 82	Kênh số 3 (Giáp ranh xã Mỹ Tú)	Hết ranh đất Trạm Y tế	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
80.3	Đường huyện 82	Giáp ranh đất Trạm Y tế	Cầu Ba Trí	1,02
		Cầu Ba Trí	Giáp ranh phường Ngã Năm	1,02
80.4	Đường huyện 84	Suốt tuyến		1,02
80.5	Khu vực chợ	Các Đường bên dãy nhà lồng chợ		1,08
80.6	Đường vào Khu căn cứ	Đường huyện 82	Khu căn cứ	1,02
80.7	Đường Bắc Quản lộ Nhu Gia	Suốt tuyến		1,02
81	**Xã Lai Hòa**			
81.1	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Giáp ranh tỉnh Cà Mau	Đầu ranh đất ông Nguyễn Hoàng Chánh và bà Lê Thị Thương	1,02
		Nhà ông Nguyễn Hoàng Chánh và bà Lê Thị Thương	Cống Xẻo Cốc	1,02
		Cống Xẻo Cốc	Giáp ranh phường Vĩnh Phước	1,02
81.2	Đường huyện 48	Giáp ranh tỉnh Cà Mau	Giáp ranh Chùa Prey Chóp B và ranh đất bà Triệu Thị Thanh Thúy	1,02
		Giáp ranh Chùa Prey Chóp B và ranh đất bà Triệu Thị Thanh Thúy	Hết ranh đất Nhà ông Trần Lưu và bà Sơn Thị Sà Phươl	1,02
		Giáp ranh đất Nhà ông Trần Lưu và bà Sơn Thị Sà Phươl	Giáp ranh phường Vĩnh Phước	1,02
81.3	Đường huyện 47C	Đường huyện 40 (Đê sông)	Hết ranh đất Miếu Ông Bổn	1,02
		Giáp ranh đất Miếu Ông Bổn	Hết ranh đất ông Thạch Váth	1,02
		Giáp ranh đất ông Thạch Váth	Cầu Kênh KN2	1,02
		Cầu Kênh KN2	Đường huyện 48	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
81.4	Đường huyện 40	Kênh Bảy Túc (Giáp ranh phường Vĩnh Phước)	Giáp ranh tỉnh Cà Mau	1,02
81.5	Đường huyện 42	Kênh Bảy Túc (Giáp ranh phường Vĩnh Phước)	Đường huyện 47C	1,02
81.6	Đê Quốc Phòng (Đường tỉnh 936C)	Giáp ranh phường Vĩnh Phước	Giáp ranh tỉnh Cà Mau	1,02
81.7	Đường đal Tà Bôn	Suốt tuyến		1,08
81.8	Đường đal Khu 5 Lai Hòa	Suốt tuyến		1,08
81.9	Đường đal Prey Chóp - Xung Thum A	Đường huyện 47C	Đường đal Prey Chóp (Hòa Hiệp đoạn trong)	1,08
		Đường đal Prey Chóp (Hòa Hiệp đoạn trong)	Giáp ranh Nhà bà Phan Thúy Mừng	1,08
		Giáp ranh Nhà bà Phan Thúy Mừng	Hết ranh Chùa Xung Thum	1,08
81.10	Đường đal Prey Chóp - Prey Chóp A	Đường huyện 47C	Hết ranh đất ông Đào Hên và ông Thạch Khêl	1,02
		Giáp ranh đất ông Đào Hên và ông Thạch Khêl	Giáp ranh tỉnh Cà Mau	1,02
81.11	Đường chợ Lai Hòa	Hai bên nhà lồng chợ Lai Hòa		1,02
82	**Xã Vĩnh Hải**			
82.1	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Cầu Mỹ Thanh	Hết ranh đất Trường Tiểu học Vĩnh Hải 4	1,02
		Giáp ranh đất Trường Tiểu học Vĩnh Hải 4	Đường vào Trường Mầm non Vĩnh Hải	1,02
		Đường vào Trường Mầm non Vĩnh Hải	Hết ranh đất Trường Tiểu học Vĩnh Hải 3	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
82.1	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Giáp ranh đất Trường Tiểu học Vĩnh Hải 3	Giáp ranh phường Vĩnh Châu	1,02
82.2	Đường tỉnh 113 (cũ)	Miếu Hên Vũ (Đường Nam Sông Hậu)	Hết ranh đất Công ty Ông Chái	1,08
		Giáp ranh đất Công ty Ông Chái	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	1,08
82.3	Đường huyện 43	Suốt tuyến		1,08
82.4	Đê Quốc Phòng (Đường tỉnh 936C)	Cầu Giồng Chùa	Cống 17	1,02
		Cống 17	Khu dân cư An Lạc	1,02
		Khu dân cư An Lạc	Giáp ranh phường Vĩnh Châu	1,02
82.5	Lộ Bà Len	Đường huyện 43	Đường Nam Sông Hậu	1,08
		Đường Nam Sông Hậu	Đường đal Khu dân cư An Lạc	1,08
82.6	Lộ vào Khu du lịch Hồ Bể	Đường Nam Sông Hậu	Đường đal giáp nước	1,08
		Đường đal giáp nước	Giáp Chùa Quan Âm Đông Hải	1,08
83	**Xã Hỏa Lựu**			
83.1	Quốc lộ 61	Cầu Rạch Gốc	Cầu Cái Tư	1,02
83.2	Đường Đồng Khởi	Cầu Xáng Hậu	Cầu Vườn Cò	1,02
83.3	Đường Giải Phóng	Cầu Vườn Cò	Đường Phạm Hùng	1,02
83.4	Đường Rạch Gốc (Kênh mới)	Quốc lộ 61	Kênh Đê	1,02
83.5	Đường Phạm Hùng	Quốc lộ 61	Cầu Hốc Hỏa	1,02
		Cầu Hốc Hỏa	Đường Kênh 5	1,02
83.6	Đường Thanh Niên	Đường Kênh 5	Đường Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh (Giai đoạn 2)	1,08
83.7	Đường Độc Lập	Đường Thanh Niên	Đường Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh (Giai đoạn 2)	1,08

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
83.8	Đường Nguyễn Chí Thanh	Kênh Xáng Hậu	Quốc lộ 61C	1,08
83.9	Khu dân cư xã Tân Tiến (cũ)	Đường số 1, 2		1,02
		Đường số 3		1,02
83.10	Quốc lộ 61C	Giáp ranh phường Vị Thanh	Quốc lộ 61	1,02
83.11	Quốc lộ 61 (cũ)	Quốc lộ 61	Bến phà Cái Tư (cũ)	1,02
83.12	Khu dân cư nông thôn mới và chợ xã Hỏa Lựu	Đường số 1, số 2, số 3, số 4	Đường Phạm Hùng	1,23
83.13	Đường Sông Cái Lớn	Quốc lộ 61 (cũ)	Đường Phạm Hùng	1,02
83.14	Đường Hóc Hỏa	Cầu Hóc Hỏa	Cầu Hai Tường	1,08
84	**Xã Vị Thủy**			
84.1	Quốc lộ 61C	Kênh Ba Liên	Giáp ranh xã Vĩnh Thuận Đông	1,02
		Kênh Ba Liên	Ranh xã Vị Thanh 1	1,02
84.2	Đại lộ Võ Nguyên Giáp	Giáp ranh phường Vị Tân	Vòng xoay cầu Mương Lộ	1,02
84.3	Quốc lộ 61	Giáp ranh phường Vị Tân (Đường 3 Tháng 2)	Vòng xoay cầu Mương Lộ	1,02
		Vòng xoay Cầu Mương Lộ	Cầu thủy lợi	1,02
		Cầu thủy lợi	Cống Hai Lai	1,02
		Đường 3 Tháng 2	Giáp ranh phường Long Bình	1,02
84.4	Đường tỉnh 925D	Cầu Thủ Bổn	Giáp ranh xã Vĩnh Tường	1,02
84.5	Đường 30 Tháng 4	Cống Hai Lai	Hết ranh Trạm Biến Điện	1,2
		Giáp ranh Trạm Biến Điện	Cầu Nàng Mau	1,2
		Cầu Nàng Mau	Đường 3 Tháng 2	1,2
84.6	Đường Ngô Quốc Trị	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Chí Thanh	1,02
84.7	Đường Hùng Vương	Đường Ngô Quốc Trị	Đường Nguyễn Tri Phương	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
84.8	Đường Lê Quý Đôn	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Trung Trực	1,02
		Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Nguyễn Trung Trực	1,02
84.9	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Chí Thanh	1,02
84.10	Đường Lê Hồng Phong	Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Trung Trực	1,2
		Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Nguyễn Chí Thanh	1,2
84.11	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Quốc Trị	Đường Nguyễn Tri Phương	1,2
84.12	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Ngô Quốc Trị	Đường Nguyễn Tri Phương	1,2
84.13	Đường 3 Tháng 2	Đường 30 Tháng 4	Cầu Kênh Hậu	1,02
		Cầu Kênh Hậu	Cầu Nàng Mau 2	1,02
		Cầu Nàng Mau 2	Đường 30 Tháng 4	1,02
84.14	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Lê Hồng Phong	1,2
84.15	Đường Nguyễn Du	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Lê Quý Đôn	1,02
84.16	Đường Phan Bội Châu	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Du	1,02
84.17	Đường Phan Chu Trinh	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Du	1,02
84.18	Đường Tạ Quang Tỷ	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Đình Chiểu	1,02
84.19	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Đình Chiểu	1,02
84.20	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Lê Hồng Phong	1,2
84.21	Đường Nguyễn Văn Trỗi (Khu A - B)	Đường Lê Quý Đôn	Đường Nguyễn Tri Phương	1,02
84.22	Đường Nguyễn Hữu Trí (Khu A - B)	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Trung Trực	1,02
84.23	Đường Trần Ngọc Quế (Khu A - B)	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Trung Trực	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
84.24	Đường Trần Văn Sơn (Khu A - B)	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Trung Trực	1,02
84.25	Đường Phan Đình Phùng	Đường 30 Tháng 4	Đường số 1A (Khu Thương mại thị trấn Năng Mau)	1,02
		Đường số 1A (Khu Thương mại thị trấn Năng Mau)	Cầu Thủ Bổn	1,02
84.26	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Quốc Trị	Cầu Tư Tiềm	1,08
84.27	Đường Võ Thị Sáu	Đường 30 Tháng 4	Đường Nguyễn Tri Phương	1,02
84.28	Đường Nguyễn Thị Định	Đường 30 Tháng 4	Rạch Phong Lưu	1,02
84.29	Đường Hùng Vương nối dài	Giáp ranh đất ông Nguyễn Văn Tiềm	Hết ranh Khu dân cư Giáo viên	1,02
84.30	Đường Kênh Lộ Làng	Đường Nguyễn Tri Phương	Giáp ranh xã Vĩnh Thuận Đông	1,08
84.31	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Ngô Quốc Trị	Đường Nguyễn Tri Phương	1,02
84.32	Tuyến mương lộ song song Đường 30 Tháng 4 (Hướng về phường Vị Tân)	Đường Nguyễn Chí Thanh	Giáp ranh xã Vĩnh Thuận Đông	1,02
84.33	Tuyến mương lộ song song Đường 30 Tháng 4 (Hướng về phường Long Bình)	Kênh Xáng Năng Mau	Đường 3 Tháng 2	1,02
84.34	Tuyến mương lộ song song Quốc lộ 61 (Hướng về phường Long Bình)	Đường 3 Tháng 2	Giáp ranh phường Long Bình	1,02
84.35	Đường Ba Liên - Ông Tà	Giáp ranh phường Vị Tân	Kênh 9 Thước	1,08
		Kênh 9 Thước	Đường tỉnh 925D	1,08
84.36	Đường ô tô về Trung tâm xã Vị Trung	Đường 30 Tháng 4	Đường Kênh Chín Thước	1,02
84.37	Đường vào Nông Trường Tràm	Quốc lộ 61	Giáp ranh xã Vĩnh Tường	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
84.38	Đường Kênh Xáng Nàng Mau 2	Quốc lộ 61	Giáp ranh xã Vĩnh Tường	1,02
84.39	Đường công vụ Kênh Ba Liên	Giáp ranh phường Vị Tân	Quốc lộ 61C	1,02
84.40	Đường Kênh Chín Thước	Đường ô tô về Trung tâm xã Vị Trung	Giáp ranh xã Vĩnh Tường	1,08
84.41	Đoạn nối Quốc lộ 61C đến Quốc lộ 61 (cả 02 đoạn)	Quốc lộ 61	Quốc lộ 61C	1,02
84.42	Lộ nhựa 3,5 mét tuyến Kênh Xáng Nàng Mau	Đường Võ Thị Sáu	Giáp ranh xã Vĩnh Thuận Đông	1,02
84.43	Đường bờ xáng Nàng Mau	Tuyến mương lộ song song Đường 30 Tháng 4 (Hướng về phường Long Bình)	Giáp ranh xã Vĩnh Tường	1,02
84.44	Đường vào Đình Nguyễn Trung Trực	Tuyến mương lộ song song Quốc lộ 61 (Hướng về phường Long Bình)	Lộ nhựa 3,5 mét tuyến kênh Xáng Nàng Mau	1,08
84.45	Tuyến đường cặp kênh 9 Thước	Kênh Ba Liên	Kênh Hội Đồng	1,08
84.46	Đường Kênh Hội Đồng	Kênh Chín Thước	Giáp ranh xã Vị Thanh 1	1,08
84.47	Đường Kênh Tràng Tiền	Đường ô tô về Trung tâm xã Vị Trung	Cầu Năm Đằng	1,08
84.48	Đường Kênh Nàng Bèn	Cầu Năm Đằng	Giáp ranh xã Vĩnh Tường	1,08
84.49	Dãy phố cặp nhà lồng chợ Nàng Mau (Chợ cũ)	Đường 30 Tháng 4	Kênh Hậu	1,02
84.50	Khu Thương mại thị trấn Nàng Mau (Khu 1)	Các nền mặt tiền: Đường số 1A; Đường Phan Đình Phùng		1,02
		Các đường nội bộ theo quy hoạch chi tiết xây dựng (Không áp dụng các nền mặt tiền Đường số 1A; Đường Phan Đình Phùng)		1,02
84.51	Khu Thương mại thị trấn Nàng Mau (Khu 2)	Các nền mặt tiền Đường số 11		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
84.51	Khu Thương mại thị trấn Nàng Mau (Khu 2)	Các đường nội bộ theo quy hoạch chi tiết xây dựng (Không áp dụng các nền mặt tiền Đường số 11)		1,02
84.52	Khu dân cư tự cải tạo phù hợp quy hoạch đất ở liền kề Khu tái định cư thị trấn Nàng Mau, huyện Vị Thủy	Đường Nguyễn Chí Thanh (Đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường số D1)		1,02
		Đường số D1 (Đoạn từ Đường Nguyễn Chí Thanh đến Đường số N10)		1,02
84.53	Khu tái định cư thị trấn Nàng Mau, huyện Vị Thủy	Đường Nguyễn Chí Thanh (Đoạn từ Đường số D14 đến Đường Nguyễn Tri Phương)		1,02
		Đường Nguyễn Tri Phương (Đoạn từ Đường Nguyễn Chí Thanh đến Đường số N8)		1,02
		Đường số D14 (Đoạn từ Đường số N8 đến Đường số N10)		1,02
		Đường số N8 (Đoạn từ Đường số D14 đến Đường Nguyễn Tri Phương)		1,02
		Đường số N10 (Đoạn từ Đường số D14 đến Đường số D1)		1,02
		Đường số D1, D2 (Đoạn từ Đường số N8 đến Đường số N10)		1,02
84.54	Khu tái định cư thị trấn Nàng Mau phục vụ Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021 - 2025	Đường Nguyễn Chí Thanh (Đoạn từ Đường số D14 đến Đường số N1)		1,02
		Đường số D14		1,02
		Đường số N1		1,02
		Đường số N2 (Đoạn từ Đường số D14 đến Đường số N1)		1,02
84.55	Khu dân cư Giáo viên	Các Đường nội bộ trong khu		1,02
84.56	Khu dân cư và tái định cư xã Vị Trung	Cả khu		1,02
84.57	Tuyến Đường Ấp 5, thị trấn Nàng Mau	Đường Nguyễn Thị Định	Ngã ba Phong Lưu	1,12

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
85	**Xã Vĩnh Thuận Đông**			
85.1	Tuyến Đường Nước Đục - Bến Ruộng - Đường Đào	Cầu Nước Đục (Nhà máy Phong Nga)	Hết ranh đất Trường Tiểu học Vĩnh Thuận Đông 3	1,08
85.2	Tuyến Đường Nước Đục - Vịnh Chèo - Đường Đào	Cầu Nước Đục	Cầu cao tốc	1,08
		Cầu cao tốc	Ngã năm Đường Đào	1,08
85.3	Chợ Vĩnh Thuận Đông	Các đường nội bộ khu vực chợ		1,23
85.4	Tuyến Kênh Đồn	Kênh Đồn	Chợ Vĩnh Thuận Đông	1,08
85.5	Tuyến Đường Năm Trăm - Ấp 1	Cầu 500	Cầu Trạm Bơm	1,08
85.6	Tuyến Đường kênh Ba Doi - Quản Tấn	Trạm Y tế xã Vĩnh Thuận Đông	Cầu Sáu Thêm	1,08
85.7	Tuyến Đường Cầu Trường THCS Vĩnh Thuận Đông - Trạm Bơm Bàu Năng (Phía Nam)	Cầu Trường Học	Ngã ba Bàu Năng (Bảy Hè)	1,08
85.8	Tuyến Đông Kênh Lý Nết	Cầu Lý Nết	Giáp ranh Ấp 7	1,08
85.9	Tuyến lộ Trà Lồng	Cầu Trà Lồng	Cầu Hai Hoa	1,08
85.10	Quốc lộ 61C	Giáp ranh xã Vị Thủy	Giáp ranh phường Vị Thanh	1,02
85.11	Đường Kênh Lộ Làng	Giáp ranh xã Vị Thủy	Cầu Đập Đá	1,08
85.12	Đường Kênh Lò Heo	Đường tỉnh 925D	Kênh Hai Cừ	1,08
85.13	Tuyến Đường cặp Trạm Y tế xã Vị Thủy (cũ)	Đường tỉnh 925D	Ngã tư Vườn Cò	1,08
85.14	Đường tỉnh 925D	Giáp ranh xã Vị Thủy	Hết ranh Trạm Y tế xã Vị Thủy (cũ)	1,08
		Giáp ranh Trạm Y tế xã Vị Thủy (cũ)	Đường tỉnh 931	1,08
85.15	Đường đi Trung tâm Thương mại Vĩnh Thuận Tây	Đường tỉnh 925D (Trạm Y tế Vĩnh Thuận Tây cũ)	Cầu Kênh Trường Học	1,02
		Cầu Kênh Trường Học	Kênh Nhà Thờ	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
85.15	Đường đi Trung tâm Thương mại Vĩnh Thuận Tây	Kênh Nhà Thờ	Kênh Giải Phóng	1,02
85.16	Tuyến Đường Trà sắt	Đường tỉnh 925D	Kênh Ngang	1,08
85.17	Tuyến Đường Trường học	Đường đi Trung tâm Thương mại Vĩnh Thuận Tây	Kênh Ngang	1,08
85.18	Tuyến Đường Vàm Cái Su - Vườn Cò	Vàm Cái Su	Cầu Vườn Cò	1,08
85.19	Đường trục giữa	Kênh Trường Học	Giáp ranh Khu Thương mại Vĩnh Thuận Tây	1,02
85.20	Đường đi về xã Vĩnh Thuận Đông	Trường Tiểu học Vĩnh Thuận Đông 3	Hết Chợ xã Vĩnh Thuận Đông	1,02
		Chợ xã Vĩnh Thuận Đông	Giáp ranh Chợ Vịnh Chèo	1,02
85.21	Tuyến mương lộ song song Quốc lộ 61 (hướng về phường Vị Thanh)	Ranh xã Vị Thủy	Quốc lộ 61C	1,02
		Quốc lộ 61C	Giáp ranh phường Vị Thanh	1,02
85.22	Khu Thương mại Vĩnh Thuận Tây	Lô A1, A2, A7		1,02
		Các lô (nền) còn lại (Không áp dụng đối với các lô (nền) tái định cư)		1,02
		Các lô (nền) tái định cư		1,02
85.23	Đường tỉnh 931	Đường đi Trung tâm Thương mại Vĩnh Thuận Tây	Kênh Nhà Thờ	1,02
		Kênh Nhà Thờ	Giáp ranh phường Vị Thanh	1,02
86	**Xã Vị Thanh 1**			
86.1	Quốc lộ 61C	Giáp ranh xã Vị Thủy	Kênh 8.000	1,02
86.2	Đường tỉnh 931B	Cầu Ba Liên	Hết ranh đất Trụ sở UBND xã Vị Đông (cũ)	1,02
		Giáp ranh đất Trụ sở UBND xã Vị Đông (cũ)	Hết ranh đất Nhà Văn hóa xã Vị Đông (cũ)	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
86.2	Đường tỉnh 931B	Giáp ranh Nhà Văn hóa xã Vị Đông (cũ)	Kênh 15.000	1,02
		Kênh 15.000	Kênh 13.000	1,02
		Kênh 13.000	Kênh 8.000	1,02
86.3	Đường tỉnh 927B	Đường tỉnh 931B	Quốc lộ 61C	1,02
		Quốc lộ 61C	Kênh Chín thước (Giáp ranh xã Vĩnh Tường)	1,12
86.4	Đường tỉnh 926	Đê bao Ô Môn - Xà No	Kênh Cây Dông	1,23
		Kênh Cây Dông	Giáp ranh xã Trường Long Tây	1,23
86.5	Đê bao Ô Môn - Xà No	Giáp ranh phường Vị Tân	Kênh 8.000	1,02
86.6	Chợ xã Vị Đông (cũ)	Khu vực trong chợ		1,08
86.7	Chợ xã Vị Thanh (cũ)	Mặt tiền Đường tỉnh 931B		1,02
		Khu vực trong chợ		1,02
86.8	Đường công vụ kênh 3 Hiếu	Đường tỉnh 931B	Giáp ranh xã Vị Thủy	1,02
86.9	Cụm dân cư vượt lũ xã Vị Thanh (cũ)	Các lô nền mặt tiền Đường tỉnh 927B		1,02
		Các lô nền còn lại		1,02
86.10	Cụm dân cư vượt lũ xã Vị Đông (cũ)	Các lô nền mặt tiền đường công vụ kênh 3 Hiếu		1,02
		Các lô nền còn lại		1,02
86.11	Đường Kênh Ông Hai	Đê bao Ô Môn - Xà No	Kênh Ranh (ranh xã Hòa Hưng - tỉnh An Giang)	1,02
86.12	Đường Kênh 43.000	Đê bao Ô Môn - Xà No	Kênh Ba Thước	1,02
86.13	Đường Kênh 14.000	Kênh Thống Nhất	Kênh Chín Thước (Giáp ranh xã Vĩnh Tường)	1,02
86.14	Đường Kênh Hội Đồng	Đường tỉnh 931B	Giáp ranh xã Vị Thủy	1,08
86.15	Đường Kênh 8.000	Đường tỉnh 931B	Kênh Chín Thước (Giáp ranh xã Vĩnh Tường)	1,02
86.16	Đường 9.500	Đê bao Ô Môn - Xà No	Đường tỉnh 926	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
87	**Xã Vĩnh Tường**			
87.1	Đường tỉnh 925D	Giáp ranh xã Vị Thủy	Hết ranh Trụ sở Đảng ủy xã Vĩnh Tường	1,02
		Giáp ranh Trụ sở Đảng ủy xã Vĩnh Tường	Cầu Kênh Xóm Huế	1,02
		Cầu Kênh Xóm Huế	Cầu Sáu Nhàn	1,02
		Cầu Sáu Nhàn	Hết ranh Trụ sở UBND xã Vĩnh Tường	1,02
		Giáp ranh Trụ sở UBND xã Vĩnh Tường	Kênh Xáng Nàng Mau 2	1,02
87.2	Đường tỉnh 927B	Đường tỉnh 925D	Giáp ranh xã Vị Thanh 1	1,12
87.3	Tuyến Kênh Xáng Nàng Mau (Song song Đường tỉnh 925D)	Kênh Long Điền	Giáp ranh Trạm Y tế xã Vĩnh Tường	1,02
87.4	Chợ xã Vĩnh Tường (cũ)	Giáp ranh Trạm Y tế xã Vĩnh Tường	Cầu Chợ	1,02
		Khu vực trong chợ		1,02
87.5	Chợ xã Vĩnh Trung (cũ)	Khu vực trong chợ		1,08
87.6	Đường nhựa Kênh Giữa	Cầu Chợ	Kênh Xáng Nàng Mau 2	1,12
87.7	Tuyến Kênh 13.000 nhỏ (Song song tuyến Đường tỉnh 927B)	Kênh Ba Què	Giáp ranh Trường THCS Vĩnh Trung	1,02
87.8	Đường vào Nông Trường Tràm (Lộ nhựa 3,5 mét)	Giáp ranh xã Vị Thuỷ	Ngã tư Kênh Long Điền	1,02
87.9	Đường Kênh Xáng Nàng Mau 2	Giáp ranh xã Vị Thuỷ	Giáp ranh Khu du lịch sinh thái Việt Úc - Hậu Giang	1,02
87.10	Đường Kênh Chín Thước	Đường tỉnh 927B	Ranh xã Vị Thuỷ	1,08
87.11	Tuyến Kênh Hãn (Bên trái)	Đường tỉnh 925D	Kênh 8.000	1,02
87.12	Đường Kênh 8.000	Kênh Chín Thước (Giáp ranh xã Vị Thanh 1)	Kênh Xáng Nàng Mau 2 (Giáp ranh xã Hòa An)	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
88	**Xã Vĩnh Viễn**			
88.1	Chợ Trực Thăng	Các đường nội bộ theo quy hoạch xây dựng chi tiết		1,02
88.2	Chợ Thanh Thủy	Các đường nội bộ theo quy hoạch xây dựng chi tiết		1,02
88.3	Đường huyện 4	Ngã tư Thanh Thủy	Sông Nước Đục	1,12
88.4	Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh	Cống Trực Thăng	Cầu Thanh Thủy 1	1,08
88.5	Đường Kênh Mười Thước B	Cầu Vĩnh Thuận Thôn	Cổng chào Ấp 9	1,08
		Cổng chào Ấp 9	Cầu Thanh Thủy 1	1,08
88.6	Đường ô tô về Trung tâm xã Vĩnh Viễn A	Kênh Trực Thăng	Đường huyện 4	1,02
88.7	Đường Tây Kênh Trực Thăng (Đường nhựa, ấp 6)	Đường ô tô về Trung tâm xã Vĩnh Viễn A	Giáp ranh Chợ Trực Thăng	1,02
88.8	Tuyến Đường Kênh Thanh Thủy (hai bên Đông, Tây)	Sông Nước Trong	Ngã tư Thanh Thủy	1,08
88.9	Đường Đông Kênh Năm	Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh	Kênh Mương Cừ	1,08
88.10	Đường Nam Kênh Lò Than	Kênh Trổ	Cống Long Mỹ 1	1,08
88.11	Tuyến Kênh Thủy lợi 6	Kênh Mười Thước	Sông Nước Trong	1,08
88.12	Đường tỉnh 930	Giáp ranh xã Xà Phiên	Vòng xoay Trụ sở Công an xã	1,02
		Vòng xoay Trụ sở Công an xã	Cầu Hai Quyền	1,02
		Cầu Hai Quyền	Kênh Trực Thăng	1,02
88.13	Đường Kênh Cái Nhào	Đường tỉnh 930	Sông Nước Đục (Bến đò Năm Điền)	1,02
88.14	Tuyến giáp Trung tâm xã	Chợ Kênh 13	Ngã ba Bảy Kỹ	1,02
		Chợ Kênh 13	Kênh Trạm Bơm	1,02
		Kênh Trạm Bơm	Nhà văn hóa ấp 11	1,02
		Trường THPT Tây Đô	Cống Ngăn Mặn (Sông Nước Trong)	1,02
		Kênh Mười Thước	Sông Nước Đục (Vàm 13)	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
88.14	Tuyến giáp Trung tâm xã	Khu di tích Chiến Thắng Chương Thiện	Kênh Chín Quyền	1,02
88.15	Chợ Vĩnh Viễn	Các đường nội bộ theo quy hoạch chi tiết xây dựng		1,02
88.16	Đường Lương Tâm - Vĩnh Thuận Đông (Ấp 12)	Đường nội ô Trung tâm xã	Giáp ranh xã Xà Phiên	1,02
88.17	Tuyến Kênh Trực Thăng	Cầu Trực Thăng	Cống Trực thăng	1,02
88.18	Đường nội ô Trung tâm xã	Vòng xoay Trụ sở Công an xã	Đường tỉnh 930	1,02
88.19	Khu dân cư Thương mại xã Vĩnh Viễn	Đường nội ô Trung tâm xã		1,02
		Các tuyến đường nội bộ còn lại		1,02
88.20	Đường Kênh Củ Tre	Đường nội ô Trung tâm xã	Đường tỉnh 930	1,02
		Đường tỉnh 930	Sông Nước Đục	1,02
88.21	Đường tỉnh 931	Cầu Vịnh Chèo	Cầu Trâm Bầu	1,02
		Cầu Trâm Bầu	Kênh Mười Thước	1,02
		Kênh Mười Thước	Sông Nước Trong	1,02
88.22	Khu tái định cư ấp 3, thị trấn Vĩnh Viễn (cũ)	Đường số 1, lộ giới 30 mét		1,02
		Đường số B2, lộ giới 17,5 mét		1,02
		Đường số NB1, NB2, NB3, NB4, lộ giới 13 mét		1,02
88.23	Tuyến Đường sông Nước Đục (ấp 3)	Vàm Kênh 13	Ngã Ba Kênh Cái Dứa	1,02
88.24	Tuyến Đường sông Nước Đục (ấp 2)	Đầu Kênh Chín Quyền	Đường nuôi trồng thủy sản (Ranh xã Xà Phiên)	1,02
88.25	Tuyến Kênh Mười Thước	Trường THPT Tây Đô	Kênh Ngang	1,02
88.26	Đường dẫn lên Cầu số 1 vào Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Hậu Giang	Suốt tuyến		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
88.27	Tuyến Đường Kênh Lộ Lớn	Đường nội ô Trung tâm xã	Đường tỉnh 930	1,08
88.28	Tuyến Đường nuôi trồng thủy sản	Kênh 13	Giáp ranh xã Xà Phiên	1,02
88.29	Đường Tây Kênh Củ Tre	Đường nội ô Trung tâm xã	Đường tỉnh 930	1,08
88.30	Tuyến Sông Nước Đục	Cống Kênh Trực Thăng	Bến đò Kênh Mới	1,02
88.31	Đường Bắc Kênh Ngang	Kênh 13	Kênh Sốc Miên	1,02
88.32	Đường Nam Cây Điệp (Ấp 3)	Kênh 13	Ngã tư Củ Tre	1,02
88.33	Tuyến Đê Kênh Trâm Bầu	Ngã tư Cái Nhào	Cầu Lộ Lớn	1,02
88.34	Khu tái định cư thị trấn Vĩnh Viễn phục vụ dự án thành phần đoạn Hậu Giang - Cà Mau thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam, phía Đông giai đoạn 2021 - 2025	Đường tỉnh 931 (Áp dụng trong phạm vi Khu tái định cư)		1,02
		Đường số 1 (Lộ giới 15 mét)		1,02
		Đường số 2 (Lộ giới 14,5 mét)		1,02
		Đường số 3, đường số 4 (Lộ giới 13 mét)		1,02
88.35	Tuyến Đường Cái Dứa	Cầu Đầu Lá	Sông Nước Đục (Đình Thần Nguyễn Trung Trực)	1,02
88.36	Đường Tây Kênh Năm, ấp 7, 8	Cầu Kênh 5 (Đường ô tô về Trung tâm xã Vĩnh Viễn A)	Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh	1,08
89	**Xã Xà Phiên**			
89.1	Đường tỉnh 930	Cầu Trắng	Giáp ranh xã Vĩnh Viễn	1,02
89.2	Đường huyện 14	Cầu Miễu, ấp 7, xã Xà Phiên	Giáp ranh Chợ Xà Phiên	1,02
89.3	Chợ Xà Phiên	Các đường theo quy hoạch xây dựng chi tiết		1,2
89.4	Đường ô tô về Trung tâm xã Thuận Hòa	Cảng Trà Ban	Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh (Kênh Cao Hột Lớn)	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
89.4	Đường ô tô về Trung tâm xã Thuận Hòa	Cống Hai Tho	UBND xã Thuận Hòa (cũ)	1,02
89.5	Đường huyện 15	Đường tỉnh 930	Đường ô tô về Trung tâm xã Thuận Hòa	1,02
89.6	Tuyến Đường Kênh Cái Rắn	Cầu Trạm Y tế xã	Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh	1,02
89.7	Tuyến Đường Kênh Cái Rắn	Cầu Đình	Chùa ấp 4	1,02
89.8	Tuyến Đường Kênh Cái Rắn (Phía Tây)	Xã Đội	Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh	1,08
89.9	Tuyến Đường Kênh Cái Rắn (Phía Đông)	Cầu Châu	Sông Cái Trầu	1,08
89.10	Đường Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh	Cảng Trà Ban	Giáp ranh xã Lương Tâm	1,02
89.11	Tuyến Đường Kênh Long Mỹ 2	Cầu Trạm Y tế xã	Cầu Nhật Tảo	1,02
		Cầu Nhật Tảo	Bến đò Xí nghiệp	1,02
89.12	Đường Đê bao nuôi trồng thủy sản	Cầu Sáu Phước	Kênh Cái Nhàu	1,02
89.13	Đường Kênh Tràm Chóc	Đường tỉnh 930	Cầu Thuận Hưng	1,02
89.14	Tuyến Đường Kênh Tràm Chóc (phía Tây)	Cầu Thuận Hưng	Sông Nước Đục	1,12
89.15	Tuyến Đường Kênh Trà Ban	Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh	Kênh Quan Ba	1,02
89.16	Đường rẽ vào Chợ Xà Phiên tiếp nối Đường tỉnh 930B	Đường tỉnh 930B	Chợ Xà Phiên	1,02
89.17	Tuyến Kênh Chống Mỹ	Đường tỉnh 930B	Sông Cái Trầu	1,02
89.18	Tuyến Đường Kênh Cây Me	Đầu Kênh Cây Me Ngoài	Chùa Ấp 5	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
89.19	Tuyến Đường Kênh Cây Me (Ấp 5)	Đầu Kênh Xẻo Đìa	Cầu Kênh Cây Me Ngoài	1,08
89.20	Đường Lương Tâm - Vĩnh Thuận Đông	Đường tỉnh 930B	Giáp ranh xã Vĩnh Viễn	1,02
89.21	Tuyến Kênh Xã Hội	Đầu Kênh Giao Đu	Đầu Kênh Xã Hội	1,08
89.22	Tuyến Đường Kênh 4 Thước	Giáp ranh Ấp 4	Cầu Kênh Cây Me	1,08
89.23	Tuyến Đường Kênh Giao Đu	Cầu Đình	Cầu Kênh Cây Me Trong	1,08
89.24	Tuyến Đường Kênh Mười Thước B	Cầu nhà bà Lê Thị Bết	Cầu Mười Nhiểu	1,02
89.25	Tuyến Đường Kênh Xẻo Ráng	Cầu Tư Thuẩn	Đường tỉnh 930	1,12
89.26	Truyến Đường Ba Phát	Cầu Ba Phát	Cầu Trạm bơm ấp 10	1,12
89.27	Đường Hội Đồng	Đường tỉnh 930	Sông Nước Đục	1,12
89.28	Đường Hậu Giang 3	Cầu Tư Nhi, đầu Kênh Ngay	Tuyến Đường Lương Tâm - Vĩnh Thuận Đông	1,02
89.29	Đường Kênh Cống Điền	Đầu Kênh Cây Me Ngoài	Đầu Kênh Đê ngăn mặn	1,02
89.30	Đường tỉnh 930B	Cầu Xà Phiên	Giáp ranh xã Lương Tâm	1,02
90	**Xã Lương Tâm**			
90.1	Đường tỉnh 930B	Giáp ranh xã Xà Phiên	Giáp ranh tỉnh An Giang	1,02
90.2	Đường tỉnh 931	Sông Nước Trong	Cầu Xẻo Vẹt	1,02
90.3	Đường Sông Ngan Dừa	Bến đò Hai Học	Cống Hóc Pó	1,12
90.4	Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh	Giáp ranh xã Xà Phiên	Cống Hóc Pó	1,02
90.5	Tuyến Đường Kênh Xẻo Vẹt	Đường tỉnh 931	Kênh Đê ngăn mặn	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
90.6	Đường về Chợ Lương Nghĩa	Cầu Chùa, ấp 7	Giáp ranh đầu Chợ Lương Nghĩa	1,12
		Giáp ranh Khu dân cư Thương mại xã Lương Nghĩa	Bến đò Hai Học	1,12
90.7	Tuyến Đường Kênh Trà Ban	Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh	Kênh Quan Ba	1,02
90.8	Tuyến Năm Căn (Đông)	Kênh Long Mỹ II	Đê bao Long Mỹ - Vị Thanh	1,08
90.9	Tuyến Long Mỹ II B	Kênh Năm Căn	Đường tỉnh 931	1,02
90.10	Tuyến Xẻo Mão Tây	Kênh Long Mỹ II	Sông Nước Trong	1,02
90.11	Tuyến Ngan Mồ - Tô Ma	Đường tỉnh 930B	Cầu Tô Ma	1,02
90.12	Tuyến Sông Cái	Bến phà cũ	Cầu Bần Quỳ	1,08
90.13	Đường Nam Thủy Lợi 3	Cầu Chín Trung	Cầu Ba Kha	1,08
90.14	Đường Đông Thủy Lợi 6	Cầu Xóm Tiệm	Kênh Thủy Lợi 3	1,08
90.15	Đường Tây Thủy Lợi 6	Trường Tiểu học Lương Nghĩa 3	Kênh Thủy Lợi 3	1,08
90.16	Đường Nam Tô Ma	Đường tỉnh 930B	Kênh Năm Biếc	1,08
90.17	Đường Kênh Ngan Mồ - Kênh Đê ngăn mặn	Kênh Long Mỹ II	Kênh Đê ngăn mặn	1,08
90.18	Đường Kênh Hóc Pó	Đường tỉnh 930B	Hết ranh Công ty TNHH Công nghệ cao Hậu Giang	1,08
90.19	Chợ Lương Nghĩa	Các đường theo quy hoạch xây dựng chi tiết (Không áp dụng đối với Khu dân cư thương mại)		1,2
90.20	Khu dân cư Thương mại xã Lương Nghĩa	Các nền vị trí mặt tiền đường cặp sông		1,02
		Các nền vị trí mặt tiền đường có lộ giới 7 mét		1,02
		Các nền vị trí mặt tiền đường có lộ giới 3,5 mét		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
90.21	Khu dân cư Thương mại xã Lương Tâm	Các đường D1, D2, D3, D4, D5 theo quy hoạch xây dựng chi tiết		1,02
90.22	Đường Kênh Ngan Mồ	Kênh Long Mỹ II	Kênh Đê ngăn mặn	1,08
91	**Xã Thạnh Xuân**			
91.1	Quốc lộ 1A	Giáp ranh phường Cái Răng	Giáp ranh xã Đông Phước	1,02
91.2	Quốc lộ 61	Cầu Cái Tắc	Giáp ranh ấp Láng Hầm (Hết Công ty TNHH Trí Hưng)	1,02
91.3	Đường Trần Hưng Đạo	Giáp ranh ấp Láng Hầm C	Cầu Ba Láng	1,02
91.4	Đường tỉnh 925	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Đông Phước	1,02
91.5	Tuyến cặp Sông Ba Láng (Hướng về Quốc lộ 1A)	Cầu số 10	Cầu Rạch Vong	1,02
91.6	Hẻm Quán Thi Thơ	Quốc lộ 1A	Cuối hẻm	1,02
91.7	Khu dân cư Thương mại đa chức năng Tây Đô	Cả khu		1,02
91.8	Đường ô tô về Trung tâm xã Tân Phú Thạnh	Giáp ranh xã Đông Phước	Hết đường	1,02
91.9	Khu tái định cư phục vụ Cụm công nghiệp tập trung Tân Phú Thạnh (Nay là Khu Công nghiệp Tân Phú Thạnh) do DNTN Vạn Phong đầu tư	Cả khu		1,02
91.10	Khu tái định cư và dân cư thương mại phục vụ Khu Công nghiệp Tân Phú Thạnh (Công ty Cổ phần Thiên Lộc - HG làm chủ đầu tư)	Cả khu		1,02
91.11	Khu tái định cư xã Tân Phú Thạnh	Đường số 5 (12 mét)		1,02
		Đường NB1, NB2, NB3, NB4 (12 mét)		1,02
		Đường NB5 (9 mét)		1,02
91.12	Khu tái định cư xã Tân Phú Thạnh - giai đoạn 2	Đường số 4 (6,5 mét)		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
91.12	Khu tái định cư xã Tân Phú Thạnh - giai đoạn 2	Đường số 5 (13 mét)		1,02
		Đường NB3, NB4 (12 mét)		1,02
91.13	Khu tái định cư xã Tân Phú Thạnh - giai đoạn 2	Đường NB5, NB6, NB8 (13 mét)		1,02
		Đường NB7 (15 mét)		1,02
91.14	Đường ô tô về Trung tâm xã Thạnh Xuân (đường Nguyễn Việt Hồng)	Quốc lộ 61	Sông Láng Hầm	1,02
		Sông Láng Hầm	Hết Ấp Trầu Hôi	1,02
		Ấp Trầu Hôi	Giáp ranh xã Tân Hòa	1,02
91.15	Đường vào Khu di tích lịch sử "Địa điểm thành lập Ủy ban mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam tỉnh Cần Thơ"	Suốt tuyến		1,23
91.16	Lộ mới Ba Ngoan	Suốt tuyến		1,02
91.17	Đường Nguyễn Trung Trực	Quốc lộ 61C	Giáp ranh xã Tân Hòa	1,02
91.18	Đường Huỳnh Thúc Kháng (Đường nội bộ chợ)	Đường Nguyễn Thị Định	Đường Trần Hưng Đạo	1,02
91.19	Đường Bùi Hữu Nghĩa (Đường nội bộ chợ Rạch Gòi)	Đường Nguyễn Thị Định (Cầu sắt cũ)	Cầu Vinh 1	1,02
91.20	Đường Phan Văn Trị (Đường nội bộ chợ Rạch Gòi)	Nguyễn Thị Định (Cầu sắt cũ)	Cầu Vinh 2	1,02
91.21	Đường Nguyễn Thị Định (Đường nội bộ chợ Rạch Gòi)	Cầu Sắt Cũ	Ngã ba Chợ Rạch Gòi	1,02
91.22	Chợ Rạch Gòi	Các đường nội bộ chưa có tên đường		1,02
91.23	Quốc lộ 61C	Suốt tuyến		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
91.24	Tuyến lộ nông thôn 3,5 mét (Tuyến cặp sông Ba Láng, bên UBND xã Tân Phú Thạnh)	Rạch Bàng (Giáp ranh phường Cái Răng)	Cầu So Đũa Bé	1,02
92	**Xã Tân Hòa**			
92.1	Quốc lộ 61C	Kênh Trầu Hôi	Giáp ranh xã Thạnh Xuân	1,02
		Kênh Tân Hiệp	Kênh 2.000	1,02
		Kênh 2.000	Kênh 8.000	1,02
92.2	Đường Lê Hồng Phong (Đường tỉnh 926B)	Giáp ranh xã Tân Bình	Quốc lộ 61C	1,02
		Quốc lộ 61C	Kênh Xáng Xà No	1,02
92.3	Đường tỉnh 931B	Kênh Xáng Mới	Kênh Trầu Hôi	1,02
		Kênh 1.000	Kênh 5.000	1,02
92.4	Đường 30 Tháng 4 (Đường tỉnh 931B)	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Nguyễn Việt Dũng	1,02
		Đường Nguyễn Việt Dũng	Kênh 1.000	1,02
92.5	Đường 3 Tháng 2 (Lộ 37)	Đường Tầm Vu	Kênh 1.000	1,02
		Cầu Tân Hiệp	Đường Nguyễn Trung Trực	1,02
92.6	Đường 3 Tháng 2 (Đoạn nối dài)	Kênh 1.000	Đường Công Vụ (Trung tâm Y tế Châu Thành A)	1,02
92.7	Đường Công Vụ (Trung tâm Y tế Châu Thành A)	Đường tỉnh 931B	Kênh Xáng Xà No	1,02
92.8	Đường Chiêm Thành Tấn	Đầu Kênh Tân Hiệp (Bưu điện Châu Thành A)	Đường Nguyễn Việt Dũng (Cầu Bốn Tổng)	1,02
92.9	Đường Tầm Vu	Đầu Kênh Tân Hiệp (Bưu điện Châu Thành A)	Đường 30 Tháng 4	1,02
		Đường 30 Tháng 4	Giáp ranh xã Tân Bình	1,02
92.10	Đường Nguyễn Trung Trực (Đường Công vụ Một Ngàn)	Cầu Xáng Mới	Đường 30 Tháng 4	1,02
		Đường 30 Tháng 4	Giáp ranh xã Thạnh Xuân	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
92.11	Đường Nguyễn Việt Dũng	Quốc lộ 61C	Đường 30 Tháng 4	1,02
		Đường 30 Tháng 4	Đường Chiêm Thành Tấn (Kênh Xáng Xà No)	1,02
		Kênh Xáng Xà No	Giáp ranh xã Trường Long Tây	1,02
		Quốc lộ 61C	Giáp ranh xã Tân Bình	1,02
92.12	Đường Võ Thị Sáu (Đường huyện 12 cũ)	Kênh 5.000	Kênh 6.500	1,02
		Kênh 6.500	Kênh 7.000	1,02
92.13	Đê bao Ô Môn - Xà No	Kênh Mương Đình	Kênh Xẻo Trầm	1,02
		Kênh Xẻo Trầm	Kênh 1.000	1,02
		Kênh 1.000	Kênh 8.000	1,02
92.14	Đường huyện 12	Kênh 7.000	Kênh 8.000	1,02
		Đường Nguyễn Việt Dũng (Cầu Bốn Tổng)	Kênh 5.000	1,02
92.15	Đường Nguyễn Việt Hồng	Đường tỉnh 931B	Giáp ranh xã Thạnh Xuân	1,02
92.16	Đường Công Vụ 4.000	Kênh Xà No	Quốc lộ 61C	1,02
92.17	Đường Võ Minh Thiết	Đường 3 Tháng 2	Đường 30 Tháng 4	1,2
92.18	Đường dẫn ra Quốc lộ 61C (Bến xe Châu Thành A)	Quốc lộ 61C	Đường Tầm Vu	1,02
92.19	Đường Cách Mạng Tháng Tám (Đường tỉnh 931B cũ)	Kênh 5.000	Kênh 8.000	1,02
92.20	Đường Nguyễn An Ninh (Trung tâm chợ)	Đường Cách Mạng Tháng Tám (Đường tỉnh 931B cũ)	Đường Võ Thị Sáu	1,02
92.21	Đường Nguyễn Viết Xuân (Trung tâm chợ)	Đường Cách Mạng Tháng Tám (Đường tỉnh 931B cũ)	Đường Võ Thị Sáu	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
92.22	Đường Ngô Hữu Hạnh (Trung tâm chợ)	Đường Lê Thị Chơi	Đường Nguyễn An Ninh	1,02
92.23	Đường Lý Tự Trọng (Trung tâm chợ)	Đường Lê Thị Chơi	Đường Nguyễn An Ninh	1,02
92.24	Đường Lê Thị Chơi (Trung tâm chợ)	Đường Võ Thị Sáu	Đường Lý Tự Trọng	1,02
92.25	Khu dân cư huyện Châu Thành A (Đường Lê Bình, Đường Trương Thị Bình, Đường Kim Đồng, Đường Nguyễn Ngọc Trai)	Cả khu		1,02
92.26	Khu vượt lũ xã Tân Hòa	Cả khu		1,02
92.27	Khu vượt lũ xã Nhơn Nghĩa A	Cả khu		1,02
92.28	Khu dân cư vượt lũ 7.000	Cả khu		1,02
92.29	Khu tái định cư Tân Hòa	Đường gom Quốc lộ 61C (14 mét)		1,02
		Đường D1 (Đoạn từ Đường gom Quốc lộ 61C đến Đường N1) (14,5 mét)		1,02
		Đường D1 (Đoạn từ Đường N1 đến Đường N2) (14,5 mét)		1,02
		Đường D1 (Đoạn từ Đường N2 đến Đường N3) (14,5 mét)		1,02
		Đường D2 (Đoạn từ Đường gom Quốc lộ 61C đến Đường N1) (17,5 mét)		1,02
		Đường D2 (Đoạn từ Đường N1 đến Đường N2) (17,5 mét)		1,02
		Đường D2 (Đoạn từ Đường N2 đến Đường N3) (17,5 mét)		1,02
		Đường D3 (Đoạn từ Đường gom Quốc lộ 61C đến Đường N1) (14 mét)		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
92.29	Khu tái định cư Tân Hòa	Đường D3 (Đoạn từ Đường N1 đến Đường N2) (14 mét)		1,02
		Đường D3 (Đoạn từ Đường N2 đến Đường N3) (14 mét)		1,02
		Đường N1 (14 mét)		1,02
		Đường N2 (14 mét)		1,02
		Đường N3 (14 mét)		1,02
92.30	Khu tái định cư Bảy Ngàn phục vụ Dự án thành phần 3 thuộc Dự án đầu tư xây dựng Đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1	Đường gom Quốc lộ 61C (14 mét)		1,02
		Đường D1 (Đoạn từ Đường gom Quốc lộ 61C đến Đường N1) (6,5 mét)		1,02
		Đường D1 (Đoạn từ Đường N1 đến Đường N2) (6,5 mét)		1,02
		Đường D1 (Đoạn từ Đường N2 đến Đường N3) (6,5 mét)		1,02
		Đường D2 (Đoạn từ Đường gom Quốc lộ 61C đến Đường N1) (13 mét)		1,02
		Đường D2 (Đoạn từ Đường N1 đến Đường N2) (13 mét)		1,02
92.31	Khu tái định cư Bảy Ngàn phục vụ Dự án thành phần 3 thuộc Dự án đầu tư xây dựng Đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1	Đường D2 (Đoạn từ Đường N2 đến Đường N3) (13 mét)		1,02
		Đường N1 (14 mét)		1,02
		Đường N2 (14 mét)		1,02
		Đường N3 (14 mét)		1,02
92.32	Lộ nông thôn 3,5 mét cặp Kênh 4.000 ấp 3B, 5B	Kênh Xáng Xà No	Giáp ranh xã Trường Long Tây	1,08
92.33	Lộ nông thôn 3,5 mét thuộc ấp Nhơn Xuân	Kênh Xáng Xà No	Kênh Trà Ếch	1,08
		Kênh Trà Ếch	Giáp ranh xã Nhơn Ái	1,08
92.34	Lộ nông thôn 3,5 mét cặp Kênh 5.500 (Ấp 2A)	Quốc lộ 61C	Giáp ranh xã Tân Bình	1,08

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
92.35	Lộ nông thôn 3,5 mét cặp Kênh 7.000 (Ấp 3B)	Kênh Xáng Xà No	Giáp ranh xã Trường Long Tây	1,08
92.36	Lộ nông thôn 3,5 cặp Kênh 2.000 (Ấp 1B)	Kênh Xáng Xà No	Giáp ranh xã Trường Long Tây	1,08
93	**Xã Trường Long Tây**			
93.1	Đường ô tô về trung tâm xã Trường Long Tây (Đường tỉnh 926 cũ)	Cầu 1.000	Giáp ranh xã Trường Long Tây (Kênh số 14 hay còn gọi Kênh Mười Thảo)	1,23
		Giáp ranh xã Trường Long A cũ (Kênh số 14 hay còn gọi Kênh Mười Thảo)	Kênh 5.500	1,23
		Cầu 4.000	Cầu 5.500	1,23
		Kênh 5.500	Kênh 8.000 (Giáp ranh xã Vị Bình cũ)	1,23
93.2	Đường Bốn Tổng Một Ngàn	Giáp ranh xã Tân Hòa	Kênh Bờ Tràm	1,02
		Kênh Bờ Tràm	Kênh KH9	1,02
		Kênh KH9	Giáp ranh xã Trường Xuân	1,02
93.3	Khu vượt lũ xã Trường Long Tây	Cả khu		1,02
93.4	Khu vực Chợ Trường Long Tây	Đường giáp UBND xã Trường Long Tây đến Kênh 4.000 (Các nền đấu giá quyền sử dụng đất)		1,02
		Đường giáp UBND xã Trường Long Tây đến Kênh 4.000; Đường từ đường 926 đến Kênh KH9		1,02
		Đường số D1, lộ giới 13 mét (3 - 7 - 3)		1,02
		Đường số 4, lộ giới 12 mét (3 - 6 - 3)		1,02
		Đường số 5, lộ giới 12 mét (3,5 - 7 - 3,5)		1,02
93.5	Khu vượt lũ Trường Long A	Phần đất sinh lợi		1,02
		Cả khu (Trừ phần đất sinh lợi)		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
93.6	Tuyến lộ nông thôn 3,5 mét xã Trường Long Tây	Các tuyến		1,02
93.7	Tuyến lộ nông thôn 3,5 mét xã Trường Long A	Các tuyến		1,02
94	**Xã Châu Thành**			
94.1	Đường Hùng Vương	Giáp ranh xã Đông Phước	Mốc 1,5 km	1,02
		Mốc 1,5 km	Ngã tư Cái Dầu	1,02
		Ngã tư Cái Dầu	Cầu Ngã Cạy	1,02
		Cầu Ngã Cạy	Cầu Cơ Ba	1,02
94.2	Đường 30 Tháng 4	Đường Hùng Vương	Khu dân cư (Đường Võ Thị Sáu)	1,02
94.3	Đường 3 Tháng 2	Đường 30 Tháng 4	Cầu Cái Dầu	1,02
		Ngã tư Cái Dầu	Cầu Cái Dầu	1,02
		Cầu Cái Dầu	Cổng chào Phú Hữu	1,02
94.4	Đường Lê Văn Tám	Đường Hùng Vương	Đường Đồng Khởi	1,02
94.5	Đường Nguyễn Văn Quy	Cầu Xẻo Chồi	Cầu Tràm Bông	1,02
94.6	Đường Nguyễn Việt Hồng	Đường Nguyễn Văn Quy	Đường 3 Tháng 2	1,02
94.7	Đường Kim Đồng	Ngã ba Đường Nguyễn Việt Hồng	Hết ranh Trường Mầm non Ánh Dương	1,02
94.8	Đường Đồng Khởi	Cầu Xẻo Chồi	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	1,02
		Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Cầu Kênh Tân Quới	1,02
94.9	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Cầu Cái Muồng (mới)	Đường Đồng Khởi	1,02
		Đường 3 Tháng 2	Đường Hùng Vương	1,02
94.10	Đường Nguyễn Việt Dũng	Đường 30 Tháng 4	Đường Hùng Vương	1,02
94.11	Đường Ngô Hữu Hạnh	Suốt tuyến		1,02
94.12	Đường Lý Tự Trọng	Suốt tuyến		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
94.13	Đường Võ Thị Sáu	Suốt tuyến		1,02
94.14	Khu dân cư vượt lũ Ngã Sáu - giai đoạn 1	Cả khu		1,02
		Các thửa đất tiếp giáp Khu dân cư vượt lũ Ngã Sáu - giai đoạn 1 (Không thuộc các lô nền Khu dân cư vượt lũ Ngã Sáu - giai đoạn 1)		1,02
94.15	Khu dân cư vượt lũ Ngã Sáu - giai đoạn 2	Cả khu		1,02
		Các thửa đất tiếp giáp Khu dân cư vượt lũ Ngã Sáu - giai đoạn 2 (Không thuộc các lô nền Khu dân cư vượt lũ Ngã Sáu - giai đoạn 2)		1,02
94.16	Khu dân cư - Thương mại Thiện Phúc (Gồm khu cũ và khu mới)	Cả khu (Không áp dụng đối với các lô nền mặt tiền Đường Hùng Vương)		1,02
94.17	Khu tái định cư và dân cư thị trấn Ngã Sáu	Cả khu		1,02
94.18	Khu tái định cư Ngã Sáu - giai đoạn 2	Đường Võ Thị Sáu (Suốt tuyến) - Đường hiện hữu có lộ giới 14 mét; Đường số 9 có lộ giới 22 mét		1,02
		Đường số 22 có lộ giới 19 mét		1,02
		Đường số 1, Đường số 2, Đường số 3 có lộ giới 13 mét		1,02
		Các thửa đất tiếp giáp Khu tái định cư Ngã Sáu - giai đoạn 2 (Không thuộc các lô nền Khu tái định cư Ngã Sáu - giai đoạn 2)		1,02
94.19	Khu tái định cư Ngã Sáu phục vụ Dự án xây dựng công trình Đường bộ cao tốc Bắc - Nam	Đường Võ Thị Sáu (Suốt tuyến) - Đường hiện hữu có lộ giới 14 mét		1,02
		Đường số 22 có lộ giới 19 mét; Đường Lý Tự Trọng có lộ giới 19 mét		1,02
		Đường số 1, Đường số 2, Đường số 4, Đường số 5 có lộ giới 13 mét		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
94.19	Khu tái định cư Ngã Sáu phục vụ Dự án xây dựng công trình Đường bộ cao tốc Bắc - Nam	Các thửa đất tiếp giáp Khu tái định cư Ngã Sáu phục vụ Dự án xây dựng công trình Đường bộ cao tốc Bắc Nam (Không thuộc các lô nền Khu tái định cư Ngã Sáu - giai đoạn 2)		1,02
94.20	Khu Trung tâm Thương mại Ngã Sáu	Cả khu		1,02
94.21	Đường về xã Phú An (Cũ)	Cầu Cơ Ba (Cầu Bảy Mộc cũ)	Giáp ranh xã Đông Phước	1,02
94.22	Đường về xã Đông Phú	Cầu Cơ Ba (Cầu Bảy Mộc cũ)	Khu tái định cư phục vụ Khu Công nghiệp Sông Hậu - giai đoạn 1	1,02
94.23	Đường ra Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu) (Chỉ áp dụng cho lộ đal)	Cầu Bảy Ca	Cầu Cái Dầu	1,02
94.24	Lộ Cái Chanh - Phú An - Đông Phú	Giáp ranh xã Đông Phước	Cầu Cái Cui Bé	1,02
94.25	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	Cầu Cái Cui	Cầu Cái Côn	1,02
94.26	Đường nối Ngã Sáu đến Nam Sông Hậu (Đối với các vị trí đã Hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng)	Cầu Cơ Ba (Cầu Bảy Mộc cũ)	Cầu Phú Hưng	1,2
94.27	Khu tái định cư phục vụ Khu Công nghiệp Sông Hậu - giai đoạn 1 (Đợt 1, đợt 2 và đợt 3)	Các nền tiếp giáp mặt tiền Đường số 2 (Song song với Đường Nam Sông Hậu)		1,02
		Các lô nền còn lại		1,02
94.28	Khu tái định cư Đông Phú phục vụ Khu Công nghiệp Sông Hậu	Đường số 3, lộ giới 32 mét (Từ nền 1 - 3 của lô N1; Từ nền 1 - 3 của lô N2)		1,02
		Đường N1, lộ giới 24 mét (Từ nền số 4 - 21 của lô N1; Từ nền số 4 - 20 của lô N2), đường N2, N3 lộ giới 15 mét (Từ nền số 1 - 58 của lô N3; Từ nền số 1 - 58 của lô N4), đường D2 lộ giới 15 mét (Từ nền số 1 - 6 của lô N5)		1,02
		Đường N2, N3, D3, D4, D5, lộ giới 15 mét (Từ nền số 59 - 163 của lô N3; Từ nền số 59 - 165 của lô N4)		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
94.29	Khu tái định cư phục vụ Khu Công nghiệp Sông Hậu đợt 2 - giai đoạn 1, huyện Châu Thành (do Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh làm chủ đầu tư)	Đường số 5, gồm các lô nền: A1, A2 và A3 (Từ nền số 01 đến nền số 29)		1,02
		Đường số 4: gồm các lô nền A3 (Từ nền số 30 đến nền số 66) và A4		1,02
94.30	Đường tỉnh 927C	Giáp ranh xã Phú Hữu	Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)	1,02
94.31	Khu dân cư Thương mại, dịch vụ Mái Dầm	Thửa mặt tiền Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu)		1,02
		Cả khu (Trừ thửa đất tiếp giáp Quốc lộ 91B (Đường Nam Sông Hậu))		1,02
94.32	Khu tái định cư cho Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 2	Đường số 2, 3, 4, 5, 6 có lộ giới 16 mét (4 - 8 - 4)		1,02
		Đường số 7, 8 có lộ giới 15 mét (4 - 7 - 4)		1,02
		Đường số 9, 10, 11, 12, 13 có lộ giới 14 mét (4 - 6 - 4)		1,02
94.33	Trung tâm thương mại và Khu dân cư Thương mại thị trấn Mái Dầm	Cả khu (Trừ các lô giáp Đường Nam Sông Hậu và Đường tỉnh 925)		1,02
94.34	Khu tái định cư thị trấn Mái Dầm	Đường số 1 lộ giới 26 mét (4,5 - 17 - 4,5); Đường D5 lộ giới 24 mét (4 - 14 - 4)		1,02
		Đường số 2A, 3, 6, 8, 9A, D7 lộ giới 16 mét (4 - 8 - 4); Đường số 10 lộ giới 16 mét (4 - 8 - 4) và lộ giới 21 mét (5 - 11 - 5)		1,02
		Đường N1, N2, N3, N4, N5, D1, D2, D3, D4, D6, D8 lộ giới 15 mét (4 - 7 - 4)		1,02
94.35	Đường tỉnh 925	Cầu Thông Thuyền	Bến khách ngang sông Mái Dầm	1,02
94.36	Khu dân cư vượt lũ thị trấn Mái Dầm	Cả khu (Không áp dụng đối với các lô nền mặt tiền Đường tỉnh 925)		1,02
		Các thửa đất tiếp giáp Khu dân cư vượt lũ thị trấn Mái Dầm (Không thuộc các lô nền Khu dân cư vượt lũ thị trấn Mái Dầm)		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
94.37	Đường cặp sông Cái Dầu, Cái Muồng (Phía chợ Ngã Sáu)	Mốc 1,5 km	Cầu Cái Dầu	1,02
95	**Xã Đông Phước**			
95.1	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Thạnh Xuân (Cầu Rạch Vong)	Cầu Đất Sét	1,02
95.2	Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1A)	Cầu Đất Sét	Hết Nhà thờ Cái Tắc	1,02
		Hết Nhà thờ Cái Tắc	Giáp ranh xã Thạnh Hòa	1,02
95.3	Đường Lê Văn Nhung (Quốc lộ 1A cũ)	Đường Nguyễn Tri Phương (Quốc lộ 61)	Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1A)	1,02
95.4	Đường Nguyễn Tri Phương (Quốc lộ 61)	Ngã ba Cái Tắc (Quốc lộ 1A)	Cầu Cái Tắc	1,02
95.5	Đường tỉnh 925 (cũ) và Đường tỉnh 925 (mới)	Giáp ranh xã Thạnh Xuân	Cầu Cái Chanh và giáp ranh phường Cái Răng	1,02
		Cầu Cái Chanh (mới) và Cầu Cái Chanh (cũ)	Giáp ranh xã Châu Thành	1,02
		Trường Mẫu giáo Họa Mi	Đường tỉnh 925 (Giáp ranh Trụ sở UBND xã Đông Phước A cũ)	1,02
95.6	Đường Nguyễn Văn Quang (Đường ô tô về Trung tâm xã Tân Phú Thạnh)	Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1A)	Cầu Ba Láng	1,02
95.7	Đường Đỗ Trạng Văn	Đường Nguyễn Tri Phương (Quốc lộ 61)	Cầu Mới (Đường Chùa Khmer)	1,02
95.8	Đường Đoàn Văn Chia (Đường nội bộ Chợ Cái tắc)	Bưu điện thị trấn Cái Tắc	Cầu Tàu	1,02
95.9	Đường nội bộ Chợ Cái Tắc	Các đoạn còn lại trong Chợ Cái Tắc		1,02
95.10	Đường Chùa Khmer	Đường Nguyễn Tri Phương (Quốc lộ 61)	Cống Cả Bảo	1,02
95.11	Đường cặp sông Cái Chanh	Đường tỉnh 925 (cũ)	Cầu Cái Chanh (mới)	1,02
95.12	Đường về xã Đông Phước (Đường huyện 35)	Cầu Cái Chanh (cũ)	Đường dẫn Cầu Ông Hoạch	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
95.13	Lộ Cái Chanh - Phú An - Đông Phú	Đường tỉnh 925	Giáp ranh xã Châu Thành	1,02
95.14	Đường dẫn cầu Ông Hoạch	Đường về xã Đông Phước	Trụ sở UBND xã Đông Phước	1,02
95.15	Đường ô tô về Trung tâm xã Đông Phước A	Đường tỉnh 925	Trường Mẫu giáo Họa Mi	1,02
		Trường Mẫu giáo Họa Mi	Giáp ranh xã Thạnh Hòa	1,02
95.16	Tuyến cặp sông Ba Láng (Hướng về Đường Hùng Vương)	Cầu Đất Sét (Giáp ranh xã Tân Phú Thạnh)	Đường Hùng Vương	1,02
95.17	Khu dân cư Cái Tắc (Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Vạn Phát đầu tư)	Cả khu		1,2
95.18	Khu dân cư ấp Tân Phú A, thị trấn Cái Tắc (Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Bảo Trân đầu tư)	Cả khu		1,02
95.19	Khu nhà ở kết hợp với Thương mại dịch vụ tại thị trấn Cái Tắc	Cả khu (Trừ thửa đất tiếp giáp Quốc lộ 1A)		1,2
95.20	Đường dẫn đi vào Trường Tiểu học thị trấn Cái Tắc (cũ)	Suốt tuyến		1,02
95.21	Tuyến Đường cặp sông Ba Láng	Cầu Móng	Cống Cả Bảo	1,02
95.22	Tuyến Đường cặp sông Cái Răng (hiện trạng lộ 3,5 mét)	Rạch Bà Nhen	Rạch Chùa	1,02
95.23	Đường vào Khu tập thể Cầu Đường	Suốt tuyến		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
96	**Xã Phú Hữu**			
96.1	Đường tỉnh 925	Cổng chào Phú Hữu	Cầu Thông Thuyền	1,02
96.2	Đường tỉnh 925B	Cầu Tràm Bông	Giáp ranh xã Thạnh Hòa	1,02
96.3	Đường tỉnh 927C	Giáp ranh phường Đại Thành	Giáp ranh xã Châu Thành	1,02
96.4	Đường ô tô về Trung tâm xã Phú Hữu	Đường tỉnh 925	Đường tỉnh 927C	1,12
96.5	Đường Ngã tư Đông Sơn - Bưng Cây Sắn	Cầu BOT Đông Phước	Cầu Kênh thủy lợi Phú Tân (cũ)	1,08
96.6	Tuyến Đường bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai và xây dựng tuyến Đê bao bờ Nam sông Mái Dầm, huyện Châu Thành	Giáp ranh xã Thạnh Hòa	Đường ô tô về Trung tâm xã Phú Hữu	1,08
96.7	Khu dân cư vượt lũ xã Đông Phước (cũ)	Các lô nền mặt tiền Đường tỉnh 925B		1,02
		Các lô nền còn lại		1,02
96.8	Cụm dân cư vượt lũ xã Phú Hữu	Các lô nền mặt tiền Đường tỉnh 927C		1,02
		Các lô nền còn lại		1,02
96.9	Đường Căn cứ liên Tỉnh ủy	Cầu BOT Phú Hữu	Cầu Chữ Y Vàm Đường Gỗ	1,02
96.10	Các tuyến Đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã	Suốt tuyến		1,02
97	**Xã Tân Bình**			
97.1	Quốc lộ 61	Cầu Ba Láng	Hết ranh Xí nghiệp nước đá	1,02
		Giáp ranh Xí nghiệp nước đá	Hết ranh Cây xăng Hòa Hà	1,02
		Giáp ranh Cây xăng Hòa Hà	Cống Tám An	1,02
		Cống Tám An	Hết ranh Cây xăng Hồng Quân	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
97.1	Quốc lộ 61	Giáp ranh Cây xăng Hồng Quân	Bến xe Kinh Cùng	1,02
		Bến xe Kinh Cùng	Giáp ranh xã Hòa An	1,02
97.2	Đường tỉnh 929 (cũ)	Cầu Tân Hiệp	Giáp ranh xã Tân Hòa	1,02
97.3	Đường tỉnh 929	Quốc lộ 61	Kênh Đường Láng	1,02
		Kênh Đường Láng	Giáp ranh xã Tân Hòa	1,02
97.4	Đường ô tô về Trung tâm xã Bình Thành (Đường tỉnh 925B)	Quốc lộ 61	Cầu Hai Hòe	1,02
		Cầu Hai Hòe	Cầu Bình Thành	1,02
97.5	Đường vào Khu dân cư vượt lũ Cầu Xáng, Tân Bình	Quốc lộ 61	Giáp ranh Khu dân cư vượt lũ Cầu Xáng	1,02
		Các đường nội bộ		1,02
97.6	Chợ Rạch Gòi	Quốc lộ 61	Cầu sắt cũ Rạch Gòi	1,02
		Cầu Ba Láng	Cầu sắt cũ Rạch Gòi	1,02
97.7	Khu tái định cư xã Bình Thành phục vụ dự án xây dựng công trình Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025	Đường ô tô về Trung tâm xã Bình Thành (Đoạn từ kênh Hai Hòe đến UBND xã Bình Thành); Đường tỉnh 925B dự kiến có lộ giới 18 mét (5 - 8 - 5)		1,02
		Đường D1, D2 có cùng lộ giới 14 mét (3,5 - 7 - 3,5)		1,02
		Đường N1, N2 có cùng lộ giới 13 mét (3,5 - 6 - 3,5)		1,02
98	**Xã Hòa An**			
98.1	Quốc lộ 61	Cây xăng Mỹ Tân	Hết kho vũ khí Quân sự	1,02
		Hết kho vũ khí quân sự	Giáp ranh phường Long Bình (Cầu Xẻo Trâm)	1,2
98.2	Đường Võ Văn Kiệt (Quốc lộ 61)	Giáp ranh xã Tân Bình	Hết Cây xăng Mỹ Tân	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
98.3	Đường tỉnh 927	Giáp ranh xã Hiệp Hưng (Cầu Xáng Bộ)	Cầu Rạch Cửu	1,02
98.4	Đường tỉnh 927B (Đường tỉnh 927 cũ)	Giáp ranh phường Phương Bình (Cầu Xẻo Sành)	Quốc lộ 61	1,02
98.5	Đường 26 Tháng 3 (Đường ô tô Kinh Cùng - Phương Phú)	Quốc lộ 61	Cầu Kênh Bảy Chồn	1,02
98.6	Đường ô tô Kinh Cùng - Phương Phú	Cầu Kênh Bảy Chồn	Đường tỉnh 927	1,02
98.7	Tuyến Kênh Nhà Nước	Kênh Tổng Năng	Giáp ranh xã Phương Bình	1,02
98.8	Đường vào Kênh Tám Ngàn cụt	Đường Võ Văn Kiệt (Quốc lộ 61)	Cầu Kênh Tám Ngàn cụt	1,02
98.9	Đường Nguyễn Thị Thơ	Đường Võ Văn Kiệt (Quốc lộ 61)	Cầu sắt Chợ Hồng Phát	1,02
98.10	Đường Nguyễn Thị Bông	Đường Võ Văn Kiệt (Quốc lộ 61)	Cầu bê tông Chợ Hồng Phát	1,02
98.11	Đường Lâm Thị Sáu	Đường Võ Văn Kiệt (Quốc lộ 61)	Giáp Kênh Năm Phú	1,02
98.12	Tuyến Đường Lâm Thị Hai	Giáp ranh xã Phụng Hiệp	Đường Kinh Cùng - Phương Phú	1,02
98.13	Đường vào bãi rác Hòa An	Đường tỉnh 927B (Đường tỉnh 927 cũ)	Bãi rác Hòa An	1,08
98.14	Khu dân cư và Trung tâm Thương mại Hồng Phát tại thị trấn Kinh Cùng	Đường số 29 (Từ cầu Xáng Thổi đến đường dự mở số 1)		1,02
		Đường số 25 (Từ Đường số 29 đến Đường số 4)		1,02
		Đường số 2 (Từ Đường số 29 đến Đường số 4)		1,02
		Đường số 3 (Từ Đường số 29 đến Đường số 6)		1,02
		Đường số 4 (Từ Đường số 2 đến Đường số 25)		1,02
		Đường số 5 (Từ Đường số 2 đến Đường số 25)		1,02
		Đường số 6 (Từ Đường số 2 đến Đường số 25)		1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
98.15	Khu dân cư - Tái định cư Kênh Tám Ngàn, thị trấn Kinh Cùng, huyện Phụng Hiệp	Cả khu		1,02
98.16	Chợ Kinh Cùng (Chợ thị trấn Kinh Cùng)	Cả khu		1,02
99	**Xã Phương Bình**			
99.1	Đường tỉnh 928B	Giáp ranh xã Tân Phước Hưng (Cầu Ranh Án)	Hết ranh Trường Tiểu học Phương Phú 1	1,08
		Giáp ranh Trường Tiểu học Phương Phú 1	Hết ranh Trung tâm Văn hóa Thể thao xã Phương Phú (cũ)	1,08
		Giáp ranh Trung Tâm Văn hóa Thể thao xã Phương Phú (cũ)	Giáp ranh phường Long Phú 1 (Cầu Xẻo Xu)	1,08
99.2	Đường tỉnh 927	Giáp ranh xã Hòa An (Cầu Rạch Cửu)	Cầu Ông Cò	1,02
		Cầu Ông Cò	Cầu Cả Cường	1,02
		Cầu Cả Cường	Cầu Kênh Bà Bái	1,02
		Cầu Kênh Bà Bái	Giáp ranh xã Hòa An (Cầu Xẻo Sành)	1,02
		Kênh Bà Bái	Kênh Xẻo Cao	1,02
99.3	Đường tỉnh 926B	Giáp ranh xã Hòa An (Cầu rạch cũ)	Giáp ranh phường Long Phú 1	1,02
99.4	Đường ô tô Kinh Cùng - Phương Phú	Cầu Lâm Trường Phương Ninh	Giáp ranh Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng (Hết ranh đất Hai Vính)	1,08
99.5	Đường cặp Kênh Đức Bà	Cầu Đức Bà	Hết Nhà thờ Đức Bà	1,02
99.6	Đường cặp Kênh Xáng Lái Hiếu	Cầu Kênh Cây Mướp	Cầu Kênh Tư So	1,02
		Đường dẫn lên Cầu Cái Sơn	Cầu Kênh Giải Phóng	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
99.6	Đường cặp Kênh Xáng Lái Hiếu	Cầu Kênh Giải Phóng	Kênh Lái Hiếu nhỏ (Giáp ranh phường Long Mỹ)	1,02
99.7	Đường dẫn Cầu Cái Sơn (Hai bên cầu)	Đường tỉnh 927	Đường cặp Kênh Xáng Lái Hiếu	1,08
99.8	Tuyến Kênh Nhà Nước	Cầu Cái Sơn (Giáp ranh đất Đỗ Thanh Bình)	Giáp ranh xã Hòa An (Cầu Kênh Bờ Chuối)	1,02
99.9	Chợ Cái Sơn	Đường cặp Kênh Tư So		1,02
		Các tuyến đường nội bộ chợ		1,02
99.10	Khu tái định cư Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng	Đường số 1, lộ giới 21 mét (5,5 - 10 - 5,5)		1,02
		Đường số 2, 3, 4, 5, 6, 7, lộ giới 11,5 mét (3,0 - 5,5 - 3,0)		1,02
99.11	Chợ Phương Phú	Các tuyến đường nội bộ chợ		1,12
100	**Xã Tân Phước Hưng**			
100.1	Đường Quản lộ - Phụng Hiệp	Giáp ranh phường Ngã Bảy (Cầu Hai Dưỡng)	Kênh Cây Mận	1,08
		Kênh Cây Mận	Giáp ranh xã Long Hưng	1,08
100.2	Đường ô tô về xã Tân Phước Hưng (Đường tỉnh 928B)	Giáp ranh phường Ngã Bảy (Cầu Mười Lê)	Đường tỉnh 928	1,02
100.3	Đường tỉnh 928B	Đường tỉnh 928	Giáp ranh xã Phương Bình	1,08
100.4	Đường tỉnh 928	Giáp rang đất Trụ sở Công an xã	Giáp ranh xã Hiệp Hưng	1,02
100.5	Đường Chợ Búng Tàu	Giáp ranh móng Cầu cũ Búng Tàu	Giáp ranh đất Nhị Tỳ (Đường cặp Kênh Xáng Búng Tàu)	1,02
		Giáp chân móng Cầu cũ Búng Tàu (Nhà anh Tiên)	Hết ranh đất Nhà anh Nguyễn Văn Mỹ	1,02
		Giáp ranh móng Cầu cũ Búng Tàu	Cầu mới Mười Biếu (Đường cặp Kênh Ngang)	1,02
100.6	Hai đường song song sau Nhà lồng Chợ Búng Tàu	Ranh nhà lồng chợ	Ranh đất Hai Thành	1,23
101	**Xã Hiệp Hưng**			
101.1	Đường tỉnh 927	Cầu Sậy Niếu	Cầu Kênh Tây	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
101.1	Đường tỉnh 927	Cầu Kênh 82	Giáp ranh xã Hòa An (Cầu Xáng Bộ)	1,02
101.2	Đường 30 Tháng 4 (Đường tỉnh 927 cũ)	Cầu Kênh Tây	Đường 26 Tháng 3	1,02
		Đường 26 Tháng 3	Cầu vượt Cây Dương (Đường 3 Tháng 2)	1,02
		Cầu vượt Cây Dương	Đường Đoàn Văn Chia	1,02
		Đường số 5 (Đường Nguyễn Thị Điền)	Đường Hùng Vương (Đường Lê Thị Tư)	1,02
		Đường Hùng Vương (Đường Lê Thị Tư)	Cầu Kênh T82	1,02
101.3	Đường tỉnh 928	Kênh Châu Bộ	Giáp ranh xã Tân Phước Hưng	1,02
101.4	Đường Đoàn Văn Chia (Đường tỉnh 928)	Đường 30 Tháng 4 (Đường tỉnh 927 cũ)	Đường Võ Thị Tẩu	1,02
		Đường Võ Thị Tẩu	Kênh Trường học	1,02
101.5	Đường 3 Tháng 2	Đường Nguyễn Văn Nết	Cầu Lái Hiếu (Cầu vượt Cây Dương)	1,02
		Đường 30 Tháng 4 (Đường tỉnh 927 cũ)	Đường Võ Thị Tẩu	1,02
101.6	Đường Nguyễn Thị Phấn (Đường số 3)	Đường 30 Tháng 4 (Đường tỉnh 927 cũ)	Đường số 1	1,2
101.7	Đường Trần Văn Sơn (Đường số 19)	Đường 30 Tháng 4 (Đường tỉnh 927 cũ)	Đường Võ Thị Tẩu	1,02
101.8	Đường Nguyễn Văn Quang (Đường số 17)	Đường 30 Tháng 4 (Đường tỉnh 927 cũ)	Đường Võ Thị Tẩu	1,02
		Đường Võ Thị Tẩu	Đường số 20	1,02
101.9	Đường Nguyễn Minh Quang	Đường 30 Tháng 4 (Đường tỉnh 927 cũ)	Đường số 1	1,2

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
101.10	Đường Nguyễn Văn Nết (Đường số 9)	Kênh Lái Hiếu	Đường vào Khu tái định cư Cây Dương phục vụ Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng Đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1	1,02
		Đường vào Khu tái định cư Cây Dương phục vụ Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng Đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1	Cầu Kênh Châu Bộ	1,02
101.11	Đường Triệu Vĩnh Tường (Đường số 30)	Đường 3 Tháng 2	Đường số 22	1,02
101.12	Đường Hùng Vương (Đường số 31)	Đường 30 Tháng 4 (Trụ sở Công an xã)	Đường 3 Tháng 2	1,02
		Đường 3 Tháng 2	Đường Đoàn Văn Chia	1,02
		Đường Nguyễn Thị Điền	Đường 30 Tháng 4	1,02
101.13	Đường Võ Thị Tẩu	Đường Đoàn Văn Chia	Đường số 22	1,02
101.14	Đường Trương Thị Hoa	Đường Võ Thị Tẩu	Đường số 20	1,02
101.15	Khu dân cư vượt lũ thị trấn Cây Dương	Đường 30 Tháng 4	Hết ranh Khu dân cư	1,02
		Các đường nội bộ		1,02
101.16	Đường vào khu Bờ Tràm	Ranh Khu dân cư vượt lũ Cây Dương	Lộ Kênh Bờ Tràm	1,02
101.17	Đường Nguyễn Thị Ba	Cầu Ranh Án	Cầu Kênh Bùi Kiệm	1,02
101.18	Đường ô tô về xã Hiệp Hưng	Đường tỉnh 928	Cầu Mười Hùng	1,02
101.19	Đường số 22	Đường Võ Thị Tẩu	Đường Hùng Vương	1,02
101.20	Đường số 20	Đường Trương Thị Hoa	Đường Nguyễn Văn Quang	1,02
101.21	Đường số 23	Đường Trương Thị Hoa	Đường Nguyễn Văn Quang	1,02
101.22	Đường số 25	Đường Trương Thị Hoa	Đường Nguyễn Văn Quang	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
101.23	Đường Lê Thị Bông	Đường Trương Thị Hoa	Đường Nguyễn Văn Quang	1,02
101.24	Đường Nguyễn Văn Thép	Đường Trương Thị Hoa	Đường Nguyễn Văn Quang	1,2
101.25	Đường Phạm Thị Dần (Đường D1 (Khu dân cư thương mại thị trấn Cây Dương))	Đường 3 Tháng 2	Đường Đoàn Văn Chia	1,02
101.26	Đường Lê Thị Nương (Đường D2 (Khu dân cư thương mại thị trấn Cây Dương))	Đường 3 Tháng 2	Đường Đoàn Văn Chia	1,02
101.27	Đường Bùi Thị Chăm (Đường D3 (Khu dân cư thương mại thị trấn Cây Dương))	Đường 3 Tháng 2	Đường Đoàn Văn Chia	1,02
101.28	Đường Lê Thị Cảnh (Đường D4 (Khu dân cư thương mại thị trấn Cây Dương))	Đường D3	Đường 3 Tháng 2	1,02
101.29	Đường Nguyễn Thị Hóa (Đường số 10 (Khu dân cư thương mại thị trấn Cây Dương))	Đường D3	Đường 3 Tháng 2	1,02
101.30	Đường số 1	Đường Nguyễn Thị Điền (Đường số 5)	Đường Lê Thị Tư (Đường số 6)	1,2
101.31	Đường Nguyễn Thị Điền (Đường số 5)	Đường 30 Tháng 4	Hết đường nhựa	1,2
101.32	Đường Lê Thị Tư (Đường số 6)	Đường Hùng Vương	Đường số 1	1,2
101.33	Đường số 3 Khu dân cư Phụng Hiệp	Đường số 22	Đường số 4	1,02
101.34	Đường số 4 Khu dân cư Phụng Hiệp	Đường số 5 dự mở	Hết lộ nhựa	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
101.35	Khu tái định cư tại thị trấn Cây Dương	Đường số 12 (25 mét)		1,02
		Đường số 10 (17 mét)		1,02
		Đường số 23 (17 mét)		1,02
		Đường số 25 (17 mét)		1,02
		Đường Lê Thị Bông (Đường số 27 (17 mét))		1,02
101.36	Khu tái định cư Cây Dương phục vụ Dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng Đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1	Đường số 1 (Lộ giới 18 mét)		1,02
		Đường số 2 (Lộ giới 15 mét)		1,02
		Đường số 3 (Lộ giới 14 mét)		1,02
		Đường số 4 (Lộ giới 14 mét)		1,02
		Đường số 5 (Lộ giới 14 mét)		1,02
		Đường số 6 (Lộ giới 14 mét)		1,02
		Đường số 7 (Lộ giới 14 mét)		1,02
102	**Xã Phụng Hiệp**			
102.1	Đường tỉnh 927	Cầu Sậy Niếu	Cầu Đất Sét	1,02
102.2	Đường tỉnh 928	Giáp ranh xã Thạnh Hòa	Cầu Cây Dương (Ngã tư Máy Cháy)	1,02
		Cầu Cây Dương (Ngã tư Máy Cháy)	Cầu La Bách	1,02
		Cầu La Bách	Đường ô tô về Trung tâm xã Hòa Mỹ	1,02
		Đường ô tô về Trung tâm xã Hòa Mỹ	Giáp ranh xã Hiệp Hưng (cầu Trường học)	1,02
102.3	Đường ô tô về Trung tâm xã Hòa Mỹ	Đường tỉnh 928	Cầu Kênh Tây (Họa Đồ)	1,02
102.4	Đường về Trung tâm xã Phụng Hiệp	Cầu Kênh Tây (Họa Đồ)	Cầu Ngã tư Đất Sét	1,02
		Cầu ngã tư Đất Sét	Giáp ranh phường Ngã Bảy (Cầu UBND phường Lái Hiếu)	1,02
		Đường tỉnh 927 (Cầu Sậy Niếu)	Giáp ranh Lộ Xẻo Môn	1,02
102.5	Chợ Hòa Mỹ	Đường tỉnh 928	Các đường nội ô chợ	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
103	**Xã Thạnh Hòa**			
103.1	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Đông Phước	Cầu Nàng Mau (Cầu Trắng Lớn)	1,02
		Cầu Nàng Mau (Cầu Trắng Lớn)	Giáp ranh phường Đại Thành	1,02
103.2	Quốc lộ 61	Cầu Cái Tắc	Cống Mâm Thao	1,02
		Cống Mâm Thao	Đường rẽ vào Đường tỉnh 928	1,02
		Đường rẽ vào Đường tỉnh 928	Cầu Ba Láng	1,02
103.3	Đường tỉnh 925B	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Phú Hữu	1,02
103.4	Đường tỉnh 928	Cầu Ba Láng	Kênh Mụ Thể	1,02
		Kênh Mụ Thể	Cầu Cây	1,02
		Cầu Cây	Giáp ranh xã Phụng Hiệp	1,02
103.5	Đường tránh Đường tỉnh 928	Quốc lộ 61	Đường tỉnh 928	1,02
103.6	Đường vào Khu tái định cư xã Long Thạnh (Dự án Quốc lộ 1A giai đoạn 2) ấp Trường Khánh 1	Quốc lộ 1A	Khu tái định cư xã Thạnh Hòa (Dự án Quốc lộ 1A giai đoạn 1) ấp Trường Khánh 1	1,02
103.7	Khu tái định cư xã Long Thạnh (Dự án Quốc lộ 1A giai đoạn 1) ấp Trường Khánh 1	Các đường nội bộ		1,02
103.8	Đường song song Quốc lộ 1A (Không áp dụng đối với các thửa đất mặt tiền Quốc lộ 1A)	Cầu Cái Đinh	Giáp ranh xã Đông Phước	1,02
103.9	Đường ô tô về Trung tâm xã Thạnh Hòa (Ấp Trường Khánh 1)	Quốc lộ 1A	Hết ranh Trụ sở UBND xã Thạnh Hòa	1,02
		Giáp ranh Trụ sở UBND xã Thạnh Hòa	Ngã tư Vàm Xẻo Đon	1,02
103.10	Đường về xã Thạnh Hòa (Đường cũ)	Quốc lộ 1A	Đường về xã Thạnh Hòa	1,02

Đơn vị tính: lần

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		K_1 theo từng vị trí trong bảng giá đất
		Từ	Đến	
103.11	Đường đi xã Đông Phước	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Đông Phước	1,02
103.12	Đường về Cầu Nhị Hồng	Kênh mương lộ Quốc lộ 1A	Đầu Cầu Nhị Hồng	1,02
103.13	Đường đi Phố 10 căn	Cầu Bà Triệu	Cầu Xáng Bộ	1,02
103.14	Đường Tha La	Quốc lộ 61	Cầu Sơn Đài	1,04
		Cầu Sơn Đài	Cầu Tha La	1,04
103.15	Lộ Thanh Niên	Quốc lộ 61	Sông Tầm Vu	1,02
103.16	Lộ Rạch Chanh - Ranh Làng	Quốc lộ 61	Cầu Rạch Chanh	1,08
103.17	Đường dẫn vào Khu tái định cư Tân Long (Giai đoạn 1)	Quốc lộ 1A	Khu tái định cư Tân Long (Giai đoạn 1)	1,02
103.18	Khu tái định cư Tân Long (Giai đoạn 1)	Cả khu		1,02
103.19	Khu dân cư - Thương mại - Dịch vụ đa chức năng Minh Trí	Các tuyến đường nội bộ theo quy hoạch chi tiết xây dựng		1,02
103.20	Khu Thương mại Chợ Cầu Trắng	Đường số 1; Lộ giới 13 mét (3 - 7 - 3)		1,02
		Đường số 2, số 8 lộ giới 13 mét (3 - 7 - 3); Đường số 9; Lộ giới 12 mét (2 - 7 - 3)		1,02
		Đường số 3, số 4, số 6, số 7; Lộ giới 13 mét (3 - 7 - 3)		1,02
103.21	Khu tái định cư xã Tân Long (Sạt lở)	Đường nhựa đấu nối vào Đường tỉnh 925B		1,02
103.22	Chợ Thạnh Hòa	Các đường nội bộ trong chợ		1,02
103.23	Chợ Phú Khởi	Các đường nội bộ trong chợ		1,02
103.24	Chợ Long Thạnh	Quốc lộ 1A	Cầu qua Trường Trung học cơ sở Long Thạnh	1,02
		Các đường nội ô trong chợ		1,02
103.25	Chợ Tân Long (cũ)	Cả khu		1,02